Nguyễn Trãi

TOÀN TẬP



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN



HOÀNG KHÔI
Biên dịch

NGUYỄN TRÃI TOÀN TẬP

(ỨC TRAI THI TẬP)

TẬP THƯỢNG

(Quyển 1, 2, 3)

Phiên dịch theo
PHÚC KHÊ NGUYÊN BẢN
TỰ ĐỨC MẬU THÌN THU

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong lịch sử dân tộc và trong văn học, Nguyễn Trãi (1380 - 1442) có một vị trí đặc biệt. Nguyễn Trãi không chỉ là nhà chính trị lỗi lạc, nhà chiến lược quân sự, mà ở bất kỳ lĩnh vực nào như văn học, văn hóa, triết học, địa lí v.v... Ông cũng là cây đại thụ rợp bóng cho muôn thuở. Chính vì lẽ đó mà những tác phẩm ông còn lại cho hậu thế đều hết sức có giá trị cho đất nước. ***Phan Huy Chú****, trong* ***Lịch triều hiến chương loại chí****, viết: "Văn chương [của Nguyễn Trãi] là văn chương mưu lược gắn liền với sự nghiệp kinh bang tế thế".* ***Phạm Văn Đồng*** *cũng viết: "Nguyễn Trãi, người anh hùng dân tộc, văn võ song toàn (...). Văn và võ đều là vũ khí, mạnh như vũ bão, sắc như gươm dao".*

Thơ văn của Nguyễn Trãi được viết cả bằng chữ hán và chữ nôm, nhiều thể loại. Có thể tạm kể ra: ***Ức trai thi tập, Quốc âm thi tập, Bình ngô đại cáo, Quân trung từ mệnh tập, Dư địa chí, Lam sơn thực lục, Ngọc đường di cảo, Luật thư, Thạch khánh đồ, Văn bia Vĩnh Lăng, Phú núi Chí Linh,*** *v.v... Sau thảm án (1442) và sau khi được vua Lê Thánh Tông xuống chiếu giải oan, toàn bộ văn thi phẩm của Nguyễn Trãi mới được truy tìm và ấn hành. Kể từ đó đến nay đã có nhiều bộ toàn tập Nguyễn Trãi. Đáng kể nhất là bộ Nguyễn Trãi toàn tập do Viện Sử học ấn hành từ 1968.*

Ức trai tập *mà độc giả có trong tay do Hoàng Khôi dịch, xuất bản năm 1971 tại Sài Gòn.* ***Bản dịch này dựa*** *vào bản* ***"Phúc Khê nguyên bản"*** *bằng chữ hán được ấn hành năm Tự Đức Mậu Thìn thứ 21 (1868) từ nguyên bản tìm thấy ở quê nhà Nguyễn Trãi: làng Nhị Khê huyện Thường Tín, Hà Đông; bản này do Dương Bá Cung biên tập, Nguyễn Đình bình duyệt, Ngô Thế Vinh khảo chính. Nguyên bản gồm 6 quyển, trong đó quyển 2 là* ***Phụ lục Nguyễn Phi Khanh thi văn. Phi Khanh*** *là thân sinh của Nguyễn Trãi, phần thơ và văn của ông cung cấp nhiều tư liệu cần thiết cho việc tìm hiểu về cuộc đời Nguyễn Trãi.*

Ức trai tập *tái bản lần này để nguyên như cũ thành 2 tập. Điều đáng quý là sách in lại toàn bộ vì ảnh chữ Hán được ấn hành từ thời Tự Đức (1868). Mỗi phần văn, các bài thơ đều có in chữ Hán nguyên bản, phiên âm và dịch nghĩa rất tiện lợi cho bạn đọc* ***biết*** *chữ Hán và không biết chữ Hán. Như đã nói, đọc* ***Ức trai tập*** *chúng ta còn tìm thấy ở đấy tư tưởng cao cả, lòng yêu nước sáng ngời, tính triết lí sâu sắc, sự độ lượng lớn lao của Nguyễn Trãi. Ta còn được cung cấp một tư liệu sử học chính xác, những hiểu biết về địa lí từ cái nhìn cách ta gần 600 năm.*

Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin *xin giới thiệu cùng bạn đọc Ức trai tập bản dịch tiếng việt nhằm đáp ứng yêu cầu tìm hiểu cuộc đời, sự nghiệp, văn nghiệp... của vị anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi. Mong được sự góp ý cho nhà xuất bản để sách ngày càng được tốt hơn.*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

Phàm Lệ

1.— Bộ «ỨC TRAI TẬP» này gồm có hai phần :

1) Phần in theo lối offset toàn bộ vi-ảnh chụp nguyên tác chữ Hán ấn hành đời Tự Đức Mậu Thìn thu, mệnh danh là «PHÚC KHÊ NGUYÊN BẢN».

2) Phần phiên âm và phiên dịch ra chữ quốc ngữ của dịch giả Hoàng Khôi. Vì lẽ vi ảnh phóng lớn đọc không được rõ nên trong phần này dịch giả đã sao-lục nguyên tác chữ Hán.

2.— «PHÚC KHÊ NGUYÊN BẢN» gồm phần đầu với các bài tựa và 6 quyển. Để tiện đối chiếu với bản phiên âm và bản dịch, chúng tôi dùng mẫu tự A để chỉ thị phần đầu và các mẫu tự từ B đến G để chỉ thị 6 quyển trong tập. Dưới các trang chúng tôi đánh số riêng để tiện tra cứu. Ví dụ như A-1a là phần đầu tờ 1 trang a, G-1b là quyển 6 tờ 1 trang b v.v...

3.— Chúng tôi chia bộ này làm hai tập :

— TẬP THƯỢNG gồm phần các bài tựa (A) quyển 1 (B) quyển 2 (C) và quyển 3 (D).

— TẬP HẠ gồm quyển 4 (E) quyển 5 (F) và 6 (G).

Lời nói đầu

Các vua triều Nguyễn đều hiếu học, đặc sắc là vua Tự Đức đã mệnh cho ông Phan Thanh Giản, soạn bộ KHÂM ĐỊNH VIỆT-SỬ THÔNG-GIÁM CƯƠNG-MỤC. ỨC TRAI TẬP là một sách đã được dùng làm sách tham khảo.

Nguyễn Trãi (1380-1442), hiệu Ức-Trai là người làng Nhị Khê, huyện Thượng Phúc, nay thuộc về phủ Thường-Tín, tỉnh Hà-Đông, con ông Bảng Nhãn, Nguyễn Phi Khanh, cháu ngoại ông Trần Nguyên Đán. Năm 21 tuổi thi đỗ Thái Học Sinh (Tiến Sĩ) triều nhà Hồ. Khi giặc Minh tới xâm lăng, diệt xong họ Hồ, thì bắt Nguyễn Phi Khanh, đem về Tàu. Trãi cùng một người em đi theo cha. Nhưng, sau cha bảo về mà lo việc phục thù, giúp nước. Ông về tìm vào Lam Sơn giúp Lê Lợi. Dẹp giặc xong, ông được thưởng công, phong tước. Khi 60 tuổi, (1439) về hưu, tại Côn Sơn, thuộc huyện Chí-Linh, tỉnh Hải Dương. Đến năm 63 tuổi, vì án Thị Lộ, ông phải tội, bị giết cùng cả họ.

Sách Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục có chép rõ cái án ấy : Tháng bảy năm Đại Bảo thứ ba (1442), vua Thái Tôn đi tuần thú về đông. Nguyễn-Trãi đón xa giá về nhà tại Côn-Sơn. Xưa, người thiếp Nguyễn-Trãi là Nguyễn thị Lộ, học giỏi, có sắc đẹp, được vua biết tiếng triệu vào triều, cho làm chức Lễ Nghi Học Sĩ. ngày đêm hầu cận, Khi xa giá rời Côn Sơn, về tới vườn Lệ Chi, huyện Gia Đình (này là huyện Gia Bình) thì vua mắc chứng sốt nặng. Thị Lộ hầu suốt đêm. Vua mất. Triều đình khép Thị Lộ vào tội *thí nghịch*. Hưu quan Nguyễn Trãi bị chu di cả họ.

Văn thơ Nguyễn Trãi rất nhiều, nhưng sau cái án đó bị thất lạc. Nay các tác phẩm còn truyền lại, đều được in trong bộ ỨC-TRAI TẬP, in năm Tự Đức thứ 21 theo nguyên bản tìm ra ở xã Nhị Khê, do Dương Bá Cung biên tập, Nguyễn Định bình duyệt, và Ngô Thế Vinh khảo chính. Bài tựa của Dương Bá Cung đề năm Tự Đức thứ 21 (1868). Bài tựa của Ngô Thế Vinh đề năm Minh-Mệnh thứ 6, (1825).

ỨC TRAI TẬP có 6 quyển. Ngoài giá trị về thơ văn, bộ này là một tập sử-liệu rất quan trọng, nhất là quyển thứ 4. Vì thế, cần phiên dịch, để người không chuyên về Hán văn đời sau được hiểu rõ sự tiến hóa của quốc-gia Việt-Nam.

Người dịch: HOÀNG-KHÔI

năm 1970



ỨC TRAI TẬP

序

大凡懷德抱才者，見於行為事業，發於言為文章，蓋天降用於是人，必全以予之也，觀諸古如伊尹之一德，太公之兵書，又非所謂文章也耶，我越丁李陳黎一代興王之君，必有一代興王之佐，求其全如抑齋先生邀然矣，且黎之興也難矣哉。胡氏失道，明以堂堂大國奄有其地兩世矣，苟非理明義正盡以折服其心，豈肯坐視退師降將空手以還我耶。惜乎有人如此而文章不能盡傳也。邑子嘉平楊尹手平日所集先生及先君子飛卿諸作并歷代封贈誥勅諸家譜誌評論示予。請為撰次評閱，及序詩文較越音文選稍備軍中詞命地興誌，史論。已見載其名目，顏曰抑齋遺集。蓋幸畧存，而惜其不備也。先生之學出於家庭，而精深空潤正大剛方乃其獨得固無心於文章而發之於言則英華雄不矯其著作，直摹做虞夏，其平生吟咏，窮而堅，老而壯，前輩稱不忘君親者，一一於集中見之，夫其晦有所養，顯有所用，藏焉足以相忘，行焉足以大得此豈剝竊陳迹而試其或成者哉。嗚呼宇宙莫大乎文章，非獨一家之言也。然經世之文每不多得，而可使之煙滅不傳乎天下淫書莫漆園若也。自以為不言之言而不見其可言。自以為無用之用而不見其可用，其襲諸人閒騈拇枝指而已矣。雖有蓬之心，猶不以彼易此。顧忍視其一行一止，一塞一起，孰謂仁人君子之意乎。榮自少得聞先生勳業之槃，

亦知樂而識之，及讀史每犁然神往，
輒恨不得見其全文，又竊嘆我交文章
之富而勘傳也，既而得詩數十首，賦
一則，然猶以不足爲恨，豈固所謂物
聚于、所好，而亦若是其難耶，甲午春
與同門楊嘉平遇楊先生邑產也，手
授是編，屬之以序每辭之。未幾，錢
之行因曰願公之世，毋俾湮晦，丙
申冬獲再遇，復出以眎其編次詳整
夢昔具見心力且曰吾將公諸世矣。
惟吾子毋違成言。夫如此文章而揚
能藏之，而今全得之，奮猶藍田拱
璧洞庭廣樂，夫豈人力也哉。鳴呼
先生公存乎濾傘，不待文而後傳。
文得乎性學，不待贊而後顯，然不
敢閱于一辭者，自以區區嚮往，匪
今伊昔，其未得之以爲恨，其既得
之以爲喜，榮雖陋，誠樂掛名其間
，少寫平日嘆慕之私爾，詩有之曰
，高山仰止，景行行止，吾於數君
子之後，不曰押齋先生其誰歟

後學陽亭吳世榮

明命六年丁酉春

拜書于竹堂



PHIÊN ÂM

TỰ

Đại phàm, hoài tài bão đức giả, kiến ư hành, vi sự nghiệp ; phát ư ngôn, vi văn chương. Cái, thiên giáng dụng ư thị nhân, tất toàn dĩ dữ chi dã. Quan chư cổ, như Y-Doãn chi nhất đức, Thái-Công chi binh-thư hựu phi sở vị văn-chương dã gia. Ngã Việt, Đinh, Lý, Trần, Lê nhất đại hưng vương chi quân, tất hữu nhất đại hưng vương chi tá, cầu kỳ toàn như Ức-Trai tiên-sinh mạc nhiên hỹ. Thả Lê chi hưng dã, nan hỹ tai. Hồ thị thất đạo, Minh dĩ đường đường đại quốc, yểm hữu kỳ địa lương thế hỹ, cầu phi lý minh, nghĩa chính, tận dĩ chiết phục kỳ tâm, khởi khẳng tọa thị thoái sư, hàng tướng, không thủ, dĩ hoàn ngã gia. Tích hồ, hữu nhân như thử, nhi văn-chương bất năng tận truyền dã. Ấp Tử, Gia Bình, Dương Doãn, thủ, bình nhật sở tập Tiên-Sinh cập tiên Quân Tử, Phi-Khanh chư tác, cập tịnh lịch đại phong tặng cáo sắc chư gia phả Chí Bình-Luận, thị dư, thỉnh vi soạn thứ, bình duyệt, cập tự thi văn giảo Việt âm văn tuyển sảo bí Quân-trung Từ mệnh, Địa-Dư Chí, Sử Luận, dĩ kiến tải kỳ danh mục nhan viết : Ức-Trai Di Tập. Cái hạnh lược tôn. Nhi tích kỳ bất bị dã.

Tiên-Sinh chi học, xuất ư gia-đình, nhi tinh thâm không khoát chính đại cương phương, nãi kỳ độc đắc. Cố vô tâm ư văn-chương, nhi phát chi ư ngôn, tắc anh hoa hùng bất kiều kỳ trước tác, trực mô phỏng Ngu Hạ. Kỳ bình sinh, ngâm vịnh, cùng nhi kiên, lão nhi tráng, tiền hối xưng, bất vong quân thân giả, nhất nhất ư tập trung kiến chi. Phù kỳ hối hữu sở dương, hiển hữu sở dụng, tàng yên túc dĩ tương vong, hành yên túc dĩ đại đắc, thử khởi phiếu thiết trần tích, nhi thí kỳ hoặc thành giả tai

Ô Hô, vũ trụ mạc đại hồ văn chương. Phi độc nhất gia chi ngôn giã. Nhiên kinh thế chi văn, mỗi bất đa đắc. Nhi khả sử chi yên diệt bất truyền hồ thiên hạ dâm thư mạc Tất Viên nhược dã. Tự dĩ vi bất ngôn chi ngôn nhi bất kiến kỳ khả ngôn. Tự dĩ vi vô dụng chi dụng nhi bất kiến kỳ khả dung. Kỳ tập chư nhân gian, biến mẫu chi chỉ nhi dĩ hỹ. Tuy hữu bồng chi tâm, do bất dĩ bỉ dịch thử. Cố nhẫn thị kỳ nhất hành, nhất chỉ, nhất tắc, nhất khởi thục vi nhân nhân, quân tử chi ý hồ.

Vinh, tự thiều, đắc văn Tiên Sinh huân nghiệp chi khái, diệc tri lạc nhi chí chi. Cập độc Sử, mỗi lê nhiên, thần vãng, triếp hận bất đắc kiến kỳ toàn văn. Hựu thiết thán, ngã giao văn-chương chi phú nhi khám truyền dã. Ký nhi đắc thi sổ thập thủ, phú nhất tắc. Nhiên do dĩ bất túc vi hận. Khởi cố sở vị, vật tụ vu sở hiếu, nhi diệc nhược thị kỳ nan gia.

Giáp ngọ xuân, dữ đồng môn, Dương Gia Bình ngộ Dương tiên sinh ấp sản dã. Thủ thụ thị biên, chúc chi dĩ tự mỗi từ chi. Vị kỷ, tiễn chi hành. Nhân viết : Nguyễn công chi thế, vô tỷ. yên hối. Bính thân đông, hoạch tái ngộ, phục xuất dĩ thị kỳ biên thứ, tường chỉnh xa tích, cụ kiến tâm lực. Thả viết : Ngô Tướng Công chư thế hỹ. Duy ngô tử vô vi thành ngôn. Phù như thử văn chương nhi Dương năng tàn chi, nhi kim toàn đắc chi. Thí do Lam điền củng bích, Động Đình quảng nhạc phù khởi nhân lực dã tai.

Ô hô, Tiên Sinh, công tồn hồ Lô, Tản, bất đãi văn nhi hậu truyền văn đắc hồ tính học, bất đãi tán nhị hậu hiền. Nhiên bất cảm khuyết vu nhất từ giả. Tự dĩ khu khu hướng vãng, phỉ kim y tích. Kỳ vị đắc chi, dĩ vi hận, kỳ ký đắc chi, dĩ vi hỹ.

Vinh, tuy lậu, thành lạc quải danh kỳ gian. Thiều tả bình nhật thán mộ chi tư nhĩ. Thi, hữu chi viết : Cao sơn ngưỡng chỉ, cảnh hành hành chỉ. Ngô ư sổ quân-tử chi hậu bất viết Ức-Trai tiên sinh, kỳ thùy dư?

Hậu học, DƯƠNG-ĐÌNH NGÔ-THẾ-VINH

Minh-Mệnh, lục niên Đinh dậu. Xuân

Bái thư vu Trúc-Đường

Bài Tựa

Phàm người đã có tài, có đức, thì động làm là nên sự nghiệp, động nói là thành văn chương. Giời khi đã chọn người để làm việc, là ban cho hoàn toàn, cứ xem như đời xưa, Y-Doãn có tiếng về đức, Thái-Công để lại Binh-Thư, đều là có cả văn chương.

Nước Việt ta, trải các triều đại Đinh, Lý, Trần, Lê, cứ một đời vua khai sáng là có một vị tướng khai sáng. Nhưng được hoàn toàn như Ức-Trai tiên sinh, thì hiếm lắm. Họ Hồ tiếm loạn, nhà Minh, đường đường một nước lớn, mà đi chiếm cứ nước ta đến hai đời. Ví như lý không sáng rõ, nghĩa không chính đáng, để khuất phục được nhân tâm, thì đâu có phải cứ ngồi yên, để chờ cho bên địch, tướng sĩ bó tay ra hàng, trả lại đất đai.

Tiếc rằng, người như thế, mà văn chương không truyền lại đời sau cho đầy đủ. Có người đồng huyện Gia-Bình là Dương Doãn Tử thu thập các biên tập của Nguyễn Trãi tiên sinh, của tiên phụ là Nguyễn Phi Khanh, cùng các bản cáo sắc phong tặng trải các triều vua, các bình luận trong gia phả nhiều nhà, tất cả đưa cho tôi, xin tôi duyệt và đề tựa vào văn thơ một số văn thơ, một số quân trung từ mệnh, địa dư chí, sử luận, mục lục đã xếp thứ tự sẵn, nhan đề là Ức-Trai Thi Tập. Thế là may, còn lại ít nhiều, chỉ tiếc là không được đủ cả.

Học của tiên sinh là học ở gia đình. Nhưng phần tinh vi, sâu sắc, bao quát đại thể, là ở mình. Chính vì thế, mà không để tâm đến văn chương, cứ nói ra là văn chương, thể thức y như thời cổ Bình sinh, ngâm vịnh, càng cùng càng thấy kiên, càng già càng thấy tráng. Các bậc tiền bối có bàn rằng, tiên sinh không bao giờ lãng quên hai chữ quân thân, mỗi bài là mỗi thấy.

Khi tiềm ẩn thì chăm nuôi, khi hiển hiện thì tác dụng. Ẩn thì như không thấy gì, làm thì thành công lớn. Vậy đâu có phải là lợi dụng vết trước, thi thố ra để cầu may, được thành công chăng.

Than ôi, trong giời đất, có gì lớn hơn văn chương, mà đâu có phải là riêng một loại văn chương nào. Tuy nhiên, loại văn kinh bang tế thế, thường không có nhiều, không nên để mặc cho tiêu diệt như loại dâm thư Tất-Viên (Trang Chu),

Tự cho là cái lời không nói ra, cho nên không thấy được lời đáng nói. Tự cho là cái dụng vô dụng cho nên không thấy được cái có thể dụng, phàm nhân gian đều quen như thế cả. Dù người tâm hay thay đổi, thì cũng không suy xét thay đổi, không nhận định hành vi, cử chỉ, thế nào là đức nhân, quân tử.

Vinh tôi, từ khi ít tuổi, được nghe đại khái huấn nghiệp tiên sinh, cũng biết vui mà ghi nhớ. Đến khi đọc Sử, thì kính cẩn, trầm ngâm, suy đoán, thường tiếc là không được đọc toàn văn. Rồi riêng than rằng, ta nhận được nhiều bài văn, cứ khảo cứu đi. Thế là được vài chục bài thơ, một bài phú. Vẫn ân hận là còn không đủ. Vậy có phải là nơi nào ưa vật, thì vật đó tới đâu. Mới biết việc khó thật.

Mùa xuân năm giáp ngọ, cùng bạn đồng môn, Dương Gia Bình, được gặp Dương tiên sinh tại nhà, tay đưa cho tôi tập văn,

rồi ân cần bảo tôi viết tựa. Ít bữa, lúc tiễn đưa, có nói : Quyết không để cho Công bị lãng quên, không ai biết tới.

Mùa đông năm bính thân, lại được gặp, đưa cho coi tập biên chép thứ tự, rõ ràng, so với trước thấy rõ công phu. Có nói : đây chép đủ xin ông nhớ lời hẹn. Thế là họ Dương trước đã cất giữ, nay lại được toàn thể. Chính như có đất Lam Điền mới sinh được ngọc tốt, có xứ Động Đình mới phát được nhạc hay, chứ đâu phải sức người sản xuất được. Thế mới biết : Công của Tiên Sinh bền cùng sông Lô núi Tản không đợi có lời văn mà cứ được truyền. Còn văn thì hễ được đúng đạo là không cần được tán tụng mà cứ hiển dương. Tuy nhiên, không dám không có một lời: Tôi trước sao sau vậy. Khi chưa được thì ân hận, khi đã được thì vui mừng.

Vinh tôi đây, tuy bỉ lậu, cũng mong có mấy câu để tả tình riêng hằng kính phục. Kinh Thi có nói : Ngửng trông đức cao, công lớn. Tôi đi theo hàng quân tử, chả nói là Tiên Sinh Ức-Trai thì còn ai.

Hậu học *Dương đình Ngô Thế Vinh*

Niên hiệu Minh Mệnh năm thứ 6, Đinh Dậu, Xuân

Bái thư tại Trúc - Đường



QUYỀN I

ỨC TRAI THI TẬP

濟文阮侯抑齋先生詩文集序

文足經世，然後可以行世，若是者我越文獻抑齋先生其選也嘗選觀古人，漢得董相廣川，唐得韓公昌黎，宋得歐陽公永叔，於我越得朱公文貞張公升甫數君子者皆無赫赫之功而各以其學明仁義，闢異端衛正道持國，是實有陰功於萬世，故其文遂以不朽，夫然苟有操仁義之用撥亂世反之正，功加于辰，澤被于後，又非謂經世之卓卓者耶，先生開濟之功，蓋自宋明之紀吞交也，奴其人漁其貨吏其山川地紀，神怒民怨，而不得伸者數十年，彼其平日自謂英雄豪傑獨立于衆人之表者，安在哉，先生起首獻大策不言攻城而善言攻心，卒使其十五道之人土，擧而歸之我，先生之功昭昭矣，夫功之不可掩，則知先生遺集不容片紙隻字付之沉煙斷棘間也，觀其立朝奉議切而不迂，誠而瀾殆不可撑，行師之誥命，立朝之志論，隱然仁義遺德之旨尤足以垂世而傳後，然則文章事業豈可二其觀哉。嗚呼如先生者其我皇越之名世也歟，小子輒不自揣，復綮以言，蓋以成楊尹收拾之志而深信瀾然之氣，終不可得而泯滅也，若夫先生行狀史記外，歷朝封誥勅諸家譜志評論，具存卷端足備參考，彼所謂蛇報者，惜先生晚年之不幸而創爲此說，特削之毋使滋世俗之惑。

後學阮能靜

明命十四年癸巳春

書于梅花堂

Tế-văn, NGUYỄN-HẦU ỨC-TRAI Tiên-sinh Thi Văn tập Tự

Văn túc kinh thế, nhiên hậu khả dĩ hành thế. Nhược thị giả ngã Việt văn hiến, Ức-Trai tiên sinh, kỳ tuyển dã. Thường hà quan cổ nhân, Hán đắc Đồng Tướng Quảng-Xuyên, Đường đắc Hàn Công, Xương-Lê, Tống đắc Âu Dương Công, Vĩnh-Thúc. Ư ngã Việt đắc Chu Công Văn-Trinh, Trương Công, Thăng phủ. Sổ quân tử giả, giai vô hách hách chi công, nhi các dĩ kỳ học minh nhân nghĩa, tịch dị đoan, vệ chính đạo, trì quốc. Thị thực hữu âm công ư vạn thế. Cố kỳ văn tụy dĩ bất hủ. Phù nhiên, cầu hữu thao nhân nghĩa chi dụng, bát loạn thế, phản chi chính, công gia vu thời, trạch bị vu hậu, hựu phi vị kinh thế chi trác trác giả gia. Tiên sinh khai tế chi công, cái tự Tống Minh Chi thôn Giao dã. Nô kỳ nhân, ngư kỳ hóa, Di kỳ sơn xuyên địa kỷ. Thần nộ dân oán. Uất nhi bất đắc thân giả, sổ thập niên. Bỉ kỳ bình nhật, tự vị anh hùng hào kiệt, độc tại vu chúng nhân chi biểu giả, an tại tai! Tiên sinh khởi, thủ hiến đại sách. Bất ngôn công thành, nhi thiện ngôn công tâm Tốt sử kỳ thập ngũ đạo chi nhân thổ, khiết nhi quy chi ngã. Tiên sinh chi công chiêu chiêu hỹ. Phù, công chi bất khả yểm, tắc tri Tiên sinh di tập bất dung phiến chỉ, chích tự, phó chi trầm yên, đoạn cức gian dã. Quan kỳ lập triều tấu nghị ư thiết nhi bất vu, thành nhi hạo đãi bất. khả yểm, hành sư chi cáo mệnh, lập triều chi chí luận, ẩn nhiên nhân nghĩa dạo đức chi chỉ. vưu túc dĩ thùy thế nhi truyền hậu. Nhiên tắc văn chương, sự nghiệp khởi khả nhị kỳ quan tai. Ô hô, như Tiên sinh giả, kỳ ngã Hoàng Việt chi danh

thế dã dư. Tiểu tử chiếp bất tự sủy. Phục hệ dĩ ngôn, cái dĩ thành Dương Doãn thu thập chi chí. Nhi thâm tín hạo nhiên chi khí, chung bất khả đắc nhi dẫn diệt dã. Nhược phù, Tiên sinh hàng trang, sử ký ngoại, lịch triều phong cáo sắc, chư gia phả chí bình luận cụ tồn quyển đoan, tục bị tham khảo. Bỉ sở vị xà báo giả, tích Tiên sinh vãn niên chi bất hạnh, nhi sáng vi thử thuyết đặc tước chi, vô sử tư thế tục chi hoặc.

Hậu học NGUYỄN NĂNG TĨNH
Minh Mệnh Thập tứ niên, Quý tỵ, xuân
Thư vu Mai Hoa Đường



BÀI TỰA TẬP THI VĂN
của
TẾ VĂN, NGUYỄN HẦU ỨC TRAI TIÊN SINH.

Văn có đủ sửa trị đời thì mới truyền cho đời được. Cứ như thế, thì trong một nước văn hiến, như nước Việt ta, đã có Ức-Trai Tiên sinh. Xét coi cổ nhân, thì ở nước Tàu, đời Hán có Đồng Tướng Quảng Châu, đời Đường có Hàn Công, Xương Lê, đời Tống có Âu Dương Công, Vĩnh Thúc. Ở nước Việt ta, có Chu Công, Văn Trinh. (1) Trương Công, Thăng Phủ. (2) Vài bực quân tử đó, huân công không có tính cách hách hách lừng lẫy, mà đều là học giả, đem nhân nghĩa để trừ bỏ các mối ngờ, để giúp đường chính, để giữ nước, vì thế có âm công tới muôn đời, vì thế văn chương không mất được. Vậy cho nên, nếu như đem dùng nhân nghĩa, dẹp loạn cho đời trở lại chính, nên công trong một thời, ảnh hưởng cho đời sau, như thế chính là văn sửa, trị đời rất mạnh mẽ.

Tiên sinh có công khai sáng. Xét khoảng đời Tống, đời Minh nước Tàu, cứ muốn thôn tính, cướp lấy dân để sai, cướp lấy của để tiêu, thay đổi non sông, bờ cõi. Thần giận, dân oán. Uất hận không phát tiết được trong mười năm. Bọn này thường vẫn tự khoe là anh hùng, hào kiệt, đứng đầu dân chúng, nay chả thấy tăm hơi. Tiên sinh đầu tiên hiến kế sách lớn,

---

CHÚ THÍCH. (1) Chu-An danh nho đời Trần, hiệu Tiều Ẩn, mất năm 1370 được vua ban tên thụy là Văn-Trinh

(2) Trương Hán Siêu, tự Thăng Phủ, làm quan đời Trần mất năm 1354.

không kể đến việc đánh chiếm thành trì, mà bàn thiết tha việc thu lòng dân. Cuối cùng, khiến cho mười lăm đạo dân quân, đất nước đứng dậy, quay đầu về ta, công Tiên sinh rõ rệt, sáng lạn. Xét huân công mà đã không che đậy được, thì biết, di tập của Tiên sinh, một tờ giấy, một chữ viết, không thể mai một trong sự lãng quên được. Coi như các lời tâu bàn giữa triều, thiết thực mà không vu khoát, thành mà rõ, sao có thể bỏ được. Các cáo mệnh, khi xuất quân, các nghị luận ở triều đình, đều bao hàm nhân nghĩa đạo đức. Thế là đủ giúp đời và truyền về sau. Thế thì văn chương, với sự nghiệp đâu có tách đôi ra để nhận xét riêng biệt. Cho hay, như Tiên sinh, ở nước Hoàng Việt ta, thật là hạng Danh Thế.

Tiểu tử không tự lượng, lại bàn tới, chỉ là để hoàn thành cái chí của Dương Doãn đã thu thập tài liệu, mà cũng rất tin ở cái khí hạo nhiên, không khi nào tản mất được. Xét như hành trang của Tiên sinh, ngoài sử ký đã có cáo sắc, phong tặng của các triều đại, cùng lời bình luận trong gia phả nhiều nhà, để cho đầy đủ, nhất là về việc khảo cứu. Còn như chuyện rắn báo thù là không may đã được đặt ra khi Tiên sinh cao tuổi. Riêng chuyện đó bỏ đi không để hoặc chúng được.

Hậu học NGUYỄN NĂNG TĨNH
Minh Mệnh năm thứ 14. Quí tỵ xuân.
Viết tại Mai Hoa Đường



序

是編也好之而聚之有年矣。吾鄉先生抑齋公之文，散見於諸家敘傳，有詩集，地志玉堂遺範軍中詞命郊祀山陵大義記等作。恭常遊歷南北，遇士夫輒以遺麓問，間或有之。惜其風霜兵火之後，聚者無幾矣。惟恐其散者既不可復聚，而聚者又易散，不自揣量，彙以成集兼採史記家譜傳誌勅誥并之簡端，為月旦中一名談，以俟世之同好，或有取乎否也。

嗣德貳拾壹年戊辰仲秋

後學艮亭楊伯恭拜

Tự

PHIÊN ÂM

Thị biên dã, hiếu chi nhi tụ chi hữu niên hỹ. Ngô hương, Tiên sinh, ỨC TRAI CÔNG chi văn, tản kiến ư chư gia tự truyện. Hữu-Thi-tập, Địa-chí, Ngọc-đường di phạm, Quân trung từ mệnh, Giao-Tự, Sơn-Lăng đại nghĩa Ký, đẳng tác.

Cung, thường du lịch nam bắc, ngộ sĩ phu, triếp dĩ di lục vấn. Gián hoặc hữu chi. Tích kỳ phong sương, binh hỏa chi hậu, tụ giả vô kỷ hỹ. Duy khủng kỳ tán giả ký bất khả phục tụ, nhi tụ giả hựu dị tán. Bất tự sủy lượng, vựng dĩ thành tập. Kiêm thái : Sử-ký, Gia-phả, Truyện-chí, Sắc, Cáo, tịnh chi giản đoan, vi nguyệt đán trung nhất danh đàm. Dĩ sĩ thế chi đồng hiếu. Hoặc hữu thủ hồ phủ dã.

Tự Đức Nhị thập nhất niên, mậu thìn, Thu trọng.

Hậu học. Cấn Đình, Dương bá Cung, bái.

DỊCH NGHĨA.

Quyển này, vì thích văn, thu thập lại, kể hàng năm. Văn của Tiên sinh ỨC TRAI CÔNG, người làng ta, thấy chép ở gia phả nhiều nhà. Như Thi tập, Địa chí, Ngọc đường di phạm, Quân trung từ mệnh, Giao Tự, Sơn-Lăng đại nghĩa Ký.

Cung tôi, thường du lịch trong nam ngoài bắc, hễ gặp sĩ phu là tìm hỏi, kê cứu, gián hoặc cũng có. Tiếc rằng, sau chiến tranh loạn lạc, không gom góp được mấy. Rồi lại sợ : tán thì đã không thể tụ lại được, mà tụ thì lại dễ tán. Tôi không tự lượng, có hợp lại thành tập, phụ lục thì lấy trong sử ký, trong nhiều gia phả, trong cáo sắc, để cho rõ việc. Cũng là muốn thêm vào một chuyện trong mục luận đàm. Đợi có người cùng sở thích và bình luận.

Tự Đức, năm thứ Hai mươi mốt. Mậu thìn, tháng tám.

Hậu học CẤN ĐÌNH, DƯƠNG BÁ CUNG BÁI



抑齋詩集　　卷之一

詩類（附歌一則，賦一則）

（按藝文誌云：先生詩集三卷，洪德間陳了俭編次。今考精選越音全越詩集，見存一百十篇類爲一卷）

PHIÊN ÂM.

ỨC TRAI THI TẬP　　Quyển chi nhất.

Thi loại. (Phụ : Ca nhất tắc. Phú nhất tắc).

(Án Nghệ Văn Chí vân : Tiên sinh Thi tập tam quyển, Hồng Đức gian, Trần Khắc Kiệm biên thứ. Kim khảo Tinh Tuyển Việt Âm Toàn Việt Thi Tập, kiến tồn nhất bách thập thiên, loại vi nhất quyển.

DỊCH NGHĨA.

ỨC TRAI THI TẬP.　　Quyển một.

Thi loại. (Một bài Ca. Mội bài Phú).

(Xét trong quyển Nghệ văn Chí, có đoạn : Ba quyển Tập Thơ của Tiên sinh, trong khoảng niên hiệu Hồng Đức, Trần Khắc Kiệm có biên chép thứ tự. Nay coi trong quyển Tinh Tuyển Việt Âm Toàn Việt Thi Tập, thấy còn 110 bài, xếp làm một quyển).



1.— 遊山寺 (五言律)

短棹繫斜陽
匆匆謁上方
雲歸禪榻冷
花落澗流香
日暮猿聲急
山空竹影長
箇中真有意
欲語忽還忘

Phiên âm

DU SƠN TỰ (Ngũ ngôn luật)

Đoản trạo hệ tà dương.
Thông thông yết thượng phương.
Vân quy thiền tháp lãnh.
Hoa lạc giản lưu hương.
Nhật mộ viên thanh cấp.
Sơn không trúc ảnh trường.
Cá trung chân hữu ý,
Dục ngữ hốt hoàn vương.

Dịch nghĩa

ĐI THĂM CHÙA TRÊN NÚI (Ngũ ngôn luật)

Thuyền nhỏ ánh xiên quai.
Chùa non chóng tới nơi.
Mây về hơi chiếu lạnh.
Suối ngát hương hoa rơi.
Vượn tối tiếng kêu gấp.
Trúc cao bóng ngả dài.
Cảnh trông như có ý,
Muốn nói, bỗng quên nhời.



2.— 行 江

西津初艤棹
風景便江湖
雨過山容瘦
天長鴈影孤
滄浪何處是
漁釣好爲徒
回首東華地
塵埃覺已無

Phiên âm

GIANG HÀNH

Tây tân sơn nghĩ trạo
Phong cảnh tiện giang hồ,
Vũ quá sơn dung sấu
Thiên trường nhạn ảnh cô.
Thương Lương hà xứ thị
Ngư điếu hảo vi đồ
Hồi thủ Đông Hoa địa
Trần ai giác dĩ vô.

Dịch nghĩa

THUYỀN ĐI TRONG SÔNG

Bên tây mới chèo tới,
Cảnh dục chí tang bồng,
Mưa giội trơ sườn núi,
Giời dài rõ cánh hồng
Thương Lương (1) chưa biết tới,
Ngư điếu tạm chơi cùng,
Ngoảnh lại Đông Hoa cũ,
Bụi trần thoáng thấy không



CHÚ THÍCH.— (1) Thương Lương, một tên sông Hán ở nước Tàu.

3.— 聽 雨

寂 寞 幽 齋 裏
終 宵 聽 雨 聲
蕭 騷 驚 客 枕
點 滴 數 殘 更
隔 竹 敲 窗 密
和 鍾 入 夢 清
吟 餘 渾 不 寐
斷 續 到 天 明

Phiên âm

THÍNH VŨ

Tịch mịch u trai lý
Chung tiêu thính vũ thanh
Tiêu tao kinh khách chẩm,
Điểm trích sổ tàn canh.
Cách trúc xao song mật,
Hòa chung nhập mộng thanh.
Ngâm dư hồn bất mị,
Đoạn tục, đáo thiên minh.

Dịch nghĩa.

NGHE MƯA ĐÊM

Hiu quạnh thư trai vắng,
Suốt đêm lắng giọt tranh.
Tiêu điều khách tựa gối,
Thánh thót điểm tàn canh.
Trúc mọc, song như kín,
Chuông hồi, mộng chẳng thành.
Ngâm rồi, mắt cứ tỉnh,
Thức ngủ tới bình minh



4.— 贈友人

負病予憐汝
疏狂汝似余
同為千里客
俱讀數行書
護落知何用
栖遲諒有餘
他年蘂溪釣
短笠荷春鋤

(釣一本作約莊子護落無所容)

Phiên âm

TẶNG HỮU NHÂN

Phụ bệnh dư lân nhữ,
Sơ cuồng nhữ tự dư.
Đồng vi thiên lý khách,
Câu độc sổ hàng thư.
Hộ lạc tri hà dụng,
Thê trì, lượng hữu dư.
Tha niên Nhị Khê điếu,
Đoản lạp hà xuân sừ.

(Điếu, nhất bản tác ước. Trang Tử, Hộ lạc vô sở dung)

Dịch nghĩa

TẶNG BẠN

Đương bệnh, nghĩ thương bác,
Lẩn thẩn, tính giống nhau.
Đã làm người đất khách,
Cùng đọc thư mấy câu.
Giúp, bỏ, là như thế,
Ở, đi, đoán đã lâu.
Ngày kia, câu bến Nhị, (1)
Cầy cuốc, lại cùng nhau.

(Chữ điếu, có bản chép là ước. Trang Tử có nói: Dù hộ, dù lạc, chẳng ai dung)

CHÚ THÍCH : (1) Nhị là Nhị-Khê

5.— 浴翠山

(山在安慶正大社又名水山張漢超改稱浴翠晚年移居于此嘗有詩刻于石)

海口有仙山
年前屢往還
蓮花浮水上
仙境墜人間
塔境簪青玉
波光影翠鬟
有懷張少保
碑刻蘚花斑

Phiên âm

DỤC THÚY SƠN

(Sơn tại An Khánh. Chính Đại xã. Hựu danh Thủy sơn. Trương Hán Siêu cải xưng Dục Thúy. Vãn niên di cư vu thử. Thường hữu thi khắc vu thạch).

Hải khẩu hữu tiên sơn
Niên tiền lũ vãng hoàn
Liên hoa phù thủy thượng
Tiên cảnh trụy nhân gian.
Tháp ảnh trâm thanh ngọc
Ba qnang kính thúy hoàn.
Hữu hoài Trương Thiếu Bảo,
Bi khắc tiển hoa ban.

Dịch nghĩa

NÚI DỤC THÚY

Núi ở Phủ An Khánh, xã Chính Đại. Lại có tên là Thủy Sơn· Trương Hán Siêu đổi làm Dục Thúy. Về già di cư tới đó. Thường có thơ khắc vào đá).

Cửa bề núi trông ra,
Đường đi năm ngoái qua.
Liên hoa trên mặt nước,
Tiên cảnh chốn người ta.
Trâm ngọc, tháp lồng lộng,
Tóc xanh, sóng thướt tha.
Nhớ xưa Trương Thiếu Bảo, (1)
Bia chữ, nét như hoa.



CHÚ THÍCH : (1) Chức quan.

6.— 題伯牙鼓琴圖（七言絕）

鍾期不作鑄金難.
獨抱瑤琴對月彈.
靜夜碧宵涼似水
一聲鶴唳九嘷寒

（全唐詩集唐僧詩：安能得黃金鍾作鍾子期）

Phiên Âm.

ĐỀ BÁ NHA CỔ CẦM ĐỒ (Thất ngôn tuyệt)

Chung Kỳ bất tác, chú kim nan.
Độc bão dao cầm, đối nguyệt đàn.
Tĩnh dạ bích tiêu lương tự thủy,
Nhất thanh hạc lệ, cửu cao hàn.

(Toàn Đường Thi tập, Đường Tăng thi, An năng đắc hoàng kim, Chú tác Chung Tử Kỳ).

Dịch Nghĩa.

ĐỀ BỨC TRANH, BÁ NHA GẢY ĐÀN

Đúc tượng Chung Kỳ, khó có vàng.
Dưới giăng lần dạo bực cung thương.
Đêm thanh vắng vẻ giời mây nước,
Dưới chín từng cao, tiếng hạc vang.

(Trong tập Kim Đương Thi, thơ Đường Tăng : Làm sao có được vàng, Đúc tượng Chung Tử Kỳ).



7.— 夢山中

清虛洞裡竹千竿
飛瀑霏霏落鏡寒
昨夜月明天似水
夢騎黃鶴上仙壇

Phiên âm

MỘNG SƠN TRUNG

Thanh hư động lý trúc thiên can,
Phi bộc phi phi lạc kính hàn.
Tạc dạ nguyệt minh thiên tự thủy,
Mộng kỵ hoàng hạc thượng tiên đàn.

Dịch nghĩa

MỘNG TRONG NÚI

Thanh Hư trong động trúc hàng ngàn.
Nước thác mờ gương khí lạnh hơn.
Đêm trước giăng trong, giời lẫn nước.
Mơ màng cưỡi hạc tới tiên sơn.



8.— 題雲窩

半簾花影滿床書
庭外蕭蕭水竹居
盡日雲窩無箇事
黑甜一枕半窗虛

Phiên âm

ĐỀ VÂN OA

Bán liêm hoa ảnh mãn sàng thư.
Đình ngoại tiêu tiêu thủy trúc cư.
Tận nhật vân oa vô cá sự,
Hắc điềm nhất chẩm bán song hư.

Dịch nghia

ĐỀ NHÀ VÂN OA

Đây giường kinh, truyện, nửa rèm hoa.
Khóm trúc ngoài sân dáng thướt tha.
Sớm tối Vân Oa không có việc,
Quạnh hiu giấc điệp, ngỏ song chờ.



9.— 偶成

世上黃梁一夢餘
覺來萬事總成虛
如今只愛山中住
結屋花邊讀舊書

Phiên âm

NGẪU THÀNH.

Thế thượng hoàng lương nhất mộng dư.
Giác lai vạn sự tổng thành hư.
Như kim chỉ ái sơn trung trú,
Kết ốc hoa biên, độc cựu thư.

Dịch nghĩa

NGẪU THÀNH.

Cõi tục hoàng-lương giấc mộng thừa.
Tỉnh ra muôn việc vốn Không, Hư.
Ngày nay chỉ thích non xanh vắng,
Mái cỏ bên hoa đọc sách xưa.



10.— 寨頭春渡

渡頭春草綠如烟
春雨添來月拍天
野徑荒涼行客少
孤舟鎮日擱沙眠

Phiên âm

TRẠI ĐẦU XUÂN ĐỘ

Độ Đầu xuân thảo tục như yên.
Xuân vũ thiêm lai nguyệt phách thiên.
Dã kính hoang lương hành khách thiểu,
Cô chu trấn nhật các sa miên

Dịch nghĩa

QUA ĐÒ BẾN ĐẦU

MÙA XUÂN, THUYỀN QUA BẾN ĐẦU

Bến Đầu cỏ biếc khói xuân lồng.
Mưa bụi giăng treo, bóng trập trùng,
Hoang dậm đồng quê đường vắng khách,
Hàng ngày gác mái, ngủ bên sông,



11.— 暮春即事.

爾雅苦楝三月開花芳香滿庭)

閑中盡日閉書齋.
門外全無俗客來
杜宇聲中春向老
一庭踈雨楝花開

Phiên Âm.

MỘ XUÂN TỨC SỰ.

(Nhĩ Nhã, Khổ luyện tam nguyệt khai hoa, phương hương mãn đình),

Nhàn trung tận nhật bế thư trai.
Môn ngoại toàn vố tục khách lai.
Đỗ vũ thanh trung xuân hướng lão,
Nhất đình sơ vũ luyện hoa khai.

Dịch Nghĩa.

CUỐI XUÂN TỨC SỰ.

(Sách Nhĩ Nhã, Khổ luyện, tháng ba hoa nở, hương thơm đầy sân).

Hết ngày nhàn hạ khép thư-trai.
Khách khứa ra vào chẳng thấy ai.
Nghe tiếng quyên kêu xuân sắp cuối,
Được mưa, hoa luyện nở sân ngoài.



12.— 村舍秋砧

滿江何處響東丁
夜月偏驚久客情
一種蕭關征婦怨
總将離恨入秋聲

Phiên âm

THÔN XÁ THU CHÂM

Mãn giang hà xứ hưởng đông đinh
Dạ nguyệt thiên kinh cửu khách tình.
Nhất chủng Tiêu-Quan chinh-phụ oán.
Tổng tương ly hận nhập thu thanh.

Dịch nghĩa

NƠI XÓM TRỌ, NGHE TIẾNG NỆN VẢI.

Dọc sông đập vải, tiếng đêm thanh,
Đêm sáng tha hương, thắc mắc tình.
Nghĩ cảnh Tiêu-Quan chinh-phụ oán
Bao nhiêu sầu hận tới thu sinh.



13.— 晚立

長天漠漠水悠悠
黃路山河屬暮秋
羨殺花邊雙白鳥
人間累不到滄洲

Phiên âm

VÃN LẬP.

Trường Thiên mạc mạc thủy du du.
Hoàng Lộ sơn hà thuộc mộ thu.
Tiễn sát hoa biên song bạch điểu,
Nhân gian lũy bất đáo Thương Châu.

Dịch nghĩa

ĐỨNG NGẮM CẢNH BUỔI CHIỀU.

Giời cao thăm thẳm nước về đâu.
Hoàng Lộ (1) non sông tiết cuối thu.
Trông thấy bên sông đôi bạch điều,
Mấy ai đã được tới Thương Châu. (2)



CHÚ THÍCH : (1) một thứ cỏ thơm,
(2) Thường chỉ nơi ở của kẻ ẩn dật

14.— 采石懷古

采石曾聞李謫仙
騎鯨飛去已多年
此江若變為春酒
只恐波心尚醉眠

Phiên âm.

THÁI THẠCH HOÀI CỔ

Thái Thạch tằng văn Lý Trích Tiên,
Kỵ kình phi khứ dĩ đa niên.
Thử giang nhược biến vi xuân tửu,
Chỉ khủng ba tâm thượng túy miên.

Dịch nghĩa.

THÁI THẠCH HOÀI CỔ

Thái Thạch (1) hằng nghe chuyện Trích Tiên.
Cưỡi kình bao thủa thẳng bay lên.
Giòng xuân như biến thành sông rượu,
Ngại thấy ông say vẫn cứ nguyên.



CHÚ THÍCH : (1) Thái Thạch là quãng sông xưa Trích Tiên nhảy xuống ôm giăng.

15.— 藍 關 懷 古.

行 盡 千 山 與 萬 山
朔 風 吹 起 滿 藍 關
君 王 曾 此 思 忠 諫
瘴 母 遙 觀 匹 馬 還

Phiên âm

LAM QUAN HOÀI CỔ

Hành tân thiên sơn dữ vạn sơn.
Sóc phong xuy khởi mãn Lam Quan (1)
Quân vương tằng thử tư trung gián,
Chương mẫu dao quan sất mã hoàn.

Dịch nghĩa

LAM QUAN HOÀI CỔ

Nghìn non vượt khỏi, lại muôn trùng
Khắp ải Lam Quan (1), gió bấc lồng
Can gián lời ngay, vua xét đến,
Xa nơi lam chướng, ngựa về đông.



---

(1) CHÚ THÍCH : Lam Quan, một cửa ải quan trọng ở tây bắc nước Tàu.

16.— 韶 州 即 事

春 庭 花 落 雨 毿 毿
天 意 清 明 三 月 三
水 上 行 人 門 外 柳
數 聲 啼 鳥 似 江 南

Phiên âm

THIỀU CHÂU TỨC SỰ

Xuân đình hoa lạc vũ tam tam.
Thiên ý Thanh Minh tam nguyệt tam.
Thủy thượng hành nhân môn ngoại liễu.
Sổ thanh đề điểu tự Giang Nam.

Dịch nghĩa

THIỀU CHÂU (1) TỨC SỰ

Ngoài sân hoa rung hạt mưa rơi.
Cập tiết Thanh Minh biết ý giời.
Bến nước đường đi, từng giẫy liễu.
Giang Nam chim hót tưởng cùng nơi.



CHÚ THÍCH : (1) Thiều Châu, ở phía nam nước Tàu, nay ở vào tỉnh Quảng Đông.

17.— 題南華禪房

(南華在華州)

半生丘壑便幽棲
禪榻分明聽鳥啼
萬里南來山水遠
一生能幾過漕溪

Phiên âm..

ĐỀ NAM HOA THIỀN PHÒNG

(Nam Hoa tại Thiều Châu).

Bán sinh khưu hác tiện u thê.
Thiền tháp phân minh thính điểu đề.
Vạn lý nam lai sơn thủy viễn,
Nhất sinh năng kỷ quá Tào Khê.

Dịch nghĩa.-

VỊNH ĐỀ BUỒNG CHÙA NAM HOA

(Chùa Nam Hoa ở Thiều Châu).

Nửa đời ẩn dật sẵn hang sâu.
Vang động gian chùa tiếng nhạn kêu.
Muôn dặm từ nam non nước thẳm
Một đời mấy bận tới khe Tào



18.— 靖安晚立.

淡烟踈雨晚模湖
水色天光半有無
萬口乾坤清景致
海山為我出新圖

Phiên âm

TĨNH AN VÃN LẬP

Đạm yên sơ vũ vãn mô hồ.
Thủy sắc thiên quang bán hữu vô.
Vạn cổ càn khôn thanh cảnh chí,
Hải sơn vị ngã xuất tân đồ.

Dịch nghĩa

ĐỨNG NGẮM CẢNH BUỔI CHIỀU Ở TĨNH AN (G)

Mưa bay mây nhạt, ánh lô nhô,
Giời nước chiều hôm lẫn mịt mù.
Muôn thủa đất giời phong cảnh sẵn,
Vì ta non nước đổi thay trò.



CHÚ THÍCH : Tĩnh An, thuộc tỉnh Quảng Đông ở nước Tàu.

19. 題山鳥呼人圖

深山寂寂鳥呼人
畫裏看來亦逼真
閒掛午窗朝退日
夢回疑是故園春

Phiên âm

ĐỀ SƠN ĐIỂU HÔ NHÂN ĐỒ

Thâm sơn tịch tịch điểu hô nhân,
Họa lý khan lai diệc bức chân.
Nhàn quải ngọ song triêu thoái nhật,
Mộng hồi nghi thị cố viên xuân.

Dịch nghĩa

ĐỀ VÀO BỨC TRANH «CHIM NÚI GỌI NGƯỜI»

Non xanh êm ái «điểu hô nhân».
Bức họa trông ra dả hóa chân.
Cửa sổ treo bên khi tựa nghỉ,
Tưởng như nhà cũ cảnh vườn xuân.



20. 題東山寺.

(寺在東朝永縷社有含龍寺安南志溪水山亦在伊社有靈鹿寺玉清館下有霹靂池四時不竭).

君親一念久嬰懷
澗愧林慚夙願乖
三十餘年塵境夢
數聲啼鳥喚初回

Phiên âm

ĐỀ ĐÔNG SƠN TỰ

(Tự tại Đông Triều, Vĩnh Lũ xã, hữu Hàm Long tự. An Nam Chí, Khê Thủy Sơn diệc tại y xã. Hữu Linh Lộc tự. Ngọc Thanh quán. Hạ Hữu Tích Lịch trì, tứ thời bất kiệt).

Quân thần nhất niệm cửu anh hoài.
Giản quý, lâm tàm, túc nguyện quai.
Tam thập dư niên, trần cảnh mộng,
Sổ thanh đề điểu hoán sơ hồi.

Dịch nghĩa

ĐỀ CHÙA ĐÔNG SƠN

(Chùa ở Đông Triều, xã Vĩnh Lũ, còn có chùa Hàm Long Theo sách An Nam Chí, Khe, suối, núi đều ở xã đó. Có chùa Linh Lộc, có quán Ngọc Thanh, phía dưới có ao Tích Lịch, bốn mùa không cạn).

Quân, thân lo nghĩ những bao giờ.
Suối thẹn, rừng e, chẳng đợi chờ.
Ba chục năm giời đều mộng ảo,
Chim kêu vài tiếng vẫn như xưa.



21. 寄友（七言律）

亂後親朋落葉空
天邊書信斷秋鴻
故園歸夢三更雨
旅社吟懷四壁蛩
杜老何曾忘渭北
管寧猶自客遼東
越中故舊如相問
為道生涯似轉蓬

Phiện âm

KÝ HỮU

Loạn hậu thân bằng, lạc diệp không.
Thiên biên thư tin đoạn thu hồng.
Cố viên quy mộng tam canh vũ,
Lữ xá ngâm hoài, tứ bích cùng.
Đỗ Lão hà tằng vong Vị Bắc,
Quản Ninh do tự khách Liêu Đông.
Việt trung cố cựu như tương vấn,
Vị đạo sinh nhai tự chuyển bồng.

Dịch nghĩa

GỬI BẠN

Ly loạn cây rừng lá sạch không,
Thân bằng gốc bể bặt tin hồng,
Vườn quê mộng tới, mưa thêm nhớ,
Quán trọ đêm nghe dế gợi mong.
Đỗ Lão (1) không đành quên Vị Bắc,
Quản Ninh (2) vẫn nhận khách Liêu Đông.
Việt trung quen thuộc như thăm hỏi,
Xin đáp : sinh nhai tựa cỏ bồng.

Chú thích: (1) Người Thời Đường

(2) Người Thời Hán, Tuy tới tránh loạn tại đất Liêu-Đông, nhưng vẫn nhớ quê

22. 途中寄友

上國觀光萬里途
天涯屈指歲云徂
夢中水遠山還遠
別後書無雁亦無
客夜不眠千感集
清時誰料寸中孤
南州舊識如相問
報道今吾非故吾（非一作亦）

Phiên âm

ĐỒ TRUNG KÝ HỮU

Thượng quốc quan quang vạn lý đồ.
Thiên nhai khuất chỉ tuế vân tồ.
Mộng trung thủy viễn sơn hoàn viễn,
Biệt hậu thư vô nhạn diệc vô.
Khách dạ bất miên, thiên cảm tập,
Thanh thời, thùy liệu thốn trung cô.
Nam Châu cựu thức như tương vấn,
Báo đạo kim ngô phi cố ngô. (Phi, nhất tác diệc).

Dịch nghĩa

GIỮA ĐƯỜNG CÓ THƯ GỬI BẠN

Thượng quốc qua thăm cách vạn trùng,
Chân giời tính đốt đã năm dòng.
Mơ màng cách núi, sông cùng cách,
Vắng vẻ thư không, nhạn cũng không.
Đất khách, không yên luôn nghĩ ngợi,
Thời bình đâu biết phải long đong.
Nam Châu quen thuộc như thăm hỏi,
Sau trước không còn một tấm lòng.

(Có bản chép : Sau trước như nhau vẫn một lòng).

23. 途中寄洮江何刺史程僉憲

洮江一別意悠悠
杯酒論文憶舊遊
東岸梅花晴暎纜
平灘月色遠隨舟
程公世上無雙士
何老朝中第一流
鈴閣想應清話處
天涯肯念故人不

Phiên âm

ĐỒ TRUNG KÝ THAO GIANG HÀ THỨ SỬ
TRÌNH THIÊM HIẾN

Thao Giang nhất biệt ý du du
Bôi tửu luận văn ức cựu du.
Đông Ngạn mai hoa tình ánh lãm.
Bình Than nguyệt sắc viễn tùy chu.
Trình Công thế thượng vô song sĩ.
Hà Lão triều trung đệ nhất lưu.
Linh Các tưởng ưng thanh thoại xứ.
Thiên nhai khẳng niệm cố nhân phủ.

Dịch nghĩa

ĐỌC ĐƯỜNG THƯ GỬI THAO GIANG HÀ THỨ SỬ
VÀ TRÌNH THIÊM HIẾN

Thao Giang ly biệt nhớ liên miên.
Cùng luận thơ văn nhấp chén tiên.
Đông Ngạn hoa mai mầu ánh mái.
Bình Than giăng bạc lướt soi thuyền.
Trình Công học-giới không ai sánh.
Hà Lão triều đình đúng hạng trên.
Linh các là nơi thanh bạch nhất.
Cố nhân góc bể nhẽ đâu quên.

24.- 雲屯

（雲屯在廣安。安南志云：雲屯即斷山在雲屯縣，海中兩山對峙一水中通立木柵置水門民家列居兩岸李時爪哇暹羅諸商泊來于此畧住販買）.

路入雲屯山復山
天恢地設付奇觀
一盤藍碧澄明鏡
萬斛鴉青聳翠鬟
宇宙頓清塵海岳
風波不動鉄心肝
望中岸草萋萋綠
道是藩人駐舶灣

（鬟青朶，兒髮不剪也，鴉當作螺，洞庭君山望如髻然，唐詩：遙望洞庭山色好，白銀盤裡一青螺.令詩串用之耳）

Phiên âm.-

VÂN ĐỒN.

(Vân Đồn, tại Quảng An, An Nam Chí vân : Vân Đồn tức Đoạn Sơn, tại Vân Đồn Huyện. Hải trung lưỡng sơn đối trĩ, nhất thủy trung thông. Lập Mộc sách trí Thủy môn. Dân gia liệt cư lưỡng ngạn. Lý thời, Qua Oa. Tiêm La chư tù, bạc lai vu thử, cổ trú. bán mãi). Lộ nhập Vân Đồn sơn phục sơn, Thiên khôi địa Thiết phó kỳ quan. Nhất bàn lam bích trùng minh kính. Vạn hộc nha thanh đóa thúy hoàn. Vũ trụ đốn thanh trần hải nhạc. Phong ba bất động thiết tâm can. Vọng trung ngạn thảo thê thê lục. Dao thị phiên nhân trú bạc loan.

Đóa âm đóa, nhi phát bất tiễn dã. Nha đương tác loa. Động Đình Trung, Quân Sơn, vọng như kế nhiên, Đường thi : Dao vọng Động Đình sơn sắc hảo, Bạch ngân bàn lý nhất thanh loa, Kim Thi quán dụng chi nhĩ.

Dịch nghĩa.-

VÂN ĐỒN.

(Vân Đồn ở Quảng Yên. Theo sách An Nam Chí, Vân Đồn tức là Đoạn Sơn, ở huyện Vân Đồn. Có hai ngọn núi mọc sừng sững đối nhau, một giòng nước thông qua. Dân đóng cọc gỗ ở cửa sông, hai bên bờ. dựng nhà ở. Thời Lý, bọn người Chà Và, người Tiêm La, theo tù trưởng tới ở để đánh cá, buôn bán).

Đường tới Vân Đồn núi chập chùng.
Giời sinh, đất xếp, cảnh hào hùng.
Gương Phô, đá biếc mâm bằng phẳng
Rủ tóc non xanh dấu chất chồng.
Phong cảnh đất giời bền giữ sắc.
Núi non sóng gió, chẳng sờn lòng,
Trên bờ cỏ mọc, màu xanh thẳm,
Nghe nói nam man trước ở cùng.

(Chữ Đóa đọc là đóa, là tóc trẻ con chưa cắt .— Chữ Nha đáng nhẽ viết là Loa. Trước có câu thơ : Ở hồ Động Đình, có núi Quân Sơn, trông như mớ tóc. Trong Đường Thi thì có câu : Xa trông Động Đình màu núi đẹp, như ốc xanh giữa mâm bạc. Nay trong thơ dùng cả).



25 白藤海口

（在水棠縣爲關河名勝第一華封安興橫蒲一縣分處江左波濤蔽天重山峙立海門之東爲廣東欽州去數百里是分茅領陳時元兵來侵興道於此植椿擒其將唆都）

朔風吹海氣凌凌
輕起吟帆過白藤
鰐斷鯨刳山曲曲
戈沉戟折岸層層
關河百二由天設
豪傑功名此地曾
往事回頭嗟已矣
臨流撫景意難勝

Phiên âm

BẠCH ĐẰNG HẢI KHẨU

(Tại Thủy Đường huyện, vi quan hà danh thắng đệ nhất. Hoa Phong An Hưng, Hoành Bồ, nhất huyện phân xứ. Giang tả ba đào tế thiên trùng sơn trĩ lập. Hải môn chi đông vi Quảng Đông, Khâm Châu, Khứ sồ bách lý, thị phân Mao lĩnh. Trần thời Nguyên binh lai xâm, Hưng Đạo ư thử thực chàng, cầm kỳ tướng Toa Đô).

Sóc phong xuy hải khí lăng lăng.
Khinh khởi ngâm phàm quá Bạch Đằng.
Ngạc đoạn, kình khô, sơn khúc khúc,
Qua trầm, kích triết, ngạn tằng tằng.
Quan hà bách nhị, do thiên thiết,
Hào kiệt công danh thử địa tăng.
Vãng sự hồi đầu, ta dĩ hỹ,
Lâm lưu phủ cảnh ý nan thăng.

Dịch nghĩa

BẠCH ĐẰNG HẢI KHẨU

(Ở huyện Thủy Đường, thắng cảnh bực nhất. Giáp ba huyện: Hoa Phong, An Hưng, Hoàng Bồ. Về phía hạ lưu, sóng nồi cao tới mây, núi dựng thẳng tới giời. Phía đông cửa bể, là Quảng Đông, Khâm Châu. Cách vài trăm dặm, là ngành núi Mao. Thời Trần, quân Nguyên tới xâm, Hưng Đạo cho cắm cọc ở đó, bắt được tướng là Toa Đô.

Bạch Đằng thẳng tới cánh buồm giong,
Gió nhẹ thênh thang, mái lưới giòng.
Dãy núi trước sau kình ngạc vắng,
Dốc bờ trên dưới cọc chông không.
Quan hà bách nhị do giời đặt,
Hào kiệt công danh, được đất, dùng.
Tưởng nhớ chuyện xưa, thêm nghĩ ngợi,
Theo giòng ngắm cảnh, ý vô cùng.



26. 過海

（龍尾山在萬寧縣首據峻岸尾截海邊往來舟楫阻風浪者多）

撥盡閑愁獨倚蓬
水光渺渺思何窮
松林地斥疆南北
龍尾山橫限要衝
義氣掃空千障霧
壯懷呼起半帆風
扁舟羨我朝天客
直駕鯨鯢跨海東

Phiên âm.

QUẢ HẢI

(Long Vĩ sơn tại Vạn Ninh huyện, thủ cứ tuấn ngạn, vĩ tiệt hải biên, vãng lai chu tiếp trở phong lãng giả đa).

Bát tận nhàn sầu, độc ỷ bồng.
Thủy quang diếu diếu tư hà cùng.
Tùng Lâm địa xích cương nam bắc,
Long Vĩ sơn hoành hạn yếu xung.
Nghĩa khí tảo không thiên chướng vụ.
Tráng hoài hô khởi bán phàm phong.
Biển chu tiễn ngã triều thiên khách
Trực giá kình nghê khóa hải đông.

Dịch nghĩa.

VƯỢT BỂ.

(Núi Long Vĩ ở huyện Vạn Ninh, đầu tựa bờ cao, đuôi thẳng ngang bể. Thuyền bị sóng gió ngăn trở qua lại rất nhiều).

Quét hết sầu lo, dựa cỏ bồng.
Tâm như nước sáng, nghĩ mênh mông.
Tùng Lâm đứng giữa chia nam bắc,
Long Vĩ nằm ngang, đặt yếu xung.
Gió nghĩa lướt qua, mây vần, sạch,
Lời hùng nghe thoảng cánh buồm tung.
Đêm sang thượng quốc thuyền lan nhẹ.
Muốn cưỡi kình nghê, vượt Hải đông.



27. 關海

椿木重重海浪前
沈江鉄鎖亦徒然
覆舟始信民猶水
恃險難憑命在天
禍福有媒非一日
英雄遺恨幾千年
乾坤今古無窮意
浪在滄浪遠樹烟

Phiên âm

QUAN HẢI

Thùng mộc trùng trùng hải lãng tiền.
Trầm giang thiết tỏa diệc đồ nhiên.
Phúc chu thủy tín dân do thủy,
Thị hiểm nan bằng mệnh tại thiên.
Họa phúc hữu môi phi nhất nhật.
Anh hùng di hận kỷ thiên niên.
Càn khôn kim cổ vô cùng ý,
Khước tại Thương Lương viễn thụ yên.

Dịch nghĩa

QUAN HẢI

San sát chông cài trước bề khơi.
Trong sông khóa sắt đặt cùng nơi.
Chìm thuyền mới biết dân như nước.
Cậy hiểm hay đâu mệnh tại giời.
Họa phúc gây nên nào một buổi.
Anh hùng để hận kể nghìn đời.
Xưa nay giời đất vô cùng ý.
Nước bạc cây xanh cảnh tốt tươi

28. 韶州文憲廟

反狀當年辨羯兒
至明先見若蓍龜
濟時儒術生平有
諫主忠言死後知
萬古不磨金鑑錄
千年猶享曲江祠
高風追想渾如昨
手拂青苔認石碑

Phiên âm

THIỀU CHÂU VĂN-HIẾN MIẾU

Phản trạng đương niên biện Kiết nhi.
Chí minh tiên kiến nhược thi quy.
Tế thời nho thuật sinh bình hữu.
Gián chủ trung ngôn, tử hậu tri.
Vạn cổ bất ma kim giám lục.
Thiên niên do hưởng Khúc Giang Từ.
Cao phong truy tưởng hồn như tạc.
Thủ phất thanh đài nhận thạch bi.

Dịch nghĩa

MIẾU VĂN-HIẾN TẠI THIỀU CHÂU. (1)

Giống Kiệt, Trung ngay đoán tự xưa.
Tiên tri, trí óc tự huyền cơ.
Giúp đời, nho giả còn nên việc,
Đến chết trung thần mới khỏi ngờ.
Muôn thủa vẫn nguyên lời sử chép,
Nghìn năm không lạnh khói hương thờ.
Cao phong tưởng tượng như trông thấy,
Tay gạt rêu bia, chữ chửa mờ.

Chú thích

(1) Miếu thờ vị Tể Tướng đời Đường Huyền Tôn, Trương Cửu sinh

29.- 遊南花寺

神錫飛來幾百春
寶林香火契前因
降龍伏虎機何妙
無樹非臺語若新
殿側起樓藏佛鉢
龕中遺跡蛻真身
門前一派漕溪水
洗盡人間劫劫塵

Phiên âm.-

DU NAM HOA TỰ.

Thần tích phi lai kỷ bách xuân.
Bảo lâm hương hỏa khế tiền nhân.
Hàng long phục hổ cơ hà diệu,
Vô thụ phi đài, ngữ nhược tân.
Điện trắc khởi lâu tàng Phật bát,
Khám trung di tích thuế chân thân.
Môn tiền nhất phái Tào Khê thủy,
Tẩy tận nhân gian kiếp kiếp trần.

Dịch nghĩa.-

VÃN CẢNH CHÙA NAM HOA.

Phép Phật rừng thiêng vốn có nhân.
Mấy trăm năm trước đã dừng chân.
Sai rồng bảo hổ. cơ mầu nhiệm,
Không thụ, không đài, chính phép thần.
Bên điện dựng nơi truyền pháp-bảo,
Trong đền còn vết thoát chân thân.
Tào Khê trước cửa giòng trong suốt,
Gột rửa nhân gian sạch bụi trần.



30. 潯州

潯州城下鼓鼙聲
客路還淹數月程
溪洞有氓山八萬
戍樓吹角月三更
岸篁瑟瑟悲風起
江水悠悠旅夢清
老我世途難險熟
中宵不寐獨傷情

Phiên âm

TẦM CHÂU.

Tầm Châu thành hạ cổ bề thanh.
Khách lộ hoàn yêm sổ nguyệt trình.
Khê động hữu manh, sơn bát vạn,
Thú lâu xuy giốc nguyệt tam canh.
Ngạn hoàng sắt sắt bi phong khởi,
Giang thủy du du lữ mộng thanh.
Lão ngã thế đồ nan hiểm thục.
Trung tiêu bất mị độc thương tình.

Dịch nghĩa

TẦM CHÂU

Tầm Châu trống trận phía bên thành.
Vài tháng đường đi khách tạm đình
Dãy núi di dân, vài vạn ngọn,
Quân đồn ống lệnh đã ba canh.
Tre xanh trước bến hiu hiu gió,
Khách ngụ trên sông thắc mắc tình.
Tuổi tác đường đời gian hiểm trải,
Đêm khuya chẳng ngủ nghĩ thương mình.



31. 梧州

路入青梧景更嘉
岸邊楊柳蔟人家
九疑積翠峯如玉
二廣分流水若叉
琳館空聞飛白鶴
仙人不見袖青蛇
火山冰井真奇事
舊俗相傳恐亦差

Phiên âm

NGÔ CHÂU

Lộ nhập Thanh Ngô cảnh cánh gia.
Ngạn biên dương liễu thốc nhân gia.
Cửu Nghi tích thúy phong như ngọc.
Nhị Quảng phân lưu thủy nhược thoa.
Lâm Quán không văn phi bạch hạc.
Tiên nhân bất kiến tụ thanh xà.
Hỏa sơn, băng tỉnh chân kỳ sự.
Cựu tục tương truyền khủng diệc sai.

Dịch nghĩa

NGÔ CHÂU

Đường tới Thanh Ngô cảnh thướt tha.
Trên bờ cửa ngõ liễu la đà.
Cửu Nghi rừng phủ màu như ngọc.
Nhị Quảng sông chia vẻ tựa thoa.
Quán ngọc đâu còn hình bạch hạc.
Người tiên hết thấy túi thanh xà.
Giếng băng núi lửa vô cùng lạ.
Truyền lại hay là chuyện đặt ra.



32 過 領

前崗日落馬虺隤
行盡梅關不見梅
夾道千松撐漢立
緣雲一路擘山開
長安日近聊舒目
故國天遙重感懷
唐相一從通此道
不知今幾百年來

Phiên âm

QUÁ LĨNH

Tiền cương nhật lạc, mã khôi đồi.
Hành tận Maí Quan, bất kiến mai.
Giáp đạo thiên tùng xanh Hán lập,
Duyên vân nhất lộ, phách sơn khai,
Trường An nhật cận liêu thư mục,
Cố quốc thiên dao trọng cảm hoài.
Đường Tướng nhất tòng thông thử đạo,
Bất tri kim kỷ bách niên lai.

Dịch nghĩa

ĐI QUA NÚI LĨNH.

Trước đồi ngựa mỏi, bóng xiên quai.
Đi hết Mai Quan chẳng thấy mai.
Sông giáp đường đi, tùng rậm rạp,
Mây bay đưa tới núi chơi vơi.
Gần giời kinh khuyết mong chiêm ngưỡng,
Xa bóng quê hương, dễ cảm hoài.
Đường Tướng xưa kia theo lối đó,
Đến nay tính đã mấy mươi đời.



33.- 題盧氏家譜.

積慶原來自有基
畜宏發鉅可先知
詩書浚澤芳遺遠
忠孝傳家訓永貽
水木必從原本始
黃金何用子孫遺
焚香一讀公家譜
肅肅令人起敬思

Phiện âm

ĐỀ LƯ THỊ GIA PHẢ.

Tích khánh nguyên lai tự hữu cơ.
Súc hoành phát cự khả tiên tri.
Thi Thư tuấn trạch, phương du viễn,
Trung hiếu truyền gia huấn vĩnh thai.
Thủy mộc tất tòng nguyên bản thủy
Hoàng kim hà dụng tử tôn di.
Phần hương nhất độc Công gia phả,
Túc túc linh nhân khởi kính tư.

Dịch nghĩa

ĐỀ GIA PHẢ HỌ LƯ.

Cỗi phúc từ đâu được chép ghi
Phúc nhiều nhiều hưởng lẽ không nghi.
Theo nhau, lớp lớp, nền trung hiếu
Truyền dõi đời đời nếp lễ nghi.
Thủy mộc rễ nguồn, đều phải có,
Hoàng kim con cháu hưởng hơn gì.
Thắp hương gia phả lần coi hết,
Khởi kính ai mà chẳng nể vì.



34

江西

自古鴻都稱勝地
今朝客裡暫相過
烟收南浦晴光好
日落西山暮景佳
告訐成風憐俗薄
詞章有學中科多
旌揚鉄柱今猶在
碑刻千年蘚已花

Phiên âm

GIANG TÂY.

Tự cổ Hồng Đô xưng thắng địa,
Kim triêu khách lý tạm tương qua.
Yên thu nam phố tình quang hảo,
Nhật lạc tây sơn, mộ cảnh giai,
Cáo kiết thành phong lân tục bạc,
Từ chương hữu học trúng khoa đa.
Tinh dương thiết trụ, kim do tại,
Bi khắc thiên niên, tiển dĩ hoa.

Dịch nghĩa

GIANG TÂY.

Tự trước Hồng Đô là thắng cảnh,
Chiều nay khách quán, tạm dừng chân.
Mây về nam phố giời trong suốt,
Nắng xế tây sơn, cảnh đẹp dần.
Đáng tiếc di phong nhiều bạc tục,
Cũng may khoa bảng lắm văn nhân.
Tuổi tên tinh biểu nay còn lại,
Bia đá nghìn năm cỏ mọc tràn.



35. 平南夜泊

片帆高颭晚風輕
暮宿平南古縣城
燈影照人和月影
樹聲敲夢送灘聲
湖山有約違初志
歲月如流漫此生
夜半戍樓吹畫角
客中悽愴不勝情
(颭音剡切風吹浪動也)

Phiên âm

BÌNH NAM DẠ BẠC

Phiến phàm cao diệm vãn phong khinh,
Mộ túc Bình Nam cổ huyện thành.
Đằng ảnh chiếu nhân hòa nguyệt ảnh,
Thụ thanh sao mộng tống than thanh.
Hồ sơn hữu ước vi sơ chí,
Tuế nguyệt như lưu mạn thử sinh.
Dạ bán thú lâu xuy họa giốc.
Khách trung thê thảng bất thăng tình.

Dịch nghĩa

ĐÊM CHÈO THUYỀN TỚI BÌNH NAM.

Buồm rung gió thoáng mái chèo đưa,
Tối nghĩ Bình Nam, huyện trấn xưa.
Ánh đuốc, Ánh giăng chung tỏa sáng,
Tiếng cây, tiếng nước, lẫn trong mơ.
Non sông cố hẹn đâu quên nhắc,
Ngáy tháng xuôi giòng chẳng đợi chờ.
Đồn thú đêm khuya nghe tiếng ốc,
Xa nhà lòng khách rối vò tơ.



36.— 贈孔顏孟三氏子孫教授太平

人生十慮九常乖
盛世誰知有棄才
坡老昔曾儋耳去
長庚亦向夜郎來
文章自古多爲累
詩酒從今且故懷
會待金鷄開赦日
五雲深處覲蓬萊
（金鷄樹出赦文）

Phiên âm

TẶNG KHỔNG, NHAN, MẠNH, TAM THỊ, TỬ TÔN, GIÁO THỤ THÁI BÌNH

Nhân sinh thập lự, cửu thường quai.
Thịnh thế, thùy tri hữu khí tài.
Pha lão, tích tằng Đam Nhĩ khứ,
Trường Canh diệc hướng Dạ Lang lai.
Văn chương tự cổ đa vi lụy,
Thi tửu tòng kim thả cố hoài.
Hội đãi Kim Kê khai xá nhật,
Ngũ vân thâm xứ đổ bồng lai.

Dịch nghĩa

TẶNG CON CHÁU BA HỌ KHỔNG, NHAN, MẠNH, GIÁO THỤ TẠI THÁI BÌNH

Người đời mười nghĩ, chín thường sai
Đời thịnh sao còn nỡ bỏ tài.
Đam Nhĩ, Đông Pha không khỏi họa,
Dạ Lang, Thái Bạch thoát đâu tai.
Văn chương tự cổ, thường tai họa,
Thơ rượu ngày nay mới miệt mài.
Gặp hội Kim Kê, ngày đại xá,
Non sâu năm vẻ thấy bồng lai.



37.- 和鄉先生韻東諸同志

愁來咄咄漫書空
天地無窮嘆轉蓬
世事厭心頭向白
衰顏借酒暈生紅
覽輝擬學鳴陽鳳
遠害終爲避弋鴻
淪落天涯俱是客
年來出處畧相同

Phiên âm

HÒA HƯƠNG TIÊN SINH VẬN, ĐÔNG CHƯ ĐỒNG CHÍ

Sầu lai đốt đốt mạn thư không.
Thiên địa vô cùng thán chuyển bồng.
Thế sự khôi tâm đầu hướng bạch,
Ai nhan tá tửu vựng sinh hồng.
Lãm huy nghĩ học minh dương phụng,
Viễn hại chung vô tị dặc hồng.
Luân lạc thiên nhai câu thị khách,
Niên lai xuất xứ lược tương đồng.

Dịch nghĩa

HỌA THƠ HƯƠNG TIÊN SINH

Khi buồn chán ngán, bức thư không.
Ngang dọc thương thân tựa cỏ bồng.
Lòng nghĩ việc đời sinh tóc bạc,
Mặt nhăn, chút rượu mượn màu hồng.
Gần hay cũng được như chim phụng,
Xa nạn may ra thoát lưới hồng.
Lưu lạc chân giời đông tạm trú,
Rồi đây về ở, vẫn xin đồng.



38.— 寄舅易齋陳公

兵餘親戚半離零
萬死殘軀偶一生
往事空成槐國夢
別情誰寫渭陽情
不來自擬同王式
避亂終當學管寧
欲問相思愁別處
孤齋風雨夜三更

Phiên âm

KÝ CỮU DỊCH TRAI TRẦN CÔNG

Binh dư thân thích bán ly linh.
Vạn tử tàn khu, ngẫu nhất sinh.
Vãng sự không thành, Hòe Quốc mộng.
Biệt lân thùy tả Vị Dương tình.
Bất lai tự nghĩ đồng Vương Thức.
Tị loạn chung đương học Quản Ninh.
Dục vấn tương tư sầu biệt xứ,
Cô trai phong vũ dạ tam canh.

Dịch nghĩa

THƯ GỬI CẬU

Người thân thời loạn nửa điêu linh.
Thoát tử là may vẫn cứ sinh.
Hòe Quốc (1) giấc mê, đành mọi việc.
Vị Dương (2) khi biệt, xiết bao tình.
Không về vốn muốn thành Vương Thức, (3)
Tránh loạn đành xin học Quản Ninh. (3)
Như hỏi nơi nào sầu tạm gửi.
Thư trai mưa gió suốt ba canh.

Chú thích : (1) Giấc mộng nam-kha.

(2) Sông Vị Dương: nơi đưa cậu là Tấn-Trùng-Nhĩ chạy loạn.

(3) Tên hiền triết xưa.

39.— 清明

一從淪落他鄉去
屈指清明幾度過
千里墳塋違拜掃
十年親舊盡消磨
乍晴天氣模稜雨
過半春花廝句花
聊把一杯還自彊
莫教日日苦思家

Phiên âm

THANH MINH

Nhất tòng luân lạc tha hương khứ,
Khuất chỉ Thanh Minh kỷ độ qua.
Thiên lý phần hoàng vi bái tảo,
Thập niên thân cựu tận tiêu ma.
Sạ tình thiên khí mô lăng vũ,
Quá bán xuân quang tư cú hoa.
Liêu bả nhất bôi hoàn tự cưỡng,
Mạc giao nhật nhật khổ tư gia.

Dịch nghĩa

LỄ THANH MINH

Một khi lưu lạc ra ngoài nước,
Lần chuyền Thanh Minh tính mấy vòng.
Nghìn dặm tổ tiên thôi cúng lễ,
Mười năm thân thuộc bặt tin hồng.
Giữa khoang giời sáng mưa vài hạt,
Gần cuối ngày xuân cỏ chớm bông.
Nâng chén, cố say, cho vững chí,
Tin nhà cố gắng, khỏi trông mong.



40.— 戲題

閑來無事不清哦
塵外風流自一家
珪壁千重開叠㦬
玻璨萬頃漾晴波
管弦嘈雜林邊鳥
羅綺芳芬塢裡花
眼底一時詩料富
吟翁誰與世人多

Phiên âm

HÝ ĐỀ

Nhàn lai vô sự, bất thanh nga.
Trần ngoại phong lưu tự nhất gia.
Quế bích thiên trùng, khai điệp tiết,
Pha lê vạn khoảnh dạng tình ba.
Quản huyền tào tạp lâm biên điểu,
La ỷ phương phân, ổ lý hoa.
Nhãn để nhất thời thi liệu phú,
Ngâm ông thùy dữ thế nhân đa.

Dịch nghĩa

ĐỀ CHƠI, VUI.

Khi nhàn lên tiếng cũng ngâm nga.
Thoát tục phong lưu, cũng có ta.
Vách quế nghìn trùng, đường ải bắc,
Pha lê muôn khoảnh, ánh sông xa.
Thôn quê hoa nở, bao hình sắc,
Biên ải chim kêu đủ điệu ca.
Dưới mắt thi-ông, thi sẵn hứng,
Người nhiều sướng họa những ai là.



41.— 亂後感作

神州一自起干戈
萬姓嗷嗷可奈何
子美孤忠唐日月
伯仁雙淚晉山河
年來變故侵人老
秋越他鄉感客多
卅載虛名安用處
回頭萬事付南柯

Phiên âm

LOẠN HẬU CẢM TÁC.

Thần Châu, nhất tự khởi can qua.
Vạn tính ngao ngao khả nại hà.
Tử Mỹ cô trung, Đường nhật nguyệt,
Bá nhân song lệ Tấn sơn hà.
Niên lai biến cố xâm nhân lão,
Thu việt tha hương cảm khách đa.
Tạp tải hư danh an dụng xứ,
Hồi đầu vạn sự phó Nam Kha.

Dịch nghĩa

CẢM TÁC SAU THỜI LOẠN

Thần Châu từ lúc dấy can qua.
Muôn họ điêu linh loạn chửa qua.
Tử Mỹ (1) lòng son ngang nhật nguyệt,
Bá Nhân (2) nước mắt nhuốm sơn hà,
Mỗi năm thêm việc sinh đầu bạc,
Đất khách dừng chân nghĩ việc xa.
Ba chục năm giời công chửa trọn,
Ngoảnh đầu muôn việc giấc Nam Kha.



Chú thích. (1) (2) Tử Mỹ đời Đường. Bá Nhân đời Tấn là hạng người yêu nước.

42.— 亂後到崑山感作

(山在支碑社．陳元旦退休處，山．有清虛洞下有泾王橋．陳法螺庵居．玄光亦卓錫于此)

一別家山恰十年
歸來松菊半脩然
林泉有約那堪負
塵土底頭只自憐
鄉里纔過如夢到
干戈未息幸身全
何時結屋雲峯下
汲澗烹茶枕石眠

Phiên âm

LOẠN HẬU ĐÁO CÔN SƠN CẢM TÁC

(Sơn tại Chi Hẵn xã, Trần Nguyên Đán thoái hưu xứ. Sơn hữu Thanh Hư động. Hạ hữu Thấu Ngọc Kiều. Trần Pháp Loa am cư. Huyền Quang diệc trác tích vu thử).

Nhất biệt gia sơn kháp thập niên.
Quy lai tùng cúc bán tiêu nhiên.
Lâm tuyền hữu ước na kham phụ,
Trần thổ đê đầu chỉ tự liên.
Hương lý tài qua như mộng đáo,
Can qua vị tức hạnh thân toàn.
Hà thời kết ốc vân phong hạ,
Cấp giản phanh trà, chẩm thạch miên.

Dịch nghĩa

SAU THỜI LOẠN, TỚI CÔN SƠN CẢM TÁC

(Núi ở xã Chi Hẵn, nơi Trần Nguyên Hãn ở khi về hưu. Núi có động Thanh Hư. Phía dưới có cầu Thấu Ngọc. Đời Trần, sư Pháp Loa dựng am ở đó. Sư Huyền Quang cũng có tới).

Xa núi mười năm cảnh quạnh hiu,
Cúc tùng phần lớn vẫn xanh đều.
Suối rừng trở lại, lời không phụ,
Bụi cát sông pha, mệnh hết trêu.
Tưởng trước như mơ, thân thuộc vắng,
May nay còn sống loạn ly nhiều.
Rồi đây lợp mái trong mây núi,
Nước suối pha chè, tựa đá thiu.



43.— 歸崑山舟中作

十年飄轉嘆蓬萍
歸思搖搖日似旌
幾托夢魂尋故里
空將血淚洗先塋
兵餘斤斧嗟難禁
客裡江山只此情
欝欝寸懷無奈處
船窗推枕到天明

Phiên âm

QUY CÔN SƠN CHU TRUNG TÁC

Thập niên phiêu chuyển, thán bồng bình.
Quy tứ dao dao nhật tự tinh.
Kỷ thác mộng hồn tầm cố lý,
Không tương huyết lệ tẩy tiên huỳnh
Binh dư cân phủ, ta nan cấm.
Khách lý giang sơn, chỉ thử tình.
Uất uất thốn hoài vô nại xứ,
Thuyền song thôi chẩm đáo thiên minh.

Dịch nghĩa

ĐI THUYỀN VỀ TỚI CÔN SƠN

Mười năm thân thế cứ lang thang.
Thay ngọn cờ tinh chính bóng dương
Lúc ngủ thường mê về cố lý,
Bao phen nhớ tới lễ từ đường.
Nơi quê phép nước không ngăn cấm,
Đất khách tình nhà cứ xót thương.
Trằn trọc không yên nằm lại dậy,
Nhìn giời mong sáng suốt đêm trường



44.— 寄友

平生世路嘆屯邅
萬事惟應付老天
寸舌但存空自信
一寒如故亦堪憐
光陰倏忽時難再
客舍淒涼夜似年
十載讀書貧到骨
盤無苜蓿坐無氈

Phiên âm

KÝ HỮU

Bình sinh thế lộ thán truân chiên
Vạn sự duy ưng phó lão thiên:
Thốn thiệt đãn tồn không tự tín
Nhất hàn như cố diệc kham liên.
Quang âm thúc hốt thời nan tái,
Khách xá thê lương dạ tự niên.
Thập tải độc thư bần đáo cốt,
Bàn vô mộc túc, tọa vô chiên.

Dịch nghĩa

THƯ GỬI BẠN.

Đường đời từng trải, vốn gian nan.
Muôn việc mặc giời, chẳng nhọc nhằn
Tấc lưỡi tuy còn mà ngại nói,
Mùa đông như trước nghĩ thương thân.
Quang âm bóng thoảng thời nhanh chóng
Khách xá năm qua việc khó khăn
Đọc sách mười năm, nghèo túng khồ,
Đói không rau xuống, rét không chăn.



45.— 舟中偶成

雨後春潮漲海門
天風吹起浪花噴
半林殘照篩烟樹
隔水孤鐘搗月村
風景可人詩入畫
湖山滿目酒盈樽
舊遊歷歷余曾記
往事重尋只夢魂

Phiên âm

CHU TRUNG NGẪU THÀNH.

Vũ hậu xuân trào, trướng hải môn
Thiên phong xuy khởi, lãng hoa bồn.
Bán lâm tàn chiếu si yên thụ,
Cách thủy cô chung đảo nguyệt thôn.
Phong cảnh khả nhân thi nhập họa,
Hồ sơn.mãn mục tửu doanh tôn.
Cựu du lịch lịch dư tằng ký,
Vãng sự trùng tầm chỉ mộng hồn,

Dịch nghĩa

NGỒI TRONG THUYỀN

Mưa tạnh trào lên, sóng bề đầy.
Như hoa trên nước phất phơ bay.
Bên rừng nắng xế, cành cây ngả,
Trên bến chuông rền, bóng nguyệt lay.
Phong cảnh giục người thi với họa,
Núi hồ trước mặt rượu thêm cay.
Cuộc chơi khi trước nay mà nhớ,
Việc cũ coi như nửa tỉnh say.



46.— 海角天涯肆意遨

乾坤到處放吟毫
漁歌三唱烟湖濶
牧笛一聲天月高
清夜凴虛觀宇宙
秋風乘興駕鯨鰲
悠悠萬事忘情後
妙理真堪付濁醪

Phiên âm

Hải giác thiên nhai tứ ý ngao.
Càn khôn đáo xứ phóng ngâm hào.
Ngư ca tam xướng yên hồ khoát,
Mục địch nhất thanh, thiên nguyệt cao.
Thanh dạ bằng hư quan vũ trụ.
Thu phong thừa hứng giá kình ngao.
Du nhiên vạn sự vong tình hậu,
Diệu lý, chân kham phó trọc lao.

Dịch nghĩa

Góc bể chân giời chẳng ngại nào.
Đất giời đâu đó cứ nghêu ngao.
Ca chài tiếng động, giòng thu gợn.
Còi mục vang hơi bóng nguyệt cao.
Đêm sáng bao la nhìn vũ trụ,
Gió thu cao hứng cưỡi kình ngao.
Xuôi giòng muôn việc khi quên hết.
Trong sạch hay hèn cũng chẳng sao.



47.—

佩劍攜書簷氣粗
海山萬里片帆孤
途中日月三冬過
客裡親朋一字無
異境每驚新歲月
扁舟重憶舊江湖
四方壯志平生有
此去寧辭我僕痡

Phiên âm

Bội kiếm huề thư, diêm khí thô
Hải sơn vạn lý phiến phàm cô.
Đồ trung nhật nguyệt, tam đông quá,
Khách lý thân bằng nhất tự vô.
Dị cảnh mỗi kinh tân tuế nguyệt
Biển chu trùng ức cựu giang hồ.
Tứ phương tráng trí bình sinh hữu.
Thử khứ ninh từ ngã bộc bô.

Dịch nghĩa

Túi sách thanh gươm, bước ruồi rong,
Mái chèo muôn dặm cảnh non sông.
Lang thang ngày tháng ba thu trọn,
Thăm hỏi thân sơ, một chữ không.
Năm mới hơn gì nơi lữ thứ,
Cảnh quen thêm một hẹn tang bồng.
Bốn phương ngang dọc đành như thế,
Đã bước chân đi chẳng ngại ngùng.



48.— 題劍

藍山自古臥神龍
世事懸知在掌中
大任有歸天啟聖
昌期一遇虎生風
國讐洗盡千年恥
金匱終藏萬世功
整頓乾坤從此了
世間那更數英雄

Phiên âm

ĐỀ KIẾM.

Lam Sơn tự cổ ngọa thần long.
Thế sự huyền tri tại chưởng trung.
Đại nhiệm hữu quy thiên khải thánh,
Xương kỳ nhất ngộ hổ sinh phong.
Quốc thù tẩy hận thiên niên sỉ,
Kim qũy chung tàng vạn thế công.
Chỉnh đốn càn khôn tòng thử liễu,
Thế gian na cánh sổ anh hùng.

Dịch nghĩa

ĐỀ VÀO GƯƠM.

Lam Sơn từ trước đất thần long.
Việc đã vào tay việc tất xong.
Thánh nhận, giời trao duyên cá nước,
Hổ gầm, gió cuốn, hội mây rồng.
Công cao muôn thủa ghi còn mãi,
Thù nước nghìn năm rửa sạch không.
Chỉnh đốn quốc gia từ đó hẳn,
Thế gian đã được mấy anh hùng.



49.— 賀歸藍山

權謀本是用除奸
仁義維持國勢安
臺閣有人儒席煖
邊陲無事柳營閑
遠方玉帛圖王會
中國威儀覩漢官
溯浸已清鯨浪息
南州萬古舊江山

Phiên âm

HẠ QUY LAM SƠN.

Quyền mưu bản thị dụng trừ gian.
Nhân nghĩa duy trì quốc thế an.
Đài các hữu nhân, nho tịch noãn,
Biên thùy vô sự liễu doanh nhàn.
Viễn phương ngọc bạch đồ vương hội,
Trung quốc uy nghi đổ Hán quan.
Sọc tẩm dĩ thạnh, kình lãng tức,
Nam Châu vạn cổ cựu giang sơn.

Dịch nghĩa

MỪNG VỀ LAM SƠN.

Quyền nghi vốn dụng để trừ gian.
Nhân nghĩa y nguyên, thế nước an.
Đài viện có người, hiền giả đủ,
Biên thùy không việc, ải quan nhàn.
Phương xa triều kiến, theo nghi lễ,
Trong nước uy nghi vẻ đại thần.
Kình ngạc mất tăm yên sóng bắc,
Nước Nam muôn thủa cả giang sơn.



50.— 憶昔藍山玩武經
當時志已在蒼生
義旗一向中原指
廟算先知大事成
日毳月城歸德化
卉裳椎髻識威聲
一戎大定何神速
甲洗弓櫜樂太平

Phiên âm

Ức tích Lam Sơn ngoạn Vũ Kinh
Đương thời, chí dĩ tại thương sinh.
Nghĩa kỳ nhất hướng trung nguyên chỉ,
Miếu toán tiên tri đại sự thành.
Nhật xuyến, nguyệt thành, quy đức hóa,
Hủy thường, chùy kế, thức uy thanh
Nhất nhung đại định, hà thần tốc,
Giáp tẩy, cung cao lạc thái bình

Dịch nghĩa

Khi ở Lam Sơn đọc Vũ Kinh,
Đương thời đã nghĩ tới dân sinh.
Trung nguyên cờ nghĩa vừa quay ngọn.
Phạt bắc cơ đồ tất dựng thành.
Châu quận xa xôi thành đức hóa,
Áo khăn lam lũ tới uy danh
Áo nhung định loạn sao nhanh chóng,
Rửa giáp treo cung hưởng thái bình.



51.— 上元扈駕舟中作

沿江千里燭光紅
彩鷁乘風跨浪蓬
十丈樓臺消蜃氣
三更鼓角壯軍容
滄波月浸玉千頃
仙杖雲趨天九重
五夜蓬窗清夢覺
猶疑長樂隔花鐘

Phiên âm

THƯỢNG NGUYÊN HỖ GIÁ CHU TRUNG TÁC

Duyên giang thiên lý chúc quang hồng
Thái ích thừa phong khóa lãng bồng
Thập trượng lâu đài tiêu thận khí,
Tam canh cổ giác tráng quân dung.
Thương ba nguyệt tẩm, ngọc thiên khoảnh,
Tiên trượng vân xu, thiên cửu trùng.
Ngũ dạ bồng song thanh mộng giác,
Do nghi Trường Lạc Cách hoa chung

Dịch nghĩa

TIẾT THƯỢNG NGUYÊN ĐI THUYỀN HỘ GIÁ.

Dọc bờ, nghìn dặm, ánh đèn chong.
Thuận gió, thuyền suôi, nhẹ tựa bồng.
Trên nước bóng tà tan tựa khói,
Trống canh quân đội khích thêm hùng.
Lần theo giăng bạc soi nghìn khoảnh,
Bay trước mây cao vút chín trùng.
Năm tối, cửa bồng mơ lẩn tỉnh,
Còn ngờ Trường Lạc phía Hoa Chung.



52.— 賀 捷（辛 亥 太 祖 征 復 禮 州）

蠢爾蠻酋敢寇邊
積凶稔惡已多年
九重睿念怜遐俗
萬里鑾輿冒瘴烟
山戎已聞收魏博
宸奎又見刻燕然
從今四海車書一
盛德豐功萬古前

Phiên âm

HẠ TIỆP.

(Tân Hợi, Thái Tổ chinh phục Lễ Châu).

Xuẩn nhĩ, man tù cảm khấu biên
Tích hung nẫm ác, dĩ đa niên.
Cửu trùng duệ niệm linh hà tục,
Vạn lý loan dư mạo chướng yên.
Sơn thư dĩ văn thu ngụy bác,
Thần khuê hựu kiến khắc Yên Nhiên.
Tòng kim tứ hải xa thư nhất,
Thịnh đức phong công vạn cổ tiền.

Dịch nghĩa

MỪNG THẮNG TRẬN.

(Năm Tân Hợi, Thái Tổ chinh phục Lễ Châu),

Ngu dại Man Tù quấy cõi biên.
Rở trò hung ác cứ liên miên.
Chín trùng lượng thánh thương chưa trị,
Muôn dặm xe loan phải dẹp yên.
Quân thú mở đường thu đất nước,
Khuê văn đề lại đá Yên Nhiên.
Từ nay bốn bề thu về một,
Đức thịnh, công cao, vạn cổ truyền.



53.— 奸臣賊子罪難容
到底終投憲網中
窮壤豈堪延喘息
大庭應已奏膚公
角聲萬里溪山月
旗腳千岩草木風
四海永清從此始
扶桑早辨掛天弓

Phiên âm :

Gian thần tặc tử tội nan dung.
Đáo để chung đầu, hiến võng trung.
Cùng nhưỡng khởi kham diên suyễn tức,
Đại đình ưng dĩ tâu phu công.
Giốc thanh, vạn lý khê, sơn, nguyệt,
Kỳ cước thiên nham thảo mộc phong.
Tứ hải vĩnh thanh tòng thử thủy,
Phù tang bảo biện quải thiên cung.

Dịch nghĩa

Gian thần, tặc tử tội không dung.
Pháp luật rồi ra phải mắc vòng.
Há để dân xa lâu chịu khổ,
Tâu về kinh khuyết đã thành công.
Giăng thanh muôn dặm còi quân rúc,
Gió giậy nghìn non phớt ngọn hồng.
Bốn bề sóng yên từ đó hẳn,
Biên cương sớm được xếp đao cung.



54.— 聖朝柔遠憫昏愚
柰爾無知自殞軀
累世仇深隣境怨
欺天罪大鬼神誅
莫將前世扳今代
不作忠臣效逆囚
為報後來藩鎮者
征輪覆轍在前途

Phiên âm

Thánh triều nhu viễn, mẫn hôn ngu,
Nại nhĩ vô tri, tự vẫn khu.
Lũy thế cừu thâm, lân cảnh oán
Khi thiên tội đại quỷ thần tru.
Mạc tương tiền thế bản kim đại,
Bất tác trung thần hiệu nghịch tù
Vi báo hậu lai phiên trấn giả,
Chinh luân phúc triệt tại tiền đồ.

Dịch nghĩa

Thánh triều biên bỉ rắc ơn sâu.
Nơi chết dân ngu tự nộp đầu
Mấy kiếp lân bang đều oán sẵn,
Dối giời thần thánh có dung đâu.
Đừng đem đời trước nâng đời mới,
Chớ xếp người trung lẫn ngục lao.
Phiên trấn từ nay cần biết rõ,
Vết xe lớp trước khỏi đi vào.



55.— 欺天罔上謂天高

天網恢恢更難逃
戶外重山空設險
林間棲鳥不歸巢
蠻溪路遠紆鸞馭
玉帳深謀出虎韜
四海只今俱帖靜
預知後逸本先勞

Phiên âm

Khi thiên võng thượng vị thiên cao.
Thiên võng khôi khôi cánh mạc đào.
Hộ ngoại trùng sơn không thiết hiểm
Lâm gian thê điểu bất quy sào.
Man khê lộ viễn vu loan ngự,
Ngọc trướng thâm mưu xuất hổ thao.
Tứ hải chỉ kim câu thiếp tĩnh,
Dự tri hậu đặt bản tiên lao.

Dịch nghĩa

Dối giời lừa chúa tưởng giời cao.
Lưới rộng không cùng tránh được sao.
Rãy núi chạy xa thành hiểm trở,
Đàn chim đành bỏ tổ rừng sâu.
Xe loan đi tới miền man rợ,
Trướng ngọc truyền ra kế lược thao.
Bốn bề ngày nay đều trấn tĩnh,
Sau vui là tại trước nhiều lao.



56.— 周公輔成王圖.

懿親輔政想周公.
處變誰將伊尹同
玉几遺言常在念
金縢故事敢言功
安危自任扶王室
左右無非保聖躬
子孟豈能瞻彷彿
擁昭僅可把餘風

Phiên âm

CHU CÔNG PHỤ THÀNH VƯƠNG ĐỒ.

Ý thân phụ chính tưởng Chu Công
Xử biến thùy tương Y Doãn đồng.
Vương kỷ di ngôn thường tại niệm,
Kim Đằng cố sự cảm ngôn công.
An nguy tự nhiệm phù vương thất,
Tả hữu vô phi bảo thánh cung.
Tử Mạnh khởi năng chiêm phảng phất,
Ủng chiêu cận khả bả dư phong.

Dịch nghĩa

ĐỀ VÀO BỨC HỌA CHU CÔNG GIÚP THÀNH VƯƠNG.

Gần vua giúp chính giống Chu Công,
Y Doãn ngang tài biến hóa thông.
Chấp ngọc truyền lời thường để dạ,
Sách vàng ghi việc chẳng khoe công.
An nguy tự nhận tôn vương thất,
Tả hữu không ngoài giúp thánh cung.
Tử Mạnh (1) chính là thành thực hẳn,
Giúp vua kim cổ vẫn tương đồng.



(1) Tử Mạnh : Hoắc Quang.

57.— 乞人畫崑山圖

半生邱壑廢登臨
亂後家鄉費夢尋
石畔松風孤勝賞
澗邊梅影負清吟
烟霞冷落腸堪斷
猿鶴蕭條意匪禁
憑仗人間高畫手
筆端寫出一般心

Phiên âm

KHẤT NHÂN HỌA CÔN SƠN ĐỒ.

Bán sinh khưu hác phế đăng lâm
Loạn hậu gia hương phí mộng tầm.
Thạch bạn tùng phong cô thắng thưởng,
Giản biên mai ảnh phụ thanh ngâm.
Yên hà linh lạc trường kham đoạn,
Viên hạc tiêu điều ý phỉ câm.
Bằng trượng nhân gian cao họa thủ,
Bút đoan tả xuất nhất ban tâm.

Dịch nghĩa

NHỜ NGƯỜI VẼ BỨC HỌA CÔN SƠN

Nửa đời lăn lộn bỏ non xanh.
Hết loạn về quê mộng chửa thành.
Vách đá tung cao ai thưởng thức,
Bên khe mai trắng gió rung rinh.
Non sông lưu lạc tâm đòi đoạn,
Vượn hạc buồn thiu chí chẳng đành.
Nhờ cậy bút thần tay họa sĩ,
Tơ lòng tả đúng nét đan thanh.



58.— 題程處士雲窩圖.
佳客相逢日抱琴
故山歸去興何深
香浮瓦鼎風生樹
月滿苔磯竹滿林
洗盡塵襟花外茗
喚回午夢枕邊禽
日長隱几忘言處
人與白雲誰有心

Phiên âm

ĐỀ TRÌNH XỬ SĨ VÂN OA ĐỒ,

Giai khách tương phùng, nhật bão cầm.
Cố sơn quy khứ hứng hà thâm
Hương phù ngõa đỉnh phong sinh thụ
Nguyệt chiếu đài cơ, trúc mãn lâm.
Tẩy tận trần khâm hoa ngoại mính,
Hoán hồi ngọ mộng chẩm biên cầm
Nhật trường ẩn kỷ kỵ ngôn xứ,
Nhân dữ bạch vân thùy hữu tâm.

Dịch nghĩa

ĐỀ VÀO BỨC HỌA VÂN ĐA TRÌNH XỬ SĨ.

Người cảnh cùng vui lựa khúc đàn.
Non nhà về ở thú an nhàn
Gió đưa chè ngát cây rung động,
Rêu đá giăng soi trúc khắp ngàn
Ngày gột tâm trần chè giọng mát,
Trưa nằm tỉnh giấc tiếng chim ran
Ngày dài tựa án im hơi tiếng,
Mây trắng nhìn ta chửa chắc hơn



59.— 觀閱水陣

北海當年已戮鯨
燕安猶慮誥戎兵
旌旗掎旋連雲影
鼙鼓喧闐動地聲
萬甲耀霜貔虎肅
千艘布陣鷹鵝行
聖心欲與民休息
文治終須致太平

Phiên âm

QUAN DUYỆT THỦY TRẬN.

Bắc hải đương niên dĩ lục kình.
Yến an do lự cáo nhung binh.
Tinh kỳ ỷ nỉ liên vân ảnh,
Bề cổ huyên điền động địa thanh.
Vạn giáp diệu sương tì hổ túc,
Thiên sưu bố trận, nhạn nga hàng
Thánh tâm dục dữ dân hưu tức,
Văn trị chung tu chí thái bình.

Dịch nghĩa

COI DUYỆT THỦY TRẬN.

Bề bắc năm nay giết ngạc kình,
Lại lo dẹp đến bọn man binh.
Cờ tinh phấp phới mây lồng bóng,
Trống trận ngoài biên giặc khiếp kinh.
Muôn giáp dầm sương quân thẳng tiến,
Nghìn thuyền bày trận nhạn xây thành.
Lòng vua chỉ muôn dân yên nghỉ,
Xếp võ, theo văn, nước trị bình.



60.— 冷煖席

截竹編鋪未足奇
要渠冷煖適時宜
柔毛穩藉香侵骨
軟革寒鋪水侵肌
竹院日長宜暑退
紅樓夜永覺春私
高堂不失溫涼候
却恨晨昏定省時

Phiên âm.

LÃNH NOÃN TỊCH.

Tiệt trúc biên bồ vị túc kỳ.
Yêu cừ lãnh noãn thích thời nghi.
Nhu mao ổn tạ hương xâm cốt,
Nhuyễn cách hàn phô thủy tẩm cơ.
Trúc viện nhật trường nghi thử thoái,
Hồng lâu dạ vĩnh, giác xuân ty.
Cao đường bất thất ôn lương hậu,
Khước hận thần hôn định tỉnh thì.

Dịch nghĩa.

CHIẾU KHI ẤM KHI MÁT.

Chiếu trúc làm ra đã khó khăn,
Lại thêm nóng mát chiếu thành chăn,
Tơ mềm lụa nhũn còn e rét.
Dạ mát, chiên êm khỏi thấy cần.
Viện trúc ngày dài, êm lửa hạ,
Lầu hồng đêm lạnh, đượm hơi xuân.
Cao đường ấm lạnh đành không thiếu,
Chỉ thiếu chăm nom sớm tối gần.



61.— 題徐仲甫耕隱堂.
去怕繁花踏軟塵
一犁岩畔可藏身
商家令佐稱莘野
漢世高風仰富春
松菊猶存歸未晚
利名不羨隱方真
嗟余久被儒冠誤
本是耕閑釣寂人.

Phiên âm.

ĐỀ TỪ TRỌNG PHỦ CANH ẨN ĐƯỜNG.

Khứ phạ phồn hoa đạp nhuyễn trần.
Nhất lê nham bạn, khả tàng thân.
Thương gia Lịnh Tá xưng Sằn dã,
Hán thế cao phong ngưỡng Phú-Xuân.
Tùng cúc do tồn quy vị vãn,
Lợi danh bất tiễn ần phương chân.
Ta dư cửu bị nho quan ngộ,
Bản thị canh nhàn điếu tịch nhân.

Dịch nghĩa.

ĐỀ NHÀ CANH ẨN TỪ TRỌNG PHỦ.

Bỏ chốn phồn hoa, lánh tục trần.
Cầy sâu mảnh ruộng được yên thân.
Nhà Thương Phụ Chính do Sằn Dã, (1)
Đời Hán cao phong nhớ Phú-Xuân, (2)
Tùng cúc vẫn còn, về chửa muộn.
Lợi danh không hám ẩn là hơn.
Thương ta nhầm mắc cân đai mãi,
Canh điếu là nghề, hợp bản thân.



CHÚ THÍCH.— (1) Y Doãn trước khi làm tể tướng triều Thương nước Tàu, cầy ruộng ở đất Sằn.

(2) Vị đại hiền Nghiêm-Quang triều Hán nước Tàu, cày ruộng ở đất Phú-Xuân.

62.— 題石竹窩.

傍石移栽竹幾竿
玲瓏色英碧琅玕
烟梢露滴衣裳冷
地骨雲生枕簟寒
幽致已應塵外想
清標還愛雪中看
窗前月白供佳賞
退食聊將寓暫歡

Phiên âm.

ĐỀ THẠCH TRÚC OA

Bàng thạch di tài trúc kỷ can.
Linh lung sắc ánh bích lang can.
Yên sao lộ trích y thường lãnh,
Địa cốt vân sinh chẩm đạm hàn.
U chí dĩ ưng trần ngoại tưởng,
Thanh tiêu hoàn ái tuyết trung khan,
Song tiền nguyệt bạch cung giai thưởng.
Thoái thực liêu tương ngụ tạm hoan.

Dịch nghĩa.

ĐỀ NHÀ THANH TRÚC.

Vách đá lơ thơ, trúc mọc gần.
Long lanh ánh sáng ngọc lang can.
Hơi sương ngọn lá đầm khăn áo,
Mây nổi sườn non lạnh chiếu chăn.
Phong cảnh rục người xa cõi tục,
Thanh u gợi thú tới non Hàn.
Trước song giăng sáng giời mây đẹp,
Nhắp chén quay vào giấc tạm an.

63.— 題何校尉白雲思親

庭闈一別歲花深
愛慕人皆共此心
客裡看雲情易切
公餘披卷意難禁
家山孰不懷桑梓
忠孝何曾有古今
持此贈金還自感
詩成我亦淚沾襟

Phiên âm :

ĐỀ HÀ HIỆU ÚY, BẠCH VÂN TƯ THÂN.

Đình vi nhất biệt, tuế hoa thâm.
Ái mộ nhân giai cộng thử tâm,
Khách lý khan vân tình dị thiết,
Công dư phi quyển ý nan câm.
Gia sơn thục bất hoài tang tử,
Trung hiếu hà tằng hữu cổ kim.
Trì thử tặng quàn hoàn tự cảm,
Thi thành ngã diệc lệ triêm khâm.

Dịch nghĩa :

ĐỀ HÀ HIỆU ÚY, NHÌN MÂY TRẮNG NHỚ CHA MẸ

Xuân du đất khách đã lần thay.
Nhà cũ ai không muốn tới ngay,
Quán trọ trông mây tình đã thiết,
Nhà tư đọc sách trí như ngây.
Giang hồ đều nhớ tang cùng tử,
Trung hiếu riêng đâu trước khác nay.
Tặng bác vài câu nhân tự cảm.
Thơ xong tôi cũng lệ vơi đầy.



64.— 秋夜客感

(莊子.— 楚王與凡君坐. 楚左右曰: 凡亡者三, 凡君曰: 凡之亡者不足以表吾存, 楚之存不足以存存. 由此觀之則凡未始亡而楚未始存也)

旅舍蕭蕭席作門
微吟袖手過黃昏
秋風落葉羈情思
夜雨清燈客夢魂
亂後逢人非夙昔
愁中送目寓乾坤
到頭萬事皆虛幻
休論凡亡與楚存

Phiên âm

THU DẠ KHÁCH CẢM.

(Trang-Tử.— Sở-Vương dữ Phàm - Quân tọa. Sở tả hữu viết : Phàm vong giả tam. Phàm Quân viết : Phầm chi vong giả bất túc dĩ biểu ngô tồn. Sở chi tồn bất túc dĩ tồn tồn. Do thử quan chi tắc Phàm vị thủy vong nhi Sở vị thủy tồn dã).

Lử xá tiêu tiêu tịch tác môn.
Vi ngâm tụ thủ quá hoàng hôn.
Thu phong lạc diệp ky tình tứ.
Dạ vũ thanh đăng, khách mộng hồn.
Loạn hậu phùng nhân phi túc tích,
Sầu trung tống mục ngụ càn khôn.
Đáo đầu vạn sự giai hư ảo,
Hưu luận Phàm vong dữ Sở tồn.

Dịch nghĩa :

ĐÊM THU NƠI ĐẤT KHÁCH.

(Trang-Tử có chép : Sở vương cùng ngồi với Phàm quân. Các quan Sở nói : Phàm mà mất nước là có ba cớ. Phàm quân nói : Phàm mất không đủ để khoe là ta còn. Sở mà còn không đủ để khoe là còn. Coi đó thì biết Phàm không phải bắt đầu mất, mà Sở không phải mới bắt đầu còn).

Quán khách tiêu điều xiết nỗi buồn.
Sớm ngày yên đợi tới hoàng hôn.
Gió thu lá rụng khêu tâm tứ,
Mưa tối đèn xanh chiếu mộng hồn.
Sau loạn, gặp người quen cũng lạ,
Cơn buồn, đưa mắt, dại hay khôn.
Tựu chung, muôn việc đều hư ảo,
Chớ luận Phàm vong, với Sở tồn.



65.—

西風撼聲響提錚
搖落樹悲久客情
黃葉滿庭秋過半
青燈和雨夜三更
病多骨瘦眠應少
官冷身閑夢亦清
一念息來千念息
鷄虫自此了相爭

（杜詩：得失無了時）

Phiên-âm.-

Tây phong hám thụ. hưởng đề tranh.
Dao lạc thanh bi cửu khách tình.
Hoàng diệp mãn đình, thu quá bán,
Thanh đăng hòa vũ dạ tam canh.
Bệnh đa cốt sấu, miên ưng thiểu,
Quan lãnh thân nhàn, mộng diệc thanh,
Nhất niệm tức lai, thiên niệm tức.
Kê trùng tự thử liễu tương tranh.

Dịch-nghĩa.-

Cành cây vang động gió thu qua,
Sào sạc gây buồn khách ở xa,
Lá úa đầy sân thu quá nửa,
Đèn soi mưa lạnh, tối canh ba.
Người gầy, bệnh lắm, nằm thơ thẩn,
Chức rỗi, quan nhàn, mộng vẩn vơ.
Một nghĩ đã thôi, nghìn nghĩ hết,
Chỉ nghe tiếng dế, tiếng canh gà.



66.— 秋夜與黃江阮若水同賦

紅葉推庭竹擁門
滿階明月過黃昏
九霄清露三更濕
四壁寒蛩徹夜喧
仙籟語秋驚草木
玉繩低漢轉乾坤
高齋獨坐渾無寐
奴把新詩向志論

Phiên âm

THU DẠ, DỮ HOÀNG GIANG,
NGUYỄN NHƯỢC THỦY ĐỒNG PHÚ.

Hồng diệp đôi đình, trúc ủng môn.
Mãn giai minh nguyệt quá hoàng hôn.
Cửu tiêu thanh lộ tam canh thấp,
Tứ bích hàn tương triệt dạ huyên.
Tiên lại ngữ thu kinh thảo mộc,
Ngọc thằng, đê hán, chuyển càn khôn.
Cao trai độc tọa hồn vô mị,
Hảo bả tân thi hướng chí luân.

Dịch nghĩa

ĐÊM THU CÙNG HOÀNG GIANG,
NGUYỄN NHƯỢC THỦY, LÀM THƠ.

Lá đỏ đầy sân, cổng, trúc treo.
Khắp thềm giăng sáng, tự ban chiều.
Chín từng lã chã dầm sương nặng,
Bốn vách âm u vẳng dế kêu.
Sáo bắc hơi thu cây trút lá,
Giòng Ngân ánh bạc, tiết thay chiều.
Hiên cao tựa bóng ngồi không ngủ,
Thơ mới lần coi, nghĩ ngợi nhiều.



67.— 望瀛

望瀛投暮繫吟船
詩景撩人晚興牽
浴翠雨晴風似玉
大安潮漲水如天
依依遠樹青烟裏
渺渺平沙白鳥前
三十年前湖海趣
茲遊奇經勝蘇仙

Phiên âm

VỌNG DOANH.

Vọng Doanh đầu mộ hệ ngâm thuyền.
Thi cảnh liêu nhân vãn hứng khiên.
Dục Thúy vũ tình phong tự ngọc,
Đại An trào trướng, thủy như thiên.
Y y viễn thụ thanh yên lý,
Diểu diểu bình sa, bạch điểu tiền.
Tam thập niên tiên, hồ hải thú,
Tư du kỳ tuyệt, thắng Tô tiên.

Dịch nghĩa

VỌNG DOANH

Vọng Doanh gác mái bóng non tây,
Ngắm cảnh nên thơ, hứng dễ gây,
Dục Thúy hết mưa, non tựa ngọc,
Đại An tràn sóng, nước như mây.
Rừng cây thăm thẳm, làn xanh phủ,
Bãi cát mênh mông, hạc trắng bay.
Ba chục năm xưa hồ với hải,
Lão Tô (1) chưa được cảnh ngày nay.

CHÚ THÍCH : (1) Bực đại nho, triều Tống, nướo Tàu.



過神符海口

(在峨山江流自正大巡而下兩邊水連山拼立蜿蜒赴海景致幽濶為山大觀)

神符海口夜中過
奈此風清月白何
夾岸千峯排玉筍
中流一水走青蛇
江山如昨英雄逝
天地無情事變多
胡越一家今幸覩
四溟從此息鯨波

Phiên âm

QUÁ THẦN PHÙ HẢI KHẨU

(Tại Nga Sơn. Giang lưu tự Chính Đại, tuần nhi hạ. Lưỡng biên liên sơn phan lập, uyển diên phó hải. Cảnh chí đoạn khoát vi sơn thủy đại quan).

Thần Phù hải khẩu dạ trung qua.
Nại thử phong thanh nguyệt bạch hà.
Giáp ngạn thiên phong bài ngọc duẩn,
Trung lưu nhất thủy tẩu thanh xà.
Giang sơn như tạc, anh hùng thệ,
Thiên địa vô tình, sự biến đa.
Hồ Việt nhất gia kim hạnh đổ,
Tứ minh tòng thử tức kình ba.

Dịch nghĩa

QUA CỬA BỂ THẦN PHÙ

(Cửa bể ở huyện Nga Sơn. Từ xã Chính Đại xuôi giòng. Hai bên núi mọc hình thế uy nghiêm đi tới bể. Rộng rãi bao la, phong cảnh thật đẹp).

Thần Phù qua bên ánh giăng lồng,
Gió mát canh khuya cảnh vĩ hùng.
Nghìn ngọn theo bờ, hình lá trúc,
Một chiều giữa bể uốn thân rồng.
Nước non như cũ người đâu vắng,
Giời đất vô tình việc rối bồng.
Hồ Việt một nhà may được thấy,
Từ nay kình ngạc sạch giòng sông.



69.— 神符海口

故國歸心落雁邊
秋風一葉海門船
鯨噴浪吼雷南北
槊擁山連玉後前
天地多情恢巨浸
勳名此會想當年
日斜倚棹滄茫立
冉冉寒江起暮烟

Phiên âm

THẦN PHÙ HẢI KHẨU

Cố quốc quy tâm lạc nhạn biên,
Thu phong nhất diệp hải môn thuyền.
Kình bôn lãng hống, lôi nam bắc,
Sóc ủng sơn biên, ngọc hậu tiền.
Thiên địa đa tình khôi cự tẩm,
Huân danh thử hội tưởng đương niên.
Nhật tà ỷ trạo, thương mang lập,
Nhiễm nhiễm hàn giang khởi mộ yên.

Dịch nghĩa

CỬA BỂ THẦN PHÙ

Nhớ nước lòng quê, nhạn góc giời,
Lá thu chiếc bách, dạt chơi vơi.
Kình gào trên sóng vang sau trước,
Dáo dựng sườn non khắp mọi nơi,
Giời đất có duyên cùng giúp sức,
Tuổi tên gặp hội, đoán đâu thời,
Bóng chiều tựa mái nhìn man mác,
Trên nước chiều hôm ánh khói rơi.



70.— 淋江夜泊

港口聽潮暫繫舟
喑喑隔岸響蒲牢
船窗客夜三更雨
海曲秋風十丈濤
膜外虛名身是幻
夢中浮俗事堪抛
一生習氣渾如作
不為羇愁損舊豪

Phiên âm :

LÂM-CẢNG DẠ BẠC

Cảng khẩu thính triều, tạm hệ đao,
Am am cách ngạn hưởng bồ lao.
Thuyền song khách dạ, tam canh vũ,
Hải khúc thu phong thập trượng đào
Mạc ngoại hư danh, thân thị ảo.
Mộng trung phù tục sự kham phao.
Nhất sinh tập khí, hồn như tạc,
Bất vị ky sầu, tổn cựu hào.

Dịch nghĩa :

ĐÊM ĐI THUYỀN QUA LÂM-CẢNG.

Cửa bể trào lên; tạm gác chèo.
Xa nghe trên bến tiếng bồ lao (1).
Cửa bồng đêm tối, mưa liên tiếp,
Góc bể hơi thu, sóng nổi cao.
Xa thực, hư danh thôi vứt bỏ,
Như mơ, tục lụy chẳng xô vào.
Việc đời từng trải, sau như trước,
Không để sầu-thu giảm khí hào.

CHÚ THÍCH : Bồ lao là giống thú ở bờ bể, rất sợ cá kình, thấy bóng cá kình là rống lên. Cho nên chuông chùa chạm hình bồ lao, chày nện chuông chạm hình cá kình.



71.— 海口夜泊有感

湖 海 年 來 興 未 闌
乾 坤 到 處 覺 心 寬
眼 邊 春 色 薰 人 醉
枕 上 潮 聲 入 夢 寒
歲 月 無 情 雙 鬢 白
君 親 在 念 寸 心 丹
一 生 事 業 殊 堪 笑
贏 得 浮 名 落 世 間

Phiên âm

HẢI KHẨU DẠ BẠC HỮU CẢM

Hồ hải niên lai hứng vị lan.
Càn khôn đáo xứ giác tâm khoan.
Nhãn biên xuân sắc huân nhân túy,
Chẩm thượng triều thanh nhập mộng hàn.
Tuế nguyệt vô tình song mấn bạch,
Quân thân tại niệm thốn tâm đan.
Nhất sinh sự nghiệp, thù kham tiếu,
Doanh đắc phù danh lạc thế gian.

Dịch nghĩa

ĐÊM THUYỀN TỚI CỬA BỀ CẢM HỨNG

Hồ hải ngày nay vẫn chửa nhàn.
Nơi nơi đi lại đã hơi yên.
Bên mình xuân tới hương thơm nức,
Trước gối trào lên tiếng động quen.
Tóc bạc thờ ơ tình tuế nguyệt,
Lòng son thắc mắc nghĩa quân thân.
Một đời sự nghiệp nên cười thực,
Cũng được phù danh với thế gian.



72. 一 別 江 湖 數 十 年
海 門 今 夕 繫 吟 船
波 心 浩 渺 滄 洲 月
樹 影 參 差 浦 叙 烟
往 事 難 尋 時 易 過
國 恩 未 報 老 堪 憐
平 生 獨 抱 先 憂 念
坐 擁 寒 衾 夜 不 眠

Phiên âm

Nhất biệt giang hồ sổ thập niên.
Hải môn kim tịch hệ ngâm thuyền.
Ba tâm hạo diểu, Thương châu nguyệt,
Thụ ảnh sâm si phố tự yên.
Vãng sự nan tầm, thời dị quá,
Quốc ân vị báo, lão kham liên.
Bình sinh độc bão tiên ưu niệm,
Tọa ủng hàn khâm dạ bất miên.

Dịch nghĩa

Rời chốn giang hồ mấy chục năm.
Chiều nay cửa bể lại qua thăm.
Sóng tràn trên bãi, theo giăng sáng,
Khói phủ rừng sâu lẫn bóng dâm.
Việc trước tìm đâu, thời biến chuyển,
Ơn vua chưa báo, dạ âm thầm.
Bình sinh « lo trước » là tâm nguyện.
Ngồi tựa bên chăn, chửa nghĩ nằm.



73.— 龍袋岩

(袋一作岱清華山名清江横前.
紅岩遶後詳安南志).

去年虎穴我曾窺
龍袋今觀不窟奇
鰲負出山山有洞
鯨遊塞海海爲池
壺中日月天難老
丙上英雄此一時
黎范風流嗟漸遠
青苔半蝕壁間詩

Phiện âm :

LONG ĐẠI NHAM.

(Đại 袋 nhất tác 岱 Thanh Hoa sơn danh. Thanh giang hoành tiền. Hồng nham nhiễu hậu. Tường An Nam chí).

Khứ niên hổ huyệt ngã tằng khuy
Long Đại kim quan bất quật kỳ.
Ngao phụ xuất sơn, sơn hữu động,
Kình du tắc hải, hải vi trì.
Hồ trung nhật nguyệt, thiên nan lão,
Thế thượng anh hùng thử nhất thì,
Lê, Phạm phong lưu, ta tiệm viễn,
Thanh đài bán thực bích gian thi.

Dịch nghĩa.

NÚI LONG ĐẠI

(Chữ Đại 岱 có bản viết ra chữ 袋. Tên núi ở Thanh Hoa Có Thanh Giang trước mặt. Có Hồng Nham uốn quanh phía sau. Coi trong tập An Nam Chí)

Năm xưa Hồ huyệt đã đi về,
Long Đại năm nay chẳng kém gì.
Ngao biến núi to, còn động đá,
Bè thành ao nhỏ, vị kình nghê.
Trong hồ nhật nguyệt lâu không khuyết,
Cái kiếp anh hùng, chỉ một thì.
Lê, Phạm, phong lưu, ai nhắc tới,
Rêu xanh ăn xém chữ bia đề.



74.— 次韻陳尚書題阮布政草堂

一心報國尚桓桓
小構茆亭且自寬
微省退歸花影轉
金門夢覺漏聲殘
琴書雅趣真堪尚
松菊歡盟亦未寒
後樂想知終有意
好將事業百年看

Phiên âm

THỨ VẬN TRẦN THƯỢNG THƯ ĐỀ NGUYỄN BỐ CHÍNH THẢO ĐƯỜNG.

Nhất tâm báo quốc thượng hoàn hoàn.
Tiểu cấu mao đình, thả tự khoan.
Huy tỉnh thoái quy, hoa ảnh chuyển,
Kim môn mộng giác, lậu thanh tàn.
Cầm thư nhã thú, chân kham thượng,
Tùng cúc hoan minh, diệc vị hàn.
Hậu lạc tưởng tri chung hữu ý.
Hảo tương sự nghiệp bách niên khan.

Dịch nghĩa

TIẾP BÀI THƠ TRẦN THƯỢNG THƯ VỊNH THẢO ĐƯỜNG NGUYỄN-BỐ-CHÍNH.

Một lòng vì nước rõ uy phong,
Nhà nhỏ yên vui lúc việc xong.
Xa mã lui về cùng bóng xế,
Kim môn tỉnh mộng với vừng hồng.
Thơ đàn sẵn thú, đều ham chuộng,
Tùng cúc còn tươi, chửa hết đông.
«Hậu lạc» biết rằng như có ý,
Trăm năm sự nghiệp để soi chung.

75.— 端午日

天中共喜值佳辰
酒泛菖蒲節物新
進帖當年思永叔
沈湘底事嘆靈均
闢邪不用絲纏臂
隨俗聊爲艾結人
願把蘭湯分四海
祗令雪澡舊污民

Phiên âm.

ĐOAN NGỌ NHẬT

Thiên trung cộng hỷ trị giai thần.
Tửu phiếm xương bồ tiết vật tân.
Tiến thiếp đương niên tư Vĩnh Thúc,
Chầm Tương để sự thán Linh Quân,
Tịch tà bất dụng ty triền tý,
Tùy tục liêu vi ngải kết nhân,
Nguyện bả lan thang phân tứ hải,
Chi linh tuyết tảo cựu ô dân.

Dịch nghĩa.

NGÀY ĐOAN NGỌ

Nhớ ngày đoan ngọ có nguyên nhân.
Ngâm cỏ xương bồ chén rượu thần,
Thơ chép tưởng xưa như Vĩnh Thúc (1),
Giòng Tương nghĩ lại nhớ Linh Quân (2).
Buộc dây bỏ dụng trừ ma quỷ,
Kết ngải không theo giống tục nhân.
Chỉ muốn nước lan, tràn bốn bề,
Để cho hết bẩn lũ ngu dân.

CHÚ THÍCH : (1) Hiệu của An Dương Tu, thi-nhân triều Tống nước Tàu.
(2) Hiệu của Khuất Nguyên, đại hiền thời Chiến quốc nước Tàu.

76. 秋日偶成

蕭蕭墜葉響庭皋
病骨纔蘇氣轉豪
天地斯文從古重
湖山清興入秋高
鏡中白髮偕人老
身外浮名謾再勞
緬想故園三徑菊
夢魂夜夜上歸舠

Phiên âm

THU NHẬT NGẪU THÀNH

Tiêu tiêu trụy diệp hưởng đình cao.
Bệnh cốt tài tô, khí chuyển hào.
Thiên địa tư văn tòng cổ trọng,
Hồ sơn thanh hứng nhập thu cao.
Kính trung bạch phát giai nhân lão,
Thân ngoại phù danh, mạn nhĩ lao.
Miến tưởng cố viên, tam kính cúc,
Mộng hồn dạ dạ thượng quy đao.

Dịch nghĩa

NGÀY THU

Lá vàng lách tách rụng ngoài sân.
Bệnh khỏi, hào hùng, khí mạnh dần.
Giời đất thi thư từ trước quý
Non sông hứng thú tới thu hơn.
Mảnh gương tóc bạc, người cằn cỗi.
Việc thế, danh hư, chí nhọc nhằn.
Xa thẳm vườn xưa ba dãy cúc,
Con thuyền tối tối, mộng như gần.



77.— 漫興

世路蹉跎雪上巔
一生落魄更堪憐
兒孫種福留心地
魚鳥忘情樂性天
掃雪煮茶軒竹下
焚香對案塢梅邊
故山昨夜纏清夢
月滿平灘酒滿船

Phiên âm

MẠN HỨNG

Thế lộ sa đà tuyết thượng điên.
Nhất sinh lạc phách, cánh kham liên.
Nhi tôn chủng phúc lưu tâm địa,
Ngư điểu vong tình, lạc tính thiên.
Tảo tuyết chử trà, hiên trúc hạ,
Phần hương đối án ổ mai biên.
Cố sơn tạc dạ triền thanh mộng,
Nguyệt mãn bình than, tửu mãn thuyền.

Dịch nghĩa

MẠN HỨNG

Khúc khuỷu đường đời, tuyết phủ trên.
Một đời lưu lạc nghĩ thêm phiền.
Cháu con gây phúc cần nơi ở,
Chim cá vô tình mới tự nhiên.
Quét tuyết nấu chè, hiên trúc ngả,
Đốt trầm tựa án vách mai liền.
Non xưa đêm trước nhìn trong mộng,
Giăng ngập Bình Than, rượu ngập thuyền.



78.—

九萬摶風起昔曾
當年錯比北溟鵬
虛名自誤成箕斗
後學誰將作準繩
一片丹心真汞火
十年清職玉壺冰
優遊且復言余好
俯仰隨人謝不能

Phiên âm

Cửu vạn đoàn phong ký tích tằng,
Đương niên thác tỉ Bắc minh bằng.
Hư danh tự ngộ thành cơ đẩu,
Hậu học thùy tương tác chuẩn thằng.
Nhất phiến đan tâm chân hống hỏa,
Thập niên thanh chức ngọc hồ băng.
Ưu du thả phục ngôn dư hảo,
Phủ ngưỡng tùy nhân, tạ bất năng.

Dịch nghĩa

Nhờ gió bay lên chín vạn từng.
Dám đem thân thế ví chim bằng.
Hư danh tự nhận ngôi sao sáng,
Hậu học coi như mực thước giăng.
Một mảnh lòng son vàng giữa sắc,
Mười năm chức tạm ngọc hồ băng.
Bạn bè vẫn nói, ta tài giỏi,
Lượng cả bao dung tại thế chăng.



79.— 烏 兎 匆 匆 挽 不 留
回 頭 萬 事 總 宜 休
空 花 幻 眼 眠 蕉 鹿
俗 境 驚 心 喘 月 牛
矮 屋 栖 身 堪 度 老
蒼 生 在 念 獨 先 憂
彭 殤 感 穀 都 休 論
古 往 今 來 貉 一 邱

（南 地 多 暑，昊 牛
畏 熱 見 月 誤 爲 日 而 喘）

Phiên âm

Ô thỏ thông thông vãn bất lưu.
Hồi đầu vạn sự tổng nghi hưu.
Không hoa ảo nhãn, miên tiêu lộc,
Tục cảnh kinh tâm, suyễn nguyệt ngưu.
Ải ốc thế thân, kham độ lão,
Thương sinh tại niệm, độc tiên ưu,
Bành thương cảm cốc, đô hưu luận,
Cổ vãng kim lai, lạc nhất khâu.

(Nam địa đa thử, hạo ngưu úy nhiệt, kiến nguyệt ngộ vi nhật, nhi suyễn)

Dịch nghĩa

Thời gian chóng hết thoáng ngày trôi.
Mọi việc trông về muốn nghỉ thôi.
Hươu dấu quên nơi ngờ mộng ảo, (1)
Trâu nhìn giăng sáng tưởng ngày rồi.
Vùi thân nô lệ, tâm dù muốn,
Cứu nước gian lao nợ phải xuôi.
Già yếu số giời thôi chớ nghĩ,
Xưa nay một nấm ánh trăng soi.

CHÚ THÍCH : (1) chuyện xưa, có người bắt được CON HƯU, dấu một chỗ, lấy lá che đậy. Rồi quyên mất nơi dấu, ngỡ là giấc mộng.



80.—

朴散淳漓聖道真.
吾儒事業杳無聞
逢辰不作商岩雨
退老思耕谷口雲
每嘆百年同過客
何曾一飯忍忘君
人生識字多憂患
坡老曾云我亦云
(東坡云杜子寒饑雲流落未嘗一飯忘君)。

Phiên âm :

Phác tán thuần ly thánh đạo chân.
Ngô nho sự nghiệp diểu vô văn,
Phùng thời bất tác Thương nham vũ,
Thoái lảo tư canh Cốc khẩu vân.
Mỗi thán bách niên đồng quá khách,
Hà tằng nhất phạn nhẫn vong quân.
Nhân sinh thức tự đa ưu hoạn,
Pha Lão tằng vân, ngã diệc vân.

(Đồng Pha vân, Đỗ Tử Mỹ cơ hàn lưu lạc vị thường nhất phạn vong quân.

Dịch nghĩa.

Đạo thánh uyên nguyên chẳng được thua.
Từ lâu sao vắng tiếng nhà nho.
Núi rừng, không ẩn khi đương vận,
Vườn ruộng tìm về lúc cuối mùa.
Vẫn bảo trăm năm coi tựa khách,
Sao còn một bữa chẳng quên vua.
Đông Pha đã nghĩ, ta cùng nghĩ,
Biết chữ là thường cứ phải lo.

(Đông Pha nói : Đỗ Tử Mỹ khi đói rét lưu lạc chửa thường một bữa quên vua).



81.—

小院陰陰石徑斜
翛然官況似僧家
宦情易怯傷弓鳥
暮影難留赴壑蛇
夢覺故園三徑菊
心清活水一甌茶
回頭六十年前事
雙鬢星星兩眼花

Phiên âm

Tiểu viện âm âm thạch kính tà
Tiêu nhiên hoạn huống tự tăng gia.
Hoạn tình dị khiếp thương cung điểu,
Mộ ảnh nan lưu phó hác xà.
Mộng giac cố viên tam kính cúc,
Tâm thanh hoạt thủy nhất âu trà.
Hồi đầu lục thập niên tiền sự,
Song mấn tinh tinh lưỡng nhãn hoa.

Dịch nghĩa

Nhà nhỏ đường quai, bóng xế tà.
Xét coi hoạn huống lạnh như tờ.
Phải cung, chim thấy cành cong sợ,
Gần tối, muông về hốc đá chờ.
Tưởng nhớ vườn sau ba giẫy cúc
Mơ màng hiên cũ một bình trà.
Sáu mươi năm trước chưa quên việc,
Nay tóc hoa râm, mắt đã mờ.

89.— 夏日漫成

傳家舊業只青氈
離亂如今命苟全
浮世百年真似夢
人生萬事總關天
一壺白酒消塵慮
半榻清風足午眠
惟有故山心未斷
何時結屋向梅邊

Phiên âm

HẠ NHẬT MẠN THÀNH

Truyền gia cựu nghiệp chỉ thanh chiên.
Ly loạn như kim mệnh cẩu toàn,
Phù thế bách niên chân tự mộng,
Nhân sinh vạn sự tổng quan thiên.
Nhất hồ bạch tửu tiêu trần lự,
Bán tháp thanh phong, túc ngọ miên.
Duy hữu cố sơn tâm vị đoạn,
Hà thời kết ốc hướng mai biên.

Dịch nghĩa

Nghiệp xưa truyền lại mảnh thanh chiên.
Đời loạn riêng thân được vẹn tuyền.
Trần thế trăm năm là mộng cả
Nhân sinh muôn việc tự giời nên.
Một bình choáng váng thôi lo nghĩ,
Nửa chiếu thênh thang được giấc yên
Chỉ có non xanh chưa rứt được,
Khóm mai mong lúc lợp nhà bên.



83.—

漫 成.

青 年 芳 譽 藹 儒 林.
老 去 虛 名 付 夢 尋
杖 客 何 從 歸 漢 室
抱 琴 空 自 操 南 音
仲 尼 三 月 無 君 念
孟 子 孤 臣 慮 患 心
但 喜 弓 箕 存 舊 業
傳 家 何 用 滿 贏 金.

Phiên âm.

MẠN THÀNH.

Thanh niên phương dự ái nho lâm.
Lão khứ hư danh phó mộng tầm.
Trượng sách hà tòng quy Hán thất,
Bão cầm không tự tháo Nam âm.
Trọng Ni tam nguyệt vô quân niệm,
Mạnh Tử cô thần lự hoạn tâm.
Đãn hỷ cung cơ, tồn cựu nghiệp,
Truyền gia hà dụng mãn doanh kim.

Dịch nghĩa.

CẢM HỨNG

Thanh niên được tiếng gốc rừng nho.
Luống tuổi hư danh mới thẹn thò·
Theo chính, gươm mài, tìm rõ lối,
Về Nam đàn gẩy đã nên trò.
Trọng Ni ba tháng xa vua nhớ,
Mạnh Tử riêng mình việc nước lo.
Mừng được cơ cầu, nghề sẵn đấy,
Còn hơn vàng bạc chất đầy kho.

84.—

服中浮世總浮雲
左角驚看日晉秦
天或喪斯知有命
邦如有道亦羞貧
陳平自信能為宰
杜甫誰怜已誤身
世事不知何日了
扁舟歸釣五湖春

Phiên âm

Nhãn trung phù thế, tổng phù vân.
Tả giốc kinh khan nhật Tấn Tần.
Thiên hoặc táng tư, tri hữu mệnh,
Bang như hữu đạo diệc tu bần.
Trần Bình tự tín năng vi tể,
Đỗ Phủ thùy linh dĩ ngộ thân.
Thế sự bất tri hà nhật liễu,
Biên chu quy điếu ngũ hồ xuân.

Dịch nghĩa

Cõi trần mắt thấy thực phù vân.
Kinh hoảng đều như chuyện Tấn Tần.
Giời hoặc không cho, đành chịu mệnh,
Nước như còn được mới lo bần.
Trần Bình tự tín, nên công cán,
Đỗ Phủ hay nghi bị khó khăn.
Thế sự bao giờ xong giải quyết,
Thuyền câu mới thả hưởng ngày xuân.



85.—

博山香燼午窗虛
懶性從來愛索居
家有琴書兒輩樂
門無車馬故人疎
齏鹽隨分安衡泌
湖海棲身憶釣魚
與世漸疎頭向白
東山日日賦歸與

Phiên âm

Bác Sơn hương tận, ngọ song hư,
Lại tính tòng lai, ái sách cư.
Gia hữu cầm thư, nhi bối lạc,
Môn vô xa mã cố nhân sơ,
Tê diêm, tùy phận, an hành bí,
Hồ, hải, thê thân ức điếu ngư.
Dữ thế tiệm sơ, đầu hướng bạch,
Đông sơn, nhật nhật phú quy dư.

Dịch nghĩa

Bên sông núi Bác, ngọn hương mờ,
Lười nhác nằm dài, tính vốn ưa.
Nhà có sách đàn, con trẻ thích,
Cửa không xe ngựa, khách quen, thưa.
Rừng khe, nón lá, đời êm ái,
Sông bể thuyền câu, tính nhởn nhơ.
Thế tục tạm xa, râu tóc bạc,
Đông Sơn về sớm liệu bao giờ.



86.— 偶成

喜得身閒官又冷
閉門盡日少相過
滿堂雲氣朝焚柏
遶枕松聲夜瀹茶
修己但知為善樂
致身未必讀書多
平生迂闊真吾病
無術能醫老更加

Phiên âm

NGẪU THÀNH.

Hỷ đắc thân nhàn, quan hựu lãnh,
Bế môn tận nhật thiểu tương qua.
Mãn đường vân khí triêu phần bách,
Nhiễu chẩm tùng thanh dạ hấp trà.
Tu kỷ đãn tri vi thiện lạc,
Trí thân vị tất độc thư đa.
Bình sinh vu khoát, chân ngô bệnh,
Vô thuật năng y lão cánh gia.

Dịch nghĩa

NGẪU THÀNH.

Mừng được thanh nhàn, chức việc nhàn.
Cửa gài thăm hỏi ít ai cần.
Rượu thêm hương bách, ngày mây phủ,
Chè ngát bên tùng, tối gió đàn.
Vui nhất là khi mình tự sửa,
Học nhiều chưa đủ được bền gan.
Viễn vông chính bệnh từ xưa mắc,
Thuốc đã không hay, bệnh lại hơn.



87.— 酬友人見寄

矯矯龍驤萬斛舟
安行每懼覆中流
事堪涕淚非言說
運落風波豈智謀
身外浮名烟閣迥
夢中花鳥故山幽
慇懃堪謝鄉中友
聊把新詩寫我愁

Phiên âm

THÙ HỮU NHÂN KIẾN KÝ.

Kiều kiều long tương vạn hộc chu.
An hành mỗi cụ phúc trung lưu.
Sự kham thế lệ phi ngôn thuyết,
Vận lạc phong ba khởi trí mưu.
Thân ngoại phù danh yên các huýnh,
Mộng trung hoa điểu cố sơn u.
Ân cần kham tạ hương trung hữu,
Liêu bả tân thi tả ngã sầu.

Dịch nghĩa

ĐÁP THƠ BẠN GỬI HẦNG.

Bề lặng thuyền to sức nhẹ mau,
Vẫn e chìm đắm vẫn lo âu.
Việc thua không phải như lời đoán,
Vận hỏng đâu vì kém nghĩ sâu.
Bỏ hết hư danh thân chửa tới,
Về bên khe suối, hẹn còn lâu.
Cùng làng bạn cũ, ơn xin tạ,
Tiện gửi thư qua kể nỗi sầu.



88 — 和友人烟霞寓興
蓬萊弱水杳無涯
俗境低回髮半花
雲外故居空蕙帳
月中清夢遶山家
心如野鶴飛天際
跡似征鴻踏雪沙
岩穴栖身何日是
天門回首五雲賒

Phiên âm

HÓA HỮU NHÂN YÊN HÀ NGỤ HỨNG.

Bồng Lai, Nhược Thủy, diểu vô nha,
Tục cảnh đê hồi, phát bán hoa.
Vân ngoại cố cư, không huệ trướng,
Nguyệt trung thanh mộng, nhiễu sơn gia.
Tâm như dã hạc, phi thiên tế,
Tích tự chinh hồng, đạp tuyết sa.
Nham huyệt thế thân, hà nhật thị.
Thiên môn hồi thủ ngũ vân xa.

Dịch nghĩa

HỌA THƠ BẠN NHÌN MÂY NƯỚC CẢM HỨNG.

Bồng Lai, Nhược Thủy, biết đâu là.
Lăn lộn đường đời, tóc điểm hoa.
Nền cũ ngoài mây, trơ khóm huệ.
Giăng thanh trong mộng chiếu non nhà.
Tâm như tâm hạc, lần mây khói,
Chân giống chân hồng, đám tuyết sa.
Bên đá gửi thân, mong chóng được,
Năm mây nhìn nhận của riêng ta.



89.—

仙書數卷舊生涯
饑食松根嚼日華
竹有千竿欄俗客
塵無半點到山家
瑤階鶴淚窗斜月
釣渚寒魚棹擱沙
徒覺壺中風月好
年年不用一錢賒

Phiên âm

Tiên thư sổ quyển cựu sinh nha,
Cơ thực tùng căn, tước nhật hoa.
Trúc hữu thiên can, lan tục khách,
Trần vô bán điểm đáo sơn gia.
Dao giai, hạt lệ, song tà nguyệt,
Điếu chử, ngư hàn, trạc các sa.
Đồ giác hồ trung phong nguyệt hảo,
Niên niên bất dụng nhất tiền xa.

Dịch nghĩa

Tiên thư vài quyển vốn riêng ta.
Đói sẵn rễ tùng, sẵn cánh hoa.
Trúc có ngàn cây, ngăn tục khách,
Trần không mẩy bụi, tới non nhà.
Bến câu cá lặn, con thuyền buộc,
Tiếng hạc thềm châu, bóng nguyệt tà.
Chỉ thấy trong bầu, mây gió sẵn,
Hằng năm mua bán, chẳng từng qua.



90.—

橫水三間野水涯
少年剝落舊紛華
得安分處仍隨分
未出家時且駐家
檻裏雲山無寵辱
城中軒冕總塵沙
葛翁一去今千載
丹竈寒烟歲月賒

Phiên âm

Ngang Thủy tam gian, dã thủy nha.
Thiếu niên bác lạc, cựu phân hoa.
Đắc an phận xứ, nhưng tùy phận.
Vị xuất gia thời thả trú gia.
Hạm lý vân sơn, vô sủng nhục,
Thành trung hiên miện, tổng trần sa.
Cát Ông nhất khứ, kim thiên tải,
Đan táo, hàn yên, tuế nguyệt xa.

Dịch nghĩa

Ngang Thủy bên sông cất nếp nhà.
Nhớ xưa vốn thích cảnh phồn hoa.
Được nơi yên phận, còn tùy phận,
Chưa tới xuất gia hãy ở gia.
Cửa ngõ non mây, xa quý tiện,
Trong kinh mũ áo chính nam kha.
Cát Ông đi khỏi, nghìn năm chẵn,
Lò thuốc do tàn, ngày tháng qua.



91.– 次韻黃門侍郎阮
菊坡賀新居成
弓餘僻地半榛荊
喜得新詩地座銘
翁術屢傾謀婦酒
囊書惟有草玄經
蓬門倒屣迎佳客
花塢移床近曲楹
笑我老來狂更甚
旁人休快次公醒

Phiên âm

THỨ VÂN HOÀNG MÔN THỊ LANG, NGUYỄN CÚC PHA, HẠ TÂN CƯ THÀNH

Cung dư tịch địa bán trăn kinh,
Kỷ đắc tân thi địa tọa minh.
Ổng thuật lũ khuynh, mưu phụ tửu,
Nang thư duy hữu Thảo Huyền kinh.
Bồng môn đảo lý, nghênh giai khách,
Hoa ổ di sàng, cận khúc linh.
Tiếu ngã lão lai, cuồng cánh thậm,
Bàng nhân hưu khoái thứ công tỉnh.

Dịch nghĩa

HỌA THƠ MỪNG DỰNG NHÀ MỚI CỦA HOÀNG MÔN THỊ LANG NGUYỄN CÚC PHA

Đất xa, sau loạn, cỏ gai sinh,
Mừng được thư hiền viết đoạn minh.
Bầu dốc may còn thù tạc chén,
Sách coi chỉ có thảo huyền kinh.
Cửa tre bước vội mời tân khách,
Chiếu dọc bên hiên đủ tiếp nghênh.
Tuổi tác bị cười lời đã lẫn,
Mừng rằng còn họa, trí còn rành.



92.— 次菊坡贈詩

太平天子正崇文
喜見黃金礫瓦分
美玉不勞求善價
猗蘭終自吐清芬
羨君已作儀庭鳳
愧我應同出岫雲
兩眼昏花頭更白
涓埃何以荅君恩

Phiên âm

THƯ CÚC PHA TẶNG THI

Thái bình Thiên Tử chính sùng văn.
Hỷ kiến hoàng kim lịch ngõa phân,
Mỹ ngọc bất lao cầu thiện giá,
Ỷ lan chung thị thổ thanh phân.
Tiễn quân dĩ tác Nghi Đình Phụng,
Quý ngã ưng đồng xuất Trục vân.
Lưỡng nhãn hôn hoa, đầu cánh bạch,
Quyên ai hà dĩ đáp quấn ân.

Dịch nghĩa :

HỌA THƠ CÚC PHA TẶNG

Thái bình Thiên Tử chính ưa văn,
Vàng ngói may thay được rõ dần.
Ngọc tốt khỏi cần mong có giá,
Hương thơm rồi thấy chính là lan.
Xin mừng ông có Nghi Đình Phụng,
Đáng thẹn tôi cùng Xuất Trục vân.
Đôi mắt lóa mờ, đầu lại bạc,
Có gì dám nghĩ đáp thâm ân.



93.— 送僧道謙歸山

記曾講學十餘年
今又相逢一夜眠
且喜夢中拋俗事
更尋石上話前緣
明朝靈浦還飛錫
何日崑山共聽泉
老去狂言休怪我
臨岐我亦上乘禪

Phiên âm

TỐNG TĂNG ĐẠO KHIÊM QUY SƠN

Ký tằng giảng học thấp dư niên.
Kim hựu tương phùng nhất dạ miên.
Thả hỷ mộng trung phao tục sự,
Tiện tầm thạch thượng thoại tiền duyên.
Minh triêu Linh Phố hoàn phi tích,
Hà nhật Côn Sơn cộng thính tuyền.
Lão khứ cuồng ngôn hưu quái ngã,
Lâm kỳ ngã diệc thượng thừa thiền.

Dịch nghĩa ;

THƠ TẶNG TĂNG ĐẠO KHIÊM VỀ Ở NÚI

Đã từng thấy giảng trước mười năm.
Trò truyện đêm nay lại gặp cầm.
Trong mộng vẫn mừng dời tục lụy,
Trên khe được nối chuyện Thiền Lâm.
Chiều nay Linh Phố dời y bát,
Bao thủa Côn Sơn được kiếm tìm,
Chớ lạ tuổi già sinh nói lần,
Về non tôi sẽ có thiền tâm.



94.— 即 興

覽 翠 亭 東 竹 滿 林
柴 門 晝 掃 淨 陰 陰
雨 餘 山 色 青 詩 眼
潦 退 江 光 淨 俗 心
戶 外 鳥 啼 知 客 至
庭 邊 木 落 識 秋 深
午 窗 睡 醒 渾 無 寐
隱 几 焚 香 理 玉 琴

Phiên âm

TÚC HỨNG.

Lãm thúy đình đông trúc mãn lâm,
Sài môn trú tảo tĩnh âm âm.
Vũ dư sơn sắc thanh thi nhãn,
Lạo thoái giang quang, tĩnh tục tâm.
Hộ ngoại điểu đề tri khách chí,
Đình biên mộc lạc thức thu thâm.
Ngọ song thụy tỉnh hồn vô mị,
Ẩn kỷ phần hương, lý ngọc cầm.

Dịch nghĩa :

TÙY HỨNG.

Lãm thúy tường đông trúc khắp rừng.
Cửa sài sớm quét sạch lâng lâng.
Sườn non mưa tạnh, màu thêm biếc,
Lặng sóng, lòng sông sáng tựa gương.
Ngoài ngõ chim kêu, tin khách tới,
Bên song lá rụng báo thu sang.
Ngọ song mơ tỉnh, không thành giấc,
Tựa án ôm đàn, khói tỏa hương.



95.— 晚興

窮 巷 幽 居 苦 寂 寥
烏 巾 竹 杖 晚 逍 遙
村 荒 日 落 霞 櫻 樹
野 徑 人 稀 水 沒 橋
今 古 無 窮 江 漠 漠
英 雄 有 恨 葉 蕭 蕭
歸 來 獨 凭 欄 杆 坐
一 片 冰 蟾 掛 碧 霄

Phiên âm

VÃN HỨNG.

Cùng hạng u cư khổ tịch liêu.
Ô cân, trúc trượng, vãn tiêu dao.
Thôn hoang nhật lạc, hà anh thụ,
Dã kính nhân hy thủy một kiều.
Kim cổ vô cùng giang mạc mạc,
Anh hùng hữu hận, diệp tiêu tiêu.
Quy lai độc bằng lan can tọa,
Nhất phiến băng thiềm quải bích tiêu.

Dịch nghĩa.

VÃN HỨNG.

Ngõ hẻm nhàn cư, cảnh quạnh hiu.
Khăn đen gậy trúc thú tiêu dao.
Bóng xiên trong xóm, cây cao ngả,
Cầu trước đường quai, khách vắng teo.
Kim cổ vô cùng, giòng nước chẩy,
Anh hùng thường hận, lá vàng gieo.
Lan can ngồi tựa, khi về nghỉ,
Một mảnh trăng non, vách biếc treo.



96.— 秋 月 偶 成

幽齋睡起獨沉吟
案上香消淨客心
靜裏乾坤驚萬變
閒中日月值千金
儒風冷淡時情薄
聖域優遊道味深
讀罷羣書無箇事
老梅窗畔理瑤琴

Phiên âm :

THU NGUYỆT NGẪU THÀNH.

U trai thụy khởi, độc trầm ngâm.
Án thượng, hương tiêu, tĩnh khách tâm.
Tĩnh lý càn khôn, kinh vạn biến,
Nhàn trung nhật nguyệt trị thiên kim.
Nho phong lãnh đạm, thời tình bạc,
Thánh vực ưu du đạo vị thâm
Độc bãi quần thư vô cả sự,
Lão mai song bạn lý dao cầm.

Dịch nghĩa :

TRĂNG THU

Thư trai thức dậy, nghĩ tần ngần.
Đưa đón chào mời tránh thói trần.
Trời đất yên vui, lo vạn biến,
Tháng ngày nhàn rỗi giá nghìn cân.
Nhà nho thoang thoảng ,tình như nhạt,
Cõi thánh sâu xa, đạo tới lần.
Sách cũ đọc xong, không có việc,
Dưới mai lần gảy khúc cao sơn.

97.— 和新齋韻

風流郡守文章伯
喬木能憐我故家
信美江山詩易就
無情歲月眼將花
干戈十載親朋少
宇宙千年變故多
客舍香塵春晝永
騰騰清夢波烟繞

Phiên âm

HỌA TÂN TRAI VẬN

Phong lưu quận thú văn chương bá,
Kiều mộc năng linh ngã cố gia
Tín mỹ giang sơn thi dị tựu,
Vô tình tuế nguyệt nhãn tương hoa.
Can qua thập tải thân bằng thiểu,
Vũ trụ thiên niên biến cố đa.
Khách xá hương trần xuân trú vĩnh,
Đằng đằng thanh mộng nhiễu yên ba.

Dịch nghĩa :

HỌA THƠ MỪNG NHÀ MỚI

Phong lưu được tiếng văn siêu loại
Kiều mộc may nhờ nếp thế gia.
Tô điểm giang sơn thơ dễ tụng,
Vô tình ngày tháng mắt sinh mờ.
Mười năm chinh phạt, thưa thân thuộc.
Muôn thủa trần gian cứ gió mưa.
Quán trọ ngày xuân, hương bát ngát,
Chợp chờn như dục khách yên ba.



98.— 卽事

小小軒窗矮矮廬
官居頓覺類幽居
滄波江上閑垂釣
綠樹陰中靜看書
雨過晴嵐窺戶牖
風來雪浪舞庭除
午窗瀟灑無塵累
一片閑心攝太虛

Phiên âm

TỨC SỰ

Tiểu tiểu hiên song nụy nụy lư.
Quan cư đốn giác, loại u cư.
Thương ba giang thượng, nhàn thùy điếu,
Lục thụ, âm trung, tĩnh khán thư.
Vũ quá tình lam khuy hộ dũ,
Phong lai tuyết lãng vũ đình trừ.
Ngọ song tiêu sái vô trần lụy
Nhất phiến nhàn tâm nhiếp thái hư.

Dịch nghĩa

TỨC SỰ

Một gian nhà nhỏ, một thư hiên,
Công vụ gọi là một chức quan.
Bến nước buông câu, thuyền thuận gió,
Bóng cây đọc sách, cảnh an nhàn
Hết mưa ngoài cửa, non quang đãng,
Thoáng gió trên thềm, tuyết ngập lan.
Sớm tối thiu thiu, quên mọi việc,
Thư tâm như đã tới non Hàn.



99. 題安子山花烟寺

(安南志：山在東潮，又名象頭山．相傳安期生修練之處．故名．宋海岳名圖第四福地）在交州．安子山封域志，上有紫霄峯，卧雲庵，龍洞諸勝花烟寺在絕頂景致空洞，陳仁宗居奉此佛爲竹林第一祖

安山山上最高峯
纔五更初日正紅
宇宙眼窮滄海外
笑談人在碧雲中
擁門玉槊森千畝
掛石珠旒落半空
仁廟當年遺迹在
白毫光裡覩重瞳

Phiên âm :

ĐỀ AN TỬ SƠN, HOA YÊN TỰ.

(An Nam chí : Sơn tại Đông Triều. Hựu danh Tượng Đầu sơn. Tương truyền An Kỳ Sinh tu luyện chi xứ. Cố danh. Tống, Hải Nhạc Danh Đồ, đệ tứ phúc địa, tại Giao Chỉ, An Tử sơn, Phong Vực chí : Thượng hữu Tử Tiêu Phong, Ngọa Vân Am, Long Động, chư thắng. Yên Hoa Tự tại tuyệt đỉnh cảnh chí không động. Trần Nhân Tôn cư thử phụng Phật, vi Trúc Lâm đệ nhất tổ).

An Sơn, sơn thượng tối cao phong.
Tài ngũ canh sơ, nhật chính hồng.
Vũ trụ nhãn cùng thương hải ngoại.
Tiếu đàm nhân tại bích vân trung,
Ủng môn, ngọc sóc, sâm thiên mẫu,
Quải thạch, châu lưu, lạc bán không.
Nhân-Miếu đương niên, di tích tại
Bạch hào quang lý đổ trùng đồng.

Dịch nghĩa :

ĐỀ CHÙA YÊN HOA, NÚI AN TỬ.

(Theo sách An Nam chí, núi ở Đông Triều, có tên là Tượng Đầu sơn. Tương truyền An Kỳ Sinh trước ở đó, cho nên thành tên. Theo sách Tống Hải Nhạc danh đồ, thì nơi phúc địa thứ tư là ở An Tử Sơn, Giao chỉ. Xét về địa giới, trên có ngọn núi Tử Tiêu, có am Ngọa Vân, có Long Động, toàn là thắng cảnh. Chùa Yên Hoa ở trên đỉnh, tận nơi hư không. Vua Trần Nhân Tôn ở đó thờ Phật, chính là Trúc Lâm đệ Nhất Tổ).

An Sơn cao nhất, dãy nghìn trùng.
Buổi sớm đi lên lúc rạng đông.
Vũ trụ mắt nhìn xa khỏi biển,
Thân mình, mây thấy ở ngay trong.
Cửa ngoài, dáo ngọc nhiều nghìn mẫu,
Vách đá, cờ châu rủ giữa không.
Nhân-Miếu (1) đương thời di tích đó,
Hào quang chiếu tỏa, rạng non sông.

CHÚ THÍCH

(1) Trần Nhân Tôn



100.— 題抱腹岩

（洞在東潮安慶社，大江之中羣山
排立，洞在山脚，俯臨水次，外有平沙
釣半高樹木蒼翠中，奉水神最靈，又
有深谷，燃燭而行，無窮盡處，安南志
云：岩寬八九丈土皆赤色）.

平明擱棹上岩頭
乘興聊為玉局遊
九轉丹成孤鶴去
三神股斷一鰲浮
石欄影附滄江月
仙洞烟含碧樹秋
是處真堪容我隱
山中還有舊遊不
次硤石范公韻

Phiên âm

ĐỀ BẢO PHÚC NHAM

(Động tại Động Triều, An Khánh xã. Đại giang chi trung, quần sơn bài lập. Động tại sơn cước, phủ lâm thủy thứ, ngoại hữu bình sa điệu bán cao, thụ mộc thương thúy. Trung phụng thủy thần tối linh. Hựu hữu thâm cốc, nhiên chúc nhi hành, vô cùng tận xứ. An Nam chí vân : Nham khoan bát cửu trượng, thổ giai xích sắc).

Bình minh các trạo, thượng nham đầu.
Thừa hứng liêu vi ngọc cục du.
Cửu chuyển đan thành, cô hạc khứ,
Tam thần cổ đoạn, nhất ngao phu.
Thạch lan ảnh phụ, thương giang nguyệt,
Tiên động yên hàm, bích thụ thu.

Thị xứ chân kham dung ngã ẩn,
Sơn trung hoàn hữu cựu du phù.

(Thứ Hiệp Thạch, Phạm Công vận).

Dịch-nghĩa

ĐỀ ĐỘNG BÃO PHÚC

(Động ở về Đông Triều, xã An Khánh. Ở giữa lòng sông, núi giàn bầy lởm chởm. Động ở chân núi, ăn ra đến giòng nước. Phía ngoài, có nổi bãi bình sa, hơi cao, cây cối mọc xanh um, nơi thờ thủy thần rất linh thiêng. Lại có hang sâu, thắp đuốc lần đi, không biết đâu là cùng. Sách An-Nam chí chép : Động rộng tám, chín trượng, đất đều một mầu đỏ).

Sớm ngày cao hứng buộc con thuyền.
Ngọc cục như xưa lắm khách quen.
Chắp được cột trời, ngao nổi hiện,
Nấu xong lò thuốc, hạc bay liền.
Trăng soi bóng đá, phô giòng biếc,
Mây lẫn cây xanh, cảnh cõi tiên.
Xứ đó rất hay, coi ở được,
Động xưa chắc đã có ai lên.

(Họa theo thơ Hiệp Thạch, Phạm Công).



101.— 題玉清觀

紫府樓臺倚碧岑
十年今夕一登臨
松花落地金壇靜
碧響穿雲道院深
金鼎丹成人已去
黃粱夢覺事難尋
猿愁鶴怨無窮意
寒日蕭蕭竹隔林

Phiên âm :

ĐỀ NGỌC THANH QUAN

Tử phủ lâu đài ỷ bích sầm.
Thập niên kim tịch, nhất đăng lâm.
Tùng hoa lạc địa, kim đàn tĩnh,
Bích hưởng xuyên vân, đạo viện thâm.
Kim đỉnh đan thành, nhân dĩ khứ,
Hoàng lương mộng giác, sự nan tầm.
Viên sầu, hạc oán, vô cùng ý,
Hàn nhật tiêu tiêu, trúc cách lâm.

Dịch nghĩa

ĐỀ ĐỀN NGỌC THANH QUAN.

Đền phủ cung đài tựa núi cao.
Mười năm nay mới bước lên lầu.
Hoa tùng khắp đất, bàn thờ lạnh,
Vách đá lồng mây, viện đạo sâu.
Lò thuốc luyện xong, người đã vắng,
Nồi kê giấc tỉnh, việc còn đâu.
Vượn sầu, hạc oán, liên miên nghĩ,
Rừng trúc hiu hiu gió gợi sầu.



102.— 夏日漫成

雨過庭柯長綠陰
蟬聲宮徵奏虞琴
窗前黃卷工媒睡
户外青山故索吟
晝靜乾坤寬道思
人閑名利醒初心
回頭三十年前事
夢裡悠悠更莫尋

Phiên âm :

HẠ NHẬT MẠN THÀNH

Vũ quá đình kha chưởng lục âm.
Thiền thanh cung chủy tấu ngu cầm.
Song tiền hoàng quyển, công môi thụy,
Hộ ngoại thanh sơn cố sách ngâm.
Trú tĩnh, càn khôn khoan đạo tứ.
Nhân nhàn, danh lợi tỉnh sơ tâm.
Hồi đầu tam thập niên tiền sự.
Mộng lý du du cánh mạc tầm.

Dịch nghĩa

NGÀY MÙA HẠ

Mưa xuống cây sân, bóng thẫm màu.
Lắng nghe êm dịu tiếng ve kêu.
Trước hiên đọc sách thiu thiu ngủ,
Ngoài cửa nhìn non thắc mắc sầu.
Ngày tĩnh đạo trời suy kỹ lại,
Người nhàn danh lợi tỉnh từ lâu.
Ngoảnh đầu ba chục năm công việc,
Mơ mộng bâng khuâng chẳng thấy đâu.



103.-- 冤嘆

（周勃繫獄，不能置詞，獄吏書牘背示之）

浮俗升沉五十年
故山泉石負情緣
虛名實禍殊堪笑
衆謗孤忠絕可憐
數有難逃知是命
文如未喪也關天
獄中牘背空遺辱
金闕何由達寸箋

Phiên âm

OAN THÁN

(Chu Bột hệ ngục, bất năng chi từ. Ngục lại thư độc bối thị chi).

Phù tục thăng trầm ngũ thập niên.
Cố sơn tuyền thạch phụ tình duyên.
Hư danh, thực họa, thù kham tiếu,
Chúng báng cô trung tuyệt khả liên,
Số hữu nạn đào, tri thị mệnh,
Văn như vị táng, dã quan thiên.
Ngục trung độc bối, không too nhục,
Kim khuyết hà do đạt thốn tiên.

Dịch nghĩa

THAN VIỆC OAN

Chu Bột bị tù. Muốn khiếu oan, không có lối nào đưa thư được. Tên ngục lại treo vào lưng bảng tội trạng).

Thăng giáng nửa đời, thói tục quen.
Non nhà, khe suối, mộng đành quên.
Danh hư, họa thực, cười là phải,
Lời trách tâm trung, nghĩ ngại phiền.
Số đã không qua, đành mệnh vậy,
Đạo như chưa mất, có trời trên.
Lưng đeo bản án, trong lao, nhục,
Mảnh giấy thân oan khó đạt lên.

CHÚ THÍCH : Chu Bột là một viên đại tướng triều Hán nước Tàu.



附贈答諸體

104.— 阮子晉題抑齋壁

心鏡相逢豈偶然
別開城市一林泉
優遊禮讓安仁宅
出入謙恭樂性天
吏散庭前惟草色
客來竹外有茶烟
公餘退食焚香坐
畫軸張琴樂歲年

Phiên âm

Phụ tặng, đáp, chư thể

NGUYỄN TỬ TẤN ĐỀ ỨC TRAI BÍCH.

Tâm kính tương phùng, khởi ngẫu nhiên.
Biệt khai thành thị nhất lâm tuyền.
Ưu du lễ nhượng, an nhân trạch,
Xuất nhập khiêm cung, lạc tính thiên
Lại tán đình tiền, duy thảo sắc,
Khách lai trúc ngoại hữu trà yên.
Công dư thoái thực phần hương tọa,
Họa trục trương cầm lạc tuế niên.

Dịch nghĩa

Phụ thêm thơ tặng, đáp, các thể

ĐỀ VÁCH NHÀ ỨC TRAI NGUYỄN TỬ TẤN

Gặp gỡ cùng nhau, há ngẫu nhiên.
Riêng nơi thành thị một lâm tuyền.
Việc quan lễ nhượng, thành vô sự,
Đối khách khiêm cung tính vốn hiền.
Lại thuộc trước thềm nhìn vắng bóng,
Bạn thường bên trúc, vị trà quen.
Việc quan về nghỉ, trầm hương ngát,
Vặn trục so dây, mấy điệu đàn.



105.— 阮 夢 荀 賀 承 旨 抑 齋 新 居

善 治 應 知 繼 子 荊
何 須 陋 屋 撰 新 銘
一 條 水 冷 知 三 館
四 壁 家 貧 富 六 經
梅 影 月 描 來 絳 帳
荷 香 風 遞 送 疎 欞
携 壺 擬 欲 同 清 賞
皆 醒 隨 人 勿 獨 醒

Phiên âm

NGUYỄN MỘNG TUÂN HẠ THỪA CHỈ ỨC TRAI TÂN CƯ.

Thiện trị ưng tri kế tử kinh.
Hà tu lậu ốc soạn tân minh.
Nhất điều thủy lãnh tri tam quán,
Tứ bích gia bần phú lục kinh.
Mai ảnh nguyệt miêu, lai giáng trướng,
Hà hương phong đệ, tống sơ linh.
Huề hồ nghĩ dục đồng thanh thưởng,
Giai túy tùy nhân, vật độc tỉnh.

Dịch nghĩa

NGUYỄN MỘNG TUÂN MỪNG NHÀ MỚI
THỪA CHỈ ỨC TRAI

Thượng chí mong tìm nối chí mình.
Cần gì nhà nhỏ đặt bài minh.
Chức quan khoe lạnh, mà tam quán
Bốn vách tuy nghèo đủ lục kinh.
Mai dưới ánh trăng, in trướng giáng,
Sen theo ngọn gió thoáng bên mành.
Nghiêng bầu cùng bạn đồng thanh nhắp,
Chủ khách đều say, chẳng tỉnh riêng.



106.— 潘孚先賀諫議大夫阮抑齋

真元會合幸逢辰
佐治名儒喜有人
幼學壯行行此道
生知先覺覺斯民
鹽梅鼎鼐調和美
禮樂規模制作新
四海方今歸一統
誰能躍冶出洪鈞

Phiên âm

PHAN PHU TIÊN HẠ GIÁN NGHỊ ĐẠI PHU NGUYỄN ỨC TRAI

Chân nguyên hội hợp hạnh phùng thần.
Tá trị danh nho hỷ hữu nhân.
Ấu học tráng hành, hành thử đạo.
Sinh tri tiên giác, giác tư dân.
Diêm mai đỉnh nại, điều hòa mỹ,
Lễ nhạc, quy mô, chế tác tân.
Tứ hải phương kim quy nhất thống,
Thùy năng dược dã xuất hồng quân.

Dịch nghĩa

PHAN PHU TIÊN MỪNG GIÁN NGHỊ ĐẠI PHU
NGUYỄN ỨC TRAI

May sao vận hội đủ quân thần.
Mừng thấy chân nho giúp thánh quân.
Ấu học, tráng hành, hành đúng đạo,
Sinh tri tiên giác, giác cho dân.
Muối tương gia vị, cho đều cả,
Lễ nhạc quy mô được đúng dần.
Bốn bề ngày nay về một mối,
Ai mà thoát khỏi vị cầm cân.



107.— 阮 夢 荀 贈 諫 議 大 夫 阮 公

黄 閣 青 風 玉 署 仙
經 邦 華 國 古 無 前
一 時 詞 翰 推 文 伯
兩 道 軍 民 握 政 權
白 髮 只 關 天 下 慮
清 忠 留 與 子 孫 傳
儒 林 幾 許 瞻 山 斗
好 爲 朝 庭 力 進 賢

Phiên âm

NGUYỄN MỘNG TUÂN TẶNG GIÁN NGHỊ
ĐẠI PHU NGUYỄN CÔNG

Hoàng các thanh phong ngọc thự tiện.
Kinh bang hoa quốc, cổ vô tiền
Nhất thời từ hãn, thôi văn bá,
Lưỡng đạo quân dân ác chính quyền.
Bạch phát chỉ nhàn thiên hạ lự,
Thanh trung lưu dữ tử tôn truyền.
Nho lâm kỷ hứa chiêm sơn đẩu.
Hảo vị triều đình lực tiến hiền.

Dịch nghĩa

NGUYỄN MỘNG TUÂN TẶNG GIÁN NGHỊ
ĐẠI PHU NGUYỄN CÔNG

Gió mát lầu cao chính vị tiên.
Tài cao trị nước kể đầu tiên.
Một thời hàn mặc thành văn bá,
Hai đạo quân dân giữ chính quyền.
Tóc bạc những lo thiên hạ kế,
Lòng trung để lại tử tôn truyền.
Rừng nho đã mấy ai tinh đẩu,
Chỉ vị triều đình cố tiến hiền.



108.— 題黃御史梅雪軒（七言長篇）

豸冠峨峨面似鐵，不獨愛梅兼愛雪。
愛梅愛雪愛緣何，愛緣雪白梅清潔。
天然梅雪自兩奇，更添臺柏眞三絕。
羅浮仙子冰爲魂，頃刻能令瓊作屑。
夜深琪樹碎玲瓏，月戶風窗寒凜烈。
若非風遞暗香來，紛紛一色何由別。
巡簷不怕玉樓寒，銀海搖光更清徹。
九重軫念及遐氓，萬里錦衣遠駐節。
霜風捲地簡橫秋，身在炎荒心魏闕。
交南十月煖如春，夢中只有花堪折。
將心托物古有之，高躅深期蹈前哲。
東坡謂竹不可無，濂溪愛蓮亦有說。
乾坤萬古一清致，霸橋詩思西湖月

Phiên âm :

ĐỀ HOÀNG NGỰ SỬ MAI TUYẾT HIÊN
(Thất ngôn trường thiên)

Trĩ quán nga nga diện tự thiết,
Bất độc ái mai, kiêm ái tuyết.
Ái mai ái tuyết, ái duyên hà,
Ái duyên tuyết bạch, mai thanh khiết.
Thiên nhiên mai tuyết tự lưỡng kỳ,
Cánh thiêm đài bách, chân tam tuyệt.
La Phù tiên tử băng vi hồn,
Khoảnh khắc năng linh quỳnh tác tiết.
Dạ thâm kỳ thụ toái linh lung,
Nguyệt hộ phong song hàn lẫm liệt.
Nhược phi phong đệ ám hương lai,
Phân phân nhất sắc hà do biệt.
Tuần chiêm bất phạ ngọc lâu hàn.
Ngân hải dao quang cánh thanh triệt.

Cửu trùng chẩn niệm cập hà manh,
Vạn lý cẩm y dao trú tiết.
Sương phong quyền địa giản hoành thu,
Thân tại viêm hoang, tâm ngụy khuyết.
Giao nam thập nguyệt, noãn như xuân,
Mộng trung chỉ hữu hoa kham triết.
Tương tâm thác vật cổ hữu chi,
Cao trục thâm kỳ đạo tiền triết.
Đông Pha vị trúc bất khả vô,
Liêm Khê ái liên diệc hữu thuyết,
Càn khôn vạn cổ nhất thanh chí,
Bá Kiều thi tứ Tây Hồ nguyệt.

Dịch nghĩa :

ĐỀ HIÊN MAI TUYẾT CỦA HOÀNG NGỰ SỬ.

(Thất ngôn trường thiên)

Mũ trĩ uy nghi mặt tựa sắt.
Không chỉ yêu mai, yêu cả tuyết.
Yêu mai, yêu tuyết, có duyên gì,
Có duyên tuyết trắng, mai thanh khiết.
Thiên nhiên mai tuyết nghĩ đã kỳ,
Lại thêm cây bách thành tam tuyệt.
La Phù Tử, (1) tâm thần như băng,
Thoáng biến ngọc quỳnh thành hột cát.
Đêm khuya lanh lảnh tiếng ngọc rơi,
Gió cửa trăng hiên gây gẫy rét.
Ví không có gió đưa hương theo,
Đều đều một sắc không phân biệt.
Lầu ngọc lạnh, Đông Pha (2) có ngại đâu,

CHÚ THÍCH.— (1) La Phù là tên một quả núi miền nam nước Tàu. Người đời Đông Tấn là Cát Hồng tu tiên ở đó.
(2) Tên hiệu thi nhân đời Tống nước Tàu là Tô Thức.

Bè bạc sóng, lắng trong là hết.
Cửu trùng thương xót đến dân xa,
Những điều sai lầm là được bớt.
Gió sương thổi mạnh, chuyền hơi may,
Thân ở phương nam, lòng cửa khuyết.
Phương nam, tháng hợi, ấm như xuân,
Trong mộng chỉ hoa là còn thiết.
Tâm tình sánh vật xưa có người,
Lần trần ở lại theo tiên triết.
Đông Pha nghĩ trúc không thể không,
Liêm Khê (3) yêu sen thêm một thuyết.
Từ xưa trời đất khi thu tới,
Nhớ Tây Hồ Bá Kiều vịnh nguyệt.

CHÚ THÍCH.— (3) Tên hiệu danh nhân đời Tống nước Tàu là Chu Đôn Di.



109.— 崑山歌

（史記註云：陳元旦所居清虛洞．
公爲歌序．其意皆爲贊美之詞也）
崑山有泉其聲冷冷然，吾以爲琴弦.
崑山有石雨洗苔鋪碧，吾以爲簟席.
岩中有松萬里翠童童，吾于是乎偃息其中.
林中有竹千畝印寒綠，吾于是乎吟嘯其側.
問君何不歸去來，半生塵土長膠梏.
萬鍾九鼎何必然，飲水飯蔬隨分足.
君不見董卓黃金盈一塢，元載胡椒六百斛，
又不見伯夷與叔齊，首陽餓死不食粟賢.
愚兩者不相侔，亦各自求其所欲賢.
人生百歲內，畢竟同草木.
歡悲憂樂迭往來，一榮一謝還相續.
丘山華屋亦偶然，死後誰榮更誰辱.
人間若有巢由徒，勸渠聽我山中曲.

Phiên-âm.-

CÔN SƠN CA.

(Sử ký chú vân. Trần Nguyên Đán sở cư Thanh Hư động. Công vi ca tự. Kỳ ý giai vi tán mỹ chi từ dã).

Côn-Sơn hữu tuyền, kỳ thanh lãnh lãnh nhiên, ngô dĩ vi cầm huyền,

Côn-Sơn hữu thạch, vũ tẩy đài phô bích, ngô dĩ vi đạm tịch.

Nham trung hữu tùng, vạn lý thúy đồng đồng, ngô ư thị hồ yển tức kỳ trung.

Lâm trung hữu trúc, thiên chi ấn hàn lục, ngô ư thị hồ ngâm khiếu kỳ trắc.

Vấn quân hà bất quy khứ lai, bán sinh trần thổ trường giao cốc.

Vạn chung cửu đỉnh hà tất nhiên, ẩm thủy phạn sơ tùy phận túc.

Quân bất kiến, Đổng Trác, hoàng kim doanh nhất ổ, Nguyên Tải hồ tiêu lục bách hộc,

Hựu bất kiến, Bá Di dữ Thúc Tề, Thủ Dương nga tử bất thực túc.

Hiền ngu lưởng giả bất tương mâu, diệc các tự cầu kỳ sở dục.

Nhân sinh bách tuế nội, tất cánh đồng thảo mộc.

Hoan bi ưu lạc điệt vãng lai, nhất vinh nhất tạ hoàn tương tục.

Nhân gian nhược hữu Sào Do đồ, khuyến cừ thính ngã sơn trung khúc.

Khâu sơn , hoa ốc diệc ngẫu nhiên, Tử hậu thùy vinh cánh thùy nhục ?

Dịch nghĩa :

CÔN SƠN CA

(Sử ký chép : Trần Nguyên Đán ở động Thanh Hư.

Công làm bài ca tựa, ý cùng lời đều là tán dương).

Côn Sơn có tuyền, tiếng đều róc rách êm, ta coi như tiếng huyền.

Côn Sơn có thạch, mưa xuống rêu phô biếc, ta coi như trúc tịch.

Đá xanh có tùng, muôn dặm bóng ánh lồng, ta thấy, vừa hay được nghỉ bên trong.

Rừng sâu có trúc, nghìn cây phô mầu lục, ta thấy vừa hay, ngâm hát bên gốc,

Hỏi ông sao chẳng về hẳn đi, nửa đời cát bụi còn lăn lóc.

Muôn chung nghìn tứ có làm chi, nước suối cơm rau mà tri túc.

Ông chẳng thấy, ngàn vàng chất Nam Ô, Nguyên Tải hồ tiêu sáu trăm hộc.

Lại chẳng thấy Bá Di với Thúc Tề, Thủ Dương chết đói chẳng nhận thóc.

Hiền ngu hai hạng chẳng như nhau, mỗi hạng mỗi tìm riêng sở dục.

Người đời khoảng trăm năm, tất hẳn như thảo mộc.

Vui buồn lo thích cứ đổi thay, một lên một xuống tùy theo lúc.

Núi gò nhà cửa vốn ngẫu nhiên, sau chết, ai vinh mà ai nhục.

Người đời nếu có hạng Sào Do, khuyên cứ nghe hát Côn Sơn khúc.



110.— 至靈山賦（出摩賢賦集）

（御題批云：法度嚴整，證據親切，直以事實，寫爲讚詠之詞甚縝密）.

神龍起兮飛藍京。天戈指兮朔塞清，創業之功成閎瑟 西土之山川有靈，繄我皇之聖武． 當四方之經營．國步方屯，心困慮衡

既於天而取必．乃勵志以竟成．此今日化胡越爲一家，而玆山得以，千古垂名也 當其義兵初起賊勢方張，一國英豪秋樹隕霜

志吞吳兮孰種孰蠡圖興漢兮孰平孰良我皇方遁跡于玆山惟鏟采以埋光妻子流離，士卒散亡，雖處困而益亨，知將興之有祥：志汲汲於圖回

心惓惓而不忘．想此山於此時兮豈不似漢皇之在芒碭者耶

由其知彼知己，能弱能彊．待時伺弊，收鋒歛芒．枕薪而卧 懸膽而嘗，思雪前恥以復故彊，想此山於斯時兮豈不似會稽之棲越王者耶．

既乃：收其散卒，撫養益勤．內修戰具，外托和親捐金募士殺象饗軍，

人懷親上以死長． 思欲效力以酬功．

於是：練兵選將 剋勝出奇

生辱死榮知我軍之可用饋糧器械皆因敵以爲資，萬全以取 一鏃不遺

斧彭稽顙以獻地，方政噓喝以恫疑．

乃冰險而立功，又多方以誤之．

夜則舉火 晝則張旗

杜家之侵地爭便，可留之渡江沉師

雷驅電掣 竹破灰飛

朱傑檻車 黃城暴屍

乂安之地已爲我有，西都之捷疾於颷馳

夾道壺漿　來者如歸
豪傑咸憤以切齒　父老感泣而獻
我之軍聲日以益振，賊之奔命日以益
市橋之崩堤潰蟻，举洞之勁風離葉
陳洽李亮之深坑墜虎，王通馬騏之沸鼎魚
萬里之山河克復，東都之市肆不移.
當此之時豈不似漢高垓下四面之圍者耶
奈何：狂虜之貪心不戢，舉國之援兵復
以油救焚　樂禍幸灾
柳昇送死而支棱流血沐晟宵遁而冷涇
兩路救兵不旋踵而俱敗各處賊城不血刃而自
掉尾乞憐　誠切堪哀
當此之時，不似勾踐困吳王之於姑蘇臺者耳
雖然，漢高之規模宏遠，正似吾皇今日之盛，
踐特取其復雠之志而已，豈足以擬議其萬一
至若神武不殺　大德好生
念國家長久之計，放十萬乞降之兵.
修兩國之和好，息萬世之戰爭
全國爲上　惟圖輯寧
是則我皇之盛德又豈高祖同日之俱
將與二帝三王而並稱者也.
嗟乎：古往今來，百世可推
堯與唐侯　舜起側微
成湯之載自亳　太王之遷于岐
蓋多難乃興邦之本，而殷憂實啟聖之
歷變多則思慮深，計事遠則成功奇
帝王之興　莫不由斯
然則，我皇之業實由此山而創始而我皇之
功盛德長與此山而巍巍者乎
乃拜首稽首而獻歌曰：
天啟聖兮地興王
乾坤草昧兮運際非常
觀茲山之峨峨兮念昔日之艱苦.
撫王業之攸基兮何日能忘：
願紀盛德以勒貞珉兮永垂不朽，
亘千古與萬古兮同天地而長久.

Phiên âm :

CHÍ LINH SƠN PHÚ (xuất Quần Hiền phú tập).

(Ngự đề. Phê vân : Pháp độ nghiêm chỉnh, chứng cứ thân thiết, trực dĩ sự thực tả vi tán vịnh chi từ, thậm thận mật).

Thần long khởi hề phi Lam kinh. Thiên qua chỉ hề, sóc tái thanh. Sáng nghiệp chi công thành bí bí. Tây thổ chi sơn xuyên hữu linh. Ê ngã Hoàng chi thánh vũ. Đương tứ phương chi kinh doanh. Quốc bộ phương truân. Tâm khốn lự hành. Kỳ ư thiên nhi thủ tất. Nãi lệ chí dĩ cánh thành. Thử kim nhật sở dĩ hóa Hồ Việt vi nhất gia. Nhi tư sơn đắc dĩ thiên cổ thùy danh dã. Đương kỳ nghĩa binh sơ khởi. Tặc thế phương trương. Nhất quốc anh hào. Thu thụ vẫn sương. Chí thôn Ngô hề, thục chủng, thục duyên. Đồ hưng Hán hề, thục binh, thục lương. Ngã Hoàng phương độn tích vu tư sơn. Duy sạn biện dĩ mai quang. Thê tử lưu ly. Sĩ tốt tán vương. Tuy xử khốn nhi ích hanh. Tri tương hưng chi hữu tường. Cung giới trụ dĩ vi y. Thực thái căn nhi vi lương. Chí cấp cấp ư đồ hồi. Tâm uất uất nhi bất vương. Tưởng thử sơn ư thử thời hề. Khởi bất tự Hán Hoàng chi tại Mang Dương giả da. Do kỳ tri bỉ, tri kỷ. Năng nhược nặng cường. Đãi thời tứ tệ. Thu phong liễm mang. Chẩm tân nhi ngọa. Huyền phủ nhi thường. Tư tuyết tiền sỉ. Dĩ phục cố cương. Tưởng thử sơn ư tư thời hề, Khởi bất tự Cối Kê chi thê Việt Vương giả da. Kỳ nãi : Thu kỳ tán tốt. Phủ dưởng ích cần. Nội tu chiến cụ. Ngoại thác hòa thân. Quyên kim mộ sĩ. Sát tượng hưởng quân. Nhân hoài thân thượng dĩ tử trưởng. Tư dục hiệu lực dĩ thù công.

Ư thị : Luyện binh tuyển tướng. Chế thắng xuất kỳ. Sinh nhục tử vinh, tri ngã quân chi khả dụng. Hướng lương khí giới,

giai nhân địch dĩ vi tư. Vạn toàn dĩ thủ. Nhất thốc bất di. Cầm Bành khề tảng dĩ hiến địa. Phương Chính hư hát dĩ đồng ngai. Nãi cứ hiểm nhi lập công. Hựu đa phương dĩ ngộ chi. Dạ tắc cử hỏa. Trú tắc trương kỳ. Đỗ-Gia chi xâm địa tranh tiện, Khả-Lưu chi độ giang trầm sứ. Lôi khu, điện xiết. Trúc phá hồi phi. Chu-Kiệt hạm xa. Hoàng-Thành bộc thi. Nghệ An chi địa dĩ vi ngã hữu. Tây Đô chi tiệp tật ư tiêu trì. Giáp đạo hồ tương. Lai giả như quy. Hào kiệt hàm phẫn dĩ thiết xỉ. Phụ lão cảm khấp nhi hư hy. Ngã chi quân thanh nhật dĩ ích chấn. Tặc chi bôn mệnh nhật dĩ ích bì. Thị Kiều chi băng đê hội nghị Tụy Động chi kinh phong tồi ủy. Trần-Hiệp, Lý-Lượng chi thâm khanh trụy hồ. Vương-Thông, Mã-Kỳ chi phí đỉnh ngư nhi. Vạn lý chi sơn hà khắc phục, Đông-Đô chi thị tứ bất di. Đương thử chi thời, khởi bất tự Hán Cao Cai-Hạ tứ diện chi vi giả da. Nại hà : cuồng lỗ chi tham tâm bất chấp. Cử quốc chi viện binh phục lai. Dĩ du cứu hỏa. Lạc họa hạnh hôi. Liễu Thăng tống tử nhi Chi-Lăng lưu huyết. Mộc - Thạnh tiêu độn nhi Lãnh Kinh tích hài. Lưỡng lộ cứu binh bất toàn chủng nhi câu bại. Các xứ tặc thành bất huyết nhận nhi tự khai. Trạo vĩ khất liên. Thành thiết kham ai. Đương thử chi thời, khởi bất tự Câu Tiễn khốn Ngô Vương chi ư Cô-Tô đài giả da. Tuy nhiên, Hán Cao chi huy mô hoằng viễn, chính tự ngô Hoàng kim nhật chi thịnh. Câu Tiễn đặc thủ kỳ phục thù chi chí nhi dĩ. Khởi túc dĩ nghĩ nghị kỳ vạn nhất tai.

Chí nhược thần vũ bất xát, Đại đức hiếu sinh. Niệm quốc gia trường cửu chi kế : Phóng thập vạn khất hàng chi binh. Tu lưỡng quốc chi hòa hiếu. Tức vạn thế chi chiến tranh. Toàn quốc vi thượng. Duy đồ tập ninh.

Thị tắc, ngã Hoàng chi thịnh đức. Hựu khởi Cao Tổ đồng nhật chi câu ngữ. Tương dữ nhị Đế, tam Vương nhi tịnh xưng giả dã.

Ta hồ. Cổ Vảng, kim lai. Bách thế khả suy. Nghiêu hưng Đường sĩ. Thuấn khởi trắc vi. Thành Thang chi tải tự Bạc. Thái Vương chi thiên vu Kỳ. Cái đa nạn nãi hưng bang chi bản. Nhi ân ưu thực khải thánh chi cơ. Lịch biến đa, tắc tư lự thâm. Kế sự viễn, tắc thành công kỳ. Đế Vương chi hưng. Mạc bất do ty. Nhiên tắc, ngã Hoàng chi nghiệp thực do thử sơn nhi sáng thủy. Nhi ngã Hoàng chi long công thịnh đức, trường dữ thử sơn nhi nguy nguy giả hồ. Nãi bái thủ, khể thủ, nhi hiến ca viết :

Thiên khải thánh hề, địa hưng vương.

Càn khôn thảo muội hề, vân tế phi thường.

Đồ tư sơn chi nga nga hề, niệm tích nhật chi gian khổ,

Phủ vương nghiệp chi du cơ hề, hà nhật năng vương.

Nguyện kỷ thịnh đức dĩ lặc trinh lệ hề, vĩnh thùy bất hủ.

Tuyên thiên cổ dữ vạn cổ hề, đồng thiên địa nhi trường. cửu.

Dịch-nghĩa :

BÀI PHÚ NÚI CHÍ LINH (Trích trong tập Quần hiền phú).

(Ngự phê : Pháp độ nghiêm chỉnh. Chứng cớ thiết thực. Cứ lấy sự thực tả. Lời tán dương rất thân mật).

Rồng thiêng cất cánh trên Lam kinh. Giáo trời dẹp loạn tới

Bắc thành. Sáng nghiệp thành công đã tỏ rõ. Non sông phía tây thật là linh. Giúp vua ta về thánh vũ. Khắp bốn phương đều kinh doanh. Vận nguy nước khốn. Trí sáng việc rành. Vì tự nhận lấy mệnh trời. Đã hữu chí là cánh thành. Cho nên ngày nay Hồ Việt hợp một nhà. Là do nghìn thu non Lam tạo nên danh.

Đương khi cờ nghĩa mới phất. Là lúc thế giặc đương hăng. Mọi anh hào trong nước. Như lá cây bị sương. Chí muốn thôn Ngô, nhờ ai gây giúp. Việc mong hưng Hán, hiếm người đảm đương. Ở non Lam, vua ta đương tránh. Dấu tên hiệu mấy kẻ được tường. Vợ con lưu lạc. Sĩ tốt hoang mang. Tuy gập cảnh nguy mà càng gắng. Biết chắc kết quả sẽ huy hoàng. Lấy giáp trụ làm áo mặc cũ. Lấy rễ rau làm thức ăn thường. Lúc đó, vua ta ở non, Lam. Có khác gì Hán Hoàng ở Mang Dương. Vì biết tri kỷ, tri bỉ, Cho nên năng nhược, năng cường. Chờ thời xem chỗ giặc thiếu sót. Mài gươm, đợi dụng ta sở trường. Lấy mật làm cơm. Lấy gai làm giường. Báo được thù nhục. Lấy lại cương cường. Há chẳng như Cối Kê, chuyện Việt Vương chăng!

Vậy nên họp quân tản nát : Đón người ân cần. Trong sửa binh giáp. Ngoài giả hòa thân. Quyên tiền mộ tốt. Giết voi nuôi quân. Nhân dân muốn lấy chết báo đức. Tướng sĩ mong lập công đền ân.

Vậy mới : Luyện binh tuyển tướng. Quyết trận mưu kỳ. Sống nhục, chết vinh, biết rõ quân ta dùng được. Tích lương trữ kiếm, lệnh truyền đánh giặc là nghe. Giữ gìn cẩn thận. Mảnh sắt không chê. Cầm Bành cúi lạy nộp đất. Phương Chính kêu khóc xin về. Mới giữ hiểm mà công thành. Lại nhiều mưu để giặc nghi. Đêm thì đốt lửa. Ngày thì treo cờ. Ấp Đỗ-Gia quân lui vội vã. Bến Khả-Lưu giặc chết còn chi. Sấm vang

nhoáng chớp. Rác đốt trẻ tre. Hoàng Thành phơi xác. Chu Kiệt theo xe. Nghệ An giặc thua để ta chiếm lại. Tây Đô ta thắng như gió quay về. Hào kiệt nghiến răng hậm hực. Phụ lão mừng tủi hả hê. Quân ta từ đó được phấn chấn. Quân giặc thôi đành hết rở nghề. Tụi Kiều tan thua như kiến cỏ. Tụy động cố thủ rõ hùng uy. Hồ vào cặm là Trần-Hiệp Lý Lượng Cá trong nồi là Vương - Thông, Mã Kỳ. Muôn dậm non sông tồn tại. Đông Đô nhà cửa bất di. Đương thời so sánh với Cao Tổ vây Cai Hạ, chẳng khác phân ly.

Cớ sao giặc còn tham không chán. Trong nước quân cứu viện tới nơi. Lửa cháy thêm dầu. Vui họa, Mừng tai. Liễu Thăng tìm chết mà Chi Lăng huyết chảy. Mộc Thạnh trốn về mà Lãnh Kinh xương phơi. Hai lộ cứu binh cùng bại mà không toàn vẹn. Các xứ thành giặc không đánh mà phải chạy dài. Ve vẩy cầu phúc. Tha thiết khất ai. Đương khi đó giống như Câu Tiễn, hãm Ngô Vương trên Cô Tô đài.

Tuy nhiên quy mô vua Hán Cao sâu rộng, chính giống vua ta ngày nay đức thịnh, Câu Tiễn chỉ được xong phục thù, là chí, la hướng, há đủ sánh vua ta lấy một hai.

Nay xét : Thần vũ không giết. Đại đức hiếu sinh, Nghĩ quốc gia lâu dài kế sách, Tha bọn đầu hàng mười vạn binh. Nối tình hòa hiếu hai nước. Để lâu dài yên được chiến tranh. Lấy toàn quốc trên hết. Để mưu đồ an ninh. Thì đó, vua ta có thịnh đức, sánh với hai Đế, ba Vương cùng uy linh. Việc đời từ xưa đến nay, đến trăm đời cứ rộng suy. Vua Nghiêu hưng nghiệp ở đất Đường. Vua Thuấn khởi thủy ở Trắc-Vi. Thành Thang tại đất Bạc. Thái Vương tới ấp Kỳ. Khó khăn là hưng bang hẳn. Lo nghĩ là khải thánh cơ. Trải biến nhiều thì lo

nghĩ sâu. Mưu việc xa thì thành công kỳ. Đế vương hưng khởi được. Đều cùng một lối đi.

Thế thì : Vua ta dấy nghiệp là từ núi Lam. Mà công cao đức lớn cùng với núi Lam, bất dịch, bất di.

Xin rập đầu lạy và chúc rằng :

Trời mở đường cho thánh. Đất giúp việc cho vương.
Trời đất mù mịt. Quân đội phi thường.
Trông non Lam nguy nga, biết khi xưa trải bao gian khổ.
Nhìn non Lam rực rỡ, có bao giờ quên được nghiệp vương.
Xin chép đức sáng cho khắc bia, để đời đời nhớ. nghìn năm, muôn năm, cùng đất trời được cửu trường.



QUYỀN II

PHỤ LỤC NGUYỄN PHI KHANH THI VĂN

卷之二

附錄阮飛卿詩文

阮飛卿名應龍號築溪
先生有文名。陳元旦
嘗稱爲二川檢正使，授
其女學尋嫁之，年十九，
試中隆慶二年進士及
第，（登科錄作英宗甲
辰興隆十二年）時睿
宗以寒族配皇宗廢不
用漢倉紹成元年始擢
翰林學士，及明人犯日
南獲季犛漢倉，乃降于
明，有蘂溪集行于世。

Phiên âm

Quyền chi nhị PHỤ LỤC NGUYỄN PHI KHANH THI VĂN.

Nguyễn Phi Khanh, danh Ứng Long- hiệu Trúc Khê. Tiên sinh hữu văn danh. Trần Nguyên Đán thường xung vi nhi Xuyên Kiểm Chính Sứ, Thụ kỳ nữ, học, tầm giá chi. Niên thập cửu, t) (Long Khánh nhị niên tiến sĩ cập đệ (Đăng Khoa lục tác Anh Tôn Giáp Thìn Hưng Long thập nhị niên). Thời Duệ Tôn dĩ hàn tộc phối hoàng tôn, phế bất dụng. Hán Thương, thiệu Thành, nguyên niên, thủy trạc Hãn Lâm Học Sĩ. Cấp Minh nhân phạm Nhật Nam hoạch Quý Ly Hán Thương. Nãi hàng vu Minh. Hữu Nhị Khê tập hành vu thế.

Dịch nghĩa :

Quyền 2 PHỤ LỤC VĂN THƠ CỦA NGUYỄN PHI KHANH.

Nguyễn Phi Khanh, tên là Ứng Long, hiệu là Trúc Khê.

Tiên sinh về văn có tiếng giỏi. Trần Nguyên Đán thường khen là Nhị Xuyên Kiếm Chiến Sứ, gả con gái cho. Năm 19 tuổi, đỗ tiến sĩ, khoa Long Khánh, năm thứ Hai (Quyển Đăng Khoa Lục chép là đỗ khoa giáp thìn, niên hiệu Hưng Long, Anh Tôn năm thứ 12). Thời đó, vua Duệ Tôn cho là con nhà thường dân lấy một vị Công Chúa cho nên không dùng. Thời Hán Thương niên hiệu Thiệu Thành năm đầu mới được chức Hàn Lâm Học Sĩ. Đến khi quân Minh xâm lăng, bắt Quý Ly, Hán Thương, thì tiên sinh hàng Minh. Có tập Nhị Khê truyền lại.



1.— 化城晨鐘

遠遠從僧寺
鼕鼕落客蓬
潮生天地曉
月白又江空

Phiên âm

HÓA THÀNH THẦN CHUNG

Viễn viễn tòng tăng tự,
Đông đông lạc khách bồng.
Trào sinh thiên địa hiểu,
Nguyệt bạch hựu giang không.

Dịch nghĩa :

NGHE CHUÔNG SỚM Ở HÓA THÀNH.

Văng vẳng từ chùa cổ,
Long cong tới cửa bồng.
Trào lên, trời đã sớm,
Sông vắng, lại giăng lồng.



2.— 黃 江 夜 雨

蓼 浦 三 秋 雨
筠 蓬 半 夜 聲
孤 燈 明 又 滅
湖 海 十 年 情

Phiên-âm

HOÀNG GIANG DẠ VŨ.

Liệu phố tam thu vũ.
Quân bồng bán dạ thanh.
Cô đăng minh hựu diệt.
Hồ hải thập niên tình.

Dịch - nghĩa

BẾN HOÀNG GIANG, ĐÊM MƯA.

Phố Liệu mưu ba tháng,
Tiếng tre gió giữa đêm.
Đèn thu, khêu lại tắt,
Hồ hải đã mười năm.



3.— 村居

松筠三徑在
歲晚薄言歸
把酒看秋色
携笻步夕暉
雲空月明出
天濶塞鴻飛
忽聽昏鐘報
呼童掩竹扉

Phiên âm

THÔN CƯ.

Tùng quân tam kính tại.
Tuế vãn bạc ngôn quy.
Bả tửu khan thu sắc.
Huề cùng, bộ tịch huy.
Vân không sơn nguyệt xuất.
Thiên khoát tái hồng phi,
Hốt thính hôn chung bả.
Hô đồng yểm trúc phi.

Dịch nghia :

Ở TRONG XÓM.

Tùng quân ba dãy đó,
Năm cuối nhắc gì quê,
Thu sáng nâng bầu ngắm.
Trời chiều chống gậy đi.
Mây cao, trăng mới hé,
Trời rộng, nhạn bay về.
Bỗng nghe chuông chiều giống,
Gọi trẻ cài phên tre.



4.— 秋日留別洪州檢正

歸夢蘂溪北
故人槐府邊
清霜和別袂
紅日上吟鞭
愁緒凴杯斷
新詩刮淚傳
相期三五夜
共醉桂花天

Phiên âm

THU NHẬT LƯU BIỆT HỒNG CHÂU KIỂM CHÍNH

Quy mộng Nhị Khê bắc.
Cố nhân hòe phủ biên.
Thanh sương hòa biệt duệ.
Hồng nhật thượng ngâm tiên.
Sầu tự bằng bôi đoạn.
Tân thi quát lệ truyền.
Tương kỳ tam ngũ dạ.
Cộng túy quế hoa thiên.

Dịch nghĩa:

NGÀY THU, LƯU BIỆT KIỂM CHÍNH HỒNG CHÂU

Mộng tới Nhị Khê bắc.
Phủ Hoè còn cố nhân.
Sương sa cùng rứt áo.
Nắng sớm đành lên yên.
Nâng chén sầu chia sẻ.
Ngâm thơ nước mắt tràn.
Xin hẹn thời biến chuyển,
Bên quế rượu liên miên.



5.— 陪冰壺相公遊春江

三春媚烟景
一棹繫滄浪
習氣俱湖海
憂心只廟堂
清詩魚鳥共
佳句芷蘭香
興盡中流返
山間日已黃

Phiên âm :

BỒI BĂNG HỒ TƯỚNG CÔNG DU XUÂN GIANG.

Tam xuân mị yêu cảnh.
Nhất trạo kích thương lương,
Tập khí câu hồ hải.
Ưu tâm chỉ miếu đường.
Thanh thi ngư điểu trọng.
Giai cú chỉ lan hương.
Hứng tận trung lưu phản,
Sơn gian nhật dĩ hoàng.

Dịch nghĩa :

THEO BĂNG HỒ TƯỚNG CÔNG ĐI TRÊN SÔNG MÙA XUÂN.

Tháng ba, trời mây khói.
Chèo quế lướt trường giang.
Chí khí theo hồ hải.
Tâm can ở miếu đường.
Ý thơ gồm cảnh vật.
Lời chữ ngát trầm hương.
Đủ hứng quay chèo lại.
Sườn non ánh xế vàng.

6.— 題仙遊寺

天 德 山 河 古 帝 都
名 藍 形 勝 小 方 壺
人 間 何 處 非 塵 迹
虛 訪 神 仙 事 已 無

Phiên-âm :

ĐỀ TIÊN DU TỰ

Thiên Đức san hà cổ đế đô.
Danh lam hình thắng tiểu phương hồ.
Nhân gian hà xứ phi trần tích·
Hư phóng thần tiên sự dĩ vô.

Dịch nghĩa :

ĐỀ CHÙA TIÊN DU

Thiên Đức đô xưa rạng núi sông.
Tiếng truyền hình thế tựa non bồng.
Đến nay đâu chẳng trần do bụi.
Hỏi lại thần tiên truyện có không.



7.— 中秋玩月有懷

晉庾亮中秋乘月遊南樓謂僚佐曰老子於此興復不淺

匆匆客裡又中秋
月白風清獨自愁
遙想故人襟韻在
騷魂幾度繞南樓

Phiên âm :

TRUNG THU NGOẠN NGUYỆT HỮU HOÀI.

Thông thông (1) khách lý hựu trung thu.
Nguyệt bạch phong thanh độc tự sầu.
Dao tưởng cố nhân khâm vận tại.
Tao hồn kỷ độ nhiễu Nam Lâu.

Dịch nghĩa :

(2) COI TRĂNG ĐÊM TRUNG THU.

Thời gian thoáng đã lại trung thu.
Gió mát trăng trong vẫn cứ sầu.
Xa nhớ cố nhân thơ vẫn giữ,
Hồn thơ lẩn quẩn tại Nam Lâu.

---

(1) Tấn Dữu Lượng trung thu thừa nguyệt du Nam Lâu, vị liêu thuộc viết : Lão Tử ư thử, hứng phục bất thiển.

2) Dữu Lượng đời Tấn, đêm trung thu lên Nam Lâu có bảo các liêu thuộc : Xưa. Lão Tữ tới đây chắc cảm hứng không ít.



8.— 秋 夜

新 愁 舊 恨 撥 難 平
南 北 情 懷 夢 亦 驚
月 色 無 人 更 無 籟
秋 來 夜 夜 總 關 情

Phiện âm :

THU DẠ.

Tân sầu cựu hận, bát nan bình.
Nam bắc tình hoài mộng diệc kinh.
Nguyệt sắc vô nhàn cánh vô lại.
Thu lai dạ dạ tổng quan bình.

Dịch nghĩa :

ĐÊM THU.

Buồn này buồn trước, rứt không đành.
Mộng mị đâu đâu cũng giật mình.
Trăng sáng không người, không tiếng động.
Thu về tối tối ngẩn ngơ tình.



9.— 舟中偶成

蕭蕭旅鬢傷春暮
耿耿孤懷怯瘴氛
俗累不關清興足
看山看水又看雲

Phiên âm :

CHU TRUNG NGẪU THÀNH.

Tiêu tiêu lữ mấn thương xuân mộ.
Cảnh cảnh cô hoài khiếp chướng phân.
Tục lụy bất quan thanh hứng túc.
Khan sơn, khan thủy hựu khan vân.

Dịch nghĩa :

TRONG THUYỀN

Nhà xa xuân cuối người thơ thần.
Đất khách tâm sầu, bệnh ngất ngây.
Chán việc đời đành theo sở hứng.
Trông trời, trông nước; lại trông mây.



10.— 江村春景

繞村春柳綠成堆
一帶溪流抱逕迴
岸荔雨晴烟色薄
杜鵑聲急楝花開

Phiên âm:

GIANG THÔN XUÂN CẢNH.

Nhiễu thôn xuân liễu lục thành đôi.
Nhất đái khê lưu bão kinh hồi.
Ngạn lệ vũ tình, yên sắc bạc.
Đỗ quyên thanh cấp luyện hoa khai.

Dịch nghĩa

CẢNH MÙA XUÂN Ở XÓM BÊN SÔNG.

Khắp thôn rừng liễu rợp xanh lè.
Đường lối quanh co bọc suối khe.
Trời sáng, cỏ tươi, mây khói nhạt.
Luyện hoa chớm nở quốc kêu hè.



11.— 洮江郡舍

春風送暖逗晴軒
堆綠穠紅甲乙繁
山鳥數聲啼觸處
夢回只是蘂村園

Phiên âm

THAO GIANG QUẬN XÁ.

Xuân phong tống noãn, đậu tình hiên.
Đôi lục nùng hồng, giáp ất phiền.
Sơn điểu sổ thanh đề xúc xứ.
Mộng hồi chỉ thị Nhị thôn viên.

Dịch nghĩa :

Ở NHÀ TRỌ QUẬN THAO GIANG.

Gió xuân ấm áp đứng bên hiên.
Hoa lá xanh hồng, sắc điềm chen.
Vài tiếng chim kêu từ núi lại.
Mơ màng về tới Nhị thôn viên.



12.— 東岸春夢

瀘水東邊瀘岸村
翩翩紅雨暗前門
耳邊新送春歸去
萬綠叢中杜宇魂

Phiên âm

ĐÔNG NGẠN XUÂN MỘNG.

Lô thủy đông biên Lô ngạn thôn.
Phiên phiên hồng vũ ám tiền môn.
Nhĩ biên tân tống xuân quy khứ.
Vạn lục tùng trung đỗ vũ hồn.

Dịch nghĩa :

MỘNG NGÀY XUÂN TẠI ĐÔNG NGẠN.

Phía đông Lô thủy có Lô thôn.
Trước cửa mưa bay điểm nét xuân.
Văng vẳng bên tai ngờ mộng mị.
Quyên kêu rừng biếc, dạ bồn chồn.



13.— 天長舟中二首

肇慶東南綠浦西
小舟傍柳過前溪
春風不解暗愁思
却放鵑聲滿岸啼

Phiên âm :

THIÊN TRƯỜNG CHU TRUNG NHỊ THỦ.

Triệu khánh đông nam lục phố tây.
Tiểu chu bàng liễu quá tiền khê.
Xuân phong bất giải câm sầu tứ.
Khước phóng quyên thanh mãn ngạn đề.

Dịch nghia :

TỚI THIÊN TRƯỜNG, NGỒI TRONG THUYỀN (2 bài).

Triệu khánh bờ tây thả chiếc thuyền.
Tiền khê, lướt khỏi, liễu hai bên.
Gió xuân không thổi sầu đi giúp.
Khắc khoải trên bờ tiếng đỗ quyên.

✧

14.— 天長舟中第二首

一蓬烟雨泛晴春
紫閣鶯花夢裡身
湖海四年多病疾
扁舟愁殺未歸人

Phiên âm

THIÊN TRƯỜNG CHU TRUNG, Đệ nhị thủ.

Nhất bồng yêu vũ, phiếm tình xuân.
Tử các oanh hoa mộng lý nhân.
Hồ hải tứ niên đa bệnh tật.
Biển chu sầu sát vị quy nhân.

Dịch nghĩa

TỚI THIÊN TRƯỜNG, NGỒI TRONG THUYỀN (bài thứ 2).

Cỏ bồng phấp phới khói mưa tan.
Oanh hót trong hoa tỉnh mộng xuân.
Hồ hải bốn năm bao bệnh hoạn.
Chiếc thuyền xuôi ngược, khách tần ngần.



15.— 大聖佑國寺早起

僊家宮闕近蓬萊
耳畔鈞天夢易回
睡起春朝無了事
東風亭院看花開

Phiên âm :

ĐẠI THÁNH, HỰU QUỐC TỰ, TẢO KHỞI.

Tiên gia cung khuyết cận bồng lai.
Nhĩ bạn quân thiên, mộng dị hồi.
Thụy khởi, xuân triều, vô liễu sự.
Đông phong đình viện, khán hoa khai.

Dịch nghĩa

SỚM NGỦ DẬY, TẠI CHÙA ĐẠI THÁNH, HỰU QUỐC.

Ở nơi đền điện, giáp bồng lai.
Cũng tựa lâu mau mộng ngắn dài,
Thức dậy, ngày xuân không bận rộn.
Gió xuân hoa nở, trước hiên, coi.



16.— 山中

雨餘烟樹籠籠翠
日暮寒雲冉冉生
睡醒不知春早晚
深山啼到杜鵑聲

Phiên âm

SƠN TRUNG.

Vũ dư yên thụ lung lung thúy.
Nhật mộ hàn vân nhiễm nhiễm sinh.
Thụy tỉnh bất tri xuân tảo vãn.
Thâm sơn đễ đáo đỗ quyên thanh.

Dịch nghĩa

TRONG NÚI.

Lung linh mưa tạnh màu cây thắm,
Lành lạnh mây chiều vẻ gió xuân.
Mộng tỉnh ngờ đâu xuân sớm hết.
Từ non đưa tới tiếng chim quyên.



17.— 秋日遣興

客 裡 淒 涼 又 塞 鴻
如 霜 吟 鬢 欲 成 蓬
閉 門 萬 里 連 朝 雨
過 眼 三 秋 落 葉 風
世 態 任 他 紈 扇 棄
閒 愁 勸 我 酒 杯 空
西 風 一 枕 清 眠 是
更 詠 新 詩 課 小 童

Phiên âm

THU NHẬT KHIỂN HỨNG.

Khách lý thế lương hựu tái hồng.
Như sương ngâm mấn dục thành bồng.
Bế môn vạn lý liên triêu vũ.
Quá nhãn tam thu lạc diệp phong.
Thế thái uhiệm tha hoàn phiến chuyền.
Nhàn sầu khuyến ngã tửu bôi không.
Tây phong nhất chẩm thanh miên thị.
Cánh vịnh tân thi khóa tiểu đồng.

Dịch nghĩa

NGÀY THU, KHIỂN HỨNG.

Đất khách băng khoăn thoáng tiếng hồng
Nhuốm sương mái tóc rối như bồng.
Cửa cài muôn dặm mưa ra rả.
Dạn mặt ba thu gió lạnh lùng.
Đương loạn, coi người luôn dở tráo.
Đỡ buồn nghĩ chén, thấy bầu không.
Gió tây tựa ghế ngày thơ thẩn.
Dở cuốn tân thi dậy tiểu đồng.



18.— 城西大隱廬口占（白詩大隱隱城市）

宦途四十五年身
城市贏爲大隱民
竹石安排詩好景
鳥花團占酒佳賓
衡門自有安心樂
聖世何憂抱道貧
誰道趨時吾計拙
一閒風味儘吾仁

Phiên âm :

THÀNH TÂY ĐẠI ẨN LƯ KHẨU CHIẾM

(Bạch thi : ĐẠI ẨN ẨN THÀNH THỊ).

Hoạn đồ tứ thập ngũ niên thân.
Thành thị huy vi đại ẩn dân.
Trúc thạnh an bài, thi hảo cảnh.
Điểu hoa đoàn chiếm tửu giai tân.
Hành môn tự hữu an tâm lạc.
Thánh thế hà ưu bão đạo bần.
Thùy đạo xu thời, ngô kế chuyết.
Nhất nhàn phong vị tận ngô nhân.

Dịch nghĩa :

VỊ ĐẠI ẨN TẠI THÀNH TÂY.

(Đường thi : Đại ẩn là hạng ẩn ở ngay nơi thành thị).

Đã bốn nhăm năm vướng nghiệp quan.
Thị thành đại ẩn, cốt thân an.
Trúc cao đá phẳng, câu thơ thánh.
Hoa thắm, chim xanh, chén rượu thần.
Sau trước cửa sài, thường hưởng lạc.
Xưa nay đời thịnh cứ vui bần.
Ai khuyên xu thế, ta đành vụng.
Gió mát trăng trong, chính đạo nhân.



19.— 秋城晚望

木落都城九月天
斜陽罩地截雲烟
離鴻遠遠迎風陣
隙月娟娟隔樹懸
吟興四時秋易感
人生萬事老堪憐
兵戈況復彫殘後
遙望晴旻一慨然

Phiên âm :

THU THÀNH VÃN VỌNG.

Mộc lạc đô thành cửu nguyệt thiên.
Tà dương trảo địa tiệt vân yên.
Ly hồng viễn viễn nghênh phong trận.
Khích nguyệt quyên quyên cách thụ huyền.
Ngâm hứng tứ thời, thu dị cảm,
Nhân sinh vạn sự lão kham liên.
Binh qua huống phục điêu tàn hậu.
Dao vọng tình mân nhất khái nhiên.

Dịch nghĩa :

Ở TRONG THÀNH, CHIỀU MÙA THU.

Tháng chín, kinh thành lá úa vàng.
Khói mây tan bóng trước tà dương.
Xa xa cánh nhạn theo làn gió.
Sừng sững hàng cây lộng bóng gương.
Ngâm hứng bốn mùa thu dễ cảm.
Nhân sinh muôn việc tuổi càng thương.
Sau cơn binh hỏa đều tan tác.
Ngắm cảnh trời quang, trí vấn vương.



20.— 中秋有感

金波自海浸空流
河漢微雲淡淡收
雨後池臺多貯月
客中情緒不勝秋
願憑天上清光夜
遍照人間疾苦愁
長使國家多暇日
五湖歸夢到扁舟

Phiên âm

TRUNG THU HỮU CẢM

Kim ba tự hải tầm không lưu.
Hà Hán vi vân đạm đạm thu.
Vũ hậu trì đài đa trữ nguyệt.
Khách trung tình tự bất thăng thu.
Nguyện bằng thiên thượng thanh quang dạ.
Biến chiếu nhân gian tất khổ sầu.
Trường sử quốc gia đa hạ nhật.
Ngũ hồ quy mộng đáo biên chu.

Dịch nghĩa

TIẾT TRUNG THU

Sóng vàng như bể nổi trên cao.
Hà Hán mây bay, lớp lớp trào.
Mây tạnh ao hồ trăng sáng tỏ.
Nhà xa tình tự, khách buồn thiu.
Bay lên thiên giới theo làn sóng.
Chiếu xuống nhân gian gở mối sầu.
Giúp được nước nhà vui vẻ mãi.
Những ai hồ hãi, được quay chèo



21.— 酬道溪大學春寒韻

渺渺春城雪正漫
東風牢鎖未全乾
宦情細惹楊烟薄
客緒偏隨杏雨殘
流水高山琴不韻
紅旗赤幟夢將闌
隣渠萬性皆吾與
比屋誰遮面面寒

（白樂天詩：紅旗破賊非吾事）

Phiên âm

THÙ ĐẠO KHÊ ĐẠI-HỌC, XUÂN HÀN VẬN

Diễu diễu xuân thành tuyết chính man.
Đông phong lao toả, vị toàn can.
Hoạn tình tế nhạ, dương yên bạc.
Khách tự thiên tùy, hạnh vũ tàn.
Lưu thủy cao sơn, cầm bất vận.
Hồng kỳ xích xí mộng tương lan.
Lân cừ vạn tính giai ngô dữ.
Tị ốc thùy già diện diện hàn.

(Bạch Lạc thiên thi : Hồng kỳ phá tặc phi ngô sự...).

Dịch nghĩa

THƠ ĐÁP ĐẠO KHÊ ĐẠI HỌC (theo vận xuân hàn).

Trong khắp thành xuân, tuyết ngập tràn.
Gió đông thổi mạnh vẫn chưa tan.
Nghĩ tình viễn hoạn, cành dương biếc
Buồn nỗi tha hương cánh hạnh tàn
Lưu thủy cao sơn, thôi nhắc nhở.
Hồng kỳ, xích xí, nghĩ liên miên.
Dân gian quanh quần đều cùng biết.
Liền vách vì đâu vẫn chửa quen.

(Thơ Bạch Lạc Thiên có câu : Hồng kỳ ra trận không phải việc của ta).

22.— 除夕 用杜甫韻

客中送臘虎亭家
殘雪猶飄六出花
天地冬春庭外草
光陰昏曉樹間鴉
燈因守歲常常續
酒爲消愁故故賒
萬事細思看鬢髮
平明梳洗向東華

（東華百官出入之門）

Phiên âm

TRỪ TỊCH. (DỤNG ĐỖ PHỦ VẬN).

Khách trung tống lạp Hồ đình gia.
Tàn tuyết do phiêu lục xuất hoa.
Thiên địa đông, xuân đình ngoại, thảo.
Quang âm hôn hiểu thụ gian nha.
Đăng nhân thủ tuế thường thường tục.
Tửu vị thiêu sầu cố cố xa.
Vạn sự tế tư, khan mấn phát.
Bình minh sơ tẩy hướng Đông Hoa.

(Đông Hoa, bách quan xuất nhập chi môn).

Dịch nghĩa :

ĐÊM TRỪ TỊCH (lấy theo vần thơ ĐỖ PHỦ).

Tha hương lễ chạp Hồ Đình gia.
Tan tuyết còn nguyên lục xuất hoa.
Cỏ mọc đông xuân, thời tiết đổi.
Quạ kêu chiều sớm tháng ngày qua.
Ngọn đèn trừ tịch đừng cho cạn.
Chén rượu tiêu sầu vẫn rở ra
Muôn việc lo âu nhìn mái tóc.
Cửa đông sắm sửa sớm mai qua.

(Cửa đông, Đông Hoa, là nơi bách quan ra vào).



23.— 九日村居獨酌

村醪酌罷自談詩
欲把胸懷更向誰
荒徑人行秋色少
故園雨勒菊花遲
龍山後會知何日
彭澤歸心最此時
萬事悠悠杯一醉
了知身到鳳凰池

Phiên âm :

CỬU NHẬT THÔN CƯ ĐỘC CHƯỚC.

Thôn dao, chước bãi, tự đàm thi,
Dục bả hung hoài, cánh hướng thùy
Hoang kính nhân hành, thu sắc thiểu.
Cố viên, vũ lặc cúc hoa trì.
Long sơn hậu hội tri hà nhật.
Bành Trạch quy tâm tối thử thì.
Vạn sự du du bàn nhất túy.
Liễu tri thân đáo phụng hoàng trì.

Dịch nghĩa :

NGÀY MÙNG CHÍN, NGỤ TRONG XÓM,
UỐNG RƯỢU MỘT MÌNH

Rượu xong, tiệc bãi, đến ngâm thơ.
Thổ lộ cùng ai, dạ thẫn thờ.
Đường hẽm thu sang, người vắng bóng.
Vườn xưa, mưa bụi, cúc còn tơ.
Long Sơn trở lại, hằng mong mỏi.
Bành Trạch, ngày về, luống đợi chờ.
Muôn việc, rượu vào là hết nhớ.
Phụng Hoàng bơi lội chỉ hay mơ.



24.— 秋日曉起有感

殘夢鼕鼕醒曉鐘
日含秋影射窗櫳
客懷擁枕欹眠後
心事焚香兀坐中
庭外掃愁看落葉
天邊隔淚數征鴻
嗚呼世道何如我
三撫遺編賦大東

Phiên âm :

THU NHẬT HIỂU KHỞI HỮU CẢM.

Tàn mộng đông-đông tỉnh hiểu chung.
Nhật hàm thu ảnh xạ song lung.
Khách hoài ủng chẩm y miên hậu.
Tâm sự phần hương ngột tọa trung.
Đình ngoại tảo sầu khan lạc diệp.
Thiên biên cách lệ sổ chinh hồng.
Ô hô thế đạo hà như ngã.
Tam phủ di biên phú Đại Đông.

Dịch nghia :

SỚM NGÀY MÙA THU THỨC DẬY.

Sớm lắng chuông hồi, tỉnh giấc nồng.
Bóng thu ánh sớm chiếu qua song.
Ngâm nga quán trọ, buồn ôm gối.
Thắc mắc xa quê, ngại tấc lòng.
Lá úa thêm sầu coi trước cửa.
Tiếng hồng dẫm lệ lắng trên không.
Thương thay đời thế, ta như thế.
Ca tụng bao lần phú Đại Đồng.

---

(1) Thơ trong Kinh Thi, ý nói đương loạn.



25.— 三月初一日曉起

已無畫燭醉裙紅
更倚青燈照鬢蓬
破屋吟殘紅杏雨
清都夢醒紫薇風
一身九竅七情內
萬事千憂百慮中
慌底不知寒食過
啟窗花又折梧桐

Phiên âm :

TAM NGUYỆT SƠ NHẤT NHẬT HIỂU KHỞI.

Dĩ vô họa chúc túy quần hồng.
Cánh ỷ thanh đăng chiếu mấn bồng.
Phá ốc ngâm tàn hồng hạnh vũ.
Thanh Đô mộng tỉnh Tử vi phong.
Nhất thân cửu khiếu, thất tình nội.
Vạn sự thiên ưu, bách lự trung.
Mang để bất tri hàn thực quá.
Khải song, hoa hựu chiết ngô đồng.

Dịch nghĩa :

SỚM MÙNG MỘT THÁNG BA.

Không hay chúc-họa với quần hồng.
Nương ánh đèn xanh tóc rối bồng.
Mây hé hứng ngâm Hồng Hạnh khúc. (1)
Điện cao tỉnh mộng Tử Vi phong. (2)
Một thân, năm tạng, bảy tình trí.
Muôn việc nghìn lo, trăm bận lòng.
Hoảng hốt đến quên hàn thực tiết.
Song mai lại mở, bẻ ngô đồng.

---

(1) Tống Kỳ đời Tống nước tàu có bài thơ Hồng hạnh.
(2) Tử Vi là cung điện của Thượng Đế.



26.— 春寒

癡雲漠漠霧沈沈
釀作餘寒十日陰
帶雨有痕粘樹絮
傷春無語隔花禽
書齋寂寂惟高枕
世事悠悠正抱衾
安得此身同槖籥
和風嘘遍九州心

Phiên âm :

XUÂN HÀN.

Si vân mạc mạc vụ chầm chầm.
Nhưỡng tác dư hàn thập nhật âm.
Đái vũ hữu ngân niêm thụ nhứ.
Thương xuân vô ngữ cách hoa cầm.
Thư trai tịch tịch duy cao chẩm.
Thế sự du du chính bão khâm.
An đắc thử thân đồng thác thược.
Như phong khư biến cửu châu tâm.

Dịch nghĩa :

MÙA XUÂN LẠNH.

Trắng toát làn mây hạt móc xuân.
Nghiêng bình mươi bữa rét khôn ngăn.
Mưa đầm tơ liễu, mầu chưa đổi.
Chim hót bên hoa, tiếng hết ran.
Vắng vẻ thư trai đành tựa gối.
Dằng dai thế sự, chỉ chùm chăn.
Thân nầy đổi được thành lò bễ.
Chín cõi khuyên người đổi trí dần.



27.— 暮秋（席上用嚴滄浪韻）

歲晚天寒客易悲
騷人何必怨江離
西風籬落菊殘後
夜雨湖山雁斷時
老景逼人侵亹亹
秋光戀我去遲遲
薇垣清夢頭將白
正恐蓴鱸每負期

（楚詞扈江離與辟芷兮）

Phiên âm :

MỘ THU.

(Tịch thượng, dụng Nghiêm Thương lương vận).

Tuế vãn thiên hàn khách dị bi.
Tao nhân hà tất oán Giang Ly.
Tây phong ly lạc, cúc tàn hậu.
Dạ vũ hồ sơn nhạn đoạn thì.
Lão cảnh bức nhân xâm vĩ vĩ.
Thu quang luyến ngã khứ trì trì.
Vi viên thanh mộng đầu tương bạch.
Chính khủng thuần lư mỗi phụ kỳ.
(Sở Từ : Hỗ giang ly dữ bích chỉ hề).

Dịch nghĩa :

CHIỀU MÙA THU.

(Khi xướng họa, dùng vần Nghiêm Thương lương).

Năm cuối càng buồn nỗi biệt ly.
Tao nhân hà tất oán giang-ly. (1)
Cúc tàn bên dậu, hơi may thoảng.
Mưa tối qua non tiếng nhạn nghe.
Dục khách vội vàng hơi lạnh tới
Nhớ ta chầm chậm ánh thu đi.
Hoa vườn mơ mộng, đầu e bạc.
Chính sợ thuần lư lại quá kỳ.

(Trong bài Sở từ có câu : Theo giang ly cùng bích chỉ).

(1) Một thứ cỏ thơm.
(2) Rau rút, cá mè.



28.— 九月冰壺公席上

蓬鬢蕭蕭黑帽沙
隨風晚入相王家
人生百歲重陽幾
秋色三分九日多
就解愁中應有酒
得行樂處可無花
忙然一醉酬佳節
長笑西窗發浩歌

Phiên âm

CỬU NGUYỆT BĂNG HỒ CÔNG TỊCH THƯỢNG.

Bồng mấn tiêu tiêu hắc tiếu sa.
Tùy phong vãn nhập Tướng Vương gia
Nhân sinh bách tuế trùng dương kỷ.
Thu sắc tam phân cửu nhật đa.
Tựu giải sầu trung ưng hữu tửu.
Đắc hành lạc xứ khả vô hoa.
Mang nhiên nhất túy thù giai tiết.
Trường tiếu tây song phát hạo ca.

Dịch nghĩa

TIẾT TRÙNG CỬU, Ở TRONG PHỦ BĂNG HỒ TƯỚNG CÔNG

Tóc rối khăn đen mới bước ra.
Chiều hôm theo gió tới Vương gia.
Trùng dương một kiếp không nhiều mấy.
Cửu nhật riêng thu đã được ba.
Muốn giải sầu nay đành có rượu.
Cần thêm vui mới, há không hoa.
Say sưa cạn chén mừng ngày tết.
Cười nói bên hiên, cất giọng ca.



29.— 秋夜早起寄洪江檢正

寂寞書齋意不聊
移床秋户聽芭蕉
月殘錦巷鐘聲曉
風撼銅村馬足驕
騷骨欲清詩更換
病根未去病還澆
呼童淨掃柴門葉
留待君來話隔朝

Phiên âm

THU DẠ TẢO KHỞI KÝ HỒNG GIANG KIỂM CHÍNH.

Tịch mịch thư trai ý bất liêu
Di sàng thu hộ thính ba tiêu.
Nguyệt tàn, cẩm hạng, chung thanh hiểu.
Phong hám Đồng thôn, mã túc kiêu.
Tao cốt dục thanh, thi cánh hoán.
Bệnh căn vị khứ, dược hoàn kiêu.
Hồ đồng tĩnh tảo sài môn diệp.
Lưu đãi quân lai thoại cách triều.

Dịch nghĩa

MÙA THU DẬY SỚM GỬI THƯ CHO KIỂM CHÍNH HỒNG GIANG.

Nghĩ ngợi thư trai cảnh vắng teo.
Cửa thu nằm nghĩ, lắng ba tiêu.

Trăng tàn, ngõ Cầm, hồi chuông sáng.
Gió dậy thôn Đồng, vó ngựa theo.
Cốt cách muôn thanh, thơ lại đồi.
Bệnh xưa chưa khỏi, thuốc dùng nhiều,
Gọi đồng quét lá cho quang ngõ.
Khách tới vui bàn chuyện cựu triều.



30.— 病中懷洪江檢正 (秋夜韻)

沈水烟消客夢清
寒燈無語傍人明
銀光耿耿流當户
黃葉蕭蕭落滿城
罨畫池臺秋著色
水銀世界月多情
豈因一病傷豪氣
睡起狂歌四壁驚

Phiên âm

BỆNH TRUNG HOÀI HỒNG GIANG KIỂM CHÍNH.

(Thu dạ vận).

Trầm thủy, yên tiêu, khách mộng thanh.
Hàn đăng vô ngữ bạng nhân minh.
Ngân giang cảnh cảnh lưu đương hộ.
Hoàng diệp tiêu tiêu lạc mãn thành.
Yểm họa trì đài, thu trứ sắc.
Thủy ngân thế giới nguyệt đa tình.
Khởi nhân nhất bệnh thương hào khí.
Thụy khởi cuồng ca tứ bích kinh.

Dịch nghĩa

ĐƯƠNG BỆNH, NHỚ KIỂM CHÍNH HỒNG GIANG

(Lấy vần thu dạ).

Nước lắng, mây tan, mộng vấn vương,
Đèn xanh lặng chiếu khách tha phương.

Sông ngân cuồn cuộn qua ngoài cửa.
Lá úa tiêu điều rụng khắp đường.
Đài tạ, trời xanh, thu đủ sắc.
Đó đây, sóng bạc, nguyệt mơ màng.
Há vì bệnh hoạn, quên hào khí.
Đứng dậy cuồng ca bốn vách vang.



31.— 元旦上冰壺相公

槐庭元旦拜生辰
客子光陰幾度新
東閣重遊春世界
祝頌豈私門下士
拳拳只為愛斯民

Phiên âm

NGUYÊN ĐÁN THƯỢNG BĂNG HỒ TƯỚNG CÔNG.

Hòe đình nguyên nhật bái sinh thần.
Khách tử quang âm kỷ độ tân.
Đông các trùng du xuân thế giới.
Nam chi thiên lộ tuyết tinh thần.
Thiên di nhất lão phù xương vận.
Đế quyến tam triều ỷ cựu thần.
Chúc tụng khởi tư môn hạ sĩ.
Quyền quyền chỉ vị ái tư dân.

Dịch nghĩa

NGUYÊN ĐÁN CHÚC TẾT BĂNG HỒ TƯỚNG CÔNG.

Sân hòe ngày tết chúc mừng xuân.
Lui tới quang âm tính mấy lần.
Đông Các lại thêm xuân thế giới.
Nam chi móc đượm, tuyết tinh thần
Trời rành một lão phù vương thất.
Vua kính ba triều bực cựu thần.
Chúc tụng riêng đâu người phủ đệ.
Là vì nghĩ tới cả toàn dân.



32.— 秋 病 中

蕭 蕭 風 動 轉 淒 清
天 地 初 秋 客 子 情
隆 慶 二 年 新 進 士
翹 才 三 館 舊 書 生
少 年 敢 負 韓 中 獻
多 病 還 怜 馬 長 卿
萬 事 皆 人 霄 漸 永
貯 愁 歌 卧 數 殘 更

Phiên âm

THU BỆNH TRUNG

Tiêu tiêu phong động chuyển thê thanh
Thiên địa sơ thu, khách tử tình,
Long Khánh nhị niên tân tiến sĩ.
Kiều Tài tam quán cựu thư sinh.
Thiếu niên cảm phụ Hàn Trung Hiến.
Đa bệnh hoàn linh Mã Trường Khanh.
Vạn sự giai nhân tiêu tiệm vịnh.
Trữ sầu ca ngọa sổ tàn canh.

Dịch nghĩa

MÙA THU, ĐƯƠNG CÓ BỆNH

Hiu hiu gió thổi mối sầu sinh.
Trời đất vào thu, động khách tình.
Long Khánh nhị niên thành tiến sĩ.
Kiều Tài Tam Quán vốn thư sinh.

Thiếu niên dám phụ Hàn Trung Hiến (1)
Đa bệnh càng thương Mã Trường Khanh. (2)
Muốn việc dây dưa, người tự tạo.
Ôm sầu ngồi đứng suốt tàn canh.

CHÚ THÍCH : **(1) Hàn Kỳ triều Tống nước Tàu, thi đỗ sớm,**
(2) Tư Mã Tương Như, nhân vật triều Hán nước Tàu.



33.— 陪冰壺相公遊春江

鮮雲晴日雪花天
烟景三春勝柳川
紅蓼白蘋吟況味
羅裙滂雨醉因緣
且談湖海江南士
休訪風流采石僊
涵浦斜陽歌緩棹
幾人同載孝廉船

Phiên âm

BỒI BẰNG HỒ TƯỚNG CÔNG DU XUÂN GIANG

Tiển vân, tình nhật tuyết hoa thiên.
Yên cảnh tam xuân thắng Liễu Xuyên
Hồng Lục, Bạch Tần ngâm huống vị.
La quần bạng tụ túy nhân duyên.
Thả đàm hồ hải Giang Nam sĩ.
Hưu phỏng phong lưu Thái Thạch tiên.
Hàm phố tà dương ca hoãn trạo.
Kỷ nhân đồng tãi hiếu liêm thuyền.

Dịch nghĩa

THEO BĂNG HỒ TƯỚNG CÔNG CHƠI THUYỀN MÙA XUÂN

Mây thưa trời tạnh, tuyết như hoa.
Phong cảnh Liễu Xuyên cũng kém thua.
Bèo trắng, nga hồng, thơ hứng thú.
Quần kia áo nọ rượu la cà.
Giang Nam danh sĩ nên bàn tới.

Thái Thạch (1) tiên ông chửa nói qua.
Bến nước, trời chiều, chèo tạm chậm.
Hiếu Liêm (2) thuyền chở chuyện chưa xa

(CHÚ THÍCH : (1) Lý Bạch đi chơi tới Thái Thạch. — (2) Trương Bằng được cử Hiếu Liêm. Tướng Lưu Thị đi đường gặp, nhận là người có tài, chở cùng thuyền về, dùng làm quan).



34.— 重遊春江有感

去年三月珥珂濱
麗服相隨五六人
岸草無情春自綠
江流在眼客還新
清吟雨後邀紅葉
緩棹前風過白蘋
長恐寸心遙魏闕
五湖偏載讀書身.

Phiên âm

TRÙNG DU XUÂN GIANG HỮU CẢM.

Khứ niên tam nguyệt Nhị Hà tân.
Lệ phục tương tùy, ngũ lục nhân.
Ngạn thảo vô tình, Xuân tự lục.
Giang lưu tại nhãn, khách hoàn tân.
Thanh ngâm vũ hậu yêu hồng diệp.
Hoãn trạo phong tiền quá bạch tần.
Trường khủng thốn tâm dao ngụy khuyết.
Ngũ hồ thiên tải độc thư thân.

Dịch nghĩa :

LẦN THỨ HAI ĐI CHƠI TRÊN SÔNG.

Năm ngoái ngày xuân, bến Nhị Hà.
Tùy tùng năm sáu, vẻ xa hoa

Bên bờ cỏ mọc, xuân phô thắm.
Trước mắt giòng xuôi khách lạ xa.
Hồng diệp tạnh mưa, ngâm ngợi khúc.
Bạch tần trước gió, gác chèo, ca.
Tơ lòng thắc mắc nơi cung khuyết.
Trong giới giang hồ, vốn học gia.



35.— 村居感事寄呈冰壺相公

稻畦千里赤如燒
田野休嗟意不聊
后土山河方滌滌
皇天雨露正迢迢
吏胥網罟渾多竭
民命膏脂半已消
好把新詩當奏牘
只今卧病未能朝

Phiên âm

THÔN CƯ CẢM SỰ, KÝ TRÌNH BĂNG HỒ TƯỚNG CÔNG

Đạo huề thiên lý xích như thiêu.
Điền dã hưu ta ý bất liêu.
Hậu thổ sơn hà, phương địch địch.
Hoàng thiên vũ lộ chính thiều thiều.
Lại tư võng cổ hồn đa kiệt.
Dân mệnh cao chi bán dĩ tiêu.
Hiếu bả tân thi đương tấu độc.
Chỉ kim ngọa bệnh vị năng triều.

Dịch nghĩa :

NGỤ TRONG XÓM, CẢM THẤY CÔNG VIỆC.
TRÌNH LÊN BĂNG HỒ TƯỚNG CÔNG.

Ruộng nương ngàn dặm đất như thiêu.
Thóc lúa mùa này chả dám cầu.

Hậu thổ thổ non sông, thời mãi thế.
Hoàng thiên mưa móc đợi còn lâu.
Gông cùm lý dịch tha hồ dụng.
Huyết mạch nhân dân đã cạn tiêu.
Bản sớ muốn dâng tâu việc thục.
Liệt giường đang bệnh vắng phiên chầu



36.— 古山范公（范仁卿監修國史）示以小圃詩且道諸公盡已賡和余因慕其塵中而有閑適之趣因次其韻。

文室乾坤膝可容
持抄種樹課兒童
栽培自有東君巧
生長何知造化功
把卷樹間眠午日
啣盃花下醉春風
他時倘有過從便
此樂應須我與公

Phiên âm

Cổ Sơn Phạm Công (Phạm Nhân Khanh, Giám Tu quốc sử), hị dĩ Tiểu Phố thi, thả đạo chư công dĩ canh họa. Dư nhân mộ kỳ trần trung nhi hữu nhàn thích chi thứ nhân thứ kỳ vận.

Trượng thất càn khôn tất khả dung.
Trì sao chủng thụ khóa nhi đồng.
Tài bồi tự hữu đông quân sảo.
Sinh trưởng hà tri tạo hóa công.
Bả quyển thụ gian miên ngọ nhật.
Hàm bôi hoa hạ túy xuân phong.
Thạ thời thảng hữu qua tòng tiện.
Thử lạc ưng tu ngã dữ Công.

Dịch nghĩa

Cổ Sơn, Phạm Công (Phạm Nhân Khanh, Giám Tu Quốc sử) đưa cho tôi bài thơ Tiểu Phố, cùng cho biết là các ông đã họa cả. Nhân thấy ở đời mà còn nói đến thư nhàn thích, nên tôi theo vần họa lại.

Thấp cao một mái cốt dung thân.
Chăm trẻ, chăm cây, đủ được yên.
Sinh trưởng là do tay tạo hóa.
Tài bồi chính tại sức đông quân.
Bóng cây đọc sách, hồn mơ bướm.
Hớp rượu nhìn hoa thưởng gió xuân.
Có dịp đi qua thăm hỏi được.
Biết vui chắc chỉ chủ cùng tân.



37.— 天長試後有感

萬里來觀上國賓
科場誤作彀中人
東風御苑花容動
細雨乾坤柳色新
雙鯉濶傳江上信
扁舟悶繫客中身
今朝最是愁腸處
一別庭圍勝半春

（唐太宗觀新進士綴行而出書曰：天下英雄入吾彀中矣）

Phiêm âm

THIÊN TRƯỜNG THÍ HẬU HỮU CẢM.

Vạn lý lai quan thượng quốc tân.
Khoa trường ngộ tác cấu trung nhân.
Đông phong ngự uyển hoa dung động.
Tế vũ càn khôn liễu sắc tân.
Song lý khoát truyền giang thượng tín.
Phiến chu muộn hệ khách trung thân.
Kim triêu tối thị sầu trường xứ.
Nhất biệt đình viên thăng bán xuân.

(Đường Thái Tôn quan tân tiến sĩ suyết hàng, nhi suất thư viết : Thiên hạ anh hùng nhập ngô cấu trung hỹ).

Dịch nghĩa

SAU KHI THI Ở THIÊN TRƯỜNG

Đi coi Minh sứ dặm muôn ngàn.
Lại gặp khoa thi mũ áo ban
Vườn ngự gió xuân hoa hớn hở.
Khoang trời mưa bụi liễu xanh rờn.
Sông dài tin báo truyền nhanh chóng.
Thuyền buộc, đường về hết hỏi han.
Khắc khoải chiều nay ngồi lại đứng.
Ruộng vườn xa cách sắp qua xuân.

(Vua Đường Thái Tôn coi các tiến sĩ mới đỗ đứng xếp hàng, nói : Bọn anh hùng trong thiên hạ đã vào túi của ta rồi),

oOo

38.— 泊李家陵

扁舟天德繫斜暉
亡李荒邱已昔時
肅肅遺靈藏樹燡
青青古色枕江祠
銅棺無復成龍氣
華表惟存宿鶴枝
疑佇一平成一槩
黄昏小立自哦詩

Phiên âm

BẠC LÝ GIA LĂNG.

Biến chu Thiên Đức hệ tà huy.
Vong Lý hoang khưu dĩ tức thì.
Túc túc di linh, tàng thụ dịch.
Thanh thanh cổ sắc chẩm giang từ.
Đồng quan vô phục thành long khí.
Hoa biểu duy tồn túc hạc chi.
Nghi trữ nhất niên thành nhất khái.
Hoàng hôn tiểu lập tự nga thi.

Dịch nghĩa

ĐI THUYỀN QUA KHU LĂNG NHÀ LÝ

Thiên Đức chiều hôm gác mái chèo
Miếu lăng triều Lý đã tiêu điều.
Uy nghi cổ thụ còn hình dáng.
Văn vẻ Giang Từ vẫn sắc màu.
Hết thấy quách đồng, rồng nhả khói.
Còn nơi hoa biểu hạc về chầu.
Thêm năm, phong cảnh thêm tàn tạ.
Lặng ngắm hoàng hôn đọc mấy câu.

oOo

39.— 客路

生世那堪賤丈夫
離(1)忽帶淚痕枯
日沉健嶺冥投館
雪霽長州曙戒途
天地未容斯道捨
江山肯外此身孤
明時倘効分毫補
萬里寧辭我僕痡

Phiên âm

KHÁCH LỘ.

Sinh thế na kham tiện trượng phu.
Ly (1) hốt đái lệ ngân khô.
Nhật chầm Kiện Lĩnh minh đầu quán.
Tuyết tệ Trường Châu thự giới đồ.
Thiên địa vị dung tư đạo xả,
Giang sơn khẳng ngoại thử thân cô.
Minh thì thẳng hiệu phân hào bổ.
Vạn lý ninh từ ngã bộc bô.

Dịch nghĩa

TRÊN ĐƯỜNG ĐI, NƠI ĐẤT KHÁCH.

Ở đời đâu chịu tiếng chê hèn.
Lưu lạc từng qua ngấn mắt hoen.
Kiện Lĩnh mây về, chiều nghỉ lại.
Trường Châu tuyết ánh sớm đi liền.
Đất trời đạo cả còn chưa bỏ.
Non nước thân này chắc chẳng quên.
Có dịp nay mai ra giúp sức.
Xông pha muôn dặm cố theo lên.

CHÚ THÍCH : (1) Chỗ này bản in thiếu một chữ.

oOo

40.— 避寇山中有感

山房盡日醉昏昏
世路艱危懶出門
六袠慈親千里隔
兩年寇亂一身存
風塵天地空搔髮
烟瘴村巒只斷魂
謾有寸懷勞耿耿
夜依牛斗望中原

Phiên âm

TỊ KHẤU SƠN TRUNG HỮU CẢM

Sơn phòng tận nhật túy hôn hôn.
Thế lộ gian nguy lại xuất môn.
Lục dật từ thân thiên lý cách.
Lưỡng niên khấu loạn nhất thân tồn.
Phong trần thiên địa không tao phát.
Yên chướng thôn loan chỉ đoạn hồn.
Man hữu thốn hoài lao cảnh cảnh.
Dạ y ngưu đẩu vọng trung nguyên.

Dịch nghĩa

TRÁNH GIẶC Ở TRONG NÚI

Sơn phòng sớm tối rượu liên miên.
Nguy hiểm đương đời ngại bước lên.

Sáu chục từ thân, ngàn dặm thẳm.
Hai năm giặc loạn một thân yên.
Phong trần rối trí, tình non nước.
Lam chướng mê hồn chốn ải biên.
Thắng thốt tấc lòng buồn chẳng ngớt.
Đêm nhìn ngưu đẩu, nhớ trung nguyên.

oOo

41.— 客舍

淺把鵝兒獨自斟
羈縻動了鶴猿心
花邊茅屋春長好
柳外柴門客易尋
半榻蕉風和午夢
一簾梅雨助清吟
是非不到閑窗几
睡起焚香撫素琴

Phiên âm

KHÁCH XÁ

Thiển bả nga nhi độc tự châm.
Ky mi động liễu hạc viên tâm.
Hoa biên mao ốc, xuân trường hảo.
Liễu ngoại sài môn khách dị tầm.
Bán tháp tiêu phong hòa ngọ mộng.
Nhất liêm mai vũ trợ thanh ngâm.
Thị phi bất đáo nhàn song kỷ.
Thụy khởi phần hương phủ tố cầm.

Dịch nghĩa :

Ở NƠI TRỌ

Lủi thủi say sưa cứ rượu tràn.
Thân như hạc vượn được tâm nhàn.
Trong hoa mái cỏ xuân càng đẹp.
Ngoài liễu rào phên, khách dễ lần.
Bên án gió lay, ru mộng bướm.
Trước rèm mai rụng, gợi câu thần.
Việc đời chẳng tới bên hiên sách.
Tỉnh dậy, thêm hương, vặn trục đàn.

oOo

42.— 村居

數椽書室掩蓬蒿
池草園林夢欲騷
覆屋霜勻千瓦重
侵門月上半籬高
病中活計存靈藥
身外浮名付濁膠
萬事無營心自可
春風滿砌太陶陶

Phiên âm

THÔN CƯ

Sổ chuyên thư thất yểm bồng cao.
Trì thảo viên lâm mộng dục tao.
Phúc ốc sương quân thiên ngõa trọng.
Xâm môn nguyệt thượng bán ly cao.
Bệnh trung hoạt kế tồn linh dược.
Thân ngoại phù danh phó trọc giao.
Vạn sự vô doanh, tâm tự khả.
Xuân phong mãn thế thái đào đào.

Dịch nghĩa

Ở TRỌ TRONG XÓM

Thư hiên cột chống, có bồng hao.
Ao cỏ vườn cây mộng vẫn theo.
Xuống mái, sương gieo, hơn ngói nặng.
Qua hiên trăng chiếu, nửa tre cao.
Muốn qua bệnh tật, cần thang thuốc.
Coi rẻ công danh, tựa bọt bèo.
Muôn việc bỏ qua tâm khỏi động.
Gió xuân đưa tới, dạ vui sao.

oOo

43. 觀圍碁

閑窗敵手偶相逢
此樂堪殊鬬橘中
初訝曉星光錯落
忽聞晴雹碎玲瓏
縱横暗合周天數
勝負交爭畧地功
萬事如碁須説著
古今局面苦難同

Phiên âm

QUAN VI KỲ

Nhàn song địch thủ ngẫu tương phùng.
Thử lạc kham thù đấu quất trung,
Sơ nhạ hiểu tinh quang thác lạc.
Hốt văn tình bạc toát linh lung.
Tung hoành ám hợp chu thiên số.
Thắng phụ giao tranh lược địa công,
Vạn sự như kỳ tu thuyết trứ.
Cổ kim cục diện khổ nan đồng.

Dịch nghĩa

XEM ĐÁNH CỜ

Nhàn vui, địch thủ bỗng kỳ phùng.
Tính cách đừng cho đấu viển vông.
Trước ví sao mai, nhìn lẻ tẻ.
Sau nghe mưa đá, phá lung tung.
Dọc ngang hợp với từng con số,
Thua được tranh nhau, tính mọi công.
Muôn việc như cờ nên biết rõ.
Từ xưa khó dễ, vốn không cùng.

oOo

44.— 自天長漂過海口遇風

怒蛟嘘霧簸船窗
四月奔波駃似瀧
岸樹東西旗拂掠
灘聲上下玉舂撞
烟波萬里丹心寸
風雨孤蓬綠鬢雙
不是一官天上去
那堪此日卧滄江

Phiên âm

TỪ THIÊN TRƯỜNG PHIÊU QUÁ HẢI KHẨU NGỘ PHONG.

Nộ giao khu vụ bá thuyền song.
Tứ nguyệt bôn ba khoái tự lung.
Ngạn thụ đông tân kỳ phất lược.
Than thanh thượng hạ ngọc thung chàng.
Yên ba vạn lý đan tâm thốn.
Phong vũ cô bồng lục mấn song.
Bất thị nhất quan thiên thượng khứ.
Ná kham thử nhật ngọa thương giang.

Dịch nghĩa

TỪ THIÊN TRƯỜNG ĐI THUYỀN RA BỂ GẶP GIÓ.

Mây khói giao long lấp cửa bồng.
Tháng tư trời gió nước trần tung.
Gió cờ như cuốn hàng cây bến.
Chầy ngọc nghe vang bải cát sông.
Hồ bể lòng son, từng vạn dặm.
Gió mưa tóc rối, một thân bồng.
Trên trời ví thiếu người coi việc.
Ngày đó thân này đã dưới giòng.

oOo

45.— 遊崑山

一笻山上柱雲烟
回首塵埃路隔千
雨後泉聲流蔌蔌
天晴嵐氣靜涓涓
百年浮世人皆夢
半日偷閒我亦仙
興去欲來僧院宿
昏鐘催月掛峯前

Phiên âm

DU CÔN SƠN

Nhất cùng sơn thượng trụ vân yên.
Hồi thủ trần ai, lộ cách thiên.
Vũ hậu tuyền thanh lưu tốc tốc.
Thiên tình lam khí tĩnh quyên quyên.
Bách niên phù thế nhân giai mộng.
Bán nhật du nhàn, ngã diệc tiên.
Hứng khứ, dục lai tăng viện túc.
Hồn chung thơ nguyệt quải phong tiền.

Dịch nghĩa

ĐI CHƠI CÔN SƠN.

Lên non một gậy, chống khoang mây.
Ngảnh lại xa xa bụi tục dày.
Mưa tạnh nước khe ranh rách chảy.
Trời quang khí núi nhẹ nhàng bay.
Trăm năm cõi thế toàn trong mộng.
Nửa buổi thành tiên mới biết may.
Cao hứng muốn vào tăng-viện nghỉ.
Chuông chiều thúc nguyệt, mắc ngàn cây.

oOo

46.— 題玄天寺

仙家一簇聳雲岑
路入烟蘿窅窱深
樹影長年圍古澗
花枝亭午轉幽禽
官閒我得修身訣
老去天知學道心
若見赤松憑寄語
佳遊何日果幽尋

Phiên âm

ĐỀ HUYỀN THIÊN TỰ

Tiên gia nhất thốc tủng vân sầm.
Lộ nhập yên la liễu thiểu thâm.
Thụ ảnh trường niên vi cổ giãn
Hoa chi đình ngọ chuyển u cầm.
Quan nhàn ngã đắc tu thân quyết.
Lão khứ thiên tri học đạo tâm.
Nhược kiến Xích Tùng bằng ký ngữ.
Giai du hà nhật quả u tầm.

Dịch nghĩa

ĐỀ CHÙA HUYỀN THIÊN

Nhà tiên một xóm ngất cheo leo.
Thẳng vút mây xa có lối vào.

Cây cối năm nhiều khe róc rách.
Nhành hoa trưa tới, hạc lao xao.
Tu thân ta được quan nhàn rảnh.
Học đạo trời cho tuổi tác cao.
Nếu gặp Xích Tùng (1) xin nhớ hỏi,
Non tiên cho tới, định khi nào.

CHÚ THÍCH : (1) Một vị tiên.

oOo

走以多事未即陪崑山遊感念之深
因成八句律二首一以頌廟堂之暇
而有閑適之趣一以寫胸懷之素，
而播歌詠之聲因錄呈清虛洞主。

Phiên âm :

Tẩu dĩ đa sự, vị tức bồi Côn Sơn du. Cảm niệm chi thâm, Nhân thành bát cú luật nhị thủ. Nhất dĩ tụng miếu đường chi hạ, nhi hữu nhàn thích chi thú. Nhất dĩ tả hung hoài chi tố, nhi bá ca vịnh chi thanh. Nhân lục trình Thanh Hư Động Chủ.

Dịch nghĩa :

Tôi vì nhiều việc, không theo hầu đi Côn Sơn được. Nhân có hai bài thơ. Một bài mừng nơi miếu đường còn được nhàn rỗi, hưởng thú. Một bài để tỏ tâm sự bật ra lời ngâm. Xin chép trình lên Thanh Hư Động Chủ.

47.— 朔吹凌凌戒敝裘
廟堂心事迹林丘
虞庭已作來儀鳳
傳野聊還濟巨舟
雲衲細參黃檗話
霞心高挹赤松遊
憑將繡句鐫山骨
紹慶元功鎮諒州

Phiên âm :

Sóc xúy lăng lăng giới tệ cầu.
Miếu đường tâm sự tích lâm khưu.
Ngu đình dĩ tác lai nghi phụng.
Truyền dã liêu hoàn tế cự chu.
Vân nạp tế tham Hoàng Nghiệt thoại.
Hà tâm cao bả Xích Tùng du.
Bằng tương tú cú tuyên sơn cốt.
Thiệu Khánh nguyên công trấn Lượng Châu.

Dịch nghĩa :

Lành lạnh hơi may, khoác áo dày.
Miếu đường tâm sự núi rừng hay.
Trong triều (lai phụng) (1), lời ghi rõ.
Ngoài cõi (trầm chu) (2), việc tiếp ngay.
Hoàng Nghiệt (3) cao sâu, lời chắc chắn.
Xích Tùng (4) thanh khiết, trí khôn tày.
Ví đem thơ phú ghi lên núi.
Trấn Lạng công đầu, Thiệu Khánh gây.

CHÚ THÍCH : (1) Lai Phụng, là khi trong nước chính trị hay thì có điềm lành là chim phượng tới.

(2) Trầm chu là làm chìm thuyền, là ý nói đánh giặc mà quyết chiến. Qua sông thì dìm thuyền, không thắng thì không về.

(3) Hoàng Nghiệt là tên một người sư ngày xưa.

(4) Xích Tùng là tên một người tiên ngày xưa.

oOo

48.— 第二首

山中是處擬蒐裘
歲晚言旋卜一丘
苔蘚半荒靈運屐
雪蓬空繫子猷舟
忙中日月匆匆過
夢裡林泉歷歷遊
想得清虛題詠遍
不妨佳句到皇州

Phiên âm

ĐỆ NHỊ THỦ

Sơn trung thị xứ, nghĩ sưu cầu.
Tuế vãn ngôn toàn bốc nhất khưu.
Đài tiển bán hoang Linh Vận tỉ.
Tuyết bồng không hệ Tử-Du chũa.
Mang trung nhật nguyệt thông thông quá.
Mộng lý lâm tuyền lịch lịch du.
Tưởng đắc thanh hư đề vịnh biển.
Bất phương giai cú đáo hoàng châu.

Dịch nghĩa :

BÀI THỨ HAI

Non cao ẩn dật ít vào ra.
Về ở yên thân hưởng tuổi già.

Linh Vận (1) vết chân, rêu lẫn cỏ.
Tử Du (2) thuyền buộc, tuyết trong hoa.
Trên non ngày tháng từng trôi chóng.
Trong mộng rừng khe vẫn bước qua.
Tiên cảnh lỡ khi thơ ngẫu vịnh.
Ở Kinh có biết chỉ là thơ.

CHÚ THÍCH : (1) Tạ Linh Vận, thi nhân nước Tàu, tính ưa ngao du sơn thủy.

(2) Vương Huy Chi, (con Vương Hy Chi) đời Tấn nước Tàu, thường khi đêm tuyết, cao hứng chèo thuyền đi chơi.

oOo

49.– 次洪州檢正韻

萬姓嗷嗷待哺裘
誰家金玉亞高邱
人情岩險君方轂
世路風濤我亦舟
帝里客懷逢暮雨
書房舊話念英遊
西風刮夢傳邊信
腸斷南壖四五州

Phiên âm

THƯ HỒNG CHÂU KIỂM CHÍNH VẬN

Vạn tính ngao ngao đãi bộ cầu. (1)
Thùy gia kim ngọc á cao khâu.
Nhân tình nham hiểm quân phương cốc.
Thế lộ phong đào ngã diệc chu.
Đế lý khách hoài phùng mộ vũ.
Thư phòng cựu thoại niệm anh du.
Tây phong quát mộng truyền biên tín.
Trường đoạn Nam Nhuyên, tứ ngũ châu.

Dịch nghĩa

HỌA THƠ KIỂM CHÍNH HỒNG CHÂU.

CHÚ THÍCH : Bộ cầu : Bộ là ăn. Cầu là mặc. Đãi bộ cầu nghĩa là đợi được cho ăn, cho mặc.

Cơm áo muôn dân đợi đã lâu.
Nhà ai quý hiền dựa đồi cao.
Ông cho xe vượt đường đời khó.
Tôi cũng thuyền qua sóng bể sâu.
Đất khách mưa chiều thêm tưởng vọng.
Phòng thư chuyện cũ vượt ba đào.
Gió tây tan mộng, tin biên ải.
Cắt đứt miền nam mất mấy châu

oOo

50.— 漫曾一第訖鄉隣

誰道清風不療貧
霜後菊香還酒客
雪中梅意可詩人
吟邊客舍雙蓬鬢
夢裡天門八翼身
城月浦雲相望處
故人來地欲青春

陶侃夢生八翼上天見天門九重。

Phiên âm

Man tăng nhất đệ sá hương lân.
Thùy đạo thanh phong bất liệu bần.
Sương hậu cúc hương hoàn tửu khách.
Tuyết trung mai ý khả thi nhân.
Ngâm biễn khách xá song bồng mấn.
Mộng lý thiên môn bát dực thân.
Thành nguyệt, phố vân, tương vọng xứ.
Cố nhân lai địa dục thanh xuân.

(Đào Khản, mộng sinh bát dực, thượng thiên, kiến thiên môn, cửu trùng).

Dịch nghĩa

Nhà mới người quen nghĩ ngẩn ngơ.
Thanh phong mà đề cứ nghèo xơ.

Đẫm sương, hương cúc thêm mùi rượu.
Trong tuyết màu mai gợi giọng thơ.
Quán khách cỏ bồng hình mái tóc.
Của trời lông cánh mọc trong mơ.
Trăng thành, mây phố, cùng trông ngóng,
Người cũ sang xuân hãy đợi chờ.

oOo

51.— 洪州復前韻寄答之

槐府西邊晚卜隣
倏然一室樂清貧
床頭金劍酬知己
枕畔黃梁夢故人
湖海當年天下士
風流此日省郎身
客程歲暮寒砭骨
最愛冰壺別樣春

Phiên âm

HỒNG CHÂU. PHỤC TIỀN VẬN, KÝ, ĐÁP CHI.

Hoè phủ tây biên, vãn bốc lân.
Tiêu nhiên, nhất thất lạc thanh bần.
Sàng đầu kim kiếm, thù tri kỷ.
Chẩm bạn, hoàng lương mộng cố nhân,
Hồ hải, đương niên, thiên hạ sĩ.
Phong lưu thử nhật, tỉnh, lang, thân.
Khách trình tuế mộ, hàn biêm cốt.
Tối ái băng hồ biệt dạng xuân.

Dịch nghĩa

HỒNG CHÂU HỌA THEO VẦN. ĐÁP LẠI

Phía tây hoè phủ, đặt căn cơ.
Thoáng dựng ngôi nhà, thế cũng vừa.
Tráng sĩ, đầu giường, còn có kiếm.
Cố nhân họp mặt chỉ trong mơ.
Giang hồ khi trước thường thơ thẩn.
Viện các ngày nay, bộn giấy tờ.
Chiều rét, đường xa, da tựa cắt.
Riêng mừng băng ngọc vẫn như xưa.

oOo

52. — 用鄭生留別以別之

春風倒我醁醽瓢
明月隨君柱棹遙
親舍好循温清候
世途甘却利名鑣
雲山作夢尋鄉里
湖海茲遊隔市朝
後夜相思無覓處
南雲翔鴈正飄飄

Phiên âm

DỤNG TRỊNH SINH LƯU BIỆT DĨ BIỆT CHI.

Xuân phong đảo ngã lục linh biều.
Minh nguyệt tùy quân trụ trạo dao.
Thân xá hão tuần ôn tĩnh hậu.
Thế đồ cam tá lợi danh tiêu.
Vân sơn, tạc mộng tầm hương lý.
Hồ hải tư du cách thị triều.
Hậu dạ tương tư, vô mịch xứ.
Nam vân tường nhạn chính phiêu phiêu.

Dịch nghĩa

DÙNG VẦN THƠ TRỊNH SINH LƯU BIỆT ĐỀ BIỆT TRỊNH

Nghiêng bầu say khướt vị xuân phong.
Chèo quế, trăng theo, ánh chiếu giòng.
Nhà cũ hàn ôn, thường đợi lúc.
Đường dời danh lợi ước xa vòng.
Núi mây mộng thấy về thôn xóm.
Hồ bể, thân ngoài cảnh miếu cung.
Mong nhớ, rồi đây tin tức vắng
Mây nam bóng nhạn, chính hành tung.

oOo

53.— 江行次洪溪橋正韻

長江滾滾片帆東
海濶天高望莫窮
夾岸船窗青草雨
前沙棹影白蘋風
百年豪傑戰爭地
萬古山河帶礪功
憑仗新詩作圖誌
行觀四海軌文同

Phiên âm

GIANG HÀNH. THỨ HỒNG KHÊ KIỀU CHÍNH, VẬN.

Trường giang cồn cồn phiến phàm đông.
Hải khoát thiên cao, vọng mạc cùng.
Giáp ngạn, thuyền song, thanh thảo vũ.
Tiền sa, trạo ảnh, bạch tần phong.
Bách niên hào kiệt chiến tranh địa,
Vạn cổ san hà đái lệ công.
Bằng trượng tân thi tác đồ chí.
Hành quan tứ hải quỹ văn đồng.

Dịch nghĩa

ĐI THUYỀN TRÊN SÔNG. HỌA THEO VẦN THƠ
HỒNG KHÊ KIỀU CHÍNH.

Cuồn cuộn sông dài, lái chuyền đông.
Trời cao bể rộng, ngắm không cùng.

Mưa dầm cỏ ướt xanh bờ nước.
Gió đẩy bèo trôi, trắng cát sông.
Hào kiệt hàng năm là chiến địa.
Sơn hà muôn thủa lập kỳ công.
Cứ coi công việc ghi thanh sử.
Đâu đó như nhau, quỹ tắc chung.

oOo

54.— 昌符元年余自蕊溪寓于城南客舍感今念昔因成八句奉簡司刑大夫杜舍兼簡諸同志.

客途風雪歲更深
長向丹霄掛寸心
亂後交遊非復昔
城中旅泊到如今
新愁滾滾憑詩送
往事悠悠付夢尋
早晚回朝好将問
鬼章何日賀生擒

Phiên âm

Xương Phù nguyên niên, du tự Nhị Khê, ngụ vu Thành· nam khách xá, cảm kim, niệm tích, nhân thành bát cú, phụng giản Tư Hình đại phu Đỗ Xá, kiêm giản chư đồng chí.

Khách đồ phong tuyết tuế canh thâm.
Trường hướng đan tiêu quải thốn tâm
Loạn hậu giao du phi phục tích.
Thành trung lữ bạc đáo như kim.
Tân sầu cổn cổn bằng thi tống.
Vãng sự du du phó mộng tầm.
Tảo vãn hồi triều hảo tương vấn.
Quỷ chương hà nhật hạ sinh cầm.

Dịch nghĩa

Niên hiệu Xương Phù năm đầu, tôi từ Nhị Khê tới ngụ tại quán xá phía nam thành. Cảm việc cũ, nghĩ việc mới có được tám câu, xin trình Tư Hình Đại Phu Đỗ Xá, cùng các bạn đồng chí.

Tha hương, gió tuyết cuối mùa đông.
Mây đỏ nhìn lên gửi tấc lòng.
Sau loạn, giao du tình đổi khác.
Trong thành cư trú tạm cho xong.
Sầu nay đuổi hết bằng thơ phú.
Việc trước coi như thoáng cánh hồng.
Sớm muộn về triều rồi gặp gỡ.
Tiệc mừng bắt giặc tháng ngày trông.

oOo

55.— 城中有感寄呈同志

朝中朱紫動紛紛
幻眼誰能各自分
頭上老天依日月
人間夢境付烟雲
習池何處招山簡
杜曲無錢覓廣文
謀議廟堂吾豈敢
擬將泉石夢諸君

Phiên âm

THÀNH TRUNG HỮU CẢM, KÝ TRÌNH ĐỒNG CHÍ.

Triều trung, chu tử, động phân phân.
Ảo nhãn thùy năng các tự phân.
Đầu thượng, lão thiên y nhật nguyệt.
Nhân gian mộng cảnh phó yên vân.
Tập trì hà xứ chiêu Sơn Giản.
Đỗ khúc vô tiền mịch Quảng Văn.
Mưu nghị miếu đường, ngô khởi cảm.
Nghĩ tương tuyền thạch mộng chư quân.

Dịch nghĩa

Ở TRONG THÀNH, CẢM HỨNG, BIÊN TRÌNH ĐỒNG CHÍ

Trong triều, đỏ tía, sắc lung tung.
Hoa mắt nào ai biết nhận trông.
Nhật nguyệt, trời già nhờ ánh sáng.

Thực hư, người thế tựa mây lồng.
Tìm đâu Sơn Giản (1), quân dù tập.
Nào thấy Quảng Văn (2), viện vẫn không.
Công việc triều đình đâu dám nói.
Chỉ đem rừng núi chúc mong ông.

CHÚ THÍCH : (1) Tên một tướng triều **Tấn** nước **Tàu.**
(2) Quảng Văn Quán là một viện học, triều **Đường** nước Tàu lập ra.

oOo

56.— 奉賡冰壺寄贈村中高韻

城中幾度閱炎涼
漫送悠悠歲月長
散質豈堪裨世用
嬌心羞把妬時粧
寒松晩菊淵明徑
獨樹孤村子美堂
賢相倘憐門下士
肯容辨作白頭郎

Phiên âm

PHỤNG CANH BĂNG HỒ, KÝ TẶNG THÔN TRUNG CAO VẬN.

Thành trung kỷ độ đấu viêm lương.
Mạn tống du du tuế nguyệt trường.
Tán chất khởi kham tỳ thế dụng.
Kiều tâm tu bã đố thời trang.
Hàn tùng, vãn cúc, Uyên Minh kính.
Độc thụ, cô thôn Tử mỹ đường.
Hiền tướng thẵng liên môn hạ sĩ.
Khẳng dung biện tác Bạch đầu lang.

Dịch nghĩa

PHỤNG TIẾP THEO BĂNG HỒ THƠ TẶNG VỊ TRONG XÓM

Trong thành nóng lạnh đã coi thường.
Năm lại năm qua nghĩ chán chường.

Tài thức dám đâu bàn quốc sự.
Tâm tư còn ngại tập thời trang.
Bóng cây Tử Mỹ (1) lòng tha thiết..
Hàng cúc Uyên Minh (2) nghĩ vấn vương.
Tề Tướng ví thương cho giúp việc.
Xin dâng bài luận Bạch Đầu Lang. (3)

CHÚ THÍCH :

(1) Đỗ Phủ Thi nhân triều Đường nước Tàu.
(2) Đào Uyên Minh. thi nhân triều Tấn nước Tàu.
(3) Trác Văn Quân, người thời Hán nước Tàu có bài Bạch Đầu ngâm

oOo

57.— 偶作

自詫平生履素絲
文章無分敢論詩
展禽安往飛三黜
章子誰云惰四肢
老即田園眞事業
心無暮夜役妻兒
乾坤形著皆吾適
飛躍高深可遂宜

Phiên âm

NGẪU TÁC.

Tự sá bình sinh lý tố ty.
Văn chương vô phận, cảm luận thi.
Triển Cầm an vãng, phi tam truất,
Chương Tử thùy vân nọa tứ chi.
Lão tức điền viên chân sự nghiệp.
Tâm vô mộ dạ dịch thê nhi.
Càn khôn hình trứ, giai ngô thích.
Phi dược cao thâm khả toại nghi.

Dịch nghĩa

NGẪU HỨNG

Thanh bạch bình sinh vốn tự an.
Ra gì chữ nghĩa với thi văn.

Triền Cầm (1) đâu dễ yên ngôi vị.
Chương Tử (2) không đành được nghỉ chân.
Già ở ruộng vườn là cốt yếu.
Lòng hằng sớm tối nghĩ thân nhân.
Đất trời cảnh sắc ta ưa thích.
Vỗ cánh cao bay mới thực cần.

CHÚ THÍCH :

(1) Người nước Lỗ thời Xuân Thu.

(2) Chưa rõ

oOo

58.— 家園樂

故園亂後有先廬
六歲兒童頗愛書
啼鳥落花深巷永
涼風殘夢午窗虛
心從閑處千憂失
學到充時四體舒
逐物勞人休誤我
安人志已遂幽居

晉潘岳字安仁有閑居賦。

Phiên âm

GIA VIÊN LẠC

Cố viên loạn hậu hữu tiên lư.
Lục tuế nhi đồng phả ái thư.
Đề điểu lạc hoa thâm hạng vĩnh.
Lương phong tàn mộng ngọ song hư.
Tâm tòng nhàn xứ thiên ưu thất.
Học đáo khắc thời tứ thể thư.
Trục vật lao nhân, hưu ngộ ngã.
An nhân chí dĩ toại u cư.

Tấn, Phan Nhạc, tự An Nhân hữu Nhàn Cư phú.

Dịch nghĩa

CẢNH VUI Ở VƯỜN NHÀ

Loạn xong, vườn cũ lợp nhà tranh.
Con trẻ còn thơ, dạy học hành.

Chim hót, hoa cười, vang cuối xóm.
Mộng yên, gió mát, tựa bên mành.
Lòng ham nơi tĩnh, thôi lo nghĩ.
Học tới đường ngay, hết cạnh tranh.
Hao sức đua đòi, đừng có mắc.
Yên thân, chí đã ngại công danh.

Đời Tấn, Phan Nhạc, tự là An Nhân, có làm bài phú Nhàn Cư.



59.— 村家趣

抱籬竹樹萬條槍
草屋弓餘古寺傍
過雨池塘蛙樂聒
落花庭院燕泥香
閒情湛湛春醪足
世故茫茫午睡長
醒後出門携僕去
逢人尸向說農桑

Phiên âm

THÔN GIA THÚ.

Bão ly trúc thụ, vạn điều thương.
Thảo ốc cung dư, cổ tự bàng.
Quá vũ trì đường, oa lạc quát.
Lạc hoa đình viện, yến nê hương.
Nhàn tình trạm trạm xuân lao túc.
Thế cố mang mang ngọ thụy trường.
Tỉnh hậu xuất môn huề bộc khứ.
Phùng nhân chỉ hướng thuyết nông tang.

Dịch nghĩa

THÚ Ở NHÀ QUÊ

Xanh um rào trúc, vạn cây chen.
Mấy thước nhà tranh, miếu cổ bên.
Mưa xuống, ễnh ương mừng náo động.
Hoa rơi, tổ yến lót thêm bền.
Xuân nhàn chuếnh choáng, men vừa đủ.
Sự thế, thôi bàn, ngủ để yên.
Cùng trẻ, lang thang khi tỉnh giấc.
Gặp ai chuyện ruộng, chuyện dâu tiên.



60.— 山村感興

虛名卅載絆塵羈
一返江山沒是非
殘雪點巾奇野土
春風晞髮大灘磯
夢中往事攘焦鹿
世事浮雲任狗衣
誰道江村生計薄
桑麻繞屋綠初肥

杜詩浮雲如白衣斯須忽變成蒼狗

Phiên âm

SƠN THÔN CẢM HỨNG

Hư danh tạp tải bạn trần ky.
Nhất phản giang sơn, một thị phị.
Tàn tuyết điếm cân, kỳ dã thổ.
Xuân phong hy phát đại than ky.
Mộng trung vãng sự nhương tiêu lộc.
Thế sự phù vân, nhiệm cẩu y.
Thùy đạo giang thôn sinh kế bạc.
Tang ma nhiễu ốc lục sơ phì.

(Đỗ thi : phù vân như bạch y, tư tu hốt biến thành thượng cẩu).

Dịch nghĩa

Ở XÓM TRONG NÚI

Hư danh giam buộc đã ba tuần.
Trở lại non sông, giả lẫn chân.

Đất ruộng bạc phơ, khăn đẫm tuyết.
Cát sông lởm chởm, tóc chào xuân.
Thực hư, việc trước, hươu trong mộng. (1)
Đen trắng, mây bay, bóng cõi trần.
Ai bảo đồng quê, sinh kế hẹp.
Vừng, dâu, quanh ngõ, bóng xanh ran.

(Thơ Đỗ Phủ : Mây nổi trông như áo trắng, thoáng chốc biến thành chó xanh).

Chú Thích : (1) Chuyện xưa, có người vô tình bắt được con hươu, dấu một chỗ. Khi tìm đến, thì quên mất chỗ, cho là một giấc mộng.



61.— 遊佛跡山所江偶中

半生塵土負登臨
光影蹉跎便到今
浮世百年真一瞬
古人片樂值千金
前川日午傍花興
沂水春風與物心
仰止高山懷曩哲
澗河路可恣幽尋

Phiên âm

DU PHẬT TÍCH SƠN, SỞ GIANG NGẪU TÁC.

Bán sinh trần thổ phụ đăng lâm.
Quang cảnh sa đà tiện đáo kim.
Phù thế bách niên chân nhất thuấn.
Cổ nhân phiến lạc lrị thiên kim.
Tiền xuyên nhật ngọ, bàng hoa hứng.
Nghi thủy xuân phong dữ vật tâm.
Ngưỡng chỉ cao sơn, hoài nãng triết.
Giản hà lộ khả tứ u tầm.

Dịch nghĩa..

ĐI TỚI NÚI PHẬT TÍCH, TRÊN THUYỀN THI HỨNG

Nửa đời chưa tới yết non thần.
Cho đến ngày nay cứ ngại ngần.
Phù thế trăm năm, như một thoáng.
Cổ nhân một phút đáng ngàn cân.
Tiền xuyên, ngày sáng bên hoa nở.
Nghi Thủy đầu năm đối cảnh xuân.
Cổ-triết cao xa, mong ngó tới.
Con đường sông Giản, bước theo lần.



62.— 奉詔長安道中作

武林一帶碧迢迢
王事寧辭跋涉遙
山館宿晴烟樹合
郡庭薄暖雪花消
武夫感泣觀唐詔
父老扶黎听漢朝
自丐微勞何報補
願揚聖化憺天驕

（匈奴傳：胡若天之驕子）

Phiên âm

PHỤNG CHIẾU TRƯỜNG AN ĐẠO TRUNG TÁC.

Vũ Lâm nhất đái bích điều điều.
Vương sự ninh từ bạt thiệp dao.
Sơn quán túc tình yên thụ hợp.
Quận đình bạc noãn tuyết hoa tiêu.
Vũ phu cảm khấp quan Đường chiếu.
Phụ lão phù Lê thính Hán triều
Tự cái vi lao hà báo bổ.
Nguyện dương thánh hóa đạm thiên kiêu.

(Hung nô truyện : Hồ nhược thiên chi kiêu tử).

Dịch nghĩa

PHỤNG CHIẾU TỚI TRƯỜNG AN,

Vũ Lâm một dãy đá cheo leo
Vương sự khôn từ ngại lối trèo.

Quán khách tạnh mưa, mây cỏ biếc.
Trường đình thoáng ấm, tuyết hoa tiêu.
Vũ phu cảm động nghe đường chiếu.
Phụ lão cùng dân giúp Hán triều.
Tự xét chút công chưa đủ báo.
Xin truyền thánh đức chuyển thiên kiêu.

(Sử nói về Hung Nô : Giống Hồ coi như là hạng con ngang ngạnh).



63.— 謝冰壺相公賜馬

早歲才名乏不羈
驪黃偶幸駿圖披
長途每恨加鞭策
空谷何心受縶維
伯樂廐邊頻賞識
王良範內竟驅馳
東風快踏朝天路
希驥深懷答所知

Phiên âm

TẠ BĂNG HỒ TƯỚNG CÔNG TỨ MÃ.

Tảo tuế tài danh biếm bất ky.
Ly hoàng ngẫu hạnh tuấn đồ phi.
Trường đồ mỗi hận gia tiên sách.
Không cốc hà tâm thụ trập duy.
Bá Nhạc cứu biên tần thưởng thức.
Vương Lương phạm nội cánh khu trì.
Đông phong khoái đạp triều thiên lộ.
Hy ký thâm hoài đáp sở tri.

Dịch nghĩa

THƠ CẢM TẠ BĂNG HỒ TƯỚNG CÔNG CHO NGỰA

Tài kém đâu mà được hiển dương.
Vì may nào biết lựa đen vàng.

Ra roi vẫn phải trên đường thẳng.
Nhận ngựa ngờ đâu chốn hốc hang.
Coi tướng biết tài nhờ Bá Nhạc (1).
Cầm cương phép cưỡi có Vương Lương (2).
Gió xuân thổi giúp làn mây nhẹ.
Tri ngộ mong sao báo tấc gang.

Chú thích : (1) Người xưa có tài coi ngựa tốt xấu.
(2) Người xưa có tài cầm cương ngựa.



64. – 和朱翰林未央早朝

高閣纔聞夜漏乾
九天宮闕峭輕寒
雲開瑞日乾坤曉
春布皇仁雨露寬
董賈彬彬揚陛殿
夔龍楚楚集朝端
華袍忝綴羣公後
願整涓埃効一官.

Phiên âm

HỌA CHU HÀN LÂM : VỊ ƯƠNG TẢO TRIỀU

Cao các tài văn dạ lậu can.
Cửu thiên cung khuyết tiễu khinh hàn.
Vân khai thụy nhật càn khôn hiểu.
Xuân bố hoàng nhân vũ lộ khoan.
Đồng, Giả, bân bân dương bệ điện.
Quì, Long, sở sở tập triều đoan.
Hoa bào thiểm xuyết quần công hậu.
Nguyện chỉnh quyên ai hiệu nhất quan.

Dịch nghĩa

HỌA THƠ CHU HÀN LÂM : COI CHẦU SỚM

Đêm hết lầu cao cạn giọt đồng.
Hơi may lành lạnh chốn sân rồng.

Ánh hồng buổi sớm tan mây khói.
Hạt móc đầu xuân điểm núi sông.
Bệ điện uy nghi từ Đồng, Giả. (1)
Kỷ cương sáng sủa có Quì, Long. (2)
Cân đai lạm dự chầu cung khuyết.
Cũng cố theo sau góp chút công.

Chú Thích : (1) Hai danh thần triều Hán nước Tàu.
(2) Hai danh thần đời Ngu Thuấn nước Tàu.



65.— 送中使武適之

五色雲邊出使星
凜然中義照人明
春臨梅驛霜蹄急
雪霽淮潮玉節清
天地北南雙眼濶
山河夷險寸心平
慇懃今日送君別
杯酒難勝萬里情.

Phiên âm

TỐNG TRUNG SỨ, VŨ THÍCH CHI.

Ngũ sắc vân biên xuất sứ tinh.
Lẫm nhiên trung nghĩa chiếu nhân minh.
Xuân lâm mai dịch sương đề cấp.
Tuyết tễ Hoài triều ngọc tiết thanh.
Thiên địa bắc nam, song nhãn khoát.
Sơn hà di hiểm thốn tâm bình.
Ân cần kim nhật. tống quân biệt.
Bôi tửu nan thăng vạn lý tình.

Dịch nghĩa

TIỄN TRUNG SỨ HỌ VŨ.

Trong khoảng năm mây lộ sứ tinh (1).

Chú thích : (1) Khi sứ nhà vua đi tới phương nào, coi thiên văn biết.

Uy nghi trung nghĩa rõ quang minh.
Sương xuân ngựa trạm bon chân gấp.
Tuyết tán sông Hoài vẻ ngọc thanh.
Trời đất bắc nam, nhìn thấy rộng.
Non sông quan ải, trí thêm bình.
Sớm nay trân trọng đưa chân sứ.
Nâng chén khôn ngăn thắc mắc tình.



66.— 送行人杜從周

芹水春風桂殿秋
科場歷歷憶同遊
君今有作行人去
我獨胡爲省屬留
嶺驛雲開豪跨馬
湖潮雲淨穩登舟
丈夫此別何須淚
一笑相看撫蒯緱.

Phiên âm

TỐNG HÀNH NHÂN, ĐỖ TÒNG CHU.

Cần Thủy xuân phong quế điện thu.
Khoa trường lịch lịch ức đồng du.
Quân kim hữu tác hành nhân khứ.
Ngã độc hồ vi tỉnh thuộc lưu.
Lĩnh dịch vân khai hào khóa mã.
Hồ triều tuyết tĩnh ổn đăng chu.
Trượng phu thử biệt hà tu lệ.
Nhất tiếu tương khan, phủ Khoái Hầu.

Dịch nghĩa

TIỄN SỨ, ĐỖ TÒNG CHU

Cần thủy ngày xuân, điện Quế thu.
Trường thi gặp gỡ, vốn cùng nhau.
Bác nay nhận giữ Hành nhân chức-

Tôi vẫn còn ngồi tỉnh thuộc lưu.
Trạm Lĩnh vén mây bon ngựa thẳng.
Sóng Hồ tan tuyết lướt chèo mau.
Trượng phu rứt áo xin ngừng lệ.
Cười nói nhìn nhau vỗ Khoái Hầu (1)

Chú Thích: (Khoái Hầu là dây buộc gươm. Nghèo phải lấy lạt làm dây buộc gươm).



67.— 賀京兆尹阮公爲雲屯經畧史

芝綍優頒自九天
縈遷經畧使司權
潮門半是嗷鴻澤
屯嶺猶殘刼石烟
籌畫小施經國手
折衝終賴濟時賢
歸來揆路庸何晚
聖主方今急在邊.

Phiên âm

HẠ KINH TRIỆU DOÃN NGUYỄN CÔNG VI VÂN ĐỒN
KINH LƯỢC SỨ

Chi phất ưu ban tự cửu thiên.
Vinh thiên Kinh Lược Sứ Tư quyền.
Triều môn bán thị ngao hồng trạch.
Đồn Lĩnh do tàn kiếp thạch yên.
Trù hoạch tiểu thi kinh quốc thủ.
Triết sung chung lại tế thời hiền,
Quy lai quỹ lộ dung hà vãn.
Thánh chủ phương kim cấp tại biên.

Dịch nghĩa

MỪNG KINH TRIỆU DOÃN NGUYỄN CÔNG ĐƯỢC GIỮ
CHỨC KINH LƯỢC SỨ VÂN ĐỒN

Chức trọng ban ra vốn tự trên.
Vinh thăng Kinh Lược được trao quyền.
Trào Môn sóng dạy, ơn rồi khắp-
Đồn Lĩnh công cao, đá được nguyên.
Trị nước thi tài, nhờ đại trí.
Coi quân, nên việc, sẵn cao hiền,
Trở về chắc hẳn là mau sớm.
Chúa thượng đương lo ngại cõi biên.



68.— 送 京師 尹 阮 公 為 行 營 招 討 使

釜 中 占 賊 久 逋 誅
四 海 神 人 怨 憤 俱
誰 卜 百 年 遺 此 虜
公 煩 寸 舌 討 狂 胡
金 戈 鐵 馬 鯨 鯢 沒
羽 檄 星 麾 象 兕 驅
指 日 皇 風 清 絕 域
大 功 出 任 屬 吾 儒

Phiên âm.

TỐNG KINH SƯ DOÃN NGUYỄN CÔNG VI HÀNH DOANH CHIÊU THẢO SỨ.

Phũ trung, Chiêm tặc cửu bô tru
Tứ hải thần nhân oán phẫn câu.
Thùy bốc bách niên di thử lỗ.
Công phiền thốn thiệt thảo cuồng hồ.
Kim qua, thiết mã kình nghê một.
Vũ hịch tinh huy tượng hủy khu.
Chỉ nhật hoàng phong thanh tuyệt vực.
Đại công xuất nhiệm thuộc ngô nho.

Dịch nghĩa

TIỄN KINH SƯ DOÃN, NGUYỄN CÔNG ĐI NHẬN CHỨC HÀNH DOANH CHIÊU THẢO SỨ.

Giặc Chiêm đáng trị cứ lần khân.
Bốn cõi, thần người, giận chẳng oan.
Ai biết trăm năm còn rợ phản.
Ông đành tấc lưỡi dẹp Hồ gian.
Giáo đồng, ngựa sắt, kinh ghê hết.
Truyền hịch, cờ tinh, hổ báo tan.
Man rợ rồi đây tuân thánh hóa.
Công cao, nhậm trọng bực văn nhân.



69.— 宣詔罷別運副阮炎

長安自昔帝王州
偶賦皇華作勝遊
俗雜獠夷風大古
地宜稌稻歲常秋
山中過我忘苛虎
境上煩君畜木牛
王事有程軍政急
胸懷莫向酒杯休.

Phiên âm

TUYÊN CHIẾU BÃI, BIỆT VẬN PHÓ, NGUYỄN VIÊM.

Trường An tự tích đế vương châu.
Ngẫu phú Hoàng Hoa tác thắng du.
Tục tạp liêu di phong đại cổ.
Địa nghi hoạt đạo tuế thường thu.
Sơn trung quá ngã vô hà hổ.
Cảnh thượng phiền quân súc mộc ngưu.
Vương sự hựu trình quân chính cấp.
Hung hoài mạc hướng tửu bôi hưu.

Dịch nghĩa

TUYÊN CHIẾU BÃI CHỨC BIỆT VẬN PHÓ, NGUYỄN VIÊM.

Đế Vương từ trước đất Trường An.
Nay nhận Hoàng Hoa dặm kề ngàn.

Tạp tục nam di còn mạo muội.
Thổ nghi thóc lúa được an nhàn.
Núi rừng xin hãy thi nhân chính.
Biên giới sao cho khỏi phản gian.
Việc nước nghiêm minh quân sự cấp.
Chén vui chớ vội nghĩ yên thân.



70.— 荷 宋 黎 杜 三 公 御 史

烏 臺 久 矣 噤 無 聞。
聖 主 開 誠 妙 選 掄。
慶 曆 昔 聞 除 四 棟。
昌 符 今 喜 擢 三 人。
已 將 風 采 儀 朝 著•
好 把 精 忠 動 紫 宸。
留 取 聲 名 光 萬 古。
世 間 歧 路 總 烟 雲。

Phiên âm

HÀ TỐNG, LÊ, ĐỖ, TAM CÔNG NGỰ SỬ.

Ô-Đài cửu hỹ cấm vô văn.
Thánh chủ khai thành diệu tuyển luân.
Khách Lịch tích văn trừ tứ đống.
Xương Phù kim hỷ trạc tam nhân.
Dĩ tương phong thái nghi triều trứ.
Hảo bả tinh trung động Tử thần.
Lưu thủ thanh danh quang vạn cổ.
Thế gian kỳ lộ tổng yên vân.

Dịch nghĩa

BA ÔNG NGỰ SỬ TỐNG, LÊ, ĐỖ.

Lâu ngày không thấy tiếng Ô-Đài. (1)
Thánh chủ may sao mới chọn tài.
Long Khánh (2) xưa nghe trừ bốn vị.
Xương Phù (3) nay thấy lựa ba người.
Mới đem phong thái tôn nơi điện.
Lại được tinh trung cảm tới trời.
Ghi để thanh danh muôn thủa sáng.
Đường cong uốn thẳng giúp cho đời.

Chú Thích : (1) Ô Đài, tên viện Ngự Sử
(2) Niên hiệu Trần Duệ Tôn
(3) Niên hiệu Trần Đế Hiện.



71.— 送太中大夫黎肅齋北行

黎家人物越邦香・
公也藍青出異常。
一郡生靈惟借寇。
九重使者重煩張。
匣中秋水清長路・
馬上春風聽異香・
早向南臺專對了。
旋歸夢寄佐吾皇・

(青出於藍而青於藍・喻弟子過於師)

Phiên âm

TỐNG THÁI TRUNG ĐẠI PHU, LÊ TÚC TRAI BẮC HÀNH.

Lê gia nhân vật việt bang hương.
Công dã, lam thanh, xuất dị thường.
Nhất quận sinh linh duy tá khấu.
Cửu trùng sứ giả trọng phiền trương.
Hạp trung thu thủy thanh trường lộ.
Mã thượng xuân phong thính dị hương.
Tảo hướng nam đài chuyên đối liễu.
Toàn quy mộng tiết tá ngô hoàng.

(Thanh xuất ư lam, nhi thanh ư lam. Dụ đệ tử quá ư sư)

Dịch nghĩa

TIỄN THÁI TRUNG ĐẠI PHU, LÊ TÚC TRAI ĐI SỨ TÀU

Tiếng đồn Lê thị tới lân bang.
Đúng chữ lam thanh vốn khác thường.

Một quận toàn dân đều mến nhớ.
Chín từng việc sứ dám không đương.
Vỏ gươm sát khí ung dung bước.
Trên ngựa xuân phong bát ngát hương.
Chóng tới Nam Đài (1) chuyên ứng đối.
Để về phục mệnh giúp quân vương.

(Màu xanh ở màu lam ra, nhưng xanh hơn lam. Ví như trò hơn thầy)

Chú Thích : Một tên viện Ngự Sử



72.— 賀中書侍郎

虞庭庶事務熙康•
績典惟公合陟揚•
人望夔龍參玉鉉○
天教星鳳展彝章○
曲江宿負經綸學○
司馬寧辭四六長•
聖主倘懷遺棄物
願施栽藻到農桑•

Phiên âm

HẠ TRUNG THƯ THỊ LANG.

Ngu đình thứ sự vụ hy khang.
Tích điển duy công hợp trắc dương.
Nhân vọng Quỳ, Long, tham ngọc huyễn.
Thiên giao tinh phụng triển di chương.
Khúc Giang túc phụ kinh luân học.
Tư Mã ninh từ tứ lục trường.
Thánh chủ thảng hoài di khí vật.
Nguyện thi tài tảo đáo nông tang.

Dịch nghĩa

MỪNG TRUNG THƯ THỊ LANG.

Đường Ngu mọi việc chuộng an khang.
Điền pháp trông coi cố hiền dương.

Người nhớ Quỳ, Long (1) đều mộ đức.
Trời cho quy pháp để noi gương.
Thiếu Lăng (1) kinh tế là tài thực.
Tư Mã, thi văn vốn sở trường.
Thánh chúa dùng người, không bỏ sót.
Chúc mau thi triển kế an bang.

Chú Thích : Quỳ, Long là tên hai người danh thần đời Ngu Thuấn nước Tầu.— Tư Mã Tương Như là thi nhân đời Hán. Thiếu Lăng, tên hiệu Đỗ Phủ, thi sĩ đời Đường.



73.— 喜學士陳若虛自乂安至

桃花浪暖泛青春。
湖海風流却羨陳。
老我一官閑草詔。
壯君萬里遠辭親。
暮雲自濶相思地。
夜月欣逢久別人。
憂國正須吾輩事。
憑渠爲說乂安民

Phiên âm

HỶ HỌC SĨ TRẦN NHƯỢC HƯ, TỰ NGHỆ AN CHÍ.

Đào hoa lãng noãn phiếm thanh xuân.
Hồ hải phong lưu khước tiễn trần.
Lão ngã nhất quan nhàn thảo chiếu.
Tráng quân vạn lý viễn từ thân.
Mộ vân tự khoát tương tư địa.
Dạ nguyệt hân phùng cửu biệt nhân.
Ưu quốc chính tu ngô bối sự.
Bằng cừ vi thuyết Nghệ An nhân.

Dịch nghĩa

MỪNG HỌC SĨ TRẦN NHƯỢC HƯ, TỪ NGHỆ AN TỚI.

Mưa xuân tan giá, nước mênh mông.
Buồm khách giang hồ, thuận gió đông.
Tự biết ngồi nhàn, yên một chức.
Xin mừng rứt áo, vượt muôn trùng.
Mây chiều theo rõi như âu yếm.
Trăng tối chào mừng vốn đợi mong.
Lo nước bọn ta là phận sự.
Gương cao dân Nghệ được soi chung.



74.— 與漳江同年張太學.

憶昔逢迎珥水邊。
雨床燈戶膝相連。
青衫各走紅塵裡。
綠鬢相看白酒前。
薇月芹風今異調。
硯旗殿衮舊同年。
慇勤別後須鞭策。
聖主方今正急賢。

Phiên âm

DỮ CHƯƠNG-GIANG, ĐỒNG NIÊN, TRƯƠNG THÁI-HỌC

Ức tích phùng nghênh Nhị Thủy biên.
Vũ sàng đăng hộ tất tương liên.
Thanh sam các tẩu hồng trần lý.
Lục mấn tương khan bạch tửu tiền.
Vi nguyệt, cần phong kim dị điệu.
Nghiên kỳ, điện cồn cựu đồng niên.
Ân cần biệt hậu tu tiên sách.
Thánh chủ phương kim chính cấp hiền.

Dịch nghĩa

THƠ GỞI BẠN ĐỒNG NIÊN, TRƯƠNG THÁI-HỌC

Nhớ gặp khi xưa bến Nhị Hà.
Đèn chung một ngọn có hai ta.
Áo xanh chia rẽ, đường mưa gió.
Rượu trắng bâng khuâng tóc điểm hoa.
Cần cúc, mai đào, nay khác điệu.
Áo khăn, cờ quạt, trước đồng khoa.
Ân cần xin bác ra roi ngựa.
Thánh chúa mong hiền rất thiết tha.



75.— 上 承 旨 胡 宗 鷟

京 國 攜 書 二 十 年。
登 龍 每 恨 欠 前 緣。
夢 遊 翰 苑 清 風 外。
春 在 東 亭 白 酒 邊。
萬 丈 光 芒 窺 太 白。
一 團 和 氣 挹 伊 川。
寸 懷 別 後 勞 傾 仰。
耿 耿 高 明 日 夜 懸。

Phiên âm

THƯỢNG THỪA CHỈ HỒ TÔN TRÁC.

Kinh quốc huề thư nhị thập niên.
Đăng long mỗi hận khiếm tiền duyên.
Mộng du Hàn Uyển thanh phong ngoại.
Xuân tại Đông Đình bạch tửu biên.
Vạn trượng quang mang khuy Thái Bạch.
Nhất đoàn hòa khí ấp Y Xuyên.
Thốn hoài biệt hậu lao khuynh ngưỡng.
Cảnh cảnh cao minh, nhật dạ huyền.

Dịch nghĩa

TRÌNH LÊN THỪA CHỈ HỒ TÔN TRÁC.

Hai chục năm Kinh quốc ở yên.
Tới dinh, thường hận trước vô duyên.

Mộng vào Hàn Uyển xa thường tục.
Xuân tới Đông Đình nhập chén tiên.
Muôn trượng sáng soi nhìn Thái Bạch.
Một vùng hòa khí nhớ Y Xuyên. (1)
Trong lòng hậm hực mong mau gặp.
Lồng lộng trên cao sớm tới nguyên.

Chú Thích : (1) Người xưa bình phẩm cho văn chương Lý Bạch và Đỗ Phủ đời Đường nước Tàu là sáng soi muôn trượng. Cho Văn nhân đời Tống Trình Hạo là có phẩm cách ôn hóa nhã nhặn.



76. 甲子夏旱有勅諸路禱雨，未禱而雨。

炎炎九土正焦燖。
一雨皇天普澤深。
請罪國將行盛禱，
至和民已浹歡心。
卧龍自是人間物。
肖象能為歲旱霖。
徒市暴尪何用者，
至情感召古猶今。

Phiên âm

GIÁP TÝ HẠ, HẠN, HỮU SẮC CHƯ LỘ ĐẢO VŨ, VỊ ĐẢO NHI VŨ.

Viêm viêm cửu thổ chính tiêu tầm.
Nhất vũ hoàng thiên phả trạch thâm.
Thỉnh tội, quốc tương hành thịnh đảo.
Chí hòa dân dĩ tiếp hoan tâm.
Ngọa long tự thị nhân gian vật.
Tiếu tượng năng vi tuế hạn lâm.
Tỷ thị bộc uông, hà dụng giả.
Chí tình cảm triệu cổ do kim.

Dịch nghĩa

NĂM GIÁP TÝ, MÙA HẠ, TRỜI HẠN, KHÔNG MƯA. CÓ SẮC CHO CÁC TỈNH ĐẢO VŨ. CHƯA ĐẢO THÌ TRỜI MƯA.

Khô khan chín cõi nóng như nung.
Mưa xuống trời cho phúc lạ lùng.
Tạ tội, nước đương bàn tế lễ.
Chí hòa dân đã được hài lòng.
Ngọa long bớt hại, thành thường vật.
Tiếu tượng (1) làm mưa, hết hạn hung.
Phơi xác (2) các trò, đâu dễ được.
Chân thành, kim cổ vẫn nên công.

Chú Thích : (1) Hình nhân
(2) Một trong các trò dân đặt ra để cầu mưa



77.— 送太學生阮漢英歸洪州

燈前昨夜話蔥茐。
馬首今朝跨曉風。
望眼但懸天闕北。
歸心寧住水溪東。
槐庭月白怜棲鵲。
蘆岸秋高惜別鴻。
稻雪橙香村釀熟。
塵埃嗟我伴孤踪。

Phiên âm

TỐNG THÁI HỌC SINH, NGUYỄN HÁN ANH,

QUY HỒNG CHÂU.

Đăng tiền, tạc dạ, thoại thông thông.
Mã thủ kim triêu khóa hiểu phong.
Vọng nhãn, đãn huyền thiên khuyết bắc.
Quy tâm ninh trụ Thủy Khê đông.
Hòe đình nguyệt bạch linh thê thước.
Lô ngạn thu cao tích biệt hồng.
Đạo tuyết, trừng hương, thôn nhưỡng thục.
Trần ai ta ngã bạn cô tung.

Dịch nghĩa

TIỄN THÁI HỌC SINH NGUYỄN HÁN ANH

VỀ HỒNG CHÂU

Bên đèn đêm trước chuyện ung dung.
Vó ngựa ngày nay đã ruổi rong.
Mắt mỏi trông về cung khuyết bắc.
Tâm dâu ở lại nước Khe Đông.
Ngoài sân hòe rậm, trăng soi thước.
Trên bến lau thưa gió tiễn hồng.
Rượu cất trong thôn, hương đã ngát.
Bụi trần lăn lộn, với ai cùng.



78 清虛洞記.

賢達者之出處，其動也以天。其樂也以天。天者何。一至清至虛之大而已。四時成歲而不顯其功。萬物蒙恩，而不顯其迹。非至清至虛之大者，孰能如是乎。我冰壺相公以天鍾岳降之才，著恭皇謨，棟樑宗社。項遭大定之變，有清內難之功。靜倒懸於國脈絲髮之際，獨任力於邦基鋧鋧之日。是乃乾坤締造之一切也。非動以天者能如是乎。及其昏亂之迹息，仁義之教白。王業金甌，國家盤石，然後留侯晉公之志，始浩然，而不可奪。是明哲保身之一機也。非樂以天者又能如是乎。乃於奏乞崑山荒閑之地一區，規爲退休之宅。二帝嘉其功，而志勿之奪，俯以狗之。爰相厥宜，審度形勢。一鼓牛飲，萬夫蟻集。斷幽刈翳。鏟巇斧巘。於是土塊者醜。榛莱者闢。役徒村具，登陟峰繹。不閱月而掾築鍰飭之工畢。隤高者窪如，瘅者瘠如。睇遠睇青。園奇園香。凡憩息遊觀之名壯不一。而總則曰清虛洞焉。既成，睿宗皇帝親勒碑額之洞顏。太上皇帝親製碑銘。勒于岩陰。皆所以旌勳舊，示勸奬也。公朝之退，四馬嘉林。扁舟平準，携謝傳遊山

之朋，歌陶潛歸去之辭，幅巾徜徉，
以登于岩之上，岫烟鳥霞。錦蟜綺
舒。村莢淵乾，綠翻紅駭。凉可滸•
瀏可掬，芳可燕。秀可餐，凡所謂
清冷之狀，營營之聲。悠悠而虛，
淵然而靜。與耳目心神，謀者益己
與溟涬大虛，接而遊乎萬物之表，
噫宇宙中間造物者設如此之境，以
待夫人者亦多矣•然而成功之會，
若發縱指示之蕭何且械繫焉。椒房
至覲之馬援，猶謗毀焉。豈成功而
不能退休者耶。至若十上丐章之永
叔而頻之志未償一年半病之溫公而
思洛之心莫遂豈退休若有待而）難
必）者歟•今我相公其始也。天既
以功名之會付之•又以泉石之趣委
之•無成功不退之嫌，無退休難必
之嘆。是其出與處，動與樂，皆以
天也。顧嫌於造物以待之意耶。名
夫大臣一身進退，係國家輕重，則
君子國有終身之憂•非若鄙夫之事
君者•既患得又患失。其得也售諛
獻佞，無所不為，其失也乾然遂去，
心懷怏怏。此烏足置齒於賢達出處。
之論耶。嗚呼，乾坤之光霽難當。
褱絛之經綸有會。安得遨紫清，冲
碧虛，以從遊於造化之所遇耶。昌
符八年甲子臘月藝溪阮飛卿記



Phiên âm :

THANH-HƯ ĐỘNG-KÝ.

Hiền đạt giả chi xuất xử, kỳ động dã dĩ thiên, kỳ lạc dã dĩ thiên. Thiên giả hà. Nhất chí thanh, chí hư chi đại nhi dĩ. Tứ thời thành tuế, nhi bất hiền kỳ công, vạn vật mông ân nhi bất hiền kỳ tích. Phi chí thanh chí hư chi đại giả, trù năng như thị hồ.

Ngã Băng Hồ Tướng Công, dĩ thiên chung nhạc giáng chi tài, thi thái, hoàng mô, đống lương tôn xã, khoảnh tao Đại-Định chi biến, hữu thanh nội nạn chi công, tĩnh đảo huyền ư quốc mạch ty phát chi tế, độc nhiệm lực ư bang cơ nghiệt ngột chi nhật, thị nãi càn khôn đế tạo chi nhất thời dã. Phi động dĩ thiên giả, năng như thị hồ. Cập kỳ hôn loạn chi tích tức, nhân nghĩa chi hiệu bạch, vương nghiệp kim âu, quốc gia bàn thạch, nhiên hậu : Lưu-Hầu, Tấn Công chi chí, thủy hạo nhiên, nhi bất khả đoạt. Thị minh triết bảo thân chi nhất cơ dã. Phi lạc dĩ thiên giả, hựu năng như thị hồ. Nãi ư tấu khất Côn-Sơn hoang nhàn chi địa nhất khu, quy vi thoái hưu chi trạch. Nhị đế gia kỳ công, nhi chí vật chi đoạt. Phủ dĩ tuẫn chi. Viên tương quyết nghi. Thẩm độ hình thế. Nhất cổ ngưu ẩm, vạn phu nghị tập. Trác u ngải ế. Sản sàm phủ hi. Ư thị, thổ điệp giả thi. Trăn thái giả tịch. Dịch đồ tài cụ, đăng nhưng giáng dịch. Bất duyệt nguyệt nhi trác trúc tầm sức chi công tất đồi. Cao giả lung như. Ty giả hao như. Hy dao thê thanh. Khuyến kỳ vi hương. Phàm khế tức du quan chi danh tráng bất nhất, nhi tổng tắc viết Thanh Hư động yên. Ký thành. Duệ Tôn Hoàng Đế thân lặc bi. Ngạch chi động nhan. Thái Thượng Hoàng Đế thân chế bi minh, lặc vu nham âm.

Giai sở dĩ tinh huân cựu, thị khuyến tưởng dã. Công triều chi thoái, sất mã gia lâm, biên chu bình than, huề Tạ Chuyện, Du Sơn chi bằng, ca Đào Tiềm, Quy Khứ chi từ. Bức cân thảng dương, dĩ đăng vu nham chi thượng. Tụ yên đảo hà. Cầm bàn ỷ thư. Thôn di giản ba. Lục phiên hồng hãi. Lương khả y. Lưu khả cúc. Phương khả yết. Tú khả san. Phàm sở vị thanh lảnh chi trạng, doanh doanh chi thanh, du nhiên nhi hư, uyên nhiên nhi tĩnh, dữ nhĩ mục tâm thần, mưu giả, cái dĩ dữ minh chỉ thái hư, tiếp nhi du hồ vạn vật chi biểu, y vũ trụ trung gian tạo vật giả thiết như thử chi cảnh, dĩ đãi phù nhân giả diệc đa hỹ. Nhiên nhi thành công chi hội, nhược phát túng chỉ thị chi Tiêu Hà giả thả giới hệ yên, tiêu phòng chi thân chi Mã Viện. Do báng hũy yên. Khởi thành công nhi bất năng thoái hưu giả gia. Chí nhược thập thượng cái chương chi Vĩnh Thúc nhi tư Dĩnh chi chí vị thường Nhất niên bán bệnh chi Ôn Công nhi tư Lạc chi tâm mạc toại. Khởi thoái hưu nhược hữu đãi nhi nan tất giả dư.

Kim ngã Tướng Công kỳ thủy dã

Thiên ký dĩ công danh chi hội phó chi. Kỳ chung dã, hựu dĩ tuyền thạch chi thú ủy chi. Vô thành công bất thoái chi hiềm, vô thoái hưu nan tất chi thán. Thị kỳ xuất dữ xử, động dữ lạc, giai dĩ thiên dã. Cố hiềm ư tạo vật dĩ đãi chi ý gia.

•Danh phù đại thần, nhất thân tiến thoái, hệ quốc gia khinh trọng tắc quân tử cố hữu chung thân chi ưu, phi nhược bỉ phu chi sự quân giả. Kỳ hoạn đắc hựu hoạn thất. Kỳ đắc dã, thụ du hiến nịnh, vô sở bất vi. Kỳ thất dã, phật nhiên tụy khứ, tâm hoài uổng uổng. Thử ô túc trí xỉ ư hiền đạt xuất xử chi luận gia. Ô hô, càn khôn chi quang tễ, nan thường,

hào kiệt chi kinh luân hữu hội. An đắc tô tử thanh sung bích hư dĩ tòng du ư tạo hóa chi sở ngộ gia.

Xương phù, Bát niên, Giáp tý, Lạp nguyệt, Nhị khê, Nguyễn phi Khanh ký.

Dịch nghĩa

BÀI KÝ ĐỘNG THANH HƯ.

Xét lối xuất và xử của người hiền đạt, thì khi làm việc, theo trời, khi vui vẻ theo trời. Trời là gì. Là nơi chí thanh, nơi chí hư. Sinh bốn mùa để thành một năm, mà không khoe công phu, cho muôn vật được nhờ ơn, mà không khoe vết tích. Chả phải là trời chí thanh, chí hư, thì ai được như thế.

Tướng Công Băng Hồ đem cái tài trời đất chung đúc, làm quy mô cho hoàng gia, làm cột trụ cho xã tắc. Khoảng niên hiệu Đại Định có biến (1369-1370), Công thanh trừng được nạn trong nước, thu xếp ổn thỏa công việc từng chi tiết tóc tơ. Chỉ có một mình gánh vác việc nước, trong khi quốc bộ gian nan. Chính là công việc tạo thành của trời đất. Thế chả phải là làm việc theo trời hay sao. Đến khi được bình yên. thì Công đem thi hành nhân nghĩa, nghiệp vua vững như âu vàng, xã tắc vững như bàn thạch. Xong rồi, như Lưu Hầu, Tấn Công, (1) có chí hiệu nhiên, không ai ngăn được, rõ ràng là biết minh triết bảo thân. Thế có phải là biết theo trời mà vui vẻ không. Cho nên có sớ tâu, xin một khu đất hoang ở Côn Sơn, để làm nơi nhà ở, khi hưu trí..Hai vua đã khen công lao, lại không ngăn chí hướng, ưng thuận cho tùy nghi. Thế là Công được định đoạt, coi xét thế đất, nói ý lên là bao nhiêu người tới giúp, phạt rẫy cỏ hoang, san bằng gò đống. Thế là nước đục thành trong, bụi rậm thành thưa. Phu

Chú Thích : (1) Hai người xưa ở nước tàu, biết khi làm việc, khi lui về.

dịch đem đồ làm tới tấp nập. Không đầy tháng, công việc được hoàn thành, thợ thuyền được nghỉ việc. Nơi cao thì cao vót. Nơi sâu thì sâu thẳm. Xa nhìn tới chân trời. Gần nhận hương hoa ngát. Phàm khách du quan tới thưởng thức, mỗi người mỗi lúc mỗi khác. Mà tựu trung vẫn là động Thanh Hư. Khi hoàn thành, đức Duệ Tôn thân cho dựng bia trước động. Đức Thái Thượng Hoàng thân soạn bài bia, cho khắc vào thân núi, đều là để biểu dương công trạng, khuyến khích tưởng thưởng.

Khi Công ở triều về, một ngựa đi vào rừng cây, một thuyền đi vào Bình Than, đem theo sách Du sơn chi bằng của họ Tạ, đem theo thơ Quy Khứ Lai Hề của họ Đào. Khăn rộng ung dung, tà áo phất phới, bước lên núi. Nơi ngồi nghỉ như gấm, như lụa. Hoa bụi, nước khe, mầu xanh, mầu hồng rộn mắt. Nước lăn tăn gợn, tay múc được, hương hoa thơm ngát, mũi nhận được. Phàm những cảnh mắt nhìn thanh thú, tai nghe êm đềm, thoang thoảng như không hư, thăm thẳm mà yên tĩnh, đúng như khí tự nhiên trời đất, đủ cho di dưỡng nhĩ mục, tâm thần, bộc lộ được vẻ đẹp của vạn vật, công phu của tạo hóa. Những phong cảnh chỉ chờ người tới như thế, thì vẫn có nhiều. Nhưng đã mấy ai được hưởng. Quyền cao như Tướng Quốc Tiêu Hà mà bị gông. Chí thân như đại tướng Mã Viện mà bị gièm. Thế là thành công mà không biết lui về. Lại như Vĩnh Thúc, mong về đất Dĩnh, Ôn Công mong về đất Lạc, mà không được. Cảnh vẫn đợi mà người khó tới. Ngày nay, Tướng Công ta bắt đầu. Trời đã đem vận hội công danh trao cho, kết thúc, lại lấy núi khe dành cho. Không bị cái ngại chưa thành công chưa lui. Không bị cái tiếc : làm xong lui về là khó. Thế là xuất cùng xử, làm việc cùng yên nghỉ đều theo trời. Đâu có phải là không theo tạo vật đã chờ đợi.

Ở ngôi vị một đại thần, khi làm, khi nghỉ, đều quan hệ tới quốc gia. Vậy người quân tử suốt đời lo việc nước, chứ đâu có như loại bỉ phu thờ vua, khi được làm quan thì cố chiều chuộng, nịnh hót, không từ một phương tiện nào, lo mất lo được, khi mất quan thì rầu rĩ ra đi, lòng hậm hực. Như thế, đâu có so sánh, cùng bình luận với việc xuất xử của hạng hiền đạt.

Than ôi, trời sáng sủa không thường, hào kiệt kinh luân có vận. Dè đâu tới được khoảng đá biếc, mây xanh, để được hòa hợp theo tạo hóa.

Niên hiệu Xương Phù năm thứ Tám (1385) Giáp tý, tháng chạp Nhị Khê, Nguyễn Phi Khanh, viết bài Ký.



79.— 附贈答

陳元旦寄贈蘗川檢正阮應龍

朔風細雨轉凄涼。
客舍蕭蕭客思長。
籬下幽姿存晚節。
溪邊素艷試新粧。
胡兒未款花門塞。
裴老思歸綠野堂。
釣月耕雲何太早。
千鍾萬宇紫微郎。

Phiên âm

PHỤ TẠNG ĐÁP.

Trần Nguyên Đán ký tặng Nhị Xuyên Kiềm Chính Nguyen Ưng Long.

Sóc phong tế vũ chuyển thê lương.
Khách xá tiêu tiêu khách tứ trường.
Ly hạ u tư tồn vãn tiết.
Khê biên tố diễm thí tân trang.
Hồ Nhi vị khoản Hoa Môn tái.
Bùi lão tư quy lục dã đường.
Điếu nguyệt canh van hà thái tảo.
Thiên chung vạn vũ Tử vi lang.

Dịch nghĩa

PHỤ THÊM CÁC BÀI TẶNG ĐÁP.

Trần Nguyên Đán gửi tặng Kiềm Chính Nhị Xuyên, Nguyễn Ưng Long.

Hơi may mưa bụi cảnh thê lương.
Quán khách tiêu điều nghĩ vấn vương.
Tre cũ bên rào còn nhớ đốt
Hoa tươi trên suối mới phô trương.
Hồ nhi (1) chưa gõ biên thùy ải.
Bùi tướng (2) mong về Lục dã đường.
Quốc nguyệt cầy mây sao quá sớm.
Muôn chung nghìn tứ, vị tuần lương.

Chú Thích : (1) Hung nô chưa quy phục

(2) Bùi-Độ, tướng quốc triều Đường nước Tàu, lui về ở Lục Dã Đường vui tuổi già.

oOo

80.— 胡宗鷟遊東亭和蘂溪韻

才識如君尚少年。
文章嗟我老無緣。
已將得喪遺形外。
不復功名到枕邊。
變釣只堪閑隱客。
羨魚何必苦臨川。
幸能日日頻來訪•
休怪東亭似磬懸•

Phiện âm

HỒ TÔN TRÁC DU ĐÔNG ĐÌNH HỌA NHỊ KHÊ VẬN.

Tài thức như quân thượng thiếu niên
Văn chương ta ngã lão vô duyên.
Dĩ tương đắc táng di hình ngoại.
Bất phục công danh đáo chẩm biên.
Biến báo chỉ kham nhàn ẩn khách.
Tiễn ngư hà tất khổ lâm xuyên.
Hạnh năng nhật nhật tần lai phóng.
Hưu quái Đông đình tự khánh huyền.

Dịch nghĩa

HỒ TÔN TRÁC KHI TỚI CHƠI ĐÔNG ĐÌNH HỌA THƠ NHỊ KHÊ.

Tài thức như ông lại thiếu niên.
Tôi đành già cả chính vô duyên.

Đã đành được mất thôi không nghĩ.
Mà lại công danh cũng chẳng phiền.
Tiếp khách qua loa vừa lễ nghĩa.
Việc công khỏi nhọc khách lâm tuyền.
May thay sớm sớm còn lui tới.
Chớ lạ Đông đình giống cửa thiền.

Hết quyền thứ Hai bộ Ức-Trai Di Tập.

o O o

QUYỀN III

ỨC TRAI DI TẬP: VĂN LOẠI

抑齋遺集卷之三文類

1.— 呈情謝罪表文

安南國先陳主三世嫡孫臣陳暠，大
頭目臣黎某等，謹奏為陳情謝罪事。
臣竊惟普天之下，莫非王土，率土
之濱，莫非王臣。當太祖高皇帝，
龍飛之初，臣祖陳某，先入朝貢，
特蒙褒寵錫以王爵，自是世守封疆，
朝貢罔缺。頃因胡氏篡奪。太宗文
皇帝興師討罪，克平之後，詔求陳
氏子孫，以奉宗祀，時總兵官未及
遍求，遽聽土人所言，奏稱陳子孫，
俱被胡氏誅滅盡絕，遂置郡縣，設
官分治。臣暠先因國亂，奔竄老撾
欲以茍延殘息而已，豈意國人猶於
夷習。追思臣，之先世遇臣還國。
臣不得己而彊從之。雖其倉卒出於
國人之所迫，而亦臣不能裁度之罪
也。乃於宣德元年，回還本國。一
國之人，悉皆歸附。其各城併在陣
失陷官軍人等，臣擬具本起送回京
及差人進貢呈情謝罪。緣於軍前再
三致書，並不聽從，於是國人恐懼
誅戮，遂相率守備關隘。以為自衛
之計，豈期新來官軍，遇象驚駭，
自相奔潰，事至如此，雖出於國人

之不得已，而亦臣等之罪也。然其所獲官軍馬匹，一皆牧養，秋毫無犯．臣等與國人計議，以為王師不班，兵必再舉，小國生靈之苦，終無休息．將前備呈情書，及具呈情本遣黎某大頭目節次赴總兵官成山侯王通等軍門呈訴，請乞班師情本，，轉行奏達，蒙准擬於本年十一月內班師．臣修整橋道備辦脚力糧，至日農赴回還．臣自知負罪深重。進退兩難．竊思惟天地之於萬物，雖有雷霆之怒，而生生之意每行乎其間．父母之於衆子雖有笞扑之威，而鞠育之恩實存乎其內。是以人有病疾則未嘗不呼天地，呼父母．此臣之不能不瀝懇陳詞，以伸哀籲者也。伏望
皇上依
太宗文皇帝訪求陳氏子孫之詔，念臣祖宗先八朝貢之誠，救臣丘山之罪，寬臣斧鉞之誅，使臣得嗣服南荒，輸貢天闕，是非獨臣一身一家之幸，實一國生靈之幸．非獨一國生靈之幸而臣祖宗亦豫霑
聖恩于地下矣．臣惟銘心刻骨，効順輸忠。奉表稱臣，厥貢罔鈌．謹將代身金人銀人賫捧謝罪表文，所貢方物，并起送回京印信官軍人馬，一同進到，備細文冊一本，差頭目黎少頻等，賫捧赴京。今將各數目開呈，謹具奏聞，伏候勅旨。

oOo

Ức Trai di tập - Quyển Chi Tam - Văn loại

Phiên âm

1.— TRÌNH TÌNH TẠ TỘI BIỂU VĂN.

An Nam quốc tiên Trần chủ tam thế đích tôn, thần, Trần Cảo, Đại Đầu Mục, thần Lê Mỗ đẳng, cẩn tấu vi trần tình tạ tội sự :

Thần, thiết duy, phả thiên chi hạ, mạc phi vương thổ, suất thổ chi tân, mạc phi vương thần. Đương Thái Tổ Cao Hoàng Đế, long phi chi sơ, thần tổ, Trần Mỗ, tiên nhập triều cống, đặc mông bao sủng, tích dĩ vương tước. Tự thị, thế thủ phong cương, triều cống võng khuyết. Khoảnh nhân Hồ thị thoán đoạt, Thái Tôn Văn Hoàng Đế hưng sư thảo tội, Khắc bình chi hậu, chiếu cầu Trần thị tử tôn dĩ phụng tôn tự. Thời, Tổng Binh quan vị cập biến cầu, cứ thính thổ nhân sở ngôn, tấu xưng Trần thị tử tôn, câu bị Hồ thị tru diệt tận tuyệt. Tụy trí quận huyện, thiết quan phân trị Trần Cảo, tiên nhân quốc loạn, bôn thoán Lão Qua ,dục dĩ cẩu diên tàn tức nhi dĩ. Khởi ý quốc nhân nứu ư di-tập, truy tư thần chi tiên thế, bức thần hoàn quốc. Thần bất đắc dĩ nhi cưỡng tòng chi. Tuy kỳ thảng thốt, xuất ư quốc nhân chi sở bức, nhi diệc thần bất năng tài đạc chi tội dã. Nãi ư Tuyên Đức nguyên niên, hồi hoàn bản quố c Nhất quốc chi nhân, tất giai quy phụ. Kỳ các thành tịnh tại trận thất hãm quan quân nhân đẳng, thần nghĩ cụ bản khởi tống hồi Kinh. Cập sai nhân tiến cống trình tình tạ tội. Duyên ư quân tiền tái tam chí thư. Tịnh bất thính tòng. Ư thị, quốc nhân khủng cụ tru lục, tụy tương suất thủ bị quan ải, dĩ vi tự vệ chi kế. Khởi kỳ tân lai quan quân, ngộ tượng kinh hãi. tự

tương bôn hội. Sự chỉ như thử. tuy xuất ư quốc nhân chi bất đắc dĩ, nhi diệc thần đẳng chi tội dã. Nhiên kỳ sở hoạch quan quân mã sất, nhất giai thu dưỡng, thu hào vô phạm. Thần đẳng dữ quốc nhân kế nghị, dĩ vi vương sư bất ban, binh tất tái cử, tiểu quốc sinh linh chi khổ, chung vô hưu tức. Tương tiền bị trình tình thư, cập cụ trình tình bản, khiển Lê Mỗ Đại Đầu Mục tiết thứ phó Tổng Binh quan Thành Sơn Hầu, Vương Thông đẳng, quân môn, trình tố, thỉnh khất ban sư, chuyển hành tấu đạt. Mong chuẩn tấu thỉnh, nghĩ ư bản niên, thập nhất nguyệt nội, ban sư, Thần tu chỉnh kiều đạo, bị biện cước lực lương, chỉ nhật ứng phó hồi hoàn.

Thần tự tri, phụ tội thâm trọng, tiến thoái lưỡng nan. Thiết tư, duy thiên địa chi ư vạn vật, tuy hữu lôi đình chi nộ, nhi sinh sinh chi ý, mỗi hành hồ kỳ gian, phụ mẫu chi ư chúng tử, tuy hữu xuy phốc chi uy, nhi cúc dục chi ân, thực tồn hồ kỳ nội. Thị dĩ nhân hữu bệnh tật, tắc vị thường bất hô thiên địa, hô phụ mẫu. Thử thần chi bất năng bất lịch khẩn trần từ, dĩ thần ai dụ giả dã.

Phục vọng, Hoàng Thượng, y Thái Tôn Văn Hoàng Đế phỏng cầu Trần thị tử tôn chi chiếu. Niệm thần tổ tôn tiên thập triều cống chi thành, xá thần khưu sơn chi tội, khoan thần phủ việt chi tru. sử thần đắc tự phục nam hoang, du cống thiên khuyết, thị phi độc thần nhất thân, nhất gia chi hạnh, thực nhất quốc sinh linh chi hạnh, phi độc nhất quốc sinh linh chi hạnh, nhi thần tổ tôn diệc dự triêm Thánh Ân vu địa hạ hỹ. Thần tuy minh tâm khắc cốt, hiệu thuận du trung, phụng biểu xưng thần, tuế cống võng khuyết.

Cẩn tương đại thần kim nhân, ngân nhân lãi phủng tạ tội biểu văn. Sở cống phương vật, tịnh khởi tống hồi Kinh ấn tín, quan, quân, nhân, mã, nhất đồng tiến đáo. Bị tế văn sách nhất bản. Sai Đầu Mục Lê Thiếu Dĩnh đẳng lãi phủng phó Kinh. Kim tương các các số mục khai trình. Cẩn cụ biểu văn. Phục hậu sắc chỉ.

Ức Trai di tập - Quyển thứ Ba - Loại Văn.

Dịch nghĩa

BIỂU TRÌNH BẦY SỰ TÌNH, TẠ TỘI

Nước An Nam, cháu ba đời họ Trần, thần là Trần Cảo, Đại Đầu Mục thần là Lê Mỗ, kính tâu về việc trần tình tạ tội.

Thần trộm biết rằng, trong thiên hạ, đất nào không phải là đất nhà vua, trong bốn cõi, cõi nào không phải làm tôi nhà vua.

Khi đức Thái Tổ Cao Hoàng Đế mới lên ngôi, tổ tiên thần là Trần Mỗ, trước tiên, vào triều cống, được ban khen cho tước vương. Từ đó, đời đời giữ gìn lãnh thổ. Bỗng có họ Hồ thoán đoạt, đức Thái Tông Văn Hoàng Đế hưng binh trị tội. Sau khi bình loạn, có chiếu tìm con cháu họ Trần để trông coi việc cúng tế. Khi đó, viên quan Tổng Binh, chưa kịp hỏi kỹ, đã vội nghe người địa phương nói, rồi tâu lên rằng con cháu họ Trần đã bị họ Hồ giết hết, rồi chia nước làm quận huyện, mỗi nơi có một viên quan cai trị.

Trần Cảo, trước kia, vì nước loạn, phải chạy sang nước Lão Qua. Y cũng mong ở yên hết đời. Không ngờ người trong nước cứ theo tục rợ, nghĩ đến các đời trước thần, bắt thần phải quay về. Thần bất đắc dĩ theo ý dân. Tuy là thảng thốt chiều dân, nhưng cũng biết là có tội. Niên hiệu Tuyên Đức năm đầu, trở về bản quốc. Toàn dân giúp đỡ. Ở các thành, các nơi bị vây, bọn quân thần cho đưa cả về Kinh. Sai người cống tiến tạ tội, gửi thư tới quân đội hai ba lần, đều không được nghe theo. Thế là người trong nước sợ hãi bị giết tróc, mới phải phòng bị các nơi quan ải, nghĩ tới kế tự vệ. Nào ngờ đâu bọn quan quân

mới tới, trông thấy vỡi, sinh ra hoảng sợ, tự mình làm cho quân mình tan vỡ. Việc đã đến thế, dù là việc làm bất đắc dĩ của người trong nước nhưng vẫn là tội thần. Vậy phàm ngựa chiến bắt được, quan quân bắt được, đều cho trông nuôi cả, tơ hào không phạm.

Thần cùng người trong nước có bàn rằng, quân nhà vua mà không có lệnh ban sư, tất nhiên lại tới, dân tiểu quốc lại khổ, không được nghỉ ngơi. Vì thế, thư đã trình khi trước, cùng bàn trình sự thực, sai Đại Đầu Mục Lê Mỗ lần lượt đệ tới viên quan Tổng Binh là Thành Sơn Hầu, Vương Thông, tại cửa quân môn, xin ban sư và tâu trình về Kinh. Cứ theo lời xin thì định cho vào nội tháng mười một năm nay.

Thần đã cho sửa sang đường đi, cầu cống, soạn sẵn lương thực để ngày về sẽ cấp.

Thần tự biết là tội nặng, tiến lui đều khó. Thiết nghĩ rằng : Trời đất đối với vạn vật, dù cho có cơn giận sấm sét, mà ý vẫn cứ sinh dưỡng, cha mẹ đối với con cái, dù cho có uy nghiêm roi vọt, mà ơn vẫn cứ chăm nuôi. Người ta khi có bệnh, ai là không kêu trời đất, kêu cha mẹ. Vì thế, thần không thể không khẩn khoản trần tình để được thương tới.

Ngửa mong, Hoàng Thượng theo lối Thái Tôn Văn Hoàng Đế, đã có chiếu cho tìm con cháu họ Trần, mà nghĩ cho thần, khi tổ tiên trước tiên, cống hiến thành tâm, rồi tha cho thần tội nặng như núi, đáng bị phủ việt, để thần lại được nối dõi ở xứ nam hoang này chầu về thiên khuyết. Không phải chỉ may riêng cho một thần, một nhà thần, mà thực ra là may cho cả sinh linh

một nước. Không những là may cho cả sinh linh một nước, mà ở dưới đất, tổ tiên thần cũng được hưởng Thánh ân. Rất đáng minh tâm, khắc cốt, hết sức trung thuận. Dâng biểu xưng thần, tới kỳ hạn cống hiến, không dám khuyết.

Kính xin thay người bằng người vàng, người bạc, dâng biểu tạ tội. Các đồ cống hiến, và các thứ ấn tín, quan quân người ngựa, nhất nhất tiến về, cùng với bản tâu, sai Đầu Mục Lê Thiều Dĩnh đưa tới Kinh.

Nay xin kê khai tường tận số mục các thứ, cùng biểu văn. Phục chờ sắc chỉ.

oOo

2.— 謝恩呈情表文。

安南大頭目臣黎某謹奏為呈情事。宣德三年，八月初八日，伏覩敕諭臣等，大赦交趾，罪無大小，咸與俱新。及令臣等具陳氏見存子孫之名以聞。遣使册封朝貢．仍尊洪武舊制。臣一國之人，莫不歡欣鼓舞。喜出望外。然臣於未奉詔書之先。差頭目黎少頻等齎捧陳情謝罪表文，赴闕呈奏。緣國人昔官吏苛政，復恩陳氏之舊。已先於國中遍求陳氏子孫，久之弗獲。宣德元年．臣於老撾地方緦訪得先陳主頓三世孫陳暠已狗衆情權署國事，以待朝命。不幸於今年正月初十日，陳暠病故，其陳氏子孫實無見存．國人無堪領其衆者，以此見遏於臣．臣力辭不受，惟謹守其國，以俟朝命。今蒙聖恩赦宥臣等伏自思惟，聖天子體天愛人，上承祖宗之心，單沛乾坤之德。臣等丘山之罪、咸赦除之。臣雖昆虫之微，亦尚有感。又於總兵官成山侯等班師之時，臣已將各府州縣衛所官吏軍人，及所獲新來官軍一萬三千員名，造細花文名册一本，起送回還，陸路馬一千二百匹，水路船，五百艘，其官吏軍人，男婦及官庫等物，並已裝去。去訖。

臣又於國中出令標禁，有藏匿軍官一人以上，殺而無赦·其有首者，亦已陸續起送回還。今蒙詔敕，凡朝廷所遣官吏軍人等，被土人拘留者，悉皆發還。除欽遵外。臣謹復戒飭國人并遣人四散搜尋，各府州縣鄉下，有前項拘留官吏盡數起送回還。不敢孤負聖天子惠養元元之意·所賜敕書二道·臣謹留以為國寶除差臣姪黎國器等，賫捧謝恩表文伏候敕旨。

oOo

Phiên âm

2.— TẠ ÂN TRÌNH TÌNH BIỂU VĂN

An Nam, Đại Đầu Mục, thần, Lê Mỗ, cẩn tấu vi trình tình sự.

Tuyên Đức tam niên, bát nguyệt sơ bát nhật, phục đồ sắc dụ thần đẳng, đại xá Giao-Chỉ, tội vô đại tiểu, hàm dữ câu tân. Cấp linh thần đẳng, cụ Trần thị, kiến tôn tử tôn chi danh dĩ văn. Khiển sứ sách phong triều cống, nhưng tuân Hồng Vũ cựu chế.

Thần nhất quốc chi nhân, mạc bất hoan hân cổ vũ, hỷ xuất vọng ngoại. Nhiên, thần ư vị phụng chiếu thư chi tiên, sai Đầu Mục, Lê Thiều Dĩnh đẳng, lãi phủng Trần tình tạ tội biểu văn, phó khuyết trình tấu. Duyên quốc nhân khổ quan lại hà chính, phục tư Trần thị chi cựu, dĩ tiên ư quốc trung biến cầu Trần thị tử tôn, cửu nhi phất hoạch. Tuyên Đức nguyên niên, thần ư Lão Qua địa phương tài phỏng đắc tiên Trần chủ Địch, tam thế tôn, Trần Cảo, dĩ tuẫn chúng tình, quyền tạm quốc sự dĩ đãi triều mệnh. Bất hạnh, ư kim niên, chính nguyệt, sơ thập nhật, Trần Cảo bệnh cố. Kỳ Trần thị tử tôn, thực vô kiến tồn. Quốc nhân vô kham lĩnh kỳ chúng giả, dĩ thử kiến bức ư thần. Thần lực từ, bất thụ. Duy cẩn thủ kỳ quốc, dĩ sĩ triều mệnh. Kim mông thánh ân xá hựu. Thần đẳng phục tự tư duy. Thánh thiên tử thể thiên ái nhân, thượng thừa tổ tôn chi tâm, đàm bái càn khôn chi đức. Thần đẳng khưu sơn chi tội, hàm xá trừ chi. Thần tuy côn trùng chi vi, diệc thượng tri cảm. Hựu ư Tổng Binh quan, Thành Sơn Hầu đẳng, ban sư chi thời thần dĩ tương các phủ, châu, huyện, vệ sở quan lại quân nhân, cập sở hoạch tân lai quan quân, nhất vạn tam thiên

viên danh, tạo tế hoa văn danh sách nhất bản, khởi tống hồi hoàn. Lục lộ, mã nhất thiên nhị bách sất. Thủy lộ, thuyền, ngũ bách sưu. Kỳ quan lại quân nhân, nam phụ, cập quan khố đẳng vật, tịnh dĩ trang khứ. Khứ cật. Thần hựu ư quốc trung xuất lịnh, tiêu cấm : hữu tàng nặc quan quân nhất nhân dĩ thượng, sát nhi vô xá. Kỳ hữu thủ giả, diệc dĩ lục tục khởi tống hồi hoàn. Kim mông chiếu sắc, phàm triều đình sở khiển quan lại, quân nhân đẳng, bị thổ nhân câu lưu giả, tất giai phát hoàn, trừ khâm tuân ngoại. Thần cẩn phục giới sức quốc nhân tứ tán sưu tầm, các phủ, châu huyện, hương hữu tiên hạng câu lưu quan lại, tận sác khởi tống hồi hoàn. Bất cảm cô phụ thánh thiên tử huệ dưỡng nguyên nguyên chi ý.

Sở tứ sắc thư nhị đạo, thần cẩn lưu dĩ vi quốc bảo.

Trừ sai thần điệt Lê Quốc Khí đẳng lãi phủng tạ ân biểu văn.

Phục hậu sắc chỉ.

Dịch nghĩa

BIỂU TẠ ÂN, TRÌNH VIỆC

An Nam Đại Đầu Mục thần Lê Mỗ cẩn tâu về sự tình.

Niên hiệu Tuyên Đức, năm thứ ba, tháng tám, ngày mùng tám thần được sắc dụ đại xá Giao Chỉ tha hết tội lớn nhỏ, và sai thần tìm con cháu họ Trần để tâu lên, và cho sứ triều cống, y như phép cũ thời Hồng Vũ. Khắp trong nước, người đều vui vẻ sung sướng, cho là rất may mắn, không ngờ. Tuy nhiên trước khi nhận được chiếu thư, thần đã sai Đầu Mục là Lê Thiều Dĩnh đem biểu trần tình đến dâng tại cửa khuyết, tâu rõ là dân thấy

là hà khắc, đã cố tìm dòng dõi họ Trần, đã lâu không được. Tới năm đầu Tuyên Đức, thần có tìm được ở đất Lão Qua, một người cháu ba đời của Trần chủ Địch, tên là Trần Cảo. Cảo đã thề tình dân tạm coi việc nước, để đợi mệnh triều đình. Không may, năm nay, tháng giêng, mùng mười, đã bị bệnh mất, thành ra con cháu họ Trần thực không còn ai, mà trong nước thì không ai dìu dắt dân chúng được. Thần bị áp bức không từ chối được, thần đành chỉ giữ nước chờ mệnh triều đình. Nay được thánh ân xá tội. Thần đẳng riêng nghĩ rằng, đúng thánh thiên tử thể lòng trời mà yêu người, trên theo lòng tổ tiên, lại thêm đức rộng đất trời, thần đẳng tội nặng như núi mà được xá bỏ. Thần tuy thân nhỏ sâu bọ, nhưng cũng biết cảm kích. Vừa hay lúc viên quan Tổng Binh là Thành Sơn Hầu, ban sư. Thần đã cho làm một bản danh sách quan lại các phủ châu huyện cùng quan quân mới tới sau, một vạn ba nghìn tên để cho đưa về. Đường bộ thì cấp cho một nghìn hai trăm ngựa, đường thủy thì cấp cho năm trăm thuyền, quan lại quân nhân, nam nữ đều có đủ quần áo. Xong việc. thần lại cho lệnh cấm dân không được oa trữ lấy một tên quân nào bị bắt, trái lệnh là bị tử hình. Quân nào ra đầu thú cũng lại lần lượt được về. Nay theo chiếu sắc. phàm quan lại, quân nhân nào bị dân địa phương bắt giữ là điều được cho về. Chờ mệnh lệnh khác, thần hãy cho loan báo quốc dân, sai lùng kiếm tứ phía, cón sót lại tên nào là cho về tất cả, không dám phụ ơn và ý thánh thiên tử thương dân. Hai đạo sắc thư, thần giữ làm quốc bảo. Nay sai cháu thần là Lê Quốc Khí phụng biểu tạ ơn,

Phụng chờ sắc chỉ.

oOo

3. 與王通書

夫大廈將顛，非一木之所能支，長
堤將潰，豈杯土之所能量。苟不能
量力而強行，其不敗也幾希。前
日之事不必論也。以今日之事勢言
之，公等皆恃以為今者救援之兵耳。
於本年正月內敕安遠侯保定伯，崔
都督黃尚書李御史，及土官阮勒等，
調兵前來，期四月以裡，進兵交境。
遂於茲月纔到我關。沿邊之士，誘
至支棱關，本年二月日，我軍一鼓
而潰，其前鋒軍馬一時掃盡，其總
兵安遠侯陣前陷沒，至二十五日我
軍再鼓，而全軍盡陷，保定伯陣死，
其敗軍走散山林者，為我軍所虜。
軍至如此，非吾意。是吾守邊將士
而所為，以重吾過。大人以仁義之
師，一臨交境，能愍窮蹙之禍，覩
其所奏立陳氏之書，則大人思意，
吾無忍負。今以區區東關一城，舉
一國環而攻之，固為甚易，然吾所
以為是者。正感大人前日之恩，又
以全小國事大之禮。苟能整飭軍士，
開城解甲，復尋前盟。則大人可全
軍歸國，而漢唐好大喜功之弊，從

此而息。湯武興滅繼絕之道，復見
舉行。豈不韙哉。倘若猶豫未決，
吾恐吾之將士，疲其攻戰，廢其農
桑，决意急攻，勢不容遏，至此時
節，無可奈何。是益以重吾過耳。
書至伏希回示。

oOo

Phiên âm

DỮ VƯƠNG THÔNG THƯ

Phù, đại hạ tượng điên, phi nhất mộc chi sở năng chi. Trường đê tương hội, khởi bồi thổ chi sở năng lượng. Cầu bất năng lượng lực nhi cưỡng hành, kỳ bất bại dã kỷ hy. Tiền nhật chi sự bất tất luận dã. Dĩ kim nhật chi sự thế ngôn chi. Công đẳng giai thị dĩ vi kim giả cứu viện chi binh nhĩ. Ư bản niên, chính nguyệt nội, sắc An Viễn Hầu, Bảo Định Bá, Thôi Đô Đốc, Hoàng Thượng Thư, Lý Ngự Sử cập thổ quan Nguyễn Huân đẳng, điều binh tiền lai, kỳ tứ nguyệt dĩ lý, tiến binh giao cảnh. Tụy ư cá nguyệt, tài đáo ngã quan. Duyên biên chi sĩ, dụ chí Chi Lăng quan. Bản niên nhị nguyệt nhật, ngã quân nhất cổ nhi hội. Kỳ tiền phong, quân mã nhất thời tảo tận. Kỳ Tổng Binh An Viễn Hầu, trận tiền hãm một. Chí nhị thập ngũ nhật, ngã quân tái cổ, nhi toàn quân tận hãm. Bảo Định Bá trận tử. Kỳ bại quân tẩu tán sơn lâm giả vi ngã quân sở lỗ. Sự chí như thử, diệc phi ngô ý. Thị ngô thủ biên tướng sĩ chi sở vi, dĩ trọng ngô quá. Đại nhân dĩ nhân nghĩa chi sư, nhất lâm giao cảnh, năng trừng cùng độc chi họa, quan kỳ sở tấu lập Trần thị chi thư, tắc đại nhân ân ý, ngô vô nhẫn phụ. Kim dĩ khu khu Đông Quan nhất thành, cử nhất quốc hoàn nhi công chi, cố vi thậm dị. Nhiên ngô sở dĩ vi thị giả, chính cảm đại nhân tiền nhật chi ân, hựu dĩ toàn tiểu quốc sự đại chi lễ. Cầu năng chỉnh sức quân sĩ, khai thành, giải giáp, phục tầm tiền minh, tắc đại nhân khả toàn quân quy quốc, nhi Hán, Đường hiếu đại, hỷ công chi tệ, tòng thử nhi tức, Thang, Vũ hưng diệt, kế tuyệt chi đạo, phục kiến cử hành. Khởi bất vĩ tai. Thảng nhược, do dự vị quyết, ngô khủng ngô chi tướng sĩ, bỉ kỳ công chiến,

phế kỳ nông tang, quyết ý cấp cong, thế bất dung át, chí thử thời tiết, vô khả nại hà. Thị ích dĩ trọng ngô quá nhĩ. Phục hy hồi thị.

Dịch nghĩa

THƯ CHO VƯƠNG THÔNG

Phàm một ngôi nhà sắp đổ, thì một cây gỗ không đủ chống lại được. Một khúc đê sắp vỡ, thì một sọt đất không thể ngăn lại được. Ví như không ước sức lực, cứ cố làm, thì ít khi khỏi bị thua. Việc bữa trước, không cần bàn tới nữa. Nay bàn việc hiện tại. Các ông trông cậy vào quân cứu viện. Thì năm nay có sắc lệnh cho: An Viễn Hầu, Bảo Định Bá, Thôi Đô Đốc, Hoàng Thượng Thư, Lý Ngự Sử cùng quan địa phương là lũ Nguyễn Huân, điều động quân binh tới. Hẹn trong tháng tư tiến tới biên cương, rồi vào nước, Bọn quan quân nơi biên cương, mới dụ cho họ tới ải Chi Lăng. Năm nay ngày tháng hai, quân tôi vừa ra là họ tan vỡ, cả đội tiền phong bị quét sạch. Tổng Binh An Viễn Hầu bị chết. Đến ngày 25, quân tôi đánh trận thứ hai, thì toàn quân các ông bị thua. Bảo Định Bá tử trận. Bại quân chạy trốn vào rừng núi, bị quân tôi bắt được cả. Việc đến như thế, không phải ý muốn của chúng tôi. Chính là tướng sĩ ngoài biên chúng tôi làm ra, thành thử, lỗi chúng tôi thêm nặng.

Khi đại nhân đem quân nhân nghĩa tới cõi, trừng trị được họa loạn, có thư xin lập con cháu họ Trần, ơn đó chúng tôi không nỡ phụ. Nay cứ như khư khư một thành Đông Quan chúng tôi lấy toàn quân trong nước vây đánh, thì rất là dễ. Chúng tôi không làm, chính vì cảm ân đại nhân khi trước, và cũng theo lễ nước nhỏ đối với nước lớn. Ví như đại nhân cho, thu xếp quân đội, giải giáp, mở cửa thành, theo minh ước.

trước, thì có thể đem được toàn quân về nước, mà rồi cái ý thích làm oai, cái mộng muốn lập công sẽ được tiêu tán. Đạo thánh : chắp chỗ đứt, hưng việc diệt của Thang, Vũ xưa lại được thi hành. Như thế có hay không. Nếu còn do dự chưa quyết, thì tôi e tướng sĩ tôi đã mỏi mệt về chinh chiến, bị bỏ việc nông tang, sinh ra ý quyết định chóng xong, không chờ đợi nữa, như thế thì không ngăn được, mà cũng không biết làm sao được. Như thế lỗi chúng tôi lại càng nặng hơn.

Thư tới, mong trả lời.

oOo

4.— 訪求陳氏子孫奏文

(時告陳暠哀訃，明遣使來諭，令訪求陳氏子孫奏來，用頒繼絕之命)·

陳氏親族昔為胡季犛殺戮已盡，並無見存，宣德元年，纔於老撾地方訪得陳暠，稱陳氏孫。宣德二年還至本國。一國之人悉皆歸附·今臣黎某及眾頭目等移書總官兵處，乞願班師，宣德二年已差黎少穎賫本呈情謝罪。不期數日之頃陳暠病故，其陳氏子孫實無見存·若果有見存，臣等雖未奉勅，猶當叩閽請命，豈已恩詔若此，而臣更懷別圖·必無此事也。又勅中諭所留官吏軍人等，悉皆遣還。臣以此惶恐，不敢自安。此先官軍征討之時，國人恐被誅戮遂相率首備，以為自衛之計·譬之鳥窮則啄，獸窮則搏，鋒鏑之下除已死傷，外其見存官人等已差少穎繳進名冊·再悉心搜尋·今國中頭目耆老人等，並稱前項人等實無見存。

oOo

Phiên âm

PHỎNG CẦU TRẦN THỊ TỬ TÔN TẤU VĂN.

(Thời cáo Trần Cảo ai phó, Minh khiển sứ lai dụ. Linh phỏng cầu Trần thị tử tôn, Tấu lai. Dụng ban kế tuyệt chi mệnh).

Trần thị thân tộc, tích vi Hồ Qúi Ly sát lục dĩ tận, tịnh vô kiến tồn. Tuyên Đức nguyên niên, tài ư Lão Qua địa phương, phỏng đắc Trần Cảo, xưng Trần thị tôn. Tuyên Đức nhị niên, hoàn chí bản quốc. Nhất quốc chi nhân, tất giai quy phụ. Linh thần, Lê Mỗ, cập chúng Đầu Mục đẳng di thư Tổng Binh quan xứ khất nguyện ban sư. Tuyên Đức nhị niên, dĩ sai Lê Thiếu Dĩnh lãi bản trình tình tạ tội. Bất kỳ sổ nhật chi khoảnh, Trần Cảo bệnh cố. Kỳ Trần thị tử tôn thực vô kiến tồn. Nhược quả hữu kiến tồn, thần đẳng tuy vị phụng sắc, do đương khấu quan thỉnh mệnh, khởi dĩ ân chiếu nhược thử, nhi thần cánh hoài biệt đồ. Tất vô thử sự dã.

Hựu sắc trung dụ, sở lưu quan lại, quân nhân đẳng, tất giai khiển hoàn. Thần dĩ thử hoảng khủng, bất cảm tự an. Thử tiên quan quân chinh thảo chi thời, quốc nhân khủng bị tru lục, tụy tương suất thủ bị, dĩ vi tự vệ chi kế. Thí chi điều cùng tắc trác, thú cùng tắc bác. Phong đích chi hạ, trừ dĩ tử thương, ngoại kỳ kiến tồn quan nhân đẳng, dĩ sai Thiếu Dĩnh, kiểu tiến danh sách. Tái tất tâm sưu tầm. Kim quốc trung, Đầu Mục, Kỳ lão nhân đẳng, tịnh xưng tiền hạng nhân đẳng, thực vô kiến tồn.

Dịch nghĩa

BIỂU-VĂN VỀ VIỆC TÌM CON CHÁU HỌ TRẦN.

(Khi cáo phó Trần Cảo tới, triều Minh cho sứ tới dụ, tìm con cháu họ Trần tâu về, làm như ý muốn ra ơn nối lại dòng họ đã đứt).

Họ hàng họ Trần xưa bị Hồ Quý Ly đã giết hết, không còn ai. Niên hiệu Tuyên Đức năm đầu, vừa hay có tìm được ở đất Lão Qua một người là Trần Cảo, xưng là con cháu họ Trần. Năm Tuyên Đức thứ hai, về nước, thấy người trong nước đều quy phụ, mới sai thần là Lê Mỗ cùng các Đầu Mục đưa thư tới nơi Tổng Binh xin cho ban sư. Năm Tuyên Đức thứ hai, đã. Sai Lê Thiều Dĩnh nộp bản tường trình tạ tội. Không ngờ mới thoáng có vài ngày, Trần Cảo bị bệnh mất. Con cháu họ Trần thực không còn ai. Nếu quả thật còn được người nào, thì thần tuy chưa phụng sắc, cũng phải tới xin mệnh, chứ đâu có : đã được ân chiếu như thế, mà lại còn có tâm khác.

Trong sắc lại có dụ rằng: phàm quan lại, quân binh còn lưu trong nước đều cho về cả, Thần hoảng sợ, không dám nhác. Bọn đó là bọn quan quân chinh thảo, trước kia, dân chúng sợ bị giết, có tự họp tập để phòng giữ, để mưu tự vệ, có khác gì đến bước đường cùng, chim phải mổ, thú phải cắn. Ngoài những người đã chết về thương tích, còn sót lại người nào, thần đã cho Thiều Dĩnh lập danh sách tiến nạp. Về sau lại hết sức cho tìm kiếm, thì trong nước các đầu mục, phụ lão, đều trình là thực không còn thấy ai.

oOo

5.— 諭豪傑詔

（丁未黎太祖在瀘江菩提營，出史記）。

今諸城已破，惟東關城未下，我以此臥不安席，食不甘味，夙夜焦思。且我之左右未得其人，雖爲主將，一則老病不才，二則寡學淺見。三則任重難勝，而相國，太保，太傅未置，太尉都元帥猶 ，行遣并各官十纔一二。是以折節推誠，勸諸豪傑胥相戮力匡扶萬民，莫韜光晦迹。使天下久陷塗炭或有高節如四皓，嘉遯如子房，亦且爲民救難。俟其成功，欲遂素志歸山林，不復汝禁。

Phiên âm

DỤ HÀO KIỆT CHIẾU.

(Đinh mùi, Lê Thái Tổ tại Lô Giang, Bồ Đề doanh. Xuất Sử ký)

Kim chư thành dĩ phá, duy Đông Quan thành vị hạ. Ngã dĩ thử ngọa bất an tịch, thực bất cam vị, tức dạ tiêu tư. Thả ngã chi tả hữu vị đắc kỳ nhân. Tuy vi chủ tướng, nhất tắc lão bệnh bất tài, nhị tắc quả học thiển kiến, tam tắc nhiệm trọng nan thắng. Nhi Tướng quốc, Thái bảo, Thái phó vị trí. Thái Uý, Đô Nguyên Súy do khuyết. Hành khiển tịnh các quan thập tài nhất nhị. Thị dĩ triết tiết thôi thành, khuyến chư hào kiệt tư tương lục lực khuông phù vạn dân mạc thao quang hối tích, sử thiên hạ cửu hãm đồ thán. Hoặc hữu cao tiết như

tứ hạo, gia độn như Tử Phòng, diệc thả vị dân cứu nạn, sĩ kỳ thành công, dục tụy tô chí quy sơn lâm, bất phục nhữ cấm

Dịch nghĩa

CHIẾU DỤ CÁC NGƯỜI HÀO KIỆT.

(Năm đinh mùi, Lê Thái Tổ đóng quân tại Bồ Đề, trên sông Lô chép theo Sử Ký).

Nay các thành đã phá, duy còn Đông Quan chưa hạ xong. Vì thế mà ta ăn không ngon, ngồi không yên, ngày đêm lo buồn. Tả hữu chưa có người. Ta làm chủ tướng, mà một là già yếu vô tài, hai là ít học, ít biết, ba là trách nhiệm nặng khó đảm đương, và chưa đặt được các chức Tướng Quốc, Thái Bảo, Thái Phó, Thái Úy, Đại Nguyên súy còn khuyết. Các quan làm việc nước mười phần mới được có một hai. Cho nên khuất tất cầu hiền, khuyên cáo người hào kiệt, nên cùng hết sức giúp đỡ muôn dân, chớ có dấu tiếng, dấu tài, để cho thiên hạ lầm than lâu nữa. Hoặc giả có bực cao tiết như tứ Hạo (1), chính ân như Tử Phòng (2), thì cũng nên vì dân ra cứu nạn' đợi lúc thành công toại chí thì về ở núi rừng, không ai ngăn cấm.

Chú thích : (1) Bốn người ẩn dật đầu triều Hán nước Tầu.
(2) Mưu thần của Hán Cao Tổ nước Tàu.

oOo

6.— 求賢才詔

出史己酉順天二年

朕惟致理必在於賢舉。得賢必由於進
舉。是以有天下者。必以是爲先務也。
古者盛時，羣賢在朝，濟濟相讓，故下
無遺才，上無廢事，而成雍熙之治，至
如漢唐之臣，莫不推賢讓能，更相汲
引，蕭何之薦曹參，魏無知之薦陳平，
狄仁傑之薦張九齡，蕭嵩之薦韓休，
雖其才品有高下，之不同，然莫不各得
其人，以當其任也。今朕膺重責夙夜祇
懼，若臨深淵，正以搜賢弼治之未得
其人也，其令文武大臣公侯大夫自三
品以上，各舉一人，或在朝或在野，不
拘未仕已仕，苟有文武之才，堪臨民
御衆者，朕將隨而授任焉．且薦賢受
上賞，古道然也．若舉得中才，則升爵
二等．若舉得才德俱優超絕倫等，必家
重賞，雖然，才之於世，固爲不少．而
求才之道，亦非一方。其或蘊經綸之
才，而屈居下僚，無人薦舉，與夫豪傑
之士，伏於草莽，混於卒伍，若不自
達，朕何由識之．今後君子有欲從我
遊者，各聽自薦。昔毛遂脫穎而從
平原君，甯戚叩角而感悟桓公。何曾以
小節自拘哉．詔出之日，凡在具僚，
各盡乃職。敦請薦拔。至于閭閻側
陋之士，亦勿以衒玉求售爲恥。而
使朕有乏才之嘆焉。

oOo

Phiên âm

CẦU HIỀN TÀI CHIẾU.

(Suất Sử : Kỷ dậu. Thuận Thiên, nhị niên).

Trẫm duy chí-lý tất tại ư cử hiền. Đắc hiền tất do ư tiến cử. Thị dĩ hữu thiên hạ giả, tất dĩ thị vi tiên vụ dã. Cổ giả, thịnh thời, quần hiền tại triều, tề tề tương nhượng. Cố hạ vô di tài, thượng vô phế sự, nhi thành ung hy chi trị. Chí như Hán, Đường chi thần, mạc bất thôi hiền nhượng năng, cánh tương cấp dẫn. Tiêu Hà chi tiến Tào Tham, Ngụy Vô Tri chi tiến Trần Bình, Địch Nhân Kiệt chi tiến Trương Cửu Linh, Tiêu Tung chi tiến Hàn Hưu. Tuy kỳ tài phẩm hữu cao hạ chi bất đồng, nhiên mạc bất các đắc kỳ nhân, dĩ đương kỳ nhiệm dã. Kim trẫm ưng trọng trách, túc dạ chi cụ, nhược lâm thâm uyên chính dĩ sưu hiền bật trị, chi vị đắc kỳ nhân dã. Kỳ lịnh văn vũ đại thần, công hầu, đại phu tự tam phẩm dĩ thượng, các cử nhất nhân, hoặc tại triều, hoặc tại dã, bất câu vị sĩ, dĩ sĩ. Cầu hữu văn vũ chi tài, kham lâm dân, ngự chúng giả, trẫm tương tùy nhi thụ nhiệm yên. Thả tiến hiền thụ thượng thưởng, cổ đạo nhiên dã. Nhược cử đắc trung tài, tắc thăng tước nhị đẳng. Nhược cử đắc tài đức câu ưu, siêu tuyệt luân đẳng, tất mông trọng thưởng. Tuy nhiên tài chi ư thế, cố vi bất thiểu, nhi cầu tài chi đạo, diệc phi nhất phương. Kỳ hoặc uẩn kinh luân chi tài nhi khuất cư hạ liêu, vô nhân tiến cử, dữ phù hào kiệt chi sĩ, phục ư thảo mãng, hỗn ư tốt ngũ, nhược bất tự đạt, trẫm hà do thức chi. Kim hậu quân tử hữu dục tòng ngã du giả, các thỉnh tự tiến. Tích, Mao Toại thoát dĩnh nhi tòng. Bình Nguyên Quân, Ninh Thích khấu giác nhi cảm ngộ Hoàn Công, hà tằng dĩ tiểu tiết tự câu tai. Chiếu xuất chi nhật, phàm tại cụ liêu, các tận nãi chức, đôn thỉnh tiến bạt. Chí vu lư diêm trắc lậu

chi sĩ, diệc vật dĩ huyễn ngọc cầu thụ vi xỉ, nhi sử trẫm hữu phạp tài chi thán yên.

Dịch nghĩa

CHIẾU CẦU HIỀN TÀI.

(Theo Sử : Ất dậu, niên hiệu Thuận Thiên năm thứ Hai).

Trẫm nghĩ việc chọn người hiền là rất đúng lý. Chọn được người hiền là do sự tiến cử. Cho nên khi đã được nước rồi, việc đó là việc đầu tiên. Thời cổ ở nơi triều đình, người hiền vái nhường chen vai nhau đầy dẫy. Vì thế, ở dưới, không có người bị sót, ở trên không có việc bị quên. Có thế, việc chính trị mới được hòa vui. Xét như các đời Hán, Đường, bọn bày tôi đều tôn nhường, tiến cử người hiền : Tiêu Hà tiến Tào Tham, Ngụy Vô Tri tiến Trần Bình, Địch Nhân Kiệt tiến Trương Cửu Linh, Tiêu Tung tiến Hàn Hưu. Tuy rằng tài có cao thấp không giống nhau, nhưng cũng được dùng đúng việc, đúng chỗ.

Nay trẫm giữ trách nhiệm lớn, ngày đêm sợ hãi, y như đi trên vực sâu, chính là vì chưa được người hiền giúp việc trị nước. Nay lịnh cho văn vũ đại thần, công hầu đại phu, từ tam phẩm trở lên, đều phải tiến cử một người, hoặc tại triều, hoặc tại quận, không cứ đang làm quan, hay chưa làm quan. Xét cứ có tài văn hay vũ, đáng coi dân chúng là trẫm giao cho việc. Mà người tiến cử thì được thưởng vào bực thượng thưởng, theo như phép xưa. Nếu cử được người có tài trung bình, thì được thưởng thăng hai trật. Nếu cử được người có tài đức đều trội hơn đời, thì được trọng thưởng. Xét ở đời, không hiếm người có tài, mà phép cầu tài cũng không hiếm. Hoặc có người đủ tài kinh luân, ở hàng quan lại thấp kém, không được ai cất nhắc,

hoặc có bực hào kiệt, ở trong nơi thảo mãng lẫn với bọn sĩ tốt, vì thiếu người đề đạt, trẫm làm sao mà biết rõ được. Vậy từ nay, bực quân tử nào muốn cùng trẫm coi việc, ai nấy cứ tự tiến. Xưa kia, Mao Toại thò mũi nhọn mà theo giúp Bình Nguyên Quân, Ninh Thích gõ sừng trâu mà cảm ngộ được Hoàn Công. Thế thì sao nay lại cứ câu nệ ở tiểu tiết.

Từ ngày tờ chiếu này ban ra, phàm đang ở hàng quan lại, đều gắng sức làm phần việc mình, mà cố tiến cử đề đạt.

Còn như kẻ ở nơi thôn dã, đừng lấy việc tự tiến làm xấu hổ, mà trẫm thành mang tiếng để sót nhân tài.

oOo

7.— 平吳大誥

代天行化皇上若曰：仁義之舉務在安民·吊伐之師必先去暴。惟我大越之國·實為文獻之邦，山川之封域既殊，南北之風俗亦異。粵趙丁李陳之肇造我國，與漢唐宋元而各帝一方，雖強弱時或不同，而豪傑世未嘗乏·故劉龑貪功而取敗，趙嶌好大而趣亡·唆都既擒於鹹子關，烏馬又殪於白藤海·稽諸往古厥有明徵·頃因胡政之煩苛，致使人心之怨叛，狂明伺隙，因以毒我民，偽黨懷奸，竟以賣我國，焮蒼生於虐焰，陷赤子於禍坑，欺天罔民·詭計蓋千萬狀·連兵結釁，稔惡殆二十年·敗義傷仁乾坤幾乎欲息·重科厚斂，山澤靡有孑遺，開金場則冒嵐障而斧山陶沙，採明珠則觸蛟龍而絙腰汆海擾民設玄鹿之陷阱殄物織翠禽之網羅·昆虫草木皆不得以遂其生·鰥寡顛連俱不獲以安其所·浚生靈之血，以潤桀黠之吻牙。極土木之功，以崇公私之廨宇州里之征徭重困·閭閻之杼柚皆空。決東海之波，不足以濯其污，罄南山

之竹，不足以書其惡。神人之所共
憤，天地之所不容。予奮迹藍山，
棲身荒野，念世讎豈可共戴，誓逆賊
難與俱生，痛心疾首者垂十餘年，
嘗膽臥薪者蓋非一日。發憤忘食，
每研談韜畧之書，即古驗今，細推
究興亡之理。圖回之志寤寐不忘。
當義兵初起之時，正賊勢方張之日。
奈以人才秋葉，俊傑晨星。奔走後
先者既乏其人，謀謨帷幄者又寡其助。
特以救民之念，每鬱鬱而欲東，故
於待賢之車，常汲汲而虛左。然其
得人之效，茫若望洋，由己之心，
甚於拯溺。憤凶徒之未珍，念國步
之猶屯，靈山之食盡兼旬，瑰縣之
衆無一旅，蓋天欲困我以降厥任，
故予益勵志以濟于艱，揭竿爲旗，
氓隸之徒四集。投膠饗士，父子之
兵一心。以弱制彊，或攻人之不備，
以寡敵衆，常設伏以出奇。卒能以
大義而勝凶殘，以至仁而易彊暴。
蒲藤之雷驅電掣，茶麟之竹破灰飛，
士氣以之益增，軍聲以之大振，陳
智山壽之徒，聞風而褫魄。方政李
安之輩，喘息以偷生，乘勝長驅，西
京既爲我有，選鋒進取，東都盡復
舊彊。寧橋之血成川，流腥萬里。

莽洞之屍滿野，遺臭千年。陳洽賊之腹心既梟其首。李亮賊之奸蠹，又殄厥身。王通理亂而焚者益焚，馬騏救鬭，而怒者益怒，彼志窮而力盡，束手待亡，我謀伐而心攻，不戰自屈，謂彼必改心而易慮，豈意復作孽以速辜。執一己之見，以嫁禍於他人，貪一時之功而貽笑於天下。遂使宣德之狡童，黷兵無厭。爰命柳昇之懦將，以油救焚，丁未九月柳昇引兵由溫邱而進，本年十月沐晟亦分途自雲南而來。予既選伏兵塞險以摧其鋒，後又調奇兵絕路以斷其食。十八日柳昇既爲我所攻，計墜於支稜之野。二十日柳昇又爲我所敗，身死於馬鞍之山。二十五日保定梁銘陣陷而喪軀。二十八日尚書李慶計窮而刎頸。我自迎刃而解，彼即倒戈相攻，繼而四面添兵以包圍，期以十月中旬而殄滅。爰選貔貅之士，申命爪牙之臣。象飲而江河乾，刀磨而山石缺。一鼓而鯨剗鱷斷。再鼓而鳥散麏驚。決

潰蟻於崩堤，振剛風於枯葉。都督
雀聚膝行而送款。尚書黃福面縛而
就擒。僵屍塞於涼山諒江之途，濺
血赤於昌江平灘之水，風雲爲之變
色。日月慘以無光。其雲南兵爲我
軍所扼於犁花，自恫疑虛喝而先已
破膽。其沐晟衆爲我軍所敗於芹站，
遂蹶踏奔潰而僅得脫身。冷溝之血
杵流，江水爲之嗚咽，丹舍之屍山
赤，野草爲之殷紅。兩路救兵，既
不旋踵而俱敗，各城窮寇率相解甲
以出降．賊首成擒．彼既掉殘卒乞
憐之尾．神武不殺、我亦體上帝好
生之心，參政方政，內官馬騏等，
先給船五百艘既渡海而猶且魂驚魄
散，總兵王通，參政馬騏等，又給
馬數千匹已還國而益自股慄心驚·
彼既畏死貪生而修好有誠，余以全
軍爲上而與民得息。非惟謀計之極
其深遠，抑亦古今之所未見聞。社

稷以之奠安，山川以之改觀。乾坤
既否而復泰，日月既晦而復明。于
以開萬世太平之基，于以雪千古無
窮之耻，盖由天地祖宗之靈有以陰相
默佑而致然也。於戲，一戎大定，
迄成無競之功，四海永清，誕播維
新之誥。播告天下，咸使聞知。

oOo

Phiên âm

BÌNH NGÔ ĐẠI CÁO. *MẬU THÂN.*

Đại thiên hành hóa, Hoàng Đế nhược viết : Nhân nghĩa chi cử vụ tại an dân. Điếu phạt chi sư, tất tiên khử bạo. Duy ngã Đại Việt chi quốc, thực vi văn hiến chi bang. Sơn xuyên chi phong vực kỳ thù, nam bắc chi phong tục diệc dị. Việt Triệu Đinh Lý Trần chi triệu tạo ngã quốc, dữ Hán Đường Tống Nguyên, nhi các đế nhất phương. Tuy cường nhược thời hoặc bất đồng, nhi hào kiệt thế vị thường phạp. Cố Lưu Cung tham công nhi thủ bại, Triệu Tiết hiếu đại nhi thú vong. Toa Đô ký cầm ư Hàm Tử Quan. Ô Mã hựu ê ư Bạch Đằng Hải. Kê chư vãng cổ. Quyết hữu minh trưng. Khoảnh, nhân Hồ chính chi phiền hà, chí sử nhân tâm chi oán bạn. Cuồng Minh tứ khích, nhân dĩ độc ngã dân. Ngụy đảng hoài gian, cánh dĩ mại ngã quốc. Hân thương sinh ư ngược diễm. Hãm xích tử ư họa khanh. Khi thiên võng dân, quỷ kế cái thiên vạn trạng. Liên binh kết hấn, nẫm ác đãi nhị thập niên. Bại nghĩa, thương nhân càn khôn cơ hồ dục tức. Trọng khoa hậu liễm, sơn trạch mi hữu kiết di. Khai kim trường tắc mạo lam chướng nhi phủ sơn đào sa. Thái minh châu tắc xúc giao long nhi căng yêu thốn hải. Nhiễu dân, thiết huyền lộc chi hãm tịnh. Điền vật c'ử : thúy cầm chi võng la. Côn trùng thảo mộc giai bất đắc dĩ toại kỳ sinh. Quan quả điên liên, câu bất hoạch dĩ an kỳ sở. Tuấn sinh linh chi huyết dĩ nhuận kiệt hiệt chi vẫn nha. Cực thổ mộc chi công dĩ sùng công tư chi giải vũ. Châu lý chi trinh dao trọng khốn. Lư diêm chi trữ trục giai không. Quyết đông hải chi ba bất túc dĩ trạc kỳ ô. Kh'nh nam sơn chi trúc bất túc dĩ thư kỳ ác. Thần nhân chi sở cộng phẫn, Thiên địa chi sở bất dung. Dư, phấn tích

Lam Sơn. Thế thân hoang dã. Niệm thế thù khởi khả cộng đái. Thệ nghịch tặc nan dữ câu sinh. Thống tâm tật thủ giả, thùy thập dư niên. Thường đảm ngọa tân giả cái phi nhất nhật. Phát phẫn vong thực, mỗi nghiên đàm thao lược chi thư. Tức cổ nghiệm kim, tế suy cứu hưng vong chi lý. Đồ hồi chi chí, ngụ mị bất vong. Đương nghĩa binh sơ khởi chi thời, chính tặc thế phương trương chi nhật. Nại dĩ nhân tài thu diệp, tuấn kiệt thần tinh. Bôn tẩu hậu tiên giả ký pháp kỳ nhân. Mưu mô duy ác giả, hựu quả kỳ trợ. Đặc dĩ cứu dân chi niệm, mỗi uất uất nhi dục đông. Cố ư đãi hiền chi xa, thường cấp cấp nhi hư tả. Nhiên kỳ đắc nhân chi hiệu, mang nhược vọng dương. Do kỷ chi tâm, thậm ư chửng nịch. Phẫn hung đồ chi vị điển. Niệm quốc bộ chi do truân. Linh Sơn chi thực tận kiêm tuần. Khôi huyện chi chúng vô nhất lữ. Cái, thiên dục khốn ngã dĩ giáng quyết nhiệm. Cố dư ích lệ chí dĩ tế vu gian. Yết can vi kỳ, manh lệ chi đồ tứ tập. Đầu giao hưởng sĩ, phụ tử chi binh nhất tâm. Dĩ nhược chế cường, hoặc công nhân chi bất bị. Dĩ quả địch chúng, thường thiết phục dĩ xuất kỳ, tốt năng dĩ đại nghĩa nhi thắng hung tàn. Dĩ chí nhân nhi dịch cường bạo. Bồ Đằng chi lối khu điện xế. Trà Lân chi trúc phá hôi phi. Sĩ khí dĩ chi ích tăng. Quân thanh dĩ chi đại chấn. Trần Trí, Sơn Thọ chi đồ văn phong nhi sĩ phách. Phương Chính, Lý An chi bối, suyễn tức dĩ du sinh. Thừa thắng trường khu, Tây kinh ký vi ngã hữu. Tuyển phong tiến thủ, Đông Đô tận phục cựu cương. Ninh Kiều chi huyết thành xuyên, lưu tinh vạn lý. Tụy Động chi thi mãn dã, di xú thiên niên. Trần Hiệp, tặc chi phúc tâm, ký kiêu kỳ thủ. Lý Lượng tặc chi gian đố, hựu điển quyết thân. Vương Thông lý loạn, nhi phần giả ích phần. Mã Anh cứu đấu

nhi nộ giả ích *nộ*. Bỉ chí cùng nhi lực tận, thúc thủ đãi vong. Ngã mưu phạt nhi tâm công, bất chiến tự khuất. Vị bỉ tất cải tâm nhi dịch lự, khởi ý phục tác nghiệt dĩ tốc cô. Chấp nhất kỷ chi kiến, dĩ giá họa ư tha nhân. Tham nhất thời chi công, nhi di tiếu ư thiên hạ. Tụy sử Tuyên Đức chi giảo đồng, độc binh vô yếm. Viên, mệnh Liễu Thăng chi nọa tướng, dĩ du cứu phần. Đinh mùi, cửu nguyệt. Liễu Thăng dẫn binh do Ôn Khưu nhi tiến. Bản niên, thập nguyệt, Mộc Thạnh diệc phân đồ tự Vân Nam nhi lai. Dư kỷ tuyển phục binh tắc hiểm dĩ tồi kỳ phong. Hậu hựu điều kỳ binh tuyệt lộ dĩ đoạn kỳ thực. Thập bát nhật, Liễu Thăng ký vi ngã sở công, kế trụy ư Chi Lăng chi dã. Nhị thập nhật, Liễu Thăng hựu vi ngã sở bại, thần tử ư Mã Yên chi sơn. Nhị thập ngũ nhật, Bảo Định Lương Minh trận hãm nhi táng khu. Nhị thập bát nhật, Thượng Thư Lý Khánh kế cùng nhi vẫn cảnh. Ngã tự nghinh nhẫn nhi giải. Bỉ tức đảo qua tương công. Kế nhi tứ diện thiêm binh dĩ bao vi, kỳ dĩ thập nguyệt trung tuần nhi điền diệt. Viên tuyển tỳ hưu chi sĩ, thân mệnh trảo nha chi thần. Tượng ẩm nhi giang hà can. Đao ma nhi thạch sơn khuyết. Nhất cổ nhi kình khô ngạc đoạn. Tái cổ nhi điểu tán quân kinh. Quyết hội nghị ư băng đê. Trấn cương phong ư khô diệp. Đô Đốc Thôi Tụ, tất hành nhi tống khoản. Thượng Thư Hoàng Phúc diện chuyên nhi tựu cầm. Cương thi tắc ư Lạng Sơn, Lạng Giang chi đồ. Tiễn huyết xích ư Sương giang, Bình than chi thủy. Phong vân vi chi biến sắc. Nhật nguyệt thảm dĩ vô quang. Kỳ, Vân Nam binh vi ngã binh sở ách ư Lê Hoa, tự đồng nghi hư xướng nhi tiên dĩ phá phủ. Kỳ Mộc Thạnh chúng vi ngã quân sở bại ư Cần Trạm, tụy lận tịch bôn hội nhi cận đắc thoát thân. Lãnh câu chi huyết chử lưu, giang thủy vị chi ô yết. Đan Xá chi thi sơn xích, dã thảo vị chi ân hồng. Lưỡng lộ cứu binh ký bất toàn chủng nhi câu bại.

Các thành cùng khấu, suất tương giải giáp dĩ xuất hàng. Tặc thủ thành cầm. Bỉ kỳ trạo tàn tốt khất lân chi vĩ, thần vũ bất sát, ngã diệc thể thượng đế hiếu sinh chi tâm. Tham Chính Phương Chính, Nội Quan Mã Kỳ đẳng, tiên cấp thuyền ngũ bách sưu, ký độ hải, nhi thả, hồn kinh. phách tán. Tổng Bình Vương Thông, Tham Chính Mã Ánh đẳng, hựu cấp mã sổ thiên sất, dĩ hoàn quốc nhi ích tự cổ lật, tâm kinh. Bỉ ký úy tử tham sinh, nhi tu hiếu hữu thành, dư dĩ toàn quân vi thượng, nhi dữ dân đắc tức. Phi duy mưu kế chi cực kỳ thâm viễn. Ức diệc cổ kim chi sở vị kiến văn. Xã tắc chi sở điện an. Sơn xuyên chi sở cải quan Càn khôn ký bĩ nhi phục thái. Nhật nguyệt ký hối nhi phục minh. Vu dĩ khai vạn thế thái bình chi cơ. Vu dĩ tuyết thiên cổ vô cùng chi xỉ. Cái do thiên địa tổ tôn chi linh, hữu dĩ âm tướng, mặc hữu nhi chí nhiên dã.

Ô hy.— Nhất nhung đại định, hất thành vô cạnh chi công. Tứ hải vĩnh thanh, đản bá duy tân chi cáo.

Bá cáo thiên hạ, Hàm sử văn tri.

Chú thích : Bài này đã dịch trong Việt Nam Sử Lược Trần Trọng Kim và đăng trong nhiều sách giáo khoa.

oOo

8.— 謝詔赦交阯表 戊申.

安南國大頭目臣，黎某并耆老人黎
文靈，阮薦等，誠惶誠恐，謹上言。
宣德三年三月初八日，伏覩詔書，
大赦交阯，及諭臣自今宜安民保境，
朝貢仍遵洪武舊例，謹具表稱謝者。
伏以雲行雨施，濡聖化於九天，鳳
翥鸞翔，布寵光於遐裔，歡騰嶺海，
喜溢臣民，恭惟：睿哲聰明，聖神
文武，興滅繼絕，祇紹述於祖宗，
罷兵息民，用輯寧於華夏，大普乾
坤之量，廣覃雨露之恩，怜臣荒服
之民，置之不問，赦臣丘山之罪，
咸與維新。敷文德而耆武功，懷遠
人而安中國。是以保祚延長，而永
致太平之效也。臣棲身海嶠，待命
闕庭，奉大國以敬天，謹守一隅之
地，望紫宸而祝聖，遠馳萬里之誠。
臣等下情，云云

Phiên âm

TẠ CHIẾU XÁ GIAO-CHỈ BIỂU. *MẬU THÂN.*

An Nam quốc, đại Đầu Mục thần, Lê Mỗ, tinh kỳ lão nhân, Lê Văn Linh, Nguyễn Trãi đẳng, thành hoảng, thành khủng, cẩn thượng ngôn : Tuyên Đức tam niên, tam nguyệt, sơ bát nhật, phục đổ chiếu thư, đại xá Giao-Chỉ, cập dụ thần

tự kim nghi an dân, bảo cảnh, triều cống nhưng tuân Hồng Vũ cựu lệ. Cẩn cụ biểu xưng tạ giả. Phục dĩ, vân hành, vũ thí, nhu thánh hóa ư cửu thiên, phụng chứ, loan tường, bố sủng quang ư hà duệ, hoan đằng lĩnh hải, hỷ dật thần dân. Cung duy :

Duệ triết thông minh, thánh thần, văn vũ. Hưng diệt, kế tuyệt, chi thiệu thuật, ư tổ tôn. Bãi binh tức dân, dụng tập ninh ư hoa hạ. Đại phổ càn khôn chi lượng, quảng đàm vũ lộ chi ân. Linh thần hoang-phục chi dân, trí chi, bất vấn. Xá thần khưu sơn chi tội hàm dữ duy tân. Phu văn đức nhi kỳ vũ công. Hoài viễn nhân nhi an trung quốc. Thị dĩ bảo tộ diên trường, nhi vĩnh chi thái bình chi hiệu dã. Thần thế thân hải kiệu, đãi mệnh khuyết đình. Phụng đại quốc dĩ kính thiên, cẩn thủ nhất ngung chi địa. Vọng tử thần nhi chúc thánh, dao trì vạn lý chi thành.

Thần đẳng hạ tình, vân, vân,

Dịch nghĩa

BIỂU TẠ CHIẾU ! XÁ TỘI GIAO CHỈ, *MẬU THÂN*

Đại Đầu Mục nước An Nam, thần, Lê Mỗ, cùng bọn kỳ lão là Lê Văn Linh, Nguyễn Trãi, sợ hãi ,dâng biểu :

Tuyên Đức năm thứ Ba, tháng ba, ngày mùng tám, được thấy chiếu thư, đại xá Giao-Chỉ, và dụ thần, từ nay yên nhân dân, giữ bờ cõi, triều cống thì cứ theo lệ Hồng Vũ trước. Kính xin dâng biểu tạ ơn. Mây đưa, mưa tới, chín cõi nhuần thấm đức cao. Phụng múa, loan bay, đất xa ngửa trông ánh sáng. Chung vui núi bể, mừng rỡ thần dân. Kính biết :

Đức vua, tuấn triết thông minh, thánh thần văn vũ. Gây dựng nước tan, nối lại họ mất. Rõ ràng theo dõi tổ tôn. Bãi bỏ

việc chiến, cốt để dân yên, chăm gắng hòa vui, hoa, hạ. Mọi cõi hưởng ơn mưa móc. Muôn dân thấy lượng đất trời. Thương cho thần, việc tại xứ hoang, coi việc không chấp. Tha cho thần, tội như gò núi, sửa tội nên công. Thi văn đức, để tăng vũ công. Giúp ngoại bang, để yên trung quốc. Vì thế, truyền dõi đời đời, thái bình vĩnh viễn. Thần nương thân nơi núi bể, đợi mệnh tự triều đình. Thờ đại quốc để biết kính trời cao, giữ yên khoảnh đất. Ngóng đầu tinh, để theo thánh hóa, xa thẳm muôn trùng. Thần đẳng kính xin vân, vân ...

oOo

10.— 謝册封表

（辛亥順天四年，遣正使黎
汝覽，副使何栗求封）.

安南權署國事臣黎某，誠惶云云…
謹上言：宣德五年十月十一日伏覩
欽差天使右侍郎張敞，通政使徐琦，
齎捧詔書一道，印章一顆，命臣權
署國事，臣與一國之人莫不歡忻踴
躍。謹奉表稱謝者，伏以恩認渙頒，
春滿龍編之地。印章寵錫光生象郡
之區，喜溢臣民，歡騰嶺嶠，竊念
臣僻居荒裔，蔓隔中華，當流離失
所之時，竄身無地而倉卒求生之際，
獲罪于天鑄錯有由，嗑臍何及，乾坤
至大，獨恰無路以自新。日月並明，
常恐覆盆之難照。每披肝而衷籲，
終蹐地以自慚。海岳偷生，已分苟
延於殘喘。朝廷柔遠，豈期更荷於
洪恩。非惟感湯網之寬仁，又幸沐
堯天之雨露。恭惟

剛健中正，徽柔懿恭。守成以文，
遵皇祖之明訓。止戈為武，體上帝
之好生，恰臣一方彫瘵之民，赦臣積
年深重之罪，特垂寬宥，曲賜保全。
臣敢不思蓋前愆。勉圖後效。敬天
事大，惟殫小國之誠。保境安民，恰
守藩臣之職。望紫宸而三祝。祈聖
壽於萬年。臣所有進貢方物，另具
本，差陪臣阮文絢，阮宗贄等，齎
捧赴京謝恩。外謹奉表上以聞。

oOo

Phiên âm

TẠ SÁCH PHONG BIỂU.

(Tân hợi. Thuận Thiên tứ niên. Khiển Chính Sứ Lê Nhữ Lãm, Phó Sứ Hà Phiếu cầu phong).

An Nam quyền thự quốc sự, thần Lê Mỗ, thành hoảng, vân, vân, cẩn thượng ngôn : Tuyên Đức ngũ niên, thập nguyệt, thập nhất nhật, phục đổ Khâm-Sai, Thiên sứ Hữu Thị Lang, Trương Sưởng, Thông Chính Sứ Từ Kỳ, lãi phủng chiếu thư nhất đạo, ấn chương nhất khỏa, mệnh thần quyền thự quốc sự. Thần dữ nhất quốc chi nhân, mạc bất hoan hân dũng dược. Cẩn phụng biểu xưng tạ giả, Phục dĩ, ân chiếu hoán ban, xuân mãn Long-Biên chi địa ; ấn chương sủng tích, quang sinh Tượng Quận chi khu. Hỷ dật thần dân, hoan đằng lĩnh kiệu. Thiết niệm thần tịch cư hoang duệ, mạn cách Trung Hoa. Đương lưu ly thất sở chi thời, thoán thân vô địa. nhi thảng thốt cầu sinh chi tế, hoạch tội vu thiên, chú thác hữu do, phệ tề hà cập. Càn khôn chí đại, độc linh vô lộ dĩ tự tân, Nhật nguyệt tịnh minh, thường khủng phúc bồn chi nan chiếu. Mỗi phi can nhi ai dụ, chung tích địa dĩ tự tàm, Hải nhạc thâu sinh, dĩ phận cầu diêu ư tàn suyễn. Triều đình nhu viễn, khởi kỳ canh hạ ư hồng ân. Phi duy cảm Thang-cương chi khoan nhân, hựu hạnh mộc Nghiêu thiên chi vũ lộ. Cung duy :

Cương kiện trung chính, huy nhu, ý cung. Thủ thành dĩ văn, tuân hoàng tổ chi minh huấn. Chỉ qua vi vũ, thể thượng đế chi hiếu sinh. Linh thần nhất phương điêu sái chi dân, xá thần tích niên thâm trọng chi tội. Đặc thùy khoan hựu. Khúc tứ bảo toàn. Thần cảm bất tư cải tiền khiên, miễn đồ hậu hiệu

Kính thiên sự đại, duy đàn tiểu quốc chi thành. Bảo cảnh, an dân, kháp thủ phiên thần chi chức. Vọng Tử thần chi tam chúc Kỳ thánh thọ ư vạn niên.

Thần sở hữu tiến cống phương vật, lánh cụ bản, sai bồi thần, Nguyễn văn Huyến, Nguyễn Tôn Chí đẳng, lãi phủng phó Kinh tạ ân. Ngoại cẩn phụng biểu thượng dĩ văn.

Dịch nghĩa

BIỂU TẠ ƠN SẮC PHONG

(Năm Tân Hợi, niên hiệu Thuận Thiên, Năm thứ tư, sai Chính sứ là Lê Nhữ Lãm, Phó sứ là Hà Phiếu sang Tàu cầu phong).

Quyền coi việc nước An Nam là thần, Lê Mỗ, sợ hãi tâu lên: Niên hiệu Tuyên Đức thứ năm, tháng mười, ngày mười được đón Thiên sứ, Khâm sai, Hữu Thị Lang, Trương Sưởng, Thông Chính sứ, Từ Kỳ, phụng mang một chiếu thư, một hộp ấn tín, tới mệnh cho thần quyền coi việc nước. Thần cùng người trong nước, vui mừng khôn xiết, kính dâng biểu tạ ơn. Kính nghĩ :

Ân chiếu ban ra, đất Long Biên hơi xuân ấm. Ấn chương thưởng tới, nơi Tượng Quận sáng trưng. Thiết nghĩ thần, Ẩn nơi hoang dã. Xa cách Trung Hoa. Đương khi mất đất lưu ly, không còn chỗ ở, là lúc vào vòng tai họa, mắc tội với trời. Lầm lỡ vì đâu. Hối lại sao kịp. Càn khôn cao cả, riêng ngại hết lối được sửa mình. Nhật nguyệt sáng trưng, vẫn lo sấp mình không hưởng sáng. Những mong vạch gan cùng than thở, rồi chỉ cúi mặt mà thẹn thùng. Gốc bể lại tới chân trời, sống trộm mong xong một kiếp. Trong triều lo cho ngoài cõi, ơn trên

đâu nghĩ có ngày. Không riêng ơn đạo Thang, khoan nhân. Mà còn gội trời Nghiêu, mưa móc.

Kính tâu :

Đức vua, Trung chính cương nghị, cung thuận lễ nghi. Giữ nước lấy văn, truyền lại tiên vương di huấn. Xếp gươm là vũ, theo lòng thượng đế hiếu sinh. Thương cho thần là dân cùng khổ một phương. Xá cho thần lâu năm tích lũy nhiều tội, Đặc cách khoan thứ. Ra ơn bảo toàn Đâu dám không : Nghĩ tới tội xưa. Mưu nên công mới. Kính trời thờ nước lớn, tiểu quốc phải thành tâm. Giữ cõi yên nhân dân, chư hầu đúng phận sự. Ngó đẩu tinh, đọc câu tam chúc. Mong thánh thọ, cầu tuổi vạn niên.

Thần có tiến cống phẩm vật trong nước, kê thành một bản, sai bồi thần là lũ Lê Văn Huyến, Nguyễn Tôn Chí, mang tới Kinh tạ ơn. Ngoài ra, kính phụng biểu, lượng trên soi xét.

oOo

11. 令百官毋作慶賀禮儀詔。 出通史

順天庚戌三年六月詔曰：崇宮室而高臺榭，必興驕侈之風，從己欲而抑人心，必致百年之怨，朕甚愧焉，凡思宏模壯觀之，規是皆軍人勞苦之力，安焉自處猶恐弗堪，而文武臣僚擬備登殿宴賀禮儀，甚乖本意，其令百官毋得作虛頌功德，及盛陳慶賀燕飲禮儀。

Phiên âm

LỊNH BÁCH QUAN VÔ TÁC KHÁNH HẠ LỄ NGHI CHIẾU.
XUẤT THÔNG SỬ

Thuận Thiên, canh tuất, tam niên, lục nguyệt, chiếu viết:

Sùng cung thất, nhi cao đài tạ, tất hứng kiêu xỉ chi phong. Tòng kỷ dục nhi ức nhân tâm, tất chí bách niên chi oán. Trẫm thậm quí yên. Phàm tư hoằng mô tráng quan chi quy, thị giai quân nhân lao khổ chi lực. An yên tự xử do khủng phất kham. Nhi văn vũ thần liệu nghĩ bị đăng điện, yến hạ lễ nghi, thậm quái thao ý. Kỳ linh bách quan vô đắc tác hư tụng công đức, cập thịnh trần khánh hạ yến ẩm lễ nghi.

Dịch nghĩa

TỜ CHIẾU LỊNH CHO BÁCH QUAN KHÔNG ĐƯỢC
ĐẶT LỄ MỪNG. *THEO SỬ*.

Năm canh tuất, niên hiệu Thuận Thiên, năm thứ ba, tháng sáu. Chiếu rằng : Đẹp cung thất, mà cao đài gác, tất gây

thói kiêu sa. Theo sở thích mà ức lòng người, tất bị oán suốt đời. Trẫm rất ngại. Phàm các cách thức xây dựng cho tráng lệ, là do công lao khó nhọc của quân nhân. Ở được e cũng không yên tâm. Mà văn vũ bách quan cứ sửa soạn lễ nghi yến tiệc ăn mừng thì rất không phải.

Lệnh cho các quan không chúc tụng công đức, cũng không đặt lễ nghi yến tiệc, khánh hạ.

oOo

11.— 禁大臣及總管諸院省局等急詔
官貪庚戌三年七月．

七月詔日．與治同道罔不興．與亂同事罔不亡，是以善為治者，擇其善而從之．傳曰：善人不善人之師。不善人之資。詩云：殷監不遠，左夏后之世．我之諸臣可以取法於此矣．在昔陳氏，持其富強，不恤民困，惟玩好是耽，酒色是樂，無益之事日交於前，賭博鬪碁，鬪鷄放鴿，盆畜花金之魚，檻養山林之鳥，誇珍小小之器能，以角勝負。亡却堂堂之天下，曾不顧懷．寃枉枸於損害之守，或一三年而不對。親疏屈於內豎之手，或二三月而不行，相將植朋黨之私。朝庭乏諫諍之士，以至親子親孫，陷害於奸臣之巧計。大權大計，轉移於親戚之佞人，民心怨謗而不知，天心譴責而不悟。政教以之而陵夷，綱紀以之而紊亂，雖云胡氏之不忠，亦由天厭其德，而假之他人也。胡氏既以姦智而奪人國，又以姦智而害人情，寶鈔之令一行，而人人怨於傷生．還民之法一施而人人怨其失所．加以賦繁役重，法悏刑嚴，惟務益己以肥家，不念妨民而害國，愛昵偏私宗族卑者尊顯之，憸小諂諛者

寵用之，因喜而賞，因怒而刑。忠直
鉗口，良善含冤。而猶驕傲以自尊，
不畏天命而羅毒荼。雖云吳賊貪殘，
亦由天厭其逆，而假之他人也。及
吳之得國，不能代虐以寬，益加殘
暴，專殺戮以為威。視人命如草芥
，俘繫我民之妻子，發掘我國之園
陵。禁鹹魚以困民之食。索錦帛以
爭民之衣，金
玉盡於搜求，犀象勞於供貢。政苛
刑慘。民不聊生，無辜籲天，忠義
切齒，咸願劫死，以滅賊讐。是以
義旗一麾，四方蜂起，而吳衆遂以
敗滅。蓋徒知取之以暴，而不知撫
之以恩也。雖我以大義而得人心，亦
由天厭其害而托之於我也。良由居
官任職者。上不能體人主之心，下
不能施勤恤之政，內則敵惡於君，
外則朋黨於東。曾無狗國之忠，惟務
益身之討。州使國敗家亡，軍臣俱
辱，可不監哉。朕夙興夜寐，未嘗
頃刻而忘于懷者。深恐前車既覆，而
後車亦陷之也。故九成卿等，皆詐
詐反覆，不止千言萬言，九諭十諭，
而卿等視為虛文，不曾改前日之過，
不曾遵勸懲之言，往往屢為不法。
慢上逆下。夫舊有勳勞，持功驕恣，
而所狂事哉，過誤，猶隨其事之輕重，
而斟酌之，或可恕，或不可恕，或
新進之人，見其軍勢已盛，國事已

成，而備緣幸過，圖取功名．乃是
因人成事之人，而所犯事非過誤，其
可曲法而赦之乎。今已禁約戒懲如
此．而猶不聽不悛，是乃自取滅亡．
非朕之過也。今日大臣總管，下至
隊長，及諸院省局等官，凡有管軍
治民之職，皆宜公平用法，勤敏為
政。事君則盡其忠，與衆則盡其和．
革貪污之風，除怠慢之弊．絕其朋
黨之私慾其故犯之態。以國家之任
為己任。以生民之憂為己憂．竭力
盡忠扶持王室，使社稷安如泰山，
基圖固如磐石．以與朕共享祿位於
當今，共傳聲名於後世。君臣大義．
始終保全是豈不甚美哉於戲，琴瑟
不調，則當易弦改調以求．車既覆，
則當改轍易行以遂正道。凡我有官
君子，尚鑒于茲。布告中外臣僚，
令咸知悉

oOo

Phiên âm

CẤM ĐẠI THẦN TỔNG QUẢN, CẬP CHƯ VIỆN, TỈNH, CỤC ĐẲNG QUAN THAM ĐÃI. CANH TUẤT, TAM NIÊN, THẤT NGUYỆT.

Thất nguyệt chiếu viết: Dữ trị đồng, đạo võng bất hưng. Dữ loạn đồng, sự võng bất vương. Thị dĩ thiện vi trị giả, trạch kỳ thiện nhi tòng chi. Truyện viết: Thiện nhân, bất thiện nhân chi sư. Bất thiện nhân, thiện nhân chi tư. Thi vân: Quyết giám bất viễn. Tại Hạ Hậu chi thế.

Ngã chi khả dĩ thủ pháp ư thử hỹ. Tại tích, Trần thị, thị kỳ phú cường, bất tuất dân khốn, duy ngoạn hảo, thị đam, tửu sắc thị lạc, vô ích ư sự, nhật giao ư tiền, đồ bác đấu kỳ, đấu kê phóng cáp, bồn xúc hoa kim chi ngư, hạm dưỡng sơn lâm chi điều, khoa trân tiểu tiểu chi khí năng, dĩ giốc thắng phụ, vong khước đường đường chi thiên hạ, tằng bất cố hoài. Oan uổng câu ư tồn hại chi thủ, hoặc nhất tam niên nhi bất đối. Thần sớ khuất ư Nội thụ chi thủ hoặc nhị tam nguyệt nhi bất hành. Tướng tướng thực bằng đảng chi tư. Triều đình phạp gián tránh chi sĩ. Dĩ chí, thân tử, thân tôn, hãm hại ư gian thần chi xảo kế. Đại quyền, đại kế, chuyển di ư thân thích chi nịnh nhân. Dân tâm oán báng nhi bất tri, thiên tâm khiển trách nhi bất cụ. Chính giáo dĩ chi nhi lăng di, cương kỷ dĩ chi nhi vấn loạn. Tuy vân Hồ thị chi bất trung, diệc do thiên yếm kỳ đức, nhi dả chi tha nhân dã. Hồ thị kỳ dĩ gian trí nhi đoạt nhân quốc, hựu dĩ gian trí nhi hiếp nhân tình. Bảo-sao chi lịnh nhất hành, nhi nhân nhân oán ư thương sinh. Thiên dân chi pháp nhất thi, nhi nhân nhân oán kỳ thất sở. Gia dĩ, phú phiền, dịch trọng, pháp tuấn, hình nghiêm. Duy vụ ích kỷ dĩ phì gia. Bất niệm phương dân nhi hại quốc. Ái nật thiên tư, tôn tộc, ty giả tôn hiền chi. Dụ tiểu siểm du giả, sủng

dụng chi. Nhân hỷ nhi thưởng, nhân nộ nhi hình. Trung trực kiềm khẩu. Lương thiện hàm oan. Nhi do kiêu ngạo dĩ tự tôn. Bất úy thiên mệnh nhi li độc đồ. Tuy vân Ngô tặc tham tàn, diệc do thiên yếm kỳ nghịch, nhi dả chi tha nhân dã. Cập Ngô chi đắc quốc, bất năng đại ngược dĩ khoan, ích gia tàn bạo, chuyên sát lục dĩ vi uy, thị nhân mệnh như thảo giới, phù hệ ngã dân chi thê tử, phát quật ngã quốc chi viên lăng. Cấm hàm ngư dĩ khốn dân chi thực. Sách cầm bạch dĩ tranh dân chi y, Kim ngọc tận ư sưu cầu. Tê tượng lao ư cung cống. Chính hà hình thảm. Dân bất liêu sinh. Vô cô dụ thiên. Trung nghĩa thiết xỉ, hàm nguyện hiệu tử, dĩ diệt tặc thù. Thị dĩ nghĩa kỳ nhất huy, tứ phương phong khởi, nhi Ngô chúng tụy dĩ bại diệt. Cái đồ tri thủ chi dĩ bạo nhi bất tri phủ chi dĩ ân dã. Tuy ngã dĩ đại nghĩa nhi đắc nhân tâm, diệc do thiên yếm kỳ hại nhi thác chi ư ngã dã. Lương do, cư quan nhậm chức giả, thượng bất năng thể nhân chủ chi tâm, hạ bất năng thi cần tuất chi chính. Nội tắc tế ác ư quân, ngoại tắc bằng đảng ư chúng. Tằng vô tuẫn quốc chi trung, duy vụ ích thân chi kế. Chí sử quốc bại, gia vong, quân thần câu nhục, khả bất giám tai. Trẫm, túc hưng, dạ mị, vị thường khoảnh khắc nhi vong vu hoài giả. Thâm khủng tiền xa kỳ phúc, nhi hậu xa diệc đạo chi dã. Cố cửu giới khanh đẳng, giai truân truân phản phúc, bất chỉ thiên ngôn, vạn ngôn, cửu dụ, thập dụ. Nhi khanh đẳng thị vi hư văn bất tằng cải tiền nhật chi quá, bất tằng tuân khuyến trừng chi ngôn. Vãng vãng lũ vi bất pháp. Mạn thượng nghịch hạ. Phù cựu hữu huân lao, thị công kiêu tứ, nhi sở phạm sự hoặc quá ngộ, do tùy kỳ sự chi khinh trọng, nhi châm chước chi, hoặc khả thứ, hoặc bất khả thứ, hoặc tân tiến chi nhân, kiến kỳ quân thế dĩ thịnh, quốc sự dĩ thành, nhi di duyên hạnh ngộ,

đồ thủ công danh, nãi thị nhân nhân thành sự chi nhân nhi sở phạm sự phi quá ngộ, kỳ khả khúc pháp nhi xá chi hồ. Kim dĩ cấm ước, giới trừng như thử, nhi do bất thính, bất tuân, thị nãi tự thủ diệt vong, phi trẫm chi quá dã. Kim nhật đại thần tổng quản, hạ chí đội trưởng, cập chư viện, tỉnh, cục đẳng quan, phàm hữu quản quân, trị dân chi chức, giai nghi công bình dụng pháp, cần mẫn vi chính. Sự quân tắc tận kỳ trung. Dữ chúng tắc tận kỳ hòa. Cách tham ô chi phong, trừ đãi mạn chi tệ. Tuyệt kỳ bằng đảng chi tư, trừng kỳ cố phạm chi thái. Dĩ quốc gia chi nhiệm vi kỷ nhiệm. Dĩ sinh dân chi ưu vi kỷ ưu. Kiệt lực tận trung. Phù trì vương thất. Sử xã tắc an như Thái sơn, cơ đồ cố như bàn thạch. Dĩ dữ trẫm cộng hưởng lộc vị ư đương kim, cộng truyền thanh danh ư hậu thế. Quân thần đại nghĩa, thủy chung bảo toàn. Thị khởi bất thậm mỹ tai.

Ô hy. Cầm sắt bất điều, tắc đương dịch huyền cải điệu dĩ cầu chính thanh. Tiền xa ký phúc, tắc đương cải triệt dịch hành, dĩ tuân chính đạo. Phàm ngã hữu quan quân tử, thượng giám vu tư. Bố cáo trung ngoại thần liêu, linh hàm tri tất.

Dịch nghĩa.

CHIẾU CẤM ĐẠI THẦN, TỔNG QUẢN, CÙNG CÁC QUAN Ở VIỆN, TỈNH, CỤC, KHÔNG ĐƯỢC THAM NHŨNG BIẾNG NHÁC

Canh tuất năm thứ ba, tháng bảy.

Tháng bảy, vua có chiếu :

Cùng với người chính làm việc, thì việc gì mà không thành,

cùng với người tà làm việc, thì việc gì mà không hỏng. Cho nên người hay mà trị nước, thì cứ chọn điều hay để làm. Sách Truyện có nói : Người hay là thầy người không hay. Người không hay là vật dùng của người hay. Kinh Thi có nói : Gương soi không xa ở đời nhà Hạ.

Quân thần ta nên lấy đó làm phép. Ta xét ngay như họ Trần, cậy đã giàu mạnh, không thương dân khổ chỉ đam mê về sở thích. Lấy tửu sắc làm vui, hàng ngày chỉ làm những công việc vô ích : đánh cờ, đánh bạc, chọi gà, chọi chim, nuôi cá vàng, nuôi chim lạ, bầy các trò lặt vặt, ganh nhau được thua. Việc nước to tát bao la, không hề đoái hoài. Người oan uổng bị quận thủ giam giữ, vài ba năm không hỏi tới. Các sớ tấu bị nội giám lưu lại vài ba tháng không thi hành. Tể tướng gây riêng bè phái. Triều đình thiếu hẳn Gián quan. Thần đến là con, là cháu mà bị hại về mưu giảo quyệt gian thần. Quyền lớn, chức cao mà rơi vào tay bọn tôi tớ thân nhân. Dân chê mà không biết, trời trách mà không lo. Chính giáo vì thế mất kỷ cương, vì thế sinh hỗn loạn. Tuy vì Hồ thị bất trung, nhưng cũng tại trời ghét thiếu đức, mà trao cho người khác. Họ Hồ đã lấy trí gian cướp nước, rồi lại lấy trí gian uy hiếp nhân tình. Lịnh bảo-sao (chế tiền bạc giấy) ban ra mà người người đều oán về khó mưu sinh. Phép di dân thi hành mà người người đều oán về mất cơ sở. Lại thêm thuế má nhiều, phu dịch nặng, phép nghiệt, hình nghiêm. Chỉ chăm lợi cho thân mình, giàu cho nhà mình, bất chấp hại dân, mất nước. Trong thân tộc, cư sử thiên vị. Hạng hèn kém thì coi tôn quý, hạng xiểm nịnh thì được tin dùng. Khi vui thì thưởng, khi giận thì phạt. Người trung trực

khóa miệng, người lương thiện ngậm oan. Thế mà còn kiêu ngạo tự tôn, không sợ mệnh trời, cứ làm việc ác. Tuy bảo là giặc Ngô tham tàn, nhưng cũng là trời đã ghét kẻ nghịch, mới trao cho người khác. Đến khi Ngô lấy được nước, thì lại không biết lấy khoan thay ngược, càng thêm tàn bạo, chuyên giết người cho là oai, coi mạng người như cỏ rác. Bắt hiếp vợ con dân ta, khai quật lăng tẩm nước ta. Cấm làm cá, làm muối, để dân tới đói khổ. Lấy vóc,lấy vải để dân không áo mặc.Thu hết châu ngọc,bắt dân tìm sừng tê, ngà voi. Dân không thiết sống, chỉ còn kêu trời. Người trung nghĩa thì nghiến răng, mong diệt được kẻ thù, có chết cũng cam tâm. Cho nên một khi cờ nghĩa phất lên, là bốn phương đứng dậy. Rồi mà giặc Ngô tuyệt diệt. Xét chúng chỉ biết dùng bạo cướp nước, không biết lấy ân thương dân. Tuy rằng ta lấy đại nghĩa được nhân tâm, nhưng cũng là do trời đã ghét giặc mà giao việc cho ta. Chính bởi bọn quan chức, đối trên không biết thể theo ý chủ, đối dưới không biết chăm lo chính trị. Trong triều thì che dấu điều xấu. Ngoài triều thì lập thành bè đảng. Không biết trung với nước, chỉ mưu ích cho thân, Cho đến nỗi nước mất nhà tan, vua tôi đều nhục. Gương đó cần soi.

Trẫm ngày làm đêm nghĩ, chưa thường một thoáng mà quên lo. Rất sợ xe trước đã đổ, xe sau lại đi vào vết cũ. Cho nên hằng răn các khanh phải luôn luôn suy xét, đừng có thấy nghìn lời, vạn lời, chín khuyên, mười khuyên, lại cho là nhàm mà không đổi lỗi trước, không nghe lời răn. Rồi đến làm việc phạm phép,khinh dưới nhờn trên.Các người cũ có công to, cậy công, ngang ngược, hoặc vì lầm lỡ mà phạm lỗi, cũng còn theo nặng nhẹ, mà luận tội, hoặc tha, hoặc không tha. Còn người mới được tiến cử, thấy binh-thế đã mạnh, quốc

sự đã thành, may mắn gặp vận muốn lập công danh, nhân nhờ người cũ, rồi không phải vì lầm lỡ, cứ cố làm nên tội, thế thì có thể uốn lại pháp luật, mà tha được không. Huống nay lệnh cấm đã rõ ràng ban bố mà còn không theo, không kính, thế là tự chuốc lấy chết, đâu có phải lỗi ở trẫm. Từ nay, các Đại thần, Tổng quản cho tới Đội trưởng, cùng các quan ở Viện, Tỉnh, Cục, phàm đã ở chức coi quân, ở chức trị dân, đều phải dùng phép cho công bình, làm việc cho cần mẫn. Thờ vua thì hết trung, đối dân thì rất hòa. Bỏ lối tham ô, trừ tệ lười nhác. Trừ tính họp đảng riêng, răn cách cố phạm lỗi. Coi việc nước như việc mình, thấy dân lo là mình lo. Kiệt lực tận trung để giúp nhà vua. Làm cho xã tắc yên như Thái Sơn, cơ đồ vững như Bàn thạch. Cùng trẫm hưởng lộc vị ngày nay, rồi truyền thanh danh đời sau. Nghĩa cả vua tôi, trước sau toàn vẹn. Như thế chả đẹp lắm sao.

Vậy nên : Đàn gảy không điều hòa, thì phải đổi giây, đổi điệu, để tới điệu chinh. Xe trước đã nghiêng đổ, thì phải đổi vết, đổi đường, để đi vào đường ngay.

Phàm các quan của ta đều là người hay, nên soi gương đó. Bố cáo quan liêu trong ngoài, khiến cùng được biết.



12.— 命思齊攝事詔　出通史

辛亥四年詔曰：經綸天下之道，必謀始以要終。立法以垂後，故父作子述而道益昌，兄繼弟承，而國本益固。古先哲王之慮事深且遠矣。朕躬環甲胄冒霜露雪十有三年，亦甚勞矣。今智慮稍怠，春秋日高，萬幾甚繁，尤難獨理，深思古者以經行權，而合聖賢之道。立兄傳弟而延歷祚之長，酬酌時宜，立爲定法。思齊年踰弱冠，性近成人，雖思慮未盡周密精微，而耳目亦已見聞事體，且當監攝，以助朕躬。元龍性雖明敏，而年尚幼冲，且宜儲養青宮，待成純德。若思齊方臨朝聽政，則元龍監國撫軍。一遵趙宋故事。後世子孫亦當以義相繼傳之無窮。厥後或有不聽朕言妄生異議，引趙普詿誤之言，變易朕明詔一定之制，是乃諂佞徒，以爲他日之資，欲與莽操同事，非爲國盡忠之道也，法所不容，今詔示文武臣僚，使知嗣王先定之義。解言論不一之疑。凡爾臣民諒宜知悉

Phiên âm

MỆNH TƯ TỀ NHIẾP SỰ CHIẾU.　(XUẤT THÔNG SỬ)

Tân hợi tứ niên, chiếu viết : Kinh luân thiên hạ chi đạo, tất mưu thủy dĩ yếu chung, lập pháp dĩ thũy hậu. Cố phụ tác,

tử thuật nhi gia đạo ích xương; huynh kế đệ thừa, nhi quốc bản ích cố. Cổ tiên triết vương chi lự sự thâm thả viễn hỹ. Trẫm cung hoàn giáp trụ, mạo sương lộ tuyết, thập hữu tam niên, diệc thậm lao hỹ. Kim trí lự sảo đãi, xuân thu nhật cao, vạn cơ thậm phiền, vưu nan độc lý. Thâm tư cổ giả, dĩ kinh hành quyền, nhi hợp thánh hiền chi đạo. Lập huynh truyền đệ, nhi diên lịch tộ chi trường. Châm chước thời nghi, lập vi định pháp. Tư Tề niên du nhược quán, tính cận thành nhân. Tuy tư lự vị tận chu mật tinh vi, nhi nhĩ mục diệc dĩ kiến văn sự thể, thả đương giám, nhiếp, dĩ trợ trẫm cung. Nguyên Long tính tuy minh mẫn, nhi niên thượng ấu sung, Thả nghi trừ dưỡng Thanh Cung, đãi thành thuần đức. Nhược Tư Tề phương lâm triều thính chính, tắc Nguyên Long giám quốc phủ quân. Nhất tuân Triệu Tống cố sự. Hậu thế tử tôn diệc đương dĩ nghĩa tương kế, truyền chi vô cùng. Quyết hậu hoặc hữu bất thính trẫm ngôn, vọng sinh dị nghị, dẫn Triệu Phổ quái ngộ chi ngôn, biến dịch trẫm minh chiếu nhất định chi chế. Thị nãi siểm nịnh chi đồ, dĩ vi tha nhật chi tư, dục dữ Mãng, Tháo đồng sự. Phi vị quốc tận trung chi đạo dã. Pháp sở bất dung. Kim chiếu thị văn vũ thần liêu, sử tri Tự-Vương tiên định chi nghĩa, giải ngôn dụ bất nhất chi nghi. Phàm xưng thần dân, lượng nghi tri tất.

Dịch nghĩa

CHIẾU MỆNH TƯ TỀ NHIẾP CHÍNH (THEO SỬ)

Tân hợi, năm thứ tư. Chiếu rằng :

Muốn kinh luân thiên hạ, tất phải mưu thủy để tới chung, lập pháp để truyền dõi. Cho nên : Cha làm, con theo, thì đạo nhà càng hay. Anh nói, em vâng, thì gốc nước càng vững. Bực vua tiên triết khi xưa lo việc sâu và xa.

Trẫm luôn luôn mang giáp trụ, xông pha nơi sương tuyết, kể vừa mười ba năm, cũng đã nhọc lắm. Nay trí lự có chút suy kém, tuổi tác lại cao dần. Việc cần xét kể hàng muôn, một mình khó đương nổi. Người xưa thường giữ kinh mà hành quyền, thánh hiền vẫn hợp đạo. Lập anh mà truyền em, phúc ấm được lâu dài. Châm chước thời nghi, đặt ra phép tắc.

Tư Tề tuổi đã quá nhược quán, tinh, đã gần thành nhân, tuy suy xét chưa hẳn chu mật, tinh vi, nhưng tai mắt đã được trông nghe sự thể. Vậy nên quyền nhiếp giúp trẫm. Nguyên Long tính tuy minh mẫn, nhưng tuổi còn thơ ấu, vậy nên chờ thời, tại Thanh Cung (cung Thái Tử) đợi đến lúc đức được thuần. Vả lại khi Tư Tề lâm triều nghe chính, thì Nguyên Long giám quốc coi quân. Đều theo như truyện xưa nhà Triệu Tống Con cháu các đời sau cũng nên theo nghĩa cùng nối nghiệp để được truyền dõi tới vô cùng.

Như về sau, hoặc có kẻ không nghe lời trẫm, nghị bàn theo ý khác, dẫn chứng lời Triệu Phổ cho là vua Tống nhầm, (1) mà rồi biến đổi pháp chế trẫm đã quyết định, kẻ ấy chỉ là siểm nịnh, mong muốn một ngày kia sẽ làm việc Tháo, Mãng (2). Thế không phải là đạo tận trung vì nước. Pháp luật không dung.

Chiếu này ban ra để văn vũ, quan liêu đều biết ý nghĩa định ngôi Tự Vương, để giải các mối nghi ngờ.

Khắp thần dân đều cần biết.

Chú thích: (1) Vua đầu triều Tống có hai con, đặt lệ truyền ngôi cho con lớn, con lớn khi chết truyền ngôi cho con thứ hai. Con thứ hai chết, ngôi về con người con lớn. Về sau, tướng quốc Triệu Phổ cho thế là nhầm rồi khuyên con thứ hai truyền cho con mình.

(2) Bọn gian thần, cướp ngôi vua.

13.— 平復禮班師詔

(壬子五年正月，克孱禮．牲禮土酋刁吉罕與范文巧連謀作亂．又結哀牢逆臣柯賴，侵牲每命司徒黎察國王思齊討之．尋親。征柯賴伏誅。刁吉罕遁盡俘其黨，以其地為復禮州。三月初三日班師)

詔曰：苗民逆命而夏禹徂征．密人不恭，而太王赫怒。牲禮自古內屬我國，為我藩臣．頃因前朝衰政，王室不綱，邊防廢弛，彼乃持險憑陵，不供國賦，侵冠邊鄙。虐害良民。其太原，宣光，歸化，嘉興等鎮，被害尤甚。朕受命以來，務在懷柔。一視無間。其土酋刁吉罕，狃於舊習，不肯來庭，朕每示以信義，益加撫諭．優其美爵，侈以厚恩，而彼狼子野心，終懷異志忘恩倍義反面作讐，挾逆人尚晦卿男及尚丁桂等輩，誑誘邊民，謀為不軌，逋逃聚衆，實繁有徒，又與哀牢逆臣尚柯賴等，結成黨與，同惡相濟，人攻占哀牢地方，及牲每等處蠻柵。民屢被其害．其哀牢盤茄遣使乞兵赴援．朕為民父母，代天子民，率

土之濱皆其赤子．弗忍一方之荼毒
，命將臣興師弔伐．而吉罕大舉其
衆以拒我師．𢘽碣一戰，軻賴敗死，
吉罕頭目覺剛等蹣跚驚奔，猶遣頭
目者吽率𢘽蒲茵長丁桂等，挾逆人
尚悔鄭等，直犯我嘉興陀江等處，
脅誘愚民，敢行稱亂。朕惟亂臣賊
子天下之所共誅，去年太原鎮尚克
紹之反謀實由尚杆之構禍，今者尚
吉罕之作逆，又出尚巧之陰謀．禍
亂之萌不可不絶．朕乃先命司徒黎
察領兵由蛇浪進討，又命國王思齊
統兵由北關以截其後．朕率六軍由
嘉興繼至．逆衆尚丁桂等望風奔潰．
我師躡後．直至𢘽蒲將營。其逆人
尚晦鄭男爲蠻哰所殺，送首營門．
生擒丁桂及其妻子俘馘不可勝計。
我乃分軍水陸並進。今年正月二十
日，直抵吉罕窠穴。先是哀牢逆臣
軻賴竄身𢘽感。聞朕師至。竟殺軻
賴送首迎降吉罕亦棄妻子部黨。朕
乃命司徒進兵𢘽瞿。國王駐兵𢘽蘇
。入山披險，又命諸將分兵各𢘽險
處，盡行搜捉．俘獲吉罕妻子部黨
，及各男婦三萬餘口，象一百餘隻。

牛羊牲口戎器船艦物件不可算數。乃建置州縣併入版圖。今當班師凱還，獻俘清廟，合行告示天下臣民。凡為人臣者，當以折巧為戒，藩鎮者當以吉罕克紹為戒，則我之臣民可以共享萬世太平之福，而永有辭于後世矣。



Phiên âm.

BÌNH PHỤC LỄ BAN SƯ CHIẾU.

(Nhâm tý ngũ niên, chính nguyệt, Khắc Mang Lễ. Mang Lễ thổ-tù, Điêu-Cát-Hãn, dữ Phạm văn Sảo liên mưu tác loạn. Hựu kết Ai-Lao nghịch thần, Kha Lại, xâm Mang-Mỗi. Mệnh Tư Đồ Lê Sát, Quốc Vương Tư Tề thảo chi. Tầm thân chinh. Kha Lại phục tru. Điêu Cát Hãn độn. Tận phủ kỳ đảng. Dĩ kỳ địa vi Phục-Lễ châu. Tam nguyệt, tam nhật, ban sư).

Chiếu viết: Miêu dân nghịch mệnh nhi Hạ Vũ tồ chinh. Mật nhân bất cung nhi Thái Vương hách nộ. Mang Lễ tự cổ nội thuộc ngã quốc vi ngã phiên thần. Khoảnh nhân, tiền triều suy chính, vương thất bất cương, biên phòng phế thỉ, bỉ nãi thị hiểm bằng lăng, bất cung quốc phú, xâm khấu biên bỉ, ngược hại lương dân. Kỳ Thái Nguyên, Tuyên Quang, Quy Hóa, Gia Hưng đẳng trấn, bị hại vưu thậm. Trẫm thụ mệnh dĩ lai, vụ tại hoài nhu, nhất thị vô gián. Kỳ thổ tù Điêu Cát Hãn, nữu ư cựu tập, bất khẳng lai đình. Trẫm mỗi thị dĩ tín nghĩa, ích gia phủ dụ. Ưu kỳ mỹ tước, di dĩ hậu ân. Nhi bỉ lang tử dã tâm, chung hoài dị chí. Vong ân bội nghĩa, phản diện tác thù. Hiệp nghịch nhân thượng Hối Khanh Nam, cập thượng Đinh Quế đẳng bối, cuống dụ biên dân, mưu vi bất quỹ. Bô đào tụ chúng, Thực phiền hựu đồ. Hựu dữ Ai Lao nghịch thần thương Kha Lại đẳng kết thành đảng dữ. Đồng ác tương tế. Công chiếm Ai Lao địa phương, cập Mang Mỗi đẳng xứ man sách. Nhân dân lũ bị kỳ hại. Kỳ Ai Lao, Bàn Gia khiển sứ khất binh phó viện. Trẫm vi dân phụ mẫu, đại thiên, tử dân; suất thổ chi dân, giai kỳ xích tử. Phất nhẫn nhất phương đồ độc, mệnh tướng thần hưng sư điếu phạt. Nhi Cát Hãn đại cử kỳ chúng dĩ cự ngã sư. Mang Kiệt nhất chiến, Kha Lại bại tử. Cát Hàn đầu mục Lãm Cương đẳng, lạn tịch kinh bôn. Do khiển đầu mục giả khiếu

suất Mang Bồ Tù Trưởng Đinh-Quế đẵng, hiệp nghịch nhân thượng Hối Khanh đẳng, trực phạm ngã Gia Hưng, Đà Giang đẳng xứ. Hiếp dụ ngu dân, cảm hành xưng loạn.

Trẫm duy : loạn thần tặc tử, thiên hạ chi sở cộng tru Khứ niên Thái Nguyên trấn, thượng Khắc Thiệu, chi phản mưu, thực do thượng Cản chi cấu họa. Kim giả, thượng Cát Hãn chi tác nghịch. Hựu xuất thượng Sảo chi âm mưu. Họa loạn chi manh bất khả bất tuyệt. Trẫm nãi tiên mệnh Tư Đồ Lê Sát, lĩnh binh do Đà Lãng tiến thảo. Hựu mệnh quốc vương Tư Tề thống binh do bắc quan dĩ triệt kỳ hậu. Trẫm suất lục quân do Gia Hưng kế chí. Nghịch chúng thượng Đinh Quế đẳng vọng phong bôn hội. Ngã sư nhiếp hậu. Trực chí Mang Bồ tương doanh. Kỳ nghịch nhân, thượng, Hối Khanh Nam vi Man, Xá sở sát, tống thủ doanh môn. Sinh cầm Đinh Quế, cập kỳ thê tử, phù quắc bất khả thắng kế. Ngã nãi phân quân thủy lục tịnh tiến. Kim niên, chính nguyệt, nhị thập nhật, trực đề Cát Hãn sào huyệt. Tiên thị ai Ai Lao nghịch thần Kha Lại thoán thân Mang Lự Văn trẫm sư chí, cánh sát Kha Lại tống thủ nghênh hàng. Cát Hãn diệc khí thê tử bộ đảng. Trẫm nãi mệnh Tư Đồ tiến binh Mang-Địch. Quốc Vương trụ binh Mang Tô, nhập sơn phi hiểm. Hựu mệnh chư tướng phân binh các Mang hiểm xứ, tận hành sưu sóc. Phù hoạch Cát Hãn thê tử bộ đảng. Cập các nam phụ, tam vạn dư khẩu, tượng nhất bách dư chích, ngưu, dương sinh khẩu, chiến khí, thuyền hạm. vật kiện bất khả toán số. Nãi kiến-trí châu huyện, tịnh nhập bản đồ. Kim đương ban sư khải hoàn, hiến phù thanh miếu. Hợp hành cáo thị thiên hạ thần dân : Phàm vi nhân thần giả, đương dĩ Hãn,, Sảo vi giới. Vi phiên trấn giả, đương dĩ Cát, Hãn, Khắc Thiệu vi giới. Tắc ngã chi thần dân, khả dĩ cộng hưởng vạn thế thái bình chi phúc, nhi vĩnh hữu từ vu hậu thế hỹ.

Dịch nghĩa

CHIẾU BAN SƯ SAU KHI BÌNH XỨ PHỤC LỄ

(Nhâm tý, năm thứ năm, tháng giêng, đánh lấy xứ Mang Lễ. Nguyên Tù Trưởng Mang Lễ là Điêu Cát Hãn cùng mưu với Phạm văn Sảo làm loạn. Lại liên kết với nghịch thần nước Ai Lao là Kha Lại để xâm xứ Mang Mỗi. Vua sai Tư Đồ Lê Sát và Quốc Vương Tư Tề, đem quân dẹp. Vua thân chinh. Kha Lại bị giết. Điêu Cát Hãn trốn chạy. Cả đảng bị bắt. Đất đổi tên là Phục Lễ châu. Tháng ba, ngày mùng ba, ban sư).

Chiếu rằng : Dân Miêu trái mệnh mà vua Hạ Vũ thân chinh, Người Mật không theo mà vua Thái Vương nổi giận. Mang Lễ từ xưa là nội thuộc nước ta, là phiên thần của ta. Nhân vì họ Hồ trước làm loạn chính, nhà vua mất kỷ cương, đất ngoài biên không coi tới, bọn đó mới cậy hiểm, thôi không nộp thuế, mà xâm phạm biên cương ngược hại nhân dân, các trấn Thái Nguyên, Tuyên Quang, Quy Hóa, Gia Hưng bị hại nhiều nhất.

Trẫm từ khi chịu mệnh trời, đối với nơi xa, một lòng ưu ái. Thế mà Thổ Tù, Điêu Cát Hãn, tập quen thói cũ, không chịu tới triều đình. Trẫm vẫn đối bằng tín nghĩa, thêm lời phủ dụ, phong cho tước cao, ban cho ơn hậu. Bọn đó vẫn lòng lang, dạ sói, ngầm muốn phản loạn, quên ơn bội nghĩa, trở mặt làm thù. Hợp với lũ nghịch Hối Khanh Nam và lũ Đinh Quế. Lừa dối dân ngoài biên, mưu làm điều trái phép, tụ tập bọn vô lại, họp thành đồ đảng. Lại cùng nghịch thần nước Ai Lao là bọn Kha Lại, kết thành một đảng, lũ ác cùng giúp nhau đánh chiếm địa phương ở nước Ai Lao và các xứ Mang Mỗi, Man sách. Nhân dân luôn luôn bị tàn hại. Cho nên xứ Ai Lao xin quân tới giúp.

Trẫm là cha mẹ dân, thay trời, coi dân như con, trong ngoài coi đâu chẳng là con nhỏ, không nỡ để một phương bị đồ độc. Mới sai tướng đem quân trừng phạt. Thế mà Cát Hãn dám đem dân chúng chống lại quân ta. Một trận nơi Mang Kiệt, mà Kha Lại thua chết, bọn đầu mục Cát Hãn cùng đồ đảng tán loạn, dày xéo lên nhau chạy trốn. Thế mà còn kêu gọi Tù Trưởng xứ Mang Bồ là Đinh Quế, hiệp với lũ nghịch Hối Khanh phạm vào đất của ta là Gia Hưng, Đà Giang, bắt hiếp dân ngu đi theo cùng nổi loạn. Trẫm nghĩ, loạn thần tặc tử, trong thiên hạ ai là không được giết. Năm ngoái, ở trấn Thái Nguyên, mưu phản của Khắc Thiệu chính do tên Cản. Đến ngày nay, Cát Hãn làm loạn, là do mưu tên Sảo, Mầm loạn không thể không trừ tuyệt. Vậy trước tiên, trẫm sai Tư Đồ Lê Sát, lĩnh binh theo đường Đà Lãng tiến đánh. Lại sai quốc vương Tư Tề thống binh do Bắc Quan triệt các nơi hiểm yếu. Trẫm đi coi lục quân do Gia Hưng tiến tới. Bọn nghịch Đinh Quế, phong thanh trốn chạy. Quân ta theo sau thẳng tới Mang Bồ đóng doanh trại. Bọn nghịch Hối Khanh Nam bị dân Man giết, đưa nộp đầu tới cửa doanh. Đinh Quế bị bắt sống. Xác vợ con, đồ đảng nhiều không đếm xiết. Quân ta thủy lục cùng tiến. Năm nay, tháng giêng, ngày 20 thẳng tới sào huyệt Cát Hãn. Trước kia nghịch thần nước Ai Lao là Kha Lại trốn chạy vào Mang Lự. Khi nghe quân trẫm tới xứ Mang Lự, giết Kha Lại đem đầu tới xin hàng. Nay Cát Hãn cũng bỏ cả vợ con đồ đảng. Trẫm mới sai Tư Đồ tiến binh tới Mang Địch. Quốc vương thì đóng quân tại Mang Tô, rồi vào núi vượt hiểm. Trẫm lại sai các tướng chia quân tới các nơi hiểm xứ Mang lùng bắt. Rồi bắt được Cát Hãn, vợ con, đồ đảng,

nam nữ tất cả hơn ba vạn, một trăm thớt voi, còn bò dê, chiến cụ, thuyền bè không kể xiết. Nay đặt thành châu huyện, cho nhập vào bản đồ nước ta, Ban sư khải hoàn lễ hiến phù nơi Thanh Miếu. Bá cáo cho thiên hạ được biết rằng : Phàm là nhân thần, nên lấy Cản, Sảo làm răn, phàm là phiên trấn, nên lấy Cát Hãn, Khắc Thiệu làm răn. Như thế thì thần dân ta với ta cùng hưởng phúc thái bình đến muôn đời, rồi thanh danh được truyền mãi mãi.



14.— 命降思齊爲郡王，次子元龍承統詔

癸丑，六年，八月，命降思齊爲郡王布詔天下。詔皇太子曰：朕以菲涼祇承天命，于茲六載，耄期倦勤。天下至大．萬幾至繁，以此憂勞，積成風疾．勵精宵旰懼弗克堪．皇太子雖弱齡，素聞仁孝，羣情久屬，神器攸歸，可授劍璽監攝國事。又敕太子曰：以國相傳，國家之大事，以父訓子，天下之至情．惟國家事大故授受之際不能無言。惟父子情深，故告戒之言不得不盡，我昔遭時喪亂，創業惟艱，二十餘年，方成大業，民間疾苦，靡不周知。世道艱難，靡不經涉，以至臨民之際，民之情僞有未易知．事之疑難有未易析，爲君之道豈不艱哉。況爾以幼沖之資，紹艱難之業，聞見日淺，思慮未周，宜敬謹存心，淵冰在念，事天地則思竭其誠，奉宗廟則思盡其孝，友愛兄弟，和睦族親，以至治百官，臨萬民，莫不思盡其道．勿變亂先王之成法，勿遺忽先哲之格言，勿邇聲色而殖貨財．勿好遊田而縱淫佚。勿聽讒言而疏忠諫，

勿用新進而廢舊人。謂天難諶。命靡常・必思制治于未亂。謂功難成，事易敗，必思保邦于未危，其處安樂則思昔日艱苦之業，其享尊榮，則思我祖宗積累之功・必慎始以圖終。必爲大於其細・必違先志而後可以守先業。必順天心而後可以合人心。惟時惟幾，勿怠勿忽，可授爾置，代余監國事，以固國本以安衆心，

於戲，堯舜傳心。在厥中之允執，文武大道尚繼承以無忘

（通史論曰：觀一時詔勅所以敎求典訓講明治道者詳矣。光復土宇自致治平功德施於時，基緒垂於後，猗歟盛哉）・



Phiên âm

MỆNH GIÁNG TƯ TỀ VI QUẬN VƯƠNG, THỨ TỬ NGUYÊN LONG THỪA THỐNG CHIẾU

Quí sửu, lục niên, bát nguyệt, mệnh giáng Tư Tề vi Quận Vương, bố chiếu thiên hạ. Chiếu Hoàng Thái Tử viết :

Trẫm dĩ miều lương chi thừa thiên mệnh, vu tư lục tải. Mạo kỳ, quyện cần. Thiên hạ chi đại, vạn cơ chi phiền. Dĩ thử ưu lao, tích thành túc tật. Lệ tinh tiêu cán, cụ phất khắc kham. Hoàng Thái Tử tuy tại nhược linh, tố văn nhân hiếu. Quần tình cửu thuộc, thần khí du quy. Khả thụ quốc tỷ, giám nhiếp quốc sự. Hựu sắc Thái Tử viết :

Dĩ quốc tương truyền, quốc gia chi đại sự. Dĩ phụ huấn tử, thiên hạ chi chí tình. Duy quốc gia đại sự, cố thụ thụ chi tế, bất năng vô ngôn. Duy phụ tử tình thâm, cố cáo giới chi ngôn bất đắc bất tận. Ngã tích tao thời táng loạn, sáng nghiệp duy gian. Nhị thập dư niên, phương thành đại nghiệp. Dân gian tật khổ, mỹ hữu tru tri. Thế đạo gian nan, mỹ bất kinh thiệp. Dĩ chí lâm dân chi tế. Dân chi tình ngụy hữu vị di tri. Sự chi nghi nan, hữu vị di thác. Vi quân chi đạo khởi bất gian tai. Huống nhĩ dĩ ấu sung chi tư, thiệu gian nan chi nghiệp. Văn kiến nhật thiển. Tư lự vị chu. Nghi kính cẩn tồn tâm, uyên băng tại niệm. Sự thiên địa tắc tư kiệt kỳ thành. Phụng tôn miêu tắc tư tận kỳ hiếu. Hữu ái huynh đệ, hòa mục tộc thân, dĩ chí trị bách quan, lâm vạn dân, mạc bất tư tận kỳ đạo. Vật biến loạn tiên vương chi thành pháp. Vật di hốt tiên triết chi cách ngôn. Vật nhĩ thanh sắc nhi thực hóa tài. Vật biếu du điền nhi túng dâm dật. Vật thính

sàm ngôn nhi sơ trung gián. Vật dụng tân tiến nhi phế cựu nhân. Vị thiên nan kham mệnh mỹ thường, tất tư chế trị vu vị loạn. Vị công nan thành, sự dị bại, tất tư bảo bang vu vị nguy. Kỳ xử an lạc, tắc ư tích nhật gian khổ chi nghiệp. Kỳ hưởng tôn vinh, tắc tư ngã tổ tôn tích lũy chi công, tất thận thủy dĩ đồ chung, tất vi đại ư kỳ tế, tất đạt tiên chí nhi hậu khả dĩ thủ tiên nghiệp. Tất thuận thiên tâm nhi hậu khả dĩ hợp nhân tâm. Duy thời duy cơ. Vật đãi, vật hốt. Khả thụ nhĩ tỷ, đại dư giám quốc sự, dĩ cố quốc bản, dĩ an chúng tâm.

Ô hy ! Nghiêu, Thuấn truyền tâm tại quyết trung chi doãn chấp. Văn, Vũ đại đạo thượng kế thừa dĩ vô vong.

(Thông sử luận viết: Quan nhất thời chiếu sắc sở dĩ phu cầu điển huấn, giảng minh trị đạo giả tường hỹ. Quang phục thổ vũ tự chi trị bình công đức thi ư thời. Cơ tự thùy ư hậu. Y dư thịnh tai).

Dịch nghĩa

CHIẾU GIÁNG TƯ TỀ LÀM QUẬN VƯƠNG MỆNH THỨ TỬ NGUYÊN LONG KẾ VỊ

Quí sửu, năm thứ sáu, tháng tám. Mệnh giáng Tư Tề làm Quận Vương. Bố cáo thiên hạ. Chiếu cho Hoàng Tử rằng :

Trẫm từ nơi hoang dã kính vâng mệnh trời tới nay là sáu năm. Tuổi cao mỏi mệt. Nước lớn việc nhiều. Vì thế lo mệt, rồi sinh bệnh tật. Cứ cố gắng mãi, e ngại không nổi. Hoàng Thái Tử tuy còn ít tuổi, nhưng tính nết nhân hiếu, tinh ý đã thuộc ngôi báu đã quen. Có thể trao kiếm ấn, coi xét việc nước. Vậy, sắc cho Thái Tử rằng :

Đem nước truyền lại là việc lớn quốc gia. Cha dạy con là tình lớn thiên hạ. Xét việc lớn quốc gia vậy khi trao, nhận, không thể không có lời. Xét tình thâm cha con, vậy khi răn bảo, không thể không hết ý. Ta xưa gặp thời táng loạn, sáng nghiệp gian nan, hơn hai mươi năm mới thành nghiệp lớn. Dân gian khổ sở không việc gì không rõ. Thế đạo gian nan, không việc gì không trải. Đến khi trị dân, tình dân thực, giả, có khi không dễ biết. Việc dân nghi ngờ, có khi không dễ xét. Đạo làm vua thật là khó. Huống lại còn ít tuổi, mà nhận lấy chức vụ gian nan, trông nghe mới được ít ngày, tư lự chưa được đầy đủ. Vậy nên : Kính cẩn, vững lòng, nhớ chữ uyên băng. Thờ trời đất thì hết lòng thành. Thờ tôn miếu thì hết đạo hiếu. Thân ái với anh em. Hòa mục với họ hàng. Tự đó tới bách quan. Tự đó tới muôn dân. Đều phải cư xử cho hết lẽ. Chớ đổi phép sẵn của tiên vương. Chớ quên cách ngôn của tiên triết. Chớ gần thanh sắc mà sinh ra xa phí. Chớ thích săn bắn mà thành ra dâm dật. Chớ ưa lời gièm nịnh mà xa lời can ngăn. Chớ gần người mới mà xa người cũ. Khi thấy thấy đạo khó theo, mệnh không thường, thì cần nghĩ chế ngự trước khi có loạn. Khi thấy công khó thành, việc dễ hỏng, thì cần nghĩ giữ nước trước khi có nguy. Khi ở cảnh yên vui, thì cần nhớ lúc đầu, cơ nghiệp gian nan. Khi hưởng cảnh tôn vinh, thì cần nhớ công lao tổ tôn tích lũy. Thế là phải cẩn thủy để tới chung phải đến việc to từ nơi nhỏ, phải gắng làm tiên chí mới mong giữ tròn tiên nghiệp, phải thuận lòng trời mới mong hợp lòng người. Tùy thời, tùy cơ, chớ lười, chớ vội. Ta trao cho ngọc tỷ,mà thay ta coi việc nước, để vững quốc bản để yên dân tâm.

Cho hay: Có tâm Nghiêu Thuấn, vì đã thành thực chăm lo,

Theo đạo Văn, Vũ vì đã nối nghiệp không quên.

(Sử bàn: Coi đạo chiếu sắc thì thấy huấn điển về đạo trị nước được giảng rõ ràng. Dựng nước yên dân, công đức ban bố ra đương thời, nền tảng chắc chắn tới đời sau. Kính thay. Thịnh thay).

15.— 歲貢表

癸丑遣陪臣陳舜俞，阮可云裴
擒虎，如明歲貢，御前三分
太子太后各一分）。

安南國權署國事，臣黎某謹上言，
伏以北闕疏恩新受九天之命，南郊修貢，遠馳萬里之誠，報疊分毫，感深骨髓，恭惟。

乾坤同大，日月並明，德五帝而功三王，無思不服，于庶民而家四海，一視同仁，致使遠方，預霑聖澤。臣僻居炎徼，仰慕中華，一朶紅雲，雖隔九霄之遠，萬年聖壽昌勝三祝之薹，臣等所有方物進貢另具本，差陪臣程舜俞韓擒虎賫捧陳奏，外謹奉表上進以聞。

Phiên âm

TUẾ CỐNG BIỂU.

(Quí sửu, khiển bồi thần, Trần Thuấn Du, Nguyễn Khả Vân, Bùi Cầm Hồ, như Minh tuế cống. Ngự tiền tam phần, Thái Tử, Thái Hậu, các nhất phần).

An Nam quốc, quyền thự quốc sự, thần, Lê Mỗ, cẩn thượng ngôn : Phục dĩ. bắc khuyết sớ ân tân thụ cửu thiên chi mệnh, Nam Giao tu cống, dao trì vạn lý chi thành, báo điệp phân hào, cảm thâm cốt tủy. Cung duy :

Càn khôn đồng đại. Nhật nguyệt tịnh minh. Đức ngũ Đế, nhi công Tam Vương, vô tư bất bộc. Tử thứ dân, nhị gia tứ hải, nhất thị đồng nhân. Chí sử viễn phương, dự chiêm thánh trạch. Thần tịch cư viêm kiếu, ngưỡng mộ Trung Hoa. Nhất đóa hồng vân, tuy cách cửu tiêu chi viễn. Vạn niên thánh thọ, xương thắng tam chúc chi ly. Thần sở hữu phương vật hiến cống, lánh cụ bản. Sai bồi thần Trần Thuấn Du, Hàn Cầm Hồ (ở trên, viết là Bùi) lại phủng trần tấu. Ngoại cẩn phụng biểu thượng tiến dĩ văn.

Dịch nghĩa

BIỂU CỐNG TIẾN

(Năm quí sửu, sai bồi thần là Trần Thuấn Du, Nguyễn Khả Vân, Bùi Cầm Hồ, sang cống nhà Minh. Vua ba phần. Thái Tử, Thái Hậu, mỗi vị một phần).

Nước An Nam. quyền coi việc nước, thần, Lê Mỗ, Kính tâu :

Ngửa trông, Ơn trên theo mệnh Thiên Tử từ bắc khuyết ban tới. Nam Giao sửa soạn cống tiến, muôn dặm xa xôi. Gọi là thành thực một ly báo đáp hậu ân, cảm tới cốt tủy.

Kính tâu : Đất trời cùng lớn. Nhật nguyệt cùng soi. Đức ngũ đế, mà công tam vương, không đâu không phục. Coi thứ dân là con mà bốn bề là nhà, đều lấy nhân đối đãi. Khiến cho phương xa nhuần thấm mưa móc. Thần ở cõi xa, ngoài biên giới cõi nam, ngưỡng mộ Trung Hoa. Một đám mây hồng, tuy cách tới chín từng cao thẳm. Muôn năm thánh thọ, hơn hết cả ba lần chúc tụng.

Thần có phương vật tiến cống, kê riêng một bản, sai bồi thần Trịnh Thuấn Du, Bùi Cầm Hổ, kính dâng lên cùng với biểu.



17.— 上皇太子表

安南國權署國事臣.黎某謹上言。伏
以清宮毓德，位允正於元良。爰徼
承恩，職恰修於常貢。俯伸下悃，
仰達前星。恭　惟。

殿下，賦性温良，因心孝友，重華
叶帝。萬方仰離照之明。申命自天。
四海屬君宜之望。本根益固國家以
寧。臣迹阻珠崖，心馳鶴禁，星輝
海潤，願賡四頌之歌。日升月恒，
敢祝千秋之算。臣所有進貢方物。
另具本，差陪臣齎捧呈獻。外謹奉
箋上進以聞

Phiên âm

THƯỢNG HOÀNG THÁI TỬ BIỂU.

An Nam quốc, quyền thự quốc sự, thần Lê Mỗ, cẩn thượng ngôn : Phục dĩ, Thanh Cung dục đức, vị doãn chính ư nguyên lương. Viêm kiếu thừa ân, chức kháp tu ư thường cống. Phủ thân hạ khổn, ngưỡng đạt tiền tinh. Cung duy :

Điện Hạ phú tính ôn lương, nhân tâm hiếu hữu. Trùng hoa hiệp đế, vạn phương ngưỡng ly chiếu chi minh. Thân mệnh tự thiên, tứ hải thuộc nghi quân chi vọng. Bản căn ích cố, gia quốc di ninh.

Thần tích trở Châu Nhai, tâm trì Hạc Cấm. Tinh huy hải nhuận, nguyện canh tứ tụng chi ca. Nhật thăng nguyệt hằng, cảm chúc thiên thu chi toán.

Thần sở hữu tiến cống phương vật, lánh cụ bản, sai bồi thần lại phủng trình khải. Ngoại cẩn phụng tiên, thượng tiến dĩ văn,

Dịch nghĩa

BIỂU DÂNG HOÀNG THÁI TỬ.

Nước An Nam, quyền coi việc nước, thần, Lê Mỗ, kính tâu :

Ngửa trông: Chốn Thanh Cung để nuôi đức, ngôi chính vị trên nguyên lương. Cõi viêm Nam thừa ân, theo chức, sửa soạn vật thường cống. Trên cúi nhìn nghĩ tới, ngửng lên soi trước mặt.

Kính nghĩ : Điện Hạ, tính vốn ôn lương, tâm thường hiếu hữu. Thuấn giúp Nghiêu, muôn phương ngửa trông ánh sáng. Mệnh tự trời, bốn bể mong về chính vị. Cỗi rễ đã vững, nước nhà tất yên. Thần xa tận châu Nhai, tâm nơi Hạc Cấm (cung Thái Tử). Ánh sao sáng tỏ, nước bể thấm nhuần, tiếp ca tứ tụng. Mặt trời mọc lên, mặt trăng đầy đủ, dám chúc nghìn thu.

Nay có phương vật tiến cống, kế riêng một bản, sai bồi thần tiến trình, cùng kính dâng thư,



17.— 國人謝册封表

安南大頭目臣黎四等，謹上言：宣
德五年十月十一日，伏覩天使賫捧
詔書，允臣等所奏，命臣黎某權署
國事，以撫國人。臣等一國之人，
莫不歡欣踴躍。謹奉表稱謝者。伏
以皇仁天大，敷文德以懷遠人，詔
語春溫，順天心而宜聖澤，昆蟲知
德，草木生光。　恭惟

聖敬日躋，聰明時憲，萬物並育，
心天地以為心，四海為家，治夷狄
所不治，弘聖仁而柔遠，斂五福以
錫民念。臣小邦彫瘵之餘，俯垂矜
恤，察臣衆庶哀籲之切，曲賜允俞。
一方之命脉以蘇。萬世之規模益遠。
凡蒙覆幬，莫不尊親。臣等忻戴堯
天，遙瞻舜日。扶杖聽詔。深感荷
於君恩。鑿井耕田。喜均蒙於帝德。
望紫宸而三祝。祈聖曆於萬年。臣
等謹奉表稱謝以聞。

Phiên âm

QUỐC NHÂN TẠ SÁCH PHONG BIỂU.

An Nam, đại đầu mục, thần, Lê tứ đẳng, cẩn thượng ngôn: Tuyên Đức, ngũ niên, thập nguyệt, thập nhất nhật. Phục đổ thiên sứ lại phủng chiếu thư, doãn thần đẳng sở tấu. Mệnh thần Lê Mỗ quyền thự quốc sự, dĩ phủ quốc nhân. Thần đẳng nhất quốc chi nhân, mạc bất hoan hân dũng dược. Cẩn phụng biểu xưng tạ giả. Phục dĩ: hoàng nhân, thiên đại, Phu văn đức dĩ hoài viễn nhân, chiếu ngữ xuân ôn, thuận thiên tâm nhi tuyên thánh trạch. Côn trùng tri đức, thảo mộc sinh quang. Cung duy:

Thánh kính nhật tễ, thông minh thời hiến. Vạn vật tịnh dục tâm thiên địa dĩ vi tâm. Tứ hải vi gia, trị di địch sở bất trị. Hoằng thánh nhân nhi nhu viễn, liễm ngũ phúc dĩ tích dân. Niệm thần, tiểu bang, điêu sái chi dư, phủ thùy căng tuất. Sát thần chúng thứ ai dụ chi thiết, khúc tứ doãn du. Nhất phương chi mệnh mạch dĩ tô. Vạn thế chi quy mô ích viễn. Phàm mông phú đảo. Mạc bất tôn thân. Thần đẳng hân đái Nghiêu thiên. Dao chiêm Thuấn nhật. Phù trượng thỉnh chiếu, thâm cảm hà ư quân ân. Tạc tỉnh canh điền, hỷ quân mông ư đế đức. Vọng tử thần nhi tam chúc. Kỳ thánh lịch ư vạn niên. Thần đẳng cẩn phụng biểu xưng tạ dĩ văn.

Dịch nghĩa

BIỂU TẠ CỦA NGƯỜI TRONG NƯỚC VỀ VIỆC SÁCH PHONG.

Thần, các hạng đại đầu mục nước An Nam, kính dâng biểu: Niên hiệu Tuyên Đức năm thứ 5, tháng 10, ngày 11,

ngửa thấy sứ trời phụng chiếu tới, thể theo lời tâu của thần đẳng, mệnh cho thần Lê Mỗ, quyền coi việc nước để chăm lo dân. Toàn dân trong nước, ai chẳng vui sướng hoan hỷ, cẩn phụng biểu tạ ơn.

Ngửa trông : Vua nhân như trời lớn, đem văn đức thi hành phương xa, lời chiếu như nắng xuân, thuận lòng trời tuyên ban thánh trạch. Côn trùng mến đức, cây cỏ thêm tươi. Kính tâu :

Thánh đức càng dày, thông minh càng suốt, muôn vật đều hay, lấy tâm trời đất làm tâm. Bốn bể làm nhà, di địch nào khó trị được thì trị. Đức nhân của thánh lan rộng ra ngoài cõi. Ngũ phúc của trời ban bố cho muôn dân. Nghĩ tới thần, nước nhỏ mới thoát điêu tàn, sinh lòng trắc ẩn. Xét tới thần, thấy tiếng kêu thống thiết, sinh thương sót lo âu. Dân một phương được sống lại. Phép muôn đời được thêm lâu, Phàm được dủ thương, ai không mến kính.

Thần đẳng mừng đội trời Nghiêu, xa trông ngày Thuấn. Già còn chống gậy nghe chiếu, vì cảm thánh ân. Dân được đào ao cày ruộng, là nhờ đế đức. Ngóng sao đẩu để chúc tam hô. Nhìn lịch thánh đều mong vạn tuế.

Thần đẳng cẩn phụng tạ biểu dâng lên.



18.— 藍山永陵神道碑記

維順天六年歲次癸丑，閏八月二十二日，太祖高皇帝上天，本年十月二十三日，葬于藍山之永陵。帝姓黎，諱利，曾祖諱誨，清化府人也。嘗一日遊藍山，見衆鳥羣飛，翔繞於藍山之下，若衆人聚會之狀，曰此佳處也．因徙家居焉。三年而產業成．子孫日繁，奴隸日盛，建邦啟土。實基於此焉．自此世爲一方君長，皇祖諱汀，克承其家，以繼先志，有衆至千餘人。皇祖妣阮氏最有賢行，生二子，長曰從，次日曠帝之皇考也，愷悌慈祥，休休樂善，好養賓客，鄰境之民，視同一家，是以人莫不感其恩，而服其義也。皇妣鄭氏諱蒼，勤於婦道，閨門和睦，家日益昌，生三子．伯日學，仲日除，季則帝也。伯受祖父之傳，不幸短命，帝受祖父之命，惟謹，雖時遭大亂，而志且益堅，晦迹藍山，以耕稼爲業，由其憤殭賊之凌虐，尤專心於韜畧之書．磬竭家貲，厚待賓客，戊戌起義兵，屯落水上，前後凡二十餘戰，皆設伏出奇。避銳乘敝，以寡敵衆，以

弱制彊，丙午戰于寧洞，大捷，遂進圍東都。丁未賊援安遠侯柳昇領兵十萬，由廣西進．黔國公沐晟領兵五萬，由雲南進．支稜一戰，柳昇授首，斬賊衆數萬餘級。生擒黃福，崔聚等三百餘人，軍士三萬餘口，所獲柳昇勅命兵符送雲南軍，沐晟見之衆東宵遁斬馘生擒不可勝紀。時鎮兵東關城，成山侯王通等，先與我軍講和未定，至是請盟于珥水之上，各鎮守城池，俱開門出降，凡所獲賊人及各城降卒，該十萬餘口，一皆放還，水路送號船五百餘艘，陸路應付口糧脚力，戒我軍士，秋毫一無所犯，自是通好，南北無事，恅禮，哀牢盡入版圖，占城闍恅航海修貢．帝宵衣旰食，凡六載，而國中大治．至是崩．

順天六年癸丑十月吉日，榮祿大夫入內行遣知三館事．臣阮薦奉勅撰，翰林院侍制臣裴文斐奉敕書。



Phiên âm

LAM SƠN VĨNH LĂNG, THẦN ĐẠO, BI KÝ.

Duy, Thuận Thiên, lục niên, tuế thứ qúi sửu, nhuận bát nguyệt, nhị thập nhị nhật. Thái Tổ Cao Hoàng Đế, thượng thiên. Bản niên, thập nguyệt, nhị thập tam nhật, táng vu Lam Sơn chi Vĩnh Lăng. Đế tính Lê, húy Lợi, Tằng tổ húy Hối, Thanh Hóa phủ nhân dã. Thường nhất nhật du Lam Sơn, kiến chúng điều quần phi, tường nhiễu ư Lam Sơn chi hạ, nhược chúng nhân tụ hội chi trạng. Viết : Thử giai xứ dã. Nhân tỷ gia, cư yên ·Tam niên nhi sản nghiệp thành. Tử tôn nhật phồn· Nô lệ nhật thịnh. Kiến bang, khải thổ, thực cơ ư thử yên. Tự thử, thế vi nhất phương quân trưởng. Hoàng tổ húy Đinh, khắc thừa kỳ gia, dĩ kế tiên chí. Hữu chúng chí thiên dư nhân. Hoàng tổ tỷ Nguyễn thị, tối hữu hiền hạnh. Sinh nhị tử. Trưởng viết Tòng, thứ viết Khoáng, đế chi hoàng khảo dã. Khải để từ tường, hưu hưu lạc thiện. Hiếu dưỡng tân khách. Lân cảnh chi dân, thị đồng nhất gia. Thị dĩ, nhân mạc bất cảm kỳ ân, nhi phục kỳ nghĩa dã. Hoàng tỷ, Trịnh thị, húy Thương, cần ư phụ đạo. Khuê môn hòa mục, gia nhật ích xương. Sinh tam tử, bá viết Học, trong viết Trừ quí tắc đế dã. Bá thụ tổ phụ chi truyền, bất hạnh đoản mệnh. Đế thụ tổ phụ chi mệnh. Duy cẩn. Tuy thời tao đại loạn, nhi chí thả ích kiên. Hối tích Lam Sơn, dĩ canh giá vi nghiệp. Do kỳ phẫn cường tặc chi lăng ngược, vưu chuyên tâm ư thao lược chi thư. Khánh kiệt gia tư, hậu đãi tân khách. Mậu tuất khởi nghĩa binh, đồn Lạc Thủy thượng. Tiền hậu phàm nhị thập dư chiến, giai thiết phục xuất kỳ, tị nhuệ thừa tệ, dĩ quả địch chúng, dĩ nhược chế cường, Bính ngọ, chiến vu Ninh Động, đại tiệp. Tuy tiến vi Đông Đô, Đinh mùi, tặc viện, An Viễn Hầu, Liễu Thăng, lĩnh

binh thập vạn do Quảng Tây tiến. Kiềm Quốc Công Mộc Thạnh, lĩnh binh ngũ vạn, do Vân Nam tiến. Chi Lăng nhất chiến, Liễu Thăng thụ thủ. Trảm tặc chúng số vạn dư cấp. Sinh cầm Hoàng Phúc, Thôi Tụ đẳng, tam bách dư nhân, quân sĩ tam vạn dư khẩu. Sở hoạch Liễu Thăng sắc mệnh, binh phù, tống Vân Nam quân. Mộc Thạnh kiến chi, cử chúng tiêu độn. Trảm quắc, sinh cầm bất khả thắng kỷ. Thời Trấn binh Đông Quan thành, Thành Sơn Hầu, Vương Thông đẳng, tiên dữ ngã quân giảng hòa vị định. Chí thị thỉnh minh vu Nhị Thủy chi thượng. Các Trấn Thủ thành trì câu khai môn xuất hàng. Phàm sở hoạch tặc nhân, cập các thành hàng tốt, cai thập vạn dư khẩu, nhất giai phóng hoàn. Thủy lộ tống hiệu thuyền ngũ bách dư sưu. Lục lộ ứng phó khẩu lương, cước lực, Giới tập quân sĩ thu hào nhất vô sở phạm. Tự thị thông hiếu. Nam bắc vô sự. Mang Lễ, Ai Lao tận nhập bản đồ. Chiêm Thành, Đồ Bàn, hàng hải tu cống. Đế tiêu y, cán thực, phàm lục tải, nhi quốc trung đại trị. Chí thị băng.

Thuận Thiên lục niên, quí sửu, thập nguyệt cát nhật. Vinh Lộc đại phu, Nhập Nội Hành Khiển, tri Tam Quán sự, thần, Nguyễn Trãi, phụng sắc soạn. Hàn Lâm viện, Thị Chế, thần. Bùi văn Phỉ, phụng sắc thư.

Dịch nghĩa

BÀI BIA LĂNG VĨNH LĂNG TẠI LAM SƠN.

Niên hiệu Thuận Thiên, năm thứ 6, tuế thứ quí sửu, tháng 8 nhuận, ngày 22, Thái Tổ Cao Hoàng Đế về trời. Năm đó, tháng 10, ngày 23, lễ táng tại Lam Sơn, lăng Vĩnh Lăng.

Để họ Lê, húy Lợi. Cụ tên là Hối, Người phủ Thanh Hóa. Một ngày, đi chơi qua đất Lam Sơn thấy chim bay từng đoàn, y như bọn người đang

tụ họp. Ngài nói nơi đất này tốt. Thế là dời nhà tới. Ở được ba năm thì lập thành sản nghiệp. Con cháu nhiều, tôi tớ đông. Lập nghiệp, dựng nước vốn gốc từ đó. Dần dần thành quân trưởng một phương. Ông húy là Đinh, nối nghiệp, nối cả chí. Gia nhân đông đến hơn nghìn. Bà là họ Nguyễn, rất hiền lành, sinh hai con, lớn tên Tòng, thứ tên Khoáng, sinh ra Đế. Ông Khoáng hay làm việc thiện, hiền hậu thương người đón mời tân khách, dân ở chung quanh đều tự coi như ở cùng ấp. Cho nên ai cũng cảm ân, phục nghĩa. Bà Khoáng họ Trịnh, húy là Thương lễ nghi hòa mục, gia đạo càng hay. Sinh ra ba con, lớn là Học, thứ là Trứ, rồi đến Đế. Ông Học nối nghiệp theo lệnh cha, không may mất sớm. Theo ý cha Đế nối thay, Đế rất chuyên cần. Nước càng loạn, chí càng vững. Dấu tiếng ở Lam Sơn, lấy cầy cấy làm nghiệp. Uất hận giặc tàn ngược, Đế chuyên tâm luyện thao lược. Dùng hết sản nghiệp nuôi đãi tân khách. Năm Mậu Tuất, đem nghĩa binh đóng trên Lạc Thủy. Sau trước trải hơn hai mươi trận. Đều dùng mai phục, đặt kỳ mưu. Đều tránh giặc mạnh, lợi dụng giặc yếu. Lấy ít thắng nhiều, lấy yếu chống mạnh. Năm Bính Ngọ, chiến tại Ninh Động, đại thắng, rồi tiến binh vây thành Đông Đô, Năm Đinh Mùi, quân cứu viện của giặc là An Viễn Hầu Liễu Thăng, lĩnh 10 vạn quân do đường Quảng Tây tiến vào nước, Kiêm Quốc Công là Mộc Thạnh, lĩnh 5 vạn quân do đường Vân Nam đi tới. Trong một trận Chi Lăng Liễu Thăng nộp đầu cùng với vài vạn quân. Bắt sống các tướng Hoàng Phúc, Thôi Tụ, hơn 300 viên quân sĩ thì hơn ba vạn. Các ấn tín, chiếu sắc lấy ở Liễu Thăng đều được gởi tới cánh quân Vân Nam. Mộc Thạnh trông thấy kinh hoảng cùng quân đội, nhân đêm bỏ chạy. Phần bị chết, phần bị bắt, kể không xiết. Khi đó viên tướng giặc, Trấn binh thành Đông Quan, là Thành Sơn Hầu,

Vương Thông, khi trước đã có cùng ta giảng hòa nhưng việc chưa thành, ngày nay ra xin thề ở trên sông Nhị. Các Trấn thủ các thành trì khác, đều mở cửa thành ra hàng. Phàm các sĩ tốt giặc hoặc bị bắt, hoặc xin hàng tới 10 vạn tên, đều được tha cho về nước. Đường thủy thì cấp 500 chiếc thuyền to, đường bộ thì cho đủ ngựa đi, đủ lương ăn, cấm các quân sĩ ta không tơ hào một mảy may. Từ đó bắc nam hòa hảo, không có việc. Mang Lễ, đất Ai Lao, nhập vào bản đồ nước ta. Chiêm Thành, Đất Đồ Bàn, tiến cống theo đường bể. Đế ngày ngày mũ áo sớm, ăn uống chậm, luôn trong 6 năm. Nước thành thịnh trị. Nay băng.

Niên hiệu Thuận Thiên thứ sáu, tuế thứ quí sửu, tháng mười, ngày tốt. Vinh Lộc Đại Phu, nhập Nội Hành Khiển, Tri Tam Quán sự, thần Nguyễn Trãi phụng sắc soạn. Hàn Lâm viện, Thị Chế thần, Bùi văn Phỉ, phụng chiếu viết.



19.— 謝吊祭表。 甲寅紹平，元年 (1434)

安南國故權署國事黎某嫡男臣，黎麟謹上言：宣德九年十一月初一日，伏覩欽差行人郭濟，朱弼賫敬勑諭祭文。并賜祭物，臣已祇受國賜外謹奉表稱謝者，伏以皇仁天大，降恤典於九重，聖諭春温，慰羣心於下國，恩均存没，禮盡榮哀。恭惟：憲天聰明，作民父母。君臨四海，孝治始于家邦，子惠萬方，仁政先於孤獨，致令冲幼。亦荷撫存。臣苦塊啣哀。雲霄在望。曰生曰養，思欲報君父之恩。惟孝惟忠，誓益堅臣子之節。

Phiên âm

TẠ ĐIẾU TẾ BIỂU. GIÁP GIẦN, THIỆU BÌNH NGUYÊN NIÊN

An Nam quốc, cố Quyền Thự quốc sự Lê mỗ đích nam, thần, Lê Lân, cẩn thượng ngôn : Tuyên Đức cửu niên, thập nhất nguyệt, sở nhất nhật, phục đổ Khâm Sai, Hành nhân, Quách Tế, Chu Bật, lại kính sắc dụ tế văn, tịnh tứ tế vật. Thần dĩ chi thụ quốc tứ. Ngoại cẩn phụng biểu xưng tạ giả. Phục dĩ, hoàng nhân, thiên đại, giáng tuất điển ư cửu trùng. Thánh dụ xuân ôn, úy quần tâm ư hạ quốc. Ân quân tồn một. Lễ tận vinh ai. Cung duy :

Hiến thiên thông minh, tác dân phụ mẫu. Quân lâm tứ hải, hiếu trị thủy vu gia bang. Tử huệ vạn phương, nhân chính tiên ư cô độc. Chí lịnh sung ấu. diệc hà phủ tồn. Thần chiếm khối, hàm ai, vân tiêu tại vọng. Viết sinh, viết dưỡng, tư dục báo quân phụ chi ân. Duy hiếu, duy trung, thệ ích kiên thần tử chi tiết.

Dịch nghĩa

BIỂU TẠ ƠN PHÚNG TẾ. - GIÁP DẦN, NIÊN HIỆU THIỆU BÌNH, NĂM ĐẦU.

Thần, Lê Lân, con đích Lê Mỗ, cố quyền thự quốc sự nước An Nam, kính tâu : Năm thứ 9, niên hiệu Tuyên Đức, tháng 11, ngày mùng 1, được thấy Khâm Sai, Hành nhân là Quách Tế, Chu Bật, tới nơi, mang sắc dụ tế văn, cùng ban đồ tế. Thần đã kính nhận vua ban. Nay xin phụng biểu tạ. Kính nghĩ :

Hoàng nhân như trời cao, pháp lịnh nơi cửu trùng. Thánh dụ như xuân ấm, phủ dụ tới hạ quốc. Ơn đều cả cho người sống, người còn, lễ đủ cả cho việc mừng việc thương. Ngửa trông :

Đức trời thông minh, làm cha mẹ dân. Ơn vua bốn bề, bắt đầu lấy hiếu trị trong việc bang gia. Thương nuôi muôn dân, bắt đầu lấy nhân chính tới hàng cô độc. Nghĩ tới ấu sung, vỗ về khuyên nhủ. Thần : gối đất, nằm rơm, trong thời tang tóc. Công sinh dưỡng, những muốn đền ơn quân phụ. Lòng hiếu trung, nguyện xin giữ phận thần tử.

20.— 求襲封表

（甲寅紹平元年，命宣撫使阮宗胄，侍郎蔡君實，耆人戴良弼等賫表文求封。行遣阮廌作奏本）。

安南故權署國事黎某嫡男臣，黎麟，謹上言。伏以皇仁柔遠，視四海以為家。下國祈封，籲九天而請命，共傾條志，佇聽俞音。恭惟，日月照臨，乾坤覆載，知人則哲，帝堯致萬邦於變之風。御衆以寬，大舜有四夷來王之效，德無遠而弗屆，民有欲而即從，臣僻處遐方，屢蒙聖化，海涵春育，均霑罔外之恩。雨施雲行。願布維新之澤。仰紫宸而三祝，祈聖壽於萬年。臣謹委陪臣阮宗胄戴良弼等奉表奏進以聞。

Phiên âm

CẦU TẬP PHONG BIỂU

(Giáp dần, Thiệu Bình nguyên niên, 1934, Mệnh Tuyên Phủ Sứ, Nguyễn Tôn Trụ, Thị Lang, Thái Quân Thực, Kỳ nhân, Đái Lương Bật đẳng, lại biểu văn cầu phong. Hành Khiển Nguyễn Trãi tác tấu bản).

An Nam cố Quyền Thự quốc sự, Lê Mỗ đích nam, thần Lê Lân, cẩn thượng ngôn : Phục dĩ, hoàng nhân nhu viễn, thị tứ hải dĩ vi gia. Hạ quốc kỳ phong, dụ cửu thiên nhi thỉnh mệnh. Cộng khuynh hễ chí, trữ thính du âm. Cung duy :

Nhật nguyệt chiếu lâm. Càn khôn phú tái. Tri nhân tắc triết, đế Nghiêu chí vạn bang ư biến chi phong. Ngự chúng dĩ khoan, đại Thuấn hữu tứ di lai vương chi hiệu. Đức vô viễn nhi phất giới. Dân hữu dục nhi tức tòng. Thần tị xử hà phương, lũ mông thánh hóa, Hải hàm xuân dục, quân triêm võng ngoại chi ân. Vũ thi vân hành, nguyên bố duy tân chi trạch. Ngưỡng tứ thần nhi tam chúc. Kỳ thánh thọ ư vạn niên. Thần cẩn ủy bồi thần Nguyễn Tôn Trụ, Đái Lương Bất đẳng, phụng biểu tấu tiến dĩ văn.

Dịch nghĩa

BIỂU XIN TẬP PHONG

(Năm giáp dần, Niên hiệu Thiệu Bình năm đầu. Vua sai Tuyên Phủ Sứ, Nguyễn Tôn Trụ, Thị Lang Thái Quân Thực, Kỳ lão Đái Lương Bật mang biểu cầu phong. Hành Khiển Nguyễn Trãi làm tấu văn).

Thần Lê Lân, con đích của Lê Mỗ, cố quyền thự quốc sự nước An-Nam kính tâu : Ngửa trông, Đức nhân lan khắp, coi bốn bể là nhà. Nước nhỏ cầu phong, kêu chín từng thỉnh mệnh Chí nhỏ trông mong, được nghe mệnh tới.

Kính nghĩ : Nhật nguyệt sáng soi, đất trời che chở. Biết người là triết ; thời vua Nghiêu, muôn nước theo về. Trị dân

lấy khoan : thời vua Thuấn, bốn rợ thần phục. Đức đi xa không hạn cõi, dân đã thuận là theo ngay. Thần ở phương xa, được ơn thánh hóa. Công sinh dưỡng thấm nhuần, trong ngoài không riêng. Ơn mưa móc ban bố mọi nơi, đều khắp. Ngửng tinh đầu chúc tam hô. Nghĩ thánh thọ cầu vạn tuế.

Thần ủy cho bồi thần là Nguyễn Tôn Trụ, Đái Lương Bật, biểu tâu trình. Lượng trên soi xét.



21.— 謝襲封表.

安南國權署國事臣，黎麟謹上言：
宣德十年二月初二日，伏覩欽差天
使右侍郎章敞，行人侯璡賫到勅諭．
命臣權署國事臣已祗受拜訖．謹奉
表稱謝者．伏以聖朝柔遠，華夷同
一視之仁，藩國襲封，咫尺拜九重
之命．歡騰海嶠，慶叶臣民．恭惟
智勇正邦，聰明作后，誕敷文德，
拱己而垂衣裳，懷保小民，發政必
先孤獨，惟皇建極，其仁如天，臣
仰荷洪恩，欽承聖訓．愼終如始．
惟罄竭於誠心．保境安民，尚克遵
於侯度．臣謹委潘子曰，程元禧等
奉表稱謝以聞。

Phiên âm

TẠ TẬP PHONG BIỂU.

An Nam quốc, Quyền Thự quốc sự, thần, Lê Lân, cẩn thượng ngôn : Tuyên Đức thập niên, nhị nguyệt, sơ nhị nhật, phục đổ Khâm Sai, thiên sứ, Hữu Thị Lang, Chương Sưởng, Hành nhân, Hầu Tấn, lại đáo sắc dụ, mệnh thần, quyền thự quốc sự. Thân dĩ chi thụ bái cật. Cẩn phụng biểu xưng tạ giả. Phục dĩ : Thánh triều nhu viễn, Hoa Di đồng nhất thị chi nhân. Phiên quốc tập phong, chỉ xích bái cửu trùng chi mệnh. Hoan đằng hải kiệu, khánh hiệp thần dân.

Cung duy : Trí dũng chính bang, thông minh tác hậu. Đản phu văn đức, củng kỹ nhi thùy y thường. Hoài bảo tiểu dân, phát chính tất tiến cô độc. Duy hoàng kiến cực, kỳ nhân như thiên, Thần ngưỡng hà hồng ân, khâm thừa thánh huấn. Thận chung như thủy, duy khánh kiệt ư thành tâm. Bảo cảnh an dân, thượng khắc tuân ư hầu độ. Thần cẩn ủy Phan Tử Viết, Trình Nguyên Hy đẳng phụng biểu xưng tạ dĩ văn.

Dịch nghĩa

BIỂU TẠ ƠN ĐƯỢC TẬP PHONG.

Thần Lê Lân, quyền thự quốc sự, nước An Nam. Kính tâu:

Niên hiệu Tuyên Đức năm thứ 10, tháng 2, ngày mùng hai, được thấy Khâm Sai thiên sứ Hữu Thị Lang, Chương Sưởng, Hành nhân, Hầu Tấn, mang sắc dụ tới mệnh cho thần, quyền thự quốc sự. Thần đã kính vâng bái mệnh. Nay cẩn phụng biểu tạ ơn. Ngữa trông : Đức nhân thánh triều không chia Hoan, Rợ. Tập phong phiến quốc, mệnh trong tấc gang. Núi bể hân hoan, thần dân vui vẻ. Nước trên trí dũng. Vua trên thông minh. Chăm lo dân đen, chính trị nghĩ ngay cô độc. Ban bố văn đức, khoan hồng mong tới yên vui. Ngôi vị cực quý, nhân sánh trời cao. Thần ngửa nhận ơn trên, vâng theo thánh dụ. Chung thủy như nhau, xin hết tâm thành. Giữ cõi yên dân, tuân theo pháp định.

Thần ủy bọn Phan Tử Viết, Trình Nguyên Hy, kính biểu tạ ân, lượng trên soi xét.



22.— 國人謝襲封表

安南國耆人黎問等，謹上言，宣德十年，二月初二日，伏覩欽差天使章敞侯琎等，賫到敕諭，命臣黎麟權署國事，并諭本國官員耆老軍民等。臣一國之人，不勝歡欣躍踴。謹奉表稱謝者，伏以恩綍渙頒，玉陛降九重之命，皇仁遠被，炎邦回萬里之春，草木生光，旄倪溢慶，恭惟 繼天立極，欽福錫民，叶帝舜之重華，賁延于世，懋成湯之大德，功加于時，崇孝治以推恩，開誠心而待物，無思不服，其仁如天，臣僻處遐荒，欣逢盛世，波不揚風不烈，皆賴聖恩，井而鑿，田而耕，咸蒙帝德。

Phiên âm

QUỐC NHÂN TẠ TẬP PHONG BIỂU

An Nam quốc kỳ nhân, Lê Vấn đẳng, cẩn thượng ngôn : Tuyên Đức thập niên, nhị nguyệt, sơ nhị nhật. Phục đồ Khâm Sai thiên sứ, Chương Sưởng, Hầu Tân đẳng, lai đáo sắc dụ,

mệnh thần Lê Lân, quyền thự quốc sự, tịnh dụ bản quốc quan viên kỳ lão quân dân đẳng. Thần nhất quốc chi nhân, bất thăng hoan hân dũng dược. Cẩn phụng biểu xưng tạ giả, Phục dĩ ân phất hoán ban, ngọc bệ giáng cửu trùng chi mệnh. Hoàng nhân viễn bị, viêm giao hồi vạn lý chi xuân. Thảo mộc sinh quang, mao nghê tư khánh. Cung duy : Kế thiên lập cực. Liễm phúc tích dân. Hiệp đế Thuấn chi trùng hoa, thưởng diên vu thế. Mậu Thành Thang chi đại đức, công gia vu thời. Sùng hiếu trị dĩ suy ân. Khai thành tâm dĩ đãi vật. Vô tư bất phục. Kỳ nhân như thiên. Thần tị xử hà hoang, hân phùng thịnh thế, Ba bất dương, phong bất liệt, giai lại thánh ân, Tỉnh nhi tạc, điền nhi canh, hàm mông đế đức.

Dịch nghĩa

BIỂU TẠ CỦA DÂN VỀ VIỆC TẬP PHONG

Niên hiệu Tuyên Đức năm thứ mười, tháng hai, ngày mùng hai, được thấy Khâm Sai thiên sứ là Chương Sưởng, Hầu Tấn, mang sắc dụ tới mệnh cho thần Lê Lân, quyền thự quốc sự, và dụ khắp trong nước quan viên, kỳ lão, quân dân. Toàn thần dận trong nước rất vui mừng kính dâng biểu tạ ơn. Ngửa trông :

Ân rộng bao la, từ bệ ngọc được ban xuống, đức nhân khắp tới, nơi hoang giới như xuân về. Cỏ cây sinh sắc, già trẻ vui mừng.

Kính nghĩ : Thay trời giữ chức, tích phúc cho dân. Hợp văn đức của Đế Thuấn, giúp đời ban bố, theo đại đức của Thành Thang, được thời thành công. Đem hiếu trị ban ơn, lấy thành tâm xét việc. Mọi xứ đều phục, đức nhân như trời. Thần ở nơi hoang vu, mừng gặp đời thịnh. Gió không to, sóng không mạnh, đều nhờ thánh ân, Đào giếng nước, vỡ ruộng cầy, cùng về đế đức,



23.— 賀即位表

乙卯紹平二年，明英宗即位，改元正統。安南國權署國事，臣黎某上言：宣德十年，十二月初一日，欽蒙天使行人朱弼謝經等，頒到詔書，伏覩皇上新登寶位。謹奉表稱賀者。伏以泰運重開，四海仰中天之日月，泰皇正始，萬邦歸一統之山河。宗社奠安，華夷悅服。恭惟。體乾行健，如日方升敬所尊而愛所親孝先天下。御以寬而臨以簡，德及遠人。凡屬照臨，舉皆歡慶。臣僻居遐壤。久沐深恩。望天闕於九重，威顏咫尺。效華封之三祝聖壽萬年。臣下情云云…

Phiên âm

HẠ TỨC VỊ BIỂU

(Ất mão, Thiệu Bình, nhị niên, Minh Anh Tôn, tức vị cải nguyên Chính Thống).

An Nam quốc, quyền thự quốc sự thần, Lê Mỗ thượng ngôn

Tuyên Đức thập niên, thập nhị nguyệt, sơ nhất nhật, Khâm Sai, thiên sứ, hành nhân, Chu Bật, Tạ Kinh đẳng, ban đáo chiếu thư. Phục đổ, Hoàng Thượng, tân đăng bảo vị, cẩn phụng biểu xưng hạ giả, Phục dĩ, Thái vận trùng khai, tứ hải

ngưỡng trung thiên chi nhật nguyệt. Xuân vương chính thủy, vạn bang quy nhất thống chi sơn hà. Tôn miếu điện an. Hoa di duyệt phục. Cung duy :

Thể cần hành kiện, như nhật phương thăng. Kính sở tôn, nhi ái sở thân, hiếu tiên thiên hạ. Ngự dĩ khoan, nhi lâm dĩ giản, đức cập viễn nhân. Phàm thuộc chiếu lâm, cử giai hoan khánh.

Thần, tịch cư hà nhưỡng, cửu mộc thâm ân. Vọng thiên khuyết ư cửu trùng, uy nhan chỉ xích. Hiệu hoa phong chitam chúc, thánh thọ vạn niên. Thần hạ tình, vân vân...

Phiên âm

BIỂU MỪNG VUA TÀU LÊN NGÔI.

(Năm Ất Mão niên hiệu Thiệu Bình, năm thứ Hai, triều Minh, vua Anh Tôn lên ngôi, đổi niên hiệu là Chính Thống).

Thần Lê Mỗ, quyền thự quốc sự nước An Nam, kính tâu :

Niên hiệu Tuyên Đức, năm thứ mười, tháng mười hai, ngày mồng một, kính được Khâm Sai thiên sứ Hành Nhân là bọn Chu Bật, Tạ Kinh, tới ban chiếu thư. Hoàng thượng mới lên ngôi báu, kính phụng biểu mừng. Ngửa trông :

Thái vận bắt đầu, bốn bề ngóng coi, giữa trời nhật nguyệt. Xuân vương khởi thủy, muôn nước quay về một mối giang sơn. Xã tắc vững yên, hoa di mừng phục. Kính nghĩ :

Pháp nghiêm, hành mạnh. Mặt trời mới lên, Đáng tôn thì kính, đáng thân thì yêu, lấy hiếu đủ trị thiên hạ. Đối dân thì khoan, đối việc thì giản, lấy đức rộng tới phương xa. Đất thuộc được xét soi, đâu đó đều vui mừng. Thần ở phương xa, gội ơn từ trước. Ngóng cửa khuyết ở nơi cửu trùng, uy nhan như gần gang tấc. Theo hoa phong đọc câu tạm chúc, thánh thọ cầu được muôn năm. Thần kính dâng, vân vân...



24.— 賀尊皇太后表

安南國權署國事臣黎某謹上言宣德
十年十二月初二日伏覩天使朱弼謝
經賚到詔書尊聖祖母爲太皇太后謹
奉表稱賀者伏以尊親禮重九州極至
養之榮持載恩深萬物蒙資生之德歡
騰嶺海喜溢臣民恭惟
淵靜懿恭聰明淑哲爲天下母施實惠
以子羣生居域中尊弘至仁而家四海
風行所及愛戴攸同臣側聽綸音遙伸
賀悃海天萬里阻趨北闕之班嵩岳三
呼虔祝東朝之壽但臣下情云云

Phiên âm

HẠ TÔN HOÀNG THÁI HẬU BIỂU.

An Nam quốc, quyền thư quốc sự, thần, Lê Mỗ, cẩn thượng ngôn : Tuyên Đức thập niên, thập nhị nguyệt, sơ nhị nhật, phục đổ thiên sứ, Chu Bật, Tạ Kinh, lại đáo chiếu thư tôn thánh tổ mẫu vi Thái Hoàng Thái Hậu. Cẩn phụng biểu xưng hạ giả. Phục dĩ : Tôn thân lễ trọng, cửu châu cực chí dưỡng chi vinh, Trì tải ân thâm, vạn vật mông tư sinh chi đức. Hoan đằng lĩnh hải. Hỷ dật thần dân. Cung duy : Uyên tĩnh, ý cung. Thông minh thục triết. Vi thiên hạ mẫu, thi thực huệ dĩ tử quần sinh. Cư vực trung tôn, hoằng chí nhân nhi gia tứ hải. Phong hành sở cập, ái đái du đồng. Thân trắc thính luân âm, dao thân hạ khổn. Nải thiên vạn lý, trở thú bắc khuyết chi ban. Tung Nhạc tam hô cận chúc Đông Triều chi thọ. Đãn thần hạ tình, vân vân..

Dịch nghĩa.

BIỂU MỪNG TÔN HOÀNG THÁI HẬU (Nước Tàu).

Thần Lê Mỗ, quyền thự quốc sự nước An Nam kính tâu :

Niên hiệu Tuyên Đức năm thứ Mười, tháng 12 ngày mùng 2, được thấy thiên sứ Chu Bật, Tạ Kính, mang tới chiếu thư, tôn Thánh Tổ mẫu lên vị Thái Hoàng Thái Hậu. Kính dâng biểu mừng. Ngửa trông : Tôn thân là lễ trọng, hiếu dưỡng thiên hạ đều ca ngợi, Nuôi nấng vốn ân thâm, thánh đức muôn vật được ơn nhờ. Non bể vui mừng, thần dân hát múa. Kính nghĩ :

Trầm tĩnh đức cao. Thông minh trí sáng. Làm mẹ thiên hạ, ban ơn huệ cho quần chúng là con. Ở nơi tôn cung, thi đức nhân coi bốn bể trời, không thân tới chầu nơi bắc khuyết. Ba lần chúc tụng, vắng mặt mừng thọ cung Đông Triều. Thần đẳng kính nghĩ, vân vân...

25.— 謝冊封國王表

(紹平丙辰遣尚書陶公僎內
密阮叔惠求封)

安南國權署國事臣黎某謹上言正統
二年明英宗正月十三日伏覩天使李
郁李亨持節賫捧詔敕金印封臣為安
南國王臣已祗受拜受訖謹奉表稱謝
者伏以鳳翥鸞翔降金章於天闕雲行
雨施霑聖澤於遐方簡在宸衷喜踰望
外恭惟繼天出治如日方升合四海以
為家小懷大畏法九經而為國厚往薄
來致令遠邇微之臣屢荷駢蕃之寵臣
幸逢盛代祗佩龍光就日望雲雖隔九
重之遠敬天事大願殫小國之誠臣下
情云云

Phiên âm

TẠ SÁCH PHONG QUỐC VƯƠNG BIỂU.

(Thiệu Bình, bính thìn, khiển Thượng Thư Đào Công Soạn, Nội Mật Nguyễn Thúc Huệ cầu phong).

An Nam quốc, quyền thự quốc sự, thần, Lê Mỗ, cẩn thượng ngôn : Chính Thống nhị niên (Minh Anh Tôn) chính nguyệt, thập tam nhật, phục đổ thiên sứ Lý Úc, Lý Hanh, trì tiết lại phủng chiếu sắc, kim ấn, phong thần vi An Nam quốc vương. Thần dĩ chi thụ. Bái thụ cật. Cẩn phụng biểu xưng tạ giả. Phục dĩ, phụng chứ, loan tường. giáng kim chương ư thiên khuyết. Vân hành vũ thí, triêm thánh trạch ư hà phương.

Giản tại thần trung. Hỷ du vọng ngoại Cung duy : Kế thiên xuất trị. Như nhật phương thăng. Hợp tứ hải dĩ vi gia. tiểu hoài đại úy. Pháp cửu kinh nhi vi quốc, hậu vãng bạc lai Chí lịnh viễn kiêu chi thần. Lũ hà biền phiên chi sủn g. Thần hạnh phùng thịnh đại, chi bội long quang. Tựu nhật vọng vân, tuy cách cửu trùng chi viễn. Kính thiên sự đại, nguyện đàn tiểu quốc chi thành. Thần hạ tình, vân, vân...

Dịch nghĩa

BIỂU TẠ ƠN ĐƯỢC SÁCH PHONG QUỐC VƯƠNG.

(Niên hiệu Thiệu Bình, sai Thượng Thư Đào Công Soạn, Nội Mật, Nguyễn Thúc Huệ, cầu phong).

Thần Lê Mỗ, quyền thự quốc sự nước An Nam, kính tâu : Niên hiệu Chính Thống (Minh Anh Tôn) năm thứ hai, tháng giêng, ngày 13, Được thấy thiên sứ Lý Úc, Lý Hạnh, cầm cờ tiết, phụng chiếu sắc, Kim ấn, tới phong cho thần làm An Nam quốc vương. Thần đã vâng mệnh. Bái mệnh xong, kính dâng biểu tạ ơn. Ngửa trông :

Phụng múa, loan bay, rực rỡ nơi thiên khuyết. Gió hòa mưa thuận, chan hòa tới phương xa. Sắc thảo tại Kinh, mừng rỡ khôn tả, Kính nghĩ : Thay ngôi trời trị dân, như mặt trời mới sáng. Hợp bốn bề làm một nhà, nhỏ mong, lớn sợ. Lấy chín kinh làm phép nước, đón tới, đưa đi. Lịnh ban nơi biên bỉ, ơn rội chấn phiên ly. Thần may gặp thời hay. Mừng được ánh sáng. Tới trời coi sắc mây, ngại đâu nghìn trùng đường cách trở. Kính trời thờ nước lớn, tuy rằng nước nhỏ, tâm tận thành. Thần kính dâng, vân, vân..

26.— 作後嗣訓以戒太子詔・

帝作後嗣訓，以戒國王太子曰：我
聞帝王禪讓，必以心法治法而併傳，
世代繼承，每述訓言戒言，而垂範
雖所遇之時或異，而所爲之事則同。
我觀剪荊棘手鋤殭暴，以介胄爲衣
被，以草野爲室家。履險垂危，蹈
霜冒刃，然後掃蕩風塵。創成基業，
經營締構，厥惟難哉。今汝因我之
功勞，承我之基緒。凡其監國撫軍
之要，存心出治之方，勉力而行，
無時豫息。敦睦親屬，思存友愛之
心，子惠庶民，思布寬仁之政，勿
以私恩而濫賞，勿以私怒而濫刑。勿
殖貨財而肆侈靡。勿邇聲色而縱荒
淫。至於推己用人，受言納諫，一
政一令之施，一言一動之發，悉由
中正，用作典常。度使上有以答天
心，下有以孚人望，則國家永安。
若其自用聰明，用爾私昵，廢我之
臣，改我之政，變更家法，遺棄懿
親，疎遠忠直之人，親近諂諛之輩。
惟快意之事是作，惟玩目之事是求，
不遑勤儉之節，不念艱難之功，如
古人所謂，厥父既底作室而子弗肯
堂，肯構，厥父既勤敷菑，而子弗

肯播肯穫，安能成我之志，承我之業，而傳祚於無窮乎。且懷于有仁者民也。載舟覆舟者亦民也，佑于有德者天也。難諶靡常者亦天也。雖以舜禹湯文之聖，然猶兢兢業業，克勤克儉，慄慄危懼，翼翼小心敬天勤民，不敢少忽。況於其下者乎。夫繼體之君，出於豢養，溺於宴安。常無立志，苟不訓之於始，戒之於初。使其儆懼操存感激奮發，則安能盡繼述之道，以福天下之民哉，此戒諭之辭不能已於有言也。嗚呼，啟能敬承克享曆年之祚，武能繼述克昭達孝之名，爾其祇佩余言。勉希前哲，故訓。

Phiên âm

TÁC HẬU TỰ HUẤN DĨ GIỚI THÁI-TỬ

Đề tác hậu tự huấn, dĩ giới quốc vương Thái-Tử viết :

Ngã văn đế vương thiện nhượng, tất dĩ tâm pháp, trị pháp, nhi tịnh truyền. Thế đại kế thừa, mỗi thuật huấn ngôn, giới ngôn, nhi thùy phạm, tuy sở ngộ chi thời hoặc dị, như sở vi chi sự tắc đồng. Ngã thân tiễn kinh cức, thủ sừ cường bạo, dĩ giới trụ vi y bị, dĩ thảo dã vi thất gia. Lý hiểm thùy nguy, đạo sương mạo nhận, nhiên hậu tảo đãng phong trần, sáng thành cơ nghiệp. Kinh doanh đề cấu, quyết duy gian tai. Kim nhữ nhân ngã chi công lao thừa ngã chi cơ tự, Phàm kỳ giám quốc phủ quân chi yếu, tồn tâm xuất trị chi phương, miễn lực nhi hành, vô thời dự đãi. Đôn mục thân thuộc, tư tồn hữu ái chi tâm. Tử huệ thứ dân, tư bố khoan nhân chi chính. Vật dĩ tư ân nhi lạm thưởng, vật dĩ tư nộ nhi lạm hình. Vật thực hóa tài nhi tứ xỉ mi. Vật nhĩ thanh sắc nhi túng hoang dâm. Chí ư suy kỷ dụng nhân, thụ ngôn nạp gián nhất chính, nhất lịnh chi thi, nhất ngôn nhất động chi phát, tất do trung chính. Dụng tác điển thường. Thứ sử thượng hữu dĩ đáp thiên tâm, hạ hữu dĩ phu nhân vọng, tắc quốc gia vĩnh an. Nhược kỳ tự dụng thông minh, dụng nhĩ tư nặc, phế ngã chi thần, cải ngã chi chính, biến canh gia pháp, di khi ý thân, sơ viễn trung trực chi nhân, thân cận xiểm du chi bối, duy khoái ý chi sự thị tác, duy ngoạn mục chi sự thị cầu, bất tuân cần kiệm chi tiết, bất niệm gian nan chi công. Như cổ - nhân sở vị, quyết phụ kỳ đề tác thất, nhi tử phất khẳng đường, khẳng cấu. Quyết phụ kỳ cần phu chi, nhi tử phất khẳng bá, khẳng hoạch. An năng thành ngã chi chí, thừa ngã chi nghiệp, nhi truyền tộ ư vô cùng hồ. Thả, hoài vu hữu nhân giả, dân giả. Tài chu, phúc chu giả diệc dân giả. Hữu vu hữu đức giả, thiên dã, nan thầm mi thường giả, diệc thiên dã. Tuy dĩ Thuấn, Vũ, Thang, Văn chi thánh, nhiên do căng căng, nghiệp nghiệp, khắc cần, khắc kiệm, lật lật nguy cụ, dực dực tiểu tâm, kính thiên, cần dân, bất cảm thiểu

hốt, huống ư kỳ hạ giả hồ. Phù kế thể chi quân, xuất ư hoạn dưỡng, nịch ư yến an, thường vô lập chí. Cầu bất huấn chi ư thủy, giới chi ư sơ, sử kỳ cảnh cụ thao tồn, cảm kích phấn phát, tắc an năng tận kế thuật chi đạo, dĩ phúc thiên hạ chi dân tai. Thử giới dụ chi từ bất năng dĩ ư hữu ngôn dã. Ô hô, khải năng kính thừa, khắc hưởng lịch niên chi tộ. Vũ năng kế thuật khắc chiêu đạt hiếu chi danh, nhĩ kỳ chi bội dư ngôn, miễn hy tiền triết. Cố huấn.

Dịch nghĩa

CHIẾU HẬU TỰ HUẤN, (DẠY CON NỐI NGÔI) ĐỂ DẠY THÁI TỬ.

Vua viết bài Hậu Tự Huấn để răn quốc vương Thái Tử. Viết rằng : Ta nghe đế vương truyền ngôi, tất truyền cả hai tâm pháp lẫn trị pháp. Các đời nối dõi, đều có đặt thành phép, cách nối cùng lời răn. Dù thời có đổi khác, mà việc vẫn giống nhau. Ta thân chém gai góc, tay bừa cường bạo, lấy mũ giáp làm áo chăn, lấy đồng ruộng làm nhà cửa, xông pha nguy hiểm, dày rội tuyết sương, Rồi sau mới quét sạch phong trần, dựng thành cơ nghiệp. Kinh doanh khai sáng, thực gian nan thay. Nay người, nhân được ta đã có công lao, đã gây giường mối, thì phàm việc giám quốc, cầm quân phải hết lòng theo phép trị, cố sức mà làm, đừng có lười nhác. Đối với thần thuộc, giữ vững hòa mục trong tâm. Thương dân như con, cần khoan nhân việc chính trị. Chớ lấy ơn riêng mà cứ thưởng. Chớ lấy giận riêng mà gia hình. Chớ vơ vét bạc tiền để phí phao xa xỉ. Chớ vui thích thanh sắc mà phóng túng hoang dâm. Phải nghĩ quên mình mà dụng người, chịu nghe mà nhận can. Một chính lệnh, một chỉ dụ ban hành, một ngôn ngữ, một cử chỉ phát biểu, tất phải trung chính, đều do điển thường. Mới khiến cho trên thì đáp được

lòng trời. dưới thì yên được ý dân. Như thế thì quốc gia được yên lâu. Ví như chỉ dùng trí mình, chỉ nghe người riêng, bỏ quan của ta, đổi chính của ta, biến cả phép nhà, đuổi người hiền thần, xa người trung trực, gần bọn xiểm gian, chỉ việc khoái ý mới làm, chỉ đồ đẹp mắt mới chuộng, không theo tiết cần kiệm, không nghĩ công gian nan, thì y như xưa có chuyện : Cha đã dựng nền, mà con không xây nhà, lợp mái. Cha đã khẩn ruộng. mà con không cấy lúa, trồng cây. Như thế sao thành được chí ta, sao giữ được nghiệp ta, mà mong truyền dõi lâu dài. Vả lại trông mong vào người có nhân, đó là dân. Chở thuyền, đắm thuyền cũng lại là dân. Giúp đỡ cho người có đức là trời, khó biết không thường cũng lại là trời. Tuy thánh như Thuấn. Vũ, Thang, Văn, mà còn năm nắm nơm nớp, chịu siêng năng, chịu cần kiệm, sợ hãi lo âu, chăm chút để tâm kính trời lo dân, không dám sót việc, huống hồ ở vào bực dưới. Xét vua nối công nghiệp vua trước, từ nhỏ đã được chăn nuôi, đã được yên vui, thường không có chí. Ví như ban đầu làm việc không được dạy, bắt tay vào việc không được răn, để cho biết lo sợ, biết giữ gìn, biết cảm kích, biết phấn phát, thì sao mà làm hết được cách nối nghiệp, thì sao mà làm đủ được phúc cho dân vậy.

Vậy lời huấn dụ này không chỉ có mà gọi là đủ được.

Khó thay ! Ông Khải, con vua Hạ Vũ biết nghe lời dạy, được hưởng truyền lâu dài. Ông Vũ con vua Văn Vương biết nối nghiệp lớn, được tiếng hiếu sáng lạn. Ngươi vâng nghe lời ta, cố theo kịp tiền triết. Nay có huấn từ.

27.— 贈昭儀爲皇太妃制紹平年間

制曰：朕惟克敬惟親，聿追來孝，撫高后艱難之業，惟中閨翊亮之勤，載揚大號於朝廷，用妥徽靈於窀穸，具位某秉持懿德，經事先朝。遭板蕩之乾坤，共沐櫛於風雨，奉承箕帚，無忘灑掃之心，翊補衣裳，期盡彌縫之益，一心在御，千載靡違，芒陽雲氣，睢水風沙，凡備嘗於艱險，滹沱麥飯，蔞亭豆粥，嘗相助於渴饑，致黄極之奠安，多雞鳴之儆戒。方母后不幸而升逝，獨朕躬有賴於扶持。深懷顧復之恩。敢後追崇之典，粤考成周之遺制。宜加太妃之新封，于以張保佑之功于以盡榮哀之禮，於戲，褘翟命服，流輝無間於存亡，馬鬣漏泉，青紛有光於冥漠。

Phiên âm

TẶNG CHIÊU NGHI VI HOÀNG THÁI-PHI CHẾ
THIỆU-BÌNH NIÊN GIAN

Chế viết: Trẫm duy khắc kính, duy thân, duật truy lai hiếu. Phủ Cao-Hậu gian nan chi nghiệp. Duy trung khuê dực lượng chi cần. Tải dương đại hiệu ư triều đình. Dụng thỏa duệ linh ư biếm tịch. Cụ vị mỗ bỉnh trì ý đức, kinh sự tiên triều, tao bản đãng chi càn khôn, cộng mộc trất ư phong vũ. Phụng thừa cơ

chửu, vô vong sái tảo chi tâm, dực bổ y thường, kỳ tận di phùng chi ích. Nhất tâm tại ngự. Thiên tải mị hoàng. Mang dương vân khí. Thư thủy phong sa. Phàm bị thường ư gian hiểm, Hồ Đà mạch phạn, Lâu Đình đậu chúc. Thường tương trợ ư khát cơ, chí ngao chửng chi điện an, đa kê minh chi cảnh giới.

Phương mẫu Hậu bất hạnh nhi thăng thệ. Độc trẫm cung hữu lại ư phù trì. Thâm hoài cố phục chi ân, cảm hậu truy sùng chi điển. Việt khảo thành Chu chi di chế. Nghi gia Thái-Phi chi tân phong. Vu dĩ trương bảo hựu chi công. Vu dĩ tận vinh ai chi lễ.

Ô hy, Huy địch mệnh phục. Lưu huy vô gián ư tồn vong. Mã liệp lậu tuyền, thanh sức hữu quang ư minh mạc.

Dịch nghĩa

CHẾ, TẶNG PHONG CHIÊU-NGHI LÀM HOÀNG-THÁI-PHI NIÊN HIỆU THIỆU-BÌNH.

Chế rằng :

Trẫm đối người thân rất kính, vẫn mong đạo hiếu treo gương. Nghĩ thời Cao-Hậu bị gian nan, cùng tính chuyên cần trong cung khuyết.

Tiếng thơm còn để lại triều đình, vong linh được thỏa nơi u khuất. Vốn người đức hay, từng thờ triều trước.

Gặp khi trời đất đảo điên, cứ giữ phận mình cân trất.

Vá khâu áo khăn, quét sạch bụi cát.

Một lòng hầu ngự, muôn thủa nên danh.

Mây bay Mang lĩnh, gió cuốn Thư hà.

Khi Hô Đà cơm sống, khi Lâu Đình cháo khoai.

Cùng chịu đói khát, giúp công vá trời.

Siêng năng công vụ, sớm dục coi chầu.

Đương khi mẫu hậu không may mệnh hết, là lúc riêng trẫm lại được trông coi.

Ơn sâu được đoái tới, điển lễ nghĩ báo đền.

Cứ theo Thành Chu pháp chế, tuyên tặng Thái Phi truy phong.

Vì công giúp đỡ che chở, dám đủ thể thức tôn vinh.

Than ôi : Mệnh phục tôn nghiêm, kể chi việc còn mất. Lễ nghi trang trọng, rạng tỏ chốn u-minh.



28. 贈昭儀為貞懿元妃制。

制曰：朕惟聖人制禮，道莫重於親親，朝廷推恩，義尤敦於貴貴。載敭制綍，用賁幽扃。具位某：淑慎柔嘉，端莊靜一。當，乾坤草昧之際，彤宮盡儉約之風。靈山之糗糒艱難，尤資主饋。凜厲之衣裳藍縷。每念佑輔先朝之功，豈忘保佑沖人之德。時方大定，人已云亡。欲伸至孝之情，敢後追崇之典。是用擢寘元妃之列，以昭異數之恩，於戲，生養雖殊，恩有同於罔極。存亡無間，期默相於永終。 縫彌賴正

Phiên âm

TẶNG CHIẾU-NGHI VI TRINH-Ý NGUYÊN PHI CHẾ

Chế viết : Trẫm duy thánh nhân chế lễ, đạo mạc trọng ư thân thân. Triều đình suy ân, nghĩa vưu đôn ư quý quý. Tải dương chế phất. Dụng bí u quynh. Cụ vị mỗ : Thục thận nhu gia. Đoan trang tĩnh nhất. Đương : Càn khôn thảo muội chi tế, hình cung hồ kiệm ước chi phong. Linh Sơn chi khứu bí gian nan, vưu tư chủ quỹ. Lẫm lệ chi y thường lam lũ, chính lại di phùng. Mỗi niệm hữu phụ tiến triều chi công, khởi vong bảo hữu xung nhân chi đức. Thời phương đại định nhân dĩ vân vong. Dục thân chí hiếu chi tình, cảm hậu truy sùng chi điển. Thị dụng trạc trí nguyên Phi chi liệt, dĩ chiêu vị số chi ân.

Ô hy ! Sinh dưỡng tuy thù, ân hữu đồng ư võng cực Tồn vong vộ gián, kỳ mặc tương ư vĩnh chung.

Dịch nghĩa

CHẾ TẶNG PHONG CHIẾU NGHI LÀM TRINH Ý NGUYÊN PHI

Trẫm nghĩ : Thánh nhân chế lễ, đạo không đạo nào trọng bằng thân người thân. Triều đình xét nghĩa, không nghĩa nào hậu hơn quý người quý. Có chức vị khi sống, có cờ biển khi về :

Nay lễ phong đã đầy đủ :

Thận trọng nhu mì. Đoan trang trinh tĩnh.

Đương lúc giời đất bị hoang mang, thì ở cung dinh cần kiệm ước. Trại quân lương khô khó khăn, mà phải chăm lo cho đủ. Quan ải áo mặc rách rưới mà phải nối vá cho lành. Mỗi nghĩ tới công phu tiên triều, há quên được đức giúp tiên đế. Thời nay đại định đã đi rồi.

Muốn cho rõ tình chí hiếu, dám đâu chậm điển truy phong. Vậy dùng lễ đặt Nguyên Phi thứ bực, để sáng tỏ các công ơn nhiều lần

Than ôi ! Sinh dưỡng có phân chia, mà công ơn thì tới mức Mất còn không biết rõ, mà thời hạn thì vô cùng.



29.— 冰壺遺事錄.

冰壺，相公，陳氏之親族。父入内
太保成肅公諱文璧，輔明廟至太平，
祖文肅王諱道載，十四歲試中榜眼。
聖廟特賜文服以寵異之，稱其管葛
之才，有意大用。未及陟相，而王
早薨。曾祖上將太師昭明大王諱光
啟，太宗之次子，重興年間，功居第
一。常出征，聖廟賜二旗。宸翰題云
：一代功名天下有，兩朝忠孝世間
無。可見非常之人矣。壽五十歲，
有樂道集，行于世。公諱元旦。家
傳詩禮，胄出神明，霽月光風，雅
有出塵之想。青天白日，明其許國
之忠。昔當昏德構亂之時，從藝睿
二帝出奔于外。當平之後，是立作
相，定扶攜于震撼之際，解紛結于
錯亂之餘。數年之間，海内平治，
國人稱曰賢相。雖兒童走卒莫不知
名。自胡氏進用，陰冰始凝，公曰
君子見幾而作，不俟終日，於是創
清虛洞於鳳山縣之崑山，以為退休
之處。洞成，睿廟賜御書清虛洞三
大字，揭之碑額。藝廟親製碑銘刻
之岩陰。公雖迹寓林泉，志存宗社。
其憂愛之念，未嘗一日暫忘于懷。
每托之詩歌，寫其忠憤，或去或留，
一動一靜，莫非諫說。藝宗終不之

刎之有。必曰時事如此，余何死乎
矣。豈復求生見禍亂耶。公沒未幾，
胡氏果篡國，殺戮陳氏子孫無遺。
其先見之明有如是焉。壽六十五。
以庚午年十一月十四日卒于家。葬
于諒州府鳳山縣之峽山。歷官至入
內檢校司徒平章國上候。謚章肅，
有冰壺玉壑集，行于世。男女十一
人，兵後鮮有存者。余母公第三女
也，先公而沒，余竊感彭澤陶公作
外祖孟府君傳，眉山蘇公錄程公遺
事。晦庵文公又錄祝公遺事。凱風
寒泉之思。寔鍾于心况公子孫殆盡，
堂構之托，實在余擬復築室于崑山
之下，歲時薦享，而厥志未遂，因
命工繪集遺事錄于後，藏之於家，
以示不忘，亦庶幾乎陶公蘇公文公
之心也。餘見藥溪先生所撰清虛洞
記。及別誌書云：順天元年戊申仲
冬，宣奉大夫入內行遣門下右諫議
大夫同中書令事賜金紫魚袋上護國

冠服侯賜姓黎臚・附藝宗御製碑銘・
司徒創庵于此峑巖，岂有願於獨樂・
蓋寓意乎來臨，日坐磐石，則欲置
國勢之安・日撫清流，則欲資國論
之深・蔭茂樹則資縉吾民之大疵・
倚修竹則欲置賢士之如林，輔贊我
治，無有遐心此朕所以嘆而書于山
之陰者也・



Phiên âm

BĂNG-HỒ DI SỰ LỤC.

Băng-Hồ Tướng-Công, Trần thị chi thân tộc. Phụ, Nhập-Nội, Thái-Bảo Uy Túc Công, húy Văn-Bích, phụ. Minh-Miếu chí thái bình. Tổ phụ, Túc-Vương, húy Đạo-Tải, thập tứ tuế thí trúng Bảng nhãn, Thánh-Miếu đặc tứ văn phục dĩ sủng dị chi. Xưng kỳ Quản, Cát chi tài, hữu ý đại dung. Vị cập trắc tướng, nhi công tảo hoăng. Tằng tổ Thượng-Tướng, Thái-Sư Chiêu-Minh đại vương, húy Quang Khải, Thái-Tôn chi thứ tử. Trùng hưng niên gian, công cư đệ nhất. Thường xuất chinh, Thánh Miếu tứ nhị kỳ, thần hàn đề vân: Nhất đại công danh thiên hạ hữu. Lưỡng triều trung hiếu thế gian vô. Khả kiến phi thường chi nhân hỹ Thọ ngũ thập tuế. Hữu Lạc đạo tập hành vu thế.

Công húy Nguyên-Đán, gia truyền thi lễ. Trụ xuất thần minh. Tễ nguyệt quang phong nhà hữu xuất trần qui tưởng. Thanh bạch thiên nhật, minh kỳ hứa quốc chi trung. Tích đương hôn đức, bội loạn chi thời, tòng Nghệ, Duệ, nhị Đế xuất bôn vu ngoại. Sự bình chi hậu, viên lập tác tướng, định thung tràng vu chấn hám chi tế giải phân kết vu thác loạn chi dư. Sổ niên chi gian, hải nội bình trị. Quốc nhân xưng viết: Hiền tướng. Tuy nhi đồng, tẩu tốt, mạc bất tri danh. Tự hồ thị tiến dụng, âm băng thủy ngưng. Công viết: Quân tử kiến cơ nhi tác, bất sĩ chung nhật. Ư thị, sáng Thanh Hư động ư Phụng Sơn huyện chi Ngôi Sơn dĩ vi thoái hưu chi xứ. Động thành, Duệ Miếu tứ ngự thư Thanh Hư động tam đại tự, yết chi bi ngạch. Nghệ Miếu thân chế bi minh, khắc chi nham âm. Công tuy tích ngụ lâm tuyền, chí tồn tôn xã. Kỳ ưu ái chi niệm, vị thường nhất nhật tạm vong vu hoài. Mỗi thác chi thi ca, ngụ kỳ trung phần. Hoặc khứ hoặc lưu, nhất động, nhất tĩnh, mạc phi gián thuyết. Nghệ Tôn chung bất sát. Do thị, Hồ gia khí diễm nhật thinh, phụ thế nhật phồn, quốc nhật dĩ tước, vô

khả nại hà. Nhi công thoái hưu chi chí thủy quyết. Lâm chung, bệnh bất phục dược. Tử tôn hữu khuyến chi giả, tất viết : Thời sự như thử, dư đắc tử hạnh hỹ, khởi phục cầu sinh kiến họa loạn gia. Công một vị kỷ, Hồ thị quả thoán quốc, sát lục Trần thị tử tôn vô di. Kỳ tiên kiến chi minh hữu như thị yên. Thọ lục thập ngũ. Dĩ canh ngọ niên, thập nhất nguyệt, thập tứ nhật, tốt vu gia, Táng vu Lang Châu phủ Phụng Sơn huyện chi Giáp Sơn.. Lịch quan chí Nhập Nội, Kiểm Hiệu Tư Đồ, Bình Chương Quốc Thượng Hầu, thụy Chương Túc. Hữu Bảng Hồ Ngọc Hác tập, hành vu thế. Nam nữ thập nhất nhân. Bính hậu tiền hữu tồn giả. Dư mẫu, công đệ tam nữ dã, tiên công nhi một.

Dư thiết cảm Bành Trạch Đào Công tác Ngoại tổ Mạnh phủ quân truyện ; My Sơn, Tô Công lục Trình Công di sự ; Hối Am Văn Công hựu lục Chúc Công di sự. Khải phong, hàn tuyên chi tư, thực chung vu tâm. Huống công, tử tôn đãi tận, đường cấu chi thác, thực tại dư nghĩ phục trúc thất vu Côn sơn chi hạ, tuế thời tiến hưởng, nhi quyết chí vị toại. Nhân mệnh công hội tập di sự lục vu hậu tàng chi ư gia, dĩ thị bất vong. Diệc thứ cơ hồ Đào Công, Tô Công Văn Công chi tâm dã. Dư kiến Nhị Khê tiên sinh sở soạn Thanh Hư động ký, cập biệt chí thư vân.

Thuận Thiên, nguyên niên, mậu thân, trọng đông. Tuyên Phụng đại phu Nhập Nội Hành Khiển, môn hạ, Hữu Gián Nghị đại phu đồng Trung Thư lịnh sự, tứ kim tử ngư đại, Thượng Hộ Quốc quan phục Hầu, Tứ tính Lê-Trãi.

Phụ Nghệ Tôn ngự chế bi minh.

Tư Đồ sáng am vu thử, ngâm hâm, khởi hữu nguyện ư độc lạc, cái ngụ ý Hồ lai lâm. Nhật tọa bàn thạch, tắc dục trí quốc thế chi an. Nhật phủ thanh lưu, tắc dục tứ quốc luận chi thâm. Ấm mậu thụ tất tư khoáng ngũ dân chi đại tỉ. Ỷ tu trúc tắc dục trí hiền sĩ chi như lâm. Phụ tán ngã trị, vô hữu hà tâm. Thử trẫm sở dĩ thán nhi thư vu sơn chi âm giả dã.

Long Khánh tam niên, quí xuân lập.

Dịch nghĩa

CHÉP TIỂU SỬ BĂNG HỒ

Băng hồ Tướng Công là tôn thần nhà Trần. Cha là Nhập Nội, Thái Bảo Uy Túc, húy là Văn Bích, giúp Minh Tôn cho tới khi nước yên, Ông là Văn Túc Vương, húy là Đạo Tải, năm 14 tuổi, thi trúng Bảng Nhãn, vua Thánh Tôn đặc ban mũ áo, khen là xưng tài Quản, Cát (1), có ý dùng vào việc quan trọng, chưa kịp thì Văn Túc Vương đã mất sớm. Cụ là Thượng Tướng Thái Sư, Chiêu Minh Đại Vương, húy là Quang Khải, con thứ vua Thái Tôn, trong khoảng trung hưng công vào bực nhất. Thường cầm quân đánh giặc, Thánh Tôn ban cho hai ngọn cờ có đề câu : Một đời công danh thiên hạ có, Hai triều trung hiếu, thế gian không. Đủ biết là hạng người phi thường. Thọ 50 tuổi. Còn tập Lạc Đạo để lại.

Công húy là Nguyên Đán, dòng nhà thi lễ, vốn nếp thông minh. Như gió hòa, trăng bạc, có tư tưởng thoáng trần. Như

(1) Quản Trọng, đời Xuân Thu, Gia Cát Lượng đời Hán nước Tau, là tướng giỏi.

nắng sáng, trời xanh, sẵn trung tâm vì nước. Đương thời chính suy, nước loạn theo hai vua Nghệ, Duệ, lánh ra ngoài. Đến khi công việc đã yên, mới về triều giữ chức tướng. Định lại quan chức trong thời hỗn loạn, gỡ lại giường mối khi được trị an. Mới hết vài năm, trong nước bình yên. Dân chúng đều khen là Hiền Tướng, dù là ngu dân cũng biết tiếng. Thế rồi họ Hồ được dùng, mầm loạn nẩy nở. Công nói : Quân tử làm việc cần biết thời cơ, đừng để nước đến chân mới nhẩy. Thế là dựng động Thanh Hư ở chân núi Ngôi Sơn, huyện Phụng Sơn, để lấy làm chỗ lui về. Động dựng xong vua Duệ Tôn có ban cho ba chữ đại tự Thanh Hư động, khắc trên bia. Vua Nghệ Tôn thân soạn bài bia, cho khắc dựng ở chân núi. Công tuy ngụ nơi lâm tuyền, mà chí vẫn ở tôn xã. Lòng ưu ái chưa một ngày nào đã nhác quên, mỗi khi ngâm vịnh vào thi ca là thấy rõ. Khi đi, khi ở khi làm khi nghỉ, đều là ngụ ý khuyên can. Nhưng Nghệ Tôn không biết xét. Vì thế, họ Hồ, khí diễm mỗi hơn, bọn a dua mỗi ngày mỗi đông, thế là nước suy dần, không sao cứu được. Công mới quyết chí lui về. Khi có bệnh, công không uống thuốc. Con cháu can thì công nói : Thời sự như thế, ta được chết là may, mong sống nữa để thấy họa làm gì. Công mất chưa được bao lâu, là họ Hồ cướp ngôi, con cháu Trần bị giết không còn ai. Công biết trước như thế đó.

Công thọ 65 tuổi, mất năm canh ngọ, tháng 11, ngày 14, mất tại nhà, chôn ở phủ Lượng châu, huyện Phụng Sơn, núi Giáp Sơn. Quan tới chức Nhập Nội Kiểm Hiệu Tư Đồ, Bình Chương, Quốc Thượng Hầu, thụy là Chương Túc. Có viết tập Băng Hồ ngọc hác để lại. Trai gái mười một người, sau thời chinh chiến không còn được mấy. Bà mẹ tôi là con thứ ba của công, mất trước công. Tôi nghĩ tới Bành Trạch Đào Công có

làm chuyện Ngoại Tổ Mạnh phủ quân, My Sơn Tô Công có chép lại sự tích Trình Công, Hối Am Văn Công có chép sự tích Chúc Công. Đọc đến câu «Khải phòng hàn tuyên »(1) lòng thấy băn khoăn. Huống chi con cháu Công nay đã hết, sách vở còn sót lại nay ở Côn Sơn. Thời tiết vẫn cúng tế đều mà chưa thỏa ý nguyện. Nhân sai người thu thập tài liệu biên chép cất ở nhà, để khỏi vương mất. Như thế, gần được như tâm Đào Công, Tô Công, Văn Công. Ghi thêm bài Thanh Hư động ký của Nhị Khê Tiên sinh.

Niên hiệu Thuận Thiên năm đầu, năm mậu thân, tháng II, Tuyên Phụng đại phu Nhập Nội Hành Khiển Môn Hạ, Hữu Gián Nghị đại phu, đồng Trung Thư Lịnh. Tứ kim tử ngư đại Thượng Hộ quốc Quan phục Hầu tứ tính Lê Trãi.

Phụ bài bia ngự chế do Nghệ Tôn soạn.

Tư Đồ dựng am nơi sơn cước, có phải là để riêng hưởng vui đâu. Chính có ý : Trời mát khi ngồi trên bàn thạch, là nghĩ muốn cho thế nước vững yên. Khi lướt dòng sông, là muốn cho việc nước trôi chẩy đều. Khi đứng dưới bóng cây mát, là muốn gỡ cho muôn dân ta khỏi các điều thắc mắc. Khi dựa vào khóm tre là muốn hiền sĩ được cất nhắc, thật nhiều. Giúp đỡ ta trị nước, lòng không quên. Vì thế Trẫm cảm nghĩ và cho khắc bên sườn non.

(1) Thơ trong Kinh Thi, nói về lòng người con có hiếu.

30.— 諫議大夫兼知三館事謝表·

榮祿大夫入內行遣門下省左司，右
諫議大夫，兼翰林院承旨，學士知
三館事，提舉崑山資福寺亞大智字，
賜國姓黎廌，誠惶誠恐，稽首頓首，
上言，本年二十日，欽蒙

聖恩，除臣前職，臣已祇受拜訖，
謹奉表稱謝者，伏以六十殘軀，守
職已安於本分，九重寵渥，自天復
荷於新蒙，撫己知榮，捫心益愧·
臣縉紳末裔，章句小儒，墳典留心，
每欲志古人之志，生靈爲念，常先
憂天下之憂。方國家草昧之初，際
眞主風雲之會，轅門杖策，臨大節
而半生忠義自知·虎口填身，決和
議而兩國干戈以息。遂蒙殊獎，俾入
政途·言必聽，而計必從，功已成
而名已遂，分符錫壤，幸同白馬之盟·
聚謗招讒，偶污青蠅之玷·信知落落
者難合，終令皓皓者易污·非先帝
之明見以燭微，則小臣幾含笑而入
地·前事既已往矣。寸心又何愧焉·
金馬玉堂，竟復收於舊物·青天白
日，得少露其忠肝·奈晚景已迫於
桑榆，而清步猶纏於宸極·才疎力

薄，髮白心丹，豈期乞骸骨之年，却有拜雲霄之命．伏遇明明在上蕩蕩難名，帝堯乃聖乃神知人則哲，大舜好問好察，御衆以寬，立賢無方，用人惟己，擇羣才則葑菲皆采．陶衆器則苦窳不遺．怜臣末路之疲駑，尚堪驅策．謂臣經秋之松栢，可耐雪霜，擯排不惑於羣言．信任獨堅於聖斷．至今衰朽，更轉光華，東臺之司，實乃朝廷之重選，三館之職斯為儒者之至榮．況賜國姓以花宗，得與功臣而並列，感隨涕出，喜與懼并．自顧迂愚，奚以稱塞。臣敢不益堅素節，仰企前修，海岳高深，莫效涓塵之報．乾坤寬大，寧忘覆幬之恩。



Phiên âm

GIÁN NGHỊ ĐẠI PHU KIÊM TRI TAM QUÁN SỰ TẠ BIỂU

Vinh Lộc đại phu, Nhập Nội Hành Khiển, Môn Hạ Tỉnh Tả Tư, Hữu Gián Nghị đại phu, kiêm Hàn Lâm Viện Thừa chỉ Học sĩ, Tri Tam Quán sự, đề cử Côn Sơn Tư Phúc tự, Á Đại Trí Tự, tứ quốc tính Lê Trãi,

Thành hoãng thành khủng, khể thủ, đốn thủ, thượng ngôn : Bản niên, nhị thập nhật, khâm mông, Thánh ân, trừ thần tiền chức, Thần chi dĩ thụ bái hật. Cẩn phụng biểu xưng tạ giả. Phục dĩ : Lục thập tàn khu, thủ chức dĩ an ư bản phận. Cửu trùng sủng ốc, tự thiên phục hà ư tân mông. Phủ kỷ trí vinh. Môn tâm ích quý. Thần tân thân mạt duệ, chương cứ tiểu nho. Phần điển lưu tâm, mỗi dục chí cổ nhân chi chí. Sinh linh vi niệm, thường tiên ưu thiên hạ chi ưu. Phương quốc gia thảo muội chi sơ, tế chân chũ phong vân chư Hội Viên môn trượng sách lâm đại tiết nhi bán sinh trung nghĩa tự tri. Hổ khẩu điền thân quyết hòa nghị, nhi lưỡng quốc can qua dĩ tức. Tụy mông thù tưởng, tỷ nhập chính đồ. Ngôn tất thính, nhi kế tất tòng, Công dĩ thành, nhi danh dĩ toại. Phân phù tích nhưỡng, hành động bạch mã chi minh. Tụ báng chiêu sàm, ngẫu ô thanh giăng chi điếm. Tín tri lạc lạc giả nan hợp, chung linh hạo hạo giả dị ô. Phi Tiên Đế chi minh kiến dĩ chúc vi, tắc tiểu thần cơ hàm tiếu nhi nhập địa. Tiền sự kỳ dĩ vãng hỹ, thốn tâm hựu hà quý yên. Kim mã ngọc đường, cánh phục thu ư cựu vật. Thanh thiên bạch nhật, đắc thiểu lộ kỳ trung can. Nại vãn cảnh dĩ bách ư tang du, nhi thanh mộng do triền ư thần cực. Tài sơ, lực bạc, phát bạch, tâm đan. Khởi kỳ khất cốt chi niên.

khước hữn bái vân tiêu chi mệnh. Phục ngộ, minh minh tại thượng, đãng đãng nan danh, Đế Nghiêu nãi thánh, nãi thần, tri nhân tắc triết. Đại Thuấn hiếu vấn, hiếu sát, ngự chúng dĩ khoan. Lập hiền vô phương. Dụng nhân duy kỷ. Trạch quần tài, tắc phong phỉ giai thái. Đào tượng khí tắc khổ dũ bất di. Linh thần mạt lộ chi bì nô, thượng kham khu sách. Vị thấn kinh thu chi tùng bách, khả nại tuyết sương. Thấn bài bất hoặc ư quần ngôn. Tín nhiệm độc kiên ư thánh đoán. Chí linh suy hủ, cánh chuyển quang hoa Động đài chi tư, thực nãi triều đình chi trọng tuyển. Tam quán chi chức, ty vi nho giả chi chí vinh. Huống tứ quốc tính dĩ hoa tôn, đắc dữ công thần chi tịnh liệt. Cảm tùy thế xuất, hỷ dữ cụ tinh. Tự cố vu ngu. Hề dĩ xứng tắc. Thần cảm bất ích kiến tố tiết, ngưỡng xí tiền tu. Hải nhạc cao thâm, mạc hiệu quyền trần chi báo. Càn khôn đại ; ninh vong phú đáo chi ân.

Dịch nghĩa

BIỂU TẠ ƠN CỦA GIÁN NGHỊ ĐẠI PHU KIÊM TRI TAM QUÁN SỰ.

Vinh Lộc đại phu, Nhập Nội Hành Khiển, Môn Hạ Tỉnh Tả Tư, Hữu Gián Nghị đại phu, kiêm Hàn Lâm Viện Thừa Chỉ Học sĩ, Tri Tam Quán sự, Đề cử Côn Sơn Tư Phúc tự, Á Đại Trí tự, tứ quốc tính Lê Trãi, rất sợ hãi rập đầu tâu lên. Năm nay, ngày Hai mươi, khâm mông thánh ân, cho thần tiền chức. Thần đã phục mệnh, nay kính dâng biểu tạ. Kính nghĩ :

Sáu chục xuân tàn, giữ chức đã yên phận sự. Chín từng sủng cố ơn trên lại được gia phong. Được đã là vinh. Nhận nghĩ thêm thẹn. Thần. tấm thân hàng cuối, khoa cử tiểu nho. Ngẫm suy điển pháp, chí chí muốn như chí cổ nhân. Mưu việc nhân dân, lo thường lo trước thiên hạ. Đương lúc quốc gia

hỗn loạn, là gặp chân chủ rồng mây. Cửa quân dâng kế, một nửa đời người giữ đạo trung. Miệng hồ kề thân hai nước binh đao, thành hòa hiếu. Rồi được thưởng, không sai vào chính giới. Nói được đề ý, kế được nghe theo. Công đã tạo nên, danh đã trọn vẹn. Chia đất giao vàng, được dự lễ thế bạch mã. Tiếng ghen, lời ninh, từng qua chỉ ác tiểu nhân. Vẫn biết : Tính độc lập khó mà hợp, chất trong trắng dễ vấy bùn. Không có Tiên Đế soi xét tinh vi, chắc hẳn tiểu thần ngậm oan dưới đất. Việc cũ đã qua, tấc lòng không thẹn. Kim mã ngọc đường lại theo như cũ. Thanh thiên bạch nhật, thêm rõ tâm trung. Ngờ đâu bóng dâu đã xế, mà mà vẫn được ơn trời Tài sơ, sức yếu, tóc bạc lòng son cứ tưởng hài cốt chúc thần tàn, lại có rồng mây còn bái mệnh. Ngửa trông : Ngồi trên soi xét, lồng lộng trời cao. Đế Nghiêu như thánh, như thần, biết người vì trí sáng. Đại Thuấn hay xét, hay hỏi, trị dân do đức khoan. Cứ theo hiền mà tiến cử. Cứ theo tài mà chọn người. Xét người hay, các hạng đều dùng. Kén đồ vật, gỗ mục không bỏ. Thương thần như ngựa xấu còn đi được đường dài. Cho thần là tùng bách, từng mạo được sương tuyết. Nghị bàn vốn chắc chắn. Tín nhiệm không nghi ngờ. Đến nay suy, hư lại được quang hoa. Đã giữ Đông-Đài (chức Thị Lang) đối với triều đình là rất trọng. Lại thêm dinh Tam Quán, đối với nho giả là rất vinh. Huống lại cho dự quốc tính, được cùng hàng với công thần. Cảm động tràn nước mắt. Mừng vui lẫn lo âu. Tự xét đần ngu, có gì xứng đáng. Thần dám đâu không càng cố bền tiết, cứ chăm sửa mình. Núi bể cao sâu, khôn nghĩ báo đền tơ tóc, Đất trời rộng lớn, dám quên lượng cả bao dung.



31.— 諭乂安新平順化將校軍人令

我起義兵於爾土，近欲成功，願爾衆始終一心，金石一節，以全君臣父子之義，我知爾衆皆爲國之士。因前時興慶重光，枉以虛名，不見成功，蓋由政出多門，大臣不知爾衆徒費力於此矣。今天下一統，我與爾衆，義如父子，願盡一心，復我境土，自古相將封侯，抑如爾衆無異。整爾隊伍，練爾軍人，蕩平殘寇，分半歸農，今天假我，事不得已，用命則破敵生而有功，不用命則死成何事。每隊各謄一本，日再三讀，使軍人知之。

Phiên âm.

DỤ NGHỆ-AN, TÂN-BÌNH, THUẬN-HÓA, TƯỚNG HIỆU QUÂN NHÂN LỊNH

Ngã khởi nghĩa binh ư nhĩ thổ, cận dục thành công, nguyện nhĩ chúng thủy chung nhất tâm, kim thạch nhất tiết, dĩ toàn quân thần phụ tử chi nghĩa. Ngã tri nhĩ chúng giai vị quốc chi sĩ. Nhân tiền thời, Hưng-Khánh, Trùng Quang, uổng dĩ hư danh bất kiến thành công, cái do chính xuất đa môn, đại thần bất tri nhĩ chúng đồ phí lực ư thử hỹ. Kim thiên hạ nhất thống, ngã dữ nhĩ chúng nghĩa như phụ tử, nguyện tận nhất tâm, phục ngã cảnh thổ. Tự cổ, tướng, tướng phong hầu, ức như nhĩ chúng vô dị. Chỉnh nhĩ đội ngũ luyện nhĩ quân nhân. Đãng bình

tàn khấu. Phân bán quy nông. Kim, thiên giả ngã, sự bất đắc dĩ, dung mệnh tắc phá địch, sinh nhi hữu công, bất dụng mệnh tắc tử thành hà sự. Mỗi đội, các đằng nhất bản, nhật tái tam độc, sử quân nhân tri chi.

Dịch nghĩa

LỆNH DỤ TƯỚNG HIỆU, QUÂN NHÂN CÁC XỨ NGHỆ-AN TÂN BÌNH, THUẬN HÓA

Ta khởi nghĩa binh ở đất này, gần được thành công, mong cho chúng ngươi một lòng chung thủy, một tiết đá vàng, để toàn nghĩa vua tôi cha con. Ta biết các ngươi là hạng nhân sĩ chỉ vị nước. Nhân thời trước, trong các năm Hưng Khánh, Trùng Quang, chính giới bị chia ra nhiều người, chỉ có hư danh, cho nên không thành công. Các vị đại thần dùng phí sức người, vô ích. Nay thiên hạ đã về một mối. Ta với các ngươi, nghĩa như cha con, mong các ngươi cứ nhất tâm, khôi phục đất đai toàn cõi. Từ xưa hàng tướng phong hầu vốn nhiều, các ngươi cũng đã rõ. Vậy phải chỉnh đốn lại đội ngũ, luyện tập quân lính để bình định bọn giặc cướp còn sót, cho trở về làm ruộng. Trời đã sai ta. Việc vốn không thể đừng được. Nghe mệnh phá tan giặc, thì sống mà có công. Không nghe mệnh thì chết mà chẳng được việc gì.

Mỗi đội sao lấy một bản, mỗi ngày đọc đi đọc lại vài ba lần cho toàn quân được biết.



32.— 秋七月五日指揮大臣百官中外文武臣僚等會議錢法詔

夫錢乃生民之血脉，不可無也。我國家本產銅冗．且舊銅錢已被胡人銷毀，百僅一存，至今軍國之務，屢為匱乏．求其疏通使用，以順民情，豈不難哉。昨有上書陳言，使以鈔代錢，朕夙夜思惟．未得其道．蓋鈔者乃無用之物，行於有用之物，行於有用之民，甚非愛民用財之意．然古昔有以金銀皮幣錢鈔之物，無可相權．何者為最．其今大臣百官及中外達時務之士，各議錢列，以順民情，庶乎不以一人之所願，而獲千萬人之所不欲，以為一代之良法，不可不早定其議以奏，朕將親擇而施行焉。

Phiên âm

THU, THẤT NGUYỆT, NGŨ NHẬT, CHỈ HUY, ĐẠI THẦN, BÁCH QUAN, TRUNG NGOẠI VĂN VŨ, THẦN LIÊU ĐẲNG, HỘI NGHỊ TIỀN PHÁP CHIẾU.

Phù, tiền, nãi sinh dân chi huyết mạch, bất khả vô dã. Ngã quốc gia bản sản đồng nhũng Thả cựu đồng tiền dĩ bị Hồ nhân tiêu hủy, bách cận nhất tồn. Chí kim, quân quốc chi vụ, lũ vi quỹ phạp. Cầu kỳ sơ thông sử dụng, dĩ thuận dân tình, khởi bất nan tai. Tạc hữu thượng thư ngôn, sử dĩ sao đại tiền·

Trẫm túc dạ tư duy, vị đắc kỳ đạo. Cái sao giả, nãi vô dụng chi vật, hành ư hữu dụng chi dân, thậm phi ái dân dụng tài chi ý. Nhiên cổ tích hữu dĩ kim ngân, bì tệ, tiền sao chi vật, vô khả tương quyền, hà giả vi tối.

Kỳ lịnh đại thần, bách quan, cập trung ngoại, đạt thời vụ, chi sĩ, các nghị tiền lệ, dĩ thuận dân tình, thứ hồ bất dĩ nhất nhân chi sở nguyện, nhi cưỡng thiên vạn nhân chi sở bất dục. Dĩ vi nhất đại chi lương pháp. Bất tảo định kỳ dĩ tấu. Trẫm tương thân trạch nhi thi hành yên.

Dịch nghĩa.

CHIẾU VỀ PHÉP DÙNG TIỀN. HỘI NGHỊ ĐẠI THẦN BÁCH QUAN VĂN VÕ TRONG NGOÀI ĐỂ CÙNG XÉT NGÀY MÙNG NĂM THÁNG BẢY

Xét : Tiền là huyết mạch của dân, không thể không có được. Nước ta vốn sản xuất các thứ đồng tốt xấu. Mà tiền đồng cũ đã bị họ Hồ tiêu hủy, trăm phần còn được một. Ngày nay, quỹ công thiếu. Muốn cho được sử dụng như thường, thuận theo dân tình thì khó lắm. Trước đã có thư tâu bầy, xin lấy giấy thay tiền. Trẫm ngày đêm nghĩ xét, chưa quyết định. Vì giấy là vật vô dụng, mà đem lưu hành vào vật hữu dụng là dân, thì e rất không phải ý muốn cho dân dùng tiền của. Tuy nhiên ngày xưa. đã có dùng các vật kim ngân bì tệ tiền sao đủ cả, không cho thứ nào là hơn. Vậy truyền cho các đại thần bách quan trong ngoài, cùng những người biết tình thế, đều nghĩ bàn xét về thể lệ dùng tiền, thuận theo dân tình, như thế mới khỏi : một người có ý muốn, lại đi bắt nghìn vạn người theo, mà cũng để thành một phép hay của một đời. Vậy xét cho chóng rồi tâu lên. Trẫm sẽ tự chọn để cho thi hành.



MỤC - LỤC

Trang

(1) Có lẽ nguyên bản Phúc Khê sót

QUYỂN II : PHỤ LỤC NGUYỄN PHI KHANH THI VĂN

QUYỀN III : ỨC TRAI DI TẬP VĂN LOẠI

PHẦN NGUYÊN TÁC THEO VI ẢNH PHÚC KHÊ NGUYÊN BẢN



嗣德戊辰秋

柳齋集

福溪原本

序

大凡懷才抱德者見於行爲事業發於言爲文章蓋天降用於是人必全以予之也觀諸古如伊尹之一德太公之兵書又非所謂文章也耶我越丁李陳黎一代興王之君必有一代興王之佐求其全如柳齋先生超然矣且黎之興也難矣哉胡氏失道明以堂堂大國奄有其地兩世矣苟非理明義正足以折服其心豈肯坐視

序　一

遐師降將空手以還我耶惜乎有人如此而文章不能盡傳也邑子嘉平楊尹手平日所集先生及先君子飛卿諸作并歷代封贈誥勑諸家譜誌評論示予請為撰次評閱及序詩文較越音文選稍備軍中詞命地輿誌史論已見載其名目頗曰柳齋遺集蓋幸累存而惜其未備也先生之學出於家庭而精深宏潤並大剛方乃其獨得自負心於文章而發之於言則英華雄

不猶其著作直華微廉夏其平生吟咏富而堅老而壯前輩稱不忘君親者、一一於集中見之夫其胸有所蓄、顯有所用藏焉足以相忘行焉足以大得此豈剽竊陳迹而試其或成者哉嗚呼宇宙莫大乎文章、非獨一家之言也然經世之文每不多得而可使之堙滅不傳乎天下淫書莫漆園若也自以為不言之言而不見其可言自以為無用之用而不見其可用其襲諸人

間駢梅枝枯死已矣、雖有達之心、猶不以彼易此、頗忍視其一行一止一塞一起、孰謂仁人君子之意乎、榮自少得聞先生勳業之槩、亦知樂而識之、及讀史每犂然神往、輒恨不得見其全文、又竊嘆我交大輩之富而勤傳也、既而得詩數十首賦一則、然猶以不足爲恨、豈固所謂物聚于所好而亦若是其難耶、甲午春與同門楊嘉平過楊先生邑虞也、手授是編屬之以序、無

辭之、未幾饒之行、內曰顧公之世毋俾湮沒丙申冬獲再還、復出以眎其編次詳整參昔具見心力且曰吾將公諸世矣、惟吾子毋違成言夫如此文章而楊能藏之而今全得之、實猶藍田拱璧洞庭廣樂、夫豈人力也哉嗚呼先生功存乎濾傘、不待文而後傳、文得乎性學、不待贊而後顯、然不敢謝于一辭者自以區區嚮往匪今伊昔其未得之以爲恨其既得之以爲喜榮雖

陋誠樂掛名其間少寓平日嘆慕之私爾詩有之曰高山仰止景行行止吾於數君子之後不曰柳齋先生其誰歟

後學陽亭吳世榮

丁酉春

拜書于竹堂

濟文阮侯柳齋先生詩文集序

文足經世、然後可以行世若是者我越文獻柳齋先生其選也、嘗遐觀古人漢得董相廣川唐得韓公昌黎、宋得歐陽公永叔於我越得朱公文貞張公升甫數君子者皆無赫赫之功而各以其學明仁義闢異端衛正道、持國是寔有陰功於萬世、故其文足以不朽、夫然苟有操仁義之用撥亂世反之正功加于民澤被于後人

非謂經世之卓卓者耶先生開濟之功蓋自宋明之季交也奴其人、漁其貨、夷其山川地紀、神怒民怨、懟而不得伸者數十年、彼其平日、自謂英雄豪傑獨立于世人之表、毅然在哉先生起首獻大策、不言攻城、而善言攻心、卒使其十五道之人士、輸而歸之我先生之功昭昭矣夫功之不可掩則知先生遺集不容片紙隻字付之沉煙斷棘間也觀其立朝奏議切而不迂、誠而

顯殆不可揜行師之誥命立朝之志論隱然仁
義道德之旨尤足以垂世而傳後、然則文章事
業豈可二其觀哉、嗚呼如先生者其我
皇越之名世也歟、小子輒不自揣、復繫以言蓋
以成楊尹收拾之志而深信灝然之氣終不可
得而泯滅也、若夫先生行狀史記外歷朝封誥
勅諸家譜志評論、具存卷端、足備參考、攸所謂
蛇報者惜先生晚年之不幸、而創為此說、特謝

之毋使擾世俗之惑

後學阮能静

明命十四年癸巳春

書于梅花堂

序

是編也好之而聚之有年矣、吾鄉先生柳齋公之文散見於諸家叙傳、有詩集地志玉堂遺範軍中詞命郊祀山陵大義記等作、恭書遊歷南北、過士夫輒以遺簏問、間或有之、惜其風霜兵火之後、聚者無幾矣、惟恐其

散者既不可復聚、而聚者又易散、不自惴量、彙以成集、兼採史記家譜傳誌勅誥、并之簡端、爲月旦中一名譔、以俟世之同好或有取乎否也

嗣德貳拾壹年戊辰秋仲

後學艮亭

楊伯恭拜

柳齋詩集

詩類 竹歌一則 唄一則

按[illegible]六先生詩集三卷洪德間陳克儉編次今考精選[illegible]全越詩集見存一百十篇載為一卷

遊山寺 五言律

短棹繫斜陽、匆匆謁上方、雲歸禪榻冷、花落澗流香
日暮猿聲急、山空竹影長、箇中真有意、欲語忽遺忘

江行

西津初艤棹風景便江湖雨過山容瘦天長鴈影孫滄浪何處是漁釣好為徒回首東華地塵埃覺已無

聽雨

寂寞幽齋裏終宵聽雨聲蕭騷驚客枕點滴數殘更隔竹敲窓密和鐘入夢清吟餘漲不寐斷續到天明

贈友人

負荷予憐汝疎狂汝似余同為千里客俱讀數行書[illegible]路知何用他返京有餘他年磻溪釣絲笠荷春鋤

[illegible]莊子

[illegible]古

浮翠山 山在安慶北大帖又名水山張漢題詠 浮翠就下行[illegible]此嘗有詩刻于石

[illegible]有仙山年前漫流遙蓮花浮水上仙境墜人間

[illegible]青玉波光鏡[illegible]有[illegible]張少保碑刻蘇、花斑

題伯牙鼓琴圖 七言絶

[illegible]期不作鑄金難獨抱瑤琴對月彈靜夜碧宵涼似

水一聲嘹唳九皋寒 [illegible] 黃金鑄竹鍾子期

夢山中

清虛洞裡竹千竿、飛瀑霏霏落鏡寒、昨夜月明天似水、夢騎黃鶴上仙壇、

題雲窩

半簾花影滿床書、庭外蕭蕭水竹居、盡日雲窩無簡事、黑甜一枕半窓虛、

偶成

世上黃粱一夢餘、覺來萬事總成虛、如今只愛山中住、結屋花邊讀舊書、

寨頭春渡

斷蘇草綠如烟春雨添來月拍天野徑荒涼行客少孤

鎮日懶沙眠

暮春即事 兩雅台榭三月開花芳香滿庭

閑中晝日閒書齋門外全無俗客來杜宇聲中春向老一

庭跡雨滌花開

村舍秋砧

滿江何處響東丁夜月偏驚久客情一夜蕭關征婦愁

將離恨入秋聲

晚立

長天漠漠水悠悠黄落山河屬暮秋羨殺花邊雙白鳥人

閒累不到滄洲

采石懷古

采石曾聞李謫仙騎鯨飛去已多年此江爲愛[illegible]

只恐波心尚醉眠

藍關懷古

行盡千山與萬山、湖風吹起滿藍關、君王曾此思忠諫[illegible]
[illegible]遣[illegible]匹馬還、

韶州即事

春庭花落雨絲絲、天意清明三月三、水上行人門外桃、數
聲啼鳥似江南

題南華禪房 南華在韶州

松竹在壑便幽棲、禪榻分明聽鳥啼、萬里南來山水遠、一
株花發過漕溪、

靖安晚立

淡烟疎雨晚旗飄水色天光半有無萬古乾坤清景致
山為我出新圖、

題山鳥呼人圖

深山喚喚鳥呼人、畫裏看來亦逼真、明牕午寢朝退
回疑是故園春、

題東山寺 寺在東潮永慶社有會龍寺、安南志淇水山岸 在伊社有靈[illegible]寺王清[illegible]下有[illegible]回[illegible]不[illegible]

君親一念久縈懷、澗愧林慚夙願乖、三十餘年塵境累

禁啼鳥喚初回

寄友　七言律

亂後親朋落葉空天邊書信斷秋鴻故園歸夢三更雨旅舍吟懷四壁蛩杜老何曾忘渭枕管寧猶自客遼東越中故舊如相問為道生涯似轉蓬

途中寄友

上國觀光萬里逢天涯風指廣云孤蓬　水遠山遙遠別後書無雁亦無燕客夜不眠千感集清和誰料寸

忘孫南州舊識如相問報道今吾非故吾非一作亦

途中寄洮江何刺史程愈憲

洮江一別意悠悠杯酒論文憶舊遊東岸梅花晴對
幾平灘月色逢隨舟程公世上無雙士何老朝中第一
流餘閒想應清話處天涯肯念故人不

雲庵雲庵在真安安南志云雲庵即靳山在安定縣海中兩山對峙一水中通立木柵置水門設家刑場兩岸李朝於叶退爲塔

昔游來了此曾經歐頁

路入雲庵山復山天恢地設付奇觀一帶藍碧澄明鏡萬

斛鴉青鬢華鬟、宇宙頻清海晏風波不動鐵心肝

望中片草萋萋綠道是藩人駐舶灣、鬢音朵兒鬟不剪也鴉當作雅以前中君山望如髻又處試望洞庭山色如內眼前此一青螺今以牢用又且、

白藤海口 [illegible]

朔風吹海氣凌凌輕起吟帆過白藤鱷斷鯨刳山曲曲艾、

沉戟折岸骨層關河百二由天設豪傑功名此地曾

往事回頭嗟已矣臨流撫景意難勝

過海 龍尾山在前寧興府瀕峽所尾截海邊往來舟楫阻風甚苦之

撥盡閑愁獨倚篷，水光渺渺思何窮。松林地作疆南北，龍尾山橫限要衝。義氣掃空千嶂霧，壯懷呼起半帆風。扁舟羨我朝天客，直駕鯨鯢跨海東。

關海

椿木重重海浪前，沈江鐵鎖亦徒然。覆舟始信民猶水，恃險難憑命在天。禍福有媒非一日，英雄遺恨幾千年。乾坤今古無窮意，却在滄浪遠樹烟。

韶州文憲廟

反狀當年辨祿山、至明先見若蓍龜、濟相儒術宰

有諫正忠書碣、後知萬古不磨金鑑錄、千年猶享

曲江祠高風追想渾如昨、手拂青苔認石碑

遊南華寺

神錫飛來幾百春、寶林香火與前因、降龍伏虎

機何快、無樹非臺語着就、傍側起樓藏伏鉢、龕中遺

鉢悅真身、門前一派曹溪水、洗盡人間劫劫塵

潯州

潯州城下鼓鼙聲寒路遥淹數月程溪洞有猺山八
萬戍樓吹角月三更岸蘆瑟瑟悲風起江水悠悠
夢清老我世途難險裏中宵不寐獨傷情

梧州

路八肯梧景更奇岸邊楊柳簇人家九疑積翠峯
如疋二廣分流水谷人琳雖空閣飛白鶴仙人不見袖
月蛇火山冰井真奇事舊俗相傳恐亦差

過嶺

千溝川谷馬匹隕、行盡梅關不見梅、夾道千松撐漢
次溪深一路峰山關河谷日北卿行月故國天送重感懷、
八然一從通此道、不知今幾有年來

題盧氏家譜

積慶原來自有基、當家從昕可先知、詩書凌譯芳逾
遠、忠孝傳家訓永昭水木之從原本始、剪金何用子
孫考道、焚香一讀公家譜庶令人起敬思、

江西

自古鴻都稱勝地今朝客裡曾相過烟波南浦晴光好日落西山暮景佳告許成風情俗薄詞章有學中科多旌陽鐵柱今猶在碑刻千年蘚已花

平南夜泊

片帆高颭晚風輕暮宿平南古縣城燈影照人和月影搗聲敲夢伴灘聲湖山有約違初志歲月如流浪此生夜半戍樓吹畫角客中悽愴不勝情

贈孔顏孟三氏子孫教授太平

人生十應九常乖、盛世誰知有棄衣拔老昔曾借耳去、長庚東向夜郎來文章自古多爲累詩酒從今且放懷、曾侍金鷄關赦日五雲深處覲蓬萊、金鷄關出赦文

和佛先生謝東諸同志

慧來出咄漫書空、天地無窮嘆轉蓬、世事灰心頭向白、衰顏借酒暈生紅、寬尋擬無、爲聯鳳、遠害藏身避弋鴻、淪落天涯俱是客、年來出處各相同、

寄舅易齋陳公

兵餘親戚半雕零、萬死殘軀偶一生、往事空成槐國夢、別情誰寫渭陽情、天來自擬同王式、避亂終當學管寧、欲問相思愁別處、孤齋風雨夜三更、

清明

一從淪落任他去、屈指清明幾度過、千里墳塋誰拜掃、十年[illegible]舊盡消磨、乍晴天氣模稜雨、過半春光斷句花、[illegible]把一[illegible][illegible][illegible][illegible]、莫教日日苦思家 句花即[illegible][illegible]花也

戲題

何來無事不消磨坐外風光付一家建壘千重開疊巘
或聽鶯兩又將波管弦聲雜林邊鳥雛綺芳茶初
倚花照底一翻詩料竊吟翁誰與世人多

亂後感作

神州一自起干戈蔚姓嗷嗷可奈何子美孫愚虐印
屡化任聽從俗山河舉來依然使人老秋趣他鄉感
谷多卅載空名安閒古調新篇事付南柯

亂後到崑山感作 山在至靈杜陳元旦退休處山有清虛洞下有寺祠陳法螺尊者玄光尊者錫于此

一別家山恰十年、歸來松菊半翛然、林泉有約那堪負、塵土低頭只自憐、鄉思每因歸夢到、干戈未息幸身全、何須結屋雲峰下、澗水烹茶枕石眠、

歸崑山舟中作 二六六字

十年飄轉嘆蓬萍、歸思悠悠日似旌、鐵托夢魂歸故里、空將血淚洗塋、兵餘鄉井嗟難禁、客裡江山只此情、[illegible]處、船窓推枕到天明

寄友

平生世路半[illegible]途[illegible]事[illegible]應付光大[illegible][illegible][illegible]行空行

[illegible]一笑知[illegible][illegible][illegible]花[illegible]後忽把難履客含淡然夜

似乎十載[illegible][illegible][illegible][illegible][illegible]盤無背[illegible]坐[illegible]隨

舟中偶成

雨後春潮漲海門天風吹送浪花噴打枕終夜無所烟

樹大西水從纔像月[illegible]風吹笑何人[illegible]八虛[illegible]山[illegible]日消盈

機[illegible][illegible]盡[illegible][illegible]費心[illegible]往古中事[illegible][illegible]灘

海角天涯肆意遊乾坤到處放吟廬漁歌三唱烟湖
潤牧笛一聲天月高清夜浼虛觀宇宙秋風乘興駕
[illegible]聲悠然萬事忘情後妙理真堪付濁醪
[illegible]棹扣[illegible]歌船山萬里片帆孤途中日月三冬
谷裡觀明[illegible]宇與異境每驚新歲月扁舟重憶
[illegible]秋門方壯士平生有此去寧辭我僕痡

渊側

[illegible]懸知在此中大仁有歸天教

夙[illegible]開一雨[illegible]未風[illegible]盡千年耿金僧終[illegible]世
塵不染亂冲從此了世間你與數英雄

賀歸藍山[illegible]

[illegible]本是用降仁義將持問勞安臺閣有人俯[illegible]
恢[illegible]隆與事鄉營閑左方玉帛圍王會中國底儀規
漢官胡後已清[illegible]州萬古[illegible]江山
貢[illegible]苗山川武[illegible]志已左[illegible]於一向中原指
[illegible]成日[illegible]月滅歸從此[illegible]勞[illegible]威

肇一戊大定何神速甲洗弓橐樂太平

上元扈駕舟中作

沿江千里燭光紅彩鷁乘風跨夜蓬十丈樓臺消蜃氣 [illegible]

三更鼓角壯軍容滄波月浸玉千頃仙杖雲趨天九重

五夜蓬瀛清夢穿猶聽長樂隔花鐘

賀捷 平定大理征復雍州

久再嶺南從遠源積以稔惡已多年九重廣念憐選

作爾里滂樂以願以戊巳開妝魏境辰奎又見刻

巍然從今四海車書一盛德豐功萬古前
何須戰[illegible][illegible]罪雖容到[illegible][illegible][illegible][illegible]網中窮寇豈堪延喘
息八蠻[illegible][illegible]今儕八兩[illegible]萬里無山月旗腳下光
草木風吹無水清從此始林[illegible]早晴掛天心
聖謝叛逆攜貪黠忝稱無知自頑執累世仇深隣境
惡欺天下八鬼神無莫將前世報今人不作忠臣劫
逆冈為報後來藩鎮者休[illegible]殷鑑在前途
欺天罔上謂天高天網恢恢更莫逃方外重山空設

險林間棲鳥不歸巢蠻溪路遠紆窮馭玉帳深謀出
虎韜四海只今俱帖靜預知後還本先勞

周公輔成王圖

懿親輔政想周公處變誰將伊尹同玉几遺言常在
念金縢故事惟言功安危自任扶王室左右無非保
聖躬于孟留花瞻彷彿攝服儀可挹餘風

仁人高從山圖

半生卿望寄余溫亂後家鄉費夢尋石畔松風孤

曉寒開早梅影瘦清吟烟底冷落[illegible][illegible]隊後鶴蕭條

豈因[illegible]思佳人明窗高手筆[illegible][illegible]出一般心

題錢舜士畫蘭圖

佳客相逢日忙芽撥山歸去與何深香分尺幅風生

樹月照影磯竹滿林先畫摩梅花外茗喚雨作夢愁

遺翁[illegible]天涯已[illegible][illegible]晨人[illegible]白雲誰有心

題[illegible][illegible]

北海宗[illegible]已[illegible][illegible]照安循[illegible]淵成[illegible]遊[illegible][illegible][illegible]進

雲影、韓鼓韆闐動地聲、萬甲耀霜貔虎肅、千艘布陣鸛鵝行、聖心欲與民休息、文治終須致太平、

冷帳席

截竹織成未足奇、要渠冷燥適和宜、柔毛毯蓐香侵骨、軟簟與絲水浸勝、竹院日長宜暑退、紅樓夜永當秋移、高堂中外溫涼候、却恨晨昏定省和、

題什仲甫耕隱堂

太怕繁花亂眼迷、一犁岩畔可藏身、商家令佐稱莘

野、漫世高風、何山存、松菊猶存歸未晚、利名不羨隱
方眞、崇今以休惜冠冕、本是耕閒釣寂人

題石竹篇

傍石移栽竹幾竿、玲瓏色期翠琅玕、烟梢露滴衣裳
冷、他骨雲生枕簟寒、瀟然以塵外想、清標還與事中
殊、空前月白供什賞、退食聊將寄暫歡、

題何松舒白雲思類

庭闈一別後、花原發幾人、皆共此心客裡看雲情易

切公餘披卷意難禁家山況不憐桑梓忠孝何曾有古今持此贈君還自感詩成我亦淚沾襟

秋夜客感 [illegible]

旅舍蕭蕭席作門微吟袖手過黃昏秋風落葉騰思夜雨情燈客夢魂亂後邊人非風昔愁中送日寄生涯到頭為事皆虛幻休論凡亡與楚存

西風撼樹響颼颼落葉悲久客情黃葉滿庭秋過半生燈和雨夜更深多時難眠應少官冷身閒夢

亦消一介息爽千念息、鷸虫自此了相爭、此詩得失無了叔

秋夜與黃江阮若水同賦 用菸江韻

紅葉作庭竹掩門、滿階明月過黃昏、九霄清露三更濕、以院寒螢徹夜喧、仙籟流秋驚草木、玉繩低漢轉乾坤、高齋獨坐渾無寐、好把新詩向志論、

○望瀛

望瀛按蘇聚吟船、詩景撩人晚興牽、浴翠雨晴峯似玉大塘湖水如天、依依遠樹青烟裏、渺渺平

沙白鳥前三十年前湖海趣兹遊奇絕勝蓬仙

過神符海口 在茂山江源自豆大迎面下兩邊連山林立嵯峨奇秀景甚爛為山水大觀

神符海口夜中過來此風清月白何夾岸千峯排玉筍中流一水走青蛇江山如昨英雄逝天地無情喜變多胡越一家今幸睹四溟從此息鯨波

神符海口

故國歸心路順邊秋風一葉海門舩鯨貫浪吼雷南北栩栩山河已從前天地多情媒已沒無名此會想當年

日斜倚棹滄茫立，冉冉寒江起暮烟。

淋港夜泊

港口駐湖對繫船，錨綱隔岸響簫牢，船窗客夜三更雨，海曲秋風十丈濤，勝外虚名身世以，夢中浮俗事堆抛，一生習氣渾如此，不為功名懶舊豪。錦念大戸小戸也

海口夜泊有感

湖海年來興未乾，乾坤到處觀心寬，眼邊春色薰人醉，枕上潮聲入夢寒，歲月無情雙鬢白，君親有念寸

十七

心丹、一生事業殊堪笑、贏得浮名落世間

一別江湖數十年、海門今夕繫吟船、波心浩渺滄洲月、樹影參差浦溆烟、往事難忘相易過、國恩未報老堪憐、平生獨抱先憂念、坐擁寒衾夜不眠

龍伏岩 伏一作岱 清琴山之消江横前、又斗遺稿見在句云

去年虎穴我曾窺、龍伏今朝不屈奇、蒸了出山[illegible]
鮮遊塞海、海為池、壺中日月天難老、世上英雄此一別、繁華風流嗟漸遠、青苔半蝕壁間詩

次韻東尚書題阮布政宗堂

一心鈒罔尚桓桓小搞蒲亭几个寬滋竹浪[illegible]影

詩念門黃龍潛葉荒琴書雅極真堪尚欲菊歎明月

未哭後樂想知然有意圩將事業[illegible]千春

端午日

天中共喜值佳辰酒泛菖蒲節物新進艾當年忠求

招沈湘底事嘆靈均閣邪不用持符籙須信斯為

大結人願把蘭湯分四海洗人[illegible]

秋日偶成

蕭蕭溼葉響庭空、病骨淺蘇風轉豪、天地斯文從古重、湖山清興八秋高、鏡中白髮催人老、身外浮名收再勞、細想故鄉三徑菊、夢魂夜夜上歸舸

漫興

世路蹉跎雪上顛、一生落魄更堪憐、兒孫漸漸個留心地、魚鳥忘情樂性天、掃雪煮茶軒竹下、焚香對案坊梅邊、故山昨夜纏清夢、月滿平湖潤潤船

九萬摶風記昔曾當年對比北溟鳴虛名什[illegible]

半後學誰將作準繩一片丹心真汞火十年清溉玉[illegible]

從游且復言余好傳仰隨人謝不能 [illegible]

烏兒爭學撓不留回頭萬事總宜休 [illegible]

鹿像境驚心惱月半矮屋插身堪度若[illegible]獨

先費彭陽底說都休論古往今來 [illegible]

朴散淳漓聖道孤吾儕事業杳無聞 [illegible] 若雨

退老思耕谷口雲每憐百年同盡 [illegible] 何曾一飯 [illegible] 君人

九

生識字多憂患被老冒云我亦云（坡云人生子只願寒[illegible]　未官廿一載[illegible]罷）

小院陰陰石逕斜幽棲宦況似僧家宦情易怯傷弓

鳥春影難留赴壑蛇夢覺故園三徑菊心清好水一

甌茶回頭六十年前事雙鬢星星兩眼花

夏日漫成

詩家舊業只青氈離亂如今命苟全浮世百年真似

夢人生萬事總關天一壺白酒消愁慮半榻清風足午眠

惟有故山心未斷何知結屋[illegible]泉

漫成 二

青年苦學鵠儒林老去虛名付夢尋救策何從歸漢室
把琴空自操南音仲尼三月無君念孟子孤臣慮患
心但喜弓箕克紹業傳家何用滿籯金
眼中浮世總浮雲左[illegible][illegible]舊驚看日昏泰天流爽斯
知有命耶如有道求羹貧賤下自信能為窮杜甫
誰於己誤身世事不知何日了扁舟歸釣不勝春
對山香爐千寬虛惝怳從來夢書君字有答書兜鍪

柴門無車馬故人疎蓋遊隨分安衡泌湖海棲身懶
釣魚與世漸疎頭向白東山日日賦歸與

偶成

喜得身閒官又冷閑門盡日少相過滿堂雲氣朝蔴
獨遶松聲夜瀹茶修己但知為善樂致身未必貴
書多平生迂闊真吾病無術能醫老更加

酬友人見寄

矯矯龍驤萬斛舟安行每懼覆中流事堪潮決非

言說漣漪風波豈智謀身外浮名烟閣泡夢中花鳥

故山幽戀點堪謝御中友聊把新詩寫我愁

和友人胡示汲寓興

蓬萊弱水杳無涯俗境低回髮半花雲外故居空慧

帳月中清夢遶山家心如野鶴飛天際踪似征鴻踏

雪泥岩穴栖身何日是天門回首五雲賒

仙書數卷舊生涯縣食松根嚼日移竹有千竿擱

俗客塵無半點到山家瑤階風淡窓斜月釣渚魚

寒梅擱沙徒覺壺中風月好年年不用一錢賒

留補之吉州善山

跡水三間野水涯少年剩落舊紛華得安分處隨安分未出家相且駐宗檻裡雲山無寵辱城中軒冕總塵沙皆付翁一去今千載丹竈寒烟歲月賒

次韻黃門侍郎阮菊坡賀新居成

乃傢僻地卜樵荊居衍新詩當座銘箴貢反秋自銘也屢傾淇婦酒甚書帷有淨玄經蓮門倒屐迎佳客花塢移承泥曲檻檻星切音笑戍老來狂更甚旁人休怪次公醒

次菊坡贈詩　三首

天子正宗文喜見黃金醉瓦分美玉不勞求善價

晴終付吐清芬羨君已作儀庭鳳愧我應同出岫

雨暇香花頭更白涓埃何以答君恩

送僧道謙歸山

送爾爲學十餘年今又相逢一夜眠且喜叢中拋俗

事更尋石上話前緣何湖壺浦遙飛錫何日崑山共

衆甚去狂言休怪貳臨岐我亦上乘禪

即興

攬翠亭東竹滿林柴門晝掃淨陰陰雨餘山色清詩眼潦退江光淨俗心户外烏啼知客至庭邊木落識秋深午窗睡醒渾無寐隱几焚香理玉琴

晚興

[illegible]苔斷屐苔寂寥烏巾竹杖晚逍遙村荒日落霞[illegible][illegible]徑人稀水淡橋今古無窮江漠漠英雄有恨葉[illegible][illegible]歸來獨倚欄杆坐一片冰蟾掛碧霄

秋月偶成

幽齋睡起獨沉吟案上香消淨客心靜裏乾坤清意
深閒中日月值千金儒風冷淡相情薄聖域優游道味
深讀罷羣書無簡事老梅窓畔理瑤琴

和新齋韻

風流郡守文章伯喬木能於我故家只羨江山許易
就無情歲月累將花干戈十載親朋少宇宙千年
變故多客舍香塵春晝永驕驕[illegible]夢繞烟波

卽事　其二

小小軒窻矮矮廬官居頗覺類幽居滄波江上閒垂釣綠樹陰中靜看書雨過睛嵐窺户牖風來雪浪舞庭除午窻滿意無塵累一片閒心羅太虛

題安子山花烟寺　安子山在東潮又名象頭山州傳安期生得道之處故我宋外[illegible][illegible]風分野福地在交州安子山外城東上有紫霄峯朗興陳龍村諸帳烟花寺住持貴致空和尚竹林居此奉仍為竹林第一祖

安山山上最高峯纔五更初日正紅宇宙眼窮滄海

小穴洲人汁出巖在懸中樑門玉瀾六千畝、掛石珠琉落半谷、仁廣當年遺跡在、自家光裡觀重瞻、

題抱腹岩 岩在東安北大江之中、群山排立、洞在山腹、深十丈、外有三大門、半開木蔭、平中有木柳蔭、峯又有石公徑而行、無爲書處、安南志云、岩頂穴如大斗、皆赤色、

于洲攔棹上岩頭、乘興聊為玉局遊、九轉丹成孫鶴去、三神肱斷一叢深、石欄影附滄江月、仙洞煙含碧樹秋、足處真堪容我隱、山中還有舊遊不 大唊石范公題

題玉清觀

紫府樓臺倚碧岑、十年今夕一登臨、松花落地金壇靜、
碧磬穿雲道院深、金鼎丹成人已去、黄粱夢覺事難
尋、悵愁鶴怨無窮意、寒日蕭蕭竹隔林

癸日受戒

門過庭柯衣綠陰、蟬聲宮徵奏虞琴、窓前萬卷工
夫、脈戶外青山故素吟、遠靜乾坤寬道思、人間名利關
初心回頭、三十年前事、夢裏悠悠更莫尋

究嘆、問於架於不照覆詞
然收書觧背示之

浮俗并況五十年、故山泉石負情緣、虛名寔禍珠堪笑、众謗孤忠絶可憐、數有難逃知是命、文如未喪也關天、獄中贖背空遺集、金闕何由達寸箋、

附贈答諸証

阮子晉題抑齋壁

心鏡相逢豈偶然、別開城市一林泉、優游禮讓安仁也、出入謙恭樂性天、吏散庭前惟草色、客來竹外自茶烟、公餘退食焚香坐、畫軸張琴樂歲年

阮夢荀賀承旨抑齋新居

晝治應知難子荆何須匝屋擇新鄰一條水冷知三能四壁家貧富六經梅影月描來紙帳荷香風送咏經、攜壺擬數同清賞皆謝隨人勿獨醒

潘學先賀諫議大夫阮抑齋

真元會合幸逢辰佐治名儒喜有人幼學上行行此道生知先覺覺斯民鹽梅鼎鼐調和美禮樂規模制作新四海方今歸一統誰能躍冶出洪鈞

阮夢荀贈諫議大夫阮公

黃閣清風天爵仙、經邦華國古無前、一朝詞翰推[illegible]似、兩道軍民握政權、白髮只關天下慮、清忠留與[illegible]流傳、儒林共許瞻山斗、好為朝廷力進賢、

題黃御史梅雪軒 七言長篇

豸冠峩峩面似鐵、不獨愛梅兼愛雪、愛梅愛雪愛緣何、愛緣雪白梅清潔、天然梅雪自兩奇、更添素松[illegible]三、絕羅浮仙子冰為魂、須刻能令瓊作骨、夜深琪[illegible]

砗玲瓏月戶風窓寒凛烈若非風進腊香來紛紛一色何由別巡詹不怕玉樓寒銀海松光更清徹九重彩念及避跟萬里錦衣逸驛節霜風捲地簡橫秋身在炎荒心懸闕交南十月暖如春蔓中巳有花堪折松心於物古有之高踴深期蹈前哲東坡謂竹不可無濂溪愛蓮亦有說乾坤萬古一清致灞橋詩思西湖月

崑山歌 史記註云陳平昔此有清巳淵 公為歌辰其意甘費夫之制也

崑山有泉其聲冷冷然吾以為琴弦崑山有石雨洗

吟誦碧巖吾以為單，廣岩中有松萬里翠重重，於於是亭
憩息其中，林中有竹千畝印寒綠，吾於是乎吟嘯其側
矣，君何不歸去來，半生塵土長勞悴，萬鍾之祿何必然
以水飯蔬隨分足，君不見董卓黃金堅一塢，人死賊剝然
自縊，又不見伯夷與叔齊，首湯餓死不食周粟，甘心乎此
者不相侔，亦各自求其所欲，人生百歲似異覺小淡大
歡悲憂樂迭往來，一榮一悴還相繼，丘山今古亦儼然
死後誰榮更誰辱，人間著有樂如此，勸君斟我以此酒

至靈山賦　出羣賢賦集

御題　批：以法度嚴整、辭模親切、直以事實寫出、實錄之詞其庶幾矣、

神龍起兮飛藍京、天戈指兮掃塞清、創業之功成因茲西土之山川、有靈繫我皇之聖武、當凶兮之艱難、周步兮也、心困慮衡、既於天而取必、乃勵志以竟成、此人之所以化胡越為一家、而茲山得以千古垂名也、當其義兵初起、賊勢方張、國英豪、秋樹險艱、志吞吳兮、承蘇蠻、圖與漢兮、乘平乘滅、我皇方遁跡于茲山、備[illegible]

共以世光晏子派雜士卒散亡雖處困而益亨知將與
之甸孫躬介胄以為衣食菜根而為粮志汲汲於剛
心𢧐然而不忘想此山於此輯合豈不似漢皇之在芒
謐君臣由其知彼知巳能弱能強待相同弊收降殺
之伏藏而卧懸膽而嘗思雪前恥以復故疆想此山
之聯絡於豈不似會稽之棲遲王者耶既乃收其散
卒咱其益勤內修戰具外托和親捐金募士殺象饗
軍之實覆上以死長思欲效力以酬功於是練兵貫徑

制勝出奇、生孚死榮、知我軍之可用、鉦擂鼉鼓、皆因
敵以為資、萬全以取、一籌不遺、蔡彭碧牆以敵地方政
墟瞷以惆疑、乃據險而立功、又多方以洪之、夜則舉火、
晝則張旗、杜家之侵地爭便、可留之渡江沉帥、小驗
電掣、竹破灰飛、朱傑擂車、黃誠纍鐵、又安之地已為
戒、有兩都之禁、府、於風駛、夾道壺漿、來者如歸、豪傑成倚
以切齒、父老哉泣而歡欣、我之軍聲日以益振、賊之奔命
日以益疲、市橋之崩、堤潰蟻穿、洞之勁風摧萎、陳洽李

瀛之深坑，陸虎王通馬騏之沸渦，象兗萬里之山河，克復東都之市肆不移，當此之績豈不似漢高坂下四面之歌也，耶奈何紅虜之貪心不戢，舉國之橫兵復來，以油歙笑樂禍幸災，擁舁送死而支撐，濺血沐屍，滿道而終淫續殲兩路殺兵不旋踵而俱敗，各處域城不血刃而自潰，棹尾乞憐，誠切堪哀，當此之時，豈化以何魄闕觀王之於姑蘇臺者邪，雖然漢高之嵬橫宏遠，王以吾皇今日之盛，句踐特取其後吾之志而已，豈足以擬

讓其萬一哉至若神武不殺文德好生念國家長久之計放十萬乞降之兵脩兩國之和好息萬世之戰爭全國為上惟圖輯寧是則我皇上之盛德又豈高祖同符之俱語將與二帝三王而並稱者也嗟乎古往今來百世可推舜興虞之後禹起夏之際微成湯之業卧岐太王之業於之岐蓋先難後興邦之本而啟憂寬啟聖之基歷覽多則思慮深計事遠則成功著帝王之興莫不由斯然則我皇上之業實由此山而創啟而我皇之隆功盛

德，長與此山而巍巍者并，乃拜首稽首而獻歌以大啟聖兮，地與王乾坤草昧兮，運際非常，覩茲山之巍巍兮，念昔日之艱苦，撫王業之攸基兮，何日能忘，懷徽盛德以勒貞珉兮，永垂不朽，亘千古與萬古兮，同天地而長久。

附錄 阮飛卿詩文

阮飛卿名應龍號菜溪先生有文名陳元旦嘗稱為蘇州檢正使授其女學哥嫁之年十九試中隆慶二年進士及第避讀明竹二個十報舜京以寒族配皇宗廢不用變合紹成元年拾指翰林學士及明人犯日南舊季犛俱會乃降于明有菜溪集行于世

化城晨鐘

遠遠從僧寺
疏疏落客篷
潮生天地曉
月白又江空

黃江夜雨

蓼浦三秋雨
筠蓬半夜聲
孤燈明又滅
湖海十年情

村居

松筠五徑在歲晚薄言歸把酒看秋色携笻步夕暉
雲空山月出天開塞鴻飛忽聽胥靈報呼童掩竹扉

秋日留別洪州檢正

歸夢華溪北故人桃府邊清霜和別袂紅日上吟鞭蘇
緒覔杯斷新詩刮決傳相期三五夜共醉桂花天

陪氷壺相公遊春江

三春娟烟景一棹擊滄浪習氣俱湖海憂心只廟堂
時魚鳥共佳句芷蘭香興盡中流返山間日已黃

題仙遊寺

天德山河古帝都名藍形勝小方壺人間何處非塵迹
虛訪神仙事已無

中秋玩月有懷（晉庾亮中秋乘月遊南樓謂僚佐曰老子於此興復不淺）

匆匆客裡又中秋月白風清夙自愁遥想故人襟韻在
騷魂幾度繞南樓

秋夜

新愁舊恨撥難平南北情懷夢亦驚月色無人更無籟

秋來夜夜總關情

舟中偶成

蕭蕭旅鬢傷春暮耿耿孤懷怯寐氛俗累不關清興足

看山看水又看雲

江村春景

繞村春柳綠成堆一帶溪流抱邐迴岸荔兩腈烟色薄

杜鵑聲急楝花開

洮江郡舍

春風送暖逗晴軒堆綠穠紅甲乙繁山鳥數聲啼鵜處
夢回只是桑村圃

東岸春旁

盧水東邊滬岸村扉扉紅雨暗前門耳邊新送春歸去
萬綠叢中杜宇魂

天長舟中二首

聲慶東南綠漲西小舟傍柳過前溪春風不解禁愁思
却教鵑聲滿岸啼

一蓬烟雨泛晴春紫閣鶯花夢裡身湖海四年多病唉
扁舟愁殺未歸人

大聖佑國寺早起

儂家宮闕逆遙來耳畔一作且鈞天夢易回睡起春朝無
亇事東風亭院看花開

山中

雨餘烟樹籠籠翠日暮寒雲冉冉生睡醒不知春早晚
深山啼到杜鵑華

秋日遣興

客裡淒涼（一作路亭）又塞鴻如雷吟鬢欲成蓬閉門萬里連朝雨過眼三秋落葉風廿態任他飛鳥尊閒悠勸我[illegible]杯空兩風一枕清眠只更詠新詩訝小童

城西大隱廬口占（自詩大隱隱城市）

官途四十五年身城市麤為大隱民竹石安排詩好景鳥花園占酒佳賓衡門自有安心樂聖世何憂抱道貧誰道趨相吾計拙一閒風味儘吾仁

詩　四

秋城晚望

木落都城九月天斜陽皐地截雲烟離鴻遠遠迎風陣隙月娟娟隔樹懸吟興四朝秋易感人生萬事是堪憐兵戈況復彫殘後遙望晴旻一慨然

中秋有感

金波自海浸空流河漢微雲淡淡收雨後池臺多貯月客中情緒不勝秋願憑天上清光夜遍照人間疾苦愁長使國家多暇日五湖歸夢到扁舟

酬道溪大學春寒韻

渺渺春城雪正浸東風年鎖未全乾宦情細憶揚州夢

客緒偏隨杏雨殘流水高山琴不韻紅旗赤幟[illegible]門關

隣渠萬姓皆吾與比屋誰遮面雨寒 [illegible]

除夕 用杜甫韻

客中送臘虎亭家殘雪猶飄六出花天地冬春庭外[illegible]

光陰昏曉樹間鴉燈因守歲常常[illegible]故鄉

萬事細思看鬢髮平明梳洗向東華 [illegible]

九日村居獨酌

村醪酌罷白談詩欲把胸懷更向誰荒徑人行秋色少故園雨勸菊花遲龍山後會知何日彭澤歸心最此期萬事悠悠拚音嘈棄也一醉了知身到鳳凰池

秋日曉起有感

殘夢蘧蘧醒曉鐘日含秋影射窓櫳客懷擾擾敧眠後心事焚香兀坐中庭外掃愁香落葉天邊隔淚數征鴻嗚呼世道何如哉三撫遺編賦大東

三月初一日曉起

已無蓋燭醉裙紅更倚青燈照鬢蓬破屋吟殘紅杏雨清鄉夢醒紫薇風一身九竅七情內萬事千憂百慮中忙底不知寒、食過階空、花又沂梧桐

春寒

乘雲漠漠霧洗泥釀作餘寒、十日陰帶雨有痕粘樹紫傷春無語隔花含書齋寂寂惟高枕世事悠悠正抱衾安得此身同棠齋和風噓遍九州心

暮秋 席上用 滿庭芳

歲晚天寒容易悲驚人何必愁江蘺西風羅落荊歲後
夜雨湖山雁斷翻老景逼人侵疊疊秋光戀我去遲遲
蔽垣清夢頭將白正愁尊鱸每負期 楚詞芭江 蕭興於琴

九月 氷壺公席上

逢蕭蕭黑帽沙隨風晚入相王家人生百歲重陽幾
秋色三分几日多就解愁中應有酒得行樂處可無花
恍然一醉酬佳節長笑西窗發浩歌 九月九日並應重陽故日重陽 秋色三分摩土一分殊未

秋夜早起寄洪江檢正

寂寞青齋意不聊移床秋户聽芭蕉月殘錦巷鐘聲曉
風撼荆村馬足驕騷骨欲清詩更換病根未去樂還澆
呼童冷掃柴門葉留待君來話隔朝

病中懷洪江檢正秋夜韻

光水烟消客夢清寒燈無語傍人明銀江耿耿流當户
黄葉蕭蕭落滿城巷盡池臺秋著色銀世界月多情
豈因一病傷豪氣醉起狂歌四壁驚

元旦上水壺桐公

桃庭元日拜生辰客子光陰幾度新東閣重遊春世界

南枝偏露雪精神天遺一老扶昌運帝眷三朝倚舊臣

祝頌豈私門下士拳拳只為愛斯民

秋病中

蕭蕭風動轉凄清天地初秋客子情隆慶二年新進士

制才三館舊書生少年敢負韓忠獻多病還怜馬長卿

萬事背人霄漸永貯愁歌臥歎殘更 公伴以尚丞卿乃削來附前客館以招天下之

十一日妙賞館炎日輸才節又
又火門接士蔬江西京難記

陪氷竺相公遊春江

鮮雲晴日雪花天烟景三春勝栁川紅蓼白蘋吟況味

羅裙湧柚醉因緣且談湖海江南士休訪風流乘石儒

極浦斜陽歌鱶棹柴人同載羊聲船李白與羊石世說涂迴
舉芳席别與長傳下山

其首至門卸用
為太常博士

重遊春江有感

去年三月珥河濱覓服相隨五六人岸草無情春自綠

江流在眼客逐新清吟雨後遊紅葉綠棹風前過白蘋
長恐寸心違魏闕五湖偏載讀書身

村居感事寄呈冰壺相公

稻畦千里赤如燒田野休嗟意不聊后土山河方滌滌
皇天雨露正迢迢吏胥網害渾多竭民命膏腴半巳消
好把新詩當奏牘只今臥病未能朝

又 古山范公范仁卿監修國史示以小圖詩且道諸公盡巳賡
和余因慕其塵中而有閑適之趣因次其韻

丈室乾坤勝可容持拟蘇樹課兒童栽培自有東君巧
生長何知造化功把卷樹間眠午日啣盃花下醉春風
他朝倘有過從便此樂應須我與公

天長試後有感

萬里來觀上國賓科場誤作彀中人東風御苑花容動
細雨乾坤柳色新雙鯉獨傳江上信扁舟閒繫客中身
今朝最是愁腸處一別庭闈勝半春（唐太宗[illegible]上[illegible]行而[illegible]曰天下英[illegible]入吾[illegible]中矣）

泊李家陵

遊羅山中書齋 [illegible]

[illegible] 萬里 [illegible]

[illegible] 長 [illegible] 天地 [illegible] 江山 [illegible]

[illegible] 大夫 [illegible]

[illegible]

[illegible] 一年 [illegible]

青 [illegible] 江 [illegible]

[illegible] 天 [illegible]

[illegible]

山窮盡日醉昏昏世路艱危懶出門六親慈親千里隔

兩年逃亂．身存風塵天地空撞髮烟瘴村墟只斷堠

說有寸懷芳耿耿夜依牛斗望中原

客舍

忘記鵑兒獨自哥驚動了鶯猿心花邊茅屋春長好

柳外柴門客易尋半榻焦風和午夢二簾梅雨助清吟

是非不到閒窗几．睡起焚香撫素琴 鶴兒黃似舊杜詩對鶯 鶴乃被詩只酌鶯鵑黃

村居 宋謝疊山之家有鶴章對岸東坡有佳無事於西望居詩 不惟說心覺見意最印得此踏其春半園林更長貪之句

數椽書室掩蓬蒿池草園林發歎聲覆屋霜匀千尺
侵門月上半簾高病中活計存靈藥身外浮名付[illegible]
萬事無營心自可春風滿袖太陶陶

觀圍棊

閒窓敵手偶相逢此樂堪殊鬪攝中初訝曉星光錯落
忽聞晴雹碎玲瓏縱橫暗合周天數勝負交爭畢地功
萬事如棊須說著古今句兩昔雄風
自天長滾過海口過風

過峽嶁霧籟船窓四月奔波駛似飛岸樹東西旗拂掠
斷綠上下玉春撞烟波萬里舟心寸風雨孤蓬綠鬢雙
不是一官天上去那堪此日卧滄江駛音史疾也又音試雙音奔皮叉龐

遊泡山

節山上柱雲烟回首塵埃路隔千雨後泉聲流穀
數天晴嵐氣靜涓涓百年浮世人皆夢半日偷閒我
亦仙興去欲來僧院宿胥鐘催月拂峯前拄支也本作柱厳住呂切

題玄天寺

仙家一簇倚雲岑，路入烟蘿宵靄深，樹影長竿留古屋，花枝亭午轉幽禽，官閑我得修身訣，老去天知學道心，若見赤松憑寄語，佳遊何日果幽尋。寺實者繁上 了切條連載

走以多事，未即陪崑山遊，感念之深，因成八句，錄二首，一以頌廟堂之歡而有關道之嘆，一以寫隱歎之素，而措辭詠之聲，兩儀呈請虛洞裁 丈人尊 田夫大丈

公自稱牛馬走

司馬遷報任安書稱曰牛馬走

[illegible]山敘詩補考錢泉[illegible]諸家金玉亞高[illegible]人情岩險書

六十四卦正韻嘉[illegible]用其韻以[illegible]正以奇[illegible]什近[illegible]見

[illegible]語隱冰歸不妨佳句到皇州

[illegible]一[illegible]驚于秋舟[illegible]中日月舟身過淺樺林泉歷歷遊

山中是人應搖遊芳滿眼言我十一丘吞韓半荒靈運屐

[illegible]句讀山胃路廢元[illegible]題詩州

[illegible]匠舟塞納田秀黃葉[illegible]寒心高花赤松遊

[illegible]友朋漲爽繭堂心事述林丘康庚已作本檢鳳

方斂世路風濤秋亦舟帝里客懷蓮幕雨書房舊話含共

逃丙風刮夢傳邊信腸斷南墻四五州 墻或千峯 河邊地

漠昔一笻詭鄉隣誰道清風不療貧霜後菊香逐酒客

篁中梅意可詩人吟邊一作來合雙蓮贊夢榧天門八萬

孙城月浦雲相望處故人來地欲青春 陶俶夢出八萬上 天見天門九重

洪州復前韻寄答之

佬府西邊晩卜隣倏然一室樂清貧床頭無劍酬知巳

野昔梁夢故人湖海當年天下士風流此日有歸身客

松滸縣裏從肯最愛米壺別樣香

用鄭生留別以別之

尒斌倒我醂醲醉明月隨君桂棹遊觀含好備溫情僕世

途廿卸利名縣雲山昨夢尋鄉里湖海放遊羈市朝僕

夜相思與覓處南雲翔鴈正飄飄卸司夜切脫也

江行次洪溪橋正韻

衣江滾滾片帆東海闊天高望莫窮夾岸綠連青草雨

前沙棹影白蘋風百年豪傑戢爭萬古山河帶礪

憑仗新詩作圖誌行觀四海執文同

昌符元年、余自葉溪寓于城南客舍、歲今倉猝

因成八句、奉簡司刑大夫杜舍、兼簡諸同志、

客途風雪歲更深、長向身賓樹寸心亂後交遊非復昔、城中旅泊到如今、新愁滾滾憑詩送往事悠悠付夢尋、早晚回朝好將聞見章何日賀生擒

城中有感寄呈同志

胡中朱紫動紛紛、幻服誰能各自分、頭上老天依日月、

人間勞景付烟雲習池何處招山簡桃曲無繇覓廣文

謀議廟堂吾豈敢擬將泉石勞諸君

奉賡氷壺寄贈村中高韻

城中幾度閲炎凉漫送悠悠歳月長撒貸出一塊耕廿風

將心羞把妬朝粧寒松晩翠淵明徑獨樹孤村子美堂

賢相倘憐門下士肯容辯作白頭郎

偶作

自詫平生展業繇文章無分敢論詩展會寅緣幸三黜

章子詩云情四肢老即田 共事業心無暮夜收妻兒

乾坤形者皆吾適飛躍高深可遂宜

家園樂

故園亂後有先廬六歲兒童頗受書帶鳥茸花深巷永

涼風幾夢午窓虛心從閑處千憂失學到充軸四體舒

逐物勞人休設我安仁志已遂幽居 晉潘岳字安仁 有閑居賦

村家趣

抱簷竹樹萬條檐草壓弓簷古寺僧遊寺[illegible]

落花庭院燕泥香閒情湛湛春睡足世故洸洸午夢長晨後出門攜僕去逢人只向說農桑

山村感興

虛名卅載絆塵羈一返江山沒是非幾雪墊巾尋野土春風晞髮大灘磯夢中往事撩焦處世事浮雲任狗衣誰道江村生計薄桑麻繞屋綠初肥杜詩浮雲如白衣斯須忽變成蒼狗

遊伏跡山所江偶作

半生塵土負登臨光影蹉跎便到今將世百年真一瞬

古人片樂值千金前川日午傍花與沂水春風與物心

仰止高山懷最哲澗河路可恣幽尋

奉部長安道中作

武林一帶碧迢迢王事寧辭跋涉遙山驛宿[illegible]

合郡庭薄暖雪花消武夫感泣觀唐詔父老欣[illegible]

馭仍攸微勞何報補願揚聖化憺天驕[illegible]

了米拔詩不辭弊甥竇

霜頃予扶天翡識馬幾

謝水壺桐公賜馬

[illegible]茂才名乏不羈嬰黃偶幸厩圖披長途每恨加鞭策
空谷何心受縶維伯樂厩邊頻賞識王良範內竟驅馳
乘風快躡朝天路希驥深懷答所知九方皐求馬報以牝而黃牡而驪之則牡而驪

和朱翰林未央早朝

高閣巍闌夜漏乾九天宮闕峭輕寒雲開瑞日乾坤曉
春布皇仁雨露寬董賈彬彬揚陛殿夔龍楚楚集朝
端華祇忝綴羣公後顧璧涓埃効一官

送中使武適之

五色雲邊出縠星凜然忠義照人明春臨梅驛霜蹄急雪霽滄潮玉節清天地於南雙眼濶山河夷險寸心平慇懃今日送君別杯酒難勝萬里情漢和帝祠李郃奸天大府知遣二使覓風夏夕郃露坐指星内有二使星來向益部

送行人杜從周

芹水春風桂殿秋科場歷歷憶同遊君今有作行人去我獨胡爲省屬留嶺驛雲開豪騎馬湖潮雪淨穩登

丹丈夫此別何須決一笑相看撫蒯緱[illegible]也蒯草名用如劍之物以其劍無物可裝但以蒯繩纏之以其貧也

賀京兆尹阮公爲宴甸經畧使

之紓優頒付九天榮遷經畧使司撫沸門半是喊鴻澤拖

筯猶娥切石姻籌畫小施經國手折衝終賴濟相賢緣

來撥路庸何晚聖主方今急在邊

送京師尹阮公爲行營招討使

釜中占賊久逋誅四海神人悉憤俱諡卜百年遺此寇

公頻寸舌討狂胡金戈戢馬鯨鯢浚將撤區慶恩[illegible]

指日皇風清絕域大功出仁屬吾儕

宣詔既別運副阮奐

長安自昔帝王州偶賦皇華作勝遊倚[illegible]

地宜秭稻歲常秋山中過我七青虎墟上頻[illegible]

王事有程軍政急胸懷莫向濟杯[illegible]

荷宋蔡杜三公御史

烏臺久矣噤無聞聖主開誠[illegible]

丹符今喜催三人巳將風采儀翰著婷把精忠飲業

留取聲名光萬古世間岐路總烟雲

送太中大夫蔡肅齋北行

蔡家人物越邦香公也藍青出異常一郡生靈惟借庇

九重使者重煩張匣中秋水清長路馬上春風听異香

早向南瑩專對了旋歸嘗為佐吾皇 青以於堂而青為皇甫弟子過於竹

賀中書侍郎

虞庭庶事務熙康績與惟公合陝揚人望蓋龍參

鉉天教星鳳展翼章曲江宿負經綸學司馬宰辭曰六丈

聖主倘懷遺棄物願施栽藻到農桑李淳如景星鳳凰争先睹爲快

喜學士陳若虛自乂安至

桃花浪暖泛青春、湖海風流郵奏陳、老我一官閑草萊

壯君萬里遠辭親、暮雲自澗相思地、夜月脈逢久別人、

愛國正須吾輩事、憂渠爲說乂安民、

與漳江同年張太學

憶昔逢迎坪水邊、雨一作雨床燈戶樓擁連宵移各夾紅

衲、絲鬢相看白酒前、夜月芹風今異調、硯旗殿衣舊同
件、懸勤別後須鞭策、聖主方今正急賢、鮮朝謝云靑 詩書五六舊卷

女方將一靑
於出靑夜蘇

上承旨胡宗鷟

京國携書二十年、登龍每恨欠前緣、夢遊翰苑淸風外、
春在東亭白酒邊、萬丈光芒窺太白、一團和氣挹伊川、
寸懷別後勞傾仰、耿耿高明日夜懸、李杜文章在光 芒萬丈長程刃道

接人、渾是
一團和氣

甲子夏旱有勅諸路禱雨未禱而雨

炎災九土正焦烤一雨皇天普澤深請罪國将行底禱至和民已洽歡心卧龍自是人間物肖象能為歲旱霖徙市暴尪何用着至情感召古猶余

送太學生阮漢英歸洪州

燈前非夜話蒙蒙、馬首今朝跨曉風望眼但懸天闕北、歸心寧住水溪東、槐庭月白燈樣[illegible][illegible]欲高錯別渺稻雪燈香村釀熟、塵埃嗟我倦孤蹤[illegible]

桒馬兜賦 出碎賢賦彙卷一 純量出好語替撰左代粗不免拙設之譏

若有ノ至微覘 琛去声 覗也 妙巧兮化機，何靈靈而異異，假柱柱而奇乎形，雖垂之特肖，身是葉之皆為。圖經於杜蝶、竟莫識而莫知。兹非金甌山庄之樹上 金甌即大安山在清華安孫明氏土都處 而化作桒馬兜者乎。觀其葱蒨芬蕤，猗青秀茂，挺聳堅脊兮亘連、股横交兮隱約，彼為彼顛，袤芽袤列，連輾象於洪蒙、窺龍馬之若、迹雖傍於林泉，春夏耕螽黍厥意緱嶺之月明、 王子晉於七月七日緱氏山上仙去 驕抹柔奴晚風，雨落枝敷、

驚王勃之將揮、震轉樹展、宜金蟲之初落、逍遙門丁、如逢伯樂、騁驊騮乎青林之側、暴置于時席之前、幾本稀一價重金千、彼集蓼之桃蟲、猶見歎於周頌、烝在桑野之蠋、尚播詠於豳篇、別是物之雖微、爲化工之[illegible]不生于寬閑之野、而托迹於洞天、不展乎寂寞之濱、而發迹於福地、得非卉中之靈、毛中之異才、併何命於十載、併其、洛水畢而龜呈、作經成而麟柔謙氣應之瑞兆、方[illegible]賢之力、致我 聖相心造化之心以爲心、智造化之智以爲

巧於天尺而歸匯乎乾坤鎔化物而陶成乎庶彙九疇形肖贊於兩間者莫不鼓舞乎春風沐浴乎和氣生育樂其生遂若得其遂工者呈其能術者售其技至若蛸蟆之微蟲（蛸音消蟲中小者　蟆亡蚊蛋動也）亦効巧心之一試因觀物以與懷默感乎乎氣類其紀述也唐叔得嘉禾之書其賞玩也成王無翦桐之戲苟非造物之妙化工之至安能致是乎抑惟聖智之能而非衆人之所可議也竊又反覆天心油繹人事與其生樹上靈異之蟲亮若庸人中俊逸

之才高邁之士與其詠馬兒之詩哀若講曾論有聲之章究曾論德業之貴然而物之靈異者莫且發之必賢於物而最靈最異者乎願充愛物之心而為愛賢之心推衍物之志而為待賢之志觀樹葉則思棫樸作人之方菁莪育才之義玩馬兒則念騶虞麟趾之仁關雎鵲巢之義材館之下駿可市而金可捐實幕之間漢可拔而石可致（出韓文洛之執逕日 淵止南澗日石生）使廊廟榛肖象之求山澤眷臥龍之起夫如是則鋪張宏休詠歌盛德不光大而博

睹者耶。嗟！微生之何修，幸遭逢於盛際，叅入幕之嘉賓，荷命題之盛意，殫刻楮之賤工，列子宋人有以玉為楮三年而成亂之楮葉中不可辨効彫蟲之末技，記微物以舒懷，敢衍貫為上端。

清虛洞記

小[illegible]公識

賢達者之出處，其動也以天，其樂也以天。天若何？一至清至虛之大而已。四相成歲而不顯其功，萬物蒙息而不顯其迹，非至清至虛之大者，疇能如是乎哉！氷壺相公以天鍾岳降之才，參贊皇謨，棟樑宗社，頃遭天定之

變、有清內難之功、靜倒懸於國脈絲髮之際、猶仁於邦基臲卼之日、是乃乾坤締造之一初也、非艱以天者能如是乎、及其昏亂之迹息、仁義之教白、王業金甌、國家盤石、然後留侯晉公之志、始浩然、而不可奪、是明哲保身之一機也、非樂以天者又能如是乎、乃於奏乞崑山荒閑之地一區、規爲退休之宅、二帝嘉其功而志勿之奪、俯以徇之、爰相厥宜、審度形勢、一鼓牛飲、萬夫蟻集、斷幽刈穢、陸嶢嶙巘、（嶢高也巘山相對而危嶮也）於是王渫（音謀渚也）者

醧、（言詩以匪游酒而去其濆）㯹萊者闢、役徒材具、登陾（音仍築墻声）綿繹、不閱月而椓築鍰飭之工畢隤（散也）高者窿（如穹窿天勢也）痺者塓（奴盧切）交嚮遂聯責圖奇圖賁九憩息遊觀之名壯不一、而總則曰清虛洞焉。既成、肅宗皇帝親勒碑、額之洞顏、大上皇帝親製碑銘、勒于岩陰、皆所以旌勳舊、示勸奬也。公朝之退、匹馬嘉林、扁舟平灘、携謝傳遊山之朋、歌陶潛歸去之辭、幅巾徜徉、以登于岩之上、岫烟島霞、歸蜡綺餟、村蕡澗葩、綠蘋紅駭、凉可濯、洌可掬、芳可擷、秀

可餐凡所謂清泠之狀營營之聲悠然而虛淵然而靜與耳目心神謀者蓋已與溟涬太虛並于大同乎溟渾自然氣也撫而遊乎萬物之表憲宇宙中間造物者設如此之境以待夫人者亦多矣然而成功之會若發機指示之蕭條且城繁屬椒房至親之馬援猶譏焉豈成功而不能退休者耶至恭十上乞骸之疏而恩顧之志未償一年半病之臨公而忌終之心與遂豈退休哉務待而難必者缺令我相公其始也天既以功名之會付之其終也又以泉石之趣委

之無成功不過之謀、無進作難之實、是其出與處、動與無
時以天也、顧無於造物以待之意耶、若夫大臣一身進退
係國家輕重、則君子固有終身之憂、非若鄙夫之事
君者、既患得又患失、其得也、倡諛献佞、無所不為、其
失也、艴然遂去、心懐怏怏、此烏足置齒於賢達出處之
論耶、嗚呼、乾坤之光霽、黼黻常、豪傑之經綸、有食安
浮遡紫清沖碧虛以從遊於遊仙之所適耶、昌符八
年、甲子臘月叢溪阮飛卿記

附贈答

陳元旦寄贈葉川檢正阮應龍

胡風細雨轉淒凉、客舍蕭蕭客思長、簾下曾要存就[illegible]

溪邊素艷試新粧、胡兒未缺花門塞、渠差愚歸騷野堂

釣月耕雲何太早、千騷萬字業微郎、

胡宗鷟遊東亭和葉溪韻

才識如君尚少年、文章嗟我老無緣、已將得失遺形外

不復功名到枕邊、便約只將閑隱客、溪頭何處昔[illegible]

幸能日日頻來該休怪東亭似碧懸一作幽

抑齋遺集卷之二完

抑齋遺集卷之三

文類

呈情謝罪表文

安南國先陳主三世嫡孫臣陳暠、大頭目臣黎𠮱等謹奏爲陳情謝罪事、臣竊惟普天之下莫非王土、率土之濱、莫非王臣、當
太祖高皇帝、龍飛之初、臣祖陳某、先入朝貢、特蒙褒
寵、錫以王爵、自是世守封疆、朝貢罔缺、頃因胡氏簒

奏、

太宗文皇帝興師討罪、克平之後、詔求陳氏子孫、

奉宗祀、詔總兵官未及遍求、遽聽土人所言、奏稱陳

氏子孫、俱被胡氏誅滅盡絕、遂置郡縣、設官分治

常先因國亂、奔竄老撾、欲以苟延殘息而已、豈意國

人狃於舊習、追思臣之先世、逼臣還國、臣不得已、

強從之、雖其倉卒出於國人之所逼、而亦臣不能裁

度之罪也、乃於宣德元年、回還本國、一國之人[illegible]

附、共各城併在陣失陷官軍人等、臣擬具本投[illegible]
京、及差人進貢呈情辯冤、緣於軍前再三欽[illegible]
聽從、於是國人恐懼誅戮、遂相率守備關隘、以為[illegible]
衛之計、豈期新來官軍、遇象驚駭、自相奔潰[illegible]
此、雖出於國人之不得已、而亦臣等之罪也、然[illegible]
獲官軍馬匹、一皆收養、秋毫無犯、臣等與國人[illegible]
以為王師不來、兵必再舉、小國生靈之苦、終無[illegible]
將前備呈情書、及具呈情本、遣黎某大頭目[illegible]

總兵官成山侯王通等軍門呈訴請乞班師轉行奏
達蒙准奏請擬於本年十一月內班師臣修整橋道
備辦腳力擺至日應赴回還臣自知負罪深重進退
兩難竊思惟天地之於萬物雖有震霆之怒而生
之意每行乎其間父母之於敎子雖有箠扑之威而
撫育之恩實存乎其內是以人有病疾則未嘗不呼
天地呼父母此臣之不能不瀝懇陳情以伸哀籲者
也伏望

欽此依

太宗文皇帝訪求陳氏子孫之詔念臣祖宗先入朝貢之致赦臣丘山之罪寬臣斧鉞之誅使臣得嗣服南荒修貢天闕是非獨臣一身一家之幸實與一國生靈之幸非獨一國生靈之幸而臣祖宗亦豫霑

聖恩于地下矣臣惟銘心刻骨勿䬤輸忠奉表稱臣歲貢闕缺謹將代身金人銀人費捧謝罪表文所貢方物并起送回京印信官軍人馬一同進到備細文

册一本、差頭目黎少穎等、賫捧赴京、今將各各職目

開呈、謹具奏聞、伏候勅旨、

謝恩呈情表文

安南大頭目臣黎某謹奏為呈情事、宣德三年八月

初八日伏覩勅諭臣等大赦交趾罪無大小咸與俱

新、及今臣等具陳氏見存子孫之名以聞遣使册封

竊見仍遵洪武舊制、臣一國之人莫不歡欣鼓舞喜

出望外、然臣於未奉詔書之先、差頭目黎少穎等賫

件陳情謝罪表文、赴闕呈奏、緣國人耆官吏耆敗、復
思陳氏之舊、已先於國中遍求陳氏子孫、久而弗獲
宣德元年、臣於老撾地方覓訪得先陳主暊三世孫陳
暠、已徇衆情、權署國事、以待朝命、不幸於今年正月
初十日陳暠病故、其陳氏子孫實無見存、國人無堪
領其衆者、以此見逼於臣、臣力辭不受、惟謹守其國、
以俟朝命、今蒙聖恩赦宥、臣等伏自思惟、聖天子體
天愛人、上承祖宗之心、覃沛乾坤之德、臣等立山之

暴然樓陳亡之[illegible]捧見主上徵、痛罔知底、又於[illegible]兵官戍
此僧等罪聊無徵、乃已將本府州縣衛所官吏軍人及
所獲新來官軍一萬三千員名、造細花文名冊一本
起送回還、陸路馬一千五百匹、水路船五百隻、其官
吏軍人男婦及官庫等物、並已裝去訖、又於國
中出令操禁、有藏匿官軍一人以上、被劾而無赦、其有
貴者、亦已陸續起送回還、本幕[illegible]部數、凡物殊所遺
吏軍人等被土人拘留者、悉皆搜送、除[illegible]遺外、小邦

復戒飭國人、并遣人四散搜尋、各府州縣務下、有前
貢拘留官吏盡數起送回還、不敢孤負聖天子惠養
元元之意、所賜敕書二道、臣謹留以爲國寶、除差臣
姪蔡國器等賫捧謝恩表文、伏候敕旨

與王通書

夫大厦將顛、非一木之所能支、長堤將潰、豈杯土之
所能壅、苟不能量力而強行、其不敗也幾希、前無救
事不必論也、以今日之事勢言之、公等皆將以爲謝

昔救援之兵耳。於本年正月內，敕安遠侯、保定伯、催都督、黃尚書、李御史、及土官阮勵等，調兵前來，期四月以程進兵交境。遂於箇月撥到我關溢邊之土防王支援關。本年二月日，我軍一鼓而潰，其前鋒軍馬一翔掃盡，其總兵安遠侯陣前陷沒。至二十五日，我軍再鼓，而全軍盡陷，保定伯陣死，其敗軍走散山林者為我軍所虜。事至於此，亦非吾意，是吾守邊將吏所為，以重吾過。大人以仁義之師，一臨交境，能[illegible]

顛之禍、觀其所奏立陳氏之書、則大人思意、吾無忌憚、今以區區東關一城、擧一國環而攻之、固爲甚暴、然吾所以爲是者、正感大人前日之恩、又以全小國事大之禮、苟能登歸軍士、開城解甲、復尋前盟、則大人可全軍歸國、而漢唐好大喜功之弊、從此而息、湯武興滅繼絶之道、復見擧行、豈不韙哉、倘若猶豫未決、吾恐吾之將士、疲其攻戰、靡其衰弱、決意攻擊不容遏、至此朝節無可奈何、是益以重吾過耳、書

至伏希回示、

訪求陳氏子孫奏文朝告陳暠哀訃、明遣使來諭令訪求陳氏子孫、奏求、用續開絕之倫

陳氏親族昔為胡季犛殺戮已盡並無見存宣德元年、繼於老撾地方訪得陳暠、稱陳氏孫、宣德二年還至本國、一國之人、悉皆歸附、令臣黎某及衆頭目等移書總兵官處乞願班師、宣德二年、已差黎少穎齎本呈情謝罪、不期數日之頃、陳暠病故、其陳氏子孫實無見存、若果有見存、臣等雖未奉敕、猶當叩請朝

命豈以忌詔若此而臣更懷別圖必無此事也又勅中
諭所留官吏軍人等悉皆遣還臣以此惶恐不敢自
安此先官軍征討之報國人恐被誅戮遂相率守備
以為自衛之計會之鳥窮則啄獸窮則攫[illegible][illegible]之
下除已死傷外其見存官人等已差少頻撒進名
數再悉心搜尋今國中頭目耆老人等並稱前項人
等實無見存

諭豪傑詔 丁未黎太祖在藍江善撰賞出文記

今讎賊已破、惟東關城未下、我以此卧不安席、食不甘
味、夙夜焦思、且我之左右未得其人、雖爲主將、一則老病
不才、二則寡學淺見、三則仁重難勝、而相國太保太
傅來且、太尉鄭元帥鶴歆、行護并各官十幾一二、是以
斬節推賊、勸諸事候、晉稱戳力匡扶萬民、莫翻光暌
迷、使天下久淪塗炭、或夜高宿如巴嗟、嘉遊如千處
林且爲民救難、俟其成功、欲遂素志歸山林、不復休
矣、

求賢才詔 出史晴天 乙酉二年

朕惟致理必在於舉賢、得賢必由於進舉、是以有天下者必以是為先務也、古者咸韶、舉賢在朝、精清相讓、故下無遺才、上無廢事、而成雍熙之治、至如漢唐之臣、莫不推賢讓能、更相汲引、蕭何之薦曹參、魏無知之薦陳平、狄仁傑之薦張九齡、蕭嵩之薦韓休、雖其才品有高下之不同、然莫不各得其人、以當其任、奉贊膺重責、夙夜祇惧、若臨深淵、正以拔賢弼治之義冊

其人也、其令文武大臣公侯大夫自三品以上、各舉一人、或在朝或在野、不拘未仕已仕、尚有文武之才堪臨民御衆者、朕將隨而授任焉、且薦賢受上賞、古道然也、若舉得中才、則升爵二等、若舉得才德俱優超絕倫等、必蒙重賞、雖然才之於世、固爲不少、而求才之道亦非一方、其或蘊經綸之才而屈居下僚、乘人薦舉、與夫豪傑之士、伏於草莽、混於卒伍、若不自達、朕何由識之、今後君子有欲從我遊者、俱聽自薦、昔毛遂脫穎

而從乎原君、寧戚叩角而感悟桓公、何曾以小節拘哉、詔出之日、凡在具僚、各盡乃職、或請薦拔、至于閭閻側陋之士、亦勿以衒玉求售為恥、而使朕有遺才之嘆也、

平吳大誥文 戊申、

代天行化皇上若曰、仁義之舉、務在安民、吊伐之師、莫先去暴、惟我大越之國、實為文獻之邦、山川之封域既殊、南北之風俗亦異、自趙丁李陳之肇造我國、與漢唐宋元而各帝一方、雖強弱時或不同、而豪傑世未嘗乏、故

劉龔貪功而取敗、趙禹好大而速亡、唆都既擒於咸子關、烏馬又殪於白藤海、稽諸往古、厥有明徵、頃因胡政之煩苛、致使人心之怨叛、狂明伺隙、因以毒我民、偽党懷奸、竟以賣我國、焮蒼生於虐焰、陷赤子於禍坑、欺天罔民、詭計蓋千萬狀、連兵結釁、稔惡殆二十年、敗義傷仁、乾坤幾乎欲息、重科厚斂、山澤靡有孑遺、開金場則冒嵐瘴而斧山淘沙、採明珠則觸蛟龍而絙腰汆海、擾民設玄鹿之陷阱、殄物織翠禽之網羅、昆蟲草木皆不得

以泄其忠、[illegible]寡頗違、俱不獲以安其所、瀆生靈之血以潤豺狼之吻牙、極土木之功以蠹公私之廨宇、州里之征發重凋、閭閻之杼柚皆空、決東海之波不足以濯其汚、罄南山之竹、不足以書其惡、神人之所共憤、天地之所不容、于會遊遊山、忘身荒野、念世讐豈可共戴、誓逆賊難與俱生、痛心疾首者垂十餘年、嘗膽臥薪者甚非一日、發憤忘食每談帷幄之言、即古驗今、細推究興亡之原、圖回之名每奮不忘、當義兵初起之執、亟賊勢方張之際以[illegible]

紛偽裝服飾、奔走彼方、若能遂其人謀某作業者又寡
其取特以敵人之性、要害薄弱處著眼、故稍依兒童之事、常
訛訛而處、左顧其仔人之鼓、滿者豐洋、由己之心甚於操縱
憤山後之本營倉圓步之編包、囊山之含畫叢句、現縣之
家辦一旗、置天壇圖我以降展、伍故予益勵志以清于敵、
揭竿為旗、既舉之後四集、投身賓士、父子之兵一心、以弱
制強、致攻人之不備、以寡敵衆、常設伏以出奇、卒能以大
義而勝凶殘、以至仁而易強暴、當磨之書驅電擊、恭鱗之

竹破瓴飛士氣以之益增軍聲以之大振陳賀川壽之徒闖風而祇颺方政李安之輩喘息以偷生乘勝長驅兩京既爲我有選鋒進取東都盡復舊疆寧橋之血成川流屍萬里卒洞之屍滿野遺臭千年陳洽賊之腹心既梟其首李亮賊之奸蠹又殄厥身王通理亂而焚者益焚馬騏救鬪而怒者益怒彼志窮而力盡束手待亡我謀伐而心攻不戰自屈謂彼必改心易慮豈意復作孽以速辜執一己之見以嫁禍於他人貪

詡之功而貽笑於天下、遂使宣德之狄童黷兵無厭、恭命柳昇之懦將、以油澈焚、丁未九月柳昇引兵由溫邱而進、本年十月沐晟亦分途自雲南而來、予既還伏兵塞險以摧其鋒、後又諜奇兵絕路以斷其食、十八日柳昇既為我所攻、計墜於支稜之野、二十日柳昇又為我所敗、身死於馬鞍之山、二十五日保定梁銘陣陷而喪軀、五十八日尚書李慶計窮而刎頸、我自迎刃而解、彼即倒戈相攻、繼而四面添兵、以包圍期以十月中旬而殄滅、

熊遭貔貅之士申命爪牙之臣衆歎而江河乾刀磨而石山缺一鼓而鯨刳鱷斷再鼓而鳥散鷹驚決潰蟻於崩堤振剛風於枯葉都督崔聚膝行而進欽尚方黃福面縛而就擒僵屍塞於涼山諒江之途濺血赤於昌江平灘之水風雲為之〇變色日月慘以無光其雲南兵為我軍所扼於犁花自桐疑（）荳嘐而先以破膽其沐晟衆為我軍所敗於芹站遂躙藉奔潰丫伴得脫身冷溝之血杵流江水為之鳴咽丹舍之旣山赤

野葉潮之敗衄、兩路救兵既不獲蹕而俱敗、各城寨寇、牢栅井甲以出降、賊首咸拚、彼既掉殘卒乞憐之尾、狮武不獲戕害、皇上帝好生之心、參政方政內官馬騏等、先給船五百艘、既渡海而猶且魂驚魄散、總兵王通參政馬騏等、又給馬數千匹、已逐關而益自股慄心驚、彼既畏死貪生而僞好有識、余以全軍爲上而與民得息、非惟謀計之極、其深遠抑亦古今之所未見、闡杜稷以之奠安、山川以之改觀、乾坤既否而復

交趾又請自今宜使民復故朝貢仍遵洪武舊例入貢
謝罪恩遣主事宜結三年三月初八日復賜詔書大赦
安南國大頭目某某并書生人等文壹院屬等議
謝詔赦交趾奏表中
朝又奉詔書赦天下凡係　知
然也放飛一致大定遠成無疆之功四海永清欽奉聖
古來有之臣恭由天地祖宗之靈有以隆相照治而致
奉日月重輝而彌明了以開萬世太平之基于以重千

其表稱謝者伏以雲行雨施、濡聖化於九天、鳳翥鸞
飄渤寵光於遐邇、齎歡騰嶺海、喜溢臣民、恭惟
皇帝聰明、聖神文武、興滅繼絕、祇紹述於祖宗、罷
兵息民、用肇寧於華夏、大普乾坤之量、廣覃雨露之恩、
怜臣荒服之民、置之不問、赦臣丘山之罪、咸與維新、敷
文德而奮武功、懷遠人而安中國、是以保祚延長而永
致太平之效也、臣棲身海嶠、待命闕庭、奉大國以孜
大謹守一隅之地、望紫宸而視聖、遂馳萬里之誠、臣等

下情云云

謝册封表 辛亥編天四年遣正使黎[illegible]覺副使何[illegible]京來此

安南權署國事臣黎某誠惶云云謹上言宣德五年十月十一日伏覩欽差天使右侍郎張敵通政使徐琦賫捧詔書一道印章一顆命臣權署國事臣與一國之人莫不歡忻踴躍謹奉表稱謝者伏以恩詔渙頒春滿龍編之地印章寵錫光生象郡之區喜溢臣民歡[illegible]嶺嶠竊念臣僻居荒裔叟隔中華當流離[illegible]奚[illegible]

十二 [illegible]

縻身無地而倉卒求生之際獲罪于天鑄錯有由堂陛俾及乾坤至大獨怜無路以自新日月並明常懸覆盆之難照每撫肝而哀籲終蹐地以自慨海岳偷生已分苟延於殘喘朝廷棄遠豈期更荷於洪恩非惟忠湯網之寬仁又幸沐堯天之雨露恭惟

剛健中正徽柔懿恭守成以文遵皇祖之明訓止戈為武體上帝之好生怜 臣一方彫瘵之民赦 臣積年深重之罪特垂寬宥曲賜保全 臣敢不思蓋前愆勉圖後

欽欽矣事大愼殫小國之誠保境安民恪守藩臣之職望紫宸而三祝祈聖壽於萬年臣所有進貢方物另具本差陪臣阮文煦阮宗奎等賷捧赴京謝恩外謹奉表上以聞

令百官毋作慶賀舊儀詔 越通史

頃來吳民並畢六月諸日崇宮室而高臺榭興築倣之風從己欲而抑人心必致百年之愁恨甚憐民凡暴棄模壯觀矯飾是皆軍人勞苦之力愛爲何矣

術恐弗堪、而文武臣僚、擬備登殿宴賀禮儀甚衆、本意其令百官毋得作虚頌功德、及感陳慶賀燕飲禮儀、

禁大臣總督及諸院省司等官貪息詔（庚戌五年七月）

七月詔曰、與治同道罔不興、與亂同事罔不亾、是以善爲治者、擇其善而從之、傳曰、善人不善人之鏡、不善人善人之資、詩云殷鑒不遠、在夏后之世、我之諸臣可以取法於此矣、在昔程氏（程卽陳也避諱改）恃其富強不卹民困、惟玩好是耽、酒色是樂、無益之事、日夜沉湎、

賭博鬪棋、鬪鷄杖錢、盆畜花金之魚、樹藝山林之鳥、游玩小小之器能、以爭勝負、亡卻堂堂之天下、曾不顧彼冤枉拘於損害之守、或一三年而不封、親疏屈於內豎之手、或二三月而不行、相將植朋黨之私、朝廷之權諂之士、以至親子親孫、陷害於奸臣之巧計、大權大計、轉移於親戚之倖人、民心怨謗而不知、天心譴責而不懼、政教以之而陵夷、綱紀以之而紊亂、雖云胡氏之不忠、亦由天厭其德、而假之他人也、胡氏既以奉

智而拿人國、又以姦智而會人情、貫斂之令一行、而
人人恐於傷生、邊民之法一施、而人人恐其失所、加以
賦繁役重、法峻刑嚴、權豪盜巳、吮肥家、不念妨民而害國、
受肥偏私宗族、早着尊顯之、餘小諂諛者寵用之、因喜
而賞、因怒而刑、忠直鉗口、良善含冤、而猶驕傲以自
榮、不畏天命而擁饕恣肆、云吳賊貪、殘、亦由天厭其
逆而假之於他人也、及吳之得國、不能代虐以寬、益加
殘暴、專殺戮以為威、視人命如草芥、俘繫我民之

妄予癸獨我國以渊陵、荼毒魚以困民之食、索錦帛以多民之衣、金玉盡於搜求、畢衆勞於供貢、政苛刑暴、民不聊生、無辜籲天、忠義切齒、咸願効死以滅賊營、是以義旗一麾、四方蜂起、而吳衆遂以敗滅、蓋徒知取之以暴、而不知撫之以恩也、雖我以大義而得人心、亦由天厭其害而移之於我也、良由居官任職者、上不能體人皇之心、下不能施勤恤之政、內則蔽惡於君、外則朋黨於家、曾無徇國之忠、惟務營身之計、至使國敗家亡

君臣倶屢可不監戒、朕夙興夜寐、未嘗頃刻而忘于懷者、深恐前車既覆、而後車亦蹈之也、故尤戒爾等、貴諄諄反覆、不止千言萬言、九諭十諭、而爾等視為虛文、不曾改前日之過、不曾遵勤懇之言、往往屢為不法慢上逆下、夫舊有勲勞、恃功驕恣、而所犯事或過誤、倘隨其事之輕重而斟酌之、或可恕、或不可恕、或漸進之人、見其軍勢已盛、國事已成、而貪緣幸進、圖取功名、乃是同人成事之人、而所犯事非過誤、其可曲法而赦

之失今已桀紂我懲如此而猶不聽不悛是乃自取滅亡
非朕之過也今日大小臣總管下至隊長及諸院省司等
官凡有管軍治民之職皆宜公平用法勤敏為政事
君則盡其忠與家則盡其和革貪污之風除怠慢之
弊絕其朋黨之私懲其故犯之態以國家之仁為己
任以生民之憂為己憂竭力盡忠扶持王室使社稷安
如泰山基圖固如磐石以與朕共享祿位於當今共
傳聲名於後世君臣大義始終保全是豈不甚美哉

於戲琴瑟不調則當易弦改調以求正聲[illegible]
則當改轍易行以遵正道嗚乎有官[illegible]
布告中外臣僚令咸知悉

命思齊攝事詔 出遺文

辛亥四年詔曰經綸天下之道[illegible]
後故父作子述而家庭益昌見[illegible]
先哲王之慮事深且遠矣朕[illegible]
三年亦甚勞矣今智慮稍[illegible]

[illegible][illegible]爽承思古者以經行權而合聖賢之道立兄傳弟
而延歷祚之長酙酌相宜立為定法思齊年踰弱冠
性近成人兼思慮未盡周密精微而耳目亦已見聞
事體且當並議以助朕躬元龍性雖明敏而年尚幼
冲且宜備養青宮待成就德若思齊方臨朝聽政則
亂禍豈關撫軍一遵趙宋故事後世子孫亦當以義相
繼傳之無窮厥後或有不聽朕言妄生異議引趙普註
誤之言變易朕明詔一定之制是乃諂佞之徒以為他日

文　廿九

之資、欲與莽操同事、非為國盡忠之道也、法所不赦、今
詔示文武臣僚、俾知嗣王先定之義、觧言諭不一之疑、凡
尋臣民誠宜知悉、

平後征班師詔 世子五年五月見任權、任權上商刁世平與先文巧連謀作亂、又密表宋逆臣阿顏、伏惟存命州伕麥寨圍王恩齊討之、尋觀征明頼伏、故刁世平連書作夫寮、以其地為儀雅州、正月初二日班師

詔曰、苗民逆命、而夏禹征徂、征寇人不恭、而太王赫怒、
徃自古內屬我國、為我藩臣、頃因前朝衰政、王室不
綱、邊防失弛、彼乃恃險憑陵、不供國賦、侵冦邊鄙、虜掠

良民其太原宜光輝化嘉與等類被害尤甚朕受命以來務在懷柔一視無間其土酋刁言榮紐於舊習不肯來庭朕每示以信義益加撫諭優其英銜以厚恩而彼狼子野心終懷異志忘恩倍義反面作惡挾逆人尚曉御男及尚丁桂等輩誘邊民謀為不軌逋逃聚衆實繁有徒又與哀牢逆臣尚軻頹等結成黨與同惡相濟攻占哀牢地方及恃每等處擾人民屢被其殘哀牢璧茹遣使乞兵赴援朕為民父母代天子

民、率土之濱、皆其赤子、弗忍一方之荼毒、命將臣興
師弔伐、而吉寧大舉其衆、以拒我師、世偶一戰、時[illegible]
敗死、吉寧頭目覽剛等竄藏驚奔、猶遣頭目黃[illegible]
從瑞酋長丁桂等、狀進人尚[illegible]等、直犯我泰興陸
江等處、會誘惡民、敢行猖亂、朕惟亂臣賊子、天下之所
共誅、去年太原鎮尚竟絡之反謀、實由尚圩之[illegible]今
若尚吉寧之作逆、又與尚有之陰謀、禍亂之萌、不可不
絕、朕乃先命司徒黎[illegible]兼內院張[illegible]試、又命國王

恩齊欽兵由北關以截其後朕率六軍由嘉興繼至適吳尚于桂等望風奔潰我師躡後直至花浦將僞逆人尚膺卿男為蠻吒所殺送首營門生擒丁桂及其妻子俘馘不可勝計我乃分軍水陸並進今年正月二十日直抵吉牢窠穴先是哀牢逆臣軻賴賀身惟慮闔朕師至竟殺軻賴送首迎降吉牢亦棄妻子部黨朕乃命司徒進兵惟程國王駐兵惟蘇八山拔險又命諸將分兵各惟險處盡行搜捉俘獲吉牢妻

子部黨、及各男婦三萬餘口、象一百餘隻、牛羊牲口戰器船艦物件不可算數、乃建置州縣、併入版圖、今當班師凱還、獻俘清廟、合行告示天下臣民、凡為人臣者當以奸巧為戒、為藩鎮者當以吉罕東緇為戒、則我之臣民、可以共享萬世太平之福、而永有辭于後世矣、

命降思齊為郡王、次子元龍承統詔、

癸丑六年八月、命降思齊為郡王、布詔天下、詔曰、大

子曰朕以藐凉、祗承天命、于[illegible][illegible][illegible][illegible]傳[illegible]天下矣、萬幾至業、以此憂勞積成風疾、勵精圖[illegible]、恐弗克堪、皇太子雖在弱齡、素聞仁孝、[illegible]情克篤、神器攸歸、可授劍璽監攝國事、又勅太子曰、以國相傳、國家之大事、以父訓子、天下之至情、惟國家事大、故授受之際不能無言、惟父子情深、故告戒之言不得不盡、我祖遭[illegible]衰亂、創業惟艱、二十餘年、方成大業、民間疾苦、靡不周知、世道艱難、靡不經歷、以予膺[illegible]之際、良多惕傷

有未易知、事之疑難有未易析、為君之道、豈不艱哉、况
再以幼冲之質、紹艱難之業、聞見日淺、思慮未周、宜敬
謹存心、擱來在念、事天地則思竭其誠、奉宗廟則思竭
其孝、友愛兄弟、和睦族親、以主治百官、臨萬民、莫不思
盡其道、勿變亂先王之成法、勿遺忽先哲之格言、勿邇
群小、而殖貨財、勿好遊田而縱淫佚、勿聽讒言而疏
忠諫、勿用新進而廢舊人、謂天難諶、命靡常、必思制
治于未亂、謂功難成、事易敗、必思保邦于未危、此應

安樂、則思昔日艱晉之業、其享尊榮、則思我祖宗積累之功、必慎始以圖終、必爲大於其細、必遵先志而後可以守先業、必順天心而後可以合人心、惟相惟戮、勿怠勿忽、可授與璽、代余監國事、以圖國本、以安家心、於戲允叶僉心、在厥中之允執、文武大道、尚繼承以無忘、

進士益以輔一相之勤於以致求與講明治道者詳矣以俟

上宰同致治平之功、懋建於朝、基緒集於殿、將於盛哉、

歲貢表

今亦進陪臣陳殷、餘既可云素於庭

如用黃帝卿前三分太子太后各一分、

安南國權看國事臣黎某|謹上言、伏以北闕疏恩、新
受九天之命、南邦修貢、遂馳萬里之誠、報昔分毫、感
深骨髓、恭惟
|乾坤同大、日月並明、德五帝而功三王、無思不服、子
庶民而家四海、一視同仁、致使遠方、預霑聖澤、臣俯
屏炎徼、仰慕中華、一朶紅雲、雖隔九霄之遠、萬年聖
壽、曷勝三祝之懽、臣等所有方物進貢、另具本差陪
臣程舜俞、韓拎虎、賫捧陳奏、外謹奉表上進以聞、

皇太子表

南國權署國事臣黎某一謹上言伏以清宮毓德允正於元良炎徼承恩恰符於常貢俯伸下悃仰達前星恭惟

殿下賦性溫良因心孝友重華叶帝萬方仰離照之明出命自天四海屬宜君之望本根益固家國以寧臣遠阻殊崖心馳鶴禁星輝海潤願賡四頌之歌日升月恒敢祝千秋之算臣所有進貢方物另具本差陪臣費

捧呈啓外謹奉箋上進以聞、

國人謝冊封表

安南大頭目臣黎四等、一謹上言、宣德五年十月十

日、伏覩天使賫捧詔書、允臣等所奏、命臣黎具權署

國事、以撫國人、臣等一國之人、莫不歡欣踊躍、[illegible]

稱謝者、伏以皇仁天大、敷文德以懷遠人、詔[illegible]順

天心而宜聖澤、昆蟲知德、草木生光、恭惟

一聖敬日躋、聰明邦憲、萬物並育、心天地以為心、[illegible]

為家治夷狄所不治弘聖仁而柔遠斂五福以錫民
念臣小邦彫瘵之餘俯垂矜恤察臣家康哀顧之切
曲賜允俞一方之命脈以蘇萬世之規模益遠凡茲覆
幬莫不尊親臣等忻戴堯天進瞻舜日扶杖聽詔
深感荷於君恩鑿井耕田喜均蒙於帝德望紫宸
而三祝祈聖曆於萬年臣等謹奉表稱謝以聞

藍山永陵神道碑記

維順天六年歲次癸丑閏八月二十二日太祖高皇帝

上天本年十月二十三日，葬于藍山之永陵。帝姓黎諱
利，曾祖諱誨，清化府人也。嘗一日遊藍山，見一群鳥
飛翔繞於藍山之下，若衆人聚會之狀，曰此佳處也，因
徙家居焉。三年而產業成，子孫日繁，奴隷日盛，建邦
啓土，實基於此焉。自此世爲一方君長。皇祖諱汀，純
承其家，以繼先志，有衆至千餘人。皇祖妣阮氏，長有
賢德，生二子，長曰從，次曰曠，即之皇考也。性慷慨祥
休休然容，好養賓客，鄉黨之民，視同一家，是以人夫

不感其恩而服其義也皇妣鄭氏諱蒼勤於婦道
閨門和睦家日益昌生三子伯曰學仲曰除季則常也
[illegible]承祖父之訓不幸[illegible]命帝受祖父之命惟謹雖朔漢人
[illegible]堅強遁藍山以耕稼為業由其慣彈[illegible]之多
[illegible]於韜器之書繼竭家資厚待賓客戊戌[illegible]義
[illegible]於上前後凡二十餘戰皆設伏出奇邀領所敵
[illegible]以弱制強丙午戰工 早洞大捷[illegible]湖東都
[illegible]戍長沙擁衆號六十萬由廣西進黔陽以誘

晟領兵五萬由雲南進，大敗之，戰殺昇，敗貫，斬賊首數
萬餘級，生擒黃福、崔聚等三百餘人，軍士三萬餘口，府
獲都丹勅令兵符遣雲南軍，隊晟見之，舉家胥遁安
生擒、不可勝數，朝鎮兵襄關城，成山侯王通等，先與賊
軍講和未定，至是請盟于珥水之上，各鎮守城池、俱開門
出降，凡所獲賊人及各城降卒、數十萬餘口、一皆放還，水路
從撥船五百餘艘，陸路應付口糧、脚力，戒戰軍士，秋毫
一無所犯，自是遣好，南北無事，悉復東寧畫入版圖，占

城開安航海修貢、帝宵衣旰食九六載、而國中大治、聖
靈崩、
順天六年癸丑十月吉日、榮祿大夫入內行遣知三館事臣
阮廌奉勅撰、翰林院侍制臣裴文斐奉勅書、

謝弔祭表 甲寅紹平元年

安南國故權署國事黎某嫡男臣黎麟一謹上言、宣
德九年十一月初一日、伏覩欽差行人郭濟朱弼齎敕到
諭祭文、并賜祭物、臣臣祗受國賜、外謹奉表稱謝者

以皇仁天大、降恤典於九重、聖簡春溫、慰羣心於下國、恩
均存沒、禮盡榮哀、恭惟
丨憲天聰明、作民父母、君臨四海、孝治萬邦、子惠萬
方、仁既先於親、獨致令沖幼、亦荷撫存、臣苫塊郁哀、雲霄
化望、口宣、日養恩、欲報君父之恩、惟孝惟忠、誓益堅臣子
之節、

求襲封表（甲寅紹平元年、命宣撫使阮宗冑侍郎蔡孝貴者人、歲、良輔等齎表文求封、付遣陪臣作奏本）

安南故權署國事黎某嫡男　臣　黎麟　丨謹上言、伏以

仁柔遠視四海以爲家下國祈封籲九天而請命共傾
大志佇聽俞音恭惟
日月照臨乾坤覆載知人明哲帝堯致萬邦於變之風
聖敎以寬大舜有四夷來王之效德無遠而弗屆民有
欽而卽從臣僻處遐方屢蒙聖化海涵春育均霑罔
外之恩雨施雲行頒布維新之澤仰紫宸而三祝祈聖
壽於萬年臣謹差陪臣阮宗胄裴良弼等奉表奏進以
聞

謝襲封表

安南國權署國事臣黎麟｜謹上言宣德十年二月初二日伏覩欽差禮部右侍郎章敞行人侯璡賚到勅諭

命臣權署國事臣已祇受拜訖謹奉表稱謝者伏以聖朝柔遠華夷同一視之仁南國襲封咫尺拜九重之命欽膺海嶠慶叶臣民恭惟

｜智勇正邦聰明作后誕敷文德撫巳而垂衣裳懷保小民獲政必先鰥寡惟皇建極其仁如天臣仰荷洪恩欽

承聖訓慎終如始惟盤竭於誠心保境安民尚克遵於
侯度臣謹委潘子曰梁元禧等奉表稱謝以聞

國人請襲封表

安南國耆人黎麟等一謹上言宣德十年二月初二日
伏睹欽差大使章敞侯璡等賫到勅諭命臣黎麟權
署國事并諭本國官員耆老軍民等臣一國之人不勝歡
欣踴躍謹奉表稱謝者伏以恩綸渙頒玉陛降九重之
命皇仁遠被炎郊四萬里之春草木生光旄倪滋慶

恭惟

一繼天立極、欽福錫民、叶帝舜之重華、肯述于世、[illegible]成

陽之大德、功加于翔、采孝治以推恩、開誠心而作物、照[illegible]

脈其仁如天、臣俯處遐荒、欣逢盛世、波不揚風不烈、皆[illegible]

恩、庸而鑿田而耕、咸蒙帝德。

賀即位表 乙卯紹平二年明英宗即位改元正統

安南國權署國事臣黎某一上言、宣德十年十二月[illegible]

欽承天使行人朱弼、謝經等、領到詔書、伏覩皇上新登

皆徐謹奉表稱賀者伏以泰運重開四海仰中天之日月
帝王正統萬邦歸一統之山河宗社莫安華夷悦服恭惟
一體乾行健如日方升敬附尊而愛附親普先天下
御以寬而臨以簡德及遠人九重照臨舉皆歡欣臣俯
居遐壤久沐深恩望天闕於九重盛瞻咫尺拜封之三
祝聖壽萬年臣下情云云

賀尊皇太后表

安南國權署國事臣黎某謹上言、堂歲十年五月登

日伏覩天使來齎捧恩賚到詔書尊聖祖母為太皇太后謹奉表稱賀者伏以尊親禮重九州極至養之榮特戴恩深萬物蒙資生之德歡騰嶺海喜溢臣民恭惟丨淵靜懿恭聰明濬哲為天下母德實慕以子養生垂拱中葉弘至仁而家四海風行所及並戴懽同總綸音遠仰賀觀海天齊呈陛拜共罔越無疆壽至忭慶祝東朝之壽但臣下情無任[illegible]

謝冊封國王表[illegible]

安南國權署國事臣黎某一謹上言正統二年正月十三日、伏覩天使李郁李亨持節賫捧詔勅金印、封臣爲安南國王、臣已祇受、拜受訖、謹奉表稱謝者、伏以鳳翥鸞翔降金章於天闕、雲行雨施霈聖澤於遐方、簡在宸衷、喜踰望外、黎惟

天監治、如日方升、合四海以爲家、小懷大畏、法九經而爲國、厚往薄來、致令遠徼之臣、屢荷聯翩之寵、隆盛代、祇佩龍光、瞻日望雲、雖隔九重之遠、敬天事

大願拜小國之誠且下情云云

作後嗣訓以戒太子詔

帝作後嗣訓、以戒國王太子曰、我聞帝王禪讓、必以心法治法而併傳、世代繼承、每述訓言戒言而垂範、綱所遇之時或異、而所爲之事則同、我親剪荆棘于艸澤[illegible]、以介胄爲衣被、以草野爲室家、履險乘危、蹈鋒刃、然後掃蕩風塵、創成基業、經營綿歷、厥惟艱哉、今汝因我之功勞、承我之基緒、凡其監國撫軍之要、

存心出治之方、勉力而行、無許豫怠[illegible]必存
愛養之心、子惠康民、恩布寬仁之政、勿以私恩而濫賞、
勿以私怒而濫刑、勿殖貨財而肆侈靡、勿邇聲色而
縱荒淫、至於推己用人、受言納諫、一政一令之施、一言一
動之發、悉由中正、用作典常、庶使上有以答天心、下有
以孚人望、則國家永安、若其自用聰明、用暱私昵、廢
我之臣、敗我之政、變更家法、遺棄懿親、疎遠忠直之
人、親近諂諛之輩、惟快意之事是作、惟玩目之事是

楊溥撰

承不遑勤儉之德不念艱難之功如古人所謂厥父既底作室而子弗肯堂肯構厥父既勤敷菑而子弗肯播矧肯穫安能成我之志承我之業而傳祚於無窮乎且保于有仁者民也載舟覆舟者亦民也佑于有德者天也難諶靡常 [illegible]天也雖以舜禹湯文之聖然猶兢兢業業克勤克儉惴惴不敢少忽況於其下者乎夫繼體之君出於宴安常無立志苟不訓之於始戒之於初使其儆慎

桀序、感激奮發、則、安能畫繼述之道、以福天下之民哉
此成湖之辭不能已於有言也、嗚呼、惟能敬承、克紹
厥猷之作、式能繼述、克昭達孝之名、尊其祗佩余言、勉
率前哲、故訓、

明昭儀爲皇太妃制 紹平年間

制曰朕惟克敬惟親事追來孝、撫高后艱難之業、惟
中閫媺亮之勤、載歌大號於朝廷、用安徽壹於空突、
具位某秉持懿德、經事先朝、遭板蕩之乾坤、共冰櫛

三十三

於風雨、奉承箕箒、無忘灑掃之心、勤補衣裳、期盡彌
雖迍益一心在御、千載靡遑、芒碭雲氣、雖水風沙、凡備
嘗於艱險、滹沱麥飯、蔞亭豆粥、嘗相助於湯饑、致繁
極之典要、多鷄鳴之儆戒、甫母后不幸而升遐、獨朕躬
有頼於扶持、深懷顧復之恩、敬後追崇之典、粤考成
閔之遺制、宜加太妃之新封、于以褒保佑之功、予以[illegible]
哀之禮、於戲、褘翟命服、流輝無間於存亡、屬鸞儀集、會
彷有光於其謨、

冊賜儀為貞懿元妃制

制曰、朕惟聖人制禮、道莫重於親親、朝廷推恩、義尤哀於貴貴、載敦制詩、用賁幽扃、具位某、淑慎柔嘉、端莊靜一、當〇乾坤草昧之際、為官壼儉約之風、靈山之秋構艱難、尤資主饋、漂露之衣裳藍縷、正賴為縫、每念[illegible][illegible]先朝之功、豈忘保佑沖人之德、翊方大定、人已云亡、欲伸至孝之情、敢後追崇之典、是用擇寘元妃之列、以昭異數之恩、於戲、鞠養維殊、恩有同於罔極

存忠黎國聯縣相枝承襲

承重遺迹事跡

承重、相公、陳氏之覲族、父八內太保咸肅公諱太臣、諱

明勑王叔考、祖文肅王諱道義十四歲試中榜眼壹

廟特賜大辰以寵異之稱其嘗薦之才、有意大用、未及

陵相、而王早薨、曾祖上將太師聡明大王諱々々啓、太宗之

次子、重興年間、功居第一、常出征聖廟賜二旗、宸翰題

王、一代功名天下貴兩朝中忠孝世間無、可見非常之人

矣、壽五十歲、有樂道集行于世、公諱存旦、家傳詩禮
胸出神明、霽月光風、雅有出塵之想、青天白日、明共
許國之忠、昔當昏德悖亂之朝、從藝眷二帝出奔于
外、事平之後、爰立作相、定欃槍于震撼之際、解紛結
于錯亂之餘、數年之間、海內平治、國人稱曰賢相、雖兒
童走卒莫不知名、自胡氏進用、陰氷始凝、公曰君子見
幾而作、不俟終日、於是創清虛洞於鳳山縣之鬼山、以
爲退休之處、洞成、睿廟賜御書清虛洞三大字、揭之

碑額、藝廟親製碑疏、刻之岩陵、公雖迹寓林泉、志存宗社、其憂愛之念、未嘗一日暫忘于懷、每托之詩歌寓其忠憤、或去或留、一動一靜、莫非諫説、藝宗終不之察、由是胡家氣燄日盛、附勢日衆、國日以削、衆可奈何、而公退休之志始决、臨終、病不復藥、子孫有勸之藥公曰、相事如此、余得死幸矣、豈復求生見禍亂耶、公没未幾、胡氏果篡國、殺戮陳氏子孫無遺、其先見之明有如此、壽六十五、以庚午年十一月十四日卒于家、葬于諒州

府鄜山縣之奧山歷官至入內檢校司徒平章國上柱
治章肅有冰壺玉壺集行于世男女十一人兵後鮮有
存者余母公第三女也先公而沒余竊慕彭澤陶公作
外祖王府君傳眉山蘇公錄程公遺事晦庵文公又錄
祝公遺事凱風寒泉之思寔鍾于祝公子孫殆盡堂
構之托實在余撫復築室于崑山之下歲祠為享而
厥志未遂因命工繪集遺事錄于後藏之於家以示不
忘亦庶幾乎陶公蘇公文公之心也餘見葉溪先生所作

清虛洞記及別誌書云順天元年戊申仲冬宣奉大夫
八內行諫議門下右諫議大夫同中書令事賜金紫魚袋上
護國冠服侯賜姓黎廉

附睿宗御製碑銘 司快刹庵[illegible]此[illegible]嶽世有[illegible]紹[illegible]樂以[illegible]
高[illegible]年[illegible]某[illegible]日[illegible]石則[illegible]圓[illegible]自安[illegible]清[illegible]則[illegible]
之深陸[illegible]則黄[illegible]黎民之大[illegible]倚[illegible]筍[illegible]則[illegible]罷[illegible]之如[illegible]
義我[illegible]無有[illegible]此[illegible]所以[illegible]而書于山之陰者也

隆慶三年季春文

諫議大夫兼知三館事謝表

榮祿大夫八內行遣門下省左司右諫議大夫兼翰林院

承旨學士知三館事提擧崑山資福寺亞大智字[illegible]

藝處誠惶誠恐稽首頓首上言本年二十月欽[illegible]

覃恩除臣前職臣已祗受拜訖謹奉表稱謝[illegible]

八十殘年守職已安於本分九重龍渥仍天[illegible]

家緣已知榮搁心並愧臣縉紳末裔草何小[illegible]

之氣節志在如怒虫雷為怨憂[illegible]天下之[illegible]

家華縢之初際其寸風雲之會錄[illegible]

忠義色知虎田鎮[illegible]夫和議而兩[illegible]

殊獎併八政遊遊、言必襲而計必從、功已成而名已遂、允符偶壤、幸同白駒之盟、聚諾招議、倘污青蠅之玷、佞知落落者難合、終令皓皓者易污、非先帝之明見以燭微、則小臣幾含笑而入地、前事既已、尤矣、寸心又何愧高、金馬玉堂、竟復循於書牧青丸皂日、得此露其忠肝、奈朧景已迫於桑榆、而潦猶縈於宸極、才疎力薄、髮白心丹、豈期乞骸骨之年、却有拜壹霄之命、代遇

明明在上蕩蕩難名帝堯乃聖乃神知人則哲大舜
好問好察御衆以寬立賢無方用人惟己擇羣於將
於菲葑采陶冶器則器稀不遺怜臣末路之疲賢尚
記瑣質謂臣經秋之松柏可耐霜霰擯排不惑於俗
言信任獨堅於聖斷至今衰朽更轉光華東臺之
寶乃朝廷之重選三館之職斯爲儒者之至榮況
國姓以花宗得與功臣而並列感隨激出喜與淚
自顧迂愚莫以稱塞臣敢不益堅素節仰企前修

兵高深，莫效涓塵之報，乾坤寬大，寶恩義憐之日

諭又安新平順化將校軍人令

我起義兵於爾土，迄欲成功，顧爾衆始終一心合不
節，以全君臣父子之義，我知爾衆皆為國之臣，問前相
興，慶重光，枉以虛名不見成功，焉得政出多門，大臣不
知，爾衆徒費力於此矣，今天下一統，我與爾衆，義如父
子，願盡一心，使我境土，自古相將封侯，卿如爾家無異，
並爾隊伍，練爾軍人，蕩平殘逆，分半譽慶，今天假我

事不得已、用命則破敵生而有功不用命則死成何貨
每隊各賫一本、日再三讀、使軍人知之、
秋七月五日指揮大臣百官中外文武臣僚等會議錢
決設
夫錢乃生民之血脈、不可無也、我國家本產銅、究且猶
銅錢已破胡人銷毀百僅一存、至今軍國之務屢為匱
乏、求其疏通使用、以順民情、豈不難哉、聯有上書條
言、使以鈔代錢、朕夙夜思惟、未得其道、蓋鈔者乃無

文 三十九

用之物行於有用之民甚非愛民用財之意然古昔有以金銀皮幣錢鈔之物無可相權何者為最其令大臣百官及中外達知務之士各議錢例以順民情庶乎不以一人之所獻而疆千萬人之所不欲以為一代之良法不可不早定其議以奏朕將親擇而施行焉

御製遺集卷之三完

NGUYỄN TRÃI TOÀN TẬP

(ỨC TRAI THI TẬP)

TẬP HẠ

(Quyển 4, 5, 6)

QUYỂN 4:

QUÂN TRUNG TỪ MỆNH TẬP

卷之四

軍中詞命集　松軒

按藝文志云：軍中詞命一集，阮廌草與北朝諸將往復書，三戒諭將士文。洪德間，陳克儉編次，又藍山記帝自平吳至復國，凡軍中許多文書往復，皆命文臣阮廌所作也。

請降書

癸卯五月初六日，差黎運，黎琜將象牙五雙并書，史記壬寅帝回至靈山，二月絕糧，惟食菜根蕻笋而已，時軍士疲勞欲得休息，勸帝與賊和，遂與山壽馬騏等行成。

僕聞生太平之世，人莫不得其所。遇聖明之時，人莫不遂其生。今僕生長明時，遭逢盛世，而嘗有失所之嘆何哉，往因鄉人知縣杜富與僕有隙，彼賂參政梁汝笏謂僕欺慢上司，恃彊跋扈若不圖之必生後患。汝笏乃告管兵官及內官馬騏等，因發官兵來襲僕衆，不問老幼，並爲斬馘。擄俘。族黨俱亡，妻兒分散，發掘祖父墳墓骸骨暴露。

（藍山記戊戌帝起兵于藍山，明馬騏等逼之，乃退屯濼水，杜富引賊徒掘沃皇處皇考骸骨，又間行以襲帝，後沒其家屬軍民妻子甚衆。）僕無所控訴。進退惟艱。乃遣親人詣三司謝罪，使者再三，皆被殺戮，曾不放回。僕計無所出，於是奔亡逃匿，偷生歲月以待上司之察情，糊口山林已經六歲，日嘗兩飯，未曾一飽，然精衛豈辭填海之勞，寃酷不顧死生之報，因率其衆以襲杜富之家鄉，旁彼宗親皇巷，庶得攄其宿忿耳。非敢他志，今聞總兵官大德浹人，餘恩及物，以鄧禹諭敵之心爲心，以黃霸化民之政爲政，誠僕改過自新之日也。虔差從兄黎運等，來書款詣轅門陳寃哀籲，伏乞赦旣往之愆，許以自新之路，倘垂寬宥，乾坤造化之力也。



Phiên âm

QUYỀN CHI TỨ.

QUÂN TRUNG TỪ MỆNH TẬP. TÙNG HIÊN,

Án Nghệ Văn Chí vân : Quân trung từ mệnh nhất tập. Nguyễn Trãi thảo dữ Bắc triều chư tướng vãng phục thư, Tam giới dụ chiến sĩ văn. Hồng Đức gian, Trần Khắc Kiệm biên thứ. Hựu Lam Sơn ký, Đế tự bình Ngô chí phục quốc, phàm quân trung hứa đa văn thư vãng phục, giai mệnh văn thần Nguyễn Trãi sở tác dã.

THỈNH HÀNG THƯ.

Quí mão ngũ nguyệt, sơ lục nhật, sai Lê Vận, Lê Trăn, tương tượng nha, ngũ song, tịnh thư Sử Ký : nhâm dần (1422) đế hồi Chí Linh sơn. Nhị nguyệt tuyệt lương, duy thực thái căn. sơ duẩn nhi dĩ. Thời quân sĩ bì lao, dục đắc hưu tức, khuyến đế dữ tặc hòa. Tụy dữ Sơn Thọ, Mã Kỳ đẳng hành thành.

Bốc văn, sinh thái bình chi thế, nhân mạc bất đắc kỳ sở Ngộ thánh minh chi thời, nhân mạc bất tụy kỳ sinh. Kim bộc sinh trưởng minh thời, tao phùng thịnh thế, nhi thường hữu thất sở chi thán hà tai. Vãng, nhân hương nhân Tri huyện, Đỗ Phú, dữ bộc hữu khích. Bỉ lộ Tham Chính Lương Nhữ Hốt, Vị bộc khi mạn thượng ty, thị cường bạt hỗ, nhược bất đồ chi, tất sinh hậu hoạn. Nhữ Hốt nãi cáo Quãn Binh quan cập Nội quan Mã Kỳ. Nhân phát quan binh lai tập bộc chúng. Bất vấn lão ấu, tịnh vi trảm quắc cầm phù, Tộc đảng câu vong, thê nhi phân tán. Phát quật tổ phụ phần mộ. hài cốt bộc lộ (Lam Sơn ký :

Mậu tuất, đế khởi binh vu Lam Sơn, Minh Mã Kỳ đẳng bức chi, nãi thoái đồn Lạc Thủy. Đỗ phú dẫn tặc đồ quật Ốc Hoàng xứ, Hoàng Khảo hài cốt, hựu gián hành dĩ tập đế. Hậu một kỳ gia thuộc, quân dân, thê tử thậm chúng). Bộc vô sở khống tố. Tiến thoái duy gian. Nãi khiển thân nhân nghệ tam Ty tạ tội. Sứ giả tái tam giai bị sát lục, tằng bất phóng hồi. Bộc kế vô sở xuất, ư thị bôn vong đào nặc, du sinh tuế nguyệt, dĩ đãi thượng Ty chi sát tình. Hồ khẩu sơn lâm dĩ kinh lục tuế. Nhật thường lưỡng phạn, vị tằng nhất bão. Nhiên tinh vệ khởi từ điền hải chi lao. Oan khốc bất cố tử sinh chi báo. Nhân suất kỳ chúng dĩ tập Đỗ Phú chi gia hương, lỗ bỉ tôn thân hoàng hạng, thứ đắc sư kỳ túc phẫn nhĩ. Phi cảm tha chí.

Kim văn Tổng Binh quan đại đức tiếp nhân, dư àn cập vật. Dĩ Đặng Vũ dụ địch chi tâm vi tâm, dĩ Hoàng Bá hóa dân chi chính vi chính. Thành bộc cải quá tự tân chi nhật dã. Kiển sai tòng huynh Lê Vận đẳng. phụng thư kính nghệ viên môn, trần oan ai thực phục khất xá kỳ vãng chi khiên, hứa dĩ tự tân chi lộ. Thảng thùy khoan hựu càn khôn tạo hóa chi lực dã.

Dịch nghĩa.

QUYỂN THỨ TƯ.

TẬP THƯ TỪ TRONG QUÂN. TÙNG HIÊN.

Xét trong quyển Văn Nghệ Chí có chép : Một tập Quân trung Từ mệnh, Nguyễn Trãi viết thơ trao đổi cùng các tướng tàu, và viết văn khuyên răn tướng sĩ. Khoảng niên hiệu Hồng Đức, Trần Khắc Kiệm, có sưu tập. Trong Lam Sơn ký cũng có biên chép từ khi vua bình Ngô đến lúc vua lấy được nước, phần nhiều trong quân, các văn thư trao đổi đều do vua sai Nguyễn Trãi thảo.

THƯ XIN HÀNG.

(Năm quí mão, tháng năm, ngày mùng sáu, vua sai Lê Vận, Lê Trăn, đem năm đôi ngà voi, cùng bức thư. Sử chép là năm nhâm dần, vua về tới Linh Sơn, hết lương ăn đến hai tháng, chỉ ăn rau cỏ măng tre măng nứa. Quân sĩ mỏi mệt, muốn nghỉ, khuyên vua hòa với giặc. Vua xin hòa với bọn Sơn Thọ, Mã Kỳ).

Tôi nghe nói, sinh vào đời thái bình, thì không ai không có cơ sở. Gặp được thời thánh minh, thì không ai không có đủ sống. Nay tôi được sinh vào thời sáng, được gặp đúng đời thịnh, mà thường cứ phải băn khoăn về nỗi thất sở là tại sao. Trước kia, nhân có người làng là Tri Huyện Đỗ Phú, cùng tôi có hiềm khích. Hắn lễ lót Tham Chính Lương Nhữ Hốt, bảo là tôi khinh mạn các quan trên, cậy mạnh ngang ngạnh, nếu không mưu giết trước thì sẽ sinh loạn. Nhữ Hốt nghe thế mới trình với Quản Binh cùng Nội Quan Mã Kỳ, rồi đem quân binh tới vây chúng tôi, bất chấp già trẻ, đều giết sạch, hoặc bắt đem đi. Họ hàng bị hại, vợ con bị tan. Rồi phát quật mả ông tôi, xương cốt bộc lộ. (Lam sơn ký chép : Năm mậu tuất vua khởi binh tại Lam Sơn. Tướng Minh là Mã Kỳ vây đánh. Vua lui đồn quân tại Lạc Thủy. Đỗ Phú dẫn đường cho giặc tới quật mả, lộ hài cốt hoàng khảo, rồi vây đánh vua, giết hại nhiều người nhà, cùng vợ con quân dân). Tôi không còn kêu oan vào đâu được. Tiến lui đều khó. Mới sai người thân đi tới tòa tam Ty tạ tội. Sứ giả hai ba lần đều bị giết, không được thả về. Tôi không còn kế gì khác, bần cùng phải trốn tránh, trộm sống qua ngày tháng, để chờ các quan trên xét tình cho. Kiếm ăn nơi rừng rú tới nay đã sáu năm. Ngày tuy hai bữa, nhưng chưa khi nào được no. Tuy nhiên, tinh vệ há dám ngại lấp bể, nỗi oan không

kể gì sống chết, mới đem quân chúng vây nhà Đỗ Phú, bắt hết tộc thuộc là để hả mối giận thù. Chỉ có thế thôi, chứ không dám có chí khác.

Nay nghe quan Tổng-Binh, đức lớn, hợp với người, ân thi cả tới vật. Lấy tâm Đặng Vũ (1) khuyên địch làm tâm mình, lấy chính của Hoàng Bá (2) dạy dân, làm chính mình, thế là từ nay tôi muốn theo mới đổi lỗi. Kính cho người anh họ là lũ Lê Vận dâng thư tới cửa quân. để kêu oan, và xin tha lỗi trước, mở đường cho đổi mới. Vả, mở lượng khoan dung, chính là việc của đất trời.

CHÚ THÍCH : (1) Triều Đông Hán nước Tàu làm tướng có đức độ.
(2) Triều Hán Vũ Đế, có tài trị dân.



詣總兵官及清化府衛官書

夫物不得其平則鳴。故負寃酷者，乃善惡不明眞偽不辨之所致也。今府衛鎮守等官，奉朝廷之命，牧養斯民，譬父母之養嬰兒，無不盡其愛也。今僕遇無辜之罪，含寃酷之情，不蒙矜察。復督攻討。使一方之人，不得其所，此雖僕之罪，亦由上司懷柔不以其道也，且惡死好生避勞就逸，人之常情，今僕棄桑梓而遁逃，舍田園而不顧，興言及此，尤可哀憐，何朝庭之大，守牧之賢忍令僕至此極也。今僕指天為誓，與衆約日抱誠信而來降，乞再生於君父，幸能明其寃酷，釋彼前愆，使僕得盡忠悃，以奉朝庭，誠所願也。昔稽康負罪，竟為晉室忠臣，關羽更生猶為曹公報效，雖僕不敏，敢忘斯義，或與北戰以立功，或俾從西征而贖罪。雖死不辭，伏乞俯察微誠，免其罪矣 幸甚。



Phiên âm.

NGHỆ TỔNG BINH QUAN, CẬP THANH HÓA PHỦ, VỆ QUAN, THƯ

Phù, vật bất đắc kỳ bình tắc minh. Cố phụ oan khốc giả, nãi thiện ác bất minh, chân ngụy bất biện chi sở chí dã. Kim Phủ, Vệ, Trấn, Thú đẳng quan, phụng triều đình chi mệnh, mục dưỡng tư dân, thí phụ mẫu chi dưỡng anh nhi, vô bất tận kỳ ái dã. Kim bộc ngộ vô cô chi tội, hàm oan khốc chi tình, bất mông căng sát. Phục đốc công thảo. Sử nhất phương chi nhân, bất đắc kỳ sở. Thử tuy bộc chi tội, diệc do Thượng Ty hoài nhu, bất dĩ kỳ đạo dã. Thả, ố tử hiếu sinh, tị lao tựu dật, nhân chi thường tình. Kim bộc khí tang tử nhi bô đào, xả điền viên nhi bất cố, hưng ngôn cập thử, vưu khả ai lân. Hà triều đình chi đại, thủ mục chi hiền, nhẫn linh bộc chí thử cực dã. Kim bộc chỉ thiên vi thệ, dữ chúng ước nhật bão thành tín nhi lai hàng. Khất tái sinh ư quân phụ. Hạnh năng minh kỳ oan khốc, thích bỉ tiền khiên. Sử bộc đắc tận trung khổn dĩ phụng triều đình, thành sở nguyện dã. Tích Kê Khang phụ tội, cánh vi Tấn-thất trung thần, Quan Vũ cánh sinh, do vị Tào Công báo hiệu. Tuy bộc bất mẫn, cảm vong tư nghĩa, hoặc dữ bắc chiến dĩ lập công, hoặc ty tòng tây chinh nhi thục tội, tuy tử bất từ. Phục khất phủ sát vi thành, miễn kỳ tội hỹ. Hạnh thậm.

Dịch nghĩa

THƯ ĐƯA TỚI QUAN TỔNG BINH CÙNG QUAN THANH HÓA PHỦ VỆ.

Phàm vật không được bình thường thì phải kêu. Cho nên người bị việc oan uổng, thì hay dở không rõ, trái phải không

biện bạch đến nơi được. Ngày nay, các hàng quan Phủ, Vệ, Trấn, phụng mệnh triều đình tới chăn nuôi dân, như cha mẹ nuôi con nhỏ, không ai là không hết lòng yêu thương. Tôi mắc vào việc vô tội, tình thực oan uổng, không được thương xét tới, lại còn bị quân tới đánh, khiến cho người một phương, mất nơi cư trú. Tuy rằng tôi có tội, nhưng cũng vì các vị Thượng Ty không theo đạo trị dân phương xa. Ghét chết, chuộng sống, tránh nhọc, ưa nhàn, vốn là thường tình của người ta. Nay tôi bỏ quê hương, đi trốn tránh, bỏ ruộng vườn không trông nom, nói đến đó càng xót xa. Cớ chi triều đình thì oai nghiêm, các quan thì hiền lương, mà để cho tôi cực thế.

Nay tôi chỉ trời, thề, ước ngày cùng dân chúng lấy chữ thành tín lại hàng, xin với quân phụ được tái sinh, may oan cũ được sáng tỏ, bỏ hết hiềm khích để cho tôi được hết đạo trung, báo đáp triều đình. Đó là sở nguyện của tôi.

Xưa kia Kê Khang có tội, mà rồi, thành trung thần nhà Tấn. Quan Vũ được sống mà còn báo ân nghĩa Tào Công. Tôi dù tài hèn, đâu dám quên nghĩa lớn. Xin hoặc là lập công nơi chiến trường phương bắc, hoặc là chuộc tội khi lòng quân tây chinh. Tới chết không từ.

Cúi xin xét tấm lòng vi thành cho khỏi tội. Rất mong lắm.



與太監山壽書

夫天下之道重莫重於忠義，尊莫尊於名節，惡死好生，向榮避辱，此人之常情也。僕自生來，好名節而重忠義，疾小人而致禍難，雖身居艱險，平生之志不衰。日夜咨嗟，望二天而控訴，今聞大人從京始至，明其負罪之端，示以可生之路，僕東聞之，童老不勝懽忭，伏願以一冊為家奴以免縣官侵苦，且古人云：以督治督，其禍不休，今杜富與僕舊為仇督，再為本縣之官，此僕所以離散逃亡之故也。今大人德及昆蟲，恩洽草木，藏汙含垢，納叛招亡，能許僕以改過自新，洗心滌慮，以作太平之民，所謂死生而骨肉也。



Phiên âm

DỮ THÁI-GIÁM, SƠN THỌ, THƯ.

Phù, thiên hạ chi đạo, trọng mạc trong ư trung nghĩa, tôn mạc tôn ư danh tiết. Ố tử hiếu sinh, hướng vinh tị nhục, thử nhân chi thường tình dã. Bộc tự sinh lai hiếu danh tiết, nhi trọng trung nghĩa. Tật tiểu nhân nhi chí họa nạn. Tuy thân cư gian hiểm, bình sinh chi chí bất suy. Nhật dạ tư ta, vọng nhị thiên nhi khống tố. Kim văn đại nhân tòng Kinh thủy chí, minh kỳ phụ tội chi đoan, thi dĩ khả sinh chi lộ. Bộc chúng văn chi, đồng lão bất thắng hoan biện. Phục nguyện dĩ nhất sách vi gia nô, dĩ miễn huyện quan xâm khổ. Thả cổ nhân vân : dĩ thù trị thù, kỳ họa bất hưu. Kim, Đỗ Phú dữ bộc cựu hữu cừu thù. Tái vi bản huyện chi quan, thử bộc sở dĩ ly tán đào vong chi cố dã. Kim, đại nhân, đức cập côn trùng, ân hiệp thảo mộc, tàng ô, xả cấu, nạp bạn chiêu vong, năng hứa bộc dĩ cải quá tự tân, tẩy tâm địch lự, dĩ tác thái bình chi dân. Sở vị tử sinh, nhi cốt nhục dã.

Dịch nghĩa

THƯ GỬI CHO THÁI GIÁM SƠN THỌ,

Xét trong đạo làm người, trọng thì không gì trọng bằng trung nghĩa, tôn thì không gì tôn bằng danh tiết. Ghét chết, chuộng sống, theo vinh tránh nhục, đó là thường tình của người ta. Tôi từ khi sinh ra tới nay, vẫn chuộng danh tiết, và trọng trung nghĩa, ghét tiểu nhân đến nỗi đi tới họa hoạn, thân dù ở trong bước gian hiểm mà chí bình sanh không kém bớt. Ngày đêm than thở, trông có người trên, ơn sánh trời cao để kêu oan. May nghe thấy đại nhân từ

kinh sư mới tới, sẽ xét rõ nguyên nhân các tội trạng, có thể mong ngài mở cho con đường sống. Chúng tôi được biết, già trẻ đều mừng vui. Chỉ mong ngài cho làm chức gia nô, để khỏi bị huyện quan làm khổ. Vả lại người xưa có nói : Lấy thù trị thù, tai họa không dứt. Đỗ Phú cùng tôi vốn có thù cũ, lại được bổ làm tri huyện bản huyện, đó là cái cớ làm cho chúng tôi phải ly tán.

Nay thấy đại nhân, đức kịp tới cả côn trùng, ân kịp tới cả thảo mộc, khơi bùn quét bụi, thu dùng kẻ phản bạn, chiêu nạp kẻ lưu vong, có thể làm cho tôi đổi lỗi theo mới, rửa trị gột ác, thành người dân thời thái bình. Thế tức là làm cho đã chết được sống lại, nắm xương khô được sinh da thịt.



與方政書

僕竊料千鈞之弩不為鼷鼠發機。今卿為時名將，以兩國之兵，而爭勝於匹夫，勝者不過封侯，萬一蹉跌，四方乘弊，兵革不休，雖有智者不善其後，悔將何及，第恐取笑於當時，貽譏於後世，深為公寒心焉，今為公計，不如按甲休兵，閑坐受降，此上策也。雖僕等與公之幸，亦下萬民之大幸也。

Phiên âm

DỮ PHƯƠNG CHÍNH THƯ.

Bộc thiết liệu thiên quân chi nỗ, bất vị hề thử phát cơ. Kim Khanh vi thời danh tướng, dĩ lưỡng quốc chi binh, nhi tranh thắng ư thất phu. Thắng giả bất quá phong hầu. Vạn nhất sai trật, tứ phương thừa tệ, binh cách bất hưu, tuy hữu trí giả, bất thiện kỳ hậu, hối tương hà cập. Đệ khủng thủ tiếu ư đương thời, di cơ ư hậu thế. Thâm vị công hàn tâm yên. Kim vị công kế, bất như án giáp hưu binh, nhàn tọa thụ hàng, thử thượng sách dã. Tuy bộc đẳng dữ công chi hạnh, diệc hạ vạn dân chi đại hạnh dã.

Dịch nghĩa

THƯ GỞI CHO PHƯƠNG CHÍNH

Tôi nghĩ rằng cái nỏ sức nghìn cân, không vì con chuột nhắt mà bẻ lẫy. Nay ông lấy quân hai nước để tranh thắng một thất phu, thắng thì bất quá được phong hầu, vạn nhất sẩy bước thì bốn phương lợi dụng, việc binh sẽ không ngừng được, tuy trí có giỏi cũng không thiện chung, như thế hồi sao kịp. Rồi bị đương thời cười, hậu thế chê, thật vì ông mà sợ thay. Cứ như ông nay, mưu hay nhất là xếp giáp cho quân nghỉ, ngồi yên đợi kẻ hàng. Dù rằng may cho ông cùng tôi mà cũng là rất may cho muôn dân.



又答方政書

（明又進軍不止，及有書諭至，而數其罪，故爲書答之）。示爾虐賊方政，夫爲將之道，以仁義爲本，智勇爲資，今爾等，徒勾詭詐，虜殺無辜，每陷其衆於死亡之地，而不之恤，天地所不容，人鬼所共憤，是以連年征伐，常取挫敗，而不能先爲之改過，乃猶起鐵以自奧，悔將何及。況今春水方生，嵐障流毒，其勢不能耐久，今爾徒擁大兵逗撓不進，使軍人染瘴厲而死，是誰罪過。兵法曰：仁者以弱制彊，義者以寡敵衆。爾今欲戰，則宜勒兵相攻，以決雌雄，毋徒苦兩軍爲也。

Phiên âm

HỰU ĐÁP PHƯƠNG CHÍNH THƯ.

(Minh hựu tiến quân bất chỉ, cập hữu thư dụ chí, nhi xác kỳ tội, cố hữu thư đáp chi).

Thị nhĩ, ngược tặc Phương Chính. Phù vi tướng chi đạo, dĩ nhân nghĩa vi bản, trí dũng vi tư. Kim nhĩ đẳng, đồ câu quỷ trá, lỗ sát vô cố, mỗi hãm kỳ chúng ư tử vong chi địa, nhi

bất chi tuất. Thiên địa sở bất dung, nhân quỷ sở cộng phẫn. Thị dĩ liên niên chinh phạt, thường thủ tọa bại, nhi bất năng tiên vi chi cải quá, nãi do khởi uế dĩ tự xú, hối tương hà cập. Huống kim, xuân thủy phương sinh, lam chướng lưu độc, kỳ thế bất năng nại cửu. Kim nhĩ đồ ủng đại binh, đậu náo bất tiến, sử quân nhân nhiễm chướng lệ nhi tử, thị thùy tội quá. Binh pháp viết : Nhân giả dĩ nhược chế cường nghĩa giả dĩ quả địch chúng. Nhĩ kim dục chiến, tắc nghĩ lặc binh tương công dĩ quyết thư hùng, vô đồ khổ lưỡng quân vi dã.

Dịch nghĩa.

LẠI CÓ THƯ ĐÁP PHƯƠNG CHÍNH.

(Minh cứ tiến quân, đưa thư vạch rõ tội lỗi, vì thế có thư đáp).

Bảo cho chúng mày, ngược tặc, Phương Chính được biết: Phàm đạo làm tướng, lấy nhân nghĩa làm căn bản, lấy trí dũng làm tư chất.

Nay lũ chúng bay đều gian xảo, dối trá, chỉ quen bắt giết dân vô cô, hãm dân vào đất chết, không có lấy một chút sót thương. Trời đất không dung, thần người đều giận, Vì thế luôn năm chinh chiến mà chỉ thua. Đã thế không biết đổi lỗi, lại bới bùn thêm hôi, còn hối sao kịp. Huống chi, nay đã sang xuân, nước nguồn đầy lam chướng, thế không dám tiến, để cho quân lính nhiễm phải khí độc mà chết, tội qui về ải. Binh pháp có nói : người nhân lấy yếu thắng được mạnh, người nghĩa lấy ít địch được nhiều Chúng bay mà muốn chiến, thì cầm quân ra đánh nhau, quyết thư hùng, chứ đừng làm khổ hai quân.



又答方政書

（賊見前書，罵之曰：汝苟能戰，當出平原坦地，故答之）示爾虐賊方政，夫善用兵者，無險，無不險，無易，無不易。勝負在乎將，不在乎地之險易也。入險而鬬者，如兩虎鬬於空谷中，善用者勝，誤用者敗，是以地無常形，戰無常勢。何險易之有分哉，汝若不退，必引兵以决戰焉。

Phiên âm

HỰU ĐÁP PHƯƠNG CHÍNH THƯ.

(Tặc kiến tiền thư, mạ chi viết : Nhữ cẩu năng chiến, đương xuất bình nguyên thản địa. Cố đáp chi).

Thị nhĩ ngược tặc, Phương Chính. Phù, thiện dụng binh giả, vô hiểm, vô bất hiểm, vô dị vô bất dị. Thắng phụ tại hồ tướng, bất tại hồ địa chi hiểm dị dã. Nhập hiểm nhi đấu giả, như lưỡng hổ đấu ư không cốc trung. Thiện dụng giả thắng, ngộ dụng giả bại. Thị dĩ : Địa vô thường hình, chiến vô thường thế. Hà hiểm dị chi hữu phân tai. Nhữ nhược bất thoái, tất dẫn binh dĩ quyết chiến yên.

Dịch nghĩa

LẠI CÓ THƯ ĐÁP PHƯƠNG CHÍNH.

(Giặc được thư trước có thách rằng : ngươi mà có thể chiến được thì cứ ra bình nguyên bằng phẳng. Vì thế đáp thư).

Bảo cho mày ngược tặc Phương Chính được biết : Phàm đã khéo dùng binh, thì không đâu là hiểm, là không hiểm ; không đâu là dễ, là không dễ. Được thua cốt ở tướng, chứ không ở đất hiểm hay dễ. Vào nơi hiểm mà đấu, như hai con hổ trong hang núi, thì người dùng khéo vẫn thắng, người dùng sai phải thua. Vì thế, đất không có hình nhất định. Đâu có chia hiểm với dễ. Nếu không lui, tất là đem quân quyết chiến vậy.



又與方政書

（丙午五月，我軍至乂安城，彼不出戰，乃為書遺之）。

示爾虐賊方政，吾聞名將貴仁義，賤權謀，爾等權謀猶不足，況仁義乎，昔者，汝書之來，嘗笑我首鼠竄伏山林，不敢出平原坦地以相攻，今我已至此，乂安城外，皆為戰場，汝謂此為山林乎，為平原乎，汝乃閉城固守。正如一老嫗何耶，吾恐汝等，不免巾幗之辱矣。

Phiên âm

HỰU DỮ PHƯƠNG CHÍNH THƯ.

(Bính ngọ, ngũ nguyệt, ngã quân chí Nghệ An thành. Bỉ bất xuất chiến. Nãi vi thư di chi).

Thị nhĩ, ngược tặc, Phương Chính, Ngô văn danh tướng quý nhân nghĩa. Tiện quyền mưu. Nhĩ đẳng quyền mưu do bất túc, huống nhân nghĩa hồ. Tích giả, nhữ thư chi lai, thường tiếu ngã thủ thử thoán, phục sơn lâm, bất cảm xuất bình nguyên, thản địa dĩ tương công. Kim ngã dĩ chí thử. Nghệ An thành ngoại giai vi chiến trường. Nhữ vi thử vi sơn lâm hồ, vi bình nguyên hồ. Nhữ nãi bế thành cố thủ, chính như nhất lão ẩu hà dã. Ngô khủng nhữ đẳng bất miễn cân quốc chi nhục hỹ.

Dịch nghĩa.

LẠI GỬI THƯ CHO PHƯƠNG CHÍNH.

(Năm bính ngọ (1426) tháng năm, quân ta tới chân thành Nghệ An. Giặc không ra ứng chiến. Vì thế gửi thư này).

Bảo cho mày ngược tặc Phương Chính. Ta nghe nói : Phàm đã gọi là danh tướng thì trọng nhân nghĩa mà khinh quyền mưu. Lũ chúng mày quyền mưu đã không có, huống hồ là nhân nghĩa. Trước kia, thư mày đưa tới thường cười ta là chuột chui nấp trong rừng núi, không dám đương chiến nơi bình địa. Nay ta đã tới đây. Ngoài thành Nghệ An, chỗ nào cũng là chiến trường được, Mày còn bảo được đó là rừng núi hay là đồng bằng. Mày đóng cửa thành cố giữ nhút nhát như một mụ già. Sao vậy. Ta e lũ mày không khỏi cái nhục cân quắc vậy. (cân quắc : đàn ông mà nhút nhát sợ hãi đáng ăn mặc y phục đàn bà, đây là nói đàn bà thời cổ).



再復方政書

(方政致書于我，故復之)

夫，圖大事者，以仁義為本，成大功者，以仁義為先。惟仁義之兼全，故事功之必濟。爾國因胡氏失道，以假吊伐為名濟其暴戾之實疆，侵奪我土，漁獵我生民，重賦繁刑，搜求珍異，閭里小民不得其養，仁義固為是耶。今民怨神怒，繼有大喪，曾不知內省厥躬，而乃黷武窮兵，甘心遠畧，使士卒暴露，人民塗地，吾恐季氏之憂，不在顓臾，而在蕭墻之內也。

Phiên âm

TÁI PHỤC PHƯƠNG CHÍNH THƯ.

(Phương Chính chí thư vu ngã. Cố phục chi).

Phù, đồ đại sự giả, dĩ nhân nghĩa vi bản. Thành đại công giả, dĩ nhân nghĩa vi tiên. Duy nhân nghĩa chi kiêm toàn, cố sự công chi tất tế. Nhĩ quốc, nhân Hồ thị thất đạo, dả dĩ điếu phạt vi danh, tế kỳ bạo lệ chi thực, xâm đoạt ngã cương thổ, ngư lạp ngã sinh dân, trọng phú phiền hình, sưu cầu trân dị. Lư lý tiểu dân bất đắc kỳ dưỡng. Nhân nghĩa cố vi thị gia. Kim dân oán, thần nộ, kế hữu đại tang, tằng bất tri nội tỉnh quyết cung, nhi nãi thục vũ, cùng binh, cam

tâm viễn lược. Sử sĩ tốt bộc lộ, nhân dân đồ địa. Ngô khủng Quý thị chi ưu bất tại Chuyên Du, nhi tại tiêu tường chi nội dã.

Dịch nghĩa

LẠI GỬI THƯ CHO PHƯƠNG CHÍNH.

(Phương Chính gửi thư cho ta. Cho nên đáp)

Phàm mưu việc lớn thì lấy nhân nghĩa làm gốc, thành công lớn thì lấy nhân nghĩa làm đầu. Duy có đầy đủ nhân nghĩa thì việc và Công mới nên.

Nước ngươi nhân dịp họ Hồ lạc lối, giả danh đem quân điếu phạt, mà kỳ thực là thi thố bạo tàn, chiếm đoạt đất đai nước ta, nô lệ dân ta, thuế nặng hình ác, tìm cướp trân bảo, đến lũ cùng dân không còn kiếm ăn được. Nhân nghĩa mà như thế ư.

Nay dân oán thần giận, nước ngươi lại có tang. Thế mà không biết tự xét mình, lại còn đi chuốc lấy việc binh đao, đem quân chiếm cứ nước xa xôi, Ta e cái họa họ Quý (họ Quý Tôn, coi sách Luận Ngữ thì rõ ý nghĩa) không ở xa xôi đâu, mà đã ở ngay trong nhà rồi.



答總兵王通，太監山壽等書

（十二月破關東城，通壽差阮任將書請和，故答之）。僕聞天地之於萬物者，雷霆震怒，而生生之意行乎其間。父母之於衆子者，鞭笞譴責，而鞠育之恩在乎其際。伏蒙大人書，許以自新，不勝欣幸，誠天地父母之大德也。雖粉骨虀身，亦不足報，然大人若有愛恤元元之實意，宜差頭目前往演乂新平等城，各令班師。僕即謹具進貢方物，伏乞大人差官與僕親信子弟，詣降伏罪，僕自當脩整橋梁道路，不煩官軍，倘蒙矜納，非特免僕國生靈之塗炭，抑亦免中國士卒鋒刃之苦也。

Phiên âm

ĐÁP TỔNG BINH VƯƠNG THÔNG, THÁI GIÁM SƠN THỌ ĐẲNG THƯ.

(Thập nhị nguyệt, phá Quan Đông thành, Thông, Thọ sai Nguyễn Nhiệm tương thư thỉnh hòa. Cố đáp chi).

Bộc văn thiên địa chi ư vạn vật giả, lôi đình chấn nộ, nhi sinh sinh chi ý hành hồ kỳ gian. Phụ mẫu chi ư chúng tử giả, tiên xuy khiển trách, nhi cúc dục chi ân tại hồ kỳ tế. Phục

mông đại nhân thư, hứa dĩ tự tân, bất thắng hân hạnh. Thành thiên địa phụ mẫu chi đại đức dã. Tuy phấn cốt tê thân, diệc bất túc báo. Nhiên đại nhân nhược hữu ái tuất nguyên nguyên chi thực ý, nghi sai đầu mục tiền vãng Diễn Nghệ Tân Bình đẳng thành, các linh ban sư. Bộc tức cẩn cụ tiến cống phương vật, phục khất đại nhân sai quan dữ bộc thân tín tử đệ, nghệ hàng phục tội. Bộc tự đương tu chỉnh kiều lương đạo lộ, bất phiền quan quân, thẳng mông căng nạp. Phi đặc miễn bộc quốc sinh linh chi đồ thán, ức diệc miễn Trung quốc sĩ tốt phong nhận chi khổ dã.

Dịch nghĩa

THƯ ĐÁP BỌN TỔNG BINH VƯƠNG THÔNG, THÁI GIÁM SƠN THỌ.

(Tháng 12, phá thành Đông Quan, Thông, Thọ sai Nguyễn Nhiệm mang thư tới xin hòa. Cho nên đáp).

Tôi nghe nói : Đối với muôn vật trời đất có khi giận dữ lôi đình, nhưng bản ý vẫn muốn cho sinh sống. Đối với con cái, cha mẹ có khi trách mắng, roi vọt, nhưng vẫn nuôi nấng chăm nom.

Nay nhận được thư đại nhân hẹn cho thay cũ đổi mới, tôi lấy làm may mắn mừng vui, thật rõ là đức lớn trời đất, cha mẹ. Tôi dù có thịt nát xương tan, cũng không đủ báo đền. Vậy nếu đại nhân có thực ý yêu thương, cao rộng thì nên sai một đầu mục tới các thành, các xứ Diễn, Nghệ, Tân Bình ra lệnh ban sư.

Như thế, tôi tức khắc sửa soạn phẩm vật tiến cống. Xin đại nhân cho một viên quan cùng với con em thân tín của tôi đưa biểu hàng phục.

Tôi xin tự sửa soạn đường sá, cầu cống, không phiền tới quan quân. Nếu ngài nhận lời, thì không những nước tôi thoát nạn sinh linh đồ thán, mà sĩ tốt Trung quốc cũng đỡ cái khổ lưỡi gươm mũi dáo.



達花大人等書

達花大人等知道。只今講好已成，求封表與使人將已過梅關，同東西二廣及福建等處，俱以明年正月初二日起程回京。惟總兵官王大人，太監山大人，暫且亭駐，等待演州乂安清化迤裏官軍齊到東關，一併同行。公等宜速戒裝出城駐扎，以待蔡公及邢內官打指揮至此。一同伴去。請勿稽遲。如今道路橋梁，俱已修整。糧食俱已備辦供給。大人等若或稽遲，只恐蔡公去後，難以獨行，為此與大人報知。宜早趁蔡公同去為妙

Phiên âm

ĐẠT HOA ĐẠI NHÂN ĐẲNG THƯ.

Đạt Hoa đại nhân đẳng tri đạo. Chỉ kim, giảng hiếu dĩ thành. Cầu phong biểu dữ sứ-nhân tương dĩ quá Mai quan. Đồng đông tây nhị Quảng cập Phúc Kiến, đẳng xứ, câu dĩ minh niên, chính nguyệt, sơ nhị nhật khởi trình hồi Kinh. Duy Tổng Binh quan Vương đại nhân Thái Giám Sơn đại nhân, tạm thả đình trụ. Đẳng đãi Diễn Châu, Nghệ An, Thanh Hóa dĩ lý quan

quân tề đáo Đông Quan, nhất tịnh đồng hành. Công đẳng nghi tức giới trang xuất thành trụ trát, dĩ đãi Sái Công cập Hành Nội quan, Đả Chỉ Huy chí thử. Nhất đồng bạn khứ. Thỉnh vật kê trì. Như kim, đạo lộ, kiều lương, câu dĩ tu chỉnh, lương thực câu dĩ bị biện cung cấp. Đại nhân đẳng, nhược hoặc kê trì, chỉ khủng Sái Công khứ hậu, nan dĩ độc hành. Vị thử dữ đại nhân báo tri. Nghi tảo sấn Sái Công đồng khứ vi diệu.

Dịch nghĩa.

THƯ GỬI TỚI ĐÁC HOA ĐẠI NHÂN.

Báo cho các Hoa đại nhân được biết : Như nay, việc giảng hòa, thông hiếu đã xong, biểu cầu phong cùng sứ giả sắp qua cửa Mai quan, qua các xứ Lưỡng Quảng, Phúc Kiến, khởi hành định vào ngày mùng hai tháng giêng sang năm để đi tới Kinh. Riêng Tổng Binh, Vương đại nhân, Thái Giám Sơn đại nhân, tạm đình lại để đợi các quan quân các xứ Diễn Châu, Nghệ An, Thanh Hóa, tề tựu tại Đông Quan để cùng đi.

Các ông nên kíp sửa soạn hành trang, ra đóng trại ngoài thành để đợi Sái Công cùng với các viên quan Hình Nội, Đả Chỉ Huy, tới nơi cùng đi. Xin đừng trì hoãn. Nay đường sá, cầu cống, đã sửa xong, lương thực cung cấp đã đủ. Các đại nhân nếu mà trì trễ thì e rằng sau khi Sái Công đi rồi, các ông khó mà đi nổi. Vì thế, có báo cáo này để cho theo kịp được Sái Công cùng đi là hay nhất.



寄蔡公書

書寄賢兄蔡公，弟寓東關，聞知兄已出城拜見我陳主。可喜可喜。自此解兵，使南國得免干戈之苦。一何幸也。可謂知幾君子哉。其爲情好至篤，百年不可忘也。今遣人將船十五隻來接公及各官貴眷。可隨使束裝來。其餘軍人，可以陸行，吾今各處橋梁俱已修整，路上無虞。只爲報知

Phiên âm

KÝ SÁI CÔNG THƯ.

Thư ký hiền huynh Sái Công. Đệ ngụ Đông Quan, văn tri huynh dĩ xuất thành bái kiến ngã Trần chủ. Khả hỷ, khả hỷ. Tự thử giải binh. Sử Nam quốc đắc miễn can qua chi khổ. nhất hà hạnh dã. Khả vị tri cơ quân tử tai. Kỳ vi tình hiếu chí đốc, bách niên bất khả vong dã. Kim khiển nhân tương thuyền thập ngũ chích lai tiếp công, cập các quan quý quyến khả tùy sử thúc trang lai. Kỳ dư quân nhân khả dĩ lục hành. Ngô kim các xứ kiều lương câu dĩ tu chỉnh, lộ thượng vô ngu. Chỉ vi báo tri.

Dịch nghĩa

THƯ GỬI SÁI CÔNG.

Thư gửi hiền huynh Sái Công. Đệ ngụ tại Đông Quan, nghe đại huynh đã đi ra ngoài thành để bái kiến Trần chủ tôi. Mừng lắm. Từ đây là giải binh. Nước Nam được khỏi nạn binh đao, may lắm. Cho nên chỉ có hạng quân tử mới biết thời cơ, thắt c ặt mối tình, trăm năm không quên. Nay sai người đưa tới 15 chiếc thuyền đón công cùng gia quyến các quan, cùng đem hành trang theo tới, còn quân sĩ thì đi đường bộ. Tôi đã cho sửa sang đường sá cầu cống, không có gì lo ngại, Vậy báo để được biết.



與邢内官并打忠梁汝笏等書

書說與邢大人打，梁諸公等，只今和好已成，公等宜速整裝，待得蔡公自乂安來，及演洲城軍等過此，一併同行。只今路上棧道俱已修整，糧食供給亦已准備，倘若不行，只恐蔡公去後，無人相伴，糧食恐或闕乏，棧道恐或傾圮，日後惟艱，只此相報。

Phiên Âm.

DỮ HÌNH NỘI QUAN TỊNH ĐẢ TRUNG,
LƯƠNG NHỮ HỐT ĐẲNG THƯ.

Thư thuyết dữ Hình đại nhân Đả, Lương chư công đẳng. Chỉ kim, hòa hiếu dĩ thành, công đẳng nghi tốc chỉnh trang đãi đắc Sái ô Công tự Nghệ An lai, cập Diễn Châu thành quân đẳng quá thử, nhất tịnh đồng hành. Chỉ kim lộ thượng sàn đạo, câu dĩ tu chỉnh. Lương thực cung cấp diệc dĩ chuẩn bị. Thảng nhược bất hành, chỉ khủng Sái Công khứ hậu, vô nhân tương bạn. Lương thực khủng hoặc khuyết phạp, sàn đạo khủng hoặc khuynh bĩ, nhật hậu duy gian, Chỉ thử tương báo.

Dịch nghĩa

THƯ GỬI CHO LŨ HÌNH NỘI QUAN
CÙNG ĐẢ TRUNG, LƯƠNG NHỮ HỐT.

Thư nói với các vị Hình đại nhân, các ông Đả, Lương. Như nay hòa hiếu đã thành, các ông nên mau soạn hành

trang, đợi khi Sái Công từ Nghệ An tới, và bọn quân ở thành Diễn Châu kéo qua, là cùng lên đường. Mà nay, các đường đi. các cầu cống đã sửa kỹ, lương thực cũng cấp được đầy đủ. Nếu không đi ngay, e sau khi Sái Công đi khỏi, không còn có bạn lứa, lương thực có thể thiếu cạn. đường cầu có thể hư hỏng, rồi ra một ngày khó khăn thêm.

Vậy vì thế báo cáo.



再與打忠梁汝笏書

書說與打老官梁相公等。若欲一家大小俱得平安，宜聽吾言，速整裝出城，待演乂官相與同去。如或不然，悔將無及。公等豈不見演藝順化等軍人，只今妻子俱得保全，歡歡喜喜，無一些事，公等乃慮不及此，而欲若是，其自苦耶。我果有欲害公等之心，無計可免。只今聖上寬恩，有勅旨令總兵官便宜行事，許立我陳氏，班師回京，以免兩國干戈之苦。我亦以仁義之道，盡心敬事朝庭。凡一應官軍，俱各遞送回還。所過悉爲修整橋樑道路。供給糧食。是我欲以留名永至千載。故不欲與公等較一時之得失也。如或不然，不過月之間，公等雖金城湯池，亦必委棄之耳。到此時節，無可奈何。竊爲公計，莫若速行，請勿狐疑，以敗乃事。不宣。

Phiên âm

TÁI DỮ ĐẢ TRUNG, LƯƠNG NHỮ HỐT THƯ.

Thư thuyết dữ Đả lão quan, Lương tướng công đẳng. Nhược dục nhất gia đại tiểu câu đắc bình an, nghi thính ngô ngôn : tốc chỉnh trang xuất thành, đãi Diễn Nghệ quan tương dữ đồng khứ. Như hoặc bất nhiên, hối tương vô cập. Công đẳng khởi bất kiến Diễn Nghệ, Thuận Hóa đẳng quân nhân. Chỉ kim, thê tử câu đắc bảo toàn, hoan hoan hỷ hỷ, vô nhất ta sự. Công đẳng nãi lự bất cập thử, nhi dục nhược thị, kỳ tự khổ gia. Ngã quả hữu dục hại công đẳng chi tâm, vô kế khả miễn. Chỉ kim thánh thượng khoan ân, hữu sắc chỉ lịnh Tổng Binh quan tiện nghi hành sự. Hứa lập ngã Trần thị, ban sư hồi Kinh dĩ miễn lưỡng quốc can qua chi khổ. Ngã diệc dĩ nhân nghĩa chi đạo, tận tâm kính sự triều đình. Phàm nhất ứng quan quân câu các đệ tống hồi hoàn. Sở quá tất vi tu chỉnh kiều lương đạo lộ, cung cấp lương thực. Thị ngã dục dĩ lưu danh vĩnh chí thiên tải. Cố bất dục dữ công đẳng hiệu nhất thời chi đắc thất dã. Như hoặc bất nhiên, bất quá cơ nguyệt chi gian, công đẳng tuy Kim Thành, Thang Trì, diệc tất ủy khí chi nhĩ. Đáo thử thời tiết, vô khả nại hà. Thiết vị công kế, mạc nhược tốc hành, thỉnh vật hồ nghi, dĩ bại nãi sự. Bất tuyên.

Dịch nghĩa

LẠI ĐƯA THƯ CHO ĐẢ TRUNG, LƯỢNG NHỮ HỐT.

Thư nói cùng Đả lão quan, Lương tướng công. Như muốn cho trong một gia đình, kẻ già người trẻ, đều được bình yên, thì nên nghe tôi nói : Sửa soạn ngay hành trang để ra ở ngoài thành, để đợi cùng đi với các viên quan Diễn, Nghệ. Nếu không,

sẽ hối không kịp. Các ông há chẳng trông thấy bọn quân nhân các xứ Diễn, Nghệ, Thuận Hóa, hiện nay vợ con đều được bảo toàn, rất vui vẻ, không có chút việc gì. Các ông không nghĩ tới đó, cứ như thế là tự làm khổ thân. Nếu ta thực tâm muốn hại các ông, thì thiếu gì cách. Nhưng nay thánh thượng khoan ân, có sắc chỉ cho viên quan Tổng Binh được tiện nghi hành sự. Hứa cho ta lập họ Trần. Lịnh cho ban sư về Kinh, cho hai nước khỏi bị khổ can qua. Ta cũng theo đường nhân nghĩa, hết lòng kính nghe triều đình. Phàm quan quân hết thảy đều lần lượt cho về. Các nơi đi qua đều được sửa sang cầu cống, đường sá, được cung cấp lương thực. Ta cũng muốn lưu danh thiên cổ, cho nên không muốn cùng các ông so sánh được thua trong nhất thời. Nếu không được như ta nói, thì bất quá, trong vòng một tháng, các ông dù có thành xây bằng vàng, hào chứa nước sôi, cũng bỏ đi hết, không dùng được. Đến bước đường đó, thì không còn nói gì được nữa. Nay hay hơn nhất cho ông, theo tôi nghĩ, là cấp tốc sửa soạn đi đi, đừng có nghi hoặc mà hỏng việc ông.

Nay thư.



再答王通書

（十二月東關城王通等遺書責其負約殺戮打草軍丁，故答之）。

僕聞越人澆薄，齊人多詐，蓋地氣所生，人性所受，此古今之常理也。是以其間雖有忠信篤實之人，而隨玷焉。今閤下所謂前後異詞，此是往來之使，不達事勢之宜，以致兩軍之疑惑，僕曷敢異處於其間哉。伏望列位大人，察而宥之。如謂打草軍丁，每見殺戮，是上流之軍，東參之徒，紅衣之卒，或性貪財而好殺，以致然也。僕固不曾見聞。然稍加戒飭，久亦安順。如謂各衛軍人未見送到，此是程途修阻。士卒難行。然陸續相至，屈指可待。非敢忘也。如謂賚表之使亦未嘗明白到邱温。如是則送使之人，懶慢不行，回扇浮言，別作生事。僕等央無他意。如或不信，則閤下宜復使一二親信之人，與僕兩三頭目，

前往邱溫，審問虛實。以明真偽可也。如謂船隻道路橋梁未見修整，自是和好未定，以致稽延，苟和好既成，修之未晚，自今以後，倘能塞絕疑惑之心，更篤和好之義，則下免安南之塗炭，上解中國之疲勞，天下幸甚。

Phiện âm

TÁI ĐÁP VƯƠNG THÔNG THƯ.

(Thập nhị nguyệt, Đông Quan thành, Vương Thông đẳng di thư trách kỳ phụ - ước sát lục đả thảo quân đinh. Cố đáp chi).

Bộc văn : Việt nhân kiêu bạc, Tề nhân đa trá. Cái, địa khí sở sinh nhân tính sở thụ, thử cổ kim chi thường lý dã. Thị dĩ kỳ gian tuy hữu trung tín, đốc thực chi nhân, nhi tùy điếm yên. Kim Các hạ sở vị tiền hậu dị từ, thử thị vãng lai chi sứ, bất đạt sự thế chi nghi, dĩ chí lưỡng quân chi nghi hoặc. Bộc hạt cảm di lự ư kỳ gian tai. Phục vọng liệt vị đại nhân, sát nhi hựu chi. Như vị đả thảo quân đinh mỗi kiến sát lục, thị thượng lưu chi quân, xa tham chi đồ, hồng y chi tốt, hoặc tính tham tài nhi hiếu sát, dĩ chí nhiên dã. Bộc cố bất tằng kiến văn, nhiên sảo gia giới sức. «Thiều diệc an thuận. Như vị các vệ quân nhân vị kiến tống đáo, thử thị trình đồ tu trở, sĩ tốt nan hành, nhiên lục tục tương chí, khuất chỉ khả đãi, phi cảm vong dã». Như vị lại biểu chi sứ diệc vị thường minh bạch đáo Khưu Ôn, như thị tắc tống sứ chi nhân, lại mạn bất hành, hồi phiến phù ngôn, biệt tác sinh sự. Bộc đẳng quyết vô tha ý. Như hoặc bất tín, tắc. Các

hạ, nghi phục sử nhất nhị thân tín chi nhân, dữ bộc lưỡng tam đầu mục, tiền vãng Khưu Ôn, thẩm vấn hư thực, dĩ minh chân ngụy, khả dã. Như vị thuyền chích đạo lộ, kiều lương vị kiến tu chỉnh, tự thị hòa hiếu vị định dĩ chí khiên diên. Cầu hòa hiếu ký thành, tu chi vị vãn. Tự kim dĩ hậu, thảng năng tắc tuyệt nghi hoặc chi tâm, cánh đốc hòa hiếu chi nghĩa, tắc hạ miễn An Nam chi đồ thán thượng giải Trung quốc chi bì lao. Thiên hạ hạnh thậm.

Dịch nghĩa

LẠI CÓ THƯ ĐÁP VƯƠNG THÔNG

(Tháng 12, ở thành Đông Quan, bọn Vương Thông có thư trách ta phụ ước giết tróc các quân lính phụ dịch. Cho nên có thư đáp).

Tôi nghe : Người Việt đức bạc, người Tề tính gian, do đất sinh ra, người phải chịu đựng. Đó là theo lý xét xưa nay. Gián hoặc có được người trung hậu thực thà, thì cũng biến tính, theo đất ở. Nay Các hạ bảo là trước sau hai lời. Chỉ là vì bọn sứ-giả đi đi về về không rõ được tình thế việc nên làm, rồi để cho quân hai bên sinh nghi hoặc. Tôi biết làm sao sửa chữa được. Xin trông vào liệt vị đại nhân xét mà tha cho.

Như bảo rằng dịch phu thường bị giết, đó là vì quân sĩ xứ cao-nguyên, hạng vận tải, hạng lao lực, hoặc giả có tính tham của, ưa giết người, hoặc giả hạng ấy gây nên chuyện chăng. Tôi thì chưa nghe thấy, nhưng cũng cứ ra lệnh ngăn cấm, rồi cũng được yên. Như bảo rằng quân sĩ các vệ chữa thấy đưa tới, đó là đường đi cần sửa chữa, hãy còn khó đi, nhưng họ dần dần cũng tới nơi cả, tính ngày biết được, tôi đâu dám quên việc đó.

Như bảo rằng, sứ giả tới Khưu Ôn, truyền tin không được minh bạch như thế là người đưa đi, lười nhác không đi, trở về bịa đặt nên lời, thành ra sinh việc. Còn như chúng tôi, thì không có ý gì khác. Nếu như không tin thì Các hạ nên sai một vài người thân tín cùng với vài người đầu mục của tôi cho tới Khưu Ôn, xem xét hư thực để biết rõ thật giả.

Như bảo rằng thuyền bè cầu cống, đường sá chưa sửa xong, thế là vì việc hòa hiếu chưa định đoạt, công việc hãy còn dây dưa. Nếu như hòa hiếu thành, thì việc sửa cũng không muộn. Từ nay về sau nếu dẹp được hết lòng nghi hoặc, cố theo ý nghĩa hòa hiếu, thì ở dưới An Nam khỏi bị đồ thán, mà ở trên thì Trung quốc khỏi bị khó nhọc. Thiên hạ được may lắm



再與王通山壽書

僕聞信者國之寶，人而無信，其何以行之哉。前者書併使人來言，約以和解，一一俱已聽從。今覩城中猶掘壕放尖，高柵樹壘，壞古器以鑄火筒，修戰器（史記王通取龜田鐘，普明鼎爲抗單，又高築東關城複壘掘壕放尖）是大人等將班，師回京耶。將固守城池耶。俱不可得而知也。傳曰不誠無物，蓋心不誠，則事皆虛妄。大人誠能不棄前言。凡所行之事，要宜利害明白。欲班師則班師，欲固守則固守，何以陽言結好，陰懷異圖。不宜前後相反，內外不一若此也。夫小民愚而神，雖以僕昏滑無知，然必若孔子所謂視其所以，觀其所由，察其所安，則人之情偽毫髮，有不容隱者矣。不宣

Phiên âm

TÁI DỮ VƯƠNG THÔNG, SƠN THỌ THƯ

Bộc văn tín giả, quốc chi bảo, nhân nhi vô tín, kỳ hà dĩ hành chi tai. Tiền giả đắc thư, tịnh sứ nhân lai ngôn, ước dĩ hòa giải, nhất nhất câu dĩ thính tòng. Kim quan thành trung do quật hào phóng tiêm, cao sách thụ lũy, hoại cổ khí dĩ chú hỏa đồng, tu chiến khí (Sử, ký : Vương Thông thủ Quy Điền chung Phả Minh đỉnh vi cương đạn. Hựu cao trúc Đông Quan thành, phức lũy, quật hào, phóng tiêm). Thị đại nhân đẳng tương ban sư hồi Kinh gia, tương cố thủ thành trì gia. Câu bất khả đắc nhi tri dã. Truyện viết : «Bất thành vô vật». Cái tâm bất thành, tắc sự giai hư vọng. Đại nhân thành náng bất khí tiền ngôn, phàm sở hành chi sự, yêu nghi lợi hại minh bạch. Dục ban sư tắc ban sư, dục cố thủ tắc cố thủ. Hà dĩ dương ngôn kết hiếu, âm hoại dị đồ. Bất nghi tiền hậu tương phản, nội ngoại bất nhất nhược thử dã. Phù, tiểu dân ngu, nhi thần, tuy dĩ bộc hôn cốt vô tri, nhiên tất nhược. Khổng Tử sở vị : thị kỳ sở dĩ, quan kỳ sở do, sát kỳ sở an, tắc nhân chi tình ngụy hào phát bất dung ẩn giả hỷ. Bất tuyên.

Dịch nghĩa

LẠI GỬI THƯ CHO VƯƠNG THÔNG, SƠN THỌ.

Tôi nghe nói chữ tín là vật quý của một nước. Người mà không có tín thì không làm nên công việc gì. Trước kia được thư, và tiếp người tới nói, hẹn việc hòa giải. Nhất nhất tôi đều nghe theo. Nay coi ra trong thành còn khơi hào, trồng chông, nâng rào, đắp lũy, hủy đồ cổ để lấy đồng đúc đạn dược, binh khí. (Sử chép : Vương Thông lấy chuông Quy Điền, lấy đỉnh Phả Minh để đúc đạn, lại xây cao thành Đông Quan, đắp lũy, khơi hào, cắm chông). Thế thì đại nhân định ban sư hồi Kinh, hay định cố thủ, nào ai được biết rõ. Truyện xưa nói : Không thành thực thì không nên việc. Xét tâm mà không thành thì việc đều

hỏng. Đại nhân như thực không trái lời trước, thì phàm việc làm đều nên để cho rõ rệt lợi hại, muốn ban sư thì ban sư, muốn cố thủ thì cố thủ, Cứ gì phải nói ra ngoài là kết hiếu, mà ngầm ở trong thì tính khác. Không nên trước sau trái ngược, trong ngoài bất nhất như thế. Phàm dân thường ngu dốt, nhưng có liuh tính. Tôi tuy ngu độn, chẳng biết gì, nhưng y như Khổng Tử đã nói : coi việc làm nghĩ nguyên do, xét tâm trí, thì thật hay giả, đến tơ tóc không lọt được, không dấu được, Nay thư.



再與王通書

前者得書併草本，所言要赦安南罪。復立陳氏遺嗣。僕與諸頭目軍人等，莫不歡欣鼓舞，相謂果能如是，今後南北無事矣。然天高而皇帝遠，大人權不歸一。政出多門。言動不同。心各自異凡前日所言所行，僕已嘗備見之矣。不知今日之事，果將如何此僕區區小人之見，所以卧不安席；食不甘味；拳拳然于懷，欲捨而不能也；況前日事勢與今日事勢實同一機，一人說是，十人說非。一人做事，而十人壞事。是所謂作舍道旁三年不成者也。迹其所爲若是，遂使僕等至今不勝其苦。大人倘見憐，切莫效前日之所爲。千萬留情，是僕之大幸也。不宣

Phiên âm

TÁI DỮ VƯƠNG THÔNG THƯ

Tiền giả đắc thư, tịnh thảo bản. Sở ngôn yêu xá An Nam tội, phục lập Trần thị di tự. Bộc dữ chư đầu mục, quân nhân đẳng, mạc bất hoan hân cổ vũ. Tương vị quả năng như thị, kim hậu nam bắc vô sự hỹ. Nhiên thiên cao nhi hoàng đế viễn. Đại nhân quyền bất quy nhất. Chính xuất đa môn. Ngôn, động bất đồng. Tâm các tự dị. Phàm tiền nhật sở ngôn, sở hành, bộc dĩ thường bị kiến chi hỹ. Bất tri kim nhật chi sự quả tương như hà. Thử bộc khu khu tiểu nhân chi kiến. Sở dĩ ngọa bất an tịch, thực

bất cam vị. Quyền quyền nhiên vu hoài, dục xả nhi bất năng dã, Huống tiền nhật sự thế, dữ kim nhật sự thế thực đồng nhất cơ. Nhất nhân thuyết thị, thập nhân thuyết phi. Nhất nhân tác sự, nhi thập nhân hoại sự, Thị sở vị tác xá đạo bàng, tam niên bất thành giả dã. Tích kỳ sở vi nhược thị, tụy sử bộc đẳng chí kim bất thắng kỳ khổ. Đại nhân thảng kiến linh, thiết mạc hiệu tiên nhật chi sở vi. Thiên vạn lưu tình. Thị bộc chi đại hạnh dã. Bất tuyên.

Dịch nghĩa

LẠI ĐƯA THƯ CHO VƯƠNG THÔNG.

Trước kia nhận được thư cùng bản thảo xin xá tội An Nam, lập lại con cháu họ Trần, tôi cùng các đầu mục rất mừng rỡ vui vẻ, bàn nhau nếu quả được như thế, thì từ nay về sau, nam bắc sẽ vô sự. Nhưng trời thì cao, mà hoàng đế thì ở xa Quyền đại nhân không về một mối. Chính lệnh thì do nhiều cửa. Lời nói việc làm không giống nhau. Mỗi tâm mỗi khác. Phàm các lời nói bữa trước, tôi đã được thấy rõ. Chả biết việc hôm nay, rồi thực sẽ ra sao. Đó là hạng kém hèn như tôi đã nhận xét. Cho nên nằm không yên chỗ, ăn không biết ngon, chăm chăm bận rối tâm trí, không thể rứt ra được. Huống hồ sự thế bữa trước cùng sự thế ngày nay, thực ra đều cùng một mối. Một người nói phải thì mười người nói trái. Một người làm việc thì mười người phá việc. Vì thế mới có chuyện dựng nhà bên đường, ba năm không xong. Công việc làm mà như thế, khiến cho chúng tôi đến ngày nay không khỏi vất vả. Đại nhân mà có thương xin đừng làm như lần trước, muôn nghìn mong mỏi. Rất may cho tôi.

Thư không hết lời.



再與王通書，

前者辱承尊翰，并使人所言，俱云只因前信，更無異詞。又云朝進表，暮退軍，其書墨彩未乾，言猶在耳。今使已行矣，送使之人亦已回矣。不知大人果因前信耶。更復異詞耶。如果因前信，必明白相報，使僕得整橋梁備軍物。以俟其行。倘復異詞，誠恐信不可失也。古人云。去食去兵信不可去。故文公不貪伐原之利。商君不廢徙木之賞。今大人以詩書之帥，又不若文公商君乎。以果欲棄信乎。不宣

Phiện âm :

TÁI DỮ VƯƠNG THÔNG THƯ.

Tiền giả, nhục thừa tôn hàn, tịnh sử nhân sở ngôn, câu vân chỉ nhân tiền tín, cánh vô dị từ. Hựu vân triêu tiến biểu, mộ thoái quân. Kỳ thư mặc thái vị can, ngôn do tại nhỉ. Kim sứ dĩ hành hỷ, tống sứ chi nhân dĩ hồi hỹ. Bất tri đại nhân quả nhân tiền tín gia, cánh phục dị từ gia. Như quả nhân tiền tín, tất minh bạch tương báo, sử bộc đắc chỉnh kiều lương, bị quân vật, dĩ sĩ kỳ hành. Thảng phục dị từ, thành khủng tín bất khả thất dã. Cổ nhân vân : Khứ thực, khứ binh, tín bất khả khứ Cố Văn-Công bất tham phạt Nguyên chi lợi, Thương Quân bất

phế tỷ mộc chi thưởng. Kim đại nhân dĩ thi thư chi sùy, hựu bất nhược Văn Công, Thương Quân hồ, dĩ quả dục khí tín hồ. bất tuyên.

Dịch nghĩa

LẠI ĐƯA THƯ CHO VƯƠNG THÔNG

Được đọc thư ngài, cùng được nghe người ngài sai tới nói, đều nhận thấy là ngài cứ như lời trước, chứ không đổi lời Lại nhận thấy là cứ sớm dâng biểu thì chiều lui quân. Nét mực thư, còn chưa khô, lời nói còn thoảng bên tai, nay sứ đã lên đường, người tiễn sứ đã trở về. Không biết ngài có quả như lời trước không, hay là lại đổi lời chăng. Nếu quả như lời trước, tất là cùng báo cho tôi minh bạch, để cho tôi được sửa sang cầu cống, sửa sang đồ cần dùng quân đội, đợi ngày khởi hành. Nếu lại đổi lời, thực là e ngại chữ tín không nên mất. Người xưa có nói : Có thể thiếu ăn, thiếu binh bị, nhưng không thiếu chữ tín được. Cho nên Văn Công không tham cái lợi đánh quân Nguyên, Thương Quân không bỏ việc thưởng khiêng cột. (Muốn hiểu rõ, coi chuyện Xuân Thu, Chiến quốc). Nay đạ nhân là Tổng Binh, lại là hàng thi, thư chả nhẽ không bằng Văn Công, Thương Quân hay sao, thực muốn thất tín hay sao. Thư không hết lời.



再與王通書.

（帝欲進逼東關城，故先與之書也）

昨以駐寨稍遠，寔勞往來，今欲移居江城邊，對岸相近，以便來往，敬稟知此意。專候尊命。如別有發落，北乞示僕為感不宣。

Phiên âm

TÁI DỮ VƯƠNG THÔNG THƯ

(Đế dục tiến bức Đông Quan thành, cố tiên dữ chi thư dã).

Tạc dĩ trú trại sảo viễn, thực lao vãng lai, kim dục di cư Bắc giang thành biên, đối ngạn tương cận, dĩ tiện lai vãng. kính bẩm tri thử ý. Chuyên hậu tôn mệnh, Như biệt hữu phát lạc, khất thị bộc vi cảm. Bất tuyên.

Dịch nghĩa:

LẠI ĐƯA THƯ CHO VƯƠNG THÔNG

(Vua muốn tiến quân tới thành Đông Quan, cho nên trước tiên hãy đưa thư cho biết),

Trước kia, dinh trại có nơi xa, đi lại khó nhọc. Nay muốn dời tới thành Bắc giang bên sông đối diện, cho đi lại được gần. Kính bẩm ý đó, xin đợi tôn mệnh. Nếu có muốn ý khác, xin cho tôi được hiểu biết. Thư không hết lời.



再達王通書

達總兵官大人。僕聞天無私覆，地無私載。日月無私照臨。故王者以四海爲家。初無邇遐之有間也。今者疊奉尊書，許以請命班師，欲必以二太監大人奏請立我陳氏子孫，是大人等誠能爲國盡忠，尊君以義。比之年前要功妄奏，謂陳氏子孫盡絕，信不同矣。信如此言非惟交趾一國之幸，亦天下萬邦之大幸也。朝廷之恩，既與天地同覆載。日月同照臨，大人有命，獻邑豈敢背違哉。區區恐慄，不勝俟命之至。

Phiên âm :

TÁI ĐẠT VƯƠNG THÔNG THƯ.

Đạt Tổng Binh Quan đại nhân. Bộc văn thiên vô ty phú, địa vô ty tái, nhật nguyệt vô ty chiếu lâm. Cố vương giả dĩ tứ hải vi gia. Sơ vô nhĩ hà chi hữu gián dã. Kim giả điệp phụng tôn thư, hứa dĩ thỉnh mệnh ban sư, dục tất dĩ nhị Thái Giám đại nhân tấu thỉnh lập ngã Trần thị tử tôn. Thị đại nhân đẳng

thành năng vị quốc tận trung, tôn quân dĩ nghĩa. Tị chi niên tiền, yêu công vọng tấu, vị Trần thị tử tôn tận tuyệt, tín bất đồng hỹ. Tín như thử ngôn, phi duy Giao-Chỉ nhất quốc chi hạnh, diệc thiên hạ vạn bang chi đại hạnh dã. Triều đình chi ân, ký dữ thiên địa đồng phú tái, nhật nguyệt đồng chiếu lâm, đại nhân hữu mệnh, tệ ấp khởi cảm bội vi tai. Khu khu khủng lật bất thăng sĩ mệnh chi chí.

Dịch nghĩa

LẠI CHO ĐƯA THƯ TỚI VƯƠNG THÔNG.

Thư tới Tổng Binh quan được biết : Tôi nghe trời không che riêng ai, đất không chở riêng ai, mặt trời, mặt trăng không chiếu riêng ai. Cho nên đứng vương giả coi bốn bể là nhà, trước kia không có phân biệt nơi xa nơi gần. Nay đã nhận được thư ngài nhiều lần, hẹn xin mệnh vua rồi đem quân về, tức là muốn như ý tâu của hai vị Thái Giám trước, xin lập lại con cháu họ Trần. Thế là các đại nhân thành thực lấy trung báo quốc, lấy nghĩa tôn quân. Ví với khi trước, thề theo lời tâu dối trá, bảo con cháu họ Trần đã hết, ví thế thực là không giống nhau. Nếu việc thực như vậy, thì không riêng một nước Giao Chỉ được may, mà còn là may lớn cho vạn nước. Ơn triều đình đã lớn, như trời che đất chở, như mặt trăng mặt trời soi chiếu, đại nhân nhận được mệnh có lẽ đâu lại trái được. Nơm nớp lo sợ, chờ mệnh tới.

再達山壽書

達山老大人等。前者奉書未蒙許可，今欲再冒威嚴，只恐煩瀆。然人有病疾則呼天呼父母，此亦常情所不免。比以官軍所獲可藍册之人屢已告訴乞爲撥還，不知如何，並不見一人放出。士官及別士人既不敢再煩，至若可藍之人，俱是舊人親戚奴婢，豈忍若是刼然耶。所以不得不冒干威嚴，再爲煩屑告也。不宣（下有奏告文）

Phiên âm

TÁI ĐẠT SƠN THỌ THƯ.

Đạt Sơn lão đại nhân đẳng. Tiền giả phụng thư vị mông hứa khả. Kim dục tái mạo uy nghiêm, Chỉ khủng phiền độc. Nhiên nhân hữu bệnh tật, tắc hô thiên, hô phụ mẫu, thử diệc thường tình sở bất miễn. Tị dĩ quan quân sở hoạch, Khả Lãm sách chi nhân. Lũ dĩ cáo tố, khất vi bát hoàn. Bất tri như hà. Tịnh bất kiến nhất nhân phóng xuất. Sĩ quan cập biệt sĩ nhân ký bất cảm tái phiền, chí nhược Khả Lãm chi nhân, câu thị cựu nhân thân thích nô tỳ, khởi nhẫn nhược thị kiết nhiên gia. Sở dĩ bất đắc bất mạo can uy nghiêm, tái vi phiền tiết cáo dã. Bất tuyên. (Hạ hữu tấu cáo văn).

Dịch nghĩa

LẠI CHO ĐƯA THƯ TỚI SƠN THỌ.

Thư gửi tới Sơn lão đại nhân. Thư trước chưa thấy trả lời, không biết việc được hay không. Nay lại mạo uy nghiêm, rất e phiền ngài. Nhưng người có bệnh thì kêu trời, kêu cha mẹ, đó là thường tình, không tránh được. Gần đây, các quan quân có bắt được bọn dân Khả Lam, nhiều lần đã có xin cho trả về, không biết ngài định sao, chưa tên nào được về. Sĩ quan, sĩ nhân khác thì không dám phiền, Nhưng dân Khả Lam đều là thân thích nô tỳ cũ, chả nhẽ không để ý. Cho nên mạo uy nghiêm hỏi lại. Kính thư. (Kèm theo biểu tâu).



求封表文.

交趾布政清化等府知府臣黎利；誠惶誠恐稽首頓首謹上言。臣伏覩大軍克平之初，詔求陳氏子孫以奉宗祀。其都布按等官未及徧求。只詢土人言，奏稱陳氏子孫俱被胡氏誅滅殆盡無可繼立，已議置府縣，設官分治，訖洪熙元年。（明仁宗年號）臣及本國耆民於老撾地方，訪得陳氏某，實先陳王某嫡孫，稟性聰明，秉心忠順，義當繼立，乞照依例襲封。仍舊納貢。謹遣某奉表奏以聞。

伏以湯武吊民而罰罪，事非得已。杞宋繼世而興國，義所當然。往稽厥初顯爲明證。臣黎利，竊惟聖人之治，不過九州。王者之仁，實同一體。玆惟交趾蔓隔華風。漢唐置之羈縻，宋元因而封爵，逮我朝當太祖之啟運，而陳氏先諸國以入朝，逝年來貢於帝廷，累世襲封於王爵。頃因胡氏之失德，致令天討之有加。朝廷寬仁。詔

求陳氏子孫，以承宗祀。逮臣妄敢、
奏置交趾郡縣而設治官。奈民心猶溺
於故常而夷習難便於教化，率由舊
染。終成禍階。民庶流離比歲散亡者，
何可勝數。士卒征伐連年困斃者誠所
堪憐。臣等念赤子之無辜，憫陳家之
絕祀。非故同趙佗之處黃屋，竊欲効
程嬰之存孤兒。初合衆志，而順舉情。
乃忘殘軀而立大義，自知舉頭而觸
法，每懷無地而措躬。有痛則呼，乃
人情之必至，知過必改，諒聖人之所
容。瀝血陳詞，籲天請命。恭惟：皇
帝陛下，天覆地載，日照月臨，春育
海極，大廓泰包之量，雲行雨施，普
覃解作之恩。必崇德以象賢。必興絕
而繼滅。必同漢武詔棄輪臺之過，必
如太宗悔伐高麗之非，赦過宥罪，誕
擴好生之仁，休兵息民，尚止戈之武謨
臣敢不銘心刻骨，効順輸忠，奉表稱
臣，願述侯藩之職。畏天事大，惟殫
小國之誠。臣下情無任不勝瞻天仰聖
激切屏營之至。謹奉表陳謝以聞。

Phiên âm

CẦU PHONG BIỂU VĂN

Giao Chỉ, Bố Chính, Thanh Hóa, đẳng phủ, Tri phủ, thần, Lê Lợi, thành hoảng, thành khủng, khể thủ, đốn thủ, cẩn thượng ngôn : Thần phục đồ đại quân khắc bình chi sơ, chiếu cầu Trần thị tử tôn, dĩ phụng tôn tự, kỳ Đồ, Bố, Ân đẳng quan vị cập biến cầu, chỉ tuân thổ nhân ngôn, tấu xưng Trần thị tử tôn, câu bị Hồ thị tru diệt đãi tận, vô khả kế lập, dĩ nghị trí phủ, huyện, thiết quan phân trị. Hất Hồng Hy nguyên niên (Minh Nhân Tôn niên hiệu) thần cập bản quốc kỳ dân, ư Lão Qua địa phương, phỏng đắc Trần thị Mỗ, thực tiên, Trần Vương Mỗ đích tôn, bẩm tính thông minh, bỉnh tâm trung thuận nghĩa đương kế lập. Khất chiếu y lệ tập phong, nhưng cựu nạp cống. Cẩn khiển Mỗ phụng biểu tấu dĩ văn.

Phục dĩ : Thang, Vũ, điếu dân nhi phạt tội, sự phi đắc dĩ. Kỷ Tống kế thế, nhi hưng quốc, nghĩa sở đương nhiên Vãng kè, quyết sơ, hiển vi minh chứng. Thần, Lê Lợi, thiết duy thánh nhân chi trị, bất quá cửu châu. Vương giả chi nhân, thực đồng nhất thể. Tư duy Giao Chỉ mạn cách hoa phong. Hán Đường, tri chi ky my. Tống, Nguyên nhân nhi phong tước. Đại ngã triều, đương Thái Tổ chi khải vận, nhi Trần thị tiên chư quốc dĩ nhập triều. Đệ niên lai cống ư đế đình Lũy thế tập phong ư vương tước. Khoảnh nhân Hồ thị chi thất đức Chí lịnh thiên thảo chi hữu gia. Triều đình khoan nhân, chiếu cầu Trần thị tử tôn, dĩ thừa tôn tự. Biên thần vọng nghị, tấu trí Giao Chỉ quận huyện, nhi thiết trị quan. Nại dân tâm do nịch ư cố thường, nhi Di tập nan tiện ư giáo hóa. Suất do cựu nhiễm. Chung thành họa giai. Dân thứ lưu ly, ty tuế tán vong giả, hà khả thắng số. Sĩ

tốt chinh phạt liên niên, khốn tệ giả; thành sở kham liên. Thần đẳng niệm xích tử chi vô cô, mẫn Trần gia chi tuyệt tự. Phi cố đồng Triệu Đà chi xử hoàng ốc. Thiết dục hiệu Trình Anh chi tồn cô nhi. Sơ hợp chú g chí nhi thuận dư tình. Nãi vong tàn khu nhi lập đại nghĩa. Tự tri cử đầu nhi xúc pháp. Mỗi hoài vô địa nhi thác cung. Hữu thông tắc hô, mãi nhân tình chi tất chí. Tri quá tất cải, lượng thánh nhân chi sở dung. Lịch huyết trần từ, dụ thiên thỉnh mệnh, Cung duy :

Hoàng Đế.Bệ Hạ, Thiên phú địa tái. Nhật chiếu nguyệt lâm. Xuân dục hải hàm, đại khoách thái bao chi lượng. Vân hành vũ thí, phả đàm giải tác chi ân. Tất sùng đức dĩ tượng hiền. Tất hưng tuyệt nhi kế diệt. Tất đồng Hán Vũ chiếu khí Luân Đài chi quá. Tất như Thái Tôn hối phạt Cao Ly chi phi. Xá quá hựu tội, đản khoáng hiếu sinh chi nhân. Hưu binh tức dân, thượng cách chỉ qua chi vũ. Thần cảm bất minh tâm khắc cốt, hiệu thuận du trung. Phụng biểu xưng thần, nguyện thuật Hầu phiên chi chức, Úy thiên sự đại, duy đàn tiểu quốc chi thành. Thần hạ tình vô nhiệm, bất thăng chiêm thiên ngưỡng thánh, kích thiết bình doanh chi chí. Cẩn phụng biểu trần tạ dĩ văn.

Dịch nghĩa :

BIỂU CẦU PHONG

Tại các phủ xứ Thanh Hóa, Tri Phủ thần Lê Lợi, sợ hãi, rập đầu, tâu lên :

Thần, lúc khởi đầu được thấy, quân đội tới dẹp loạn, có chiếu tìm con cháu họ Trần. để nối đời cúng tế, khi đó các quan đầu xứ không xét kỹ, không tìm kiếm, chỉ nghe lời thổ nhân nói, mới tâu lên là họ Trần bị họ Hồ giết hết cả không còn ai nối dõi được, rồi đề nghị đặt nước thành quận huyện,

chia ra các quan cai trị. Cho đến niên hiệu Hồng Hy năm đầu (Minh Nhân Tôn), thần và bọn kỳ lão trong nước, có tìm được tại đất Lão Qua Trần Mỗ, là đích tôn Trần Vương Mỗ, bẩm tính thông minh, sẵn tâm trung thuận. Theo nghĩa nên lập, xin cứ đúng lệ tập phong, rồi như trước cống hiến. Xin kính dâng biểu tâu :

Ngửa trông : Các vua Thang, Vũ, thương dân mà phạt kẻ có tội, là việc bất đắc dĩ. Các vua Kỷ, Tống nối đời mà mở mang đất nước, là nghĩa tất đương nhiên. Xét việc khi xưa đều có minh chứng.

Thần, Lê Lợi, thiết nghĩ, Thánh nhân thống trị, chẳng qua chín châu Vương giả đức nhân, đều cùng một thể. Riêng thấy : Giao Chỉ ở xa Hoa quốc. Hán Đường đặt làm xứ ky my. Tống Nguyên nhân đó phong cương vực. Đến triều ta, Thái Tổ khi mở nước, là họ Trần đầu tiên vào chầu. Hằng năm, cống hiến đế đình, truyền đời tấn phong vương tước. Rồi nhân họ Hồ thất đức, mới bị quan quân thảo chinh. Triều đình khoan nhân, chiếu tìm con cháu họ Trần xưa, tế tự cứ được nối tiếp Biên thần nghĩ bậy, xin đổi Giao Chỉ thành quận huyện, chính trị giao về các quan. Nhưng dân tâm cứ giữ tục thường, mà di tập khó theo giáo hóa. Trước do tục cũ, sau thành họa tai.

Dân chúng tán ly, mấy độ lưu vong không sao kể xiết. Quân binh, chinh chiến, luôn năm chết chóc, rất đáng thương tâm. Nghĩ dân chúng vô cô, thương họ Trần tuyệt tự. Không phải như Triệu Đà ở cung thất, chính mong giống Trình Anh được tồn cô. Xưa, chí cùng với dân chúng mà làm việc thuận tình. Mới không kể đến thân mình mà gây thành nền đại nghĩa. Vốn biết mỗi việc làm là phạm phép, mong đâu còn tấc đất để

dung thân. Có đau mới kêu, nhân tình thường thế. Biết lỗi thì đổi, lượng thánh khoan dung. Trích huyết kêu lên, kêu trời đợi mệnh. Kính nghĩ :

Hoàng Đế Bệ Hạ, Trời che đất chở, nhật chiếu, nguyệt soi. Lượng bao dung như xuân sinh bể rộng, Ơn tràn khắp như mưa tưới mây bay. Tất quý đức để gây hiền, tất cứu sống để nối đứt. Tất cùng Hán Vũ chiếu bỏ Luân Đài cho là có lỗi. Tất như Thái Tôn, phạt Cao Ly hối là không nên. Lỗi thì xá, tội thì tha, rộng đức hiếu sinh. Binh cho bãi. dân cho nghỉ, thôi việc vũ bị.

Thần : Dám đâu không : Minh tâm khắc cốt, Quy thuận tận trung. Dâng biểu xưng thần, xin theo chư hầu hàng chức. Sợ trên, thờ lớn, được cùng nước nhỏ tâm thành.

Thần : Hạ tình, không tự ngăn nổi lòng mong mỏi kích thích được trông trời, trông thánh. Kính dâng biểu trần tạ.

CHÚ THÍCH.— (1 Một người thời Xuân Thu nước Tàu.
(2) Xứ Tây Vực thời Vũ-Đế có đồn binh.

奏告文

雄天慶二年，歲次丙午，十二月庚中朔越二十九日戊子，入內檢校太師平章軍國重事，代天行化賜金魚袋雙金虎符壯武衛國公臣黎利，誠惶誠恐稽首頓首謹奏告于。

太宗皇帝，顯慈順天皇太后，聖宗皇帝，元聖皇太后，仁宗皇帝，欽慈皇太后，英宗皇帝昭慈皇太后，明宗皇帝憲慈皇太后，藝宗皇帝，順慈皇太后，肅宗皇帝，嘉慈皇太后，重光皇帝陛下臣，祖父受國恩厚，世爲近臣，義當効忠盡力，一自明賊奪我疆土，虐我生靈，犯諸先帝陵廟，絕滅陳氏子孫。

臣，卧薪嘗膽，三十餘年，志在復讎，以雪前恥。於乙巳年，在老撾地方，尋得藝宗三世孫陳某於本年已正大號，以奉宗社。義兵一舉，四方雲集。是以一戰於茶龍，而復藝安，清化之地，再戰於寧橋而復大越之舊疆，各

處賊人，俱已出城拜降，惟東關一城
未能遽屠。寔由天祚皇陳，故成功之
速，而臣等被堅執銳，幸得以効尺寸
之功，伏惟，烈聖皇帝陛下，同垂協
相，勦滅彊明，以致萬世太平之福也，
臣下情無任瞻天仰聖，謹奏表以聞。

Phiên âm

TẤU CÁO VĂN.

Duy Thiên Khánh nhị niên (1426) tuế thứ bính ngọ, Thập nhị nguyệt canh thân. sóc, việt nhị thập cửu nhật mậu tý, Nhập Nội Kiểm Hiệu Thái Sư, Bình Chương Quân Quốc Trọng Sự, Đại thiên hành hóa, Tứ Kim ngư đại song kim, hổ phù, Tráng Vũ Vệ Quốc Công, thần, Lê Lợi, thành hoảng, thành khủng, khể thủ, đốn thủ, cẩn tấu cáo vu ;

Thái Tôn Hoàng Đế. Hiển Từ Thuận Thiên Hoàng Thái Hậu, Thánh Tôn Hoàng Đế, Nguyên Thánh Hoàng Thái Hậu Nhân Tôn Hoàng Đế, Khâm Từ Hoàng Thái Hậu, Anh Tôn Hoàng Đế, Chiêu Từ Hoàng Thái Hậu, Chiêu Tôn Hoàng Đế, Hiến Từ Hoàng Thái Hậu, Nghệ Tôn Hoàng Đế, Thuận Từ Hoàng Thái Hậu, Túc Tôn Hoàng Đế, Gia Từ Hoàng Thái Hậu, Trùng Quang Hoàng Đế Bệ Hạ.

Thần, Tổ phụ thụ quốc ân hậu, thế vi cận thần, nghĩa đương hiệu trung tận lực, nhất tự Minh tặc đoạt ngã cương thổ, ngược ngã sinh linh, phạm chư tiên đế lăng miếu, tuyệt diệt Trần thị tử tôn Thần, ngọa tân thường phủ, tam thập dư niên,

chi tại phục thù, dĩ tuyệt tiễn sĩ. Ư ất tỵ niên, tại Lảo Qua địa phương, tầm đắc Nghệ Tôn tam thế tôn, Trần Mỗ, ư bản niên dĩ chính đại hiệu, dĩ phụng tôn xã. Nghĩa binh nhất cử, tứ phương vân tập. Thị dĩ nhất chiến ư Trà Long, nhi phục Nghệ An, Thanh Hóa chi địa. Tái chiến ư Minh Kiều nhi phục Đại Việt chi cựu cường Các xứ tặc nhân, câu dĩ xuất thành bái hàng. Duy Đông Quan nhất thành vị năng cự đồ. Thực do thiên tộ Hoàng Trần, cố thành công chi tốc. Nhi thần đẳng bị kiên chấp nhuế, hạnh đắc dĩ hiệu xích thốn chi công. Phục duy : Liệt thánh hoàng đế bệ hạ, đồng thủy hiệp tướng, sào diệt cường Minh, dĩ chí vạn thế thái bình chi phúc dã. Thần hạ tình vô nhiệm, chiêm thiên ngưỡng thánh, cẩn tấu biểu dĩ văn.

Dịch nghĩa

TẤU CÁO VĂN.

Niên hiệu Thiên Khánh năm thứ hai, tuế thứ bính ngọ, tháng 12, mùng một ngày canh thân, qua ngày mậu tý 29 ngày, Nhập Nội Kiểm Hiệu Thái Sư, Bình Chương Quân Quốc trọng sự, Đại thiên Hành Hóa tử kim ngư, đại song kim, hổ phù, Tráng Vũ Vệ Quốc Công, Lê Lợi sợ hãi, cúi đầu, rập đầu, tâu lên.

Thái Tôn Hoàng Đế, Hiển Từ Thuận Thiên Hoàng Thái Hậu, Thánh Tôn Hoàng Đế, Nguyên Thánh Hoàng Thái Hậu, Nhân Tôn Hoàng Đế, Khâm Từ Hoàng Thái Hậu, Anh Tôn Hoàng Đế, Chiêu Từ Hoàng Thái Hậu, Chiêu Tôn Hoàng Đế, Hiến Từ Hoàng Thái Hậu, Nghệ Tôn Hoàng Đế, Thuận Từ Hoàng Thái Hậu, Túc Tôn Hoàng Đế, Gia Từ Hoàng Thái Hậu, Trùng Quang Hoàng Đế Bệ Hạ.

Thần, có tổ phụ, vốn được quốc ân, chức cận thần, theo nghĩa cần ra sức tận trung. Từ khi giặc Minh cướp đất nước ta, ngược đãi dân ta, phạm đến các lăng tẩm tiên đế, giết hết con cháu họ Trần, thì thân nằm gai nếm mật hơn ba mươi năm, chỉ ở chỗ phục thù, để rửa sạch giận cũ. Năm ất tỵ, ở tại xứ Lão Qua, mới tìm được cháu ba đời Nghệ Tôn là Trần Mỗ, chính năm ấy đã lên ngôi để nối thờ tôn miếu xã tắc. Khi nghĩa binh sơ khởi, là bốn phương hưởng ứng. Cho nên một trận ở Trà Long mà lấy lại được Nghệ An, Thanh Hóa, trận thứ hai ở Ninh Kiều mà lấy lại được toàn cõi đất nước. Các xứ có giặc đóng, giặc đều mở cửa thành ra hàng. Duy còn thành Đông Quan là chưa diệt. Thật là trời giúp Hoàng gia mới chóng thành công như thế. Mà lũ thần hạ mặc giáp trụ, may cũng được dự chút công. Ngửa trông : Liệt thánh Hoàng Đế Bệ Hạ, cùng giúp diệt trừ giặc Minh để giữ phúc thái bình muôn năm.

Thần đẳng ngóng trông, kính dâng biểu tâu lên.



與王通書

（丁未帝進軍瀘江北岸，與東關城對壘，王通山壽使阮仕來通信，帝以書示之）。

書奉總兵官大人鈞座前。僕聞以誠服人者，人亦以誠服之。夫至誠之道，可以動天地，通鬼神，而况於人乎，今人奉書出國，當待人以誠，而乃挾詐欺人，自以爲高，謂僕爲無知兵爲詭道，陽爲和好，陰圖異謀。前言通表之後隨即退軍，後乃高樹柵壘，築城鑿池，所爲若是，誠耶僞耶，古者大夫出疆專之可也，况大人以詩書之帥又於受命之日，旣許以便宜行事，則凡國外之事，豈復一一待朝命耶。且兵貴神速，機關開闔，如輪如雲，時刻之間，忽寒忽暑，大人豈不知，而乃聽奸豎馬騏，殘卒方政之計，而遲疑猶豫，以不决耶。前者旣行文書，取追裏各衛處所軍馬兼謂地窖，先將在城軍人發

回。在外各衛隨後發出。至今演藝等城軍人陸續俱至，而前言忙若捕風捉影，是大人非特誑僕一人，又將各城衛所六七千餘人，都他誑了。僕以上敬朝廷之心，憫六七千餘人之性命，約束軍士，秋毫無犯，而大人聽小人之計欲以害僕之心，移以害他。夫胡馬嘶北風，越鳥巢南枝，人之常情，孰能免此，今者大人之計一失，各衛所六七千餘軍，啣恨結怨，深入骨髓，莫不切齒扼腕，誓無復見大人，俱請決一死戰，大人如復踐前言，以尋舊約，則就行班師，以卒前好。僕亦將各城軍人，及昨所獲軍馬，盡數發回。如其不然，請以各城含冤積忿之軍，與僕三十萬兵周旋城下。聽大人如何發落，僕不勝恐懼俟命之至不宣。

Phiên-âm :

DỮ VƯƠNG THÔNG THƯ.

(Đinh mùi để tiến quân Lô giang, bắc ngạn, dữ Đông

Quan thành đối lũy. Vương Thông, Sơn Thọ sử Nguyễn Sĩ lai thông tín. Đế dĩ thư thị chi).

Thư phụng Tổng Binh Quan đại nhân, quân tòa tiền. Bộc văn dĩ thành phục nhân giả, nhân diệc dĩ thành phục chi. Phù: Chí thành chi đạo, khả dĩ động thiên địa, thông quỷ thần, nhi huống ư nhân hồ. Kim đại nhân phụng thư xuất khổn, đương đãi nhân dĩ thành, nhi nãi hiệp trá khi nhân, tự dĩ vi cao, vị bộc vi vô tri, binh vi quỷ đạo. Dương vi hòa hiếu, ám đồ dị mưu. Tiền ngôn tiến biểu chi hậu, tùy tức thoái quân, hậu nãi cao thụ sách lũy, trúc thành tạc trì. Sở vi nhược thị, thành gia, ngụy gia. Cổ giả đại phu xuất cương, chuyên chi khả dã. Huống đại nhân dĩ thi thư chi súy hựu ư thụ mệnh chi nhật, ký hứa dĩ tiện nghi hành sự, phàm khổn ngoại chi sự, khởi phục nhất nhất đãi triều mệnh gia. Thả binh quý thần tốc, cơ quan khai hạp, như luân như vân, thời khắc chi gian, hốt hàn hốt thử, đại nhân khởi bất tri, nhi thính gian thụ Mã Kỳ, tàn tốt Phương Chính chi kế, nhi trì nghi, do dự, dĩ bất quyết gia. Tiền giả ký hành văn thư, thủ dĩ lý các vệ, xứ, sở, quân mã, kiêm vị địa trách, tiên tương tại thành quân nhân phát hồi. Tại ngoại các vệ tùy hậu phát xuất. Chí kim, Diễn, Nghệ đẳng thành quân nhân lục tục câu chí, nhi tiền ngôn mang nhược bổ phong tróc ảnh. Thị đại nhân phi đặc cuống bộc nhất nhân, hựu tương các thành vệ, sở, lục thất thiên dư nhân đô tha cuống liễu. Bộc dĩ thượng kính triều đình chi tâm, mẫn lục thất thiên dư nhân chi tính mệnh, ước thúc quân sĩ thu hào vô phạm. Nhi đại nhân thính tiểu nhân chi kế, dục dĩ hại bộc chi tâm, di dĩ hại tha. Phù: Hồ mã tê bắc phong, việt điểu sào nam chi, nhân chi thường tình, thục năng miễn thử. Kim giả, đại nhân chi kế nhất thất, các vệ sở, lục thất thiên dư quân,

hàm hận kết oán, thâm nhập cốt tủy, mạc bất thiết xỉ, ách uyển, thệ vô phục kiến đại nhân, câu thỉnh quyết nhất tử chiến. Đại nhân như phục tiễn tiền ngôn, dĩ tầm cựu ước, tắc tựu hành ban sư, dĩ tốt tiền hiếu, Bộc diệc tương các thành quân nhân, cập tạc sở hoạch quân mã, tận số phát hồi. Như kỳ bất nhiên, thỉnh dĩ các thành hàm oan tích phẫn chi quân, dữ bộc tam thập vạn binh, chu toàn thành hạ, tính đại nhân như hà phát lạc. Bộc bất thăng khủng lật sĩ mệnh chi chí. Bất tuyên.

Dịch nghĩa

GỬI THƯ CHO VƯƠNG THÔNG

(Năm đinh mùi, vua tiến quân tới bờ phía bắc sông Lô, đóng quân trước thành Đông Quan. Vương Thông. Sơn Thọ sai Nguyễn Sĩ tới tin tức. Vua gửi thư cho biết).

Thư trình quan Tổng Binh. Tôi nghe, lấy thành thực đãi người, thì người cũng lấy thành thực đãi lại. Xét, đã là chí thành, thì trời cũng phải cảm động, thần cũng phải cảm thông huống hồ là người. Nay đại nhân phụng mệnh ra khỏi nước, thì nên đãi người lấy thành. Thế mà lại cứ dối người cho thế là phải, mà cho là tôi không biết gì, mà cho là việc binh phải dối trá. Ngoài mặt thì hòa hiếu, ở trong thì có âm mưu. Trước kia, hẹn rằng, biểu tiến, khởi hành, là bắt đầu lui quân. Thế mà sau lại giồng cao rào, xây cao lũy, đắp thành, khơi hào. Hành vi thế, bảo là thành hay ngụy.

Đời xưa, đến chức đại phu ra khỏi bờ cõi, cũng còn được tự ý làm việc, huống như đại nhân lại là hàng tướng súy có thi thư, mà ngày nhận mệnh cũng đã được tiện nghi hành sự. Như thế thì đâu có phải, việc ở ngoài nước, cứ mỗi việc

là phải đợi mệnh triều đình. Vả lại việc binh quý về nhanh chóng, đồn trại đóng mở, như mây bay, gió cuốn, trong khoảng chốc lát, lúc nóng lúc lạnh. Đại nhân há lại không rõ hay sao, mà lại đi nghe hạng gian nô Mã Kỳ, hạng tiểu tốt Phương Chính, để bị chậm trễ, do dự, không quyết. Trước kia đã có thư cho tôi biết : xếp can qua quân mã các sở, vệ, xứ, cũng nhân nơi đóng chật hẹp, hãy cho quân trong thành ra về trước tiên rồi các nơi khác tùy theo khởi hành. Đến ngày nay quân nhân các thành Nghệ, Diễn, lục tục kéo đến, thế mà lời nói trước như bắt bóng, bắt gió. Vậy đại nhân không riêng gì dối một mình tôi, lại dối cả hơn sáu bẩy ngàn quân các thành, vệ, sở. Tôi nhân cái lòng kính triều đình, mà sinh thương tính mệnh hơn sáu bẩy ngàn quân đó, có ra lệnh cho quân sĩ không được tơ hào xâm phạm. Đại nhân thì đi nghe kế tiểu nhân, muốn đem lòng hại tôi, lại chuyển hại đến kẻ khác. Xét ngựa hồ hít gió bấc, chim việt làm tổ cành phía nam, đều là lẽ thường tình, ai đã tránh khỏi. Ngày nay, một khi mưu kế đã hỏng, các vệ, sở, quân đến hơn sáu bẩy ngàn, đều ngậm hận, nuốt oán, đau đến gân cốt, ai là không vung tay nghiến răng, thề không trông thấy đại nhân nữa. Hết thẩy đều xin quyết một trận sống chết. Đại nhân nếu còn muốn theo lời trước, lại như lời ước cũ, thì khởi hành ban sư đi, để kết xong hòa hiếu cũ. Tôi cũng cho quân nhân các thành, cùng bọn quân mã mới bắt được bữa trước giao cả cho đưa về. Nếu không như thế, thì đành xin cho quân sĩ các thành, đã chứa oán, chứa giận, cùng ba mươi vạn quân của tôi, tới vây thành, để coi đại nhân xử sự.

Tôi không khỏi, sợ hãi chờ mệnh. Thư không hết lời.



與太監山壽書

書奉太監山老大人鈞座前。僕之事大人，愚猶父母。自前至今曷嘗有一念之或虧。前日大人賜書，約以和解，謂進表之後，隨即退軍。今使已行訖，送使之人亦已回矣，而軍之退不退，未可卜也。又謂要將土人俱放出城，而數月以來，不見一人放出，不知父母果若是耶。傳曰：自古皆有死，無信不立，故王者不欺四海，伯者不欺四鄰，今大人以父母之心，而欺其子耶。伏惟鈞慈俯垂照亮

不宣。

Phiên âm :

DỮ THÁI GIÁM SƠN THỌ THƯ.

Thư phụng Thái Giám Sơn Lão đại nhân quân tòa tiền : Bộc chi sự đại nhân, ận do phụ mẫu. Tự tiền chí kim, hạt thường hữu nhất niệm chi hoặc khuy. Tiền nhật đại nhân tứ thư, ước dĩ hòa giải, vị tiến biểu chi hậu,

tùy tức thoái quân. Kim sứ dĩ hành hỹ tống sứ chi nhân diệc dĩ hồi hỹ. Nhi quân chi thoái, bất thoái, vị khả bốc dã. Hựu vị, yêu tương, thổ nhân câu phóng xuất thành, nhi sổ nguyệt dĩ lai, vị kiến nhất nhân phóng xuất. Bất tri phụ mẫu quả nhược thị gia. Truyện viết : Tự cổ giai hữu tử, vô tín bất lập. Cố vương giả bất khi tứ hải. Bá giả bất khi tứ lân. Kim đại nhân dĩ phụ mẫu chi tâm, nhi khi kỳ tử gia. Phục duy, quân từ, phủ thùy, chiếu lượng. Bất tuyên.

Dịch nghĩa

GỬI THƯ CHO THÁI GIÁM SƠN THỌ.

Thư phụng Thái Giám, Sơn Lão đại nhân. Ơn đại nhân đối với tôi, tôi coi như ơn cha mẹ. Từ trước đến nay chưa bao giờ thấy thiếu sót. Bữa trước đại nhân gửi thư cho, ước cho hòa giải, bảo rằng : cứ dâng biểu xong là cho quân rút lui. Nay sứ đã đi rồi. Người tiễn sứ đã về rồi. Mà quân lui hay không chưa thấy bàn định. Ngài lại có hẹn cho người trong xứ được ra khỏi thành, thế mà vài tháng nay, chả thấy một người nào ra khỏi thành. Không biết làm cha mẹ có thế không. Sách cũ có nói : Từ xưa ai không chết, nhưng thiếu tín, là không mong đứng được ở đời. Cho nên đấng vương giả không dối thiên hạ, vị Bá giả không dối bốn nước chung quanh. Nay đại nhân lấy tâm cha mẹ, mà lại dối con chăng.

Ngửa trông lượng trên cúi xuống soi xét. Thư không hết lời.



再與山壽書

僕聞天有四時，必資土以旺。人有四德，必資信以行，茍土之不旺，信之不充則乾道息，人事虧矣。故皇極以土居中，民需以信為寔。而後天人之用得其當焉。僕雖不敏所以往復乎敬事大人始終無間者，以此奈何大人前有陽言，約以和解，謂進表之後，隨即退軍。今使已行矣，送使之人亦已回矣，而軍之退不退亦，未卜也。又謂要將土人俱放出城，而數月以來未見一人放出，不知大人之心果何如耶，傳曰，無信不立，是以王者不欺四海，伯者不欺四鄰，信之茍尚也，大人聞之於耳，充之於心，推之於事，無往而不通又豈可欺斯民而棄信耶。書到伏卧鈞慈俯垂照亮　不宣.

Phiên âm

TÁI DỮ SƠN THỌ THƯ.

Bộc văn thiên hữu tứ thời, tất tư thổ dĩ vượng, nhân hữu tứ đức, tất tư tín dĩ hành. Cầu thổ chi bất vượng, tín chi bất sung, tắc càn đạo tức, nhân sự khuy hỹ. Cố hoàng cực dĩ thổ cư trung. Dân linh dĩ tín vi thực, nhi hậu thiên, nhân, chi dụng đắc kỳ đáng yên. Bộc tuy bất mẫn sở dĩ vãng phục hồ kính sự đại nhân, thủy chung vô gián giả, dĩ thử, nại hà, đại nhân tiền hữu dương ngôn, ước dĩ hòa giải, vị, tiền biểu chi hậu, tùy tức thoái quân. Kim sứ dĩ hành hỹ, tống sứ chi nhân diệc dĩ hồi hỹ. Nhi quân chi thoái, bất thoái diệc vị bốc dã. Hựu vị, yêu tương thổ nhân câu phóng xuất thành, nhi sổ nguyệt dĩ lai vị kiến nhất nhân phóng xuất. Bất tri đại nhân chi tâm quả hà như gia. Truyện viết : Vô tín bất lập. Thị dĩ vương giả bất khi tứ hải, Bá giả bất khi tứ lân. Tín chỉ cầu thượng dã. Đại nhân văn chi ư nhĩ, sung chi ư tâm, suy chi ư sự, vô vãng nhi bất thông, hựu khởi khả khi tư dân nhi khí tín gia. Thư đáo phục duy quân từ phủ thùy chiếu lượng. Bất tuyên.

Dịch nghĩa :

LẠI CÓ THƯ GỬI CHO SƠN THỌ.

Tôi nghe nói, trời có bốn mùa thì đất mới tốt được. Người có bốn đức đều để giúp điều tín thi hành. Nếu đất không tốt, tín không đủ thì đạo trời mất mà việc người thiếu sót. Cho nên ngôi hoàng cực phải ở giữa đất, mà sinh linh thì phải lấy tín làm thực. Có thế, rồi sau trời cùng người làm

việc mới đích đáng được. Tôi tuy thiếu siêng năng, nhưng cũng vì có thế mà vẫn được đủ trước sau với đại nhân. Tại sao đại nhân, trước thì nói hòa, hẹn biểu tiến đi là lui quân, mà nay : sứ đã đi, người tiễn sứ đã về, còn quân lui hay không lui, chưa thấy bàn. Ngài lại có nói: cho thổ nhân được ra cả ngoài thành, thế mà mấy tháng nay không thấy một ai được ra cả. Không biết đại nhân tâm ra sao. Sách xưa có chép: Không có tin thì không đứng được ở đời. Cho nên đấng vương giả không dối thiên hạ, vị Bá giả không dối bốn nước chung quanh. Tín còn quý chuộng đến thế. Đại nhân khi tai còn nghe thấy, tâm còn nghĩ đến, việc làm còn dùng, như thế có việc gì là không xong. Vậy dối dân sao được, bỏ chữ tín sao được.

Thư tới, xin cúi xuống, khoan dung soi xét. Thư không hết lời.



再與王通書

僕聞人有驅鷹犬，操網罟以入山澤，而語人曰：吾非獵與漁，是雖喙川尺不可以自解，不若放鷹犬棄網罟，而人自信之矣。前者累奉書，示，欲照太宗初征交趾，詔書內許立陳氏子孫事理，及令上表求封退軍回京，赦安南罪。語其初，人人莫不懽忭信服，後見城中增樹柵壘修整戰器，人人尋復驚疑，雖以僕得大人之恩厚，如天地之覆載，尚有所憾，况其他乎，大人謂非獵與漁，但未肯放鷹犬，棄網罟使而人之信也。昨者因邱温抱愠之人，搜出宣德元年十二月初十日所差土官武閑齎本，及本月十六日，續差土人徐誠竟本等。讀本中意語，方知大人之德，猶天地之於萬物，洋洋乎發育，生意潛施，而萬

物不之覺也。前書責僕不能敬
事天地父母，僕不自知，負罪
深重，徒切兢惶，量大人必垂
容恕，能即止初無求備之心。
僕又讀本中所謂不以一隅之地
而爲天下之勞，此論誠爲的對，
使人人皆同此心，則天下必無
事矣，其鎮守內官及三司少官
徐以會議相內外，不知朝廷大
臣徒長計却議復如何，大人果
能盡誠心，若前書所議，謂奉命
之日，得以便宜行事。及不得命
先回等語，便當決成歸志，一以
解兵釋怨爲天下生靈之幸，一
以引君當道，以揚天下後世之
名。何必復請數萬官軍以護援，
宜更回還腹裏，不如放鷹犬棄
網罟之爲愈也，前言幸能不食，
僕當掣開歸路，凡前途橋梁糧
餉供給，請悉備辦以俟，藝安
順化新平及前衛城等軍並秋毫
無犯，惟大人之命是遵。彼此

嫌 疑 一 皆 冰 释。 皇 天 后 土 在 上 臨。 違 是 約 者， 神 明 殛 之。 伏 惟 大 人 俯 垂 裁 察。

Phiên âm

TÁI DỮ VƯƠNG THÔNG THƯ.

Bộc văn, nhân hữu khu ưng khuyển, thao võng cổ dĩ nhập sơn trạch, nhi ngữ nhân viết : Ngô phi lạp dữ ngư. Thị tuy uế tam xích bất khả dĩ tự giải. Bất nhược phóng ưng khuyển, khí võng cổ, nhi nhân tự tín chi hỹ. Tiên giả, lũy phụng thư. Thị : Dục chiếu Thái Tôn, sơ chinh Giao Chỉ, chiếu thư nội, hứa lập Trần thị tử tôn sự lý, cập linh thượng biểu cầu phong, thoái quân hồi Kinh, xá An Nam tội. Ngữ kỳ sơ, nhân nhân mạc bất hoan biện tín phục. Hậu kiến : thành trung tăng thụ sách lũy, tu chỉnh chiến khí, nhân nhân tầm phục kinh nghi. Tuy dĩ dĩ bộc đắc đại nhân chi ân hậu, như thiên địa chi phú tái, thượng hữu sở hám, huống kỳ tha hồ. Đại nhân vị, phi lạp dữ ngư, đãn vị khẳng phóng ưng khuyển, khí võng cổ, nhi sử nhân chi tín dã. Tạc giả, nhân Khưu Ôn bão uấn chi nhân, sưu xuất Tuyên Đức nguyên niên, thập nhị nguyệt, sơ thập nhật, sở sai Thổ quan Vũ Nhàn quán bản cập bản nguyệt thập lục nhật tục sai thổ nhân Từ Thành quán bản đẳng, độc bản-trung ý ngữ, phương tri đại nhân chi đức, do thiên địa chi ư vạn vật, dương dương hồ phát dục sinh ý, tiềm thi, nhi vạn vật bất tri giác dã. Tiền thư trách bộc bất năng kính sự thiên địa phụ mẫu,

Bộc bất tự tri, phụ tội thâm trọng; đồ thiết cạnh hoàn. Lượng đại nhân tất thùy dung thứ. Năng tức chỉ sơ vô cầu bị chi tâm. Bộc hựu độc bản trung sở vị bất dĩ nhất ngung chi địa nhi vi thiên hạ chi lao. Thử luận thành vi đích xác. Sử nhân nhân giai đồng thử tâm, tắc thiên hạ tất vô sự hỹ, Kỳ Trấn Thủ, nội quan, cập tam Tư các quan từ, dĩ hội nghị tướng nội ngoại, bất tri triều đình đại thần đồ trường kế khước nghị phục như hà. Đại nhân quả năng khai thành tâm, nhược tiền thư sở nghị, vị, phụng mệnh chi nhật đắc dĩ tiện nghi hành sự, cập bất đãi mệnh tiên hồi đẳng ngữ, tiện đương quyết thành quy chí, nhất dĩ giải binh thích oán, vi thiên hạ sinh linh chi hạnh, nhất dĩ dẫn quân đương đạo, dĩ dương thiên hạ hậu thế chi danh, hà tất phục thỉnh sổ vạn quan quân dĩ hộ viện, nghi cánh hồi hoàn phúc ký, bất như phóng ưng khuyển, khí võng cổ chi vi dũ dã. Tiền ngôn hạnh năng bất thực, bộc đương xế khai quy lộ, phàm tiền đồ kiều lương, lương hướng cung cấp, thỉnh tất bị biện dĩ sĩ.

Nghệ An Thuận Hóa, Tân Bình, cập tiền Vệ thành đẳng quân tịnh thu hào vô phạm. Duy đại nhân chi mệnh thị tuân. Bỉ thử hiềm nghi, nhất giai băng thích. Hoàng thiên hậu thổ tại thượng giám lâm. Vi thị ước giả, thần minh cức chi. Phục duy đại nhân phủ thùy tài sát.

Dịch nghĩa ;

LẠI GỬI THƯ CHO VƯƠNG THÔNG.

Tôi nghe nói : Người có đem chim ưng, chó săn vào rừng, đem chài lưới vào đầm mà cứ nói là tôi không đi săn

chim, đi đánh cá, thì có khua môi khua mỏ đến đâu cũng không ai tin. Bất nhược, đem thả chó, thả chim, bỏ lưới bỏ chài, thì người ta tin ngay, Trước kia nhiều lần được thư ngài bảo ngài muốn cứ theo chiếu Thái Tôn ban đầu chinh phạt nước Giao Chỉ, cho lập con cháu họ Trần để trông coi công việc. Rồi lại đến lúc ngài ra lệnh cho dâng biểu cầu phong xong, thì lui quân về Kinh, tha tội nước An Nam. Lời nói lúc đầu. ai nấy đều mừng rỡ tin phục. nhưng sau, thấy trong thành, rào cọc thêm, đắp lũy thêm, sửa đúc chiến cụ, thì ai nấy đều kinh nghi. dù cho, tôi có được đại nhân thường ban ân, to như ân trời đất, mà cũng còn e sợ. Đại nhân nói là không phải để săn chim, bắt cá, thì sao chưa chịu thả chim ưng, chó săn, bỏ chài lưới đi để cho người ta tin. Bữa trước, nhân bọn thổ quan xứ Khâu Ôn, có được cho coi lệnh Tuyên Đức năm đầu, tháng 12, ngày mùng 10, sai thổ quan thuộc viên là Vũ Nhàn. và lệnh vừa tháng này, ngày 16, tiếp sai thổ quan thuộc viên Từ Thành, Đọc hai bản văn, xét ý thì biết đức của đại nhân, như trời đất đối với vạn vật, săn sóc chăm nom, yên lặng ban phát, vạn vật biết sao được. Thư trước, ngài trách tôi không biết kính sợ trời đất, cha mẹ. Tôi không tự biết, bị tội rất lớn chỉ còn sợ hãi, lượng trên trông xuống khoan thứ, không còn dám quá mong nữa. Tôi lại đọc thêm đoạn nói rằng không nên vì một đống đất mà làm cho thiên hạ khó nhọc. Luận bình thế là đích xác lắm. Nếu khiến được cho ai nấy đều cùng tâm trí ấy, thì thiên hạ tất nhiên là vô sự. Các quan trấn thủ, các quan trong ba ty, các quan trong ngoài, thường nghị bàn mọi việc, nào ai biết được các đại thần chốn triều đình nghĩ sao. Đại nhân quả thực biết mở ruột gan, cứ y

như thư trước đề nghị, bảo là ngày phụng mệnh ra đi, là được tùy nghi quyết việc, không cần phải đợi mệnh nữa. Mà ngài thì quyết ý giải binh, một là để cởi mối thù oán, gây phúc may cho thiên hạ hai là để đưa vua vào con đường chính, được tiếng hay về sau. Có cần gì xin ít quân cứu viện cho ở quanh mình, sao bằng thả chim ưng, thả chó săn, bỏ chài lưới có hay hơn không. Lời trước, may mà không bị ăn lời. Tôi đương cho sửa cầu cống, đường về, lương thực sẽ được cung cấp, tất cả biện sẵn để đợi. Các quân sĩ từ các nơi Nghệ An, Thuận Hóa, Tân Bình ra đi không bị tơ hào, vi phạm. Chỉ nghe có một mệnh của đại nhân mà thôi. Bao nhiêu mối hiềm nghi đều tan như băng tuyết. Giời cao đất dày xét soi, hiển thấu. Hễ trái ước là bị thần minh diệt.

Ngửa trông đại nhân cúi xuống xét soi.



與打忠梁汝笏帖

書奉鎮守西都城都指揮打公大參政梁公足下。我與公等，前日交約有素，天地鬼神想已證明在上，豈期今日便成睽離。今迹其所爲，皆出於爲國忘軀，非有私故也。然所貴乎君子者，貴乎識時達變而已，且天運循環無往不復，自古及今莫不皆然。安南昔爲中國之所侵占者，自秦漢而下況天之所以限南北者高山大川之封域已定，雖彊如秦，富如隋，豈可以勢力遏之哉。且以今日之事勢論之，如新平，順化，義安，演州及三江至雲市橋，昌江邱温，前衛等城，其中智勇之將，謀畧之士豈無其人，而城池非不高且深，糧儲豈不爲多，兵守豈不爲困，然皆已開門釋甲，共携妻子而與我相會。似爲期日班師回京，而公等乃執守故常，不達事變之宜。欲以數仞之城，而拘留久役思歸之士。謂可以度日自娛而不顧數千之性命，是豈仁者

之所為哉，今我如選取清化演州，及
西都諸路，只三四萬周旋城下，蓋不
過時刻之間，灰飛竹破，到此時節，
公等欲保全妻子性命，豈不難哉。今
為公等計，莫如早棄甲兵，出城與蔡
都督等軍，陸續回去，以還我安南境
土。使彼此兩便，豈不善哉。如或不
然，末之何也已。

Phiên âm

DỮ ĐẢ TRUNG. LƯƠNG NHỮ HỐT THƯ.

Thư phụng Trấn Thủ Tây Đô thành Đô, Chỉ Huy, Đả Công, Đại Tham Chính, Lương Công túc hạ, Ngã dữ công đẳng tiền nhật giao ước hữu tố. Thiên địa quỷ thần tưởng dĩ chứng minh tại thượng. Khởi kỳ kim nhật sử thành Khuê, Ly. Kim tích kỳ sở vi, giai xuất ư vị quốc vong khu, phi hữu tư cố dã. Nhiên sở quý hồ quân tử giả, quý hồ thức thời, đạt biến nhi dĩ. Thả, thiên vận tuần hoàn, vô vãng bất phục. Tự cổ cập kim, mạc bất giai nhiên. An Nam tích vi Trung quốc chi sở xâm chiếm giả, tự Tần, Hán nhi hạ. Huống thiên chi sở dĩ hạn nam bắc giả, cao sơn đại suyên chi phong vực dĩ định, tuy cường như Tần, phú như Tùy, khởi khả dĩ thế lực sính chi tai. Thả dĩ kim nhật chi sự thế luận chi, Như Tân Bình, Thuận Hóa, Nghệ An, Diễn Châu, cập Tam Giang, Chí Linh, Thị Kiều, Xương Giang, Khưu Ôn, tiền vệ đẳng thành, kỳ trung, Trí dũng chi tướng, mưu lược chi sĩ, khởi

vô kỳ nhân. Nhi thành trì phi bất cao thả thâm. Lương trừ khởi bất vi đa. Binh thủ khởi bất vi cố. Nhiên giai dĩ khai môn, thích giáp, cộng huề thê tử, nhi dữ ngã tương hội, định vi kỳ nhật ban sư hồi Kinh. Nhi công đẳng nãi chấp thủ cố thường, bất đạt sự biến chi nghi, dục dĩ sồ nhẫn chi thành nhi câu lưu cửu dịch tư quy chi sĩ. Vị khả dĩ độ nhật tự ngu, nhi bất cố sồ thiên chi tính mệnh. Thị khởi nhân giả chi sở vi tai. Kim ngã như tuyển thủ Thanh Hóa, Diễn Châu, cập Tây Đô chư lộ chỉ tam tứ vạn, chu toàn thành hạ, cái bất quá thời khắc chi gian, hôi phi trúc phá. Đáo thử thời tiết, công đẳng dục bảo toàn thê tử, tính mệnh, khởi bất nan tai. Kim vi công đẳng kế, mạc như tảo khí giáp binh, xuất thành, dữ Sái Đô Đốc đẳng quân, lục tục hồi khứ, dĩ hoàn ngã An Nam cảnh thổ, sử bỉ thử lưỡng tiện, khởi bất thiện tai. Như hoặc bất nhiên, mạt chi hà dã dĩ.

Dịch nghĩa

THƯ GỞI CHO ĐẢ TRUNG, VẢ LƯƠNG NHỮ HỐT.

Thư trình Trấn Thủ Tây đô Thành Đô, Chỉ Huy Đả Công, và Đại Tham Chính Lương Công.

Tôi cùng các ông trước kia biết nhau lắm. Có trời đất quỷ thần chứng minh. Có ngờ đâu ngày nay thành ra chia cách. Xét lại việc đã làm là do ý vì nước, quên mình, chứ không phải vì cớ riêng. Nhưng người quân tử được quý là chỉ ở chỗ biết thời, chỉ ở chỗ biết xử biến mà thôi. Vả lại vận trời tuần hoàn, có đi thì phải có lại, từ xưa tới nay vẫn thế. Nước An Nam xưa bị nước Trung Hoa xâm chiếm là từ các đời Tần, Hán về sau. Thế mà trời đã hạn định cho nam bắc, cương

giới có núi cao sông rộng. Dù cho có mạnh như đời Tần, có giàu như đời Tùy, thì đâu có lấy thế lực mà áp bức được. Vả lại cứ lấy sự thế ngày nay mà luận bàn. Thì như các xứ Tân Bình, Thuận Hóa, Nghệ An, Diễn Châu Tam Giang Chí Linh, Thị Kiều, Xương Giang, Khưu Ôn, các thành quách giữ gìn các nơi đó há chẳng có tướng tá trí dũng, có văn thần mưu lược, thế tất cũng có người, thành không phải cao, hào không phải sâu, lương trữ không phải không nhiều, binh lính không phải không chắc chắn, thế mà đều mở cửa thành, bỏ giáp, dắt cả vợ con tới hội với tôi định ngày ban sư về Kinh. Còn như lũ các ông thì cố giữ như thường, không hiểu việc, không biết sử biến, muốn đem vài bức tường thành mà giữ lại quan quân đã bị ở lâu chưa được về nước. Cứ cố gượng vui qua ngày qua tháng, không nghĩ đến tính mệnh mấy ngàn người. Người có đức nhân liệu có cử chỉ đó không.

Nay nếu như tôi kén lấy ở Thanh Hóa, Diễn Châu cùng các lộ phía Tây Đô, lấy độ ba bốn vạn cho bao quanh thành thì chỉ một thời gian là xong việc, gió bay trúc phá. Lúc đó, các ông có muốn giữ cho vợ con được yên thân, e khó lắm.

Nay bàn cùng các ông, không gì bằng, sớm bỏ binh giáp, ra ngoài thành cùng với quân các ông Sái Đô Đốc, rồi lần lượt kéo nhau về, để trả lại đất đai nước An Nam tôi, để cả hai bên đều tiện lợi. Như thế có hay không. Nếu không như thế, thì chưa biết rồi sẽ tới đâu.



再與王通書

書奉總兵官大人。僕聞誠於愛物者，天地之心。誠於愛子者父母之心。愛物不誠則生生有時而息。愛子不誠則慈愛有時而虧。是以天地之於萬物，父母之於赤子，不過一誠而已。昨日奉書責以不能敬事天地父母。然僕觀大人前日所爲，並非天地父母之道。其於處人處己之間，果何如耶。必如張子以責人之心責己方可謂之盡道矣。前日東關地窄，將城中軍人先行發回，及清化追襄軍人陸續發去。今却欲蔡都督過江相會，而責僕以不信，豈不謬哉。夫所行不義而厚誣於人，非君子之所存心也。末復以胡氏身喪國亡爲喻。夫胡氏不道則弔伐之師固不可緩。然不能興滅繼絕，而反欲窮兵黷武，使無辜之衆連年沒命於鏑，匐匐之民，比歲塗肝於草野，是豈仁人君子之存心哉。此所謂以燕伐燕，以秦攻秦者也。然前日已往，自

今以後大人畧開誠心，决成歸志，則就将城中軍人先行發回，蔡公即隨同發去，大人如或未行，蔡公安敢先舉足乎。若使僕挈開歸路，與夫修整橋梁，備辦糧草、則何難之有。僕豈有他願哉不宣。

Phiên âm :

TÁI DỮ VƯƠNG THÔNG THƯ.

Thư phụng Tổng Binh quan đại nhân. Bộc văn thành ư ái vật giả, thiên địa chi tâm. Thành ư ái tử giả, phụ mẫu chi tâm Ái vật bất thành, tắc sinh sinh hữu thời nhi tức. Ái tử bất thành, tắc từ ái hữu thời nhi khuy. Thị dĩ thiên địa chi ư vạn vật, phụ mẫu chi ư xích tử, bất quá nhất thành nhi dĩ. Tạc nhật, phụng thư trách dĩ bất năng kính sự thiên địa phụ mẫu. Nhiên bộc quan đại nhân tiền nhật sở vi, tịnh phi thiên địa phụ mẫu chi đạo. Kỳ ư sử nhân, sử kỷ chi gian, quả hà như gia. Tất như Trương Tử dĩ trách nhân chi tâm trách kỷ phương khả vị chi tận đạo hỹ. Tiền viết. Đông Quan địa trách, tương thành trung. quân nhân tiên hành phát hồi. Cập Thanh Hóa dĩ lý quân nhân lục tục phát khứ. Kim khước dục Sái Đô Đốc quá giang tương hội, nhi trách bộc dĩ bất tín, khởi bất mậu tai. Phù, sở hành bất nghĩa, nhi hậu vu ư nhân, phi quân tử chi sở tồn tâm dã. Mạt phục, dĩ Hồ thị. thân táng quốc vong vi dụ. Phù, Hồ thị bất đạo, tắc điếu phạt chi, sư cố bất khả hoãn. Nhiên bất năng hưng diệt, kế tuyệt, nhi phản dục cùng binh độc vũ. Sử vô

cô chi chúng liên niên một mệnh ư phong đích, bặc bồ chi dân, tị tuế đồ can ư thảo dã, thị khởi nhân nhân quân tử chi tồn tâm tai. Thử sở vị dĩ Yên phạt Yên, dĩ Tần công Tần giả dã. Nhiên tiền nhật ký vãng, tự kim dĩ hậu, đại nhân lược khai thành tâm, quyết thành quy chí, tắc tựu thành trung, quân nhân, tiên hành phát hồi, Sái Công tức tùy đồng phát khứ. Đại nhân như hoặc vị hành, Sái công an cảm tiên cử túc hồ. Nhược sử bộc xế khai quy lộ dữ phù tu chỉnh kiều lương, bị biện lương thảo, tắc hà nan chi hữu, Bộc khởi hữu tha nguyện tai. Bất tuyên.

Dịch nghĩa

LẠI CÓ THƯ CHO VƯƠNG THÔNG.

Thư phụng Tổng Binh quan đại nhân,

Tôi nghe nói : Lấy thành thực yêu vật là lòng của trời đất. Lấy thành thực yêu con là lòng của cha mẹ. Yêu vật mà không thành thực thì việc sinh hóa có ngày phải ngừng. Yêu con mà không thành thực, thì đức từ ái có ngày phải khuyết. Thế cho nên, trời đất đối với muôn vật, cha mẹ đối với con đỏ, bất quá chỉ là thành mà thôi. Bữa trước, được thư trách là không biết kính thờ trời đất cha mẹ. Nhưng tôi coi công việc của đại nhân, bữa trước, đều không theo đúng đạo trời đất, cha mẹ. Thế thì đối với mình, đối với người còn ra thế nào. Tất phải như Trương Tử, xưa có lấy tâm trách người mà đem trách mình mới có thể cho là đúng đạo được. Bữa trước, nói là vì Đông Quan, đất chật hẹp, mới sắp cho quân trong thành được kéo

về trước tiên, rồi đến quân các xứ Thanh Hóa lục tục theo sau. Nay lại muốn Sái Đô Đốc qua sông cùng hội, thế mà lại giám trách tôi là bật tín, như thế, có sai, có bậy không. Xét mình làm bất nghĩa mà vu tội vạ cho người, thế không phải là bản tâm người quân tử. Ngay gần đây, lấy chuyện họ Hồ bị chết, nước bị mất làm ví dụ. Hồ thị mà vô đạo, thì quân cho đi điếu phạt là cần, chứ không nên dùng dằng. Nhưng hưng lại nước bị diệt đã không xong, nối lại việc bị đứt đã không thành, mà lại còn phô vũ, dương uy, làm cho dân chúng luôn năm sa vào mũi tên, lưỡi kiếm vùi thây nơi thảo dã, như thế có phải là bản tâm quân tử không. Thế là lấy Yên đánh Yên, lấy Tần đánh Tần.

Tuy nhiên bữa trước, thời đã qua rồi, từ nay trở đi, đại nhân xin mở rộng thành tâm, quyết cho quân về, cho quân trong thành đi trước, rồi đến Sái Công theo ngay. Đại nhân nếu còn chưa đi, thì Sái Công đâu dám đi trước. Còn như bảo tôi mở đường, dựng lại cầu cống, tích đủ lương thảo, thì có gì là khó cho tôi. Tôi đâu có ý khác. Thư không hết lời.



再與太監山壽書

書奉太監山老大人，僕竊惟平昔之恩過於海岳，而僕之報補幾涓埃，以此恩之深有相感，前者奉書，已自明言請大人與總兵官之意，固欲和解以免兩國干戈之苦，奈以方馬細人之言，或以一旦國壞，故僕之軍下頭目，或歸怨於僕，自不聽僕告戒。昨日之事，僕初不知也，僕豈敢遽忘前議，而欲害大人耶。且是非曲直信不能逃人心之靈，諺有之曰：如人飲水冷煖自知，今者和議之成不成，信義之失不失，非僕之過也。前者，所獲馬三百匹，軍一千人，秋毫無傷缺。其被殺者，俱是臨時對敵，蓋出於不得已焉耳。若能復尋舊約如總兵官所言，不待命而就行則前

日所獲軍馬及進襄各衛所軍人，
今俱在此，惟大人之命是聽，
未審大人如何處置。若其不然，
而猶惑於方馬之計，雖以大人父母之
恩必不能愛育其子，而僕不得服事大
人以盡爲子之道，惟大人恕責是幸。
不宣

Phiên âm

TÁI DỮ THÁI GIÁM SƠN THỌ THƯ.

Thư phụng Thái Giám Sơn lão đại nhân. Bộc thiết duy bình tích chi ân, du ư hải nhạc, nhi bộc chi báo bồ miệt hữu quyên ai. Dĩ thử ân chi thâm hữu tương cảm, tiền giả phụng thư dĩ tự minh, ngôn vị đại nhân dữ Tổng Binh quan chi ý, cố dục hòa giải dĩ miễn lưỡng quốc can qua chi khổ. Nại dĩ Phương, Mã tế nhân chi ngôn, hoặc dĩ nhất đán quốc hoại, cố bộc chi quân bạ đầu mục, hoặc quy oán ư bộc, tự bất thính bộc cáo giới.

Tạc nhật chi sự, bộc sơ bất tri dã. Bộc khởi cảm đệ vong tiền nghĩa, nhi dục hại đại nhân gia. Thả, thị phi, khúc trực, tín đất năng đào nhân tâm chi linh. Ngạn hữu chi viết: Như nhân ẩm thủy lãnh noãn, tự tri. Kim giả, hòa nghị chi thành, bất thành, tín nghĩa chi thất, bất thất, phi bộc chi quá dã. Tiền giả, sở hoạch mã, tam bách thất, quân, nhất thiên nhân, thu hào vô thương khuyết, kỳ bị sát giả, câu thị lâm thời đối địch, cái xuất

ư bất đắc dĩ yên nhĩ. Nhược năng phục tầm cựu ước, như Tổng Binh quan sở ngôn, bất đãi mệnh nhi tựu hành, tắc tiền nhật sở hoạch quân mã. cập dĩ lý các vệ sở quân nhân, kim câu tại thử, duy đại nhân chi mệnh thị thính, vị thẩm đại nhân như hà xử trí. Nhược kỳ bất nhiên, nhi do hoặc ư phương, Mã chi kế, tuy dĩ đại nhân phụ mẫu chi ân, tất bất năng ái dục kỳ tử, nhi bộc bất đắc phục sự đại nhân dĩ tận vi tử chi đạo. Duy đại nhân thứ trách, thị hạnh. Bất tuyên.

Dịch nghĩa:

LẠI CÓ THƯ CHO THÁI GIÁM SƠN THỌ

Thư phụng Thái Giám Sơn lão đại nhân,

Trộm nghĩ, ơn trước, sâu hơn bể, cao hơn núi, mà tôi chưa báo đáp được lấy chút tóc tơ. Cho rằng ơn sâu thường có tương cảm, cho nên trước kia, trong thư có nói rõ là đại nhân cùng quan Tổng binh cùng một ý kiến, vốn muốn hòa giải cho hai nước khỏi bị khổ can qua. Nhưng sao lại đi nghe kẻ tiểu nhân, làm hại việc nước, tức là bọn Mã, Phương. Cho nên hạng tỳ tướng của tôi có vẻ oán, như là không để ý đến lời tôi răn bảo nữa. Việc ngày hôm trước, tôi, lúc đầu không biết, vì tôi đâu dám quên các điều ước trước, mà lại hại đại nhân. Vả lại, trái phải, cong ngay, tránh đâu được linh tính con người. Tục ngữ có câu: Người ta uống nước, nóng nguội phải tự biết. Ngày nay, việc hòa nghị thành hay không thành, tín nghĩa mất hay không mất, thì không phải là lỗi ở tôi.

Bữa trước có bắt được 300 ngựa, 1000 nghìn quân, tơ hào không thương tổn. Còn như kẻ bị giết, là trong khi hai quân

đối địch, cũng là việc bất đắc dĩ. Nếu như lại theo được ước cũ, y như quan Tổng Binh đã nói, tức là không đợi mệnh, mà cứ lui quân, như thế thì quân mã, quân cụ, các Vệ Sở bị bắt bữa trước, vẫn còn nguyên đó, tùy đại nhân ra lệnh. Không biết đại nhân định xử trí ra sao. Nếu không như thế, nếu lại cứ theo kế bọn Phương, Mã thì tuy ân đại nhân là ân cha mẹ, nhưng đại nhân cũng không thi thố từ ái được nữa, mà tôi cũng không phục sự đại nhân cho hết đạo làm con. Đại nhân rộng xét cho là may. Thư không hết lời.



喻刁鴞城土官書

昔人有言曰烏反歸故鄉。狐死必首丘。禽獸尚爾，況於人乎。卿等本皆西越之人，衣冠之族，頃因胡氏失德，吳賊憑凌，或身陷於虜庭，或名縻於偽職，勢非得已，豈其本心。上帝哀念，假手于我，代天行化，太師衛國公（史記，丁未諸將推尊帝為代天行化。自是榜諭多以稱之）吊民伐罪，恢復基圖，王師所加。義聲載路，四方之民莫不襁負而至也。卿等若能洗心滌慮，去逆歸順，或居為內應或挺身出降，非特雪其前恥，亦必蒙其降鑒，我不食言。若復戀顧偽職，抗拒王師，城陷之日，罪浮於吳矣。

Phiên âm

DỤ ĐIÊU HẢO THÀNH THỔ QUAN THƯ.

Tích nhân hữu ngôn viết : Ô phản quy cố hương, hồ tử tất thủ khưu. Cầm thú thượng nhĩ, huống ư nhân hồ. Khanh

đẳng bản giai Tây Việt chi nhân, y quan chi tộc. Khoảnh nhân, Hồ thị thất đức, Ngô tặc bằng lăng, hoặc thân hẳm ư lỗ đình, hoặc danh mi ư ngụy chức, thế phi đắc dĩ, khởi kỳ bản tâm. Thượng đế ai niệm. dả thủ ư ngã, đại thiên hành hóa. Thái Sư Vệ Quốc Công, (Sử, ký : Đinh mùi, chư tướng suy tôn đế vi đại thiên hành hóa. Tự thị bảng dụ đa dĩ xưng chi). Điếu dân phạt tội, khôi phục cơ đồ. Vương sư sở gia, nghĩa thanh tải lộ. Tứ phương chi dân, mạc bất cưỡng phụ nhi chí dã. Khanh đẳng nhược năng tẩy tâm, địch lự. khứ nghịch quy thuận, hoặc cư vi nội ứng, hoặc đĩnh thân xuất hàng, phi đặc tuyết kỳ tiền sỉ, diệc tất mong kỳ hàng giám. Ngã bất thực ngôn. Nhược phục luyến cố ngụy chức, kháng cự vương sư, thành hãm chi nhật, tội phù ư Ngô hỹ.

Dịch nghĩa :

THƯ DỤ CÁC QUAN ĐỊA PHƯƠNG THÀNH ĐIÊU HÀO.

Người xưa có nói rằng : Quạ bay về đất cũ, Hồ chết tựa đầu vào gò. Cầm thú còn thế, huống chi người. Các khanh vốn là người Việt phương tây, giòng họ mũ áo cân đai. Bỗng gặp họ Hồ thất đức, giặc Ngô lăng loàn. Hoặc bị bắt tới nơi giặc, hoặc nhận chức quan của giặc, đều là thế bất đắc dĩ, chứ không phải tự bản tâm. Thượng Đế thương sót nhờ tay ta, thay giời làm việc, quyền Thái Sư Vệ Quốc Công (Sử ký : năm đinh mùi, các tướng suy tôn vua làm Đại Thiên Hành Hóa, từ đó bảng yết, chiếu dụ phần nhiều dùng danh từ đó). Giúp dân trị kẻ có tội; khôi phục cơ đồ. Vương sư tới đâu, tiếng nghĩa vang lừng, dân bốn phương dìu dắt, bồng bế nhau tới. Các khanh nếu như gột tâm rửa óc, bỏ nghịch theo thuận, hoặc ở lại làm nội ứng, hoặc nhất quyết ra hàng, thì không những là rửa được nhục trước, mà còn được xét soi về việc hàng. Ta nói, không có ăn nhời. Nếu còn lưu luyến về chức của giặc cho, mà chống lại vương sư, thì, đến khi thành bị hãm, tội nặng hơn giặc Ngô.



諭北江城書

書示北江城中將校官員軍人等，余聞人有南北道無彼此。仁人君子無處無之。我安南雖逖嶺外，而號爲詩書之邦。其智謀才識之士，世不乏人。是以凡我所行之事，莫非動循禮義，應天順人，前者總兵官成山侯，自寧橋挫衄之後，令人致書約以和解，我上得盡敬順朝廷之心，下免爲兩國干戈之苦，所言一一聽從，彼又令我差人進表求封，謂進表之後，隨即退軍。及表既行，而軍不退。又增樹柵壘，繕脩器械，自謂深爲得計，背約無信。一至於此，今者清化，演州迤裏等處衛軍，俱己一齊到此。凡軍人妻子財物，秋毫無犯。今爲爾計，莫如出城與恭督軍決爲歸計，以活城中數千人之性命，我等嘗觀古人之得失，如秦之白起，楚之項羽，殺降背約，我等決不爲此。爾其寬心，請勿富疑以敗乃事。汝若謂城高池深糧食又多，則清化，義演等處，城非不高池非不深，糧非不多，

兵非不彊，而蔡都督兵非不精，官非不大，智非不明，而猶隨時達變，以全數萬人之性命。而爾等乃欲固守。虛議以取實禍，豈不謬哉。且我觀爾國只今內有蕭墻之憂，外有北邊之彊寇，而大臣倖位，政由下出。旱煌連年，盜賊蜂起，其爲喪亂，豈不前知，智者觀事於未形而何爾等見幾之不早。乃欲若是自苦耶。爾等若能出城，與我和親，則我視汝義猶兄弟骨肉，豈特保全妻子性命而已。如其不然則任汝所爲，旦夕之間會相見，爾到此時節，悔將無及。爾思之。

Phiên âm

DỤ BẮC GIANG THÀNH THƯ.

Thư thị Bắc Giang thành trung, tướng hiệu quan viện quân nhân đẳng. Dư văn, nhân hữu nam bắc, đạo vô bỉ thử, nhân nhân quân tử vô xứ vô chi. Ngã An Nam tuy địch Lĩnh ngoại, nhi hiệu vi thi thư chi bang. Kỳ trí mưu tài thức chi sĩ, thế bất phạp nhân. Thị dĩ phàm ngã sở hành chi sự, mạc phi động tuần lễ nghĩa, ứng thiên thuận nhân.

Tiền giả, Tổng Binh quan, Thành Sơn Hầu, tự Ninh Kiều tọa mục chi hậu, linh nhân chí thư ước dĩ hòa giải, Ngã thượng

đắc tận kính thuận triều đình chi tâm, hạ miễn vi lưỡng quốc can qua chi khổ, Sở ngôn nhất nhất thính tòng. Bỉ hựu linh ngã sai nhân tiến biểu cầu phong. Vị tiến biểu chi hậu, tùy tức thoái quân. Cập biểu ký hành, nhi quân bất thoái, hựu tăng thụ sách lũy, thiện tu khí giới, tự vị thâm vi đắc kế. Bội ước vô tín, nhất chí như thử, Kịm giả, Thanh Hóa, Diễn Châu, dĩ lý đẳng xứ vệ, quân, cấu dĩ nhất tề đáo thử, Phàm quân nhân, thê tử, tài vật, thu hào vô phạm.

Kịm vi nhĩ kế, mạc như xuất thành, dữ Sái Đốc quân quyết vi quy kế dĩ hoạt thành trung sổ thiên nhân chi tính mệnh, Ngã đẳng thường quan cổ nhân chi đắc thất, như Tần chi Bạch Khởi, Sở chi Hạng Vũ, sát hàng, bội ước, ngã đẳng quyết bất vi thử, nhĩ kỳ khoan tâm, thỉnh vật súc nghi, dĩ bại nãi sự. Nhữ nhược vị thành cao, trì thâm, lương thực hựu đa, tắc Thanh Hóa, Nghệ, Diễn đẳng xứ thành phi bất cao, trì phi bất thâm, lương phi bất đa, binh phi bất cường, nhi Sái Đô Đốc binh phi bất tinh, quan phi bất đại, trí phi bất minh, nhi do tùy thời đạt biến, dĩ toàn sổ vạn nhân chi tính mệnh. Nhi nhĩ đẳng nãi dục cố thủ, hư nghị dĩ thủ thực họa, khởi bất mậu tai. Thả ngã quan nhĩ quốc chỉ kim, nội hữu tiêu tường chi thâm ưu, ngoại hữu bắc biên chi cường khấu, nhi đại thần hạnh vị, chính do hạ xuất, hạn hoàn liên niên, đạo tặc phong khởi, kỳ vi táng loạn, khởi bất tiền tri. Trí giả quan sự ư vị hình, nhi hà nhĩ đẳng kiến cơ chi bất tảo, nãi dục nhược thị tự khổ gia. Nhĩ đẳng nhược năng xuất thành, dữ ngã hòa thân, tắc ngã thị nhữ, nghĩa do huynh đệ cốt nhục, khởi đặc bảo toàn thê tử tính mệnh nhi dĩ. Như kỳ bất nhiên, tắc nhiệm nhữ sở vi. đản tịch chi gian, hội tương kiến nhĩ. Đáo thử thời tiết, hối tương vô cập. Nhĩ kỳ tư chi.

Dịch nghĩa

THƯ DỤ THÀNH BẮC GIANG

Thư bảo cho quan viên, tướng hiệu, quân nhân trong thành Bắc-Giang. Ta nghe nói: Người, có người xứ nam, người xứ bắc. Đạo thì không có đạo nọ, đạo kia. Hạng người có đức nhân, hạng người quân tử, thì không đâu là không có. Nước An Nam tuy xa ngoài núi ngũ Lĩnh mà vẫn gọi là nước Thi thư, hạng trí mưu tài thức, thời nào cũng có. Thế cho nên, chúng ta đây, phàm làm việc gì, cũng theo đúng lễ nghĩa, theo trời, thuận người.

Trước kia quan Tổng Binh, Thành-Sơn Hầu, sau trận đổ huyết ở Ninh Kiều, có sai người đưa thư, hẹn ước ngày hòa giải. Ta trên thì được kính theo ý triều đình, dưới thì đỡ cho hai nước cái khổ can qua, cho nên đề nghị điều gì là ta nghe cả. Họ lại bảo ta làm biểu cầu phong mà hẹn rằng sau khi tiến biểu, là lập tức lui quân. Vậy khi biểu đã đi, quân không thấy lui. Đã thế lại còn đóng thêm cọc, đắp thêm lũy, đúc thêm chiến cụ, cho là kế hay. Bội ước. bội tín đến như thế.

Ngày nay, quân các xứ, các vệ, các sở, Thanh Hóa Diễn Châu, đều nhất tề đến nơi cả, phàm vợ con, của cải của quân nhân, ta không cho tơ hào tới. Bây giờ kế hay nhất là các ngươi rút ra khỏi thành, cùng với quân Sái Đô Đốc quyết soạn đường về, để cứu sống mấy nghìn tính mệnh quân trong thành. Ta thường coi các việc cổ, kim, được cũng mất mà xét nghiệm, như Tần có Bạch khởi, Sở có Hạng Vũ, bội lời ước, giết quân hàng. Chúng ta đây không thế đâu. Các ngươi yên tâm, chớ có nghi ngại, mà hại việc các ngươi

Các ngươi nếu cho rằng thành cao, hào sâu, lương nhiều, thì Thanh Hóa, Nghệ An, Diễn Châu, thành không phải không cao, hào không phải không sâu, thóc không phải không nhiều, binh không phải không mạnh, Sái Đô Đốc, quân không phải không giỏi, tướng tá không phải không nhiều, ấy thế mà còn biết theo thời, biến đổi để được toàn tính mệnh mấy vạn quân.

Nay lũ ngươi thì lại muốn cố thủ, mưu thì hư, mà họa thì thực. Thế có phải là nhầm không. Vả lại ta xét nước ngươi ngày nay, trong nước ngay nơi cung đình có mối rất lo, ngoài bắc biên thì có giặc mạnh, đại thần chỉ biết ngồi yên giữ chức vị, chính trị là ở kẻ dưới đưa ra. Luôn năm đại hạn, cùng họa sâu lúa, giặc cướp nổi lên như ong, cái cơ tán loạn, sao mà không trông thấy. Người có trí, nhìn thấy việc ở lúc việc chưa hình hiện, mà sao lũ ngươi chậm thấy như thế, đến nỗi lại còn muốn mình làm khổ mình nữa. Các ngươi nếu ra được khỏi thành, cùng ta hòa thân thì ta coi như anh em, ruột thịt, đâu phải chỉ riêng có lợi bảo toàn tính mệnh vợ con thôi.

Nhược bằng không như thế, thì ta sẽ coi các ngươi làm được những gì trong khoảng sớm chiều là gặp nhau. Lúc đó thì các ngươi hối không kịp. Nghĩ cho kỹ.



諭三江城書

書示三江城中將校官員軍人等，所貴乎君子者以其能識時達變，量力處己。今者有人以鳥卵而支泰山，以螳臂而當車轍，而自謂力有餘者，亦可謂自愚之甚者矣。爾等以數百軍人獨守孤城而與我抗，是亦何異於此哉。以爾之城池，不若義安之高且深，以爾之糧儲，不若演安之富積之厚；而武勇敢死之士又不如演義平人之衆，爾之官爵又不如蔡都督之大。今演義順化新平清化前衛市橋昌江鎮江等處衛軍俱已開城出降，今見菩提樹下，蔡都督定爲日期班師回京，凡一應官軍及妻子財產並秋毫無犯。而爾惟執迷守誤，不能遠圖，何見機之不早也。凡我將士莫不欲拔登孫以先登而我猶念城中無辜之人實爲爾誤。此惟桴鼓一鳴，玉石不分。書數字爲寄。

Phiên âm

DỤ TAM GIANG THÀNH THƯ.

Thư thị Tam Giang thành trung tướng hiệu quan viên quân nhân đẳng. Sở quý hồ quân tử giả, dĩ kỳ năng thức thời, đạt biến, lượng lực sử kỷ. Kim giả, hữu nhân dĩ điểu noãn' nhi chi Thái Sơn, dĩ đường tý nhi đương xa triệt, nhị tự vị lực hữu dư giả, diệc khả vị tự ngu chi thậm giả hỹ. Nhĩ đẳng dĩ sổ bách quân nhân, độc thủ cô thành, nhi dữ ngã kháng, thị diệc hà di ư thử tai. Dĩ nhĩ chi thành trì, bất nhược Nghệ An

chi cao thả thâm. Dĩ nhĩ chi lương trù, bất nhược Diễn An chi súc tích chi hậu. Nhi vũ dũng cảm tử chi sĩ, hựu bất như Diễn. Nghệ quân nhân chi chúng. Nhĩ chi quan tước, hựu bất như Sái Đô Đốc chi đại. Kim Diễn, Nghệ Thuận Hóa, Tân Bình, Thanh Hóa, Tiền Vệ, Thị Kiều, Xương Giang, Chấn Giang, Đẳng xứ vệ quân, câu dĩ khai thành xuất hàng. Kim kiến Bồ Đề thụ hạ Sái Đô Đốc định vi nhật kỳ ban sư hồi Kinh, phàm nhất ứng quan quân cập thê tử tài sản, tịnh thu hào vô phạm. Nhi nhĩ duy chấp mê thủ ngộ, bất năng viễn đồ, hà kiến cơ chi bất tảo dã. Phàm ngã tướng sĩ mạc bất dục bạt mâu hồ dĩ tiên đăng. Nhi ngã do niệm thành trung vô cô chi nhân thực vi nhĩ ngộ. Thử duy phù cổ nhất minh, ngọc thạch bất phân. Thư sổ tự vi ký.

Dịch nghĩa :

THƯ DỤ TAM GIANG THÀNH

Thư bảo cho tướng hiệu, quan viên quân nhân thành Tam Giang được biết : Người quân tử quý nhất ở chỗ biết thời cơ, hiểu lẽ biến, lượng sức để làm việc. Nay có người lấy chứng chim chọi với núi Thái Sơn, lấy càng con bọ ngựa ra ngăn bánh xe, mà cứ cho /là còn có thừa sức, thế thì có thể cho là ngu quá. Lũ các ngươi có vài trăm quân, độc giữ cô thành, kháng cự với ta, như thế có khác gì đâu. Xét thành trì các ngươi, không cao sâu bằng thành trì Nghệ An. Lương thực các ngươi trữ không nhiều bằng lương thực ở Diễn An. Mà tướng tá vũ dũng các ngươi đông sao bằng Diễn Nghệ. Chức vị các ngươi lại không bằng Sái Đô Đốc. Nay Diễn, Nghệ, Thuận Hóa, Tân Bình, Thanh Hóa, Thị Kiều Xương Giang, Tân Giang, quân sĩ đóng ở các xứ đều mở

cửa thành ra hàng. Ở dưới ngàn Bồ Đề, Sái Đô Đốc đã định ngày ban sư về Kinh. Phàm các vợ con quan quân cùng tài sản, nhất thiết không bị tơ hào. Thế mà lũ các ngươi vẫn cứ mê muội, không biết nghĩ xa, sao xét việc chậm thế. Phàm các tướng sĩ ta, người nào lại chẳng lăm le cầm giáo mác định lên mặt thành. Nhưng ta còn ngại trong thành dân vô tội, chỉ vì lũ ngươi làm cho mê muội. Đến khi trống trận nổi lên, ngọc đá sẽ không phân biệt.

Thư mấy chữ gửi cho biết.



與王通書

（帝使人往來通所，通不納，乃爲書示之）書達總兵官成山侯釣座前，昨者奉書，未蒙報示，差人往侯，又却不與回，是大人前日言行不違之言。果何在乎。僕以小國事大國之道，宜當敦畏，凡以大人前日所言，於義弗忍絕，故累奉書不悍煩數，然卒不得所願。不知是勢使然耶。僕竊爲大人計，不如班師凱還，以解兩國干戈之苦，以免國家窮黷之禍。以成興滅，繼絕之義，以示王者一視無私之仁，上馬不負朝廷委任之隆，下馬不失將臣出困之義，使名垂史册，顧不偉哉。與其襲漢唐好大喜功之弊，豈若行仁義於吊伐之師，今乃舍此不圖，惟汲汲於築城鑿池，每日狼顧城門，偷掠柴草何至若是自苦耶，大人若謂城池險固可恃，則僕恐遠水不能救近火。若謂城中勇敢之士尚多，欲決雌雄於一戰，則僕昔在可藍茶麟之日，方公等以數萬之衆，兵彊志銳，而僕以數百父子之兵，猶能迎刃而解，以成破竹之勢，況今以演義清化，新順及東都諸路選其精銳者，不下數十萬人，則其雌雄之勢可坐而策也。然國之盛衰一關乎天，兵之彊弱不在乎多。而大人每以往日胡氏爲喻僕以今日之事，與往日不同，夫胡氏欺天虐民而僕敬天順民則理之順逆不同一也。胡氏之兵百萬，惟百萬心，僕之兵不過數十

萬，而人同一心，此不同二也。今大人孛能不以人廢言，決成歸志，今得親信之人，同山大人過江爲會。僕即退師石室清潭快州，以俟出處。如其不然，求之何也已。

Phiên âm

DỮ VƯƠNG THÔNG THƯ.

(Đế sử nhân vãng lai Thông sở, Thông bất nạp. Nãi vi thư thị chi):

Thư đạt Tổng Binh quan, Thành Sơn Hầu, quân tòa tiền. Tạc giả phụng thư, vị mông báo thị, sai nhân vãng hậu, hựu khước bất dữ. Hồi. Thị đại nhân tiền nhật ngôn hành bất vi chi ngôn, quả hà tại hồ Bốc dĩ tiểu quốc sự đại quốc chi đạo nghi đương kính úy, thả dĩ đại nhân tiền nhật sở ngôn, ư nghĩa phất nhẫn tuyệt, cố lũy phung thư bất đạn phiền sác. Nhiên tốt bất đắc sở nguyện, bất tri thi thế sử nhiên gia. Bộc thiết vi đại nhân kế, bất như ban sư khải hoàn, dĩ giải lưỡng quốc can qua chi khổ, dĩ miễn quốc gia cùng độc chi họa, dĩ thành hưng diệt, kế tuyệt chi nghĩa, dĩ thị vương giả nhất thi vô tư chi nhân, Thượng mã bất phụ triều đình ủy nhiệm chi long, hạ mã bất thất tướng thần xuất khổn chi nghĩa, sử danh thùy sử sách. Cố bất vĩ tai. Dữ kỳ tập Hán, Đường hiếu đại, hỷ công chi tệ, khởi nhược hành nhân nghĩa điếu phạt chi sư. Kim nãi xả thử bất đồ, duy cấp cấp ư trúc thành, tạc trì, mỗi nhật lang cố thành môn, du lược sài thảo, hà chí nhược thị tự khổ gia. Đại nhân nhược vi thành trì hiểm cố khả thị, tắc bộc khủng viễn thủy bất năng cứu cận hỏa. Nhược vị thành trung, dũng cảm chi sĩ thượng đa, dục quyết thư hùng ư nhất chiến, tắc bộc tích tại Khả Lam, Trà Lân chi nhật, phương công đẳng dĩ sổ vạn chi chúng, binh cường

chi nhuệ nhi bộc dĩ sồ bách phụ tử chi binh, do năng nghênh nhận nhi giải dĩ thành phá trúc chi thế. Huống kim dĩ Diễn, Nghệ, Thanh Hóa, Tân Thuận, cập Đông Đô chư lộ, tuyển kỳ tinh nhuệ giả, bất hạ sồ thập vạn nhân, tắc kỳ thư hùng chi thế, khả tọa nhi sách dã. Nhiên quốc chi thịnh suy nhất quan hồ thiên. Binh chi cường nhược bất tại hồ đa. Nhi đại nhân mỗi dĩ vãng nhật vi dụ. Bộc dĩ kim nhật chi sự dữ vãng nhật bất đồng. Phù Hồ thị khi thiên, ngược dân, nhi bộc kính thiên thuận dân, tắc lý chi thuận nghịch bất đồng, nhất dã. Hồ thị chi binh bách vạn, duy bách vạn tâm, bộc chi binh bất quá sồ thập vạn, nhi nhân đồng nhất tâm, thử bất đồng nhị dã. Kim đại nhân, hạnh năng bất dĩ nhân phế ngôn, quyết thành quy chí, linh đắc thân tín chi nhân, đồng Sơn đại nhân quá Giang vi hội, bộc tức thoái sư Thạch Thất, Thanh Đàm Khoái Châu, dĩ sĩ xuất xử. Như kỳ bất nhiên, mạt chi hà dã dĩ.

Dịch nghĩa

THƯ GỬI CHO VƯƠNG THÔNG.

(Vua sai người đi lại nơi Thông. Thông không tiếp. Mới có thư này).

Thư tới quan Tổng Binh Thành Sơn Hầu :

Hôm qua đưa thư chưa được đáp, sai người tới không được tiếp về. Thế thì hôm trước, ngôn và hành của đại nhân hứa là không trái, nay ở đâu. Tôi cứ theo đường lối nước nhỏ đối với nước lớn một mực kính sợ. Vả lại, coi đại nhân, cứ như lời nói hôm trước thì theo nghĩa, không nỡ tuyệt. Cho nên tôi nhiều lần đưa thư, không ngại phiền. Tuy nhiên, không được đúng như ý muốn. Không biết hay là thế phải như thế chăng. Tôi trộm nghĩ, như đại nhân nay, nên ban

sư khải hoàn, để giải cái khổ chiến tranh hai nước, để cho hai quốc gia khỏi tai nạn hiểm nghèo, thành được nghĩa : hưng nước diệt, nối việc đứt, để cho rõ là đứng vương giả đã nhân, không có tư vị. Người lên ngựa thì không phụ, trách nhiệm triều đình ủy cho, người xuống ngựa thì không mất cái nghĩa vị tướng đi ra khỏi điện các, còn để cho tên truyền lại sử sách. Như thế có vĩ đại không. Bắt trước làm gì thói ham thắng trận, ham kiếm công ở các thời Hán, Đường. Sao bằng cứ một tâm nhân nghĩa, dùng quân chỉ để điếu phạt thôi. Nay ngài bỏ đường lối ấy, đi đắp thành, khơi hào, mỗi ngày, nhìn ra cửa thành, trộm cướp rơm cỏ, sao mà tự khổ thân thế.

Đại nhân ví cho là thành hào kiên cố, có thể trông cậy được, thì tôi sợ nước xa không cứu được lửa gần. Lại ví như trong thành, bọn tướng sĩ, dũng cảm còn nhiều, muốn quyết một trận thư hùng, thì khi trước, tôi ở Khả Lam, Trà Lân, lúc đó ông có những mấy vạn quân, quận mạnh, chí hăng, ấy thế mà tôi lấy có vài trăm phụ tử chi binh, cũng ứng chiến được, giải nạn được, lại dễ như chẻ tre. Huống như ngày nay, các đạo quân ở các xứ Diễn, Nghệ, Thanh Hóa, Tân Thuận, cùng đông đô, đều đua tới toàn quân tinh nhuệ, không dưới vài mươi vạn người. Thế thì cái thế thư hùng, cứ ngồi yên cũng định được. Tuy nhiên, nước thịnh hay suy, là ở trời, quân mạnh hay yếu không phải ở nhiều ít. Còn như đại nhân cứ hay lấy họ Hồ ngày trước làm ví dụ, thì tôi lại cho là sự thế ngày nay không giống. Xét họ Hồ, dối trời, ngược dân, mà tôi thì kính trời, thuận dân. Vậy cứ như cái lý thuận, nghịch bất đồng, đã là một điều. Họ Hồ trăm vạn quân, thì trăm vạn

lòng, binh của tôi, bất quá vài mươi vạn mà một lòng, đó là hai điều. Nay đại nhẫn, nếu khôug vì nghe người mà sai lời hẹn, đại nhẫn lại quyết đem quân về, quyết lệnh cho người thân tín, được cùng Sơn đại nhẫn, qua sông hội họp thề là tôi lập tức rút quân về Khoái Châu, Thanh Đàm, để đợi.

Nếu không được như thế, thì kết quả chưa biết thế nào.



再諭王通書

僕嘗觀易經三百八十四爻，而其要在時之一字。故君子隨時達變，時之義大矣哉。前日初征交趾之時，將臣奉詞伐罪，此一時也，今者天運循環無往不復。大人奉命之日，得以便宜處置，而大人果能復照太宗詔書。許立陳氏，令復我國，此又一時也。時乎時乎信不可失。書曰：先時者殺無赦，後時者殺無赦，是以君子貴在隨時處中。然自古以來迂儒俗士，不識時務，識時務者在乎俊傑。若大人者所謂識時務之俊傑也。昨奉書來，要僕悔前日之非，再修舊好，信所謂君子無相夙怨譬若疾風暴雨倏爾光霽，是可喜也，但所謂將在此軍士先發回一節，於理有碍。何者大人秉黃鉞總王師，諸將雖有蓋世之才，絕倫之力，莫不奔走奉命。大人未行，而欲演義等軍先回，於理不順，此一碍也。且今日取出演義等軍原議，先將在城官軍發回，一自小人沮壞好事。遂成齟齬，演義等軍原有怨心，謂爲大人賣己。今大人未行，蔡都督必不敢先一步是二碍也。目今天氣温和，正是班師時候，大人捨此時不行而直待春水方生，暑氣漸逼而謂從容凱還，

僕恐久役思歸之士，途中怨
嗟，到此時雖欲從容，未必得從容也。
向者所謂隨時審變，正宜辨之於早，
大人果能不以僕言為迂濶，開布誠心
願得親信之人，同山大人過江相會，
刑牲歃血，要質鬼神，定為期日，就將
阮內官，何知州送還東關，僕亦隨即
差人進表納貢。而退軍於石室快州等
處，使大人得以從容就道，諸軍陸續
而還。而山大人為之收後。如此則彼
此嫌疑俱釋，而大人天地父母之心方
全始終。僕雖結草啣環豈足報云。

Phiên âm

TẢI DỤ VƯƠNG THÔNG THƯ.

Bộc thường quan Dịch Kinh, tam bách bát thập tứ hào, nhi kỳ yếu tại thời chi nhất tự. Cố quân tử tùy thời đạt biến. Thời chi nghĩa đại hỹ tai. Tiền nhật sơ chinh Giao Chỉ chi thời, tướng thần phụng từ phạt tội. Thử nhất thời dã. Kim giả, thiên vận tuần hoàn, vô vãng bất phục. Đại nhân phụng mệnh chi nhật, đắc dĩ tiện nghi xử trí. Nhi đại nhân quả năng phục chiếu Thái Tôn chiếu thư, hứa lập Trần thị, linh phục ngã quốc, Thử hựu nhất thời dã. Thời hồ, thời hồ, tín bất khả thất. Thư viết : Tiên thời giả, sát vô xá, Hậu thời giả, sát vô xá. Thị dĩ quân tử quý tại tùy thời xử trung. Nhiên tự cổ dĩ lai, vu nho, tục sĩ, bất thức thời vụ. Thức thời vụ giả. tại hồ tuấn kiệt. Nhược đại nhân giả, sở vị thức thời vụ chi tuấn kiệt dã. Tạc phụng thư lai, yêu bộc hối tiền nhật chi phí, tái tư cựu hiếu. Tín sở vị quân tử vô tương túc oán.

thí nhược tật phong, bạo vũ, thốc nhĩ, quang tễ, thị khả hỷ dã. Đãn sở vị tướng tại thử quân sĩ tiên phát hồi nhất tiết, ư lý hữu ngại, hà giả. Đại nhân bỉnh hoàng việt, tổng vương sư chư tướng tuy hữu cái thế chi tài, tuyệt luân chi lực, mạc bất bôn tẩu phụng mệnh. Đại nhân vị hành, nhi dục Diễn, Nghệ đẳng quân tiên hồi, ư lý bất thuận, thử nhất ngại dã. Thả kim nhật thủ xuất Diễn, Nghệ đẳng quân nguyên nghị, tiên tương tại thành quan quân phát hồi, nhất tự tiểu nhân trở hoại hảo sự, tuy thành chở ngữ, Diễn, Nghệ đẳng quân nguyên hữu oán tâm, vị vi đại nhân mãi kỹ, kim đại nhân vị hành, thái Đô Đốc tất bất cảm tiên tiên nhất bộ. Thị nhị ngại dã. Mục kim, thiên khí ôn hòa, chính thị ban sư thời hầu, đại nhân xả thử thời bất hành, nhi trực đãi xuân thủy phương sinh, thử khí tiệm bức, nhi vị thung dung khải hoàn, bộc khủng cửu dịch tư quy chi sĩ, đồ trung oán ta, đáo thử thời, tuy dục thung dung, vị tất đắc thung dung dã. Hướng giả, sở vị tùy thời thẩm biến, chính nghi biện chi ư tảo. Đại nhân quả năng bất dĩ bộc ngôn vi vu khoát, khai bố thành tâm, nguyện đắc thân tín chi nhân, đồng Sơn đại nhân quá Giang tương hội, hình sinh, nhuyễn huyết, yêu chí quỷ thần, định vi kỳ nhật, tựu tương Nguyễn Nội quan, Hà Tri Châu tống hoàn Đông Quan. Bộc diệc tùy tức sai nhân tiến biểu nạp cống, nhi thoái quân ư Thạch Thất, Khoái châu đẳng xứ, sử đại nhân đắc dĩ thung dung tựu đạo, chư quân lục tục nhi hoàn, nhi đại nhân vi chi thu hậu. Như thử, tắc bỉ thử hiềm nghi câu thích. Nhi đại nhân, thiên địa phụ mẫu chi tâm, phương toàn thủy chung. Bộc tuy kết thảo hàm hoàn, khởi túc báo vân.

Dịch-nghĩa

LẠI CÓ THƯ DỤ VƯƠNG THÔNG.

Tôi thường coi ba trăm tám mươi tư quẻ trong Kinh

Dịch, thì thấy cốt yếu ở một chữ thời. Cho nên người quân tử tùy thời xử biến. Nghĩa chữ thời rộng lắm. Trước đây lúc mới cho quân đánh Giao Chỉ, các tướng nhận được mệnh là đi phạt tội. Đó là một thời. Ngày nay, vận trời quay vòng, vận đã đi' rồi phải trở lại. Ngày đại nhân, phụng mệnh, lại được tiện nghi làm việc, mà đại nhân quả thực đã muốn theo chiếu thư vua Thái Tôn, hứa lập lại họ Trần, khiến cho chúng tôi được dựng lại đất nước. Đó là một thời. Vậy, thời không nên để lỡ. Kinh Thư có nói : Đi trước thời thì bị giết không tha. Đi sau thời thì bị giết không tha. Cho nên người quân tử quý ở chỗ tùy thời mà dùng việc. Tuy nhiên, từ xưa tới nay bọn hủ nho, bọn tục sĩ, không biết dùng thời. Biết dùng thời là hạng tuấn kiệt. Vậy đại nhân là hạng tuấn kiệt, biết dùng thời.

Hôm trước có thư đưa tới, bảo tôi nên sửa lại lầm lỗi, để trở lại hòa hiếu xưa, thực rõ là người quân tử không kết oán, ví như vừa có cơn gió mạnh, mưa rào, thì thoáng lại trời quang, mưa tạnh ngay. Thật đáng mừng. Nhưng câu : Sẽ cho cánh quân đó về trước, nghe như lý còn chưa được. Tại sao. Tại là ngài cầm cân nẩy mực giữ chức Tổng Binh quân nhà vua, các tướng dù có đại tài, dù có sức mạnh, cũng vẫn cứ cúi theo lệnh, thế thì đại nhân chưa đi mà lại muốn bọn Diễn, Nghệ đi trước, lý như thế, nghe không thuận đó là một điều nghi ngại.

Ngày nay, lấy bọn cũ đám quân Diễn, Nghệ cho về trước, ví như có kẻ tiểu nhân, phản việc hòa hiếu, đổi lại ý nghĩa, thì đám quân đó sẽ sinh oán, cho là đại nhân đem bán họ đi. Nay mà đại nhân chưa đi, thế tất Sái Đô Đốc cũng chưa dám rời bước. Đó là hai điều trở ngại.

Xét như mùa này khí trời đương ôn hòa, chính là thời nên ban sư. Đại nhân bỏ qua thời, không đi, mà đợi sang xuân,

khí nồm nóng dấn dần áp bức, lúc đó mà nói là thung dung khải hoàn thì tôi e, kẻ đã bị đi xa nhà lâu ngày, giữa đường sẽ có những tiếng oán vọng, lúc đó dù có muốn thung dung, vị tất đã được thung dung. Trên kia có nói tùy thời xử biến, chính là nên xét nhận cho sớm, Nếu đại nhân thực cho là tôi không vu khoát, cho là tôi thành tâm, thì nên cùng người thân tín, cùng Sơn đại nhân, qua sông hội họp ăn thề, lấy quỷ thần chứng giám, định ngày về, rồi cho Nguyễn Nội quan, Hà Tri Châu được về Đông Quan. Tôi cũng tức khắc tiến biểu nạp cống, rồi lui quân về các xứ Thạch Thất, Khoái Châu, để cho đại nhân được thung dung lên đường, các cánh quân khác lục tục theo về, cuối cùng là Sơn đại nhân. Như thế thì hết cả hiềm nghi, trở ngại, mà lòng đại nhân trước sau vẫn như lòng cha mẹ, trời đất. Tôi có kết cỏ ngậm vành, cũng không báo đền được.



再諭王通書

端肅奉書總兵官列位大人鈞座下。夫善用兵者，在乎審時勢而已，得其時，有其勢，則變亡為存，化小成大。失其時無其勢，則反彊為弱，轉安為危。在反掌之間爾。今卿等不明時勢，更飾誣辭。豈不是庸劣匹夫。何足與言兵事也。往者内懷詭詐，外托講和。掘壕築壘，坐待援兵，心迹不白，内外不一，安能使我必篤信而勿疑乎。古人云。他人有心予忖度之。此之謂也。昔秦呑併六國專制四海，德政不修，身亡國破，今吳之彊不及秦，而苛刻殆甚，不滿期年。必相繼而死，所謂天命非人力也。方今北有天元之敵，内有潯州各處内外之憂。江左一區，不能自守。況有他國之圖哉。卿等不諳事勢，為人所敗，竟托張輔欲藉其威，此豈大丈夫哉。抑亦婦人耳。當今事勢，雖使上位舉兵而來，亦促亡耳。況於張輔自至送死，何足道哉。昔漢昭烈劉氏之遺孤耳。孔明能使大業復興，況皇陳之子孫乎。天命與之，人心歸之。非吳國所能奪也。且古之豪傑未遇而隱，見幾而作，是以伊尹莘野之耕夫，太公渭水之釣父，一為王者之佐，一為王者之師，是豈豪貴之人耶。貧賤之人耶。若燕之慕容，趙之石勒，此是中國之人耶。蠻貊之人耶。深味卿言，直蠻獠小人語，非中國之言也。

今計窮力盡，士卒疲劳，內乏糧餉，外無救援。空取蕞土，假息孤城，豈非俎上之肉。釜中之魚乎。更欺誑吾民，諭以非義，彼忠臣義士之人，雖窮厄時坐薪嘗膽。不肯異圖，奈何今日昔信卿等不義之言乎。但恐城南中人之懷舊主，及吳人之不勝困苦，其害卿等相繼來降，如張飛呂布反為麾下所害，此必然之理也。今各城自都可以下恨卿等詐己，誘以屠城，或奮身而踰壘，違告攻具繕修車梯，被困之人，反相殺戮，何必我之士卒乎。今為卿等之，其敗有六，潦水橫流墻柵崩頽，樵蘇匱乏，馬死兵疲，此一敗也。昔太宗矜建德而世充出降，今長關險塞，兵象俱屯，援兵若至，萬一必敗，援兵既敗卿等城矜此二敗也。健兵肥馬，今在北地防備元兵，不遑南顧，此三敗也。干戈屢動，征伐頻興，人不聊生嗷嗷失望，此四敗也。奸臣專政，弱主當朝，骨肉相殘，蕭墻起禍，此五敗也。今我興起義兵，上下同心，英雄盡力，士卒日練，器械日精，且耕且戰，城中疲弊，自取滅亡，此六敗也，今守一蕞之城，以待六者之敗，深為卿等惜之，古云遠水不能救近火，如有援兵之來，亦何益於敗亡乎。昔者，方政馬騏務行苛虐，生靈塗炭，天下怨嗟，掘我之邑

墳墓，虜我之民妻子，生者受害，死者含冤，卿等深察事機，詳明時務，斬方政馬騏之首，送赴軍門，則免城中魚肉，蘇國內瘡痍，和好復通，干戈永息。若欲班師振旅，則修整橋梁，辦備船隻，水陸二途，惟意所欲，送軍出境，萬保無虞。臣禮不虧，貢物不闕。如其不聽，則當整軍布陣，交戰平原，以決雌雄，以觀巧拙，不可深居窮窟，以效老嫗之態也。

Phiên âm

TẢI DỤ VƯƠNG THỐNG THƯ

Đoan túc phụng thư Tổng Binh quan liệt vị đại nhân quân tọa hạ : Phù, thiện dụng binh giả, tại hồ thẩm thời thế nhi dĩ. Đắc kỳ thời hữu kỳ thế, tắc biến vong vi tồn, hóa tiểu thành đại. Thất kỳ thời vô kỳ thế, tắc phản cường vi nhược, chuyển an vi nguy. Tại hồ phản chưởng chi gian nhĩ. Kim khanh đẳng bất minh thời thế cánh súc vu từ, khởi bất thị dung liệt thất phu, hà túc dữ ngôn binh sự dã. Vãng giả, nội hoài quỷ trá, ngoại thác giảng hòa, quật hào, trúc lũy, tọa đãi viện binh, tâm tích bất bạch, nội ngoại bất nhất, an năng sử ngã tất đốc tín nhi vật nghi hồ. Cổ nhân vân : Tha nhân hữu tâm, dư thốn đạc chi. Thử chi vị dã. Tích Tần thôn tính lục quốc, chuyên chế tứ hải, đức chính bất tu, thân vong quốc phá, Kim Ngô chi cường bất cập Tần, nhi hà khắc đãi thậm. Bất mãn cơ niện, tất tương kế nhi tử. Sở vị thiên mệnh, phi nhân lực dã. Phương kim, bắc hữu thiện nguyện chi địch, nội hữu Tầm châu các xứ nội ngoại chi ưu. Giang tả nhất khu, bất năng tự thủ, huống hữu tha quốc chi đồ tai. Khanh đẳng

bất ám sự thế, vi nhân sở bại, cánh thác Trương Phụ, dục tạ kỳ uy, thử khởi đại trượng phu tai, ức diệc phụ nhân nhị. Đương kim sự thế, tuy sử thượng vi cử binh nhi lai, diệc xúc vong nhĩ, Huống ư Trương Phụ tự chí tống tử, hà túc đạo tai. Tích Hán Chiêu Liệt, Lưu thị, chi di phái nhĩ. Khổng Minh năng sử đại nghiệp phục hưng, huống hoàng Trần chi tử tôn hồ. Thiện mệnh dữ chi, nhân tâm quy chi, Phi Ngô quốc sở năng đoạt dã. Thả cổ chi hào kiệt vị ngộ nhi ẩn, kiến cơ nhi tác, Thị dĩ Y Doãn Sần dã chi canh phu, Thái Công Vị thủy chi điếu phủ, nhất vi vương giả chi tá, nhất vi vương giả chi sư. Thị khởi hào quý chi nhân gia, bần tiện chi nhân gia. Nhược yên chi Mộ Dung, Triệu chi Thạch Lặc, thử thị, Trung quốc chi nhân gia, Man mạch chi nhân gia. Thâm vị khanh ngôn. trực man liêu tiểu nhân ngữ, phi Trung Quốc chi nhân ngôn dã. Kim kế cùng lực tận, sĩ tốt bì lao, nội phạp lương trừ, ngoại vô cứu viện, không thủ toát thổ, dả tức cổ thành, khởi phi trở thượng chi nhục, phẫu trung chi ngư hồ. Cánh khi cuống ngô dân, dụ dĩ phi nghĩa, bỉ trung thần nghĩa sĩ chi dân, tuy cùng ách thời, tọa tân thường phủ, bất khẳng dị đồ, nại hà kim nhật khẳng tín khanh đẳng bất nghĩa chi ngôn hồ. Đãn khủng thành, nam trung nhân chi hoài cựu chủ, cập Ngô nhân chi bất thắng khốn khổ, kỳ hại khanh đẳng, tương kế lai hàng như Trương Phi, Lã Bố, phản vi quần hạ sở hại, thử tất nhiên chi lý dã, Kim các thành tự Đô Tư dĩ hạ, hận khanh đẳng trá kỷ dụ dĩ đồ thành, hoặc phấn thân nhi du lũy, liên cáo công cụ, thiện tu xa thê. Bị khốn chi nhân phản tương sát lục, hà tất ngã chi sĩ tốt hồ. Kim vi khanh trù chi, kỳ bại hữu lục : Lạo thủy hoành lưu, tường sách băng đồi, tiều tô quy phạp, mã tử binh bì, thử nhất bại dã. Tích Thái Tôn cầm Kiến Đức, như Thế Khắc xuất hàng, kim trường quan, hiểm tái binh tượng câu đồn, viện binh nhược chí, vạn nhất tất bại. Viện binh ký bại, khanh đẳng

thành cầm, thử nhị bại dã. kiện binh, phì mã kim tại bắc địa phòng bị Nguyên binh, bất hoàng nam cô, thữ tam bại dã, Can qua lũ động. chinh phạt tần hưng, nhân bất liêu sinh, ngao ngao thất vọng, thử tứ bai dã. Gian thần chuyên chính, nhược chủ đương triều, cốt nhục tương tàn, tiêu tường khởi họa, thử ngũ bại dả. Kim ngã hưng khởi nghĩa binh, thượng hạ đồng tâm, anh hùng tận lực, sĩ tốt nhật luyện, khí giới nhật tinh, thả canh thả chiến. Thành trung bì tệ. Tự thủ diệt vong, thử lục bại dã. Kim thủ nhất toát chi thành, dĩ đãi lục giả chi bại, thâm vi khanh đẳng tích chi. Cổ vân : Viễn thủy bất năng cứu cận hỏa. Như hữu viện binh chi lai diệc hà ích ư bại vong hồ. Tích giả. Phương Chính, Mã Kỳ, vụ hành hà ngược, sinh linh đồ thán, thiện hạ oán ta, quật ngã chi ấp phần mộ, lỗ ngã chi dản thê tử, sinh giả thụ hại, tử giả hàm oan, khanh đẳng thâm sát sự cơ, tường minh thời vụ, trảm Phương Chính, Mã Kỳ chi thủ, tống phó quân môn, tắc miễn thành trung ngư nhục. Tô quốc nội sang đi hòa hiếu phục thông, can qua vĩnh tức. Nhược dục ban sư chấn lữ, tắc tu chính kiều lương, biện bị thuyền chích, thủy lục nhị đô, duy ý sở dục. Tống quân xuất cảnh, vạn bảo vô ngu. Thần lễ bất khuy. Cống vật bất khuyết. Như kỳ bất thính, tắc đương chỉnh quân, bố trận, giao chiến bình nguyện, dĩ qnyết thư hùng, dĩ quan sảo chuyết. Bất khả thầm cư cùng quật, dĩ hiệu lão ẩu chi thái dã.

Dịch nghĩa

LẠI CÓ THƯ DỤ VƯƠNG THÔNG.

Kính phụng thư lện các quan Tổng Binh đại nhân.

Xét, khéo dùng binh là chỉ ở chỗ biết xét thời thế mà thôi. Được thời, có thế, thì đổi được, mất làm còn,

hóa được, nhỏ làm lớn. Mất thời và thiếu thế, thì đang mạnh đổi ra yếu, đang yên chuyển ra nguy. Đổi chóng thật như trở bàn tay. Nay lũ các quan, không sáng xét thời thế lại cứ tin ở lời bàn bậy, thì quả là thất phu tầm thường, không đủ để bàn việc quân.

Trước đây, bề trong thì có mưu dối trá, bề ngoài thì thác là giảng hòa. đào hào đắp lũy, ngồi chờ viện binh, tầm không được rõ, trong ngoài không như một. Như thế thì muốn cho tôi dốc lòng tin sao được, không nghi ngờ sao được. Người xưa nói : Người khác có tâm, ta vẫn dò đoán được, chính là trường hợp này. Xưa, nước Tần thôn tính sáu nước, chuyên chế cả thiên hạ, không sửa sang đức chính, thành ra thân thì chết, nước thì mất. Nước Ngô ngày nay, mạnh thì không bằng Tần, mà hà khắc thì hơn. Rồi không đầy năm, sẽ nối nhau chết cả đó. Đó mới là mệnh giời, chứ sức người có làm gì. Huống chi, ngày nay, phía bắc có nước địch là Thiên Nguyên, Trong nước thì có các xứ như Tầm Châu có loạn. Một giải Giang tả không giữ nổi. Thế mà còn nghĩ đi xâm chiếm nước người. Lũ ngươi không hiểu sự thế, để cho người ta đánh thua. Lại cứ vin lấy tiếng Trương Phụ cho thêm uy, đâu có phải là trượng phu. chính là hành động đàn bà.

Cứ xét sự thế hiện thời, cho dẫu ở trên có gửi binh tới thì chỉ cho đi đến chỗ chết, huống hồ lại tự Trương Phụ tự dẫn thân đến chỗ chết, thì còn cần gì phải bàn. Xưa Hán Chiêu Liệt vốn một giòng họ Lưu, nhờ có Khổng Minh khiến cho nghiệp lớn lại hưng phục được, huống như con cháu họ Trần, mệnh giời đã tới, nhân tâm đã về, thì nước Ngô muôn đoạt sao được. Xưa kia, phàm đã là hào kiệt, thì khi chưa gặp thời đành đi ẩn, khi thấy cơ là ra làm. Cho nên Y Doãn trước kia, chỉ là người đi cày ở ruộng Sần, Thái Công chỉ là lão câu cá trên sông Vị, mà rồi một người làm phó cho vua, một người làm thầy vua. Vậy có phải là hàng hào quý không, có

phải là hạng bần tiện không. Còn như Mộ Dung nước Yên, Thạch Lặc nước Triệu, có phải là người Trung quốc không, có phải là người man mạch không. Cứ xem cái ý vị giọng nói của các ngươi, thì thật đúng là giọng tiểu nhân man liêu chứ không phải lời bọn Trung quốc.

Nay kế cùng sức hết, quân lính mệt mỏi, trong thiếu lương trữ, ngoài không quân cứu viện, giữ một thành không, có khác gì miếng thịt trên thớt, con cá trong nồi. Thế mà còn dối trá dân ta, dụ làm điều phi nghĩa, bọn trung thần nghĩa sĩ ta, ngay thời cùng ách, vẫn cứ nằm gai nếm mật, không chịu đi sai đường, huống hồ ngày nay, đâu lại có tin những lời bất nghĩa của lũ ngươi. Chỉ e trong thành, bọn người nam thì nhớ chủ cũ, bọn người Ngô thì không chịu đựng được khốn khổ, rồi hại lũ ngươi, lần lượt ra hàng như chuyện Trương Phi, Lã Bố bị bọn dưới làm hại. Lý tất nhiên là như thế. Nay trong các thành từ chức Đô Ty trở xuống, đều giận lũ ngươi dối họ. Họ mong ta phá thành, họ sẽ hăng hái vượt lũy ra báo cáo tình hình đánh giữ, sửa soạn thang mây. Bọn bị vây rồi giết lẫn nhau, đâu có phải mệt đến quân đội chúng ta.

Vậy nay cùng bàn : Các ngươi có sáu điều thua : Nước đang lên, cọc lở, đất lở, lương thực người, ngựa thiếu, đó là một điều thua. Xưa Thái Tôn bắt Kiến Đức, mà Thế Khắc ra hàng, nay ở các quan ải, vừa voi vừa quân đóng giữ đầy đủ, viện binh có tới thế nào cũng thua Viện binh mà đã thua thì lũ ngươi bị bắt, đó là hai điều thua. Quân khỏe ngựa tốt nay ở cả phương bắc, để phòng quân Nguyên không chuyển về nam được, đó là ba điều thua. Can qua luôn năm, ai nấy đều chán, chỉ còn kêu than, đó là bốn điều thua, Gian thần giữ chính quyền, vua yếu trị vì, trong tôn tộc giết nhau, trong

nhà sinh họa đó là năm điều thua. Nay ta hưng nghĩa binh, trên dưới một lòng, anh hùng thi sức, sĩ tốt càng ngày càng thêm luyện, khí giới mỗi ngày mỗi tinh sảo, vừa cày ruộng vừa chiến đấu, với bọn giữ thành không, bọn thiếu thốn dần dần tự đến chỗ tuyệt diệt, đó sáu điều thua.

Giữ một thành không, để chờ sáu điều thua, ta thật là tiếc cho các ngươi. Người xưa có nói : Nước xa không cứu được lửa gần. Như có viện binh tới, thì có lợi gì cho sự thua đấu. Xưa kia, Phương Chính, Mã Kỳ chỉ chuộng làm điều tàn ác, nhân dân khốn khổ, thiên hạ đều oán giận. Chúng khai quật mồ mả ấp ta, bắt cóc vợ con dân ta, Người sống đã bị hại, người chết cũng ngậm oan. Lũ ngươi xét kỹ sự cơ, biết rõ thời vụ, cho giết Phương, Mã Kỳ đi, cho đem đầu tới quan môn ta, thì ta tha cho giết cả thành, để cho những kẻ còn lại được sinh sống, hòa hiếu lại như xưa, can qua cất xếp. Nếu như muốn ban sư thì ta cho sửa sang đường xá, cầu cống, thuyền bè, cả hai đường thủy lục, cho tùy ý chọn. Cho đưa quan ra khỏi nước, không một chút lo ngại. Đầy đủ lễ nghi. Cống vật không thiếu sót. Nếu như không nghe, thì nện sửa soạn quân đội để bày trận giao chiến giữa nơi đất phẳng, để quyết sống mái, coi ai hơn, ai kém. Chứ không nên ở núp trong hang cùng, như thái độ một mụ già.



與王通書

（司空黎禮，上將黎熾與明人戰敗于湄洞，帝以一失機故爲書予之，湄洞今黃梅洞是）。

僕聞去一勺水大海不爲之渴。添一勺水大海不爲之盈。故善用兵者不以小勝喜，不以大敗懼。今諸公以數千殘卒，獨守孤城，糧欲絕而援不來，衆日離而軍日少。其彊弱勝負之勢可坐而策，況安南兵象之多，心力之齊，戰器日修，士氣日增，其智謀之士，武勇之將，不譬林立而櫛比也。公等一有小勝，不見其彊，而我雖有小敗不見其弱。昨者我之裨將數人，年少氣驕，不遵約束，輕戰失機，公等以此得志。今以新平順化演義及前衛三江昌江鎮夷衛各所等處將校，若蔡都督及三司指揮千百戶等官數百餘員，軍人一萬數千，男女大小三萬餘人，俱爲公等所誤，較之我裨將數人，孰輕孰重孰勝孰負，而公曾不以此爲慮，猶且鴟張誇大譬猶突火棟焚而堂燕猶呴相樂，豈不甚可笑哉。且今二廣地方，聞我軍乘勝長驅，羣盜因而竊發，霹靂大王已自據地稱帝，而我之兵象日夜進

攻，憑祥隆州皆爲我有。今公猶且日望援兵，聲言援至，譬猶夢中說夢及覺可笑也。前日蔡都督指揮千萬兵又各府州縣之官告乞願將太宗皇帝許立陳氏子孫，詔書內事理，赴京陳奏，及訴告總兵官不能鎮守北方。又隨人計，却自行文書取各衛軍馬和解，既而背約，以致彼衆嗷嗷失所。以此爲詞。然僕以前日所得奏書，則總兵官大人，真有誠心，但爲方馬所惑，以致此爾。是以此議未定，大人若能復尋舊約隨卽班師，與蔡都督和解，一以免兩國干戈之苦，一以解蔡都督背己之怨，如此則全師免禍，豈不善哉。若或執迷守死，而不善道，是亦唐太宗所謂盡忠無益者也。且大丈夫行事，當磊磊落落，大人欲水戰，則當盡戰船排列江中，以決死戰，欲步戰則當盡兵馬遠出曠野，留一二日，以決雌雄，不可首竄城隅，乍出乍入，掠取柴草以爲得計，若此則婦人女子所爲，非大丈夫所爲也。

Phiên âm

DỮ VƯƠNG THÔNG THƯ.

(Tư Không, Lê Lễ, Thượng Tướng, Lê Xí, dữ Minh

nhân chiến bại vu Mi Động. Đế dĩ nhất thất cơ, cố vi thư dữ chi. Mi động kim Hoàng Mai động thị).

Bộc văn : Khử nhất chước thủy, đại hải bất vi chi khát. Thiêm nhất chước thủy, đại hải bất vi chi doanh. Cố thiện dung binh giả, bất dĩ tiểu thắng hỷ, bất dĩ đại bại cụ. Kim, chư công, dĩ sổ thiên tàn tốt, độc thủ cô thành. Lương dục tuyệt nhi viên bất lai. Chúng nhật ly, nhi quân nhật thiểu. Kỳ cường nhược, thắng phụ chi thế, khả tọa nhi sách. Huống An Nam binh tượng chi đa, tâm lực chi tề, chiến khí nhật tu, sĩ khí nhật tăng, kỳ trí mưu chi sĩ, vũ dũng chi tướng, bất thí lâm lập nhi trất tị dả. Công đẳng nhất hữu tiểu thắng, bất kiến kỳ cường. nhi ngã tuy hữu tiểu bại bất kiến kỳ nhược. Tạc giả, ngã chi tỳ tướng sổ nhân. niên thiếu, khí kiêu, bất tuân ước thức, khinh chiến thất cơ, công đẳng dĩ thử đắc chí, Kim dĩ Tân Bình, Thuận Hóa, Diễn nghệ, cập tiền vệ Tam Giang, Xương Giang, Trấn Di vệ, các sở đẳng xứ tướng hiệu, nhược Sái Đô Đốc cập Tam Ty, Chỉ Huy, Thiên, bách hộ đẳng quan sổ bách dư viên, quân nhân nhất vạn sổ thiên, nam nữ đại tiểu tam vạn dư nhân, câu vi công đẳng sở ngộ. Giảo chi ngã tỳ tướng sổ nhân, thục khinh, thục trọng, thục thắng thục phụ. Nhi công tằng bất dĩ thử vi lự. Do thả si trương khoa đại, thí do đột hỏa, đống phần nhi đường yên do hú hú tương lạc, khởi bất thậm khả tiếu tai. Thả kim, nhị Quảng địa phương, văn ngã quân thừa thắng trường khu, quần đạo nhân nhi thiết phát, Tích Lịch đại vương dĩ tự cứ địa xưng đế, nhi ngã chi binh tượng nhật dạ tiến công, Bằng Tường, Long Châu giai vi ngã hữu. Kim công do thả nhật vọng tiếp binh, thanh ngôn viện chí, thí do mộng trung thuyết mộng, hựu thậm khả tiếu dã. Tiền nhật Sái Đô Đốc chỉ huy thiên vạn binh cập các phủ, châu huyện chi quan cáo khất nguyện tương Thái Tôn Hoàng Đế hứa lập Trần thị. tử tôn, chiếu thư nội sự lý, phó Kinh trần tấu, cập tố cáo

Tổng Binh quan bất năng trấn thủ bắc phương, hựu tùy nhân kế, khước tự hành văn thư, thủ các vệ quân mã trá vi hòa giải, ký nhi bội ước, dĩ chỉ bỉ chúng ngao ngao thất sở, dĩ thử vi từ. Nhiên bộc dĩ tiền nhật sở đắc tấu thư, tắc Tổng Binh quan đại nhân, chân hữu thành tâm, đãn vi Phương, Mã sở hoặc, dĩ chí thử nhĩ. Thỉ dĩ thử nghị vị định. Đại nhân nhược năng phục tầm cựu ước, tùy tức ban sư, dữ Sái Đô Đốc hòa giải, nhất dĩ miễn lưỡng quốc can qua chi khổ, nhất dĩ giải Sái Đô Đốc mãi kỷ chi oán, như thử tắc toàn sư miễn họa, khởi bất thiện tai. Nhược hoặc chấp mê thủ tử, nhi bất thiện đạo, thị diệc Đường Thái Tôn sở vị tận trung vô ích giả dã. Thả đại trượng phu hành sự, đương lỗi lỗi, lạc lạc. Đại nhân dục thủy chiến, tắc đương tận chiến thuyền bài liệt giang trung, dĩ quyết tử chiến. Dục bộ chiến, tắc đương tận binh mã viễn xuất khoáng dã, lưu nhất nhi nhật, dĩ quyết thư hùng. Bất khả thủ thoán thành ngung, sạ xuất sạ nhập, lược thủ sài thảo dĩ vi đắc kế. Nhược thử tắc phụ nhân, nữ tử sở vi, phi đại trượng phu sở vi dã.

Dịch nghĩa

THƯ GỬI VƯƠNG THÔNG.

(Quan Tư Không Lê Lễ, quan Thượng Tướng, Lê Xí, cùng đánh nhau với quân Minh, bị thua tại Mi Động. Vua thấy bị thua trận, mới viết thư này. Mi Động nay là Hoàng Mai Động).

Tôi nghe nói : Lấy đi một chén nước, thì bể rộng không thiếu nước. Thêm vào một chén nước, thì bể rộng không đầy nước hơn. Cho nên khéo dùng binh, không mừng vì thắng nhỏ, không sợ vì thua lớn. Nay các ông lấy vài nghìn quân tàn, một mình giữ cô thành, lương gần hết mà cứu viện không tới, chúng ly tán dần, quân thành hao hụt, cái thế mạnh yếu được

thua, có thể ngồi một chỗ mà tính được. Huống chi, An Nam, binh nhiều, voi nhiều, đồng tâm đồng lực, chiến cụ ngày một tốt thêm, sĩ khi ngày một tăng thêm, hàng văn thần mưu trí, hàng vũ dũng, đông đúc không những ví như cây rừng mà còn ví như răng lược. Các ông cho có được thắng lợi nhỏ, cũng không gọi là mạnh được, Mà tôi tuy có bị thua nhỏ, cũng không bị yếu được. Hôm trước, bên tôi, vài tỳ tướng, tuổi ít, khí kiêu, không chịu thúc ước, khinh chiến, thất cơ, các ông lấy thế làm hãnh diện. Nay, lấy bọn tướng hiệu các xứ Tân Bình, Thuận Hóa, Diễn Nghệ, các đồn Tam Giang, Xương Giang, cùng Sái Đô Đốc các quan Tam Ty, Chỉ Huy, Thiên, Bá Hộ, một vạn vài nghìn quân lính, trai gái, lớn nhỏ, hơn ba vạn người, tất cả đều bị các ông lừa dối, so với vài người tỳ tướng bên tôi thì bên nào nặng, bên nào nhẹ, ai thắng, ai bại. Thế mà các ông không lấy làm đều. Lại còn khoa trương thế lực, có khác gì cột nhà đã cháy, trên nóc chim yến trong tổ vẫn cứ yên vui. Có đáng chê cười không. Vả lại ngày nay, hai đất Quảng, nghe thấy quân Nam thừa thắng thẳng tiến, thì trộm cướp nổi lên. Tích Lịch đại vương đã chiếm đất xưng đế. Mà binh tướng của ta ngày đêm tiến đánh, các xứ Bằng Tường, Long Châu, đều bị ta lấy rồi. Nay ông còn ngóng trông cứu binh, còn dương danh cứu binh sắp tới, thì y như đã ở trong mộng mà lại còn nói truyện mộng, thật lại là đáng chê cười. Bữa trước Sái Đô Đốc chỉ huy nghìn vạn quân, cùng coi các quan phủ, châu, huyện, có báo cáo xin đem chiếu thư của vua Thái Tôn Hoàng Đế, lập con cháu họ Trần, xin đem các lý lẽ trong chiếu thư đó tâu bầy về Kinh, mà cũng để tố cáo là quan Tổng Binh không giữ nổi xứ Bắc, lại đi theo kế người, đặt bày văn thư, lấy quân mã các vệ, dối dá làm hòa giải, mà rồi bội ước, đến nỗi mất lòng dân quân. Tuy nhiên tôi, thì tôi nghĩ rằng, bữa trước có tấu thư là do tâm chân thành của quan Tổng Binh, nhưng chỉ vì bọn Phương, Mã, làm cho nghi hoặc mà để đến nỗi thế. Các đề nghị nay chưa có gì định đoạt xong. Nay nếu đại nhân muốn y như nước cũ, thì

tức khắc ban sư, cùng Sái Đô Đốc hòa giải một là đỡ cho cả hai nước sự khổ về can qua, hai là giải được cái oán kết của Sái Đô Đốc cho là đại nhân đã hại Đô Đốc. Như thế thì toàn quân khỏi họa, chả hay ư.

Nếu như còn mê muội, cứ theo con đường chết, thì y như xưa Đường Thái Tôn nói là Tận Trung mà vô ích. Vả lại đại phàm đại trượng phu làm việc, nên có tính cách lỗi lạc. Như đại nhân muốn thủy chiến thì cứ việc bày hết chiến thuyền trên mặt sông, để quyết tử chiến. Như muốn bộ chiến thì nên đem hết binh mã ra ngoài đồng rộng, đình lại một vài ngày, để quyết thư hùng. Chứ không nên chui nấp trong thành, khi thò ra, khi chui vào, len lút trộm cắp ít rơm củi cho là kế hay. Đó là tư cách phụ nhân, nữ tử chứ không phải tư cách trượng phu.



再與王通書

清化府知府黎某，書奉總兵成山侯知道。僕聞所貴乎俊傑者，在乎達時務審事變而已。我昔在可藍之日，地不過一城，衆不過一旅，而每爲馬騏朱榮等所逼。後又遁迹於老撾至靈山之地，待時而發，食不拘二飯，衣不拘冬夏，兵不過數千，器械空空如也。親戚子弟師友分散他鄉不得完聚，而方政馬騏王成馮貴等輩，又連歲進兵，我之甲兵旦夕擺押，無一時少息。然虛困而亨。屢戰累勝，所過無不摧折。豈非天意乎，今者天運循環，無往不復，往者不拘二飯，今因爾糧儲有三十年之食，昔者兵不過數百。今清化父子之兵，不下二萬。演州新平順化素號精壯勇敢之士，不下數萬，與交州等路同心同力之士不下十萬。其餘戰士不下三十萬。昔之師友親戚分散，今者智謀才識之士不譽林立櫛此，昔之器械空空，今者戰船連雲，鎧甲耀日，銃箭堆積。火藥倉充，以昔較今，彊弱可知也，況爾國主連年死喪，骨肉相殘北寇侵凌，大臣不附，加以凶年荐至，土木屢興，政令煩苛，盜賊蜂起，自洪武至今，窮兵黷武，中國虛耗，人民疲弊，天之降喪，此正在時。爾

尚不達時變，反聽方馬之言，猶爲之攻守計，彼若善於攻守，何不攻我於可藍微弱之時，而反鴟張誇大於今日乎，何不思之甚也。況又塗人耳目。設詞誑衆，聲言援兵欲至。張輔又來，爾何不思今日，雖有有援兵十萬敢過關乎。若其傾國而來或三四十萬，爾何不料爾國，今日果無事乎，將蕭墻之內，猶有事乎。如張輔等，一時僥倖成功爾。是時胡氏簒奪，一國之人視若仇敵，衆叛親離，張輔合乘此釁遂以成功爾，爾何不思我兵衆之多，心力之齊，縱有張輔百輩，其如我何，況爾國勢岌岌若此，此又令張輔領三四十萬兵出境。爾朝廷肯放心乎。今爲公等計，不若與蔡都督班師回去之爲愈也不然我旗一指，我鼓一鳴，公等悔將何及。易曰：窮則變變則通，公等盍不思此，硜硜守巡遠之小節，吾恐爾之士卒日夜思歸之切，繼以饘粥之飽，疾疫相因，雖欲攻且守，誰其與之，諺云：一朝無食，父子無義，且方馬等輩，所謂敗兵之將，不可以語勇，公等其孰思之。

Phiên âm :

TÁI DỮ VƯƠNG THÔNG THƯ.

Thanh Hóa phủ, Tri Phủ, Lê Mỗ, thư phụng Tổng Binh Thành Sơn Hầu tri đạo. Bộc văn : Sở quý hồ tuấn kiệt giả, tại hồ đạt thời thế, thẩm sự biến, nhi dĩ. Ngã tích tại Khả Lam chi nhật, địa bất quá nhất thành, chúng bất quá nhất lữ. Nhi mỗi vi Mã Kỳ, Chu Kiệt đẳng sở bức. Hậu hựu tuần tích ư Lão Qua, Chí Linh Sơn chi địa, đãi thời nhi phát. Thực bất câu nhị phạn, ý bất câu đông hạ. Binh bất quá số thiên, khí giới không như dã. Thân thích tử đệ sư hữu, phân tán tha hương, bất đắc hoàn tụ. Nhi Phương Chính, Mã Kỳ, Vương Thành, Phùng Quí đẳng bối, hựu liên thế tến binh. Ngã chi giáp binh, đán tịch, bãi áp, vô nhất thời thiểu tức. Nhiên sử khốn nhi hanh. Lũ chiến lũy thắng. Sở quá vô bất tồi triết. Khởi phi thiên ý hồ. Kim giả, thiên vận tuần hoàn, vô vãng bất phục. Vãng giả bất câu nhị phạn, kim nhân nhĩ lương trừ giả, hữu tam thập niên chi thực. Tích giả, binh bất quá số bách, kim Thanh Hóa phụ tử chi binh, bất hạ nhị vạn. Diễn Châu, Tân Bình, Thuận Hóa, tố hiệu tinh tráng dũng cảm chi sĩ, bất hạ số vạn, dữ Giao Châu đẳng lộ, đồng tâm, đồng lực chi sĩ, bất hạ thập vạn. Kỳ dư chiến sĩ bất hạ tam thập vạn. Tích chi sư hữu thân thích, phân tán, kim giả, trí mưu, tài thức chi sĩ, bất thí lâm lập, trất tị. Tích chi khí giới không không, kim giả chiến thuyền liên vân, khải giáp diệu nhật, nạo tiễn đồi tích. Hỏa dược thương sung. Dĩ tích giảo kim, cường nhược khả tri dã. Huống nhĩ quốc chủ liên niên tử táng, cốt nhục tương tan, Bắc khấu xâm lăng. Đại thần bất phụ. Gia dĩ hung niên tiên chí. Thổ mộc lũ hưng. Chính lệnh phiền hà. Đạo tặc phong khởi. Tự Hồng Vũ chí kim, cùng binh độc vũ. Trung quốc hư hao. Nhân dân bì tệ. Thiên chi giáng táng, chính tại thử thời. Nhĩ

thượng bất đạt thời biến, phản thính Phương, Mã chi ngôn, do vi công thủ chi kế. Bỉ nhược thiện ư công thủ, hà bất công ngã ư Khả Lam vi nhược chi thời nhi phản si trương khoa đại ư kim nhật hồ. Hà bất tư chi thậm dã. Huống hựu đồ nhân nhĩ mục, thiết từ cuống chúng, thanh ngôn viện binh dục chí, Trương phụ hựu lai. Nhĩ hà bất tư kim nhật, tuy hữu viện binh thập vạn, cảm hóa quan hồ. Nhược kỳ khuynh quốc nhi lai, hoặc tam tứ thập vạn, nhĩ hà bất liễu nhĩ quốc, kim nhật quả vô sự hồ. Tương tiêu tường chi nội do hữu sự hồ. Như Trương Phụ đẳng, nhất thời kiểu hãnh thành công nhĩ. Thị thời, Hồ thị thoán đoạt, nhất quốc chi nhân thị nhược cừu địch, chúng bạn, thân ly, Trương Phụ hợp thừa thử hấn, tụy dĩ thành công nhĩ. Nhĩ hà bất tư ngã binh tượng chi đa, tâm lực chi tề, túng hữu Trương Phụ bách bối, kỳ như ngã hà. Huống, nhĩ quốc, thế, ngập ngập nhược thử, thử hựu lịnh Trương Phụ lĩnh tam tứ thập vạn binh xuất cảnh, nhĩ triều đình khẳng phóng tâm hồ.

Kim vi công đẳng kế, bất nhược dữ Sái Đô Đốc ban sư hồi khứ dĩ vi dũ dã. Bất nhiên ngã kỳ nhất chỉ, ngã cổ nhất minh, công đẳng hối tương hà cập. Dịch viết : Cùng tắc biến, biến tắc thông. Công đẳng hạp bất tư thử, khanh khanh thủ Tuần, Viễn chi tiểu tiết. Ngô khủng nhĩ chi sĩ tốt, nhật dạ tư quy chi thiết, kế dĩ chiên chúc bất bão, tật dịch tương nhân, tuy dục công thả thủ, thùy kỳ dữ chi. Ngạn vân : Nhất triều vô thực, phụ tử vô nghĩa. Thả phương, Mã đẳng bối, sở vị bại binh chi tướng bất, khả dĩ ngữ dũng Công đẳng kỳ thục tư chi.

Dịch nghĩa :

LẠI GỬI THƯ CHO VƯƠNG THÔNG

Tri Phủ phủ Thanh Hóa là Lê mỗ, thư tới Tổng Binh, Thành Sơn Hầu được biết :

Tôi nghe điều qúy nhất ở người tuấn kiệt, chỉ là rõ thời thế, biết xét sự biến mà thôi. Trước kia tôi ở Khả Lam, đất đai chẳng qua có một thành, quân chúng chẳng qua có một tốp, mà luôn luôn bị bọn Mã Kỳ, Chu Kiệt áp bức, sau phải náu ẩn tại đất Lão Qua, Chí Linh Sơn, đợi thời mà ra, ăn không đủ hai bữa, mặc không đủ đông hè, quân lính bất quá vài nghìn, khí giới thì như không có gì, họ hàng con em bè bạn, phân tán mọi nơi, không được đoàn tụ. Thế mà lũ Phương Chinh, Mã Kỳ, Vương Thành, Phùng Quý, lại luôn năm tiến binh, Quân lính tôi ngày đêm, không rời áo giáp, không lúc nào được nghỉ. Tuy nhiên ở cảnh cùng khốn mà được hanh thông, động chiến là thắng, qua nơi nào là nơi ấy tan. Thế chả phải là ý trời ư. Đến nay, vận trời theo tuần hoàn, có đi thì có lại. Xưa kia, ngày không đủ hai bữa ăn, thì nay được gạo trữ của các ngươi, được đủ dùng cho đến ba mươi năm. Xưa kia, binh có mấy trăm, thì nay riêng Thanh Hóa, hạng phụ tử chi binh, không dưới hai vạn. Ở Diễn Châu, Tân Bình, Thuận Hóa, gọi là dũng cảm tinh tráng, cũng có vài vạn. Cùng với quân binh các lộ ở Giao Châu, đồng tâm, đồng lực, có được mười vạn. Thiếu xưa kia, họ hàng thân thích phân tán, nay hạng tài thức trí mưu, rậm như cây rừng, đều như răng lược. Xưa kia khí giới như không có, thì nay, thuyền chiến san sát như mây, áo giáp ánh loé mặt trời, rừng tên núi đạn. Cứ so sánh nay và xưa thì biết ai mạnh ai yếu. Huống chi nước các ngươi ngày nay, luôn năm chủ chết, cốt nhục tàn sát nhau. Lại phương bắc có giặc xâm lăng. Đại thần thì không giúp. Trời ra tay, trong nhiều họa. Công tác phiền nhiễu. Chính lệnh nghiêm khắc. Trộm cướp như ong. Từ đời Hồng Vũ đến nay, dụng vũ dụng binh không ngớt. Trong nước hao hụt, nhân dân khốn khó. Trời đang lúc giáng tai giáng

họa đó. Thế mà lũ ngươi không rõ thời biến, chỉ nghe bọn Phương, Mã, Lai nghĩ kế công thủ. Bọn chúng nếu sành về nghề công thủ thì sao không đánh ta ngay lúc ta còn thế yếu ở Khả Lam mà đến ngày nay mới ra oai ra vẻ. Thật là không biết nghĩ chút nào. Lại còn bịt tai, bịt mắt người, đặt lời dối dá, dương danh là viện binh sắp tới, Trương Phụ lại tới. Các ngươi, sao không nghĩ, ngày nay, cho dẫu có mười vạn quân, liệu dám qua cửa quan không. Nhược bằng đem quân toàn quốc tới, độ ba bốn mươi vạn, thì các ngươi sao không nghĩ, ngày nay, liệu nước các ngươi có vô sự không, ngay trong nhà có yên không. Xét như Trương Phụ gặp may được thành công, là vì khi đó, họ Hồ làm việc thoán đoạt người trong nước coi Hồ như thù địch, quân sĩ thì phản, người thân thì lánh xa. Trương Phụ thừa dịp mới thành công. Các ngươi sao không biết nghĩ rằng, còn như ta đây, binh tướng đã nhiều, lại cùng lòng, cùng sức, dù có đến trăm Trương Phụ, thì có làm gì được ta. Huống hồ thế nước các ngươi nguy ngập như thế, mà lại còn sai Trương Phụ lĩnh ba bốn mươi vạn quân ra khỏi cõi thì triều đình ngươi liệu có yên tâm không.

Nay kế hay nhất cho các ngươi là cùng Sái Đô Đốc ban sư về. Bằng không, cờ ta mà dương lên, trống ta mà gióng nổi, thì các ngươi hối không kịp. Kinh Dịch có câu : Cùng phải biến, biến là thông. Các ngươi sao không nhớ câu ấy, mà bo bo giữ tiểu tiết bọn Tuần Viễn (1) xưa. Ta ngại quân lính ngươi ngày đêm mong về nhà, lại ở vào cảnh bữa no bữa đói, tật bệnh sinh ra, cho dẫu có chỉ công thủ, cũng không còn được nữa. Lời tục ngữ có nói : Một sớm không còn ăn là cha con không còn nghĩa. Vả lại bọn Phương, Mã là bọn tướng thua trận, còn nói đến dũng sao được, Nên nghĩ cho kỹ.



(1) Trương Tuần, Hứa Viễn, tướng đời Đường nước Tàu, giữ thành chống giặc cho đến chết.

與蔡都督書

弟藍山書奉老兄蔡公足下，夫士貴於所遇，道貴於必行，然道之行，不行，必關乎時之遇不遇，是以古之英雄豪傑，其平日之所抱負，莫不欲攄其夙蘊，以明是道於斯世，然其時之遇不遇莫非天也。昔者百里奚居虞而虞亡，之秦而秦伯，李左車之在趙而趙滅，之漢而漢興，豈愚於此而智於彼，時之遇不遇有以然也。老兄先朝宿將當初征交趾，攻破多邦，公乃撥雲梯以先登功爲第一，是後每年侍伐屢申戰功，然大幸不爲時所知，不能出人右，加以譴責相尋。志不得伸，道不得行，卒使今日又爲王通所賣。是又不幸，亦中國之大不幸也。視昔百里奚之居虞，李左車之在趙，何以異焉。今我國主素聞公之賢，欲處公以大臣之位，而願聽教焉，不審公意將如韓信之去楚，而爲漢用耶。則我國主之解衣推食必下於漢高祖，如箕子之不臣周耶，則我國主之下車訪道必不下於周武，顧此二策公將安決。且國之興亡盛衰關乎天運。誠非人力所及。今公復爲中國之用，則方今中國

內有蕭墻之禍，外有北寇之憂，早滌可爲之時又不幸焉不得伸其有爲之志。正如唐太宗所謂盡忠無益者也。爲公計不若順其遇，聽命于天，乘此時機樹立功業，使吾民幸得脫塗炭之苦，而公之豐功偉績，亦得以昭垂青史豈不偉哉，如其硜硜然於小節，固非識時豪傑也。願垂裁察不宣。

Phiên âm

DỮ SÁI ĐÔ ĐỐC THƯ

Đệ Lam Sơn thư phụng lão huynh Sái Công túc hạ.

Phù, sĩ quý ư sở ngộ. Đạo quý ư tất hành. Nhiên đạo chi hành, bất hành, tất quan hồ thời chi ngộ bất ngộ. Thị dĩ cổ chi anh hùng, hào kiệt, kỳ bình nhật chi sở bão phụ mạc bất dục cứ kỳ túc uẩn dĩ minh thị đạo ư tư thế. Nhiên kỳ thời chi ngộ, bất ngộ, mạc phi thiên dã. Tích giả, Bách Lý Hề cư Ngu, nhi Ngu vong. Chi Tần nhi Tần bá. Lý Tả Xa chi tại Triệu, nhi Triệu diệt, chi hán nhi hán hưng. Khởi ngu ư thử nhi trí ư bĩ, thời chi ngộ bất ngộ hữu dĩ nhiên dã. Lão huynh tiên triều túc tướng, đương sơ chinh Giao Chỉ công phá đa na. Công nãi bát vân thê dĩ tiên đăng, công vi đệ nhất. Thị hậu mỗi niên chinh phạt, lũ thân chiến công. Nhiên bất hạnh, bất vi thời sở tri, bất năng xuất nhân hữu. Gia dĩ khiển

trách tương tầm. Chí bất đắc thân. Đạo bất đắc hành. Tốt sử kim nhật hựu vi Vương Thông sở mãi. Thị hựu bất hạnh diệc Trung Quốc chi đại bất hạnh dã. Thị tích Bách Lý Hề chi cư Ngu, Lý Tả Xa chi tại Triệu, hà dĩ dị yên. Kim ngã quốc chủ tố văn công chi hiền. dục xử công dĩ đại thần chi vị nhi nguyện thính giáo yên. Bất thẩm công ý tương như Hàn Tín chi khứ Sở, nhi vi Hán dụng gia. Tắc ngã quốc chủ chi giải y thôi thực tất bất hạ ư Hán Cao Tổ. Như Cơ Tử chi bất thần Chu gia. Tắc ngã quốc chủ chi hạ xa phóng đạo, tất bất hạ ư Chu Vũ. Cố thử nhị sách, công tương an quyết. Thả quốc chi hưng vong, thịnh suy, quan hồ thiên vận, thành phi nhân lực sở cập. Kim công phục vi Trung Quốc chi dụng, tắc phương kim, Trung quốc, nội, hữu tiêu tường chi họa, ngoại, hữu bắc khấu, chi ưu. Hạn lạo tương nhân, yêu nghiệt tiến chí. Đại thần bất phụ, Cử quốc Ly tâm. Thiên chi giáng táng, bất túc tắc mộ, Sĩ chi minh triết, đương thẩm cơ vi chi ư tảo. Nhược công đẳng bất hạnh yên nhi ngộ bất khả vi chi thời, hựu bất hạnh yên bất đắc thân kỳ hữu vi chi chí, chính như Đường Thái Tôn sở vị tận trung vô ích giả dã. Vi công kế, bất nhược thuận kỳ ngộ, thính mệnh vu thiên, thừa thử thời cơ, thụ lập công nghiệp. Sử ngô dân hạnh đắc thoát đồ thán chi khổ, nhi công chi phong công vĩ tích diệc đắc dĩ chiêu thùy thanh sử. Khởi bất vĩ tai. Như kỳ khanh khanh nhiên ư tiểu tiết, cố phi thức thời hào kiệt dã. Nguyện thùy tài sát. Bất tuyên.

Dịch nghĩa

THƯ GỬI SÁI ĐÔ ĐỐC.

Em ở Lam Sơn, có thư phụng lão huynh là Sái Công túc hạ.

Xét : Sĩ quý ở việc, được gặp, đạo quý ở điều được hành. Tuy nhiên đạo mà hành hay không hành, là liên quan đến thời gặp hay không gặp. Cho nên khi xưa, anh hùng hào kiệt có tài đều muốn thi triển để đạo mình được tỏ rạng ở đời. Vậy mà thời gặp hay không gặp là không thể không do nơi trời. Xưa, Bách Lý Hề ở nước Ngu, mà sau nước Ngu mất. Tới nước Tần thì sau Tần thành nước Bá. Lý Tả Xa ở Triệu thì sau Triệu bị diệt, tới Hán thì Hán hưng. Đâu có phải là ngu ở nơi này, sáng ở nơi khác. Chỉ là được gặp thời, hay không được gặp thời, mà sinh ra như thế. Lão huynh ở tiên triều, được tiếng là tướng giỏi. ban đầu đi chinh nước Giao Chỉ, luôn luôn đánh giẹp. Ông mới lấy thang vân thê, leo lên thành trước tiên, được kể công vào bực đệ nhất. Rồi từ đó, cứ mỗi năm chinh chiến lại thêm chiến công. Nhưng không may, không được thời biết đến, không được đời chuộng. trái lại còn bị khiển trách. Chí không được dùng, đạo không được hành, cuối cùng là ngày nay, làm đồ mua bán của Vương Thông. Ông là không may, mà cả Trung quốc cũng không may, so với Bách Lý Hề ở nước Ngu, Lý Tả Xa ở nước Triệu thì khác gì.

Nay, chủ nước tôi biết tiếng ông là người hiền, muốn đặt ông vào chức vị đại thần, để rồi được nghe lời ông chỉ giáo. Không biết ông có như Hàn Tín ở Sở ra đi tới Hán, cho Hán dùng không. Chắc chủ nước tôi cũng san cơm sẻ áo không kém Hán Cao Tổ. Ông có như Cơ Tử không làm tôi Chu không : Chủ tôi cũng xuống xe hỏi thăm không kém gì Chu Vũ. Nghĩ lại hai chuyến đó, xin ông quyết định. Vã tại, nước mà hưng vong, mà thịnh suy, là có liên quan đến vận trời, không phải ở sức người được. Như nay ông mà để Trung quốc dùng, thì hiện giờ trong Trung quốc đang có họa từ trong nhà gây nên, ngoài Trung Quốc thì có mối lo, giặc bắc, lại hạn hán liên tiếp, yêu nghiệt nẩy sinh. Đại thần không giúp sức. Dân thì mỗi người mỗi tâm.

Trời mà ra tay, không sớm thì chiều. Kẻ sĩ biết giữ mình, nên sớm xem xét cơ sự, Như các ông không may, lại gặp điều nên phải tránh, hoặc lại không may không thi triển được tài trí mình, như thế chính hợp vào câu của Đường Thái Tôn, « Tận trung vô ích »

Vì ông mưu tính, thì không gì bằng, thuận theo sở ngộ, nghe thiếu trời, nhân thời cơ này, gây trồng công nghiệp làm cho dân tôi may được thoát khỏi cảnh lầm than, mà ông thì, công danh vĩ đại truyền lại sử xanh. Như thế chả hay lắm ư. Nếu cứ khư khư giữ điều tiết nhỏ thì không phải là người hào kiệt biết thời. Xin cúi xét. Thư không hết lời.



與王通書

書示爾總心官知道，古人有言：窮寇勿逼，今我欲舉三四十萬兵圍爾四城，雖然，小敵之堅，大敵之矜，夫以千鈞之力，壓於鳥卵之上，未有不爛碎者也，以攻城之說，姑置一邊或者鬆爾類黨置之度外，且按甲休兵撫養士卒招下賢者，延攬羣才繕脩戰器，練習兵象，教以坐作進退之法，又薰之以仁義使人人有親上死長之誠，以之應敵，順吾向者生，悖吾向者死。凡吾所恃者此爾。他日爾國之事稍緩，貪心復萌，或再加三四萬兵復來，則吾之所以待之者蓋綽乎有餘裕。若爾等不戰而自擒，何足道哉顧此二策，吾意未決，不知公等將以我置之度外爲上策也耶。公等退而教之幸甚。

Phiên âm

DỮ VƯƠNG THÔNG THƯ

Thư thị nhĩ Tổng Binh quan, tri đạo: Cổ nhân hữu ngôn Cùng khấu vật bức. Kim ngã dục cử tam tứ thập vạn binh vi nhĩ tứ thành, chỉ khủng điểu cùng tắc trác, thú cùng tắc bác. Thử ngô bất dĩ toàn thắng chi binh, dữ tất tử chi tốt, tranh tiểu bối thắng dã. Tuy nhiên, tiểu địch chi kiên, đại địch chi cầm, phù dĩ thiên quân chi lực, áp ư điểu noãn chi thượng, vị hữu bất lạn toái giả dã. Dĩ công thành chi thuyết, cô trí nhất biên, hoặc giả tùng nhĩ khỏa đảng trí chi độ ngoại, thả án giáp, hưu binh, phủ dưỡng sĩ tốt, chiêu hạ hiền giả, diên lãm quần tài, thiện tu chiến khí, luyện tập binh tượng, giáo dĩ tọa tác, tiến thoái chi pháp, hựu huấn chi dĩ nhân nghĩa, sử nhân nhân hữu thân thượng, tử trưởng chi thành, dĩ chi ứng địch, thuận ngô hướng giả sinh, bội ngô hướng giả tử. Phàm ngô sở thị giả, thử nhĩ. Tha nhật nhĩ quốc chi sự são hoàn, tham tâm phục manh, hoặc tái gia tam tứ vạn binh phục lai, tắc ngô chi sở dĩ đãi chi giả. Cái xước hồ hữu dư dụ. Nhược nhĩ đẳng bất chiến nhi tự cầm, hà túc đạo tai. Cố thử nhị sách, ngô ý vị quyết. Bất tri công đẳng tương dĩ ngã trí chi độ ngoại vi thượng sách dã gia. Công đẳng thoái nhi giáo chi, Hạnh thậm.

Dịch nghĩa

THƯ GỬI VƯƠNG THÔNG

Thư cho ngươi, Tổng Binh quan được biết : Người xưa có nói : Đừng áp bức giặc ở đường cùng, Nay ta muốn đem bốn mươi vạn quân vây thành ngươi, chỉ e chim lúc cùng phải mổ, thú lúc cùng phải cắn, Vì thế, ta không muốn

lấy quân toàn thắng đi tranh thắng lợi nhỏ với bọn quân sĩ tất phải chết. Tuy nhiên, đối với tiểu địch, thiếu có lấy vật nặng nghìn cân, đặt trên ổ trứng chim, thì chưa thấy có quả nào khỏi vỡ. Ta hãy để việc đánh thành ra ngoài không nói đến, hoặc hãy khoan dung thong thả cho các ngươi, rồi mà cho quân ta nghỉ ngơi, chiêu hồi hiền sĩ, mời đón tài năng, sửa sang khí giới, luyện tập binh tượng, dạy cho đi đứng lên lui, răn cho các điều nhân nghĩa, để ai nấy đều biết kính người thân, gần người trên, một lòng thành thực. Thế rồi cho ra ứng địch, thuận ta thì được sống, trái ta thì phải chết. Đó chỉ cần có thế, chỉ nhờ có thế,

Một ngày kia, ở nước các ngươi, công việc được thư thái. lòng tham nẩy nở, hoặc lại cho thêm ba bốn vạn quân tới, thì ta vốn đợi. vốn sẵn sàng ung dung. Thế rồi. bọn ngươi không đợi phải đánh mà vẫn bị bắt, còn cần gì bàn tới. Vì nghĩ tới đó chí ta chưa quyết. Không biết các ngươi có cho việc ta dừng quân là thượng sách không. Các ngươi nghĩ bảo nhau cho kỹ. Thế là may lắm.



諭清化等城書

諭爾清化乂安將校軍人等。夫，殉國亡軀，乃人臣之大節，論功行賞斯國家之典常，今爾等以忠義之心，勇悍之氣敵王所愾，屡顯厥功。昔我本朝，命先皇帝興隆之盛時，占城逆命，侵我邊邑，乃祖乃父能輸誠効順，圖報國家，殺破賊徒，復我國家疆土，芳名偉烈，簡册昭垂。今者狂明不道，上逆天心，黷武窮兵，務廣土地，生民荼毒，二十餘年。天運循環無往不復，義兵一起，席卷長驅，數月之間，光復舊物，惟東關一城，賊渠王通游魂殘喘，徒爾鴟張，凡我京路諸軍並前日翊聖左右天長天綱等軍，或列於南班北班之首，或賍於天潢肺腑之親，然亦未見其有輸忠効力，樹立功勲者，而爾等以藩屏之臣，克念乃祖乃父前日之功，以盡忠于國家同心一力閹雪國恥戰勝攻取，所向有功，似此忠誠，良可褒奬，特令給賞以酬爾劳，爾其勗哉。

Phiên âm

DỤ THANH HÓA ĐẲNG THÀNH THƯ.

Dụ nhĩ, Thanh Hóa. Nghệ An, tướng hiệu quân nhân đẳng. Phù : tuẫn quốc vong khu, nãi nhân thần chi đại tiết. Luận công hành thưởng tư quốc gia chi điển thường. Kim nhĩ đẳng dĩ trung nghĩa chi tâm, dũng hãn chi khí, địch vương sở khải. Lũ hiển quyết công. Tích ngã bản triều, đương tiên hoàng đế hưng long chi thịnh thời Chiêm Thành nghịch mệnh, xâm ngã biên ấp, nãi tổ, nãi phụ, năng du thành, hiếu thuận, đồ báo quốc gia, sát phá tặc đồ, phục ngã quốc gia cương thổ, Phương danh vĩ liệt, giản sách chiêu thùy. Kim giả cuồng minh bất đạo, thượng nghịch thiên tâm, độc vũ cùng binh, vụ quảng thổ địa, sinh dân đồ độc, nhị thập dư niên. Thiên địa tuần hoàn, vô vãng bất phục. Nghĩa binh nhất khởi, tịch quyển trường khu. Sổ nguyệt chi gian, quang phục cựu vật. Duy Đông Quan nhất thành, tặc cừ, Vương Thông du hồn, tàn xuyển, đồ nhĩ si trương, Phàm ngã Kinh, Lộ, chư quân tịnh tiền nhật, Dực Thánh, Tả Hữu, Thiên Trường, Thiên Võng đẳng quân, hoặc liệt ư Nam Ban, Bắc Ban chi thủ hoặc liên ư Thiên Hoàng, Phế Phủ chi thân, nhiên diệc vị kiến kỳ hữu du trung hiệu lực, thụ lập công huân giả, nhi nhĩ đẳng dĩ phiên bình chi thần, khắc niệm nãi tổ, nãi phụ tiền nhật chi công dĩ tận trung vu quốc gia, đồng tâm nhất lực, đồ tuyết quốc sỉ, chiến thắng công thủ, sở hướng hữu công. Tự thử trung thành, lương khả bao tưởng. Đặc lịnh cấp thưởng dĩ thù nhĩ lao. Nhĩ kỳ húc tai.

Dịch nghĩa

THƯ DỤ CÁC THÀNH THANH HÓA

Dụ các ngươi, tướng hiệu, quân nhân, Thanh Hóa, Nghệ An,

Bỏ mình vì nước vốn là đại tiết của người làm tôi Luận công mà ban thưởng vốn là phép thường của quốc gia. Nay, lũ các ngươi, lấy lòng trung nghĩa, lấy khí dũng mãnh, làm cho bên địch phải tức giận, nhiều lần rõ rệt công lao. Xưa, về bản triều, đương thời Tiên Đế hưng thịnh, nước Chiêm Thành, có trái mệnh, xâm lăng bờ cõi nước ta, đương lúc đó, ông các ngươi, cha các ngươi, đã biết hết sức, hết trung thành, báo đáp quốc gia, giết trừ tàn tặc, lấy lại biên cương tiếng thơm truyền lại, sử xanh ghi chép. Đến nay, giặc Minh vô đạo, trên thì trái lòng trời, dưới thì chuyên dùng vũ lực để mở rộng đất đai, đồ độc sinh dân hơn hai mươi năm. Vận trời tuần hoàn, có đi tất có lại. Cho nên khi quân nghĩa đứng dậy, là ruổi rong chiến thắng, trong có vài tháng, sự vật lại được như xưa. Duy còn một thành Đông Quan, tên đầu giặc là Vương Thông, còn chút thở thoi thóp, cứ khoe khoang chống cự.

Phàm quân sĩ của ta ở các Kinh. Lộ cùng với ngày trước các cánh quân Dực Thánh, Tả Hữu, Thiên Trường, Thiên Võng, hoặc liệt vào hàng đầu nam ban, bắc ban, hoặc ngang với hàng Thiên Hoàng phễ phủ, tôn thân, mà vẫn chưa thấy rõ được tâm trung can, chưa lập được công huân, dù sao các ngươi cũng là hàng bầy tôi bình phong cứ nhớ đến công ông cha các ngươi, đã một tâm tận trung vì quốc để rửa thù nước, nhục nước. thường lâm trận quyết thắng, cứ nghĩ tới điều trung thành ấy cũng đủ ban khen. Vậy đặc biệt sai cấp thưởng công lao các ngươi. Các ngươi cứ cố gắng.

求封奏文

（丁未天慶三年，當明宣德二年，八月，時黎太祖得號胡翁者于老撾國名陳暠，稱為陳氏之後，因權立為帝，建元天慶遣使求封于明）。

安南國先陳主三世孫陳暠，大頭目黎利，謹奏為求封事，臣竊惟臣國僻居荒裔，夐隔華風，當太祖高皇帝龍飛之初，臣祖，先諸國而入貢，特承褒獎，錫以王爵。自是世守封疆，朝貢罔缺，頃以胡氏篡奪，覆臣宗祀，上欺朝廷，下重民苦，上天降禍，臣庶離心。太宗皇帝弗忍一方荼毒，興師問罪，克平之後復詔求陳氏子孫，謂已死滅無可繼立。乃復請置郡縣，將陳氏子孫陳元禧陳師錫陳光祉等數十人起送回京，盡行安排仍間設都布按三司府縣衛所衙門置官分治，然其所置之官，不為體朝廷綏撫遠人之意乃

專刻民肥己之謀任方面者不知大體

眛於承宣，踐烏臺者禁口無聲，坐視

民瘼，其牧民之官則不以撫字爲念而

務意侵漁。其將帥之臣則不以衛民爲

心而肆行 淩虐，至若閹官之徒，專以

聚歛爲意，'搒棓克良民，逼取金寶，覃山

竭澤，搜索靡遺，欲其泉貨之富則盡民

財之充丘壑之慾，欲廨宇之壯則奪民

時而興木土之功，公租之所入者一分

監臨之所資者過半，官吏之愛民者絕

無，而視民如仇讐者皆是。日甚一日。

民不聊生，若水益深，若火益熱。奈天

高而朝廷遠下情不能上達，而饑寒之

切于身，禮義有不暇顧，乃率衆以殺

其官吏，是蓋一時出於不得已，而冀

少緩於水火之極耳。臣竄身在

老撾國。十有餘年。至是，臣一

國之人不謀而同辭，乃自推

請，逼脅臣於倉卒之間，不暇

簡擇，已俛狗輿情以待明命，

宣德元年十一月日，臣還至本國，見臣國人已先將臣祖父境土，盡行收復，其新平順化，乂安演州，清化前後衛昌江鎮夷市橋，三江，各處城池，俱已開城釋甲，就將和解，其衛所州縣等官，并一應官軍，臣一一收養，秋毫無犯，其總兵官王通陳智李安馬英方政，内官山壽馬騏等輩，亦已與臣講解，臣已請王通等遣人齎書回奏。然彼衆懼罪懷疑，自不敢行，臣等自知負罪深重，進退惟谷，然臣竊惟自古聖人若成湯武王之伐罪吊民，一皆出於天理之至公，非有一毫私意於其間，是以夏商雖滅而杞宋就封，或討或命，未嘗不體乎天，後以漢唐好大喜功而猶且羈縻臣國，置之度外。況我太祖高皇帝貽後條章，明明在上，太宗文皇帝許立陳氏子孫之詔書御筆未乾。伏惟皇帝陛下，聖神文武，睿知聰明，好生之德既洽于民，一視之

仁罔有攸聞，必同漢武下輪臺之詔，必若唐太班新市之師，必遵承太祖之條章，必舉行太宗之明詔，必赦臣丘山之罪，必寬臣斧鉞之誅，使臣土南荒，納貢天闕，是則非獨臣一人之幸，臣一國之人莫不歡欣踴躍，鼓舞皇仁，不啻若陽春之回枯朽，温風之解沍寒者也。臣當銘心刻骨，効順輸忠，奏表稱臣，歲貢罔缺，另除差人齎捧表文進貢方物，外未敢自專，謹具奏聞伏俟勅旨。



Phiên âm

CẦU PHONG TẤU VĂN

(Đinh mùi, Thiên Khánh tam niên, đương Minh, Tuyên Đức, nhị niên, bát nguyệt. Thời Lê Thái Tổ, đắc hiệu Hồ Ông giả vu Lão Qua quốc, danh Trần Cảo, xưng vi Trần thị chi hậu, nhân quyền lập vi đế, kiến nguyên Thiên Khánh, khiển sứ cầu phong vu Minh).

An Nam quốc, tiên Trần chủ tam thế tôn, Trần Cảo; đại đầu mục Lê Lợi, cẩn tấu vị cầu phong sự. Thần thiết duy thần quốc, tịch cư hoang duệ, man cách hoa phong. Đương Thái Tổ Cao Hoàng Đế long phi chi sơ, thần tổ, tiên chư quốc nhi nhập cống, đặc thừa bao tưởng, tích dĩ vương tước. Tự thị, thế thủ phong cương, triều cống võng khuyết. Khoảnh dĩ Hồ thị thoán đoạt, phúc thần tôn tự. Thượng khi triều đình hạ trọng dân khổ. Thượng thiên giáng họa, thần thứ ly tâm. Thái Tôn Hoàng Đế phất nhẫn, nhất phương đồ độc hưng sư vấn tội. Khắc bình chi hậu, phục chiếu cầu Trần thị tử tôn. Vị dĩ tử diệt, vô khả kế lập. Nãi phục thỉnh trí quân huyện, Tương Trần thị tử tôn, Trần Nguyên Hy, Trần Sư Tích, Trần Quang Chỉ đẳng số thập nhân, khởi tống hồi Kinh, tận hành an tháp. Nhưng khai thiết đô, bố, án, tam ty, phủ, huyện, Vệ, Sở, Nha môn, trí quan, phân trị. Nhiên kỳ sở trí chi quan, bất thể triều đình tuy phủ viễn nhân chi ý, nãi chuyên vi khắc dân phì kỷ chi mưu. Nhiệm phương diện giả, bất tri đại thể. Muội ư thừa tuyên. Tiễn Ô Đài giả cấm khẩu vô thanh, tọa thị dân mạc. Kỳ mục dân chi quan, tắc bất dĩ Phủ tự vi niệm nhi vụ ý xâm, ngư. Kỳ tướng súy chi thần tắc bất dĩ vệ dân vi tâm, nhi tứ hành lăng ngược. Chí nhược yêm hoạn chi đồ chuyên dĩ tụ ...n vi ý. Bồi khắc lương dân, bức thủ kim bảo. Đồng sơn, kiệt

trạch. Sưu sách mi di. Dục kỳ tuyền hóa chi phú, tắc đố dân tài dĩ sung khưu hác chi dục. Dục giải vũ chi tráng, tắc đoạt dân thời, nhi hưng mộc thổ chi công. Công tô chi sở nhập giả nhất phận, lạm lâm chi sở tư giả quá bán. Quan lại chi ái dân giả tuyệt vô Nhi thị dân như cừu thù giả giai thị. Nhật thậm nhất nhật. Dân bất liêu sinh. Nhược thuỷ ích thâm. Nhược hỏa ích nhiệt, Nại thiên cao nhi triều đình viễn. Hạ tình bất năng thượng đạt. Nhi cơ hàn chi thiết vu thân, lễ nghĩa hữu bất hạ cố. Nãi suất chúng dĩ sát kỳ quan lại. Thị cái nhất thời xuất ư bất đắc dĩ. Nhi kỳ thiều hoãn ư thủy hỏa chi chửng nhĩ.

Thần soán thân tại Lão Qua quốc, thập hữu dư niên. Chí thị, thần, nhất quốc chi nhân, bất mưu nhi đồng từ, nãi tự thôi thỉnh bức hiếp thần ư thảng thốt chi gian, bất hạ giản trạch, dĩ phủ tuẫn dư tình, dĩ đãi triều mệnh. Tuyên Đức nguyên niên, thập nhất nguyệt nhật, thần hoàn chí bản quốc. Kiến thần quốc nhân, dĩ tiên tương thần tổ phụ cảnh thổ, tận hành thu phục. Kỳ Tân Bình, Thuận Hóa, Nghệ An, Diễn Châu, Thanh Hóa tiền hậu vệ, Xương Giang, Trấn Di, Thị Kiều, Tam Giang, các xứ thành trì, câu dĩ khai thành, thích giáp, tựu tương hòa giải. Kỳ Vệ Sở Châu Huyện đẳng quan, tịnh nhất ứng quan quân. Thần, nhất nhất thu dưỡng, thu hào vô phạm. Kỳ Tổng Binh quan, Vương Thông, Trần Trí, Lý An, Mã Anh, Phương Chính, nội quan Sơn Thọ, Mã Kỳ đẳng bối, diệc dĩ dữ thần giảng giải. Thần dĩ thỉnh Vương Thông đẳng khiển nhân, tê thư hồi tấu. Nhiên bỉ chúng cụ tội hoài nghi, tự bất cảm hành. Thần đẳng tự tri phụ tội thâm trọng, tiến thoái duy cốc. Nhiên thần thiết duy tự cổ thánh nhân nhược Thành Thang, Vũ Vương chi phạt tội điếu dân, nhất giai xuất ư thiên lý chi chí công, phi hữu nhất hào tư ý ư kỳ gian. Thị dĩ Hạ, Thương tuy diệt, nhi Kỷ, Tống tựu phong

Hoặc thảo, hoặc mệnh, vị thường bất thể hồ thiên. Hậu dĩ Hán, Đường hiếu đại, hỷ công, nhi do thả ky my thần quốc, trí chi độ ngoại. Huống ngã Thái Tổ Cao Hoàng Đế di hậu điều chương, minh minh tại thượng, Thái Tôn Văn Hoàng Đế, hứa lập Trần thị tử tôn chi chiếu thư. Ngự bút vị can.

Phục duy : Hoàng Đế Bệ Hạ. thánh thần văn vũ, duệ trí thông minh, Hiếu sinh chi đức ký hiệp vu dân, nhất thị chi nhân võng hữu du gián. Tất đồng Hán Vũ hạ Luân Đài chi chiếu. Tất nhược Đường Thái ban Tân thị chi sư. Tất tuân thừa Thái Tổ chi điều chương. Tất cử hành Thái Tôn chi Minh chiếu. Tất sá thần khưu sơn chi tội. Tất khoan thần phủ việt chi tru. Sử thần đắc thủ thổ nam hoang, nạp cống thiên khuyết. Thị tắc phi độc thần nhất nhân chi hạnh. Thần nhất quốc chi nhân, mạc bất hoan hân dũng dược, cổ vũ hoàng nhân. Bất thí nhược dương xuân chi hồi khô hủ, ôn phong chi giải hỗ hàn giả dã.

Thần dương minh tâm khắc cốt, hiệu thuận du trung, tấu biểu xưng thần, tuế cống vọng khuyết. Lánh trừ sai nhân tê phủng biểu văn tiến cống phương vật. Ngoại vị cảm tự chuyên. Cẩn cụ biểu văn. Phục hậu sắc chỉ.

Dịch nghĩa

BIỂU CẦU PHONG.

(Năm đinh mùi, niên hiệu Thiên Khánh thứ ba, triều Minh là Tuyên Đức năm thứ hai, tháng tám. Lê Thái Tổ tìm được Hồ Ông ở nước Lão Qua, tên là Trần Cảo, xưng là con

cháu họ Trần, nhân quyền lập lãm vua, lấy niên hiệu Thiên Khánh, sai sứ cầu phong triều Minh).

Nước An Nam, cháu đời thứ ba Trần chủ, là Trần Cảo, Đại Đầu Mục là Lê Lợi. kính cẩn tâu việc cầu phong :

Thần thiết nghĩ: Nước của thần, ở xa vào nơi man di không gần hoa hạ. Khi Thái Tổ Cao Hoàng Đế mới ngự ngôi trời thì ông của thần, trước tiên, trước các chư hầu, đã vào cống, và đã được đặc biệt khen thưởng, ban tước vương. Từ đó cứ giữ ngôi chức, triều cống không sai. Bỗng họ Hồ cướp ngôi, hủy bỏ cúng tế, trên thì dối triều đình, dưới thì hại nhân dân. Trời cao giáng họa, tôi con gian nan. Thái Tôn Hoàng Đế không nỡ để một phương bị đồ độc mới cho đem quân hỏi tội. Bình xong loạn, có cho tìm con cháu họ Trần. Thì tâu lên là đã chết cả. không còn ai nối nghiệp, và xin đặt nước làm quận huyện. Còn sót lại họ Trần những tên Trần Nguyên Hy. Trần Sư Tích, Trần Quang Chỉ độ vài chục người, cho đưa cả về Kinh an trí. Nhân dịp đặt ba Ty, cùng các phủ huyện, sở, vệ, nha, và chia ra các chức quan cai trị.

Tuy vậy, các quan được bổ nhiệm không làm theo ý muốn của triều đình là vỗ về yên trị dân phương xa. Bọn đó lại chuyên tâm nghĩ lợi cho mình, bất chấp là hại dân. Bọn được bổ nhiệm thì thừa hành mê muội như thế. Bọn gián quan ở nhà thì cấm khẩu, không lên tiếng, ngồi nhìn dân khổ. Bọn có phận sự chăn dắt dân, thì không lấy chữ (phủ dân) làm cốt yếu, mà chỉ vụ lợi tham nhũng. Bọn tương súy thì không lấy chữ (vệ dân) làm cốt yếu, lại đi lộng hành lăng ngược. Cho đến cả bọn hoạn quan, cũng tha hồ đi vơ vét áp bức lương dân, thu nhặt vàng ngọc. Rừng núi không còn cây. Ao đầm không còn cá. Thuế má không có khoản nào sót. Muốn cố

chóng làm giầu thì đục mọt dân, để phỉ lòng tham ô cao như gò, như núi. Muốn dinh thự cho sang trọng thì cướp thời gian, mùa màng của dân, sai đủ mọi công tác, làm đất, làm gỗ. Thuế có một phần, mà quan thu riêng quá nửa. Bọn quan lại yêu dân thì không còn có nữa. Chỉ có bọn coi dân như cừu thù. Mỗi ngày một tệ hơn. Dân không sống nổi. Như nước càng sâu, như lửa càng bốc. Tội thay trời thì cao, mà triều đình thì xa. Tình kẻ dưới không đạt lên trên được. Rồi đói rét thiết đến thân. Là thôi không nghĩ gì đến lễ nghĩa. Cho nên, dân chúng được kéo đi giết bọn quan lại. Đó thực là một thời bất đắc dĩ, chỉ là tạm đỡ nạn nước lửa đã đến lúc cùng cực.

Thần ẩn náu tại nước Lão Qua, hơn mười năm. Đến nay, các người trong nước, không cùng mưu, mà cùng một lời đến xin thần, bắt ép thần trong lúc thảng thốt, đành nghe theo chúng để đợi mệnh triều đình sau. Niên hiệu Tuyên Đức năm đầu, ngày tháng mười một thần về tới bản quốc, thấy người trong nước đã sửa sang thu phục phần mộ tổ phụ thần. Rồi đến các thành trì các xứ Thị Kiều, Tam Giang, Xương Giang, Tân Bình, Thuận Hóa Nghệ, An, Diễn Châu, tất cả đều mở cửa thành, xếp áo giáp, tới xin hòa. Các quan coi Vệ, Sở, Châu, Huyện, tới nơi, thần đều thu nạp coi nuôi, tơ tóc không phạm. Các quan Tổng Binh, Vương Thông, Trần Trí, Lý An, Mã Anh, Phương Chính các nội quan Sơn Thọ, Mã Kỳ, đều cùng với thần hòa giải, Thần đã xin với bọn Vương Thông cho dâng biểu tâu về, nhưng bọn đó sợ tội, còn nghi ngại, không dám tự làm. Bọn thần đây, tự biết tội lớn, tiến thoái đều khó. Nhưng thần lại trộm nghĩ, từ xưa, thánh nhân, như Thành Thang, Vũ Vương, phạt tội điếu dân, đều theo một lẽ trời rất công, chứ không có lấy một mảy may nào do ý muốn riêng, Vì thế Hạ, Thượng tuy đã bị diệt, mà Kỷ, Tống được đất phong. Dù đánh dẹp, dù phong thưởng, trường hợp nào cũng thể

theo lý trời, Về sau, Hán, Đường thích oai hùng, thích công danh, ấy thế mà các nước ky my xa xôi, như nước thần, còn đặt ra ngoài, không đếm kể. Huống chi đức Thái Tổ Cao Hoàng Đế ta để lại hiến chương rõ rệt, Thái Tôn Văn Hoàng Đế có chiếu hứa lập con cháu họ Trần, ngự bút hiện mực còn chưa khô.

Ngửa trông : Hoàng Đế Bệ Hạ, thánh thần văn vũ, tuệ trí thông minh. Đức hiếu sinh đã hợp lòng dân. Đức nhân không còn sở. Tất như vua Hán Vũ xuống chiếu Luân Đài (1). Tất như Đường Thái Tôn ban sư Tân Thị (2). Tất tuân theo điều chương Thái Tổ. Tất thi hành minh chiếu Thái Tôn. Tất tha tội to tầy núi của thần. Tất khoan dung thần khỏi bị lưỡi phủ việt. Lại cho thần giữ cỏi nam hoang nộp cống hiến về thiên khuyết. Đó không phải riêng may cho thần mà cả nước toàn dân đều dũng dược vui mừng, ca ngợi hoàng ân, y như đương xuân làm cho cây khô tươi tốt, gió ấm thổi tan giá lạnh.

Thần xin minh tâm khắc cốt, hết sức hết lòng trung thuận dâng biểu xưng thần, hàng năm cống hiến không thiếu sót. Nay đặc sai người dâng biểu văn, tiến cống phương vật, không, dám tự chuyên. Kinh dâng lên. Ngửa trông sắc chỉ.



CHÚ THÍCH :

(1) Một trấn ở phía tây bắc nước Tàu, trước có quân đóng đồn, thời Hán mới bãi bỏ.

(2) Một trấn xứ bắc nước Tàu.

再與王通書

清化府知府黎某書復總兵官大人鈞坐前并列位大人等，昨日奉書，未蒙回答，差來通事，口說無憑，然前日之事，既往難追，自今而後悔不遠復，大人倘能念及安南一方之人，匍匐無知，不忍使其無辜而受戮，則前日之言可以不負矣。

Phiên âm

TÁI DỮ VƯƠNG THÔNG THƯ

Thanh Hóa phủ, Tri Phủ Lê mỗ, thư phục Tổng Binh quan đại nhân quân tọa tiền, tịnh liệt vị đại nhân đẳng, Tạc nhật, phụng thư, vị mông hồi đáp, sai lai thông sự. Khẩu thuyết vô bằng. Nhiên tiền nhật chi sự ký vãng nan truy. Tự kim nhi hậu, hối bất viễn phục. Đại nhân, thảng năng niệm cập An Nam nhất phương chi nhân bồ bặc vô tri, bất nhẫn sử kỳ vô cô nhi thụ lục, tắc tiền nhật chi ngôn khả dĩ bất phụ hỹ.

Dịch nghĩa

LẠI CÓ THƯ GỬI VƯƠNG THÔNG

Tri Phủ phủ Thanh Hóa là Lê Mỗ, thư gửi quan Tổng Binh đại nhân cùng chư vị đại nhân, Hôm trước có thư

trình, chưa có hồi đáp, cho người thông sự tới thì khẩu thiệt vô bằng. Tuy nhiên việc bữa trước đã qua thì khó mà lấy lại. Từ nay về sau, chắc không có xảy ra nữa. Đại nhân nếu như nghĩ tới người An Nam một phần, không được biết việc gì, mà không nỡ gieo tội vạ để đến bị chết, nếu còn nghĩ thế, thì lời nói lần trước, có thể còn nguyên, không bị ăn lời.

抑齋遺集卷之四完

Ức Trai Di Tập, quyển chi tứ hoàn.

Ức Trai Di Tập, quyển thứ Tư, hết.



QUYỀN V

SỰ TRẠNG

卷之五

事狀

抑齋詩集序陳克儉撰

先生上福縣藹溪人，父姓阮，諱飛卿，號藹溪先生，中進士第二名，歷官通章大夫大理寺卿兼中書侍郎，翰林院學士，太子左贊善大夫國子監司業。賜金魚袋上輕車都尉。先生諱廌，號抑齋，二十一歲中進士第四名，為中書御史臺正掌（范譜云胡末歸？徒）及北兵竊據，公素善天文知我國真主興，欲往為輔，被北人矜留城中，常托國語首尾吟（其詩見國音集）。北人見公大才，欲得為用，知公志不回，愈加敬遇後設計得脫，去謁太祖高皇帝于磊江，献平吳策，是夜帝夢神人告以明日賚以良弼。及公來，狀貌宛如夢中所見。帝奇之，將授承旨學士，置諸左右。凡軍國機務，委公籌畫。及駐

營菩提，帝命隔層樓于菩提樹上，與城對峙，覘賊動靜。仍賜公侍坐第二層，日草往復書諭各城。仍挺身入城五次，講和通使，卻北兵還國，及大封功臣，加公冠服侯，賜國姓。凡國朝憲章制度禮樂，皆公所粉飾歷官特進金紫榮祿大夫內行遣門下省諫議大夫，翰林院承旨，入侍經筵，知制誥，行樞密院事，兼西北二道軍民簿籍，詞訟。掌五經博士，五衛禁兵，掌中書國史三館事等職。有詩集行于世（時洪德十一年庚子仲春穀日）。

ooo

Quyển Chi Ngũ.
Sự Trạng.

Phiên âm

ỨC TRAI THI TẬP TỰ. *Trần Khắc Kiệm soạn.*

Tiên sinh, Thượng Phúc huyện, Nhị Khê nhân. Tổ tính Nguyễn, húy Phi Khanh, hiệu Nhị Khê Tiên Sinh. Trúng tiến sĩ đệ nhị danh. Lịch quan, Thông Chương đại phu, Đại Lý Tự Khanh, kiêm Trung Thư Thị Lang, Hàn lâm viện Học Sĩ, Thái Tử, Tả Tán Thiện đại phu. Quốc Tử Giám Tư Nghiệp, tứ kim ngư đại thượng Khinh Xa ĐÔ ÚY.

Tiên sinh húy Trãi, hiệu Ức Trai. Nhị thập nhất tuế, trúng tiến sĩ đệ tứ danh. Vi Trung Thư Ngự Sử Đài, Chính Chưởng. (Phạm phả vân : Hồ mạt quy (1). đồ). Cập bắc binh thiết cứ, Công tố thiện thiên văn, tri ngã quốc chân chủ hưng, dục vãng vi phụ. Bị bắc nhân cầm lưu thành trung. Thường thác quốc ngữ thủ vĩ ngâm (Kỳ thi kiến Quốc Âm Tập). Bắc nhân kiến công đại tài, dục đắc vi dụng. Tri công chí bất hồi, dũ gia kinh ngộ. Hậu thiết kế đắc thoát. Khứ yết Thái Tổ Cao Hoàng Đế vu Lỗi Giang, hiến Bình Ngô sách. Thị dạ Đế mộng thần nhân cáo dĩ minh nhật, tê dĩ lương bật. Cập công lai, trạng mạo uyển như mộng trung sở kiến. Đế kỳ chi, tương thụ Thừa Chỉ Học Sĩ, trí chư tả hữu. Phàm quân quốc cơ vụ ủy công trù hoạch. Cập trú doanh Bồ Đề, đế mệnh cách tằng lâu vu Bồ Đề thụ thượng, dữ thành đối trĩ, chiêm tặc động

---

CHÚ THÍCH : Bản in có một chữ nhòa, chưa biết là chữ gì. Bỏ không dịch.

tĩnh. Nhưng tứ công thị tọa đệ nhị tằng, Nhật thảo vãng phục thư, dụ các thành. Nhưng đĩnh thân nhập thành ngũ thứ. Giảng hòa thông sứ, khước bắc binh hoàn quốc.

Cập đại phong công thần, gia công Quan Phục Hầu, tứ quốc tính. Phàm quốc triều hiến chương chế độ lễ nhạc, giai công sở phấn sức. Lịch quan Đặc Tiến Kim Tử Vinh Lộc đại phu, Nội Hành Khiển Môn Hạ Tỉnh, Gián Nghị đại phu, Hàn lâm viện Thừa Chỉ, Nhập Thị Kinh Diên, Tri Chế Cáo, hành Khu Mật viện sự. Kiêm tây bắc nhị đạo quân dân bạ tịch từ tụng, chưởng Ngũ Kinh Bác sĩ, Ngũ Vệ Cấm Binh, chưởng Trung Thư Quốc Sử, Tam Quán sự đẳng chức. Hữu Thi tập thành vu thế.

Thời Hồng Đức thập nhất niên, canh tý trọng xuân cốc nhật.



Quyển Thứ 5 — Các việc được chép

Dịch nghĩa

BÀI TỰA QUYỂN ỨC TRAI THI TẬP *Trần Khắc Kiệm soạn*

Tiên sinh người huyện Thượng Phúc làng Nhi Khê. Cha, họ Nguyễn, húy Phi Khanh, hiệu Nhị Khê Tiên Sinh. Đỗ Bảng Nhãn, làm quan đến chức Thông Chương đại phu, Đại Lý Tự Khanh, kiêm Trung Thu Thị Lang, Hàn Lâm Viện Học Sĩ, Thái Tử Tả Tán Thiện đại phu. Quốc Tử Giám Tư Nghiệp, được ban Kim Ngư Đại Thượng Khinh Xa Đô Úy.

Tiên sinh huý Trãi hiệu Ức Trai. Năm 21 tuổi đỗ tiến sĩ thứ tư, giữ chức Trung Thư Ngự Sử đài Chính Chưởng.

Khi đội quân phương bắc tới chiếm cứ, ông vốn sành khoa thiên văn, có biết là nước ta rồi có chân chủ. Ông muốn tìm tới giúp, mà bị giặc bắt giữ tại trong thành. Ông thường làm thơ nôm lối thủ vĩ ngâm (Thơ còn truyền trong tập Quốc Âm tập). Người bắc thấy ông có tài, ý muốn được để dùng. Nhưng biết chí ông không theo thì lại càng kính nể. Sau ông lập kế thoát thân được, tới yết kiến Thái Tổ Cao Hoàng Đế tại Lỗi Giang hiến bài sách Bình Ngô. Đêm đó, trong mộng, vua thấy thần nhân báo cho biết ngày mai sẽ có người tài tới giúp. Khi ông tới, vua nhận thấy trạng mạo giống như người được thấy trong mộng mới lấy làm kỳ lạ rồi giao cho chức Thừa Chỉ Học Sĩ, để ở gần luôn, phàm các việc quân việc nước, đều bàn định. Khi đóng quân

tại Bồ Đề, vua sai bắc gióng làm nhiều từng trên cây cao đối với thành giặc để coi xét tình hình giặc trong thành. Có cho ông hầu luôn ở từng hai. Hàng ngày thảo thư từ gửi đi khuyến dụ các thành về hàng. Có đến năm bận vượt hiểm vào thành. Ông giữ các công việc giảng hòa, thông sứ, coi sóc cho quân đội bắc về nước.

Khi phong công thần, ông được gia phong tước Quan Phục Hầu, được ban họ vua. Phàm ở triều Lê, các luật pháp, các lễ nhạc, đều do ông định đoạt. Làm quan kiêm các chức: Đặc tiến Kim Tử Vinh Lộc đại phu, Nội Hành Khiển Môn Hạ Tỉnh, Gián Nghị đại phu Hàn Lâm viện Thừa Chỉ, Nhập Thị Kinh Diên, Tri Chế Cáo, hành Khu Mật viện sự, kiêm Nhị Đạo Quân Dân các xứ tây bắc về sổ sách, kiện tụng, Chưởng Ngũ Kinh Bác Sĩ, Ngũ Vệ Cấm Binh, Lại chưởng cả Trung Thư Quốc Sử, Tam Quán sự.

Có tập thơ truyền lại,

Niên hiệu Hồng Đức năm thứ mười một. Canh tý, tháng hai, ngày tốt.



（按登科註云：公上福蘂溪人，二十一歲中，今以甲子推之，當生於陳廢帝昌符四年庚申，上福青威古屬國威，見羣賢賦集）。

世編（蘂溪族譜）云：

廌先祖貫鳳山縣（即鳳眼）支碍社（古屬京北處北江府今海陽至靈）有陰宅在蘂溪。父應龍號飛卿登進士第二名，仕胡，娶司徒陳元旦之女生廌，賓，飛熊，驍，四人，年七十三，適明人之亂，擒公父子三人，歸于萬山（范譜作北京）店。（後卒于此，次子飛熊歸葬拜望山故鄉）父曉之曰：我老矣。任汝弟從，惟吾平生最愛拜望山山水，骸骨歸墓足矣。我觀天文二十年後，西方必有真主興。汝宜決志于此，雪國之恥，復父之讐，正爲大孝。豈區區膝下以爲孝耶。公乃辭回求夢于夜澤。（或作鎮武觀）夢見告云：藍山黎利爲天子乃尋到磊江，遇黎太祖事之。

Phiên âm

(Ân Đăng Khoa Chú vận : Công, Thượng Phúc, Nhị Khê nhân. Nhị thập nhất tuế trúng, Kim dĩ giáp tý toán chi, đương sinh ư Trần Phế Đế, Xương Phù tứ niên, canh thân. Thượng Phúc, Thanh Uy, cổ thuộc Quốc Uy, kiến Quần Hiền Phú tập).

Thế Biên (tức Nhị Khê tộc phả) vân : Trãi, tiên tổ, quán Phượng Sơn huyện (tức Phượng Nhãn), Chi Ngại xã (cổ thuộc Kinh Bắc, Bắc Giang phủ, kim Hải Dương, Chí Linh). Hữu âm trạch tại Nhị Khê. Phụ, Ưng Long, hiệu Phi Khanh, đăng tiến sĩ đệ nhị danh. Sĩ Hồ. Thú Tư Đồ, Trần Nguyên Đán chi nữ, sinh Trãi, Bảo, Phi Hùng, Ly, tứ nhân, Niên thất thập tam, thích Minh nhân chi loạn, cầm công phụ tử tam nhân, quy vu Vạn Sơn (Phạm phả tác Bắc Kinh) điếm. (Hậu tốt vu thử. Thứ tử Phi Hùng quy táng Bái Vọng sơn, cố hương) Phụ hiểu chi viết : Ngã lão hỹ. Nhiệm nhữ đệ tòng. Duy ngô bình sinh tối ái Bái Vọng sơn, sơn thủy, hài cốt quy táng túc hỹ. Ngã quan thiên văn, nhị thập niên hậu, tây phương tất hữu chân chủ hưng. Nhữ nghi quyết chí vu thử, tuyết quốc chi xỉ, phục phụ chi thù, chính vi đại hiếu. Khởi khu khu tất hạ dĩ vi hiếu gia. Công nãi từ hồi, cầu mộng vu Dạ Trạch (hoặc tác Trấn Vũ Quan). Mộng kiến cáo vân : Lam sơn Lê Lợi vi thiên tử. Nãi tầm đáo Lỗi Giang Ngộ Lê Thái Tổ, sự chi.

Dịch nghĩa

(Coi sách Đăng Khoa có nói : Ông người làng Nhị Khê huyện Thượng Phúc. Năm hai mươi mốt tuổi đỗ tiến sĩ. Nay cứ tính theo can chi thì đặt năm sinh vào đời Phế Đế, niên hiệu Xương Phù năm thứ tư. canh thân (1380). Thượng Phúc trước là Quốc Oai, coi trong tập Quần Hiền Phú).

Theo Thế Biên (Nhị Khê tộc phả), về Trãi, tổ tiên quán tại huyện Phượng Sơn, (tức là Phượng Nhãn) xã Chi Ngại (trước thuộc về xứ Kinh Bắc, phủ Bắc Giang, nay là Chí Linh, Hải Dương). Có phần mộ tại Nhị Khê. Cha tên là Ứng Long, hiệu là Phi Khanh, đỗ Bảng Nhãn, làm quan triều Hồ, lấy con gái quan Tư Đồ, Trần Nguyên Đán, sinh ra bốn người con : Trãi, Bảo, Phi Hùng và Ly. Năm bảy mươi ba tuổi, gặp loạn họ Hồ, ba bố con bị bắt tới chợ Vạn Sơn (Gia phả họ Phạm chép là Bắc Kinh) (Sau mất ở đó, con thứ là Phi Hùng, cải táng về quê cũ là Bái Vọng sơn). Cha có bảo các con rằng: Cha già rồi. Để một em nó theo thôi. Bình sinh, ta rất thích phong cảnh Bái Vọng sơn. Được đưa hài cốt về đó là đủ. Ta coi thiên văn hai mươi năm sau, ở phương tây sẽ có chân chúa hưng khởi, mày nên quyết chí theo đi, để rửa hận nước để rửa thù cha, thế là đại hiếu. Chứ cứ bo bo ở dưới gối, có phải là hiếu đâu.

Ông mới từ biệt lên đường về. Cầu mộng tại Dạ Trạch (có bản viết là Trần Vũ Quan). Mộng thấy thần bảo Lê Lợi ở Lam Sơn là Thiên Tử. Thế là công lần tới Lỗi Giang, gặp rồi phụng sự Lê Thái Tổ.



世傳先生精于術數，知我國旺氣當在
清華，因往求，之及至藍山與太祖相
遇，情願爲奴，太祖收之。居一年，日
事耕作，宿于舍外，別無所見。一日遇
皇考諱日，見太祖即坐几切肉食之，
先生鄙爲褻，乃辭去。至楊舍津留憩。
見明人數四在別館喈，問此人何來，
其中一人謂先生智士，擇君而往既見
其君，再狐疑未定故去。先生聞之不
以爲意。前往諒口渡，留宿隔壁，有明
人夜出望見天象常急呼同伴指示曰：
安南將星象已顯現，吾輩當早去，不
可以留。同伴問是何如體貌畫象。其
人曰：他是虎將多殺，且飲食粗惡。先
生所之，乃反藍山，始細觀動靜。見每
市太祖常買酒油携回，先者酒多於
油，至是油多於酒。心覺之，一夕索太
祖於寢所，不見，即潛入林中，登高望
見山亞中有一棧光照耀。畫太祖在

焉。乃登梯窺之，見太祖與黎受共算太乙，相語至亥年可云云。乃呼曰。主上錯算矣。太祖驚起，欲新之，先生對曰：其所以委質主公，只為此爾。何乃相失，太祖擲劍曰：家奴亦有知乎。曰某所素講明也。太祖啟扉賜之坐。命索之，先生布算曰：酉年即其數也。自是凡有計議必與之同。先是太祖，與同鄉黎受謀起兵，未敢發，及得先生乃定，詳見功臣黎受譜記。

Phiên âm

Thế truyền tiên sinh tinh vu thuật số, tri ngã quốc vượng khí đương tại Thanh Hoa. Nhân vãng cầu chi. Cập chí Lam Sơn, dữ Thái Tổ tương ngộ, tình nguyện vi nô. Thái Tổ thu chi. Cư nhất niên, nhật sự canh tác. Túc vu xá ngoại. Biệt vô sở kiến. Nhất nhật ngộ Hoàng khảo húy nhật. Kiến Thái Tổ tức tọa kỷ thiết nhục thực chi. Tiên sinh bỉ vi man, nãi từ khứ. Chí Dương Xá tân lưu khế. Kiến Minh nhân sổ tứ tại biệt quán đồ, vấn thử nhân hà lai. Kỳ trung, nhất nhân, vị tiên sinh, trí sĩ, trạch quân nhi vãng, ký kiến kỳ quân, tái hồ nghi, vị định, cố khứ. Tiên sinh văn chi bất dĩ vi ý. Tiền vãng Gián Khẩu độ. lưu túc. Cách bích, hữu Minh nhân dạ xuất, vọng kiến thiên tượng. Thường cấp hô đồng bạn, chỉ thị viết : An Nam tướng tinh tượng, dĩ hiển hiện, ngô bối đương tảo khứ, bất khả cửu lưu. Đồng bạn vận thị hà như thể mạo

ý. tượng. Kỳ nhân viết : Tha thị hồ tướng đa sát, thả ầm thực thô ác. Tiên sinh sở chi. Nãi phản Lam Sơn. Thủy tế quan động tĩnh. Kiến mỗi thị, Thái Tổ, thường mãi tửu, du, huề hồi. Tiên giả tửu đa ư du. Chí thị du đa ư tửu. Tâm giác chi. Nhất nhật sách Thái Tổ ư tầm sở, bất kiến. Tức tiềm nhập lâm trung, đăng cao vọng kiến sơn dữu trung hữu nhất sạn quang chiếu diệu, ý Thái Tổ tại yên. Nãi đăng thê khuy chi. Kiến Thái Tổ dữ Lê Thụ cộng toán thái ất. Tương ngữ chí hợi niên khả vân vân... Nãi hô viết : Chủ thượng thố toán hỹ. Thái Tổ kinh khởi dục trảm chi. Tiên sinh đối viết : Mỗ sở dĩ ủy chí chủ công, chỉ vị thử nhĩ. Hà nãi tương thất. Thái Tổ trịch kiếm viết : Gia nô diệc hữu tri hồ. Viết : Mỗ sở tố giảng minh dã. Thái Tổ khải phi tứ chi tọa. Mệnh sách chi. Tiên sinh bố toán viết : Dậu niên tức kỳ số dã. Tự thị phàm hữu kế nghị, tất dữ chi đồng. Tiên, thị, Thái Tổ dữ đồng hương Lê Thụ, mưu khởi binh. Vị cảm phát. Cập đắc tiên sinh, nãi định. Tường kiến. Công thần Lê Thụ phả ký.

Dịch nghĩa

Tương truyền, tiên sinh sành về thuật số, biết rằng vượng khí nước ta tụ tại Thanh Hoa. Nhân tới đó tìm. Khi tới Lam Sơn, gặp Thái Tổ, tình nguyện xin làm tôi tớ. Thái Tổ nhận. Ở một năm, chuyên việc cầy cấy, ngủ ở các gian ngoài. Ít khi thấy có việc gì lạ. Một hôm nhân Thái Tổ có giỗ hoàng khảo (giỗ bố), tiên sinh thấy Thái Tổ thái thịt trên thớt rồi ăn, mới sinh ra khinh bỉ. Rồi từ bỏ đi. Đi tới bến Dương Xá, nghỉ lại. Có mấy người Tàu ở quán trọ, trông thấy hỏi nhau ai đó. Trong bọn, một người nói : Đó là hạng trí sĩ đi tìm chủ, đã thấy được chủ lại còn hồ nghi, cho nên bỏ đi. Tiên

sinh nghe, rồi cũng không để ý. Hôm sau, đi tới bến Gián Khẩu, đêm nghỉ lại quán trọ, Bên kia vách, có người tàu, đêm ra sân coi thiên văn, vội gọi bạn ra chỉ lên trời nói : Tướng An Nam, tướng tinh đã hiện rồi, lũ ta nên đi đi thôi, không nên ở lâu. Người bạn hỏi, hình dáng thế nào. Đáp: Người đó là hổ tướng, tính hay giết người, ăn uống thì thô lỗ. Tiên sinh nghe xong, mới quay trở lại Lam Sơn. Xem xét cẩn thận. Thì thấy, xưa, Thái Tổ, mỗi khi ở chợ về, có đem theo rượu và dầu, rượu thường nhiều hơn dầu. Nay thì thấy dầu nhiều hơn rượu. Coi biết thế. Một đêm, nhận thấy Thái Tổ không có ở nơi giường nằm, tiên sinh mới đi vào rừng tìm. Lên cao nhìn tứ phía, thấy phía trong cửa núi, nơi nhà sàn có ánh sáng đoán là Thái Tổ ở đó, mới leo lên dòm ngó, thấy Thái Tổ đang cùng Lê Thụ tính số thái ất. Bàn rằng tới năm hợi thì có thể làm việc nọ việc kia. Tiên sinh mới nói to : Chủ thượng tính sai. Thái Tổ giật mình, đứng dậy, rút gươm, Tiên sinh nói : Tôi sở dĩ theo ông chỉ vì thế, sao ông lại không biết. Thái Tổ vứt gươm nói : Tôi tớ mà cũng biết tính ư. Đáp : Tôi rất sành. Thái Tổ mở cánh phên ra cho ngồi, cùng tính số. Tiên sinh cho năm dậu là đúng. Từ đó trở đi, hễ có việc nghị bàn, là có tiên sinh. Trước kia chỉ có người cùng làng, là Lê Thụ cùng mưu khởi binh, nhưng chưa dám. Đến khi có tiên sinh mới quyết định. Coi rõ ở mục Công thần Lê Thụ phả ký.



通史，太祖初爲可藍輔導時，方閏胡篡陳，帝居鄉讀經史，究兵法，守己待時。迨北兵擒陳氏送金陵，郡縣我國。帝潛有恢復之志，虛己下賢，散財養士，黎文安，黎文靈，裴國興阮廌，劉仁澍，鄭無，武威，恭柳，黎車雷等，皆一時豪傑，並來歸附。帝傾身體接密謀舉義，時有杜富詐明官，率衆逼帝投洛水（今錦水）戊戌正月，帝建義於藍山稱平定王，命黎嚴，黎揄，黎寧，黎妙，黎禮，黎置，黎汝茫，黎弄，黎固，鄭磊，鄭悔，黎免，黎培，黎車雷，黎克復，黎定，黎朗，黎間，黎蘭，黎誑，黎祜，黎度，黎謀，黎禎，黎林，劉潭，黎驗，黎女教，陳運，陳稱，黎景壽，范龍，范葵，黎察，張雷，鄭可，裴國興，黎兮，黎柳，黎如覽，黎可朗，武威，鄭無劉晏，陳忽，杜秘，阮廌，黎文靈，黎慎，黎文安，爲相將，分率鐵突勇士，出與明人對敵。時將微兵少。而

明兵四萬五千餘人，象馬殆以百數，走入怪没（今怪正）因住鄭阜夾哀牢地界。人稀糧少。路絕往來處靈山怪谷幾十餘日。以禹餘糧蜂蜜爲食。乃令遞牒文往告哀牢國王，謂國家有欽奉大明頒賜牒文可資五月兵糧并器械戰象速來謁見受命頒行，以免捉解，若不如命，卽加差車里老撾等六國進討，哀牢懼，聽命，帝得其資軍務復振。



Phiên âm

THÔNG SỬ.

Thái Tổ sơ vi Khả Lam Phụ Đạo thời, phương nhuận Hồ thoán Trần. Đế cư hương độc kinh, sử, cứu binh pháp, thủ kỳ đãi thời. Đãi bắc binh cầm Trần thị tống Kim Lăng, quận huyện ngã quốc. Đế tiềm hữu khôi phục chi chí. Hư kỷ hạ hiền. Tán lai dưỡng sĩ. Lê văn An, Lê văn Linh, Bùi Quốc Hưng, Nguyễn Trãi, Lưu Nhân Chú, Trịnh Vô, Vũ Uy, Lê Liễu, Lê Xa Lôi đẳng, giai nhất thời hào kiệt, tịnh lai quy phụ. Đế khuynh thân lễ tiếp, mật mưu cử nghĩa. Thời hữu Đồ Phú trá Minh quan, suất chúng bức đế, đấu Lạc Thủy (kim Cẩm Thủy). Mậu tuất, chính nguyệt, đế kiến nghĩa ư Lam Sơn, xưng Bình Định Vương. Mệnh Lê Du, Lê Ninh, Lê Diệu, Lê Lễ, Lê Hiếu, Lê Nhữ Trì, Lê Lộng, Lê Cố, Trịnh Lỗi, Trịnh Hối, Lê Miễn, Lê Bồi, Lê Xa Lôi, Lê Khắc Phục, Lê Định, Lê Lãng, Lê Vấn, Lê Lan, Lê Cuống, Lê Hồ, Lê Độ, Lê Khiêm. Lê Trinh, Lê Lâm, Lê Đàm, Lê Nghiệm, Lê Nhữ Giáo, Trần Vận, Trần Xung. Lê Cánh Thọ, Phạm Lung, Phạm Quỳ, Lê Xát, Trương Lôi, Trịnh Khả, Bùi Quốc Hưng, Lê Nỗ, Lê Liễu, Lê Nhữ Lãm, Lê Khả Lãng, Vũ Uy, Trịnh Vô, Lưu Hoạn, Trần Hội, Đỗ Bí, Nguyễn Trãi, Lê văn Linh, Lê Thận, Lê văn An, vi tướng tướng, phân suất thiết đột dũng sĩ, xuất dữ Minh nhân đối địch. Thời tương vi, binh thiểu, nhi Minh binh, tứ vạn ngũ thiên dư nhân, tượng mã đãi dĩ bách số. Tẩu nhập Mang Một (kim Mang Chính). Nhân trụ Trịnh Cao giáp Ai Lao địa giới. Nhân hy, lương thiểu. Lộ tuyệt vãng lai. Xử Linh sơn, Mang-cốc kỷ thập dư nhật, dĩ vũ-dư-lương phong mật vi tực. Nãi lịnh đệ điệp-văn vãng cáo Ai Lao quốc vương: Vị, hữu khâm phụng Đại Minh ban tứ điệp-văn, khả tư ngũ nguyệt binh lương tịnh khí giới chiến tượng, tốc lai yết kiến

thụ mệnh ban hành, dĩ miễn xức giải Nhược bất như mệnh, tức gia sai Xa Lý, Lão Qua đẳng lục quốc tiến thảo. Ai Lao cụ thính mệnh, Đế đắc kỳ tư. Quân thế phục chấn.

Dịch nghĩa

THEO THÔNG SỬ.

Thời Thái Tổ còn làm Phụ Đạo Khả Lam, họ Hồ cướp ngôi nhà Trần. Đế ở nhà đọc Kinh, Sử, nghiên cứu binh pháp, nghỉ việc đợi thời. Đến khi thấy quân tàu bắt họ Trần đưa tới Kim Lăng, đặt nước ta thành quận huyện tàu, đế mới có chí ngấm ngầm phục quốc. Nhún mình tiếp đón người hiền tài, đem của cải ra nuôi tướng tá. Bọn hào kiệt tới quy phụ kể như Lê văn An, Lê văn Linh, Bùi quốc Hưng, Nguyễn Trãi, Lê Nhân Trú, Trịnh Vô, Vũ Uy, Lê Liễu, Lê Xa Lôi. Đế nhún nhường đón tiếp, mật bàn khởi nghĩa. Khi đó có, Đỗ Phú dả làm quan nhà Minh cầm đầu dân chúng, tới áp bức. Vua phải lui về Lạc Thủy (nay là Cẩm Thủy).

Năm mậu tuất, tháng giêng, vua dựng cờ nghĩa ở Lam Sơn, xưng là Bình Định Vương, phong chức tướng văn tướng võ, để chia coi dũng sĩ đương đầu với giặc Minh. Các tên là. Lê Nghiêm, Lê Du, Lê Ninh Lê Diệu, Lê Lễ, Lê Hiếu, Lê Nhữ Trì, Lê Lộng, Lê Cố, Trình Lỗi, Trịnh Hối, Lê Miễn, Lê Bối, Lê Xa Lôi, Lê Khắc Phục. Lê Định, Lê Lãng, Lê Vân, Lê Lan Lê Cuống, Lê Hỗ, Lê Độ, Lê Khiêm, Lê Trinh, Lê Lâm, Lê Đàm Lê Nghiệm, Lê Nhữ Giáo, Trần Vận, Trần Xưng, Lê cảnh Thọ, Phạm Lung. Phạm Quỳ, Lê Sát, Trương Lôi, Thịnh Khả, Bùi Quốc Hưng, Lê Nỗ, Lè Liễu, Lê Nhữ Lãm, Lê Khả Lãng, Vũ Uy, Trịnh Vô, Lưu Hoạn, Trần Hốt, Đỗ Bí, Nguyễn Trãi, Lê

Linh, Lê văn Thận, Lê văn An. Đương thời, tướng thì kém, binh thì ít mà quân Minh tính ra có hơn bốn vạn năm nghìn, voi ngựa kể hàng trăm, ra vào đất Mang Một (nay là Mang Chính). Quân của vua đóng tại Trình Cao, đất giáp giới nước Ai Lao. Dân ít, lương không cung đủ. Đường đi lại bị cắt. Ở nơi Linh Sơn. khe núi, kể đến hơn mười ngày. Lấy rễ, củ, mật rừng thay cơm. Vua mới sai tống điệp văn tới vua nước Ai Lao nói là nước phụng mệnh nhà Đại Minh, cho lấy năm tháng lương, cùng khí giới, voi ngựa, phải nộp tới ngay, khỏi để thúc dục. Nhược bằng không tuân mệnh, tức thì sai sáu nước thuộc về Xa Ly, Lão Qua, tới trị tội. Ai Lao sợ, tuân mệnh ngay. Vua có lương. Thế quân lại phấn khởi.

oOo

(1427)

丁未（明宣德二年）春正月，平定王以翰林承旨學士阮廌爲朝列大夫，入內行遣吏部尚書兼樞密院事。時王進軍瀘江北岸，命將分屯東都，城攻圍益急。於菩提營構層樓，高準報天塔，登樓棲望城中動靜，賜廌侍坐第二層，領旨草往復書札。又遣降人曾指揮，隨廌招諭三江城。其守將劉清等出降。及柳昇敗，王通等在城困迫，賚書求和，諸將多勸王殲之，惟行遣廌侍坐帷幄，見通蠟書言：勿以一隅之地勞萬里之師，使用兵如原征之數，得六七大將如張輔等方可圖之，縱得之不可守之。故廌審知虛實，專主講和。王從其議，命諸將解圍而退。後通不待命而班師者，以往復書詞諄切，皆廌奉旨撰也。時王得胡翁之子陳暠，遣廌撰求封書，差人進表，乞立爲陳氏後。沐晟即行飛奏，明帝得表，諭羣臣曰：論者不達止戈之意，必謂從之

不武。苟得民安，朕何恤乎人言，乃遣使封暠爲安南國王，勅罷南征兵。見聞小錄云：不戰而下東都，以和好結局阮多之策，史記云；帝之用兵，能以柔制剛，弱制彊，多至克捷，其乂安，順化西都東都諸城，皆命文臣阮廌作書諭之，不戰而降。

oOo

Phiên âm

Đinh mùi (Minh Tuyên nhị niên) Bình Định Vương dĩ Hàn Lâm Thừa Chỉ, Học Sĩ, Nguyễn Trãi vi Triều Liệt Đại Phu, Nhập nội Hành khiển, Lại bộ Thượng Thư, kiêm Khu Mật viện sự. Thời, Vương tiến quân Lô Giang, bắc ngạn, mệnh tướng phân đồn Đông Đô thành, công vi ích cấp Ư Bồ Đề doanh, cấu tầng lâu, cao chuẩn Báo Thiên tháp. Đăng lâu thê vọng thành trung động tĩnh. Tứ Trãi thi tọa đệ nhị tầng. Lĩnh chỉ thảo vãng phục thư trát. Hựu khiển hàng nhân, Tăng Chỉ Huy tùy Trãi chiêu dụ Tam Giang thành. Kỳ thủ tướng Lưu Khanh đẳng xuất hàng. Cập Liễu Thăng bại Vương Thông đẳng tại thành khốn bách. Lai thư cầu hòa. Chư tướng đa khuyến vương tiêm chi. Duy Hành Khiển Trãi thị tọa duy ác, kiến Thông lạp thư, ngôn : Vật dĩ nhất ngung chi địa, lao vạn lý chi sư. Sử dụng binh như nguyên chinh chi số đắc lục thất đại tướng như Trương Phụ đẳng, phương khả đồ chi. Túng đắc chi, bất khả thủ chi. Cố Trãi thẩm tri hư thực, chuyên chủ giảng hòa. Vương tòng kỳ nghị. Mệnh chư tướng giải vi nhi thoái. Hậu Thông bất đãi mệnh nhi ban sư giả. Dĩ vãng phục thư từ, truân thiết giai Trãi phụng chỉ soạn dã. Thời Vương đắc Hồ Ông chi tử, Trần Cảo, khiển Trãi soạn cầu phong thư. Sai nhân tiến biểu, khất lập vi Trần thị hậu. Mộc Thạnh tức hành phi tấu. Minh Đế đắc biểu, dụ quần thần viết : Luận giả bất đạt chỉ qua chi ý, tất vi tòng chi bất vũ. Cầu đắc dân an, trẫm hà tuất vu nhân ngôn. Nãi khiển sứ phong Cảo vi An Nam quốc vương. Sắc bãi nam chinh binh.

Kiến Văn tiểu lục vân : Bất chiến nhi hạ Đông Đô dĩ hòa hiếu kết cục, Nguyễn Trãi chi sách. Sử ký vân : Đế chi dụng binh năng dĩ nhu chế cương, nhược chế cường,

đa chi khắc tiệp. Kỳ Nghệ An, Thuận Hóa, Tây Đô, Đông Đô chư thành, giai mệnh văn thần Nguyễn Trãi tác thư dụ chi. Bất chiến nhi hàng.

Dịch nghĩa :

Năm đinh mùi (ở nước Tàu là triều Minh niên hiệu Tuyên Đức năm thứ hai), mùa xuân, tháng giêng. Bình Định Vương, cho Hàn Lâm Thừa Chỉ Học Sĩ Nguyễn Trãi làm Triều Liệt đại phu, Nhập Nội Hành khiển, Lại Bộ Thượng Thư, kiêm Khu Mật viện sự. Khi đó vua tiến quân tại bờ phía bắc sông Lô, sai các tướng chia đánh các đồn vây thành Đông Đô, đánh gấp. Ở đất Bồ Đề, dựng một lầu cao bằng tháp Báo Thiên, để đứng trên lầu coi xét quân dịch trong thành, Vua cho Trãi ngồi ở từng thứ hai chuyên việc thư từ giao dịch với giặc. Lại sai hàng tướng là Tăng chỉ huy theo Trãi đi chiêu dụ thành Tam Giang. Viên tướng giữ thành là bọn Lưu Thanh ra hàng. Đến khi Liễu Thăng thua rồi bọn Vương Thông trong thành, tình thế khốn cấp, dâng thư xin hòa. Các tướng phần đông khuyên vua đánh, giết hết đi. Duy có quan Hành Khiển Trãi, hằng bàn việc trong trướng, khi vừa đọc văn thư của Vương Thông là nói : Không nên vì một khoảnh đất mà chuyển động muôn dặm quân binh. Ví như giặc có đủ quân sĩ buổi đầu, có đến sáu bảy đại tướng vào cỡ Trương Phụ, ta vẫn có thể thắng được. Nhưng thắng xong, liệu giữ được không, Trãi biết rõ hư, thực nên hay không nên, mới chuyên về nghị hòa. Vua theo đề nghị, mệnh cho các tướng giải vây, lui ra. Về sau, Thông cũng không đợi mệnh chú, cứ việc ban sư trước. Về thư từ đi lại, đều là Trãi phụng chỉ viết.

Thời đó, vua có được con tên Hồ Ông, xưng là Trần Cảo Vua sai Trãi soạn thư cầu phong, sai sứ dâng biểu, xin đặt lại

họ Trần. Mộc Thạnh vội phi tấu về tàu. Vua nhà Minh nhận được biểu, dụ các quan rằng : Bọn nghị sự không rõ ý ngừng can qua, tất cho là thiếu uy vũ. Nhưng nếu như dân được yên, thì trẫm ngại gì các lời nghị bàn đó. Thế là sai sứ phong cho Cảo làm An Nam Quốc Vương, và sắc bãi quân nam chinh.

Sách Kiến Văn tiểu lục có chép : Không chiến mà hạ xong Đông Đô, lấy hòa hiếu kết cục, là mưu kế Nguyễn Trãi. Sử chép : Vua dùng binh thường lấy mềm chế cứng, lấy yếu thắng mạnh, rồi tới toàn thắng. Các xứ Nghệ An. Thuận Hóa, Tây Đô, Đông Đô, đều do văn thần Nguyễn Trãi viết thư khuyên dụ, không phải chiến mà rồi hàng cả.

oOo

順天元年（黎太祖紀）戊申夏四月，平定王即皇帝位，命阮廌作平吳大誥。（通史云：戊戌帝爲明將攻急駐鄭阜，問諸將誰肯易袍以代，皆不敢應。德江册人黎來奮然願往。帝仰天祝曰：後日，朕有天下朕與子孫不軫其功，願草殿成山林，寶印成銅，神劍成刀兵。來飛馬入陣爲其所執，加以極刑，賊遂退，順天元年，第爲一等功臣，命阮廌載約誓詞藏于金匱）。戊申，順天元年二月，定封功臣，凡鐵突火首軍人者，於隴崖勤劳有功等項，該一百二十二人。等一功賜國姓黎歸黎鯱等五十二人，爲榮禄大夫左金吾衛大將軍爵上智字。第二功賜國姓黎蒲黎列黎考等七十二人，爲忠亮大夫左捧神衛將軍爵大智字，第三功賜國姓黎禮，黎献等九十四人，爲忠武大夫鈞鈴大將軍爵智字。分國中爲十五道，置行遣，分掌軍民簿籍，秋八月，定功行封，視功之高下，定爲等級，以承旨阮

鼐為冠服侯，司徒陳扞為左相國樞密大使，范文巧為太保並賜國姓。

二年己酉詔內外文武官有精通經史悉集會試送諸府路軍人山林隱逸，有通經史工文藝聽候省堂通身入場。中者選用。題調用尚書黎文靈，監試御史兼承旨阮鼐。是時帝御菩提營考試宏詞科（題用真儒正直詩天下勤王檄）。首取阮天錫，陶公撰，程舜俞，潘孚先等六人（出登科錄武惟斷原本）。

己酉二年，立長子右相國思齊為國王，攝行國事，次子梁郡公元龍為皇太子，命武自總管，文自行遣以上有男九歲以上，十五歲以下，入侍太子，武自同知以下，文自尚書以下，有男九歲以上，十七歲以下，入國子監讀書。封拜功臣九十三員，以次封縣上侯亞侯鄉侯，亭侯各有差。

六年癸丑秋八月，太祖崩葬藍山永陵十一月阮鼐奉敕撰神道碑記。

oOo

Phiên âm

Thuận Thiên nguyên niên (Lê Thái Tổ kỷ), mậu thân, hạ tứ nguyệt, Bình Định Vương tức Hoàng Đế vị, mệnh Nguyễn Trãi tác Bình Ngô đại cáo.

Thông sử vân : Mậu tuất, đế vi Minh tướng công cấp. Trụ Trịnh Cao. Vấn chư tướng thùy khẳng dịch bào, dĩ đại. Giai bất cảm ứng. Đức Giang Sách nhân, Lê Lai, phấn nhiên nguyện vãng. Đế ngưỡng thiên chúc viết : Hậu nhật, trẫm hữu thiên hạ, trẫm dữ tử tôn bất chẩn kỳ công, nguyện thảo điện thành sơn lâm, bảo ấn thành đồng, thần kiếm thành đao binh Lai, phi mã nhập trận, vi kỳ sở chấp, gia dĩ cực hình. Tặc tuy thoái. Thuận Thiên nguyên niên, đệ vi nhất đẳng công thần, mệnh Nguyễn Trãi tải ước thệ từ tàng vu kim quỹ. Mậu thân, Thuận Thiên nguyên niên, nhị nguyệt, định phong công thần. Phàm thiết đột hỏa thủ, quân nhân giả, ư lũng nhai cần lao hữu công đẳng hạng, cai nhất bách nhị thập nhị nhân. Đệ nhất công tứ quốc tính, Lê Quy, Lê Dục, đẳng, ngũ thập nhị nhân, vi Vinh Lộc đại phu, Tả Kim Ngô Vệ Đại Tướng quân, tước Thượng Trí tự.

Đệ nhị công, tứ quốc tính, Lê Bồ, Lê Khắc, Lê Khảo đẵng, thất thập nhị nhân vi Trung Lượng đại phu, Tả phủng Thần Vệ Tướng quân, tước Đại Trí tự. Đệ tam công, tứ quốc tính, Lê Lễ, Lê Hiến đẳng cửu thập tứ nhân, vi Trung Vũ đại phu, Quân Linh Đại Tướng quân, tước Trí tự. « Phân quốc trung vi thập ngũ đạo, trí Hành Khiển, quân dân bạ tịch.

Thu bát nguyệt định công hành phong. Thị công chi cao hạ, định vi đẳng cấp. Dĩ Thừa Chỉ Nguyễn Trãi vi Quan Phục

Hầu. Tư Đồ Trần Hãn vi Tả Tướng quốc Khu Mật Đại Sứ. Phạm Văn Sảo vi Thái Bảo. Tịnh tứ quốc tính

Nhị niên, kỷ dậu, chiếu nội ngoại văn vũ quan, hữu tinh thông Kinh Sử, tất tập hội thí. Quân nhân, sơn lâm, ẩn dật hữu thông Kinh, Sử, công văn nghệ, thính hậu tỉnh đường thông thân nhập trường. Trúng giả tuyển dụng. Đề Điệu dụng Thượng Thư Lê Văn Linh, Giám Thí, Ngự Sử kiêm Thừa Chỉ Nguyễn Trãi, Thị thời, đế ngự Bồ Đề Dinh, khảo thí Hoành Từ Khoa. (Đề dụng chân nho chính trực thi, thiên hạ cần vương hịch). Thủ thủ. Nguyễn Thiên Tích, Đào Công Soạn, Trình Thuấn Du. Phan Phu Tiên đẳng lục nhân (Xuất Đăng Khoa lục Vũ Duy Đoán nguyên bản).

Kỷ dậu nhị niên, lập trưởng tử Hữu Tướng quốc Tư Tề vi Quốc vương, nhiếp hành quốc sự, Thứ tử Lương Quận Công Nguyên Long vi Hoàng Thái Tử. Mệnh, vũ, tự Tổng Quản, văn, tự Hành Khiển dĩ thượng, hữu nam cửu tuế dĩ thượng, thập ngũ tuế dĩ hạ, thập nhị Thái Tử. Vũ tự Đồng Tri dĩ hạ, văn tự Thượng Thư dĩ hạ, nhập Quốc Tử Giám đốc thư.

Phong bái công thần cửu thập tam viên. Dĩ thứ phong Huyện, Thượng Hầu, Á Hầu, Hương Hầu, Đình Hầu, Các hữu sai.

Lục niên, quí sửu, thu, bát nguyệt, Thái Tổ băng. Táng Tam Sơn, Vĩnh Lăng. Thập nhất nguyệt, Nguyễn Trãi phụng sắc, soạn thần đạo bi ký.

Dịch nghĩa

Niên hiệu Thuận Thiên năm đầu, (Lê Thái Tổ), năm mậu

thân, mùa hạ, tháng tư, Bình Định Vương lên ngôi Hoàng Đế, mệnh Nguyễn Trãi làm bài Bình Ngô đại cáo.

Thông sử chép : Năm mậu tuất, vua bị tướng Minh đánh gấp. Đóng quân tại Trịnh Cao, hỏi các tướng ai thuận đổi áo chết thay. Không ai dám. Có người ở Đức Giang là Lê Lai khẳng khái xin thay. Vua mới ngửa mặt lên trời khấn rằng : Ngày sau có được thiên hạ, trẫm cùng con cháu, nếu không nhớ đến công, thì xin cung điện thành rừng núi, ấn vàng thành ấn đồng, thần kiếm thành đao thường. Lai mới tế ngựa ra trận, để cho bị bắt, rồi bị cực hình. Giặc kéo quân lui. Niên hiệu Thuận Thiên năm đầu, vua cho chép vào hàng công thần thứ nhất, mệnh cho Nguyễn Trãi ghi lời thề, đặt trong kim quỹ.

Năm mậu thân, niên hiệu Thuận Thiên năm đầu, tháng hai xét phong công thần, Phàm hạng quân nhân xông pha mũi tên, ngọn giáo, khó nhọc ở chốn sa trường, là có xếp công theo thứ hạng, tất cả là một trăm hai người.

Đệ nhất công được ban họ vua là bọn Lê Quy, Lê Dục, năm mươi hai người chức Vinh Lộc đại phu, Tả Kim Ngô Vệ Đại Tướng quân, tước Thượng Trí Tự. Đệ nhị công được ban họ vua là bọn Lê Bồ, Lê Khắc, Khảo bảy mươi hai người, chức Trung Lượng đại phu, Tả Phủng Thần Vệ Tướng quân, tước Đại Trí Tự. Đệ tam công được ban họ vua, là bọn Lê Lễ, Lê Hiến, chính mươi tư người, chức Trung Vũ đại phu, Quân Linh Đại Tướng quân, tước Trí Tự.

Trong nước chia làm mười lăm đạo đặt các chức Hành Khiển, Phân Chưởng quân bạ tịch.

Mùa thu, tháng tám, định công, phong chức. Xét công cao thấp để định đẳng cấp thứ bực. Cho thừa Chỉ Nguyễn Trãi làm Quan Phục Hầu ; Tư Đồ Trần Hãn làm Tả Tướng quốc Khu Mật Đại Xứ ; Phạm Văn Sảo làm Thái Bảo. Tất cả được ban họ vua.

Kỷ dậu, năm thứ hai, có chiếu vua : Phàm các văn vũ mà tinh thông Kinh, Sử, đều hội họp thi. Phàm quân nhân, hoặc người chưa có công chức còn ở nơi rừng núi mà thông Kinh, Sử, hay công nghệ đều tới tỉnh lỵ, ai trúng tuyển là được bổ dụng làm quan. Đề Điệu là Thượng Thư Lê Văn Linh. Giám Thí ngự sử kiêm Thừa Chỉ là Nguyễn Trãi. Năm đó, vua ngự tới Dinh Bồ Đề, khảo thi khoa thi Hoành Từ (tuyển dùng chân nho chính trực, văn thì có bài thiên hạ cần vương hịch). Lấy đỗ đầu là Nguyễn Thiên Tích, Rồi đến Đào Công Soạn, Trình thuấn Du, Phan Phu Tiên... sáu người (chép trong Đăng Khoa Lục, Vũ Duy Đoán, nguyên bản)

Kỷ dậu năm thứ hai, lập con lớn, Hữu Tướng quốc Tư Tề làm Quốc Vương, nhiếp hành quốc sự. Con thứ là Lương Quận Công Nguyên Long làm Hoàng Thái Tử. Vua mệnh cho vũ từ chức Tổng quan trở lên, văn từ chức Hành Khiển trở lên, hễ có con trai trong khoảng chín tuổi đến mười lăm tuổi đều theo hầu Thái Tử. Vũ từ chức Đồng Tri trở xuống văn từ Hữu Thượng Thư trở xuống, có con trai khoảng chín tuổi đến mười bảy tuổi đều vào học ở Quốc Tử Giám. Phong công thần chín mươi ba viên. Các chức nhau.

Quí sửu, năm thứ sáu, mùa thu tháng tám, Thái Tổ mất táng tại lăng Vĩnh Lăng, Lam Sơn. Tháng mười một, Nguyễn Trãi phụng sắc soạn bài bia thần đạo (bia dựng ở lối đi vào lăng).



紹平元年（太宗紀）甲寅，五月，命阮宗冑蔡君寶求封。行遣阮廌撰作。奏本成。內密阮叔惠，學士景綽欲改數字，廌怒，惠以告黎察，察讓廌。廌謝曰：叔惠以俗儒小才居天下樞要，每有奏請，皆欲損民歸官以求合上意，故仆因事而發爾，非有所譏諷君相也。奏告太廟迎太祖神主祔廟命文武議除喪。廌請素服二十七日，然後除之。二年，己卯有再犯盜七人當斬，黎察見其多殺，心難之，帝以問承旨，阮廌，廌對曰：法令不如仁義亦明矣。今一旦殺七人，恐非盛德之舉。書曰：安汝止，傳曰：如止而后有定，臣請述止之義，使陛下聞之。夫止者安所止之謂，如宮中陛下所安也。時或出幸他所不可常安，反歸宮中，然後安其所止，人君於仁義亦然，以之存心而安所止，時或感怒，終無可久。願陛下留心臣言。於是察銀等曰：卿有仁義

能化惡為善，須以付之，遂使鄧與天爵等各保受其囚。廌曰：彼頑猾犀貫朝廷法制所不能懲，況廌等德薄，安能化之，久乃斷新二人，餘以流論。帝日與近習嬉戲，大臣欲勸學，乃議奏以阮廌程舜俞等文臣六人入侍經筵，帝還其奏。四年丁巳春，命阮　與鹵簿司監梁登督作雅鈴樂器，教習樂舞，廌進石磬圖，因奏曰夫世亂用武時平尚文，今興禮樂此其時也。然無本不立，無文不行，和平為樂之本聲音為樂之文。臣奉詔作樂，正敢不盡心力，但學術粗淺，恐聲律之間，難以諧和，願陛下愛養元元，使閭里無怨恨愁嘆之聲。斯為不失樂之本矣。帝嘉納之，夏帝欲觀胡氏手詔及詩文，阮廌采錄得國語數十篇上之。

oOo

Phiên âm

Thiệu Bình nguyên niên (Thái Tôn kỷ), giáp dần ngũ nguyệt. Mệnh Nguyễn Tôn Trụ. Sái Quân Thực cầu phong. Hành Khiển Nguyễn Trãi chưởng tác. Tấu bản thành. Nội Mật, Nguyễn Thúc Huệ, Học Sĩ, Cảnh Xước dục cải sổ tự. Trãi nộ. Huệ dĩ cáo Lê Sát. Sát nhượng Trãi. Trãi tạ viết : Thúc Huệ dĩ bội khắc tiểu tài, cư thiên hạ khu yếu. mỗi hữu tấu tịch, giai dục tồn dân quy quan, dĩ cầu hợp thượng ý. Cố phốc nhân sự nhi phát nhĩ. Phi hữu sở cơ phúng quân tướng dã.

Tấu cáo Thái Miếu, nghênh Thái Tổ thần chủ phụ. Mệnh văn vũ nghị trừ tang. Trãi thỉnh tố phục nhị thập thất nhật, nhiên hậu trừ chi.

Nhị niên, kỷ mão, hữu tái phạm đạo, thất nhân đương trảm, Lê Sát kiến kỳ đa sát, tâm nạn chi. Đế dĩ vấn Thừa Chỉ Nguyễn Trãi. Trãi đối viết : Pháp lịnh bất như nhân nghĩa diệc minh hỹ. Kim nhất đán sát thất nhân, khủng phi thịnh đức chi cử. Thư viết : An nhữ chỉ. Truyện viết : Tri chỉ nhi hậu hữu định. Thần thỉnh thuật chỉ chi nghĩa, sử Bệ Hạ văn chi. Phù, chỉ giả, an sở chỉ chi vị, như cung trung Bệ Hạ sở an dã. Thời hoặc xuất hạnh tha sở, bất khả thường an, phản quy cung trung, nhiên hậu an kỳ sở chỉ. Nhân quân ư nhân nghĩa diệc nhiên. Dĩ chi tồn tâm, nhi an sở chỉ. Thời hoặc uy nộ, chung vô khả cửu. Nguyện Bệ Hạ lưu tâm thần ngôn. Ư thị, Sát, Ngân đẳng viết : Khanh hữu nhân nghĩa, năng hóa ác vi thiện, phiền dĩ phó chi. Tuy sử Trãi dữ thiên tước đẳng, các bảo thụ kỳ tù. Trãi viết : Bỉ ngoan hoạt quân đồng. Triều đình pháp chế sở bất năng ân, huống Trãi đẳng đức bạc, an năng hóa chi. Cửu nãi đoạn trảm nhị nhân, dư dĩ lưu luận.

Đế nhật dữ cận tập hy hý. Đại thần dục khuyến học. Nãi nghị tấu dĩ Nguyễn Trãi, Trình Thuấn Du đẳng văn thần lục nhân nhập Thị Kinh Diên. Đế hoàn kỳ tấu.

Tứ niên, đinh tỵ xuân, mệnh Nguyễn Trãi dữ Lỗ Bộ Tư Giám, Lương Đăng, đốc tác loan linh nhạc khí. giáo tập nhạc vũ. Trãi tiến thạch khánh đồ, nhân tấu viết : Phù, thế loạn, dụng vũ, thời bình thượng văn. kim hưng lễ nhạc, thử kỳ thời dã. Nhiên vô bản bất lập. Vô văn bất hành. Hòa bình vi nhạc chi bản. Thanh âm vi nhạc chi văn. Thần phụng chiếu tác nhạc, chính cảm bất tận tâm lực. Đãn học thuật thô thiển, khủng thanh luật chi gian, nan dĩ hài hòa. Nguyện Bệ Hạ ái dưỡng nguyên nguyên, sử lư lý vô oán hận sầu thán chi thanh. Tư vi bất thất nhạc chi bản hỹ. Đế gia nạp chi.

Hạ, Đế dục quan Hồ thị thủ chiếu, cập thi văn, Nguyễn Trãi thái lục đắc quốc ngữ sổ thập thiên, thượng chi.

Dịch nghĩa

Tháng năm, năm giáp dần, niên hiệu Thiệu Bình năm đầu (Lê Thái Tôn) mệnh Nguyễn Tôn Trụ, Sái Quân Thực cầu phong. Quan Hành Khiển Nguyễn Trãi soạn biểu. Bản soạn xong Nội Mật viện, Thúc Huệ, cùng Học Sĩ, Cảnh Xước, muốn đổi vài chữ. Trãi giận. Huệ nói với Lê Sát. Sát trách Trãi. Trãi tạ rằng : Thúc Huệ muốn khoe mình, tìm cách nói xấu người. Vốn được ở chức vị quan trọng khi thấy có bản tấu sớ, là đều làm như vì dân mà chê quan, để được lòng bề trên. Chỉ ngả theo công việc, chứ không thực tâm chê cạn ai cả.

Khi có việc đón thần chủ Thái Tổ phụ vào Thái Miếu, vua mệnh văn vũ đề nghị trừ tang. Nguyễn Trãi xin cứ mặc áo trắng hết hai mươi bảy ngày nữa rồi sẽ trừ.

Niên hiệu Thiệu Bình năm thứ hai, năm kỷ mão, về việc hình, có bảy tên trộm tái phạm, bị án xử tử. Lê Sát cho là con số nhiều, ý ngại. Vua hỏi Thừa Chỉ Nguyễn Trãi. Trãi đáp : Pháp lệnh sao bằng được nhân nghĩa, ai cũng biết thế. Nay một lúc giết đến bảy người, sợ không phải là việc trong thời thịnh. Kinh Thư có câu : Yên ở nơi ở của ngươi. Sách Truyện có câu : Biết chỉ thì rồi mới định. Thần xin thuật rõ nghĩa chữ chỉ, để Bệ Hạ tường. Chỉ là yên ở nơi ở, y như Bệ Hạ yên ở trong cung. Có khi đi ra ngoài, ở ngoài thì đâu có yên bằng ở cung, khi trở về cung mới thấy là chỉ là yên. Một vị vua đối với điều nhân nghĩa cũng thế, để giữ được tâm, mà yên được ở nơi sở chỉ. Có lúc giận dữ, nhưng giận dữ chỉ có thời hạn, chứ có lâu đâu. Vậy xin Bệ Hạ để ý đến lời thần. Thế là bọn Sát, Ngân, nói : Ông có nhân, có nghĩa, đổi được ác ra thiện, xin ông nhận việc này. Rồi giao cho ông Trãi cùng các ông có tuổi, báo lĩnh bọn tù nhân. Ông Trãi nói : Bọn đó gian ngoan, bậy bạ, pháp luật triều đình còn không thay đổi được, huống chi Trãi đức bạc, sao mà hóa nổi. Rồi sau xử quyết hai người, còn thì đổi ra tội lưu.

Vua thường cùng với người ở gần chơi đùa. Các đại thần muốn khuyên học, mới tâu lấy Nguyễn Trãi, Trình Thuấn Du, v.v... sáu người văn thần cho vào cung Thị Kinh Diên. Vua chuẩn y.

Đinh tỵ, năm thứ tư, mùa xuân, mệnh Nguyễn Trãi cùng Lỗ Bộ Tư Giám, Lương Đăng, soạn làm các đồ nhạc khí, dạy tập ca vũ. Trãi dâng bản Thạch Khánh đồ, nhân tâu rằng : Đời loạn thì chuộng vũ, thời bình thì chuộng văn. Nay mà hưng khởi lễ nhạc là đúng thời. Tuy nhiên, không có gốc thì không đúng được. Không có văn thì việc không

làm xong. Hòa bình là gốc của nhạc mà thanh âm là văn của nhạc. Thần phụng chiếu làm nhạc, đâu dám không hết lòng hết sức. Nhưng học thuật còn thô sơ, e về luật thanh âm khó mà hòa hợp. Xin Bệ Hạ thương dân nuôi dân khiến cho đến tận các nơi thôn xóm cũng không có tiếng oán hận, như thế mới là không để mất cái gốc của nhạc. Vua nghe cho là phải.

Mùa hạ, vua muốn coi các chiếu của họ Hồ, cùng văn thơ. Nguyễn Trãi thu thập được vài mươi thiên về quốc âm, dâng lên.



阮廌奏曰：比者臣等與梁登同
校定雅樂而臣所見與梁不同，願回所
命。初太祖時命阮廌定冠服制未及施
行，至是梁登上書畧陳曰：夫禮有大
朝常朝。如郊天，告廟，聖節正旦，則
行大朝禮，皇帝服袞冕升寶座，百官
具朝服朝冠。如初一日，十五日，則皇
帝御黃袍衝天冠，升寶座，百官具公
服，幞頭常朝，皇帝御黃袍衝天冠升
金臺，百官著常服圓領烏紗帽。夫樂
有郊樂，廟樂，五祀樂，救日月交蝕
樂，大朝樂常朝樂，大晏九奏樂，中宮
樂，不可一槩用之，一鹵簿大駕，如鸞
輅，則大輅，象輅馬輅，有九龍輿，有
七龍輿，有步輿，有飛輦。如儀仗，則
金戈，斧鉞，幢幡，旌旗，旄節，幛扇五
方蓋，駕馬隊伍，皆有多少之數，臣不
勝盡錄書奏帝又命登定之登因進冠
服制樂器大抵登與廌所定多不合其
議樂器輕重大小多相違奏不同故高
辭其事，（人物誌云：公辭不與事歸
築室於至靈崑山時來朝參）

oOo

Phiên âm.

Nguyễn Trãi tấu viết : Tị giả, thần đẳng dữ Lương Đăng đồng hiệu định nhã nhạc, nhi thần sở kiến dữ Lương bất đồng. Nguyện hồi sở mệnh.

Sơ Thái Tổ thời mệnh Nguyễn Trãi định quan phục chế, vị cập thi hành. Chí thị Lương Đăng thượng thư lược trần viết : Phù, Lễ hữu đại triều, thường triều, như Giao Thiên, Cáo miếu, Thánh Tiết, Chính Đán, tắc hành Đại triều lễ, Hoàng Đế phục cổn miện, thăng bảo tọa, bách quan cụ triều phục, triều quan. Như sơ nhất nhật, thập ngũ nhật, tắc Hoàng Đế ngự hoàng bào, xung thiên quan, thăng bảo tọa, bách quan cụ công phục, phốc đầu thường triều. Hoàng Đế ngự hoàng bào, xung thiên quan, thăng Kim đài, bách quan trú thường phục, viên lĩnh, ô sa mạo.

Phù, Nhạc hữu Giao nhạc, Miếu nhạc, Ngũ tự nhạc, Cứu nhật nguyệt giao thực nhạc, Đại triều nhạc, Thường triều nhạc, Đại án cửu tấu nhạc, trung cung nhạc, bất khả nhất khái dụng chi.

Nhất lỗ bộ đại giá, như Loan lộ, tắc đại lộ, tượng lộ, mã lộ. Hữu cửu long dư, hữu thất long dư, hữu bộ liễn, hữu phi liễn.

Như nghi trượng, tắc kim qua, phủ việt, chàng phan tinh kỳ, mao tiết, chưởng phiến, ngũ phương cái, giá mã đội ngũ, giai hữu đa thiểu chi số, thần bất thăng tận lục.

Thư tấu. Đế hựu mệnh Đăng định chi. Đăng nhân tiến quan phục chế nhạc khí. Đại để Đăng dữ Trãi sở định đa bất

hợp. Kỳ nghị nhạc khí khinh trọng, đại tiểu đa tương vi. Tấu bất đồng. Cố Trãi từ kỳ sự. (Nhân Vật Chí vân : Công từ bất dữ sự, quy trức thất ư Chí Linh, Côn sơn, thời phụng triều tham).

Dịch nghĩa

Nguyễn Trãi tâu : Gần đây, tôi cùng Lương Đăng cùng sửa định lễ nhạc. Mà tôi không cùng ý kiến với Lương. Vậy tôi xin lui.

Xưa, Thái Tổ có mệnh cho Nguyễn Trãi sửa định mũ áo. Chưa kịp thi hành. Đến nay, Lương Đăng dâng sớ lược trần : Lễ có đại triều có thường triều, Như lễ Giao, lễ Miếu. các ngày kị, ngày tết. thì thuộc vào lễ đại triều. Hoàng Đế mặc cổn miện ngồi vào ngai, trăm quan mặc áo triều, đội mũ triều. Như ngày mùng một, ngày rằm, thì Hoàng Đế mặc áo vàng, đội mũ bình thiên ngồi vào ngai, trăm quan đều áo công, mũ cánh chuồn, thường triều. Hoàng Đế mà mặc hoàng bào, đội bình thiên, ngồi ngai trên điện Kim Đài, thì trăm quan mặc thường phục, áo cổ tròn, khăn đen bịt.

Về nhạc, thì có nhạc Giao, nhạc Miếu, nhạc ngũ tự, nhạc cứu nhật nguyệt thực, nhạc đại triều, nhạc thường triều, nhạc tiệc lớn, cửu tấu, nhạc trong cung, không thể dùng lẫn được.

Đồ lỗ bộ, thì có đại giá, như loan lộ, đại lộ, tượng lộ, mã lộ có cửu long dư, thất long dư, có bộ liễn, phi liễn.

Đồ nghi trượng thì có kim qua, phủ việt, các cờ chàng

phan, tinh kỳ, mao tiết, chướng phiến, lọng ngũ phương. Các hình thức, các số nhiều ít, thần không thể kể hết ra đây.

Sớ lên. Vua mệnh Đăng tổ chức. Nhân thế, Đăng tâu trình nghi chế áo mũ, ca nhạc. Đại để Đăng với Trãi không hợp ý về nhiều khoản, như nhạc khí nặng nhẹ, lớn nhỏ, tấu không giống nhau. Cho nên Trãi từ chức việc. (Sách Nhân Vật Chí có chép : Công từ không dự công việc, về dựng nhà ở Chí Linh, Côn Sơn, thỉnh thoảng vào chầu).



頒新定聖節正旦，朔望常朝大宴等禮儀註。初帝命梁登定大朝諸儀，至是成進之。乃命傳寫儀註懸于承天門外帝謁太廟。百官着朝服行新禮自此始，行遣阮熾參知簿籍阮傳，陶公撰阮文絢參議阮了等上疏曰：制禮作樂必待人後行如周公而後無間言今使小豎梁登專定禮樂國得不辱乎，且彼所為欺君罔下無所憑據，如[illegible]鳴人早報朝，時令君出班定乃鳴古制君出時，左撞黃鐘之聲，而右五鐘應之君入時撞蕤賓之鐘而五鐘亦應之，今臨朝鐘一百八聲是和尚數珠之數如用明國制，君坐奉天門則有金臺，奉天殿則有寶座今只有會英一殿復有金臺移轉不安重設亦不可，是皆何等禮儀夫造車則前簷後戶。今開戶在前其制如此乎，人君出警入蹕此禮之常。今閤門唱奏事畢百官退君尚坐，而蹕人始鳴蹕何也，且登小監繞步御座近君之側，臣竊疑之。



Phiên âm

Ban tân định Thánh tiết, Chính đán, Sóc Vọng Thường triều, Đại yến đẳng lễ nghi chú :

Sơ Đế mệnh Lương Đăng định đại triều chư nghi. Chí thị, thành. tiến chi. Nãi Mệnh truyền tả Nghi Chú, huyền vu Thừa Thiên môn ngoạn. Đế yết Thái Miếu Bách quan trứ triều phục, hành tân lễ tự thử thủy.

Hành Khiển, Nguyễn Trãi, Tham Tri Bạ Tịch, Nguyễn Truyện, Đào Công Soạn, Nguyễn văn Huyến, Tham Nghị, Nguyễn Liễu đẳng, thượng sớ viết :

Chế lễ, tác nhạc, tất đãi nhân hậu hành, như Chu Công, nhi hậu vô gián ngôn. Kim sử tiểu thụ Lương Đăng, chuyên định lễ nhạc, quốc đắc bất nhục hồ. Thả bỉ sở vi, khi quân võng hạ, vô sở bằng cứ. Như cổ minh nhân tảo, báo triều, thời linh quân xuất ban, định nãi minh. Cổ chế, quân xuất thời, tả chàng hoàng chung chi thanh, nhi hữu ngũ chung ứng chi. Quân nhập thời, chàng nhuy tân chi chung nhi ngũ chung diệc ứng chi. Kim lâm triều, chung nhất bách bát thanh, thị Hòa thượng sác châu chi số. Như dụng Minh quốc chế : Quân tọa Phụng Thiên môn, tắc hữu Kim Đài, Phụng Thiên điện tắc hữu Bảo Tọa. Kim chỉ hữu Hội Anh nhất điện, phục hữu Kim Đài, di chuyển bất an, trùng thiết diệc bất khả, thị giai hà đẳng lễ nghi. Phù, tạo xa, tắc tiền diêm, hậu hộ, Kim khai hộ tại tiền, kỳ chế như thử hồ. Nhân quân xuất cảnh, nhập tất, thử lễ chi thường. Kim Cáp Môn xướng tấu sự tất, bách quan thoái, quân thượng tọa. Nhi Tất nhân thủy minh tất, hà dã.

Thả, Đăng, tiểu thụ, nhiễu bộ ngự tọa, cận quân chi trắc thần thiết nghi chi.

Dịch nghĩa

Nghi lễ mới được ban ra thi hành về các lễ Khánh tiết, Nguyên đán, sóc, vọng, thường triều, có ghi : Xưa, vua sai Lương Đăng định các thể lệ đại triều. Bấy giờ mới tiến trình. Vua sai chép, rồi treo ngoài cửa Thừa Thiên. Vua yết nhà Thái Miếu. Trăm quan mặc triều phục, bắt đầu làm lễ mới từ đó.

Quan Hành Khiển Nguyễn Trãi, quan Tham Tri Bạ Tịnh Nguyễn Truyện, Đào Công Soạn, Nguyễn Văn Huyến, quan Tham Nhị, Nguyễn Liễu dâng sớ tâu :

Chế ra lễ đặt ra nhạc, tất phải đợi khi có người, như Chu Công, để sau khỏi có dị nghị. Nay sai bàng tôi tớ Lương Đăng định lễ nhạc, như thế là nhục cho cả nước. Vả lại, hắn dối trên, lừa dưới, làm việc không căn cứ vào đâu. Ví như người đánh trống báo chầu, thường khi nào vua bắt đầu ra coi chầu, mới báo. Theo phép cũ, lúc vua đi ra, bên tả hô, nổi tiếng hoàng chung, thì bên hữu nổi năm tiếng chuông. Lúc vua vào, hô tiếng nhuy chung, thì cũng có năm tiếng chuông ứng ngay. Nay khi lâm triều, có 108 tiếng chuông, thế là số tràng hạt kẻ hòa thượng đếm. Nếu như dùng pháp chế triều Minh nước tàu, khi vua ngồi tại Phụng Thiên môn, thì có Kim Đài. mà khi vua ngồi tại Phụng Thiên điện, thì có Bảo Tọa Nay ta chỉ có một điện Hội Anh, lại nói Kim Đài, thì cứ di chuyển đi đi lại lại. tức là, không yên, Mà làm cả hai thì không được. Vậy thế là lối lễ nghi gì.

Xét, chế tạo xe, tất là phía trước có rèm, phía sau có cửa. Nay mở cửa phía trước, thì đó là theo pháp chế gì.

Vị vua, khi ra, khi vào, phải có Cảnh, Tất, tức là thị vệ dàn coi giữ. Đó là lẽ thường. Nay người giữ phần việc ngoài cửa xướng lên tiếng : việc xong, bách quan lui về mà vua thì còn ngồi. Bọn Cảnh tất cũng hô tiếng Xong việc, Thế là nghĩa lý gì.

Vả lại Đăng là tên tiểu thụ, quanh quẩn nơi vua ngồi, ở luôn bên vua, thần nghi ngờ lắm.



大寶三年壬戌會試，二月初二日，上御會英殿，親賜策問翌日讀卷官，翰林院承旨，兼國子監臣，阮廌，中書侍郎臣黃夢荀，內密院同知院事臣程舜俞，國子監博士臣，阮子晉，奉卷進讀，第其高下賜阮直狀元，阮如堵榜眼，梁如鵠探花郎，陳文徽等七名進士吳士連等二十三名附榜（出進士題名碑記銜題春臺賦阮直阮維則程文徽三體具有考官批手見羣賢賦集）.

七月帝東巡閱武于至靈城，阮廌邀駕幸，廌鄉崑山寺駕回天德江八月還至嘉定大來荔枝園與氏路通宵而崩（初帝愛公妾阮氏路容貌文章之美召入拜爲禮儀學士日夜侍側）人皆言氏路弒廷議殺廌（世編云：時八月十六日公年六十三門人歸葬鳳山三峽山）及氏路罪三族又以彥臨刑悔不用丁福丁勝之言幷殺之（范譜云：公將沒嘆不用黃福之言蓋黃福嘗教公改正無溪祖墓故也時誣爲不用丁福丁勝之言，幷殺之耳）。

世編云：初胡時公道遇氏路（范譜云：

御天海潮人其社有廟祀之，余在先興
嘗經其地問之無有）納之。後太宗立
聞其美召入及東巡宵侍帝崩朝議夷
三族其側室瑞獸村人范氏敏有娠三
箇月逃之盆牲變居期而生鵝鵓因家
焉，（范譜註云：本縣先賢登籍亦著公
姓范誓衛瑞獸村人所生二男，其正室
陳氏之子歸本鄉復姓阮次室黃氏之
子真鳳仍留瑞獸從范姓）。
附考史畧云：廌之先祖三世家有園，
有蛇穴園裡，公一日卜居約剗為室，
此夕，公夢一婦抱子至，乞緩三日，容
他尋徙地，及早未起，諸童會至，平其
地，見一蛇截其尾得二子殺之，公旣
醒起，悔不及，是夜讀書，忽有點血污
及三紙。公大驚，知其報在三世。及公
旣顯，常朝回過席肆，見一女色殊
異納之，女名路姓阮能文章貫經史，
帝愛之常召入侍，至是夕乃弒帝。
得罪誅女臨刑化為大蛇入水而逝。

★

Phiên âm

Đại Bảo tam niên, nhâm tuất, hội thí. Nhị nguyệt sơ nhị nhật, thượng ngự Hội Anh điện, thân tứ sách vấn. Dực nhật, Độc Quyển quan : Hàn Lâm viện Thừa Chỉ, kiêm Quốc Tử Giám, trần Nguyễn Trãi, Trung Thư, Thị Lang, thần, Hoàng Mộng Tuân, Nội Mật viện, Đồng Tri viện sự, thần Trình Thuấn Du, Quốc Tử Giám, Bác Sĩ thần, Nguyễn Tử Tấn, phụng quyển tiến độc, độ kỳ cao hạ. Tứ Nguyễn Trực Trạng nguyên, Nguyễn Như Đỗ Bảng Nhãn, Lương Như Hộc Thám Hoa Lang. Trần Văn Huy đẳng, thất danh tiến sĩ, Ngô Sĩ Liên đẳng, nhị thập tam danh phụ bảng. (Xuất Tiến Sĩ đề danh bi ký: Huyễn đề, Xuân Đài phú, Nguyễn Trực, Nguyễn duy Tắc. Trình văn Huy, tam thể cụ hữu khảo quan phê bình. Kiến Quần Hiền phú tập).

Thất nguyệt Đế đông tuần duyệt vũ vu Chí Linh thành. Nguyễn Trãi yêu giá hạnh Trãi hương Côn Sơn tự. Giá hồi Thiên Đức giang. Bát nguyệt hoàn chí Gia Định, Đại Lai, Lệ Chi viên. Dữ Thị Lộ, thông tiêu nhi băng. (Sơ Đế ái công thiếp Nguyễn Thị Lộ, dung mạo văn chương chi mỹ, triệu nhập bái vi Lễ Nghi Học Sĩ, nhật dạ thị trắc). Nhân giai ngôn Thị Lộ thí. Đình nghị sát Trãi. (Thế Biên vân : Thời bát nguyệt, thập lục nhật. Công niên lục thập tam. Môn nhân quy táng Phụng Sơn, Tam Giáp sơn). Cập Thị Lộ tội tam tộc. Hựu dĩ Trãi lâm hình, hối bất dụng Đinh Phúc, Đinh Thắng chi ngôn, tịnh sát chi. Phạm phả vân: Công tương một, thán bất dụng Hoàng Phúc chi ngôn. Cái Hoàng Phúc thường giáo công cải chính Nhị Khê tổ mộ, cố dã. Thời vụ vi bất dụng Đinh Thắng, Đinh Phúc chi ngôn, tịnh sát chi nhĩ).

Thế biên vân: Sơ, Hồ thời, công đạo ngộ Thị Lộ. (Phạm phả vân: Ngự Thiên, Hải Trào nhân. Kỳ xã hữu miếu tự chi. Dư tại Tiên Hưng thường kinh kỳ địa, vấn chi, vô hữu). Nạp chi. Hậu Thái Tôn lập. Văn kỳ mỹ, triệu nhập. Cập đông tuần tiêu thị, đế băng. Triều nghị, di tam tộc. Kỳ trắc thất, Thụy Thủ thôn nhân, Phạm thị Mẫn hữu thần tam cá nguyệt. Đào chi Bồn Mang Man, cư kỳ nhi sinh Anh Vũ, nhân gia yên. (Phạm phả chú vân: Bản huyện tiên hiền tế tịch, diệc trứ Công tính, Phạm Nỗ Vệ, Thụy Thủ thôn nhân. Sở sinh nhị nam. Kỳ chính thất, Trần thị chi tử, quy bản hương, phục tính Nguyễn, Thứ thất, Hoàng thị chi tử, Chân Phụng, nhưng lưu Thụy Thủ, tòng Phạm tính).

Phụ khảo sử lược vân: Trãi chi tiên tổ tam thế, gia hữu viên, hữu xà huyệt viên lý. Công nhất nhật, bốc cư, ước sản vi thất. Thử tịch, công mộng nhất phụ bão tử chí, khất hoãn tam nhật, dung tha tầm tỷ địa. Cập tảo vị khởi. Chư đồng hội chí, bình kỳ địa. kiến nhất xà, tiệt kỳ vĩ. Đắc nhị tử sát chi. Công kỳ tỉnh khởi, hối bất cập. Thị dạ, độc thư, hốt hữu điểm huyết, ô cập tam chỉ. Công đại kinh, tri kỳ bảo tại tam thế. Cập Công Trãi ký hiển, thường triều hồi, quá tịch tú, kiến nhất nữ, sắc thù dị, nạp chi. Nữ danh Lộ, tính Nguyễn, năng văn chương, quán Kinh, Sử. Đế ái chi, thường triệu nhập thị. Chí thị tịch nãi thí đế. Trãi đắc tội tru. Nữ lâm hình hóa vi đại xà, nhập thủy nhi thệ.

Dịch nghĩa

Năm nhâm tuất, niên hiệu Đại Bảo, năm thứ ba, có thi hội. Ngày mùng hai, tháng hai vua ngự đền Hội Anh, thân ra đề thi. Hôm sau, các quan chấm thi là Hàn Lâm viện Thừa Chỉ, kiêm Quốc Tử Giám, Nguyễn Trãi, Trung Thư, Thị Lang, Hoàng

Mộng Tuân, Nội Mật viện, Đồng Tri viện sự Trình Thuấn Du, Quốc Tử Giám Bác Sĩ Nguyễn Tử Tấn, phụng chiếu xếp trên dưới. Lấy đỗ: Nguyễn Trực, trạng nguyên, Nguyễn Như Đỗ, bảng nhãn, Lương Như Hộc, thám hoa. Bọn Trần văn Huy bảy người tiến sĩ, bọn Ngô Sĩ Liên, hai mươi ba người, phó bảng. (Chép ở trong bia khắc tên tiến sĩ. Ngự đề Xuân Đài phú. Nguyễn Trực, Nguyễn Duy Tắc, Trình (hay là Trần) Văn Huy, các bài thi còn đủ lời phê các quan chấm thi, coi tập Quần hiền phú).

Tháng bảy, vua đi tuần thú xứ đông, duyệt binh tại thành Chí Lăng. Nguyễn Trãi đón xa giá tới Côn Sơn (làng Nguyễn Trãi). Xa giá trở về Thiên Đức Giang Tháng tám về tới Gia Định, Đại Lai vườn Lệ Chi, cho Thị Lộ hầu đêm, rồi vua mất tại đó. (Trước kia, vua yêu người thiếp của công là Thị Lộ, vì sắc đẹp, được triệu vào cung làm chức Lễ Nghi Học Sĩ, ngày đêm hầu vua). Ai cũng cho là Thị Lộ giết vua. (Sách Thế Biên chép : Ngày 16 tháng 8, Công 63 tuổi. Người nhà đưa về táng tại Phụng Sơn Tam Giáp Sơn). Cùng với Thị Lộ Công bị giết theo hình ba họ. Vì Nguyễn Trãi khi sắp bị hình, có nói câu : Tiếc không nghe lời Đinh Phúc và Đinh thắng thành ra hai người này cũng bị giết. (Sách Phạm phả chép : Công gần mất, có than, không nghe lời Hoàng Phúc. Nguyên là Phúc thường khuyên Công rời ngôi mộ tổ ở Nhị Khê đi. Khi đó án vu là đã không nghe lời Phúc và Thắng, thành ra cả hai người cũng bị giết).

Sách Thế Biên chép Thời họ Hồ, (1) Công đi đường, gặp Thị Lộ, đem về. (Theo sách Phạm phả, chính là người xứ Hải Trào, ở đó có miếu thờ. Tôi khi ở Tiên Hưng, thường đi qua xứ đó, hỏi thăm, không có miếu).

CHÚ THÍCH : (1) Nếu cứ theo mấy chữ «thời họ Hồ» thì khi đó, Thị-Lộ ít nhất là 52 tuổi.

Khi Thái Tôn lên ngôi. nghe nói là người đẹp cho triệu vào cung. Khi vua đi tuần xứ đông đem theo. Đêm vua chết. Triều đình nghị. Công bị tru di tam tộc. Một người vợ lẽ, người làng Thụy-Thứ, tên là Phạm thị Mẫn có thai được ba tháng. mới trốn tới xứ Bồn Man, tới kỳ, sinh ra con là Anh Vũ, rồi ở luôn ngay Bồn Man. (Sách Phạm phả chép : Ở bản huyện, trong sách biên tên các tiên hiền, có nói đến giòng họ Nguyễn Trãi, tên Phạm Nỗ Vệ, được hai trai. Con bà chính thất họ Trần, ở làng Thụy-Thú, lớn lên trở về quê cũ lấy lại họ Nguyễn, Bà thứ thất họ Hoàng, sinh con là Châu Phụng, ở lại làng Thụy-Thú, cứ giữ họ Phạm).

Sách Phụ Khảo Sử lược có chép : Nhà tổ tiên ông Trãi về ba đời trước, nhà có vườn, trong vườn có hang rắn. Một hôm, ông Trãi sai dọn vườn để cất nhà. Đêm hôm đó, mê thấy một người đàn bà ẵm con tới xin hoãn cho ba ngày để chọn nơi ở khác. Sớm ông chưa thức dạy, thì bọn tôi tớ đã san vườn, chặt đuôi một con rắn lớn, giết được hai con rắn con. Khi ông dậy, hối không kịp, Đêm đó, ngồi đọc sách, bỗng thấy một giọt máu rơi xuống thấm ba tờ giấy, Ông sợ, biết sẽ bị báo oán đến ba đời, Đến khi ông được vinh hiển, một hôm ở triều về đi qua hàng bán chiếu. thấy người con gái sắc đẹp khác thường, mới lấy làm thiếp. Người con gái là Nguyễn thị Lộ, giỏi văn thơ, thuộc Kinh, Sử, Vua yêu lắm, thường triệu vào hầu. Đến năm đó, xảy ra chuyện giết vua. Trãi bị tội tru lục. Thị Lộ khi sắp bị hành hình, thì biến thành hình con rắn lớn, xuống nước đi mất.

聖宗光順四年壬午，勅諭大臣文武百官等。昔我太祖櫛風沐雨，以定天下，時則佐命勳臣，時賜國姓，用示殊眷。子孫傳襲日久，恐失原祖之姓，有乖教人以孝之道。今後凡功臣子孫並依原姓。范公穀又奏功臣賜國姓並許改從本姓，使澄天潢之宗派，明族氏之本原。帝從之準前功臣子孫還祖父姓。

五年癸卯秋七月賜阮廌于鸚鵡縣職，范譜（即瑞歎族譜註也）云：初太宗立，阮廌復參預朝政，嘗以功成身退爲念。帝命提擧昆山資國寺，年六十乞謝事，許之，後復彊起命仍舊職，兼中書省三館事，時黎察，叔惠等，用事尤多媢嫉，會掖庭婕妤吳氏玉瑤有娠，夢金仙童降生，事聞，宣慈太后愈加忍慧。遂以女巫家奉觀音佛爲女妃忩求寵，事（出史記）連及婕妤。婕妤坐擬流，廌使氏路奏請收監從之，旨

下居徽文寺，公使人賠養之。滿月生思誠。后怨猶未釋。氏路知之，暗告婕妤道，后知而御之及帝東巡幸豸家與氏路通而崩。后遂誣告氏路逆弑，罪公三族。後思誠封壽王，婕妤自廣安來，具以麈中言之王即位（是爲聖宗）乃詔求子孫錄用。時鸚鵡（巳中光順秋試以下世編）返回應命，擢同知州（范譜作西真縣，歷授參政號渺軒先生。世編作松壑）追贈公贊畤伯，免還祀田百畝，其子孫封蔭，與國同休。至今苗裔爲十三世云。鸚鵡生男二長祖鋻進士爲安邦丞政奉使道遇蛇報次祖鋻中式生茂直典簿。茂直生男二，光責知府，光質中式亦有屋居玉山巡邏岑犀村，余前往過其地，族人示譜記，見與世編同。又有移居海陽春育必做舉紹治進士歷官宣光按察使又一支在峽山亦稱先生苗裔，嘗向余言之。附錄聖宗母吳氏。夢天帝命仙童

降生，童乃請良配女。指屏右玉女曰：以與爾，玉女笑不語。夢覺而生帝，初公虞有女，以孥律充官婢沒入教坊歌妓，年二玖色絕美，啞不能語，有一夕隨儕侶入內侍唱。坐按拍子，衆女以次起，無一稱旨，帝指女曰：此坐後何不起，女應聲唯，登而歌，極雅致，與鈞天彿彷似。后在坐見舉止與玉女無異，因納之甚得寵。

oOo

Phiên âm

Thánh Tôn, Quang Thuận tứ niên, nhâm ngọ. Sắc dụ đại thần, văn vũ, bách quan đẳng. Tích ngã Thái Tổ trất phong mộc vũ dĩ định thiên hạ. Thời tắc tá mệnh huân thần, thời tứ quốc tính. Dung thị thù quyến. Tử tôn truyền tập nhật cửu. Khủng thất nguyên tổ chi tính. Hữu quai giáo nhân dĩ hiếu chi đạo. Kim hậu, phàm công thần tử tôn, tịnh y nguyên tính. Phạm Công Nghị hựu tấu : công thần tứ quốc tính, tịnh hứa cải tòng bản tính, sử trửng thiên hoàng chi tôn phái, minh tộc thị chi bản nguyên. Đế tòng chi, chuẩn tiền công thần tử tôn hoàn tổ phụ tính,

Ngũ niên, quí mão, thu, thất nguyệt. Tứ Nguyễn Trãi tử, Anh Vũ, huyện chức.

Phạm Phả (tức Thủy Thú tộc phả chú dã) vân : Sơ Thái Tôn lập, Nguyễn Trãi phục tham dự triều chính. Thường dĩ công thành thân thoái vi niệm. Đế mệnh đề cử Côn Sơn Tư Quốc Tự, niên lục thập khất tạ sự, hứa chi, hậu phục cưỡng khởi mệnh nhưng cựu chức, kiêm Trung Thư Tỉnh, Tam Quán sự. Thời Lê Sát, Thúc Huệ đẳng dụng sự vưu đa quyên tật. Hội dịch đình Tiệp Dư, Ngô thị Ngọc Dao hữu thần mộng Kim Tiên đồng giáng sinh. Sự văn. Tuyên Từ Thái Hậu dũ gia oán đối. Tụy dĩ nữ vu, gia phụng Quan Âm Phật vi nữ Huệ Phi cầu sủng. Sự (xuất sử ký) liên cập Tiệp Dư. Tiệp Dư tọa nghĩ lưu. Trãi sử Thị Lộ tấu thỉnh thu giám tòng chi. Chỉ hạ cư Huy Văn tự, Công sử nhân thiệm dưỡng chi. Mãn nguyệt sinh Tư Thành. Hậu oán do vị thích. Thị Lộ tri chi, ám cáo Tiệp Dư độn. Hận tri nhi hàm chi. Cập Đế đông tuần, hạnh Trãi gia. Dữ Thị Lộ thông nhi băng. Hậu tụy vu cáo Thị Lộ nghịch thí. Tội Công tam tộc. Hậu Tư Thành phong Thọ Vương. Tiệp Dư tự Quảng An lai. Cụ dĩ trần trung ngôn chi. Vương tức vị

(thị vi Thánh Tôn). Nãi chiếu cầu tử tôn lục dụng. Thời Anh Vũ (dĩ trúng Quang Thuận thu thí, dĩ hạ xuất Thế Biên) phản hồi ứng mệnh. Trạc Đồng Tri Châu. (Phạm phả tác Tây Trấn huyện. Lịch thụ Tham Chính, hiệu Diều Hiên tiên sinh. Thế Biên tác Tùng Hác). Truy tặng Công, Tán Trù Bá. Miễn hoàn tự điền bách mẫu. Kỳ tử tôn phong ấm, dữ quốc đồng hưu. Chí kim miêu duệ vi thập tam thế vân. Anh Vũ sinh nam nhị, trưởng Tổ Giám tiến sĩ, vi An Bang Thừa Chính, phụng sứ, đạo ngộ xa báo, thứ Tổ Giám Trúng Thức sinh, Mậu Trực Điền Bạ. Mậu Trực sinh nam nhị : Quang Bí tri phủ, Quang Chất Trúng Thức, diệc hữu ốc cư Ngọc Sơn tuần. La Sầm quân thôn. Dư tiền vãng quá kỳ địa, tộc nhân thị phả ký, kiến dữ Thế Biên đồng. Hựu hữu di cư Hải Dương, Xuân Dục, Tất Tố cử Thiệu Trị tiến sĩ, lịch quan Tuyên Quang Án Sát Sứ. Hựu nhất chi tại Giáp Sơn, diệc xưng tiên sinh miên duệ, thường hướng dư ngôn chi.

Phụ Lục.— Thánh Tôn mẫu, Ngô thị, mộng Thiên Đế mệnh tiên đồng giáng sinh. Đồng nãi thỉnh lương phối nữ. Chỉ bình hữu ngọc nữ, viết : dĩ dữ nhĩ. Ngọc nữ tiếu bất ngữ. Mộng giác nhi sinh Đế. Sơ Công Trãi hữu nữ, dĩ nô luật sung quan tỳ. Một nhập giáo — phường ca kỹ. Niên nhị cửu, sắc tuyệt mỹ, Á bất năng ngữ. Hữu nhất tịch, tùy sài lữ, nhập nội thị xướng, tọa án phách tử. Chúng nữ dĩ thứ khởi, vô nhất xứng chỉ. Đế chỉ nữ viết : Thử tọa hậu hà bất khởi. Nữ ưng thanh, dụy, đăng nhi ca, cực nhã chí. Dữ quân thiên phất phang tự. Hậu tại tọa kiến cử chỉ dữ ngọc nữ vô dị. Nhân nạp chi. Thậm đắc sủng.

Dịch nghĩa

Năm nhâm ngọ, niên hiệu Quang Thuận năm thứ tư,

(Thánh Tôn) có sắc dụ cho văn vũ đại thần, bách quan : Xưa Thái Tổ ta dầm mưa trải gió để định thiên hạ. Khi đó, các vị giúp việc có công huân được ban quốc tính để tỏ tình thân. Con cháu truyền dõi lâu ngày rồi, e rồi quên họ tổ, như thế là trái với đạo hiếu. Vậy từ nay con cháu công thần đều lấy họ mình.

Phạm Công Nghi lại tấu : Công thần được ban quốc tính nay cho đổi lại họ mình, để gạn lọc họ tôn thất mà cũng là để rõ nguồn gốc. Vua chấp thuận, chuẩn cho con cháu công thần được viết lại họ cũ cho công thần.

Quí mão, niên hiệu năm thứ năm, mùa thu tháng bảy, cho con Nguyễn Trãi là Anh Vũ, chức huyện.

Gia phả họ Phạm có chép : (họ làng Thụy Thú) Xưa, khi Thái Tôn lên ngôi, Nguyễn Trãi lại tham dự việc triều chính. Tâm vốn mong khi công đã thành thì thân lui về nghỉ. Vua theo lời công xin năm 60 tuổi cho về nghỉ tại Côn Sơn. Sau lại cưỡng ép giữ chức cũ, kiêm chức Trung Thư tỉnh Tam Quán. Thời đó Lê Sát, Thúc Huệ đang hách dịch. Gặp việc có bà Tiệp Dư là Ngô thị Ngọc Dao có mang, mộng thấy Kim Tiền Đồng sẽ giáng sinh, Việc đồn đến tai bà Thái Hậu Tuyên Từ. Thái Hậu ghét. Nhân việc một người cung nhân có tội, liên can đến bà Tiệp Dư, theo luật thì bà Tiệp Dư phải tội lưu. Ông Trãi sai Thị Lộ tâu xin cho người canh giữ. Thái Hậu ban lịnh cho ra ở Huy Văn Tự. Công cho người chăm cung dưỡng. Đủ tháng, Tiệp Dư sinh ra Tư Thành. Thái Hậu vẫn ghét giận không nguôi. Thị Lộ biết thế, ngầm bảo Tiệp Dư trốn đi. Thái Hậu càng giận. Đến khi đông du, vua dừng lại nhà ông Trãi, Thị Lộ hầu ngự. Đêm vua mất. Thị Lộ bị buộc vào tội thí nghịch. Công thì bị giết ba họ. Đến sau Tư Thành phong làm Thọ Vương. Bà Tiệp Dư từ Quảng An về,

kể cho biết chuyện cũ. Vương khi lên ngôi, (Thánh Tôn) mới cho tìm con cháu ông Trãi để cho làm quan. Anh Vũ (đã đỗ kỳ thi hương. Chuyện từ đây, chép theo Thế phả), tuân mệnh, tới triều, được bổ Đồng Tri Châu. (Gia phả họ Phạm cho là làm Tây Trấn Huyện, lần lượt thăng Tham Chính. hiệu là Diều Hiên tiên sinh. Thế phả thì chép là Tùng Hác). Công được truy tặng Tán Trù Bá, được cấp lại tư điền trăm mẫu, con cháu tập ấm cùng non sông lâu dài. Đến nay là mười ba đời. Anh Vũ sinh hai trai : con lớn đỗ tiến sĩ, giữ chức Thừa Chính ở An Bằng, khi đi sứ, giữa đường bị nạn, vì rắn báo oán. Con thứ cũng đỗ hạng Trúng Thức, giữ chức Mậu Trực Điền Bạ, được hai con, con lớn là Quang Bị Tri Phủ, con thứ là Quang Chất, đỗ Trúng Thức. Có nhà ở ven Ngọc Sơn, trong các xóm La Sầm. Tôi trước có đi qua địa phương, được người trong họ cho coi gia phả, thì thấy giống như Thế Phả. Lại có một chi rời tới làng Xuân Dục, tỉnh Hải Dương, có người đỗ tiến sĩ niên hiệu Thiệu Trị, quan tới Án Sát Tuyên Quang. Một chi nữa ở Giáp Sơn, tôi thường gặp nói truyện.

Phụ Lục. Bà mẹ vua Thánh Tôn, là bà Ngô thị, mộng thấy Thiên Đế mệnh cho Tiên Đồng giáng sinh. Đồng xin cho một người vợ. Đế chỉ phía bên phải một ngọc nữ và nói : Đó, cho mày. Ngọc nữ cười không nói. Tỉnh mộng rồi sau sinh ra vua. Xưa ông Nguyễn Trãi có con gái. Theo hình luật thì bị dung vào làm tôi tớ, rồi tuyển vào đội giáo phường ca kỹ. Tuổi mười tám. Tuyệt đẹp. Câm không nói. Một buổi chiều đi theo bọn bạn vào cung hát, ngồi cầm phách. Các ca nữ lần lượt đứng dạy, chưa người nào được lệnh vua chỉ để hát. Vua chỉ vào người con gái, nói : Người kia sao không đứng dậy. Thế là người con gái bật ra tiếng dạ, rồi đứng dạy hát cực hay. Bà Hậu có mặt, nhìn cử chỉ y như đã thấy ở trên trời, mới nạp vào cung. Trong cung rất được yêu quý.



八年丁亥三月，命求故翰林承旨學士阮廌詩文遺草。

洪德十五年甲辰，勅旨開國功臣子孫，係順天年間有功官一、二品，其子孫猶在軍伍，許投告本處承二司備奏。送兵部覈實，身材堪用者充錦衣衛俊士。

憲宗景統三年，勅旨順天年間，開國功臣自三品以上子孫已充軍伍各色，許投告兵部勘實，充錦衣衛俊士。能讀書者，充崇文館儒生。三品以下充武林神臂等衛。

襄翼帝洪順四年勅旨係開國功臣子孫族屬在軍伍，許將祖父勅命，投告該處勘實，識字者充崇文館學生，不識字者充錦衣衛俊士，是年六月二十七日贈濟文侯制文（出世編以下）。

順天承運皇帝制曰：朕惟法殷中而制治，思弘率祖之圖，稽周載以敉功，式表安邦之哲。肆頌如準，增煥若堂。平吳開國功臣，贈特進金紫榮祿大夫贊

畸伯柱國阮廌。體用真儒，經綸領畫
我后藍山起義，肇成興越之基，時孚
人磊水從戎，茂展平吳之緒。聞望特
高於四海，訏謨備見於兩朝。雖時運
之不齊，雖窺玄理，然勳庸之久著，具
在丹書，昔時既仡於厚恩。今日宜加
於異數。是用易其伯爵，寵以侯封，于
以旌偉國之英猷，于以顯濟時之實
學。於戲，龍虎風雲之會，猶憶前緣文
章事業之傳永垂後世，可加封累代功
臣，特進金紫榮祿大夫濟文侯柱國。



Phiên âm

Bát niên, đinh hợi tam nguyệt. Mệnh cầu cố Hàn Lâm, Thừa Chỉ Học Sĩ, Nguyễn Trãi thi văn di thảo.

Hồng Đức thập ngũ niên giáp thìn, sắc chỉ khai quốc công thần, tử tôn hệ Thuận Thiên niên gian, hữu công, quan nhất nhị phẩm, kỳ tử tôn do tại quân ngũ, hứa đầu cáo bản xứ Thừa nhị Ty bị tấu. Tổng Binh bộ hạch thực, thân tài kham dụng giả. sung Cẩm Y Vệ Tuấn Sĩ.

Hiến Tôn, Cảnh Thông tam niên. sắc chỉ Thuận Thiên niên gian, khai quốc công thần tự tam phẩm dĩ thượng tử tôn, dĩ sung quân ngũ các sắc, hứa đầu cáo Binh Bộ kham thực, sung Cẩm Y Vệ Tuấn Sĩ. Năng độc thư giả, sung Sùng Văn Quán nho sinh, Tam phẩm dĩ hạ sung Vũ Lâm Thần Tý đẳng vệ.

Tương Dực đế, Hồng Thuận tứ niên. Sắc chỉ hệ khai quốc công thần tử tôn tộc thuộc. tại quân ngũ, hứa tương tổ phụ sắc mệnh, đầu cáo cai xứ kham thực. Thức tự giả sung Sùng Văn Quán học sinh. Bất thức tự giả sung Cẩm Y Vệ Tuấn Sĩ. Thị niên lục nguyệt, nhị thập thất nhật tặng Tế Văn Hầu chế văn (Xuất Thế Biên, dĩ hạ).

Thuận thiên, thừa vận, Hoàng Đế chế viết :

Trẫm duy, pháp Ân trung nhi chế trị, tư hoằng suất tổ chi đồ. Kê Chu tải dĩ mỹ công. thức biểu an bang chi triết. Tứ ban như bột, tăng hoán nhược đường. Bình Ngô khai quốc công thần, tặng Đặc Tiến Kim Tử Vinh Lộc đại phu, Tán Trù Bá, Trụ Quốc. Nguyễn Trãi. Thể dụng chân nho. kinh luân lĩnh hoạch. Ngã Cao Hậu Lam Sơn khởi nghĩa, triệu thành hưng Việt chi cơ. Thời ninh nhân Lỗi Thủy tòng

nhung. Mậu triển bình Ngô chi tích. Văn vọng đặc cao ư tứ hải, hu mô bị kiến ư lưỡng triều. Tuy thời vận bất tề, nan khuy huyền Lý. Nhiên huân dung chi cửu trứ, cụ tại đan thư. Tích thời kỳ Xỉ ư hậu ân. Thị dụng, dịch kỳ Bá tước, sủng dĩ Hầu phong. Vu dĩ tinh vĩ quốc chi anh du Vu dĩ hiền tế thời chi thực học. Ô hô, long hổ phong vân chi hội do ức tiền duyên. Văn chương sự nghiệp chi truyền, vĩnh thùy hậu thế. Khả gia phong lũy đại công thần, đặc tiến Kim Tử Vinh Lộc đại phu, Tế Văn Hầu Trụ Quốc.

Dịch nghĩa.

Năm thứ tám, đinh hợi, tháng ba, mệnh cho tìm thi văn di thảo của cố Hàn Lâm Thừa Chỉ Học Sĩ Nguyễn Trãi.

Niên hiệu Hồng Đức thứ 15, năm giáp thìn (1484) sắc chỉ các con cháu khai quốc công thần, khoảng niên hiệu Thuận Thiên, có công, quan thì từ nhất nhị phẩm, mà con cháu còn tại quân ngũ, thì nay cho trình báo lên hai Ty Thừa ở bản xứ, rồi trình lên Bộ Binh để xét, khảo, hạch, nếu có thể được thì cho sung vào đội Y Vệ Tuấn Sĩ.

Niên hiệu Cảnh Thống năm thứ ba (Hiến Tôn) (1500), Sắc chỉ : Khoảng niên hiệu Thuận Thiên, khai quốc công thần từ tam phẩm trở lên, nay các con cháu, nếu đã sung vào các loại quân đội rồi, thì báo cáo với Bộ Binh để khảo hạch, rồi cho vào đội Cẩm Y Vệ Tuấn Sĩ. Nếu lại biết đọc, biết viết, thì cho sung vào Sùng Văn Quán là Nho sinh. Con cháu bàng dưới tam phẩm thì sung vào Vũ Lậm Thần Tý đẳng vệ.

Niên hiệu Hồng Thuận năm thứ tư (Vua Tương Dực) (1512) Sắc chỉ : Con cháu trong họ khai quốc công thần mà đã

ở trong quân đội, thì đem sắc mệnh của ông cha cáo trình quan bản hạt xét thực. Nếu biết chữ, thì cho sung vào Sùng Văn Quán làm Học sinh. Không biết chữ thì sung vào Cẩm Y Vệ Tuân Sĩ. Năm đó tháng 6, ngày 27, có chế-văn phong tặng Tế Văn Hầu (Từ đây chép ở Thế Biên).

Trầm duy : Cứ phép nhà Ân để chế trị. nghĩ đến công-nghiệp tổ tiên Theo nếp nhà Chu để xét công, biểu dương an-bang mưu-sĩ. Rộng ban như dây rễ. sáng khắp như cùng đền. Bình Ngô khai quốc công thần Đặc tiến Kim Tử Vinh Lộc đại phu, Tán Trù Bá, Trụ Quốc, Nguyễn Trãi, Tài cán chân nho, kinh luân trù hoạch,

Đức Cao Tổ khởi nghĩa Lam Sơn. dựng nên cơ đồ hưng Việt.

Người gặp vua tòng quân Lỗi Thủy, chuyền tới công nghiệp bình Ngô. Danh vọng vang lừng bốn bề, mưu cao thấy rõ hai triều.

Dù thời vận không may, việc, khó tường rễ ngọn. Nhưng công huân đã rõ, văn đầy đủ thư son.

Thời trước ban ân đã hậu. ngày nay tăng chức khác thường. Cho nên : Đổi tước Bá, Thăng Phong Hầu.

Thế là : Tinh biểu người anh hùng cứu nước, hiền dương hạng thực học giúp đời.

Cho hay : Gặp hội rồng hổ, gió mây, nên ghi duyên trước.

Dõi truyền văn chương sự nghiệp, rủ mãi đời sau.

Nên gia phong các lớp công thần,

Đặc tiến Kim Tử Vinh Lộc đại phu, Tế Văn Hầu, Trụ Quốc.



熙宗永治二年秋七月，定諸臣及文武百官饒蔭例。自永祚初官軍以從回鑾遠發，令一切預封功臣獲賜世蔭頗多，至是定例。創業與中興功臣，武自都督以上，文自侍郎以上並賜累代功臣官員子孫。其兩班，武自三太至都僉，文自尚書至侍郎，並得五代蔭。餘以次第減，武四品以下有軍功歷受勅令，文中撫有佐式有歷調，方得諸子官員，初受只饒一男，從官雜流各職與各門衙，吏正出身生徒之卑。五十爲老項，六十爲老饒。

裕宗保泰二年八月，議行武學，武選法設武學所，教授官，令功臣及諸臣子孫皆入學。習武經戰畧。與諸武藝，歲以春秋並月。小習四仲月，大習春秋習藝。冬夏習文教，教授官舉中者調用，準定三年一試，凡天下俊秀亦聽應舉，其試法，先問孫子大義，通者許入較藝，一馬梢，二劍首，三舞刀，

終場試方策，合格者引入府庭覆試隨高下叙用。

定國學鄉學試考最法國學以祭酒司業，爲講官。文武功臣子孫，並聽與士人入學，每日學官一小習考，諸生入學者四仲監官一大習考。諸生與舉人四課預中，聽監官保舉，吏部除任，鄉學許校官教習。本府生及童生俊秀之願學者，月二課，中八期者，生考免歷考。童生更許入場。鄉試許縣官考最，士人舉額以大小中縣爲限。大縣二百人中縣一百五十人，小縣一百人。所類振尤，引納府尹二司詳考，有精通次通之別並聽相鳴比以定其憂劣。

三年定功臣文武蔭例，時開國功臣世久蔭遠詐冒者衆。慎德，弘定間諸臣以扈從同塞賜功臣號襲蔭，亦多濫雜，又文武子孫饒蔭，因循沿襲。等級未明，參從公沅請釐正從之。

四年九月定開國中興功臣饒蔭例。

初設武舉科以子午卯酉所舉辰戌丑未博舉並三年一試，其法先畧問武經後叠校武藝，終場試策一道較藝預中爲生員官員子孫爲弁生合式博舉終場中格爲造士許同進士叙用三場預撰取亦與同用。

裕宗永盛六年九月二十六日準給免還田令，大元帥總國政安都王令旨：上福縣，蕊溪社功臣孫姪園叙榮，成康庿，外孫阮[illegible]黎政同族等乃前祖平吳開國功臣特進金紫榮祿大夫入內行遣門下省右諫議大夫翰林院承旨大學士兼中書翰林掌六部尚書國子三館事，亞智字賜金魚袋濟文侯柱國阮廌賜姓黎阮廌多有勳勞有免還田在古賢社九畝一高，在羅浮樸洞等社三十畝九高共四十畝累奉仍留與子孫世守祀事已經查實等因應仍給上項田付還孫姪阮庭光監守均分耕種，以供祭祀表前勳，其奉差徵收并所屬及各社民當奉鄰別員人不得妄爭還

者有國法在玆，令。（一所在本縣古賢社田共九畝一高。一所在本縣羅浮羅淵樸洞等社三十畝九高共四十畝）。

永盛六年九月二十四日。

（給許本縣古賢社九畝八高九尺六寸令旨同，又給許天本縣不移社十五畝五高令旨同）。

懿宗永佑五年，旨令。宗室功臣苗裔有能糾率家丁及召募從義，願隨功討者，聽其啟聞，給粮械差行，隨功賞擢。

六年，錄用前代功臣子孫（時明王襲位）。

顯宗景興三十二年夏，命政府審聚職色，鄭王森（即靖王）以近來各職查雜。凡諸白丁受雜職色，並令正堂察實。

三十三年十二月定功臣蔭例。



Phiên âm

Hy Tôn, Vĩnh Trị, nhị niên, thu, thất nguyệt. Định chư thần cập văn vũ bách quan nhiêu ấm lệ. Tự Vĩnh Tộ sơ, quan quân dĩ tòng hồi loan. viễn phát, toàn nhất thiết dự phong công thần hoạch tứ thế ấm phạ đa. Chí thị định lệ. Sáng nghiệp dữ trung hưng công thần, vũ tự Đô Đốc dĩ thượng, văn tự Thị Lang dĩ thượng tịnh tứ lũy đại công thần quan viên tử tôn. Kỳ lưỡng ban : Vũ tự tam Thái chí Độ, Kiểm, văn tự Thượng Thư chí Thị Lang, tinh đắc ngũ đại ấm. Dư dĩ thứ đệ giảm, Vũ tứ phẩm dĩ hạ, hữu quân công, lịch thụ sắc lệnh, văn trung phủ, hữu tá nhị, hữu lịch điệu, phương đắc chư tử quan viên. Sơ thụ chỉ nhiều nhất nam, tòng quan tạp ư lưu các chức dữ các môn nha lại chính xuất thân sinh đồ chi bán Ngũ thập vi lão hạng, lục thập vi lão nhiêu.

Dụ Tôn Bảo Thái nhị niên, bát nguyệt. Nghị hành vũ học, vũ tuyển pháp, thiết vũ học sở, giáo thụ quan, lịnh công thần cập chư thần tử tôn giai nhập học. Tập Vũ Kinh, chiến lược dữ chư vũ nghệ. Tuế dĩ xuân thu đệ nguyệt. Tiểu tập tứ trong nguyệt. Đại tập xuân thu tập nghệ. Đống hạ tập văn giáo. Giáo Thụ quan cử trúng giả điều dụng. Chuẩn định tam niên nhất thí. Phàm thiên hạ tuấn tú diệc thính ứng cử. Kỳ thí pháp, tiên vấn Tôn Tử đại nghĩa. Thông giả, hứa nhập giảo nghệ, nhất mã sáo, nhị kiếm thủ, tam vũ đao. Chung trường thí phương sách. Hợp cách giả, dẫn nhập phủ đình phúc thí. Tùy cao hạ tự dụng.

Định Quốc học, Hương học. thí khảo hạch pháp Quốc học dĩ Tế Tửu. Tư Nghiệp vi giảng quan. Văn vũ công thần tử tôn, tinh thính dữ sĩ nhân nhập học. Mỗi

nguyệt học quan nhất tiểu tập khảo. Chư sinh nhập học giả, tứ trọng Giám quan nhất đại tập khảo. Chư sinh dữ cử nhân tứ khóa dự trúng, thỉnh Giám quan bảo cử, Lại Bộ trừ nhiệm. Hương học hứa Hiệu quan giáo tập. Bản phủ sinh cập đồng sinh tuấn tú chi nguyện học giả, nguyệt nhị khóa. Trúng bát kỳ giả, sinh khảo miễn lịch khảo, đồng sinh cánh hứa nhập trường. Hương thí hứa Huyện quan khảo hạch. Sĩ nhân cử ngạch dĩ đại tiểu trung huyện vi hạn : đại huyện nhị bách nhân, trung huyện nhất bách ngũ thập nhân, tiểu huyện nhất bách nhân. Sở loại toát vưu. Dẫn nạp Phủ Doãn nhị Ty tường khảo Hữu sảo thông, thứ thông chi biệt. Tịnh thỉnh tương minh, ty, dĩ định kỳ ưu liệt.

Tam niên, định công thần văn vũ ấm lệ. Thời, khai quốc công thần, thế cửu ấm viễn, trá mạo giả chúng. Thận Đức, Hoằng Định gian, chư thần dĩ hỗ tòng hồi loan, tứ công thần hiệu tập ấm, diệc đa lạm tạp. Hựu văn vũ tử tôn nhiều ấm, nhân tuần duyên tập, đẳng cấp vị minh. Tham Tụng Công Hãng thỉnh ly chính. Tòng chi.

Tứ niên cửu nguyệt, định khai quốc, trung hưng công thần nhiều ấm lệ.

Sơ thiết vũ cử khảo, dĩ tỵ, ngọ, mão, dậu sơ cử, thìn, tuất, sửu, mùi, bác cử. tịnh tam niên nhất thí, Kỳ pháp, tiên lược vấn Vũ Kinh, Hậu điệp hiệu vũ nghệ, Chung trường thí sách nhất đạo, Giảo nghệ dự trúng vi sinh viên, quan viên tử tôn vi biền sinh. Hợp thức bác cử chung trường trúng cách vi Tạo Sĩ, hứa đồng Tiến Sĩ tự dụng. Tam trường dự toát thủ diệc dữ đồng dụng.

Dụ Tôn, Vĩnh Thịnh, lục niên, cửu nguyệt, nhị thập lục nhật, chuẩn cấp miễn hoàn điền, lịnh.

Đại Nguyên Súy, Tổng Quốc Chính, An Đô Vương, lịnh chỉ :

Thượng Phúc huyện, Nhị Khê xã, công thần tôn điệt, Đoàn, Tự. Vinh, Thành, Liêm Lưu. ngoại tôn, Nguyễn Giản, Lê Chính, đồng tộc đẳng. nãi tiền tổ. Bình Ngô, Khai Quốc công thần. Đặc Tiến, Kim Tử Vinh Lộc đại phu, Nhập Nội Hành Khiển, Môn Hạ Tỉnh, Hữu Gián Nghị đại phu, Hàn Lâm viện Thừa Chỉ. Đại Học Sĩ. kiêm Trung Thư Hàn Lâm, Chưởng Lục Bộ Thượng Thư, Quốc Tứ Tam Quán sự, Á Trí Tự, tứ kim ngư đại, Tế Văn Hầu, Trụ Quốc Nguyễn Trãi. tứ tính Lê Trãi, Đa hữu huân lao, hữu miễn hoàn điền tại Cổ Hiền xã, cửu mẫu, nhất cao ; tại La Phù, Phác động đẳng xã, tam thập mẫu, cửu cao, Cộng tứ thập mẫu, lũy phụng nhưng lưu dữ tử tôn thế thủ tự sự. Dĩ kinh tra thực đẳng nhân. Ưng nhưng cấp thượng hạng điền phó hoàn tôn điệt Nguyễn Đình Quan giám thủ, quân phân canh chủng, dĩ cung tế tự, biểu tiền huân. Kỳ phụng sai trưng thu tịnh sở cai cập các xã dân đương phụng trà, biệt viên nhân bất đắc vọng tranh. Vi giả hữu quốc pháp tại. Tư lệnh.

(Nhất sở tại bản huyện Cổ Hiền xã điền cộng cửu mẫu nhất cao. Nhất sở tại Bản huyện, La Phù, La Uyên, Phác Động đẳng xã, tam thập mẫu, cửu cao. Cộng tứ thập mẫu.).

Vĩnh Thịnh lục niên cửu nguyệt nhị thập tứ nhật.

(Cấp hứa bản huyện, Cổ Hiền xã, cửu mẫu, bát cao cửu xích, lục thốn, lệnh chỉ đồng. Hựu cấp hứa tại Thiên Bản huyện, Bất Di xã thập ngũ mẫu, ngũ cao, lệnh chỉ đồng).

Y Tôn, Vĩnh Hữu, ngũ niên, chỉ lệnh: Tôn thất công thần, miêu duệ hữu năng củ suất gia đình cập chiêu mộ tòng nghĩa, nguyện tùy công thảo giả, thính kỳ khải văn, cấp lương giới, sai hành, tùy công thưởng trạc.

Lục niên. Lục dụng tiền đại công thần tử tôn (thời Minh Vương tập vị).

Hiền Tôn, Cảnh Hưng, tam thập nhị niên, hạ mệnh chính phủ thẩm hạch chức sắc. Trịnh Vương Sâm (tức Tĩnh Vương) dĩ cận lai các chức vận tạp, phàm chư bạch đinh thụ tạp chức sắc, tịnh lệnh chính đường tra thực.

Tam thập tam niên, thập nhị nguyệt, định công thần nhiêu ấm lệ.

Dịch nghĩa

Vua Hy Tôn, niên hiệu Vĩnh Trị năm thứ hai (1677), mùa thu, tháng bảy, Định lại lệ nhiều ấm các quan văn vũ. Từ đầu niên hiệu Vĩnh Tộ (Lê Thần Tôn), (1620), quan quân có đi theo loan giá từ xa trở về, đều được phong là công thần, rất nhiều được tập ấm. Đến nay, mới có lệ định rõ. Phàm các hạng sáng nghiệp, cùng trung hưng, vũ thì từ chức Đô Đốc trở lên, văn thì từ chức Thị Lang trở lên, con cháu đều đời đời được coi là con cháu công thần. Cả hai ban : vũ từ Tam Thái đến Đô Kiểm, văn từ Thượng Thư đến Thị Lang, đều được năm đời tập ấm. Còn ra đều theo thứ bực bớt dần. Vũ từ tứ phẩm trở xuống, có quân công, nhiều lần được sắc lệnh, văn thì ở các viện đã từng giúp việc, từng ở chức phó, thì con mới được kể là con quan viên. Mỗi quan

được một con giữ chức nha môn lại thuộc, một nửa số thuộc viên đó của bọn sinh đồ xuất thân. Năm mươi tuổi gọi là lão hạng, sáu mươi tuổi gọi là lão nhiêu.

Vua Dụ Tôn, niên hiệu Bảo Thái, năm thứ hai, (1722), tháng tám. Đặt ngành vũ học, và thi võ. Đặt trường sở, giáo chức, cho con các công thần, cùng con bách quan được vào học, tập Vũ Kinh, tập chiến lược, cùng các môn vũ nghệ. Cứ tháng thứ hai trong mùa là có tiểu tập. Mùa xuân và mùa thu, có đại tập về các môn, mùa hạ và mùa đông thì tập về Kinh (vũ kinh, kinh sách). Các quan giáo xét thấy người khá thì bổ dụng. Chuẩn cho ba năm một lần thi. Phàm trong nước hạng tuấn tú sắc sảo cũng được theo học. Về phép thi, trước hết hỏi đại nghĩa Tôn Tử. Thông hiểu được thì được tranh đua võ nghệ, môn đầu, múa thương, môn thứ hai, múa kiếm, môn thứ ba, múa đao. Cuối cùng là phương sách thi. Người hợp cách cả thì được dẫn vào Phủ thi lại, rồi xếp thứ tự trên dưới để bổ dụng

Về tổ chức Quốc học, Hương Học, Khảo thí, Phúc hạch. Quốc Học thì có chức Tế Tửu, Tư Nghiệp, làm giảng quan, Con cháu văn vũ công thần đều được váo học với các học sinh. Mỗi tháng, học quan một lần cho thi tiểu tập. Và cứ tháng thứ hai trong một mùa, là Giám quan đặt kỳ thi Đại Tập Khảo. Các học sinh cùng các thí sinh ứng cử trong bốn khóa, nếu trúng tuyển thì được giám quan bảo cử. Rồi giao cho chức vụ.

Ở Hương Học thì có Hiệu quan, Giáo tập. Người trong phủ (trong xứ) cùng các hạng đồng sinh tuấn tú mà muốn học, thì mỗi tháng hai khóa. Trúng được tám kỳ thì xong. Thế là

đồng sinh được vào trường. Thi Hương thì giao cho huyện quan khảo hạch. Số người học hạn chế theo số các huyện lớn nhỏ. Huyện lớn, hai trăm người. Huyện trung một trăm rưỡi. Huyện nhỏ một trăm. Chọn lấy hạng trội hơn, đưa vào hai ty Phủ, Doãn. để khảo sát kỹ, lấy trên dưới, cân nhắc, so sánh, để rỏ hơn thua.

Năm thứ ba, định lệ tập ấm cho công thần văn vũ. Thời đó, khai quốc công thần đã lâu rồi, tập ấm đã xa rồi, có nhiều việc giả mạo. Niên hiệu Thận Đức, Hoằng Định, (1600) các quan theo xa giá về Kinh được tập ấm vào hạng công thần, rất nhiều trường hợp lạm phát. Lại có con cháu văn vũ, nhiều ấm, cứ lần lần tập ấm, đẳng cấp mập mờ, Quan Tham Tung Công Hãng xin điều chỉnh. Và được chấp thuận.

Năm thứ tư, tháng chín, định lệ nhiều ấm hạng công thần khai quốc, trung hưng.

Trước kia thì thi võ được tổ chức vào các năm tý, ngọ, mão, dậu, mà thi ở địa phương. Các năm thìn, tuất, sửu, mùi thi thi Bác cử. Cứ ba năm một kỳ thi. Theo phép đầu tiên hỏi về Vũ Kinh, Rồi đến khảo xét các vũ nghệ. Cuối cùng là một bài văn sách. Trúng cách thì được là sinh viên. Con cháu quan viên thì được làm Biện sinh. Trúng cử kỳ Bác cử, và trúng cách mọi môn thi được gọi là Tạo Sĩ, bổ dụng ngang Tiến Sĩ. Cả ba trường cùng trội hơn hết cũng được như thế.

Vua Dụ Tôn, niên hiệu Vĩnh Thịnh năm thứ sáu, (1710) lệnh chuẩn cấp hoàn lại ruộng thờ.

Lệnh Chỉ Đại Nguyên Súy, Tổng Quốc Chính An Đô Vương :

Huyện Thượng Phúc, xã Nhị Khê, các cháu ba đời hàng công thần là Đoàn, Tự, Vinh, Thành, Liêm, Lưu, các cháu ngoại là Nguyễn Giản, Lê Chính cùng tôn tộc. Vốn có tổ là : Bình Ngô Khai Quốc Công Thần, Đặc tiến Kim Tử Vinh Lộc đại phu, Nhập Nội Hành Khiển Môn Hạ Tỉnh, Hữu Gián Nghị đại phu, Hàn Lâm viện Thừa Chỉ, Đại Học Sĩ kiêm Trung Thư Hàn Lâm Chưởng lục bộ Thượng Thư, Quốc Tử Tam Quán sự, Á Trí Tự, tứ kim ngư đại Tế Văn Hầu Trụ Quốc Nguyễn Trãi tứ tính Lê Nguyễn Trãi. Có nhiều công huân đã được cấp ruộng cho con cháu thờ tự : tại xã Cổ Hiền chín mẫu một sào, tại các xã La Phù, Phác Đông, ba mươi mẫu chín sào. Cộng là bốn mươi mẫu. Sau khi tra xét, nay cấp lại cho các ruộng thờ đó mà được hạng ruộng thượng đẳng. giao cho cháu là Nguyễn Đình Quang giám thủ, chia ra để cày cấy, để cúng tế, biểu dương công lao, gom góp với các xã vốn vẫn cúng tế. Không ai được tranh giành. Trái lệnh đã có quốc pháp. Nay lệnh.

(Một sở tại bản huyện, xã Cổ Hiền, chín mẫu một sào. Một sở tại các xã La Phù, La Uyên, Phác Đông, ba mươi mẫu chín sào, cộng 40 mẫu).

Niên hiệu Vĩnh Thịnh, năm thứ sáu, tháng chín, ngày hai mươi bốn. (Cấp cho ở bản huyện, xã Cổ Hiền, chín mẫu tám sào, chín thước, sáu tấc, như trong lệnh chỉ. Lại cấp cho tại huyện Thiên Bản, xã Bất Di, mười lăm mẫu năm sào, theo như lệnh chỉ).

Vua Y Tôn, niên hiệu Vĩnh Hựu, năm thứ năm, (1739), lệnh chỉ : Giòng dõi tôn thất công thần, những ai đã biết tập hợp người nhà dóng dã chiêu mộ nghĩa quân, xin theo đánh dẹp, chạy giấy. đưa tin giúp lương thực, khí giới, cứ tùy công mà thưởng.

Năm thứ sáu, lục dụng con cháu công thần đời trước (năm đó về họ Trịnh là Minh Vương).

Vua Hiển Tôn, niên hiệu Cảnh Hưng năm thứ 32, mùa hạ (1771), mệnh cho chính phủ xét chức sắc phẩm tước. Trịnh Vương Sâm (tức là Tĩnh Vương) thấy thời đó có nhiều gian lận, về chức sắc, mới sai xét lại hạng bạch đinh mà có phẩm hàm để biết rõ hư thực. Năm thứ 33, tháng 12, định lệ cho nhiêu ấm.



顯宗景興二十八年，八月，初八日，晉封大王敕。敕：平吳開國推忠贊治，合謀保正累代功臣特進金紫榮祿大夫入侍行遣門下省右諫議大夫吏部尚書，掌六部事，翰林院承旨大學士兼中書省，兼翰林院事，知經筵三館事亞智字賜金袋濟文侯封贈太保溪郡公加封應義建謀濟艱定難，宣猷迪德匡時弼辟贊聖翊運顯功揚烈大王。蓋世勳勞，格天功烈，相佑妙宣睿德爲國張不死赤心悠長默相洪圖扶王儼猶生素節永記具存祀典，加封盡衆彝章，爲嗣王進封王位臨居政府尊扶社稷，鞏固洪圖禮有登秩應加封可加封（云云如上）宣賚延慶大王故敕（景興四十年，五月，十六日加封佐治迪猷敕文同）。

Phiên âm

Hiển Tôn Cảnh Hưng. Nhị thập bát niên. Sơ bát nhật. Tấn phong Đại Vương sắc.

Sắc Bình Ngô khai quốc, thôi trung tán trị, hợp mưu bảo chính, lũy đại công thần, Đặc Tiến Kim Tử Vinh Lộc đại phu. Nhập Thị Hành Khiển. Môn Hạ Tỉnh, Hữu Gián Nghị đại phu. Lại Bộ Thượng Thư Chưởng lục bộ sự. Hàn Lâm viện Thừa

Chỉ Đại Học Sĩ, kiêm Truug Thư Tỉnh, kiêm Hàn Lâm viện sự. Tri Kinh Diên Tam Quán sự. Á Trí Tự. Tứ Kim đại Tế Văn Hầu, phong tặng Thái Bảo, Khê Quân Công. Gia phong ứng nghĩa kiến mưu, tế gian, định nạn, tuyên du địch đức khuông thời bật tịch, tán thánh diệc vân hiền công dương liệt Đại Vương.

Cái thế huân lao. Cách thiên công liệt. Tương hựu diệu tuyên duệ ... Vị quốc chương bất tử xích tâm. Du trường mặc tướng hồng đồ. Phù vương nghiễm do sinh tố tiết. Vĩnh ký cụ tôn tự điển. Gia phong hợp cử di chương. Vị tự vương tiến phong vương vị. Lâm cư chính phủ. Tôn phù xã tắc. Củng cố hồng đồ. Lễ hữu đăng trật. Ưng gia phong, Khả gia phong (vân vân như thượng). Tuyên Linh Diên Khánh Đại Vương. Cố sắc.

(Cảnh Hưng tứ thập niên, ngũ nguyệt, thập lục nhật. gia phong Tả Trị Địch Du. Sắc văn đồng).

Dịch nghĩa

SẮC TẤN PHONG ĐẠI VƯƠNG.

Vua Hiển Tôn, niên hiệu Cảnh Hưng. năm thứ 28, tháng 8, ngày 8. Sắc : Bình Ngô khai quốc, thôi trung tán trị, hợp mưu bảo chính lũy đại công thần. Đặc Tiến Kim Tử Vinh·Lộc đại phu. Nhập Thị Hành Khiển. Môn Hạ Tỉnh, Hữu Gián Nghị đại phu. Lại Bộ Thượng Thư Chưởng lục bộ sự. Hàn Lâm viện Thừa Chỉ Đại Học Sĩ, kiêm Trung Thư Tỉnh, kiêm Hàn Lâm viện sự. Tri Kinh Diên Tam Quán sự. Á Trí Tự. Tứ kim đại Tế Văn Hầu, phong tặng Thái Bảo, Khê Quận Công. Gia phong Ưng nghĩa kiến mưu, tế gian định nạn. Tuyên du địch đức Khuông thời bật tích. Tán thánh dực vận. Hiền công dương liệt Đại Vương.

Trùm đời công lao, ngang trời huân liệt.

Còn, mất, sân triều, tuyên đức sáng, vì nước vững lòng son

Trước sau trong trướng quyết mưu cao, giúp vua bền một tiết.

Sử chép theo như điền pháp, gia phong thêm sáng đạo thường.

Tiến phong vương vị, tham chính công huân.

Tôn phù xã tắc, vững giữ non sông.

Theo lệ có thăng trật, gia phong là đúng nơi.

Cho nên sắc phong, Tuyên Linh Diên Khánh Đại Vương.

(Niên hiệu Cảnh Hưng, năm thứ 40, tháng 5, ngày 16. gia phong : Tá trị địch du, văn trong sắc viết đủ như trước).



皇朝嘉隆元年八月，初五日收錄功臣子孫詔：詔舊黎功臣子孫等欽知，粤自黎太祖平吳開創，迨夫莊宗滅莫中興，多有佐命元勳，厥後黎祚式微，西山肩亂，其功臣子孫衆皆沈抑，茲我勵志職仇，削平亂畧。近念前代功臣所當存恤特詔頒下，係黎朝開國與中興功臣，經受加頒襃美襃蔭誥諭勅。應許子孫遞還金華殿學士清玉侯核實，轉奏。限十五日内事畢得憑，議行收錄，以昭厚道。　欽哉特詔

是年，九月初九日準領祀事饒夫詔。詔舊黎功臣後裔阮爽欽知：爾之先祖太保溪郡公阮廌，翊贊黎朝，平吳開國，考功第一，經加陞爵，永保同休，迨西山肩亂，黎祚告終，爾祖家降下同編戶。茲一戎大定，四海永清。既積崇德之文，並舉錄功之典，准領爾廌饒蔭端免身庸搜另諸務，世守阮廌祀事。並許擇族内二率為澠夫，除免搜另，其身庸受納依例。以昭恤典欽哉。特詔

Phiên âm

Hoàng Triều, Gia Long nguyên niên, bát nguyệt, sơ ngũ nhật. Thu lục công thần tử tôn chiếu.

Chiếu cựu Lê công thần tử tôn đẳng khâm tri, viêt tự Lê Thai Tổ bình Ngô, khai sáng đại phù Trang tôn diệt Mạc trung hưng, đa hữu tá mệnh nguyên huân. Quyết hậu Lê tộ thức vi, Tây Sơn phiến loạn. Kỳ công thần tử tôn cử giai trầm ức. Tư ngã lệ chí, tiêm cừu tước bình loạn lược. Cận niệm tiền đại công thần, sở đương tồn tuất. Đặc chiếu ban ha. Hệ Lê triều khai quốc dữ trung hưng công thần. kinh thụ gia ban bao mỹ tập ấm chư cáo sắc, ưng hứa tử tôn đệ hoàn Kim Hoa Điện Học Sĩ, Thanh Ngọc Hầu bạch thực, chuyển tấu. Hạn thập ngũ nhật nội, sự tất đắc bằng, nghị hành thu lục, dĩ chiếu hậu đạo. Khâm tai. Đặc chiếu.

Thị niên. cửu nguyệt, sơ cửu nhật. chuẩn ban tư sự nhiều phu chiếu. Chiếu Cựu Lê công thần, hậu duệ Nguyễn Sảng, khâm tri : Nhĩ chi tiên tổ Thái Bảo Khê Quận Công, Nguyễn Trãi, dực tán Lê triều, bình Ngô khai quốc, khảo công đệ nhất, kinh gia ấm tước, vĩnh bảo đồng hưu, Đại Tây Sơn phiến loạn, Lê tộ cáo chung. Nhĩ tổ gia thanh hạ đồng biên hộ. Tư nhất nhung đại định, tứ hải vĩnh thanh Ký kê sùng đức chi văn. tịnh cử lục công chi điền. Chuẩn ban nhĩ vi nhiêu ấm quyên miễn thận dnng sưu lánh chư vụ, thế thủ Nguyễn Trãi tự sự. Tịnh hứa trạch tộc nội nhị suất vi sái phu, trừ miễn sưu lánh, kỳ thân dung nạp thụ y lệ, dĩ chiêu tuất điền.

Khâm tai. Đặc chiếu.

Dịch nghĩa.

CHIẾU THU LỤC CON CHÁU CÔNG THẦN.

Hoàng triều, Gia Long năm đầu, tháng tám, ngày mùng tám.

Chiếu cho bọn con cháu công thần triều Lê cũ được biết. Từ khi Lê Thái Tổ bình Ngô khai sáng, cho đến vua Trang Tôn diệt Mạc trung hưng, có nhiều phù tá công to. Rồi sau vận Lê suy vi, Tây Sơn phiến loạn, con cháu công thần đều bị mai một. Nay ta giốc chí diệc thù, dẹp yên phản loạn, Rồi nghĩ tới công thần triều trước cũng đáng tồn tuất, mới đặc ban chiếu, xét về triều Lê công thần khai quốc cùng trung hưng, đã từng được ban cáo sắc, tập ấm, nay cho các con cháu đệ trình điện Kim Hoa Học Sĩ khảo xét, chuyền tấu. Hạn trong mười lăm ngày công việc hoàn tất, để bằng cứ mà thu lục, cho rõ ơn trên. Khâm tai, đặc chiếu.

Năm đó, tháng chín, ngày mùng chín, có chiếu chuẩn ban cho tên nhiêu phu coi việc thờ tự.

Chiếu cho Nguyễn Sảng, dòng dõi công thần cố Lê được biết: Tiên tổ ngươi là Thái Bảo Khê Quận Công, Nguyễn Trãi, giúp Lê triều, bình Ngô khai quốc, công đệ nhất, từng được gia ấm trước, cùng non sông lâu dài. Tới khi Tây Sơn phiến loạn, vận Lê cáo chung, gia thanh tổ tiên ngươi thành cùng hàng thường dân. Nay, một mảnh nhung y, bốn bề yên định. Đã nên thành việc chuộng đức, lại theo phép cũ xét công. Chuẩn cho ngươi làm nhiêu ấm, miễn trừ phu dịch mọi khoản để trông coi việc tế thờ Nguyễn Trãi. Lại cho được chọn trong họ lấy hai tên làm sai phu, miễn trừ sưu dịch, được hưởng lộc theo lệ định. Để cho rõ việc tuất điền.

Khâm tai, đặc chiếu.



明命三年六月十七日，禮部奏駁襲蔭議，禮部為題覆事，本年二月二十三日，北城總鎮臣奏叙，明命二年十一月，城轄山南鎮某府縣社某奏稱前祖太保溪郡公阮廌，乃舊黎，平吳功臣，拭父某乃其後裔壬戌年蒙得詔准襲蔭並族內潤夫二率，庚辰病故，伋乃其長子，乞為襲蔭繼守祀事，經飭兵曹臣究實，由部覆奏等因臣等查阮廌是舊黎功臣，一時功伐，其子孫蔭封三百餘年，食報亦云既厚，於嘉隆元年詔准襲蔭，亦為格外隆施，非分之恩，未易數得，況世代遷革，時異事殊，似不應援例，陳乞奏擬，平吳開國功臣後裔某奏單應駁，惟阮廌祀事舊准之潤夫業已成額，似應準許依舊二率，十一月十九日奉旨，所議是準依議欽此。

Phiên âm

MINH MỆNH TAM NIÊN, LỤC NGUYỆT, THẬP THẤT NHẬT, LỄ BỘ TẤU BÁC TẬP ẤM NGHỊ.

Lễ Bộ vi đề phúc sự. Bản niên, nhị nguyệt, nhị thập tam nhật, Bắc Thành Tổng Trấn, thần, tấu tự. Minh Mệnh, nhị niên

thập nhất nguyệt Thành Hạt Sơn Nam trấn mỗ phủ huyện, xã mỗ tấu xưng tiên tổ Thái Bảo Khê Quận Công Nguyễn Trãi, nãi cựu Lê Bình Ngô công thần, Cai phụ, mỗ, nãi kỳ hậu duệ. Nhâm tuất niên, mông đắc chiếu, ban nhiêu ấm, tinh tộc nội sái phu nhị suất. Canh thìn, bệnh cố. Bỉ nãi mỗ trưởng tử, khất vi nhiêu ấm, kế thủ tự sự. Kinh sức binh tào thần cứu thực, do bộ phúc tấu đẳng nhân.

Thần đẳng phụng tra Nguyễn Trãi thị cựu Lê công thần nhất thời công phạt, kỳ tử tôn ấm phong, tam bách dư niên. Thực báo diệc vân kỳ hậu. Ư Gia Long nguyên niên, chiếu chuẩn nhiêu ấm, diệc vi cách ngoại long thi, phi phận chí ân, vị dị sồ đắc. Huống thế đại thiên cách, thời dị sự thù, tự bất ưng viện lệ, trần khất tấu nghị. Bình Ngô khai quốc công thần, hậu duệ, mỗ tấu đan ưng bác. Duy Nguyễn Trãi tự sự cựu chuẩn chi sái phu, nghiệp dĩ thành ngạch, tự ưng chuẩn y cựu nhị suất.

Thập nhất nguyệt; thập cửu nhật, phụng chỉ sở nghị, thị chuẩn y nghị. Khâm thử.

Dịch nghĩa

BỘ LỄ TÂU BÁC VIỆC TẬP ẤM.

Minh Mệnh năm thứ ba, tháng sáu, ngày mười bảy.

Bộ Lễ vâng hỏi, tâu trình. Năm nay, tháng hai, ngày 23, thần, Tổng Trấn Bắc Thành, có sớ tâu : Niên hiệu Minh Mệnh năm thứ 2, tháng mười một, Thành hạt Sơn Nam trấn, mỗ, phủ huyện xã mỗ có kêu : Tiên tổ là Khê Quận Công Nguyễn Trãi vốn là Bình Ngô công thần cựu Lê. Cha tên đó là Mỗ, vốn

dòng dõi. Năm nhâm tuất, được chiếu ban chức nhiêu ấm, cùng cho trong họ hai tên sái phu. Năm canh thìn, mỗ bị bệnh qua đời. Tên đó là con trưởng, xin làm nhiêu ấm, nối việc thờ cúng. Sức cho lại thuộc thần, cứu xét. Thần phụng mệnh tra xét, Nguyễn Trãi là công thần cựu Lê, một thời công nghiệp con cháu hơn ba trăm năm tập ấm. Báo đáp như thế đã là hậu. Niên hiệu Gia Long năm đầu, có chiếu chuẩn cho nhiêu ấm, đó là ra ơn thêm, ngoài điển pháp, mấy khi đã ai được. Huống chi triều đại xa cách, thời khác, việc khác, không có lý viện lệ. Xin tâu trình, nay bác việc xin của tên mỗ hậu duệ bình Ngô khai quốc công thần. Duy việc trước chuẩn cho tên sái phu giữ việc cúng lễ, việc đã thành lệ, thì xin ưng cho hai suất.

Tháng mười một, ngày mười chín. tâu trình. Đề nghị được chuẩn y Khâm thử.



明命十年，二月，初三日，禮部議停襲蔭混夫疏禮部臣等爲議奏事。明命九年，八月，二十六日，奉上諭着黎朝國功臣後裔，嘉隆年間蒙得饒蔭，係奉一時特恩，非有定例，其應否繼襲饒夫之處，着禮部查明詳議具奏。候旨，欽此。欽遵臣等竊思賞延于世，所以昭厚道而答崇勳。惟於國家有大勳勞然後可以膺殊報，查各處饒蔭等之先祖，翊扶王運誠爲有功，然於本朝未有尺寸之勞也。奉世祖皇帝追念勝朝勳舊。該後裔爲饒蔭，使之承祀，所謂係奉一時特恩，誠如聖諭殆非可以援而爲例也，奉擬凡現存十三名聽其免除及身而止。至如已故之二十八名均無屬承襲，嗣後不得遞請，再該等先祖祀事，間有奉準二人爲混夫，玆請并行停罷，其原領饒蔭詔文各道，係奉先朝恩給，該族奉之爲世寶，其應否收銷之處，伏候敕下施行謹奏本月初五日奉旨，故黎功臣，雖非本朝功臣

者比，若槩與襲廕，則何以示區別乎。所有原領詔文該四十二道，着即行回納，由吏部化銷，現在之饒男十三名着禮部換給焉，照各一道。餘依議欽此。

Phiên âm.

Minh Mệnh thập niên, nhị nguyệt, sơ tam nhật, Lễ Bộ nghị đình tập ấm, sái phu sớ.

Lễ Bộ thần đẳng vi nghị tấu sự : Minh Mệnh cửu niên, bát nguyệt, nhị thập lục nhất phụng Thượng dụ, cựu Lê khai quốc công thần hậu duệ, Gia Long niên gian, mông dắc nhiêu ấm hệ phụng nhất thời đặc ân, phi hữu định lệ. Kỳ ưng phủ kế tập nhiêu phu chi xứ, trứ Lễ Bộ tra minh tường nghi cụ tấu, hậu chỉ. Khâm thử. Khâm tuân, thần đẳng thiết tư : Thưởng diên vu thế, sở dĩ chiêu hậu đạo nhi đáp sùng huân. Duy ư quốc gia hữu đại huân lao, nhiên hậu khả dĩ ưng thù báo. Tra các xứ nhiêu ấm đẳng chi tiên tổ, dực phù vương vận thành vi hữu công. Nhiên ư bản triều vị hữu xích thốn chi lao dã. Phụng Thế Tổ Hoàng Đế truy niệm thắng triều huân cựu, chuẩn cai hậu duệ vi nhiêu ấm, sử chi thừa tự, sở vị hệ phụng nhất thời đặc ân. Thành như Thánh dụ đãi phi khả dĩ viện nhi vi lệ dã. Phụng nghĩ phàm hiện tồn thập tam danh, thỉnh kỳ miễn trừ cập thân nhi chỉ. Chí như dĩ cố chí nhị thập bát danh quân vô dung thừa tập, tự hậu bất đắc yêu thỉnh. Tái cai đẳng tiên tổ tự sự, gián hữu phụng chuẩn nhi nhân vi sái phu, tư thỉnh tinh hành đình bãi. Kỳ nguyên ban nhiêu ấm chiếu văn các

đạo. Hệ phụng tiền triều ân cấp cai tộc phụng chỉ vi thế bảo. Kỳ ưng, phủ thu tiêu chi xứ, phục hậu sắc hạ thi hành. Cẩn tấu.

Bản nguyệt, sơ ngũ nhật, phụng chỉ : Cố Lê công thần, thủ phi bản triều cống thần giả tỉ. Nhược khái dữ tập ấm, tắc hà dĩ thị khu biệt hồ. Sở hữu nguyên lĩnh chiếu văn, cai tứ thập nhị đạo, trứ tức-hành hồi nạp, do Lại Bộ hỏa tiêu. Hiện tại chi nhiêu nam thập tam danh, trứ Lễ Bộ hoán cấp bằng, chiếu các nhất đạo. Dư y nghị. Khâm thử.

Dịch nghĩa

SỚ CỦA BỘ LỄ, NGHỊ, ĐÌNH : TẬP ẤM, SÁI PHU.

Niên hiệu Minh Mệnh, năm thứ Mười, tháng hai, ngày mùng hai, Thần đẳng bộ Lễ tâu việc đề nghị : Niên hiệu Minh Mệnh năm thứ chín, tháng tám, ngày hai mươi sáu, phụng thượng dụ rằng : Dòng dõi khai quốc công thần triều Lê cũ, trong khoảng niên hiệu Gia-Long có được nhiêu ấm, đó là đặc ân nhất thời, chứ không phải là một định lệ. Hoặc cho, hoặc không cho nối chức nhiêu phụ, là tùy nơi bộ Lễ điều tra tỏ tường tâu lên để đợi chỉ khâm mệnh.

Thần đẳng thiết tưởng thưởng công là để rõ đạo báo đáp công cao. Chỉ có công lớn với quốc gia thì mới có báo đền. Tra xét, đã có nhiêu ấm, tức là tổ tiên họ đã giúp vua thành công, nhưng chưa có một tấc công với bản triều. Phụng mệnh Thế Tổ Hoàng Đế, truy nghĩ đến cựu huân thần triều cũ, có chuẩn cho dòng dõi được làm nhiêu ấm để giữ việc cúng tế, đó là đặc ân nhất thời, đúng như Thánh dụ, chứ không được viện cớ cho là một định lệ.

Vậy nghĩ rằng, hiện tại chỉ có 18 tên là được hưởng. Còn như 28 tên đã quá cố, đều không cho được tập ấm, con cháu không được xin. Vậy việc tế tự tổ tiên, thì đã có hai tên sái phu. Các điền cầu thỉnh khác đều bãi bỏ. Các đạo ấm nhiêu ấm do triều trước ban cấp còn lại các ngươi cho được cứ giữ, không phải thu lại, Xin chờ sắc lệnh thi hành. Kính tấu.

Cùng tháng, ngày mùng năm phụng chỉ : Công thần cố Lê có khác, không được so sánh với công thần bản triều. Nếu lại cùng cho tập ấm, thì sao cho khác nhau được. Bốn mươi hai đạo chiếu vốn đã lĩnh, nay tức thì nộp lại, rồi do bộ Lại thiêu hủy. Hiện tại có 13 tên nhiêu nam, cho Lễ Bộ đổi cấp từng bằng một.

Còn ra, cứ y theo đề nghị. Khâm thử.



嗣德六年正月十四日。

勅，宣靈延慶之神護國庇民，稔著靈應。肆今丕膺耿命，緬念神庥，可加封贈俊邁剛忠中等神。仍準上福縣古賢總二溪社下村與神後裔依舊奉事，神其相佑，保我黎民。欽哉

Phiên âm

Tự Đức lục niên, chính nguyệt, thập tứ nhật.

Sắc : Tuyên Linh Diên Khánh chi thần, Hộ quốc tý dân, nẫm trứ linh ứng. Tứ kim phi ưng cảnh mệnh, miến niệm thần hưu. Khả gia phong tặng, Tuấn Mại Cương Trung, Trung đẳng Thần. Nhưng chuẩn, Thượng Phúc huyện, Cổ Hiền tổng, Nhị Khê xã, hạ thôn, dữ thần hậu duệ, y cựu phụng sự. Thần kỳ tương hựu, bảo ngã lê dân. Khâm tai.

Dịch nghĩa

Niên hiệu Tự Đức, năm thứ sáu, tháng giêng, ngày mười bốn, Sắc :

Tuyên Linh Diên Khánh, Hộ Quốc Tý Dân, đã nhiều linh ứng. Nay để cho sáng tỏ linh thiêng, thương dân ủng hộ, nên gia phong: Tuấn Mại Cương Trung, Trung đẳng thần. Lại chuẩn cho ở huyện Thượng Phúc, tổng Cổ Hiền, hạ thôn xã Nhị Khê. cùng dòng dõi thần, cứ phụng thờ như trước. Thần cứ giúp đỡ che chở dân ta Khâm tai.



平論諸說

聖宗製瓊苑歌詩云：抑齋心上光奎藻。原註：承旨冠服侯阮廌號抑齋，於潤胡登第，聖祖創業之初磊江歸附，內則贊畫帷幄之等畧，外則草諭列城之文書，華國詞章，寵任益重。正和冊封清使周燦使交吟有云：衣冠人物重南疆，自註理學則程泉，武睿，經濟則莫挺之，阮忠彥，阮廌梁世榮稱文學者頗多。厚齋阮氏曰：阮廌之學一出於正，黎朝賢行文章之巨俊也。觀其以仁義而安所止，以和平而爲樂本，太宗嘉納皆底于行，文章制度燦然可紀，紹平大寶之間，閫中彌盛，遠方畏威慕德咸輸誠納款，以觀太平，廌可謂無負當時之責望也。

Phiên âm

BÌNH LUẬN CHƯ THUYẾT.

Thánh Tôn Chế Quỳnh Uyển Ca Thi vân : Ức Trai tâm thượng quang khuê tảo. Nguyên chú : Thừa chỉ, Quan Phục Hầu Nguyễn Trãi, hiệu Ức Trai, ư nhuận Hồ đăng đệ. Thánh

Tổ sáng nghiệp chi sơ, Lỗi Giang quy phụ. Nội tắc tán hoạch duy ác chi trù lược, ngoại tắc thảo dụ liệt thành chi văn thư, Hoa quốc từ chương, sủng nhiệm ích trọng.

Chính Hòa sách phong, Thanh sứ Chu Sán Sứ Giao ngâm hữu vân ; Y quan nhân vật trọng nam cương. Tự chú : Lý học tắc Trình Tuyên Vủ Duệ, Kinh tế tắc Mạc đỉnh Chi, Nguyễn Trung Ngạn, Nguyễn Trãi, Lương Thế Vinh. Xưng văn học giả phả đa.

Hậu Trai Nguyễn thị viết : Nguyễn Trãi chi học nhất xuất ư chính, Lê triều hiền hạnh văn chương chi cự tuấn dã. Quan kỳ dĩ nhân nghĩa nhi an sở chỉ, dĩ hòa bình nhi vi nhạc bản. Thái Tôn gia nạp, giai đề vu hành. Văn chương chế độ xán nhiên khả kỷ. Thiệu Bình, Đại Bảo chi gian, quốc trung cường thịnh. Viễn phương úy uy mộ đức, hàm thâu thành nạp khoản, dỉ quan thái bình. Trãi khả vị vô phụ dương thời chi trách vọng dã.

Dịch nghĩa

CÁC LỜI BÌNH LUẬN.

Trong sách Thánh Tôn Chế Quỳnh Uyển ca thi, có câu : Tâm sự Ức Trai như lòng ấn ngọc. Và câu chú thích : Chức Thừa Chỉ Quan Phục Hầu Nguyễn Trãi, hiệu Ức Trai, đỗ tiến sĩ triều nhuận Hồ. Ban đầu, Thánh Tổ sáng nghiệp, theo Thánh Tổ ở Lỗi Giang. Trong thì bày mưu đặt kế phù tá, ngoài thì thư từ khuyên dụ các thành, các trấn về hàng, cùng thư từ giao thiệp với nước Tàu, nhiệm vụ quan trọng. Niên hiệu Chính Hòa tàu sách phong, (1680) Sứ triều Thanh là Chu Xán, trong tập

Sứ Giao Ngâm có câu : Về phương nam văn hóa trội hơn. Về Lý học thì có Trình Tuyên, Vũ Duệ, về kinh tế thì có Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Trung Ngạn, Nguyễn Trãi, Lương Thế Vinh. Gọi là hạng văn học thì có nhiều.

Nguyễn Hậu Trai có nói : Nguyễn Trãi có được môn học chính tông. Về văn chương, về đức hạnh, dưới triều Lê, được vào hạng tuấn tú. Cứ coi việc lấy nhân nghĩa định được nước, lấy hòa bình làm gốc yên vui, thì biết rõ. Thái Tôn chuyên dùng nhân nghĩa, mọi việc sử sách còn ghi. Trong khoảng các năm Thiệu Bình, Đại Bảo, 1434, 1442, nước cường thịnh, bốn phương sợ uy, mến đức đều hàng phục, đều tới để được biết cảnh tượng thái bình.

Có thể nói là Trãi không phụ lòng trông mong đương thời.



杜氏儀曰：濟文侯文章德業，朱文貞之外當與陳之明道昭明相伯仲。侯初在陳擢進士第，及明人入國，惟以宗國爲念。雖明之高官好爵招之不來，西堂之枕季態，告以菩提水潤，諒江之夢與道徵王，告以碧水青山真人者出，因之以識麈中天子焉。迨其決策歸黎而利王膺相之讖興（越甸迷靈註云：屬明朝時，陳元扞微時以賣油爲業，至三島祠，日暮寄宿，四更衣聞有祠內人相語，稱天庭保舉藍山洞主黎利爲安南國王，梁溪阮爲佐輔）此時已有公輔之望，明良契會魚水相歡，太祖淬倚天之劍（藍山記，黎慎常拋網於藍江，得片鐵如刀，長一尺餘，置暗處有光太，祖取以歸，次日復得劍柄，以合其劍，不差尺寸），萃同德之臣，而公之制誥敕諭，有以激國人之志，表書往復有以得明人之心，卒之南北罷兵，天書山河截然依舊，黎之所以得天下者，皆公力也。及事太宗，英謀壯猷出人意表越南輿地志，則疆界之正詳矣。郊祀大禮記則事天之孝彰矣，地上心則有仁義之言，石磬之圖厚民生則有訓導之書總倉之積，使天不生黎察於其間，公得與李子晉，阮天佑，阮有錫，潘天爵，諸君子以斯道相天子則唐虞三代之治可復見於當日矣

惜乎天未欲平治天下，故公終於東道行遣，不究所圖非公之不幸，乃黎生民之不幸也。●杜氏曰：自紹平，元年以後黎察執國政，引進同類，布滿朝廷，財利法制，開導、上心，至是公得召見仁義安止之學，禮樂教化之書，各以當道引君，而太宗慨想堯舜之心，油然以生，商議之底行，訟獄之寬貸，訓書之獲美，雅樂之命定，紹平之間，世用五平，使廌得居位，則旱不誦經，雷不設醮，而天變可回也，惜乎廌之學，不得盡展於太宗之朝，而廌之言不沒於史錄者，皆可為有國之常法。此所以郊祀山陵大祀記及輿地志，既不毀於延寧而又夢想於光順也。

Phiên âm

Đồ Thị Nghị viết: Tế Văn Hầu, văn chương đức nghiệp, Chu Văn Trinh chi ngoại. đương dữ Trần chi Minh Đạo, Chiêu Minh tương bá trọng. Hầu sơ tại Trần, trạc tiến sĩ đệ. Cập Minh nhân nhập quốc, duy dĩ tôn quốc vi niệm. Tuy Minh chi cao quan, hảo tước, chiêu chi bất lai. Tây đường chi chẩm quí du, cáo dĩ Bồ Đề thủy nhuận. Lượng Giang chi mộng, dữ đạo trưng vương, cáo dĩ bích thủy thanh sơn chân nhân giả xuất. Nhân chi dĩ thức trần trung thiên tử yên. Đãi kỳ quyết sách quy Lệ, nhi Lợi vương Trãi tướng chi dao hưng. (Việt Điện Mê Linh chú vân : Thuộc Minh triều thời. Trần Nguyên Hãn vi thời, dĩ mãi du vi nghiệp. Chí Tam Đảo tự, nhật mộ ký túc. Tứ canh mạt văn

hữu từ nội nhân tương ngữ. Xưng thiên đình bảo cử. Lam Sơn động chủ Lê Lợi vi An Nam quốc vượng, Nhị Khê Nguyễn Trãi vi phụ.). Thử thời dĩ hữu công phụ chi vọng, minh lương khế hội, ngư thủy tương hoan. Thái Tổ thối Ỷ Thiên chi kiếm. (Lam Sơn ký: Lê Thận thường phao võng ư Lam Giang, đắc phiến thiết như đao, trường nhất xích dư. Trí ám xứ hữu quang. Thái Tổ thủ dĩ quy, Thử nhật phục đắc kiếm bính. Dĩ hợp kỳ kiếm, bất sai xích thốn). Tụy đồng đức chi thần. Nhi Công chi chế, cáo sắc, dụ, hữu dĩ kích quốc nhân chi chí biểu thư vãng phục, hữu dĩ đắc Minh nhân chi tâm. Tốt chi nam bắc bãi binh, thiên thư sơn hà, tiệt nhiên y cựu. Lê chi sở dĩ đắc thiên hạ giả giai Công chi lực dã Cập sự Thái Tôn, anh mưu, tráng du, xuất nhân ý biểu. Việt Nam dư địa chí, tắc cương giới chỉ biệt tường hỹ. Giao tự. đại lễ, ký tắc sự thiên chi hiếu chương hỹ. Địch thượng tâm, tắc hữu nhân nghĩa chi ngôn, thạch khánh chi đồ. Hậu dân sinh tắc hữu huấn đạo chi thư, tồng thương chi tích. Sử thiên bất sinh Lê Sát ư kỳ gian Công đắc dữ Lý Tử Tấn, Nguyễn Thiên Hựu, Nguyễn Hữu Tích, Phan Thiên Tước, chư quân tử dĩ tư đạo tướng thiên tử, tắc Đường Ngu Tam Đại chi trị khả phục kiến ư đương nhật hỹ. Tích hồ, thiên vị dục bình trị thiên hạ, cố công chung ư đồng đạo Hành Khiển, bất cứu sở đồ. Phi Công chi bất hạnh, nãi Lê sinh dân chi bất hạnh dã.

Đỗ Thị viết: Tự Thiệu Bình nguyên niên dĩ hậu, Lê Sát chấp quốc chính, dẫn tiến đồng loại, bố mãn triều đình, tài lợi pháp chế, khai đạo thượng tâm Chí thị, Công đắc triệu kiến nhân nghĩa an chỉ chi học, lễ nhạc giáo hóa chi thư, các dĩ đương đạo dẫn quân, nhi Thái Tôn khái tưởng Nghiêu Thuấn chi tâm, du nhiên dĩ sinh, thương nghị chi đề hành, tụng ngục chi khoan thải, huấn thư chi bao mỹ, nhã nhạc chi mệnh đinh, Thiệu Bình chi gian, thế dụng phi bình, sử Trãi đắc cư tướng vị, tắc hạn bật tụng kinh, lôi bất thiết

tiêu, nhi thiên biến khả hồi dã. Tích hồ, Trãi chi học, bất đắc tận triển ư Thái Tôn chi triều, nhi Trãi chi ngôn bất một ư sử lục giả, giai khả vi hữu quốc chi thường pháp. Thử sở dĩ Giao, Tự, Sơn Lăng. đại tự ký cập Dư địa chí, ký bất hủy ư Diên Ninh, nhi hựu mộng tưởng ư Quang Thuận dã.

Dịch nghĩa

Đỗ Nghi nói : Văn chương. sự nghiệp của Tế Văn Hầu, thì ngoài Chu Văn Trinh ra, có thể ngang với Minh Đạo Chiêu Minh đời Trần. Hầu ở triều Trần đã đỗ tiến sĩ. Khi giặc Minh vào nước, Hầu nhất tâm vị quốc, dù Minh có muốn lấy quan cao tước quý để dụ dỗ, Hầu không theo. Khi ở viện sách chờ thời, đã được biết rồi đây thiên hạ thái bình, Khi tới Lượng Giang, nhờ thần báo mộng, mà được biết chân chúa nơi non xanh nước biết, để đi tìm vua đang ở trong cảnh trần ai. Rồi mới nhất tâm theo Lê, mà rồi câu đồng dao được nẩy ra : Lê Lợi làm vua, Nguyễn Trãi làm tướng. (Sách Việt Điện Mê Linh có ghi việc : Trong thời nước ta thuộc về Minh (một triều đại nước tàu), Trần Nguyên Hãn hàn vi làm nghề bán dầu kiếm ăn. Đi bán tới đền Tam Đảo, trời tối vào đền ngủ trọ. Đến cuối canh tư nghe trong đền có tiếng người nói với nhau rằng, trên thiên đình đã cử người chủ đất Lam Sơn, là Lê Lợi làm vua nước An Nam, mà Nguyễn Trãi ở làng Nhi Khê, thì làm tướng). Thời đó ý chí của Hầu đã rõ rệt. Minh quân lương tướng gặp nhau, Cả nước rồng mấy tới hội. Thái Tổ mài gươm thần, (Theo sách Lam Sơn Ký, Lê Thận thường quăng

chài lưới ở sông Lam Giang, được mảnh sắt như hình lưỡi gươm, dài hơn một thước, đặt nơi tối thì thấy lấp lánh. Thái Tổ lấy đem về. Ngày hôm sau, lại được cái cán, đem tra vào thì ăn khớp không sai phân ly). Thái Tổ họp tụ được các bầy tôi cùng tài đức. Hầu thì chuyên viết chế, cáo sắc, dụ kích thích lòng dân, chuyên viết thư, biểu cho người Minh, được lòng người Minh. Rốt cuộc, hai nước bãi binh, theo đúng như thiên thư đã tiệt nhiên định phận cho nước ta. Lê mà được nước, toàn nhờ Công.

Tới đời Thái Tôn, mưu cơ sách lược thật là cao siêu, bản đồ Việt Nam về cương giới thành rõ rệt. Về lễ nghi tế tự, thì đúng cách thờ trời, về giúp vua thì lời nói toàn nhân nghĩa đạo lý, luật pháp thì nghiêm minh. Đối với dân có văn sách dẫn dụ, thóc lúa có đụn kho.

Thiết sử trời không sinh ra bọn Lê Sát trong thời gian đó, mà ông được cùng với Lý Tử Tân, Nguyễn Thiên Hựu, Nguyễn Hữu Tích, Phan Thiên Tước, cùng bọn quân tử đó đem đạo giúp vua, thì có thể thấy lại được chính trị đời Đường Ngu, Tam Đại. Đáng tiếc là trời chưa muốn cho thiên hạ thái bình, cho nên ông không làm chủ chính trị nữa. Chí ông không nối được, không phải riêng ông không may, mà là toàn dân thời Lê không may.

Họ Đỗ nói: Từ năm đầu Thiệu Bình về sau (1434) Lê Sát giữ quốc chính, dùng toàn bọn đồng bè lũ, đầy rẫy triều đình, dẫn dụ vua về pháp chế, về tài lợi. Công vì được triệu tới giúp vua, hành chính thì yên dân bằng nhân nghĩa, dạy

dỗ bằng lễ nhạc, Thái Tôn thì có tâm Nghiêu, Thuấn, chăm chú làm việc hay, các đề nghị được thi hành, việc hình ngục được khoan giảm, lời dạy dỗ thành đẹp, phép nhã nhạc được quy định, tất là phải được đại trị. Trãi ở đúng ngôi vị, thì đến mùa màng cũng không có hạn hán, vận trời cũng xoay lại, tai biến không còn là việc thường.

Đáng tiếc cho tài học Trãi không được tận dụng ở triều Thái Tôn, Thế mà lời Trãi ghi trong sử không mất, phép Trãi đặt ra vẫn là quốc pháp. Cho nên, tế tự xã tắc, bờ cõi giang sơn, thời Diên Ninh, (Thái Tôn) đã không hủy bỏ, mà còn mong hoàn thành được ở đời Quang Thuận, (Thánh Tôn).



蘇世輝羣賢賦序云，自陳朝迄今，搢紳無慮千百，而詞章鳴于世者有數焉，阮公汝弼浚其源，陶公師錫導其流，李拙菴，阮菊坡數公之揚其波，陳密齋阮抑齋諸賢之助其瀾，天下雄文莫大於是，所謂水之江漢星之斗牛者也（時保泰）。

Phiên âm

Tô Thế Huy, Quần Hiền Phú Tự vân : Tự Trần triều hất kim, tấn thân vô lự thiên bách. Nhi từ chương minh vu thế giả hữu sổ yên. Nguyễn công, Nhữ Bật tuấn kỳ nguyên. Đào công, Sư Tích đạo kỳ lưu. Lý Chuyết Liễu, nguyễn Cúc Pha sổ công chi dương kỳ ba. Trần Mật Liêu, Nguyễn Ức Trai chư hiền chi trợ kỳ lan. Thiên hạ hùng văn mạc đại ư thị. Sở vị thủy chi Giang, Hán, tinh chi Đẩu Ngưu giả dã (thời Bảo Thái).

Dịch nghĩa

Trong bài tựa sách Tô Thế Huy Quần Hiền Phú có đoạn : Từ triều Trần đến nay, bạug mũ ác cân đai, kể hàng trăm, hàng ngàn. Thế mà văn chương để tiếng lại chỉ có vài người thôi. Nguyễn Như Bật bắt đầu khơi nguồn, Đào Sư Tích dẫn cho nước chảy, Lý Chuyết Liễu, Nguyễn Cúc Pha làm cho nổi sóng, Trần Mật Liệu, Nguyễn Ức Trai giúp cho sóng gợn. Hùng văn trong nước chỉ có thế. Y như sông thì chỉ co Giang, Hán mà sao thì chỉ có Ngưu, Đẩu. (thời Bảo Thái, 1720).



吳午峯曰：陳季之士，阮抑齋乃其最。他如阮子晉，武夢源，潘孚先，阮天縱諸人，亦卓然爲一時文章巨擘。

Phiên âm

Ngô Ngọ Phong viết : Trần quí chi sĩ, Nguyễn Ức Trai nãi kỳ tối. Tha như Nguyễn Tử Tấn, Vũ Mộng Nguyên, Phan Phù Tiên, Nguyễn Thiên Túng chư nhân, diệc trác nhiên vi nhất thời văn chương cự phách.

Dịch nghĩa

Ngô Ngọ Phong nói : Nhân sĩ thời cuối Trần có Nguyễn Ức Trai là trội hơn cả. Còn như bọn Nguyễn Tử Tấn, Vũ Mộng Nguyên, Phan Phù Tiên. Nguyễn Thiên Túng, đều cùng là hạng văn chương cự phách nhất thời.



見聞阮錄云：廌以章肅侯外孫阮飛卿之子，胡朝進士聞望稔矣。磊江謁見，遂受知遇。飛書草檄一世獨步。位尚書階功臣。觀其輔政兩朝，盡忠納誨屢見阻抑。曾不少屈，處其絳灌之間，殊費調劑，而昧於止足，更不令終。悲夫，遠孫曾出其追贈制有曰：風虎龍雲之會，猶憶前緣，文章事業之傳永垂來世。蓋佐命元勳，千古自不泯云。

Phiên âm

Kiến Văn Nguyễn Lục vân: Trãi dĩ Chương Túc Hầu ngoại tôn. Nguyễn Phi Khanh chi tử. Hồ triều tiến sĩ, văn vọng nẫm hỹ, Lỗi Giang yết kiến, toại thụ tri ngộ. Phi thư thảo hịch, nhất thế độc bộ, Vị Thượng Thư, giai công thần. Quan kỳ Phụ Chính lưỡng triều, tận trung nạp hối, lũ kiến trở ức, tằng bất thiểu khuất. Xử kỳ Giáng, Quán, chi gian, thù phí điều tễ, nhi muội ư chỉ túc, cánh bất linh chung. Bi phù. Viễn tôn tằng xuất kỳ truy tặng chế, hữu viết: Phong hổ long vân chi hội, do ức tiền duyên. Văn chương sự nghiệp chi truyền, vĩnh thùy lai thế. Cái tá mệnh nguyên huân, thiên cổ tự bất dẫn vân.

Dịch nghĩa

Sách Kiến Văn Nguyễn Lục có chép: Trãi là cháu ngoại Chương Túc Hầu, là con Nguyễn Phi Khanh, đỗ tiến sĩ dưới

triều nhà Hồ, được tiếng đã từ lâu, Sau lễ yết kiến tại Lỗi Giang, được ơn tri ngộ. Một đời, một mình chuyên việc văn từ ngoại giao, cùng thảo hiểu dụ, hịch văn. Vị thứ là Thượng Thư, cấp bật là công thần. Cứ coi việc Phụ Chính trải hai triều, hết lòng trung răn can nhiều khi gặp trở ngại, mà không chút lùi bước. Ở giữa các Công Hầu thì ung dung điều động, mà sao về tri túc, tri chỉ thì mờ tối đến nỗi đời không trọn. Đáng thương thay. Một người cháu khi cho coi sắc truy tặng, có câu : « Gặp hội phong hổ, vân long, lại nhớ đến tiền duyên. Sử truyền văn chương, sự nghiệp, còn lâu về hậu thế ». Mới biết hạng tá mệnh, nguyên huân, nghìn năm không mất.



通史文藝志序云：我國號稱文獻，上而帝王，下而臣庶，莫不各有著述會而總之，不過百有餘帙，當陳盛時，文雅彬彬，典章極備，藝宗初，占城入寇燔掠殆盡，是後稍稍收集，逮閏胡失守，明張輔悉取古今書籍送金陵。本朝撥亂興治，阮抑齋李子晉潘孚先。諸名儒，相與搜尋典寔採括遺文，兵火之餘十存四五。

Phiên âm

Thông Sử Nghệ Văn Chí tự vân: Ngã quốc hiệu xưng văn hiến, thượng nhi đế vương. hạ nhi thần thứ. Mạc bất các hữu trước thuật Hội nhi tổng chi, bất quá bách hữu dư trật. Đương. Trần thịnh thời, văn nhã bân bân, điển chương cực bị. Nghệ Tôn sơ, Chiêm Thành nhập khấu, phần lược đãi tận, Thị hậu sảo sảo thu tập. Đại Nhuận Hồ thất thủ, Minh Trương Phụ tất thủ cổ kim thư tịch tống Kim Lăng. Bản triều bát loạn, hưng trị, Nguyễn Ức Trai, Lý Tử Tấn, Phan Phù Tiên chư danh nho, tương dử sưu tầm điển thực thái quát di văn, binh hảo chi dư, thập tồn tứ ngũ.

Dịch nghĩa :

Bài Tựa quyển Thông Sử Nghệ Văn Chí có chép : Nước ta xưng là nước văn-hiến, trên có đế vương, dưới có thần

dân. Về trước thuật, tất cả các hạng trật, tính gộp lại được độ hơn trăm bộ. Đương thời nhà Trần còn thịnh, thì văn chương rực rỡ, điển pháp đầy đủ. Thời Nghệ Tôn, giặc Chiêm Thành vào quấy phá, đã cướp mất gần hết. Về sau dần dần thu thập lại. Nhưng đến khi ngụy Hồ không giữ được nước, giặc Minh do Trương Phụ dẫn tới cướp thu lấy hết đem về Kim Lăng. Đến triều Lê ta, giẹp loạn, trị nước yên dân, thì các danh nho, Nguyễn Ức Trai, Lý Tử Tấn, Phan Phù Tiên, cùng nhau sưu tầm các pho sách, nhặt nhạnh thu góp lại. Thành ra sau cuộc binh hỏa, mười phần còn được bốn năm.



裴存庵雜說云：凡看文字，當辨其
言之醇疵，考其人之能否，如張漢
超，黎适為之志排異端以振頹俗。陳
廷琛，黎公廌，號能詩。或行己有
恥不辱君命，或卓有經濟之業，莫
挺之以賦稱亦有節清，阮直善四六
而遇變不渝，謙恭自保君子所樂道
者類此。若浮詞無味與文勝於行者
無稱焉。又曰：順天洪德之間，以
詩名數十家，詞響意健不忘君親則
黎公[illegible]。有奇擧則李公子構。洲奉
得體則申公仁忠。清遠則蔡公順。
情至則黃公德良。尤為人所稱道。

Phiên âm

Bùi Tồn Am Tạp Thuyết vân : Phàm khán văn tự, đương biện kỳ ngôn chi thuần tỳ, khảo kỳ nhân chi năng phủ. Như Trương Hán Siêu, Lê Quát, vi văn chí, bài dị đoạn dĩ trấn đồi tục. Trần đình Sâm, Lê Công Trãi, hiệu năng thi, hoặc hành kỷ, hữu sỉ, bất nhục quân mệnh, hoặc trác hữu kinh tế chi nghiệp. Mạc Đĩnh Chi dĩ phú xưng diệc hữu thanh tiết. Nguyễn Trực thiện tứ lục, nhi ngộ biến bất du. Khiêm cung tự bảo, quân tử sở lạc đạo giả, loại thử. Nhược phù từ vô vị, dữ văn thắng ư hành giả, vô xưng yên.

Hựu viết : Thuận Thiên, Hồng Đức chi gian, dĩ thi danh sồ thập gia. Từ cảnh ý kiện, bất vong quân thân, tắc Lê Công Trãi. Hữu kỳ khái tắc Lý Công Tử Câu. Thù phụng đắc thể, tắc Thân Công Nhân Trung. Thanh viễn tắc Sái Công Thuận. Tình chí tắc Hoàng Công Đức Lương. Vưu vi nhân sở xưng đạo.

Dịch nghĩa

Trong sách Bùi Tồn Am Tạp Thuyết có đoạn : Phàm xét văn chương, nên biện rõ lời có thuần hay còn vết. xét người có tài hay không. Như Trương Hán Siêu, Lê Quát, viết văn răn mê tín, đổi tục xấu. Trần Đình Sâm, Lê Trãi có tài thơ, làm người có liêm sỉ, không nhục mệnh vua, mà lại trội về tài kinh tế. Mạc Đĩnh Chi có bài phú rõ được tiết tháo. Nguyễn Trực giỏi về lối văn tứ lục, gặp biến mà không đổi. Tính nết đều khiêm cung, thực rõ là quân tử lạc đạo. Nếu như văn, thấy lời vô vị, văn lại quá thực, thì sao có khen được.

Lại có đoạn : Trong khoảng Thuận Thiên, Hồng Đức, nổi tiếng về thơ có vài mươi người. Lời rắn rỏi, ý mạnh mẽ, không quên đạo quân, thần, thì có Lê Trãi. Ý tứ cao siêu thì có Lý Tử Câu, Lối thù phụng đúng cách thì có Thân Nhân Trung. Nhẹ nhàng sâu xa thì có Sái Thuận. Tình cảm dồi dào thì có Hoàng Đức Lương. Tất cả đều được tiếng khen.





范立齋撰祠堂帖云：事業文章開國首，旂常帶礪故家聲。功存開國藍山錄。慶衍傳家故邑祠。英雄氣魄依高廟，翊濟勳勞感聖朝，功齊藍岳千峯峙。慶共蘇江一帶流。

Phiên âm

Phạm Lập Trai soạn từ đường thiếp vân : Sự nghiệp văn chương khai quốc thủ. Cân thường đái lệ cố gia thanh. Công tồn khai quốc Lam Sơn lục. Khánh diễn truyền gia cố ấp từ. Anh hùng khí phách y cao miếu. Dực tế huân lao cảm thánh triều. Công tề Lam nhạc thiên phong trĩ. Khánh cộng Tô giang nhất đái lưu.

Dịch nghĩa

Sách Phạm Lập Trai Soạn Từ, Đường, có các câu đối :

Văn chương sự nghiệp công khai quốc, cờ, biển non sông tiếng cố gia. Cúng tế truyền gia đền ấp cũ, Công cao khai quốc sử non Lam. Cao miếu anh hùng còn khí phách, Thánh triều tả hữu vẫn khuông phù. Lam lĩnh công cao nghìn ngọn thẳm, Tô giang phúc trạch một giòng xuôi.



見聞錄云：陳朝賦，多奇偉，流麗韻致格調。殆類有宋。今所存者，只有阮汝弼，陳公瑾，史希顏，范鏡溪，莫挺之，張漢超，阮伯聰，陶師錫，阮飛卿，段春雷，諸賦體，十三篇見於羣賢賦集中而已。

Phiên âm

Kiến Văn lục vân : Trần triều phú, đa kỳ vĩ, lưu lê vận, trí cách từ. Đãi loại Hữu Tống. Kim sở tồn giả, chỉ hữu Nguyễn Nhữ Bật, Trần Công Cẩn. Sử Hy Nhan, Phạm Kính Khê, Mạc Đĩnh Chi, Trương Hán Siêu, Nguyễn Bá Thông, Đào Sư Tích, Nguyễn Phi Khanh, Đoàn Xuân Lôi, chư phú thể, thập tam thiên kiến ư Quần Hiền Phú tập trung nhi dĩ.

Dịch nghĩa

Sách Kiến Văn Lục có chép : Các bài phú về triều nhà Trần, nhiều bài kỳ vĩ, vận khéo, lời đẹp. điệu lưu loát, như lối phú thời Tống. Nay còn lại chỉ có Nguyễn Nhữ Bật, Trần Công Cẩn. Sử Hi Nhan, Phạm Kinh Khê. Mạc Đĩnh Chi, Trương Hán Siêu, Nguyễn Bá Thông, Đào Sư Tích, Nguyễn Phi Khanh Đoàn Xuân Lôi, tất cả còn có 13 thiên, trong tập Quần Hiền Phú.



人物志云：公以文章謀畧，得君經世，為開國第一功臣，晚路閒退，尤無貪戀之意。獨以妖女業報，卒累功名，當時咸惋惜之，然事久論定，是非自明，聖宗詩云：抑齋心上光奎藻，蓋深嘆羨之也。

Phiên âm.

Nhân vât chí vân : Công dĩ văn chương mưu lược, đắc quân kính thế, vi khai quốc đệ nhất công thần. Vãn lộ nhàn thoái. Vưu vô tham luyến chi ý. Độc dĩ yêu nữ , nghiệp báo tốt lụy công danh, Đương thời hàm oán tích chi. Nhiên sự cửu luận dịnh, thị phi tự minh. Thành Tôn thi vân : Ức Trai tâm thượng quang khuê tảo. Cái thâm thán tiễn chi dã.

Dịch nghĩa

Trong quyển Nhân Vật Chí có đoạn : Công vì văn chương. vì mưu lược, được vua giao cho việc nước, thành vị khai quốc công thần thứ nhất. Lúc có tuổi. lni về, chứ đâu có ý tham luyến. Chỉ vì yêu tinh báo oán, hại tới công danh, Đương thời hàm oan, thật đáng tiếc. Nhưng lâu dần, luận định rõ rệt. phải trái. Thánh Tôn có câu thơ : Tâm sự Ức Trai như lồng ấn ngọc. Coi câu thơ biết là Thánh Tôn rất than tiếc.



天南實錄云：抑齋佐太祖定天下，一時命令文書多屬公筆。其作平吳大誥文有曰：遂使宣德狡童黷兵無厭，蓋深忍明人擾害我國。故斥明帝號也，北人見之批云：作此文者，子孫必不全，其後因氏路染禍，人以為驗。先生妻氏路俗傳乃蛇妖化身。少時文辭甚麗，尤善國語唐律，詩與公鳴和所作以百篇，數世不得傳，其和公情字詩云云，後遂為先生稼禍，其風稜畧見於此。

Phiên âm

Thiên Nam Thực Lục vân : Ức Trai tá Thái Tổ định thiên hạ. Nhất thời, mệnh lệnn văn thư đa thuộc Công bút. Kỳ tác Bình Ngô đại cáo văn, hữu viết : Toại sử Tuyên Đức giảo đồng độc binh vê yếm, Cái thâm ố Minh nhân nhiễu hại ngã quốc cố xích Minh đè hiệu dã. Bắc nhân kiến chi phê vân : Tác thử văn giả, tử tôn tất bất toàn. Kỳ hậu nhân Thị Lộ nhiễm họa, nhân dĩ vi ngbiệm. Tiên sinh thê, Thị Lộ, tục truyền nãi xà yêu hóa thân Thiều thời, văn từ thậm lệ, vưu thiện quốc ngữ đường luật, thi dữ Công minh hòa, sở tác dĩ bách thiên. Sổ thế bất đắc truyền, kỳ họa Công tình tự thi vân vân. Hậu toại vi tiên sinh giá họa. Kỳ phong lăng, lược kiến ư thử.

Dịch nghĩa

Sách Thiên Nam Thực Lục có chép: Ức Trai giúp Thái Tổ định được thiên hạ. Trong suốt thời gian đó, phần nhiều văn từ tự ông soạn ra. Khi làm bài Bình Ngô đại cáo có viết câu: Đứa trẻ ranh Tuyên Đức thích dùng đồ binh không chán. Đọc câu đó biết công ghét giặc Minh nhiễu hại nước ta, cho nên gọi thẳng ngay tên hiệu vua Minh. Người Tàu đọc có phê bình: Người làm bài này, con cháu sẽ không được toàn. Về sau nhân Thị Lộ, Công bị họa, người ta cho là lời nói nghiệm. Tiên sinh có người vợ (chữ vợ e dùng sai), tục truyền là tự con rắn hóa thành người. Lúc ít tuổi văn thơ, nhất là thơ nôm đuờng luật, có xướng họa với Công đến trăm bài. Các thơ tình tứ họa với Công đến vài đời không truyền lại. Về sau gieo họa cho tiên sinh. Về chuyện địa lý, phong thủy, có nói tới.



桑滄偶錄云：先朝濟文侯黎公廌號
抑齋先生，原姓阮，父寺卿公飛卿，鳳眼
人，少好風水，嘗扦先墳于之上福
廌溪。因家焉。公舉胡朝進士，官
御史臺正掌。胡亡，隨寺卿公避寇
崑山，有夜依牛斗望中原之句，其
感時憫世之心，往往見之於詩，時
山西霍沙人陳元扦以賣油為業，嘗
過瑞香宿禧康大王李翁仲祠。夜聞
隣邑神邀王偕朝帝，所王辭以國公
寄宿，鷄鳴朝回，王問今日議事有
何號令，神曰：上帝以南國無主，
命黎利為君，黎廌為臣，陳電物色
之。得公以告。公往叩之。夢王曰
，天庭秘事，所不敢洩。仙容姊盡
知其詳且婦人之言，上帝不之責。
盍具盛烈冥金一萬昭之。公如其言
，請仙容主夢。主呼曰：黎廌為君
黎利為臣，獨未之知乎。細問

之。曰：清化藍山人也。公偕陳伍
候太祖方短葛荷鋤，驅黃牛自田中
反留信宿。值先諱烹豚治具，公竄
下執爨。見太祖操刀割肉，且割盧
唉私謂陳曰：仙容主給我矣。辭去
，謁主而索之金。主曰黎利為君業
有成命，但天星未降耳。盍再候之
。時太祖始得兵書神劍，夜閉戶觀
書，公潛窺之，偕陳推門入。太祖
仗劍出。皆伏地曰：某等跋涉而來
，以明公能為天下主耳。太祖笑留之
之，謀起兵，公曰未可，築館授徒
，嘗製小[illegible]鼓及燕滾蜜搏做雞犬形
，使童子弄以戲他兒見之，競請其
父往從學，又嘗濡脂遍書山中木葉
曰：黎利為君黎廌為臣，虫蟻食之
穿成字畫，採樵者見以為神，更相
告語，以故歸附者日衆，戊戌起兵
，前後凡二十餘戰，公嘗參謀帷幄

丙午戰於萃洞大捷，進逼東都，明
成山侯王通嬰城拒守。丁未，明遣
安遠侯柳昇黔國公沐晟分道並進以
援東都，帝與戰于馬鞍山，斬柳昇
，生擒黃福，崔聚等三百餘人。沐
晟宵遁，王通開門降，縱使北還。
自是通好，詞命皆公所撰。紹平初
除表官謝云：轅門仗策臨大節而半
生忠義自知，虎口填身決和議而兩
國干戈以息其實也。以功賜國姓授
榮祿大夫入內行遣知三館事。陳後
爵至國公。以聖宗見忌舉家投於江
，今祠在霍沙，公文章渾灝有氣力
，順天間平吳大誥，永陵神道碑諸
作，紹平初贈昭儀為皇太妃制，皆
膾炙人口，常以事下獄，尋赦出之
累陞門下左諫議大夫兼翰林學士承
旨爵，濟文侯性恬淡，有棲隱之志，
獲守其贈友人詩曰：身外浮名烟間迥
夢中花，鳥故山幽，有別墅在京北

曰蕉圖，紹平末，侯命關上時，太宗皇帝北巡，駕幸蕉圖，是夕崩，人以為公妾氏路所弒。公遂以此得禍。初馬鞍之戰獲明尚書黃福，黃善風水，在我國時，悉為鉗記，至是見襲公以得虜故不之禮，黃笑謂曰：在祖墓有赦文星，百日難耳，不似君家夷滅禍也。公弗信。後黃得放歸而公因妻染禍，人以為驗，令按公祖墓在藥溪，穴茔在平田。武以為將軍展旗格，武以為斷頭將軍形，未方龜山其尾反射，黃尚書鉗斷云：藥溪脈短禍慘誅夷，蓋指此也。世傳公未遇時在藥溪授業，常指野外一園，謂諸生曰：明當拔舍以構精，諸生諾，昧爽夢見一婦曰：身弱子幼容三日徙焉可也。既覺馳視野外己悉工矣。獲二卵。問其故，諸生曰：頃見一蛇拏之斷尾去[illegible]公袖其卵歸字之。夜是秉燭讀書[illegible]

一白衣婦人緣屋梁血滴其書，濕代
字污及三頁。公悟曰：報在三世。
後蛇子破卵去，一長一短，公命放
于旁邑蘇瀝江今為江神，公既達，
朝回過草屠肆，遇一女色殊麗，以
詩詞相諷，悅而納之，紹平中嘗往
來宮掖，太宗皇帝命為女學士，晏
駕時庭鞠之，女曰公所教也。遂底
公法。臨刑女化為蛇入水去。妾某
氏逃山南匿于人，生公子鶤鵝，久之
居亭，主人知其為公妾也，光順間
聖宗皇帝嗣位，愍公寃，下詔洗雪
，追贈太師濟文侯，訪其後得婢生
子以歸，授知阜州，後奉使過洞庭
湖水中出一蛇，風濤大作，知州公
請濟國事，風濤頓息，覲還至洞庭
舟覆而沒，子孫世襲功臣孫。濟文
侯贈封制及傳神圖至今尚存。並用
絹箋，制詞畧曰：風虎龍雲之會，
猶想前緣。文章事業之傳永垂來世

。詞氣渾厚，彷彿明太師文成侯贈
制云：圖經屬祿約累可認，體純堂
厚纓頗短窄，戴馬尾包頂著育錦袍
，神態猶可想見，景興中修民政簿
庭議欲省閒國功臣恩澤閱公勅戶部
侍郎榜眼黎公貴惇碎之曰亂臣賊子
何詰勅為也語未竟奄忽驅去見二卒
通之至一所垣墻繚繞古木大十圍殿
上龍椅數十右廊設榻一文官幞頭補
服坐左右林立卒導榜眼公入跪于階
下，榻上厲聲曰：我濟文侯也，初
學少生，何故妄斥我先朝勳舊罪死
不赦，榜眼會息不敢仰視傍有一員
涼巾青吉服代為懇請良久乃得解語
曰我功名業事不屑與子較，子平日
以甲第驕人歸讀平吳大誥，若能勝
此碑勅不為過矣，榜眼公覺亟寫故
勅還之。諸功臣送得不省噫公之勳
烈如此而不能保其身子孫誅滅殆盡
芻狗土龍古今同嘆可慨也夫冊輪祭
酒范廷琥家藏相傳，黎末所撰姑存

之以待考。按賴氏風水志云：穴在蘂溪，龍來甚遠比結局棲棲凶凶，活水生蛇，微如灰線忽起木星棲角裔結整成好穴傍兩牛角硬砂各出數片，以衛真氣左伴出土星當回作案案下出一條陰砂為不現官，局內圍閫羅沙献秀龍虎排牙小溪閉鎖左遮右獲為印為劍為僕頭為文筆，為神童侍立為將軍出陣，多合貴格甚後公之父登閏胡榜眼公即阮某少號神童後從黎太祖平吳為帝師，其後子孫又中進士。

Phiên âm :

Tang Thương Ngẫu Lục vân : Tiên triều, Tế Văn Hầu, Lê công Trãi, hiệu Ức Trai tiên sinh, nguyên tính Nguyễn. Phụ Tự Khanh công Phi Khanh. Phượng Nhãn nhân, thiếu hiếu phong thủy. Thường hãn tiên phần vu Thượng Phúc chi Nhị Khê. Nhân gia yên, Công cử Hồ triều tiến sĩ, quan Ngự Sử Đài Chính Chưởng. Hồ vong. Tùy Tự Khanh công tị khấu Côn Sơn Hữu «dạ y ngưu đầu vọng trung nguyên» chi cú. Kỳ bi thời, mẫn thế chi tâm. vãng vãng kiến chi ư thi.

Thời, Sơn Tây Hoắc Sa nhân, Trần Nguyên Hãn dĩ mãi du vi nghiệp. Mộ quá Thụy Hương, túc Hy Khang Đại Vương.

Lý Ông Trong tự. Dạ văn lân ấp thần, yêu vương giai triều Đế. Sỡ vương từ dĩ Quốc Công ký túc. Kê minh triều hồi. Vương vấn kim nhật nghị sự, hữu hà hiệu lệnh. Thần viết: Thượng đế dĩ Nam Quốc vô chủ, mệnh Lê Lợi vi quân, Lê Trãi vi thần. Trần giác, vật sắc chi. Đắc công dĩ cáo. Công vãng khấu chi. Mộng vương viết: Thiên đình bí sự, sở bất cảm tiết. Tiên Dung tỷ tận tri kỳ tường. Thả phụ nhân chi ngôn thượng đế bất chi trách. Hạp cụ thịnh liệt trí kim nhất vạn đạm chi. Công như kỳ ngôn. Nghệ Tiên Dung Chủ mộng. Chủ hô viết: Lê Trãi, Lê Lợi vi quân, Lê Trãi vi thần. độc vị chi tri hồ. Tế vân chi, viết: Thanh Hóa Lam Sơn nhân dã. Công giai Trần vãng hậu, Thái Tổ phương đoản cát hà sừ, khu hoàng ngưu tự điền trung, Phản lưu tín túc. Trị tiên húy, phanh đồn trị cụ. Công Tảo hạ chấp thoán, kiến Thái Tổ thao đao cát nhục thả cát thả đạm. Tư vị Trần viết: Tiên Dung Chủ đãi ngã hỹ. Từ khứ. Yết Chủ, nhi sách chi kim. Chủ viết: Lê Lợi vi quân nghiệp hữu thành mệnh, Đãn thiên tinh vị giáng nhĩ. Hạp tái hậu chi.

Thời Thái Tổ thủy đắc binh thư, thần kiếm. Dạ bế hộ quan thư. Công tiềm khuy chi. Giai Trần thôi môn nhập. Thái Tổ trượng kiếm xuất. Giai phục địa viết: Mỗ đẳng bạt thiệp nhi lai, dĩ minh công năng vi thiên hạ chủ nhĩ. Thái Tổ tiếu lưu chi. Mưu khởi binh. Công viết vị khả. Trúc quán thụ đồ. Thường chế tiểu đào cổ, cập yên nùng mật, hoành tố kê khuyển hình, sử đồng tử lộng dĩ vi hý. Tha nhi kiến chi, cạnh thỉnh kỳ phụ vãng tòng học. Hựu thường nhu chi biến thư sơn trung mộc diệp viết: Lê Lợi vi quân, Lê Trãi vi thần. Trùng nghị thực chi, xuyên thành tự hoạch. Thái tiều giả kiến dĩ vi thần, cánh tương cáo ngữ, dĩ cố quy phụ giả nhật chúng.

Mậu tuất khởi binh, tiền hậu phàm nhị thập dư chiến. Công thường tham mưu duy ác, Bính ngọ, chiến ư Túy Động, đại tiệp, Tiến bức Đông Đô. Minh Thành Sơn Hầu, Vương Thông anh thành cự thủ. Đinh mùi. Minh khiển An Viễn Hầu, Liễu Thăng. Kiêm Quốc Công Mộc Thạnh, phân đạo tịnh tiến, dĩ viện Đông Đô, Đế Dữ chiến vu Mã Yên Sơn, trảm Liễu Thăng, sinh cầm Hoàng Phúc. Thôi Tụ đẳng tam bách dư nhân, Mộc Thạnh tiêu độn. Vương Thông khai môn hàng. Túng sử bắc hoàn. Tự thị thông hiếu. Từ mệnh giai công sở soạn. Thiệu Bình sơ, Trừ quan tạ biểu vân: Viên môn trượng sách lâm đại tiết, nhi bán sinh trung nghĩa tự tri. Hồ khẩu điền thân, quyết hỏa nghị, nhi lưỡng quốc can qua dĩ tức. Kỳ thực dã. Dĩ công tứ quốc tính, thụ: Vinh Lộc đại phu, Nhập Nội Hành Khiển, Tri Tam Quán sự. Trần hậu, tước chí Quốc Công, dĩ Thánh Tôn kiến ky, cử gia đầu ư giang, kim từ tại Hoắc Sa. Công văn chương hồn hạo hữu khí lực. Thuận Thiên gian, Bình Ngô đại cáo, Vĩnh Lăng thần đạo bi chư tác, Thiệu Bình sơ, Tặng Chiêu Nghị vi Hoàng Thái Phi chế, giai khoái trá nhân khẩu. Thường dĩ sự hạ ngục, tầm xá xuất chi. Lũy thăng Môn Hạ, Tả Gián Nghị đại phu, kiêm Hàn Lâm Học Sĩ Thừa Chỉ tước. Tế Văn Hầu, tính điềm dạm, hữu thê ẩn chi chí. Kỳ tặng hữu nhân thi viết: Thân ngoại phù danh yên các quýnh; mộng trung hoa điểu cố sơn u. Hữu biệt thự tại Kinh Bắc viết Tiêu Viên. Thiệu Bình mạt, hậu mệnh quan thượng thời, Thái Tôn Hoàng Đế bắc tuần, giá hạnh Tiêu Viên. Thị tịch băng. Nhân dĩ vi công thiếp Thị Lộ sở thí. Công toài dĩ thử đắc họa. Sơ, Mã Yên chi chiến, hoạch Minh Thượng Thư Hoàng Phúc, Hoàng thiện phong thủy, tại ngã quốc thời, tất vi kiềm ký. Chí thị kiến hoạch. Công dĩ phù lỗ, cố bất chi lễ. Hoàng tiếu vi viết: Ngô tổ mộ hữu xá văn tinh bách nhật nạn

nhĩ. Bất tự quân gia di diệt họa dã. Công phất tín. Hậu Hoàng đắc phóng quy, nhi công nhân thê nhiễm họa, nhân dĩ vi nghiệm. Kim án công tổ mộ tại Nhị Khê, huyệt táng tại bình điền. Hoặc dĩ vi tướng quân triền kỳ cách, hoặc dĩ vi đoạn đầu tướng quân hình. Mùi phương, Quy sơn, kỳ vĩ phản xạ. Hoàng Thượng Thư kiềm đoán vân : Nhị Khê mạch đoản, họa thảm tru di. Cái chỉ thử dã.

Thế truyền, Công vị ngộ thời, tại Nhị Khê thụ nghiệp, thường chỉ dã ngoại nhất cương, vị chư sinh viết : Minh, đương bạt trừ dĩ cấu tinh xá. Chư sinh nặc. Muội sảng, kiến nhất phụ viết : Thân nhược tử ấu, dung tam nhật tỷ yên khả dã. Kỳ giác, trì thị dã, ngoại dĩ tất công hỹ. Hoạch nhị noãn. Vân kỳ cố. Chư sinh viết : Khoảnh, kiến nhất xà, kích chi, đoạn vĩ khứ. Công tụ kỳ noãn, quy tự chi. Thị dạ, bỉnh chúc, đọc thư nhất bạch y phụ nhân duyên ốc lương, huyết trích kỳ thư, thấp đại tư, ô cập tam hiệt. Công ngộ viết : Báo tại tam thế. Hậu xà tử phá noãn khứ. nhất trường, nhất đoản, công mệnh phóng vu bàng ấp Tô Lịch giang. Kim vi giang thần.

Công kỳ đạt, triều hồi quá vi tịch tứ. Ngộ nhất nữ, sắc thù lệ. Dĩ thi từ tương phúng, duyệt nhi nạp chi. Thiệu Bình trung, thường vãng lai cung dịch. Thái Tôn Hoàng Đế mệnh vi Nữ Học Sĩ. Án giá thời, đình cúc chi, nữ viết Công sở giáo dã. Tụy đề công pháp. Lâm hình, nữ hóa vi xà, nhập thủy khứ.

Thiếp Mỗ thị dật Sơn Nam, nặc vu nhân. sinh công tử Anh Vũ. Cửu chi cư đình, chủ nhân tri kỳ vi công thiếp dã. Quang Thuận gian Thánh Tôn Hoàng Đế tự vị, mẫn công oan, hạ chiếu tẩy tuyết, truy tặng Thái Sư Tế Văn Hầu. Phỏng kỳ hậu, đắc tỷ sinh tử dĩ quy. Thụ chi Phụ Châu. Hậu phụng sứ

quá Động Đình. Hồ thủy trung xuất nhất xà, phong đào đại tác. Tri châu cộng thỉnh tế quốc sự, phong đào đốn tức. Cận hoàn chí Động Đình. Chu phúc nhi một. Tử tôn thế tập công thần tôn. Tế Văn Hầu tặng phong Chế, cập Truyền thần đồ, chí kim thượng tồn Tinh dung quyến tiên. Chế từ lược viết : Phong hổ long vân chi hội, do tưởng tiền duyên. Văn chương sự nghiệp chi truyền, vĩnh thùy lai thế. Từ khí hồn hậu, phảng phất Minh Thái Sư Văn Thành Hầu tặng chế văn : Đồ kinh lũ phiếu, ước lược khả nhận. Thể mao phong hậu, ngạch phả đoản trách. Đái mã vĩ bao đính, trứ thanh cẩm bào, thần thái do khả tưởng kiến.

Cảnh Hưng trung, tu dân chính Bạ, đình nghị dục tỉnh khai quốc công thần ân trạch, duyệt công sắc, Hộ Bộ Thị Lang Bảng Nhãn, Lê công Quý Đôn toái chi viết : Loạn thần tặc tử, hà cáo sắc vi dã. Ngữ vị cánh, yêm hốt thụy khứ, kiến nhị tốt bức chi chí nhất sở, viên tường liễu nhiễu, cổ mộc đại thập vi, điện thượng long ỷ sổ thập. Hữu lang thiết tháp, nhất văn quan phốc đầu bồ phục tọa. Tả hữu lâm lập. Tốt đạo Bảng Nhãn công nhập, quy vu giai hạ. Tháp thượng lệ thanh viết : Ngã Tế Văn Hầu dã, sơ học thiểu sinh, hà cố vọng xích ngã tiền triều huân cựu. Tội tử bất xá. Bảng Nhãn hiếp tức, bất cảm ngưỡng thị. Bàng hữu nhất viên lương cân, thanh cát phục, đại vi khẩn thỉnh. Lương cửu nãi đắc giải. Ngữ viết: Ngã công danh sự nghiệp bất tiết dữ tử giảo. Tử bình nhật dĩ giáp đệ kiêu nhân, quy độc Bình Ngô đại cáo, nhược năng thắng thử, toái sắc bất vi quá hỹ. Bảng Nhãn công giác. Cức tả cố sắc hoàn chi. Chư công thần tụy đắc bất tỉnh. Y, Công chi huân liệt như thử, nhi bất năng bảo kỳ thân, tử tôn tru diệt đãi tận. Số cầu thổ long cổ kim đồng thán. Khả khái dã phù. (Sách Luân, Tế Tửu, Phạm Đình Hộ, gia tàng tương truyền Lê mạt sở soạn, cô tồn chi, dĩ đãi khảo).

Ản, Lại thị phong thủy Chi vân : Huyệt tại Nhi Khê. Long lai thậm viễn. Tị kết cục thê thê hưng hung. Hoạt thủy sinh xà, vi như khôi tuyến. Hốt khởi mộc-tinh lăng giác tề chỉnh. Kết thành hảo huyệt. Lưỡng bàng ngưu giác, nganh sa, các xuất sồ phiến, dĩ vệ chân khí. Tả bạn xuất thổ-tinh, đương diện tác ản. Ản hạ xuất nhất điều âm sa vi bất hiện quan. Cục nội đoàn viên, quân sa hiến tú. Long hồ bài nha. Tiểu khê quan tỏa. Tả giả, Hữu hoạch. Vi ấn. Vi kiếm. Vi phốc đầu. Vi văn bút. Vi thần đồng thị lập. Vi tướng quân xuất trận. Đa hợp quý cách. Táng hậu, công chi phụ đăng Nhuận Hồ Bảng Nhãn, Công tức Nguyễn Mỗ thiêu hiệu thần đồng. Hậu tòng Lê Thái Tổ bình Ngô, vi Đế sư. Kỳ hậu tử tôn hựu trúng tiến sĩ.

Dịch nghĩa

Sách Tang Thương Ngẫu Lục có chép : Triều trước, Tế Văn Hầu là Nguyễn Trãi, hiệu Ức Trai tiên sinh, nguyên là họ Nguyễn, cha là quan Tự Khanh, Nguyễn Phi Khanh. Người làng Phượng Nhãn Lúc ít tuổi ham học địa lý, có ngôi mộ tổ ở làng Nhị Khê, huyện Thượng Phúc, nhân thế làm nhà ở đó. Nguyễn Trãi đỗ tiến sĩ triều nhà Hồ, quan tới Ngự Sử đài Chính Chưởng. Nhà Hồ mất. Ông theo cha là quan Tự Khanh về tránh loạn tại Côn Sơn. Lòng thương nước thương đời, thường tiết lộ ra trong các câu thơ như câu : Đêm nhìn Ngưu Đẩu nhớ Trung Nguyên. Thời đó, có người ở làng Hoắc Sa thuộc trấn Sơn Tây, tên là Trần Nguyên Hãn, đi bán dầu để kiếm ăn. Một tối qua nghỉ lại xã Thụy Hương, ngủ trọ trong đền Hy Khang đại vương Lý Ông Trọng. Đêm nghe thấy vị thần ở ấp bên, tới mời Đại Vương cùng đi chầu Thượng Đế. Đại Vương từ chối là có vị Quốc Công ngủ trọ. Khi gà gáy, vị thần đi chầu về. Đại Vương hỏi có lệnh mới gì không, thì thần nói :

Thượng Đế truyền là nước Nam không có chủ, mệnh cho Lê Lợi làm vua, Lê Trãi làm tôi. Trần Nguyên Hãn khi thức dậy. cứ theo lời đi tìm, tìm được công, rồi kể lại chuyện. Công mới đi tới đền hỏi lại. Mộng thấy Đại Vương nói là việc mật trên thiên đình không dám lộ. Có chị tiên Dung biết tỏ tường, mà lại là đàn bà, có nói ra, Thượng Đế cũng không quở. Cứ tới đem đồ lễ cho nhiều, thêm mười ngàn vàng là biết. Công theo lời tới đền Tiên Dung cầu mộng. Công chúa bảo : Lê Trãi hãy nghe. Lê Lợi làm vua, Lê Trãi làm tôi. thế mà còn chưa biết. Công hỏi lại kỹ thì được biết là người ở làng Lam Sơn, trấn Thanh Hóa. Mới cùng với Trần Nguyên Hãn tới dò xét, thì thấy Thái Tổ đương mặc áo ngắn, vác bừa, dắt bò từ ngoài ruộng về, Thái Tổ mời về nhà, giữ ở lại. Gặp ngày giỗ gia tiên, Có làm heo. Công ở dưới bếp dun nấu, thì thấy, Thái Tổ cầm dao cắt thịt, vừa cắt vừa ăn. Công nói riêng với Trần: Tiên Dung nối dối ta. Thế là cùng từ ra đi, tới đền Công Chúa để đòi lại vàng. Công Chúa bảo : Lê Lợi làm vua, đã có mệnh rồi, nhưng thiên tinh chưa tới lúc giáng. Vậy cứ trở lại. Khi đó Thái Tổ mới được binh thư và thần kiếm, đêm tối, đóng cửa đọc sách. Công dòm trộm rồi cùng với Trần, đẩy cửa bước vào, Thái Tổ cầm gươm đứng dạy. Hai người phục xuống đất nói : Chúng tôi lặn suối trèo đèo tới đây, vì cho là Minh Công đáng làm chủ thiên hạ Thái Tổ cười rồi giữ lại. Bàn việc khởi binh. Công nói chưa được. Rồi xin dựng một ít nhà lên cho người tứ phương quy thuận. Chế ra ít trống bỏi, mứt kẹo bánh vẽ, cho trẻ con tới vui đùa bày ra các trò chơi. Trẻ về nhà kể chuyện, trẻ khác kéo tới. Công cho lấy mỡ bôi vào các cây cành trong rừng núi quanh nơi ở, bôi các chữ Lê Lợi làm vua, Lê Trãi làm tôi. Kiến và sâu tới ăn, đục, khoét,

thành ra số hình chữ. Bọn đi kiếm củi trông thấy cho là việc quỷ thần, loan truyền đi, Người người đều tin. theo tìm tới mỗi ngày mỗi đông.

Năm mậu tuất, (1418) khởi binh. Trước sau hơn hai mươi trận. Công thường tham dự kế sách. Năm bính ngọ, chiến tại Tụy Động đại thắng. Quân tiến vây thành Đông Đô. Giặc Minh là Thành Sơn Hầu Vương Thông giữ thành cố thủ. Năm đinh mùi, triều Minh sai An Viễn Hầu Liễu Thăng, cùng Kiềm Quốc Công Mộc Thạnh, chia hai đường cùng tiến tới cứu Đông Đô. Vua ứng chiến tại núi Mã Yên, chém Liễu Thăng, bắt sống bọn Hoàng Phúc, Thôi Tụ, hơn ba trăm tướng tá. Mộc Thạnh nhân đêm tối trốn chạy. Vương Thông mở cửa thành hàng. Vua tha cả cho về nước. Từ đó hai nước giao hiếu.

Giấy má thư từ một tay công soạn. Đầu niên hiệu Thiệu Bình, công xin về nghỉ, trong biểu có câu : Kế sách bình Ngô dâng trước quân môn. Tới việc lớn, một lòng trung nghĩa. Vốn biết gửi thân trước miệng hổ cho nên đề cho hai nước hòa nghị, gác được dáo gươm. Câu nói ấy rất đúng. Cho nên xét công lao, Công được ban quốc tính. được phong Vinh Lộc đại phu Nhập Nội Hành Khiển, Tri Tam Quán sự. Trần Nguyên Hãn được phong Quốc Công, nhưng dưới triều Thánh Tôn có tội, cả nhà chết. Nay đền thờ ở Hoắc Sa.

Văn chương Công thì hồn hậu sáng sủa, có khí lực, như bài Bình Ngô đại cáo, bài văn bia ở lăng Vĩnh Lăng, dưới thời Thái Tổ ; bài chế tặng Chiêu Nghi làm Hoàng Thái Phi, về đầu đời Thái Tôn, đọc lên thấy khoái trá, Về bình tụng thường

khoan dung xá tội. Lần lần thăng tới Môn Hạ Tả Gián Nghị đại phu, kiêm Hàn Lâm Học Sĩ, tước Thừa Chỉ.

Tế Văn Hầu, tính điềm đạm, vốn có chí lui về nhàn ẩn, thơ tặng bạn có câu : Thân ngoài danh lợi nơi mấy khói, hoa nở chim bay khoảng núi xanh. Có một biệt thự ở xứ Kinh Bắc gọi là Tiêu Viên. Niên hiệu Thiệu Bình năm cuối, Công được mệnh theo giá vua Thái Tôn bắc tuần. Vua tới Tiêu Viên, đêm băng. Người ta cho là Thị Lộ giết, vì thế công bị họa.

Xưa ở trận Mã Yên, có bắt được Thượng Thư giặc Minh là Hoàng Phúc. Phúc giỏi địa lý, trong thời kỳ ở nước ta, có ghi chép tất cả các ngôi đất hay. Khi bị bắt, vì là trong bọn tướng tá bị bắt cho nên không được công lấy lễ đối đáp. Phúc cười nói rằng : Ngôi mộ tổ nhà tôi có xá văn tinh. Tôi bị nạn chỉ trong thời gian trăm ngày. Còn như ông thì có họa di diệt Công không tin lời nói Sau Phúc được tha, mà rồi nhân vì Thị Lộ, công bị họa, ai cũng cho là lời Phúc nói nghiệm.

Nay xét ngôi tổ mộ ở làng Nhi Khê, huyệt táng ở đồng bằng. Hoặc đúng vao cách Tướng quân phất cờ, hoặc đúng vào hình Tướng quân mất đầu. Về phương mùi (tây nam) có Quy Sơn, ma đuôi quay ngược như bắn lại. Thượng Thư Hoàng Phúc (giặc Minh) có ghi : Đất Nhị Khê, mạch ngắn, họa thảm đến tru di, là ý nói hình đó.

Tương truyền khi chưa ra giúp nước. còn ở Nhị Khê dạy học, công có chỉ vào một gò ở phía ngoài đồng, bảo học trò mai nên dọn sửa lại để rồi dựng thêm nhà học. Học trò vâng. Tối đến, mộng thấy một người đàn bà tới nói người còn yếu, con lại nhỏ, xin dung cho ở ba ngày nữa để tìm nơi

khác rồi sẽ dọn. Tỉnh dạy, Công vội ra coi, thì thấy đã dọn xong rồi. Học trò có bắt được hai cái trứng, hỏi ra thì nói là vừa thấy một con rắn, đánh nó, chặt được đuôi. Công mới bọc hai cái trứng vào vạt áo đem về nuôi Đêm ấy thắp đèn đọc sách. Một người đàn bà leo trên nóc nhà mặc áo, trắng, rỏ giọt máu xuống sách đúng vào chữ đại thấm ba tờ giấy. Công biết ngay nói : Nó báo đến ba đời. Sau, rắn con, phá vỡ trứng chui ra. một con dài, một con ngắn. Công sai đem sang ấp bên. thả xuống sông Tô Lịch. Sau thành Giang thần.

Khi công đã thành đạt, một hôm đi chầu về, qua hàng bán chiếu cói, thấy một người con gái tuyệt đẹp. Đem thơ ra ướm thử, bằng lòng, rồi lấy về. Khoảng niên hiệu Thiệu Bình, người con gái có việc thường qua lại bên cung viện. Vua Thái Tôn mệnh cho làm Nữ Học Sĩ. Khi vua mất, đình thần tra tấn, người chon gái khai là công sai giết. vì thế tội đến công. Khi bị đem hành hình, thì người ấy hóa làm con rắn đi xuống nước mất.

Một người thiếp của công trốn vào nhà dân ở Sơn Nam, rồi sinh ra công tử Anh Vũ. Lâu dần chủ nhà biết là thiếp của công. Khoảng năm Quang Thuận. Thánh Tôn Hoàng Đế lên ngôi, thương công oan, hạ chiếu tẩy oan, truy tặng Thái Sư Tế Văn Hầu, cho tìm dòng dõi, được con người thiếp, gọi về cho làm Tri Châu Phụ Châu. Sau, Tri Châu phụng mệnh đi sứ tàu tới hồ Động Đình (1). Giữa hồ thấy nổi lên một con rắn, rồi có sóng to gió lớn. Tri Châu khấn xin chờ xong việc nước. Sóng gió ngừng ngay. Nhưng khi xong việc sứ trở về, thì thuyền chìm, đắm cả. Con cháu được đời đời hưởng lộc hàng

CHÚ THÍCH (1) Đoạn này. cần cứu xét lại.

con cháu công thần. Ngày nay, chế biểu tặng phong Tế Văn Hầu, và bức họa truyền thần hãy còn giữ được. Viết và họa trên giấy lụa. Lời văn chế cáo đại lược có câu: Gặp hội long vân, phong hồ lại nhớ đến tiền duyên. Sử truyền sự nghiệp văn chương còn lâu về hậu thế. Lời hồn hậu phảng phất như câu văn phong tặng Minh Thái Sư Văn Thành Hầu : Bức họa đã bị tô đi tô lại, nhưng vẫn nhận được dáng mặt hồn hậu, trán hẹp ngắn, đỉnh đầu khăn che bịt, áo bào gấm xanh. thể cách vẫn hình dung được. Trong thời Cảnh Hưng (1740) vì muốn sửa lại Dân Chính Bạ, triều đình đề nghị bỏ bổng lộc bọn con cháu khai quốc công thần. Khi xét đến sắc của công, thì có Hộ Bộ Thị Lang, Bảng Nhãn Lê Quý Đôn, cầm sắc xé đi nói : Loạn thần, tặc tử sao còn cho cáo sắc. Chưa kịp nói nữa thì ngã ra hôn mê, thấy hai tên lính bắt đến một nơi có tường bao quanh, cây cổ thụ đến mười lớp. Trên điện, có đặt vài mười chiếc long ỷ. Gian bên hữu đặt giường. Ngồi trên là một vị quan, áo bổ tử, mũ cánh chuồn. Hai bên đông người đứng hầu. Lính dẫn ông Bảng vào, cho quỳ dưới thềm. Giường trên có tiếng to truyền : Ta là Tế văn Hầu. Trẻ thơ mới bập bẹ học, sao dám coi thường ta là huân thần triều trước. Tội đáng chết không tha. Ông Bảng sợ nín hơi không dám nhìn lên. Ở phía trên có một viên khăn the, áo xanh, thay lời khẩn khoản xin cho, một lúc lâu mới được. Ở trên có tiếng truyền : Công danh sự nghiệp ta không đáng so sánh với ngươi. Ngươi quen lấy khoa bảng khinh người, nay về đọc bài Bình Ngô đại cáo, vì như làm hơn được thì xé sắc ta không phải là quá. Ông Bảng khi tỉnh lại, vội thảo ngay lại sắc các công thần khác thành ra khỏi bị xét lại.

Đó huân liệt của công như thế, mà thân không bảo toàn được, con châu bị giết gần hết. Cái kiếp sô-cẩu, thổ-lông (chó rơm, rồng đất đồ dùng vào việc cúng tế, cũng như hình nhân) thật là đáng thương, ngày xưa, ngày nay không khác nhau.

(Đan Luân, Tế Tửu, Phạm Đình Hồ, nhà có giữ được ít chuyện tương truyền, soạn về thời cuối Lê, ta hãy cứ giữ, đợi khảo sát),

Xét : trong sách Phong Thủy họ Lại. Có chép : Huyệt tại Nhị Khê. Long mạch từ xa tới. Khi kết lại có hình tượng hoạt động mà không yên tỉnh. Thủy sinh xà, nhỏ như sợi chỉ. Bên góc bỗng nổi một đường mộc tinh, ngay ngắn, kết thành huyệt tốt. Hai bên góc có hình ngưu tinh, có đá ong lởm chởm vai hàng để giữ lấy nguyên khí. Bên tả mọc ra thổ tinh để làm án trước mặt. Dưới đá có một tường đá chìm, thành ra thế (bất hiện quan). Toàn cuộc vuông ra vuông, tròn ra tròn. Các lớp đá hợp thành hình đẹp, long hổ bày hàng. Khe nhỏ như then khóa, trái che, phải giữ. Có ấn, có kiếm, có mũ, có thần đồng đứng chầu, có tướng quân ra trận, toàn là quý cách. Khi táng xong thì ông thân sinh ra công đỗ Bảng Nhãn triều nhuận Hồ. Công lúc đó, có tiếng là thần đồng. Sau theo Lê Thái Tổ bình Ngô, chức vị là thầy vua. Con cháu sau đỗ đạt.

文臣黎鷹詩序云：廌上福蘂溪人，父
阮飛卿中陳朝進士，生廌二十一歲，
中胡朝進士第四名，時見胡氏失馭，
吳賊南侵，公有志於救民。遂至仙容
公主廟前，懇告吉兆有祝告文，夜夢
見仙容公主告云：上帝已擇藍山人黎
利為天子，遂尋入藍山，時吳兵據可
藍城中太祖夜夢神人賚一良弼，及廌
來見太祖于磊江宛然如夢中所見。因
献平吳策至太祖在菩提營，增築層樓
賜侍坐，領旨草書檄遺各城，及與吳
人往復，挺身入城者五次當時憲章法
度禮樂刑政，皆在所定。仕至吏部尚
書，入內行遣門下省翰林院承旨大學
士入侍經筵行樞密院事，掌五經博士
兼中書國史三院事，號抑齋先生，有
抑齋詩集，玉堂遺藁，并平吳大誥，皇
朝章表行于世，晚年娶氏路為妻，氏
路祖知文學入侍太宗拜為禮儀學士，
日夜侍側及帝東巡還至嘉定荔枝園，

與氏路通宵而崩，大臣鄭可阮熾等殺之，連及阮廌夷三族，收田產入官，至洪德年間，始免還，再錄用子孫封阮旉為濟文侯。世傳廌鄉有大陂有大蛇常為人害其祖教學謀計殺之，至廌妻氏路腹下有三鱗及禍至廌人以為蛇之報怨，其孫過洞庭湖，再遇蛇報，至于孫猶有戒心。

Phiên âm.

Văn thần, Lê Trãi Thi Tự Vân : Trãi, Thượng Phúc, Nhí Khê nhân. Phụ Nguyễn Phi Khanh, Trần triều tiến sĩ, Sinh Trãi, nhị thập nhất tuế trúng Hồ triều tiến sĩ đệ tứ danh. Thời kiến Hồ thị thất ngự, Ngô tặc nam xâm. Công hữu chí ư cứu dân. Toại chí Tiên Dung Công Chủ miếu tiền khẩn cáo cát triệu, hữu chúc cáo văn. Dạ mộng kiến Tiên Dung Công Chủ cáo vân : Thượng Đế dĩ trạch Lam Sơn nhân Lê Lợi vị thiên tử, Toại tầm nhập Lam Sơn. Thời Ngô binh cứ Khả Lam thành trung. Thái Tổ dạ mộng thần nhân lại nhất lương bật. Cập Trãi lai kiến Thái Tổ vu Lỗi Giang, uyển nhiên như mộng trung sở kiến. Nhân hiến Bình Ngô sách. Chí Thái Tổ tại Bồ Đề doanh, tăng trúc tầng lâu. Tứ thị tọa. Lĩnh chỉ thảo thư hịch, di các thành, cập dữ Ngô nhân vãng phục đỉnh thân nhập thành giả ngũ thứ. Đương thời, hiến chương. phap độ, lễ nhạc, hình chinh, giai tại sở định. Sĩ chí Lại Bộ

Thượng Thư, Nhập nội Hành Khiển, Môn hạ tỉnh, Hàn lâm viện Thừa Chỉ, Đại Học Sĩ, Nhập thị Kinh Diên, Hành Khu Mật viện sự, Trưởng Ngũ Kinh Bác Sĩ, kiêm Trung Thư Quốc sử Tam Viện sự, hiệu Ức Trai tiên sinh. Hữu Ức Trai Thi tập, Ngọc Đường Di Cảo, tịnh Bình Ngô đại cáo, Hoàng triều chương biểu, hành vu thế. Vãn niên thú Thị Lộ vi Thế. Thị Lộ thô tri văn học, nhập thị Thái Tôn, bái vị Lễ Nghi Học Sĩ, nhất dạ thị trắc, Cập đế đông tuần, hoàn chí Gia Định, Lệ Chi viên, dữ Thị Lộ thông, Tiêu nhi băng. Đại thần Trịnh Khả, Nguyễn Xí đẳng sát chi, liên cập Nguyễn Trãi di tam tộc, thu điền, sản nhập quan, Chí Hồng Đức niên gian thủy miễn hoàn. Tái lục dụng tử tôn, phong Nguyễn Trãi vi Tế Văn Hầu.

Thế truyền, Trãi hương hữu đại pha, hữu đại xà, thường vi nhân hại. Kỳ tổ giáo học mưu kế sát chi, Chí Trãi thê Thị Lộ, phúc hạ hữu tam lân. Cập họa chí Trãi, nhân dĩ vi xà chi báo. Chi tử tôn do hữu giới tâm.

Dịch nghĩa

Bài tựa quyền Văn thần Lê Trãi Thi, có nói: Trãi người làng Nhị Khê, huyện Thượng Phúc. Cha là Nguyễn Phi Khanh, đỗ tiến sĩ triều Trần. Năm hai mươi mốt tuổi, dưới triều Hồ, Trãi đỗ tiến sĩ thứ tư. Khi thấy Hồ mất lòng dân, thấy giặc tới xâm chiếm, công đã có chí cứu dân. Tới miếu Công Chúa Tiên Dung, cầu cát hung, có bài cáo văn. Đêm mộng thấy Công Chúa báo cho biết là Thượng Đế đã chọn người xứ Lam Sơn, tên Lê Lợi, làm thiên tử. Công lần tới Lam Sơn. Khi đó, quân Minh giữ thành Khả Lam. Thái Tổ đêm mộng thấy thần nhân đưa tới một người phù tá. Khi Trãi tới yết kiến tại Lỗi Giang, Thái Tổ nhận thấy y như

người trong mộng. Trãi hiến kế sách bình Ngô. Đến khi Thái Tổ đóng dinh tại Bồ Đề, làm thêm lũy, lầu cho cao lên nhiều từng. Rồi cho Trãi cùng ngồi, mệnh cho thảo thư từ, chiếu hịch gửi đi các thành, Trãi thường đi lại với tướng Ngô, một mình vào thành đến năm lần. Thời đó hiến chương, pháp luật, lễ nhạc, binh chính đều một mình định đoạt. Quan chức tới Lại Bộ Thượng Thư, Nhập Nội Hành Khiển Môn Hạ Tỉnh, Hàn Lâm Viện, Thừa Chỉ Đại Học Sĩ, Nhập Thị Kinh Diên, Hành Khu Mật viện sự. Chưởng Ngũ Kinh Bác Sĩ, kiêm Trung Thư Quốc sử, Tam viện sự. Hiệu là Ức Trai. Hiện có Ức Trai Thi tập, Ngọc Đường Di tập. bài Bình Ngô đại cáo, các biểu chương của hoàng triều.

Về lúc có tuổi, lấy Thị Lộ làm vợ. Thị Lộ có biết văn học. Vào chầu Thái Tôn, được chức Lễ Nghi Học Sĩ, ngày đêm chầu vua. Đến khi vua đông tuần, ngự tới xứ Gia Định vườn Lệ Chi, cùng ở với Thị Lộ. Đến đêm mất. Đại thần là Trịnh Khả, Nguyễn Xí, giết Thị Lộ, tội liên lụy đến Nguyễn Trãi bị tru di ba họ, Điền sản bị sung công, khoảng niên hiệu Hồng Đức mới được trả lại, con cháu mới được dùng, mà Nguyễn Trãi thì được phong Tế Văn Hầu.

Tương truyền, làng Nguyễn Trãi, có gò đất cao, có một con rắn lớn. Tổ tiên Trãi trước dạy học, lập kế giết được. Đến vợ Trãi là Thị Lộ, dưới dụng có ba vẩy, khi Trãi bị họa, người ta cho là rắn báo thù. Đến đời cháu đi qua hồ Động Đình, lại bị rắn báo. Các con cháu vẫn thường e ngại.

勲賢阮廌傳云：（出潘氏歷朝憲章人物誌）。

廌號抑齋，弱冠以文章名世。經史百家及韜畧兵書，無不淹貫，年二十一，中閏胡庚辰科大學士，父子同時登用官御史臺正掌。未幾明人南侵，二胡被執，父飛卿亦爲所虜。公僅以身免總兵張輔適飛卿爲招之公不得已就降，輔知不肯效用，欲見殺。尚書黃福奇其貌釋之。留東關城閒駐，時故臣領興化軍迎立重光帝以圖恢復。黎太祖亦遺應詔書，起義兵於藍山鄉，累敗北兵。軍聲稍振。公憤明人貪暴，思拯生民欲擇真主事之，而未知所向，乃脫身去投宿於鎮武觀懇求一夢以卜去就，夜半聞神語，曉以太祖姓名，遂決意西求，潛入清華至磊江行營，謁獻平吳策，太祖置諸左右參謀帷幄，累遷翰林院承旨學士，丁未春加朝烈大夫入內行遣吏尚部，兼行樞密院事。

誥與明人往復文書與各城曉諭皆奉擬撰，帝既放明人還國，奉撰平吳大誥。戊申春定功行賞，進爵冠服侯預賜國姓，癸丑春奉撰永陵碑文，太宗紹平初詔大臣擬以公與程舜俞等入侍筵經輔成君德不諧奏。又奉擬樂，與官督梁登不合，遂辭不與事，歸築居於至靈崑山時奉朝參大寶壬戌年六十三秋，氏路入侍毒殺太宗庭論及三族，有妾時方懷孕隱遁得免，尋生子鶚鵠聖宗時軫其冤，賜之縣職贈公濟文侯，所著有玉堂詩集。世傳公鄉大陵土阜有巨蛇樹木蓊蔚邑人不敢剪伐，公祖愛其風水，結構書堂於上，門童艾穢誤殺是蛇，蛇精埋怨托生氏路胷下有鱗，公少時道遇於武陵悅其才色納之，及當國凡語書詞命與之潤色太宗立聞其名召入見拜爲禮儀學士，公年老欲歸崑山閒養累請不許乃留氏路內侍，帝許之，東巡日，氏路宵侍。帝崩乃獲罪臨刑氏路走赴水，人以爲蛇毒之報。

Phiên âm

Huân Hiền Nguyễn Trãi truyện vân (xuất Phan thị, Lịch triều Hiến Chương Nhân Vật Chí).

Nguyễn Trãi, hiệu Ức Trai. Nhược quán dĩ văn chương danh thế, kinh, sử, bách gia, cập thao lược binh thư, vô bất yếm quán, Niên nhị thập nhất trúng Nhuận Hồ canh thìn khoa Thái Học Sĩ. Phụ tử đồng thời đăng dụng, quan Ngự Sử đài Chính Chưởng. Vị kỷ, Minh nhân nam xâm, nhi Hồ bị chấp. Phụ Phi Khanh diệc vi sở lỗ. Công cận dĩ thân miễn. Tổng Binh Trương Phụ bức Phi Khanh vi thư triệu chi. Công bất đắc dĩ tựu hàng, Phụ tri bất khẳng hiệu dụng, dục kiến sát. Thượng Thư, Hoàng Phúc kỳ kỳ mạo, thích chi. Lưu Đông Quan thành nhàn trú. Thời cố thần lĩnh Hưng Hóa quân, nghênh lập, Trùng Quang Đế dĩ đồ khôi phục. Lê Thái Tổ diệc dao ứng chiếu thư, khởi nghĩa binh ư Lam Sơn hương. Lũy bại bắc binh, Quân thanh sảo chấn. Công phẫn Minh nhân thảm bạo, tư chửng sinh dân. Dục trạch chân chủ sự chi nhi vị tri sở hướng. Nãi thoát thân khứ đầu túc ư Trấn Vũ Quan, khẩn cầu nhất mộng dĩ bốc khứ tựu. Dạ bán văn thần ngữ, hiểu dĩ Thái Tổ tính danh. Tụy quyết ý lây cầu, tiềm Thanh Hoa. Chí Lỗi Giang hành doanh. Yết hiến bình Ngô sách. Thái Tổ tri chư tả hữu tham mưu duy ác, Lũy tiến Hàn Lâm viện Thừa Chỉ Học Sĩ. Đinh mùi xuân, gia Triều diệt đại phu, Nhập Nội Hành Khiển, Lại Bộ Thượng Thư, kiêm Hành Khu Mật viện sự, chư dữ Minh nhân vảng phục văn thư. Dữ các thành hiểu dụ giai phụng nghĩ soạn. Đế ký phóng Minh nhân hoàn quốc, phụng soạn Bình Ngô Đại Cáo. Mậu thân xuân, định công hành thưởng, tiến tước Quan Phục Hầu, dư tứ quốc tính. Quí sửu xuân, Phụng soán Vĩnh Lăng Bi văn. Thái Tôn Thiệu Bình sơ, chư đại thần nghĩ dĩ công dữ Trình

Thuấn Du đẳng nhập Thị Kinh Diên phụ thành quân đức. Tấu bất hài. Hựu phụng nghĩ Nhạc, dữ Hoạn Thụ thụ Lương Đăng bất hợp, toại từ bất dữ sự. Quy trúc cư ư Chí Linh Côn Sơn. Thời phụng triều tham. Đại Bảo, nhâm tuất niên, tục thập tam thu, dĩ Thị Lộ nhập thị độc, sát Thái Tôn. Đình luận tập tam tộc Hữu thiếp, thời phương dựng, ẩn độn đắc miễn, Tầm sinh tử Anh Vũ. Thánh Tôn thời. chẩn kỳ oan, tứ chi huyện chức, tặng công Tế Văn Hầu. Sở trước hữu Ngọc Đường Thi Tập.

Thế truyền, công hương, đại pha thổ phụ hữu cự xà thụ mộc trăn mãng. Ấp nhân bất cảm tiễn phạt. Công tổ ái kỳ phong thủy. Kết cấu thư đường ư thượng. Môn đồng ngải uế, ngộ sát thị xà. Xà tinh mai oán, thác sinh Thị Lộ, hiếp hạ hữu lân, *Công thiếu thời*, đạo ngộ ư Vũ Lăng, duyệt kỳ tài sắc, nạp chi. Cập đương quốc. Phàm ngữ thư, từ mệnh, dữ chi nhuận sắt. Thái Tôn lập. Văn kỳ danh, triệu nhập kiến. Bái vi Lễ Nghi Học Sĩ. Thời công niên lão, dục quy Côn Sơn nhàn dưỡng. Lũy thỉnh bất hứa. Nãi lưu Thị Lộ nội, đế hứa chi. Đông tuần nhật, Thị Lộ tiêu thị, đế băng. Nãi hoạch tội. Lâm hình Thị Lộ tần phó thủy. Nhân dĩ vi xà độc chi báo.

Dịch nghĩa.

Truyện Huân Hiền Nguyễn Trãi có chép (trích trong quyển Lịch triều Hiến Chương nhân vật chí, tác giả : Phan thị)

Nguyễn Trãi, hiệu Úc Trai, khi ít tuổi đã nổi tiếng về văn chương. Các sách Kinh sử, bách gia chư tử đều đọc kỹ. Năm hai

mươi mốt tuổi, triều nhuận Hồ, khoa canh thìn, đỗ Thái Học Sĩ (tiến sĩ). Cha con cùng làm quan. Trãi giữ chức Chính Chưởng Ngự Sử Đài. Ít lâu sau, giặc Minh tới xâm lược. Cha con Hồ bị bắt. Cha là Phi Khanh cũng bị bắt luôn. Công may được thoát. Tổng Binh Trương Phụ ép Phi Khanh viết thư gọi. Công bất đắc dĩ tới hàng, Phụ biết ý công không phục tòng, muốn giết. Thượng Thư Hoàng Phúc thấy có tướng lạ tha cho, nhưng giữ lại trong thành Đông Quan. Thời đó, cựu thần, lĩnh quân trấn Hưng Hóa, đón lập vua Trần, Trùng Quang Đế để mưu đồ lấy lại nước. Lê Thái Tổ cũng hưởng ứng khởi nghĩa binh tại làng Lam Sơn. Nhiều lần thắng quân Tàu, dần dần có thanh thế. Công giận người Minh tàn bạo, muốn cứu dân, cần chọn người đáng làm chủ để giúp, mà chưa biết chọn ai. Công mới lên tới đền Trấn Vũ cầu mong để được rõ. Nửa đêm nghe thần nói chuyện. Sớm dạy, biết rõ tên họ Thái Tổ, mới quyết chí đi về phương tây, tới Thanh hóa, yết kiến tại dinh trại Lỗi Giang, hiến kế sách Bình Ngô. Thái Tổ cho làm tham mưu, ở luôn trong trướng bàn việc. Rồi lần lần giữ chức Hàn Lâm viện Thừa Chỉ Học Sĩ, năm đinh mùi phong Triều Liệt đại phu, Nhập Nội Hành Khiển, Lại Bộ Thượng Thư, kiêm Hành Khu Mật viện sự, Thư từ đi lại với người Minh cùng hiểu dụ các thành chưa quy thuận, tất cả do công thảo nghĩ. Khi vua đã thả cho quân Minh được về nước thì công phụng soạn chiếu Bình Ngô đại cáo. Năm mậu thân mùa xuân, khi định thưởng công lao, thì công được tiến tước Quan Phục Hầu, được ban quốc tính. Năm quí sửu mùa xuân, phụng soạn, bài văn bia Vĩnh Lăng. Đầu niên hiệu Thiệu Bình, vua Thái Tôn, các đại thần đề nghị cử công cùng với bọn Trình Thuấn Du vào Điện Kinh Diên để dạy vua còn bé. Lời tâu của công không được vừa lòng. Lại thêm cùng soạn Lễ Nhạc với Hoạn quan Lương Đăng, không hợp ý, công mới từ quan về làm nhà ở Chí Linh. xứ Côn Sơn, thỉnh thoảng mới vào chầu. Niên hiệu Đại Bảo năm nhâm

tuất, (1442), công 63 tuổi. vì việc Thị Lộ bị án đầu độc giết vua, triều đình nghị tội công tới tội tru di tam tộc. Một người thiếp của công khi đó có mang, trốn được, thoát chết. Sinh ra con là Anh Vũ. Đến đời Thánh Tôn, vua thương là oan, cho chức Huyện quan và phong tặng công làm Tế Văn Hầu. Sách còn lại có tập Ngọc Đường Thi Tập.

Tương truyền, ở làng công, nơi gò cao, có con rắn to, cỏ cây hoang rậm, người làng không dám đụng tới. Tổ tiên công vốn biết là đất tốt, mới dựng nhà học trên gò. Học trò phát cỏ rậm, nhỡ giết được con rắn to. Rắn thù, thác sinh vào Thị Lộ, dưới bụng còn vẩy rắn. Công khi ít tuổi (1), gặp ở Vũ Lăng, yêu vì tài mới lấy. Sau làm việc nước, mỗi khi công có từ mệnh, biểu chương, là Thị Lộ sửa chép. Thái Tôn lên ngôi nghe tiếng cho triệu vào yết kiến, phong làm Lễ Nghi Học Sĩ. Khi công tuổi già, muốn về Côn Sơn dưỡng nhàn, nhiều lần xin, vua không cho. Mới xin để Thị Lộ lại hầu, vua mới cho. Ngày vua động tuần đêm Thị Lộ hầu ngự. Vua băng. Công bị tội. Khi bị đem ra hành hình, Thị Lộ nhảy xuống sông. Người ta cho là rắn báo thù.



CHÚ THÍCH .— (1) Cần xét lại tuổi Thị Lộ.

Quyển 6 :

ỨC TRAI DI TẬP

Quốc Thư Bảo Huấn Đại Toàn

DƯ ĐỊA CHÍ

抑齋遺集　卷之六

國書寶訓大全

輿地志

阮天縱　　集註
阮天錫　　謹按
李子晉　　通論

紹平二年，上德教遠加，四鄰有邦咸來朝貢，行遣（或作濟文侯）黎廌，乃作書達于王曰，我國肇有山川，東際于海，西抵于蜀，南至占城，北至洞庭。（行遣官名本朝任重惟宰相與行遣爾。上福慈溪人阮廌封濟文侯，號抑齋，蜀國名，今雲南省是，占城古胡孫國是，洞庭，湖名，楚地周迴八百里，四望無際，日月出入其中，閩廣諸水悉滙之，湖中出二山，一名君山，產洪橘雀

舌茶珧瑁竹，祀堯女湘君于此，一名鹿角山陶朱故宅。

先君涇陽王，生有聖德，受封粵南，為百粵祖。

(我越之先相傳始君曰經陽，炎帝之裔，王父帝明巡狩至海南遇婺仙女納之，生子祿續神采端正有聖德帝奇愛之，欲立為嗣，王固讓其兄，帝明乃封之越南，是為涇陽王)。

雄王紹統，建國曰文郎國，分國中為交趾朱鳶武寧，福祿越裳寧海陽泉陸海武定懷驩九真平文，新興，九德，凡十五部。

(雄王貉龍之子，涇陽之孫，王所都曰文郎，相傳十八世皆稱雄王)。

迨趙為漢所定，武帝遂以其地為南海蒼梧鬱林合浦，交趾九真日南珠崖儋耳。

(趙武帝陀建國于番禺(今屬廣東)傳祚六世至衛陽始亡國。西漢元狩年間。武帝遣路博德等滅趙，南海泰故

郡今廣東蒼梧鬱林泰桂林郡，合浦泰
象郡屬交趾九真，日南泰象郡，珠為
儋耳（州人生則鏤其頰及連耳匡分崖
數支狀如雞腸纍纍至肩今儋瓊二州
是。並在大海中寰宇記永嘉為東甌，
鬱林為西甌，與地志交趾周為駱越，
秦曰西甌，索隱曰今珠崖瓊耳謂之甌
人是為甌越）。

五二領內屬歷吳晉至隋唐為中州便。
（東吳孫氏，晉司馬氏，東西晉隋楊
氏，唐李氏也內屬時北朝各置太守刺
史都督，節度以管轄之.

Phiên âm

ỨC TRAI DI TẬP Quyển chi LỤC

QUỐC THƯ BẢO HUẤN ĐẠI TOÀN

DƯ ĐỊA CHÍ

Nguyễn Thiên Túng. . . . . Tập chú.
Nguyễn Thiên Tích . . . . Cẩn án.
Lý Tử Tấn . . . . Thông luận.

Thiệu Bình nhị niên, Thượng đức giáo viễn gia, tứ lân hữu bang, hàm lai triều cống. Hành Khiển (hoặc tác Tế Văn Hầu) Lê Trãi, nãi tác thư đạt vu vương viết : Ngã quốc triệu hữu sơn xuyên, đông tế vu hải, tây đề vư Thục, nam chí Chiêm Thành, bắc chí Động Đình.

(Hành Khiển quan danh. Bản triều nhiệm trọng duy Tề Tướng dữ Hành Khiển nhĩ. Thượng Khê nhân, Nguyễn Trãi, phong Tế Văn Hầu, hiệu Ức Trai. Thục, quốc danh, kim Vân Nam tỉnh thị. Chiêm Thành, cổ Hồ-Tôn quốc thị. Động Đình hồ danh, Sở địa, chu hồi bát bách lý, tứ vọng vô tế, nhật nguyệt xuất nhập kỳ trung, Mân Quảng chư thủy tất nhai chi. Hồ trung hữu nhị sơn, nhất danh Quân sơn, sản hồng quất, thời thiệt trà, đại mạo trúc, tự Nghiêu nữ, Tương Quân vu thử. Nhất danh Lộc Giác sơn, Đào Chu cố trạch.)

Tiên quân Kinh Dương Vương, sinh hữu thánh đức, thụ phong Việt Nam, vi bách Việt tổ.

(Ngã Việt chi tiên, tương truyền, thủy quân viết Kinh Dương. Viêm Đế chi duệ. Vương phụ đế Minh tuần thú chí Hải Nam, ngộ Vụ Tiên nữ, nạp chi, sinh tử, Lộc Tục, thần thái đoan chính hữu thánh đức. Đế Kỳ ái chi, dục lập vi tự. Vương cố nhường kỳ huynh. Đế Minh nãi phong chi Việt Nam. Thị vi Kinh Dương Vương.)

Hùng Vương thiệu thống, kiến quốc viết Văn Lang quốc, Phân quốc trung vi : Giao Chỉ, Chu Diên, Vũ Ninh, Phúc Lộc, Việt thường, Ninh Hải, Dương Tuyền, Lục Hải, Vũ Định, Hoài Hoan, Cửu Chân, Bình Văn, Tân Hưng, Cửu Đức, phàm thập ngũ Bộ.

(Hùng Vương, Lạc Long chi tử, Kinh Dương chi tôn. Vương sở đô viết Văn Lang, tương truyền thập bát thế giai xưng Hùng Vương).

Đãi Triệu vi Hán sở định, Vũ Đế tụy dĩ kỳ địa vi Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm, Hợp Phố, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Châu Nhai, Đàm Nhĩ. . . . . .

(Triệu Vũ Đế Đà kiến quốc vu Phiên Ngưng (kim thuộc Quảng Đông). Truyền tộ lục thế. Chí Vệ Dương thủy vong quốc. Tây Hán, Nguyên Thú niên gian, Vũ Đế khiển Lộ Bác Đức đẳng diệt Triệu. Nam Hải Tần cố quận, kim Quảng Đông. Thương Ngô, Uất Lâm, Tần Quế Lâm quận. Hợp Phố, Tần Tượng quận thuộc. Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam Tần Tượng Quận. Châu Nhai, Đàm Nhĩ, (Châu nhân, sinh, tắc lũ kỳ giáp cập liên nhĩ khuông phân nhai sổ chi, trạng như kế trường, luy luy chí kiên) kim Đảm, Quỳnh, nhị Châu thị, tịnh tại đại hải trung. Hoàn Vũ ký, Vĩnh Gia vi Đông Âu, Uất Lâm vi Tây Âu. Dư Địa Chí, Giao Chỉ, Chu vi Lạc Việt. Tần viết Tây Âu, Sách ẩn viết kim Châu Nhai, Đàm Nhĩ, vị chi Âu Nhân. Thị vi Âu Việt).

Ngũ Lĩnh nội thuộc. Lịch Ngô Tấn chí Tùy Đường vi Trùng Châu tiện.

(Đông Ngô Tôn thị, Tấn Tư Mã thị, Đông. Tây Tấn, Tùy Dương thị, Đường Lý thị. Nội thuộc thời. bắc triều các trí Thái Thú, Thứ Sử, Đô Đốc. Tiết Độ, dĩ quản hạt chi).

Dịch nghĩa

ỨC TRAI DI TẬP Quyển thứ Sáu.

QUỐC THƯ BẢO HUẤN ĐẠI TOÀN

DƯ ĐỊA CHÍ.

Nguyễn Thiên Túng. . . . . .Tập Chú

Nguyễn Thiên Tích. . . . . .Cẩn án

Lý Tử Tấn. .Thông luận

Niên hiệu Thiệu Bình năm thứ Hai (1435) đức vua lan khắp gần xa các nước bốn cõi tới triều cống. Hành Khiển Lê Trãi mới làm sách dâng lên vua : Nước ta mở nước có núi có sông, phía đông tới bể. phía tây giáp Thục, Phía nam tới Chiêm Thành, phía bắc tới Động Đình. Hành Khiển là chức quan, triều ta quan trọng nhất là Tể Tướng cùng hành Khiển. Người làng Nhị Khê, huyện Thượng Phúc tên là Nguyễn Trãi, phong tước Tế Văn Hầu, hiệu là Ức Trai.

Thục là tên nước, nay là tỉnh Vân Nam. Chiêm Thành là nước Hồ Tôn xưa. Động Đình là tên hồ ở đất Sở, xung quanh đo được tám trăm dậm, trông bát ngát không thấy bờ, mặt giời mọc lặn như là ở trong hồ. Các đất Mân Quảng đều dựa vào hồ. Trong hồ có hai núi. Một là Quân Sơn, thổ sản là quất hồng, chè Thôi Thiệt, trúc Đại Mạo, Có đền thờ Tương Quân, con gái vua Nghiêu. Một núi nữa là Lộc Giác Sơn, Đào Chu xưa có nhà ở đó.

Vua trước tiên là Kinh Dương Vương, từ khi bé đã có thánh đức được phong tại Việt Nam, tức là tổ đất Bách Việt.

(Tương truyền nước Việt ta, vua đầu tiên là Kinh Dương, là dòng dõi Viêm Đế xứ bắc. Cha là Đế Minh đi tuần thú tới Hải Nam, lấy nàng Vụ tiên Nữ, sinh ra con là Lộc Tục. Lộc Tục có đức độ một vị thánh minh, vua rất yêu quý, muốn truyền ngôi. Lộc Tục cố từ chối, nhường cho người anh. Vì thế, Đế Minh phong Lộc Tục ở Việt Nam. tức là Kinh Dương Vương).

Hùng Vương nối nghiệp, đặt tên nước là nước Văn Lang chia nước làm mười lăm Bộ : Giao Chỉ, Chu Diên, Vũ Ninh, Phúc Lộc, Việt Thường, Ninh Hải, Dương Tuyền, Lục Hải, Vũ Định, Hoài Hoan, Cửu Chân, Bình Văn, Tân Hưng, Cửu Đức.

(Hùng Vương là con Lạc Long, cháu Kinh Dương, Nơi đóng đô gọi là Văn Lang. Tương truyền được 18 đời, đều xưng là Hùng Vương).

Đến họ Triệu, bị nước Hán đánh thua. Hán Vũ Đế chia đất ra làm chín quận : Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm, Hợp Phố Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Châu Nhai, Đàm Nhĩ.

(Triệu Vũ Đế tên là Đà, lập nước tại đất Phiên Ngung (nay thuộc Quảng Đông) truyền được sáu đời, đến vua Vệ Dương thì mất nước. Nước Tây Hán, khoảng niên hiệu Nguyên Thư (122), Hán Vũ Đế sai bọn Lộ Bác Đức diệt họ Triệu. Nam Hải quận cũ triều Tần nay là Quảng Đông. Thương Ngô, Uất Lâm là quận Quế Lâm của Tần trước. Hợp Phố là quận. Tượng quận của Tần trước. Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam cũng là Tượng quận của Tần trước. Châu Nhai, Đàm Nhĩ, nay là hai châu Đảm, Quỳnh (Người châu có tục khắc, chạm hai bên má cho đến rái tai, chia ra nhiều mảnh lòng thòng xuống như ruột gà đến vai). Hai châu ở ngoài bể (Đảo Hải Nam). Trong sách Hoàn Vũ Ký thì Vĩnh Gia là Đông Âu, Uất Lâm là Tây Âu. Trong Địa Dư chí, thì Giao Chỉ đời triều Chu là Lạc Việt, về triều Tần. là Tây Âu. Khảo sát kỹ, thì người Châu Nhai, Đàm Nhĩ, vốn gọi là Âu nhân cho nên thành ra chữ Âu Việt),

Ngũ Lĩnh bị nội thuộc. trải các triều Ngô, Tấn đến Tùy, Đường thành ra một châu nước Tàu.

(Đông Ngô là họ Tôn. Tấn là họ Tư Mã. có Đông Tấn Tây Tấn. Tùy là họ Dương. Đường là họ Lý. Trong thời nội thuộc các triều đại nước Tàu đặt các chức Thái Thú, Thứ Sử, Đô Đốc, Tiết Độ để quản trị nước ta.

前吳平漢復國，所得㶚地，北夾兩廣，南至地哩凡二千八百里，東接欽州海門，西界雲南，凡一千七百里。

（前吳姓吳名權也。漢南漢也，正公牙將矯公羡弒逆，漢王劉龔欲因其亂而取之，乃徙封萬王，弘操爲交王，將兵而南，吳王自愛州而北，破弘操於白藤擒之。兩廣，東西廣也，地哩道名今南界是）。

Phiên âm

Tiền Ngô bình Hán phục quốc, sở đắc nhưỡng địa, bắc giáp lưỡng Quảng, nam chí Địa Lý, phàm nhị thiên bát bách lý Đông tiếp Khâm Châu hải môn, tây giới Vân Nam, phàm nhất thiên thất bách lý.

(Tiền Ngô, tính Ngô, danh Quyên dã. Hán, Nam Hán dã. Chính Công, nha tướng Kiều Công Tiện, thi nghịch. Hán Vương Lưu Củng, dục nhân kỳ loạn nhi thủ chi. Nãi tỷ phong Vạn Vương Hoằng Thao vi Giao Vương, tướng binh nhi nam. Ngô Vương tự Ái Châu nhi bắc. Phá Hoàng Thao ư Bạch Đằng, cầm chi. Lưỡng Quảng, đông tây Quảng dã. Địa Lý, đạo danh, kim nam giới thị).

Dịch nghĩa

Nhà Tiền Ngô, bình được Hán, phục được nước. Đất đai thu lại, tất cả là : bắc giáp lưỡng Quảng, nam tới Địa Lý, có 2.800 dặm. Đông tới cửa bể Khâm Châu, tây tới Vân Nam, có 1800 dặm.

(Nhà Tiền Ngô, họ Ngô tên Quyền. Hán là nước Nam Hán. Nhân có việc thí nghịch (Nha tướng Kiều Công Tiện giết chủ), vua Nam Hán là Lưu Cũng muốn lợi dụng để cướp nước ta, mới phong cho con là Hoằng Thao làm Giao Vương đem quân tới. Ngô Quyền khi đó ở Ái Châu đem quân lên bắc, tới Bạch Đằng, phá giặc, bắt được Hoằng Thao. Lưỡng Quảng là Quảng Đông, Quảng Tây. Tịa Lý là tên một đạo, hay là ranh giới miền nam).



府凡五十，州凡四十一，縣凡一百零，一八，戶三百一十萬，丁黎天下爲十道，戶部献民數五百萬六千五百丁。

有李天下爲二十四路，行遣献戶數，三百三十萬一百丁。

有陳天下爲十二處，院宮献黄册，大中男四百九十萬丁，黄男二百十萬四千三百丁。

我朝混一天下爲十五道，府凡五十六縣凡一百八十七，州凡五十四，鄉凡一，社凡九千七百二十八，村凡二百九十四，坊凡五十九，州凡一百十九，庄凡一百十六，洞凡五百三十四，册凡四百六十五，所凡五十八，寨凡七十四，源凡十六，恩乞一百有十，丁數七十萬九百四十卒，（此歷代州縣戶口之目籙也，二胡既執明人計所獲府州四十八，縣一百六十八，戶三百一十六萬九千五百，象一百一十二，馬四百二十，牛三萬五千七百，舟八千八百六十五。太祖平吳之後，特準定

丁數，山南十四萬率，海陽十一萬率，山西京北各十萬率，清華十萬率。乂安五萬，安邦太原各二萬率。宣興各一萬八千率，高平諒山各一萬一千二百率。升華五百四十率，吾氏曰：貉龍五十男從母嫗姬登山推其長者爲雄王，次于各據都冊分治。今之洞冊庄坊是也。又李太宗聖宗征占俘占人以歸，使散處州邑，其邑皆倣古舊號。今之寨所是也。

阮氏曰：按中葉安廣二州，四洞五縣，歸隸欽州興化十有七州。七歸內地順廣二道分爲南河陽和以後所存道十三，府五十縣一百六十六州四十八，社八千六百七十一龍德閒王府奉詔定民數實校三十一萬一千六百七十率，內減諸員衙寓祿并另匠及諸脫仝餘受砲硝諸項三萬二千六百七十六率，只存實納二十七萬六千二百一率）。

Phiên âm

Phủ phàm ngũ thập. Châu phàm tứ thập nhất. Hnyện phàm nhất bách linh nhất bát, Hộ phàm tam bách nhất thập vạn

Lê thiên hạ vi thập đạo. Hộ Bộ hiến dân số ngũ bách vạn, lục thiên ngủ bách đinh.

Hữu Lý, thiên hạ vi nhị thập tứ lộ. Hành Khiển biến hộ số. tam bách tam thập vạn nhất bách đinh.

Hữu Trần thiện hạ vi nhập nhị xứ. Viện quan biến hoàng sách Đại trung nam, tứ bách cửu thập vạn đinh, hoàng nam nhị bách thập vạn tứ thiên tam bách đinh.

Ngã triều hỗn nhất thiên hạ vi thập ngũ đạo. Phủ phàm ngũ thập lục. Huyện phàm nhất bách bát thập thất. Châu phàm ngũ thập tứ, Hương phàm nhất. Xã phàm cửu thiên thất bách nhị thấp bát. Thôn phàm nhị bách cửu thấp tứ. Phường phàm ngũ thập cửu. Châu phàm nhất bách thập cức. Trang phàm nhất bách thập lục. Động phàm ngũ bách tam thập tứ. Sách phàm tứ bạch lục thập ngũ. Sở phàm ngũ thấp bát Trại phàm thất thập tứ. Nguyên phàm thập lục. Doanh phàm nhất bách hữu thập. Đinh số thập vạn, cửu bách tứ thập suất.

(Thử lịch đại châu huyện hộ khẩu chi mục lục dã. Nhị Hồ ký chấp. Minh nhân kế sỡ hoạch, phủ châu tứ thập bát, huyện nhất bách lục thập bát, hộ tam bách nhất thập lục vạn cửa thiên ngũ bách. Tượng nhất bách nhất thập nhị. Mã tứ bách nhị thập, Ngưu tam vạn ngũ thiên thất bách. Chu bát thiên bát bách lục thập ngũ.

Thái Tổ bình Ngô chi hậu, đặc chuẩn định số. Sơn Nam thập tứ vạn suất, Hải Dương thập nhất vạn suất, Sơn Tây. Kinh Bắc, các thập vạn suất, Thanh Hoa thất vạn suất, Nghệ An ngũ vạn suất, An Bang, Thái nguyên các nhị vạn suất, Tuyên Hưng

các nhất vạn bát thiện suất, Cao Bình, Lượng Sơn các nhất vạn nhất thiên nhị bách suất, Thăng Hoa ngũ bách tứ thập suất.

Ngô thị viết : Lạc long ngũ thập nam tòng mẫu Âu Cơ đăng sơn, suy kỳ trưởng giả vi Hùng Vương. Thứ tử các cứ đô sách phân trị. Kim chi động, sách, trang, phường, thị dã. Hựu Lý Thái Tôn, Thánh Tôn chinh Chiêm, phù Chiêm nhân dĩ quy, sử tán xử châu ấp. Kỳ ấp giai phỏng Chiêm cựu hiệu, kim chi trại sở, thị dã.

Nguyễn thị viết : Ân trung diệp An, Quảng nhị châu, tứ động, ngũ huyện quy lệ Khâm Châu, Hưng Hóa thập hữu thất châu, thất châu quy nội địa. Thuận, Quảng nhị đạo phân vi Nam Hà Dương Hòa dĩ hậu sở tôn đạo thập tam, phủ ngũ thập, huyện nhất bách lục thập lục, Châu tứ thập lục, xã bát thiên, lục bách thất thập nhất. Long Đức gian, Vương Phủ phung chiêu định dân số, thực hiệu tam thập nhất vạn nhất thiên lục bánh thất thập suất. Nội ban, chư viên nha ngụ lốc tính lánh tượng cập am biều đông dư thụ não tiêu chư hạng, tam vạn nhị thiên lục hách thất thập lục suất. Chỉ tồn thực nạp nhị thập thất vạn lục thiên nhị bách nhất suất).

Dịch nghĩa

Dưới triều Ngô Phủ có 50. Châu có 41. Huyện có 180. (1) Hộ khẩu có 310 vạn.

Dưới triều Đinh Lê. nước chia làm mười đạo. Hộ bộ ghi dân số 500 vạn, 6 nghìn, 500 đinh.

Dưới triều Lý, nước chia làm 24 lộ. Hành Khiển ghi số 330 vạn, 100 đinh.

Dưới triều Trần, nước chia làm 12 xứ. Viện quan ghi trong hoàng sách đại nam và trung nam 490 vạn đinh, hoàng nam 210 vạn. 4 nghìn 300 đinh.

Đến triều Lê ta, thống nhất thiên hạ, chia nước làm 15 đạo. Có : 56 phủ, 187 huyện, 514 châu, 1 hương, 9.728 xã 294 thôn, 519 phường, 119 châu, 116 trang, 534 động, 465 sách, 516 sở, 714 trại, 16 nguyên, 110 doanh. Số đinh có 700 vạn, 940 suất.

(Đó là trải qua các triều đại, con số châu, huyện, hộ khẩu. Cha con họ Hồ đã bị bắt, kể số người Minh cướp lấy có : 48 phủ châu, 168 huyện, 316 vạn, 9.500 hộ khẩu, 112 voi, 420 ngựa, 35.700 bò. 8865 thuyền.

Thái Tổ dẹp xong giặc Ngô, mệnh xét ghi lại số đinh. Sơn Nam có 14 vạn suất, Hải Dương 11 vạn (mười một), Sơn Tây, Kinh Bắc mỗi nơi 10 vạn, Thanh Hóa 7 vạn, Nghệ An, 5 vạn, An Bang, Thái Nguyên, mỗi nơi 2 vạn, Tuyên, Hưng mỗi nơi 1 vạn 1 nghìn, 200. Thăng Hoa 540 suất.

Họ Ngô bàn : Vua Lạc Long cho 50 con giai theo mẹ (Âu Cơ) lên miền núi, chọn người con lớn là Hùng Vương. Các con thứ chia nhau ra cai quản các xứ, nay là động, sách, trang, phường, chắc là ý nghĩa như thế. Lại xem như Lý Thái Tổ, Lý Thánh Tôn đi chinh phạt nước Chiêm, bắt nhiều dân Chiêm về cho phân tán ở mọi nơi rồi cứ lấy tên cũ mà gọi châu, ấp. Chắc các sở, cac trại ngày nay là do đó.

Nguyễn thị bàn : Xét sau thời khai sáng, hai châu An, Quảng, bốn động, năm huyện, theo về châu Khâm, 17 châu Hưng Hóa, thì 17 châu theo về đất cũ, hai đạo Thuận, Quảng, thì chia làm Nam Hà, Dương Hòa. Vậy về sau còn lại, 13 đạo, 50 phủ, 166 huyện, 48 châu, 8.671 xã. Trong khoảng niên hiệu Long Đức (1732-1735) Vương Phủ phụng chiếu định số dân thì biết trong 31 vạn, 1670 suất đã có các hạng ngoại lệ : nha viên, thuộc ngụ, thợ, công nhân vân vân, đến 3 vạn, 2.676 suất, vậy số suất thực sự còn có 27 vạn, 6.201 suất)



乃命民部編八政書，帝曰古今國都名號沿革，與其山川風物，先生宜歷陳詳記，使朕述所聞所知。

（民部戶部也，政書當時爲政之書）。

侯乃颺序曰：涇陽王建國曰赤鬼，雄王曰文郎，都峯州，蜀曰甌貉，都封溪。趙曰南越，都番禺。徵仍雄雒都麓泠。

（峯州今三帶白鶴是，封溪今東岸古螺是。番禺在廣東州，值西南三十里，麓泠今福祿喝門是）前李曰，萬春都龍編。趙曰越趙都朱鳶，桃郎曰野能，後李烏都延遷峯州，吳曰前吳都螺城，（龍編今昇龍城是，朱鳶今山西安朗是，野能今在綏遠懷安之間未詳其地，烏鳶古屬慈州今慈廉是，螺城安陽王所築）。

丁曰大瞿越都華閭，李曰大越都昇龍，陳及我朝邦號仍李，亦都于此。

（華閭古大黃今長安府是，昇龍古大羅城，李徙都時有黃龍見于城之西，因改曰昇龍，陳以爲中京。胡徙都安孫以中京爲東都，太祖定鼎改爲東京云）。

聘于北朝，有稱越裳交趾安南。

（鴻龐氏初聘于周曰越裳氏。自先皇至李英宗聘于宋曰交趾，自英宗迄今聘于宋元明曰安南），天王冊章有曰粵南，南越，交趾，安南，南平。今亦曰粵南（冊金冊，章龍章也，按：帝明授涇陽粵南王，漢授趙南越王，宋授丁黎李曰交趾郡王，尋進南平王，崩後進南越王。至李英宗時改交趾爲安南國，封帝安南國王，賜國王金印，安南稱國自李始，後陳以來皆倣此）。

Phiên âm

Nãi mệnh Dân Bộ biên nhập Chính Thư. Đế viết: Cổ Kim quốc đô danh hiệu duyên cách, dữ kỳ sơn xuyên phong vật, tiền

sinh nghi lịch trần tường ký, sử trẫm thuật sở văn sở tri. (Dân bộ, Hộ bộ dã. Chính thư, đương thời vi Chính chi thư).

Hầu nãi dương Tự viết : Kinh Dương Vương kiến quốc viết Xích Quỷ, Hùng Vương viết Văn Lang. đô Phong Châu, Thục viết Âu Lạc, đô Phong Khê. Triệu viết Nam Việt, đô Phiên Ngung. Trưng nhưng Hùng, Lạc. đô Mê Linh.

(Phong Khê, kim Tam Đái, Bạch Hạc thị. Phong Khê, kim Đông ngạn, Cổ Loa thị. Phiên Ngung tại Quảng Đông Châu, trị tây nam tam thập lý. Mê Linh, kim Phúc Lộc. Hát Môn thị).

Tiền Lý viết Vạn Xuân, đô Long Biên. Triệu viết Việt Triệu đô Chu Diên. Đào Lang viết Dã Năng. Hậu Lý đô Ô Diên, thiên Phong Châu, Ngô viết Tiền Ngô, đô Loa Thành.

(Long Biên, kim Thăng Long thành thị. Chu Diên, kim Sơn Tây, An Lãng thị. Dã Năng kim tại Tuy Viễn, Hoài An chi gian, vị tường kỳ địa, Ô Diên, cổ thuộc Từ châu, kim Từ Liêm thị. Loa thành, An Dương Vương sở trúc).

Đinh viết Đại Cồ Việt, đô Hoa Lư. Lý viết Đại Việt, đô Thăng Long. Trần cập ngã triều bang hiệu nhưng Lý, diệc đô vu thử.

(Hoa Lư, cổ Đại Hoàng, kim Trường An phủ thị Thăng Long cổ Đại La thành. Lý tỷ đô thời, hữu hoàng long, kiến vu thành chi tây, nhân cải viết Thăng Long. Trần dĩ vi Trung Kinh. Hồ tỷ Đô An Tôn dĩ Trung Kinh vi Đông Đô. Thái Tổ định đỉnh cải vi Đông Kinh vân).

Sinh vu Bắc triều, hữu xưng Việt Thường, Giao Chỉ, An Nam. (Hồng Bàng thị sơ, sinh vu Chu viết Việt Thường thị. Tự

Tiên Hoàng chí Lý Anh Tôn sinh vu Tống viết Giao Chỉ. Tự Anh Tôn hất kim sinh vu Tống, Nguyên, Minh, viết An Nam.).

Thiên Vương Sách Chương hữu viết Việt Nam, Nam Việt, Giao Chỉ, An Nam, Nam Bình. Kim diệc viết Việt Nam.

(Sách, kim sách. Chương, long chương dã. Án : Đế Minh thụ Kinh Dương Việt Nam Vương. Hán thụ Triệu Nam Việt Vương. Tống thụ Đinh, Lê, Lý, viết Giao Chỉ Quận Vương. Tầm tiến Nam Bình Vương băng hậu tiến Nam Việt Vương. Chí Lý Anh Tôn thời, cải Giao Chỉ vi An Nam quốc, phong đế An Nam quốc vương. Tứ quốc vương kim ấn. An Nam xưng quốc tự Lý thủy. Hậu Trần dĩ lai giai phỏng thử).

Dịch nghĩa

Vua sai Dân Bộ chép vào Chính Thư. Mệnh rằng : Xưa nay các tên quốc đô đã từng thay đổi cùng các tên sông núi địa phương, tiên sinh ghi chép tường tận, để trẫm theo dõi được biết.

(Dân Bộ là Hộ Bộ. Chính Thư là sổ sách về hành chính).

Công mới chép rõ rằng :

Vua Kinh Dương dựng nước đặt tên là nước Xích Quỷ. Vua Hùng Vương đặt tên là nước Văn Lang, đóng đô tại Phong Châu. Vua Thục đặt tên là nước Âu Lạc, đóng đô tại Phong Khê. Vua Triệu đặt tên là nước Phiên Ngung. Vua Trưng theo như thời Hùng Lạc, đóng đô tại Mê Linh.

(Phong Châu nay là Tam Đái, Bạch Hạc. Phong Khê nay là Đông ngạn, Cổ Loa. Phiên Ngung nay ở châu Quảng Đông, về tây nam 30 dặm. Mê Linh nay là Phúc Lộc, Hát Môn).

Triều Tiền Lý gọi nước là nước Vạn Xuân, đóng đô tại Long Biên. Triều Triệu gọi nước là nước Việt. Triệu đóng đô tại

Chu Diên. Triều Đào Lang gọi nước là nước Dã Năng. Triều Hậu Lý đóng đô tại Ô Diên, rồi thiên tới Phong Châu. Triều Ngô gọi nước là nước Tiền Ngô, đóng đô ở Loa Thành,

(Long Biên nay là Thăng Long. Chu Diên nay là Sơn Tây, An Lãng. Dã Năng nay ở khoảng Tuy Viễn, Hoài An, chưa tường giới hạn. Ô Diên trước thuộc Từ Châu, nay là Từ Liêm. Loa thành do vua An Dương Vương xây lên).

Triều Đinh gọi nước là nước Đại Cồ Việt, đóng đô tại Hoa Lư. Triều Lý gọi nước là nước Đại Việt, đóng đô tại Thăng Long Triều Trần rồi đến triều Lê ta, tên nước gọi theo như Lý Thủ đô cũng thế.

(Hoa Lư, xưa là Đại Hoàng, nay là phủ Trường An. Thăng Long xưa là thành Đại La. Triều Lý khi thiên đô, có rồng vàng hiện tại phía tây thành, nhân thế gọi là Thăng Long. Triều Trần đặt làm Trung Kinh. Triều Hồ dời tới An Tôn, gọi Trung Kinh là Đông Đô. Thái Tổ ta định xong nước đổi làm Đông Kinh.

Giao thiệp với Bắc triều lần lượt xưng là Việt Thường, Giao Chỉ, An Nam.

(Họ Hồng Bàng xưa, giao thiệp với triều Chu, gọi là Việt Thường thị. Từ Tiên Hoàng đến Lý Anh Tôn, giao thiệp triều Tống gọi là Giao Chỉ. Từ Anh Tôn tới nay, giao thiệp với các triều Tống, Nguyên, Minh, gọi là An Nam).

Thiên Vương, Sách Chương có chép: Việt Nam, Nam Việt, Giao Chỉ, An Nam, Nam Bình. Nay cũng gọi là Việt Nam.

(Sách là Kim Sách. Chương là Long Chương. Xét: vua Đế Minh phong Kinh Dương làm Việt Nam Vương. Triều Hán phong Triệu làm Nam Việt Vương. Đến Lý Anh Tôn đổi Giao Chỉ An Nam quốc. Tàu phong vua ta làm An Nam Quốc Vương, ban ấn vàng quốc vương. An Nam gọi là quốc bắt đầu từ triều Lý. Triều Trần về sau theo lệ.

肆臣承德旨既言邦師，乃審識王宜，以定貢賦焉。（邦國號也，師如洛師之師）

上京。

（上京帝都也。吳時，郡守士王定都于此。唐時都護高王於此築大羅城。自李迄今。亦都于此，府路一，屬縣二，坊三十有六，謹按：奉天府二縣，壽昌，廣德各十八坊（古號永昌）。

厥土惟黃壤，厥田惟上中，藏劍轎鐙伏組豆轎椅綺紬傘，安泰紙章，瑞章宜蠶絺絹。河津石灰，行桃赤染，左一扇子，西湖巨魚，盛光龍眼，唐人葉衣。厥貢錦繡黑香，及金三品。（唐人乃兩廣客商居庯也。葉衣者北人裏衣袖身背連長表衣隨次繳上。望之如翠葉也。西湖古霪潭是，李陳立行宮於此觀魚）。

Phiên âm

Tứ thần Thừa Đức Chỉ ký ngôn bang, sư nãi thẩm chí vương nghi, dĩ định cống phú yên.

(Bang quốc hiệu dã. Sư, như Lạc sư chi sư).

Thượng Kinh.

(Thượng Kinh, đế đô dã. Ngô thời, quận thủ, Sĩ Vương, định đô vu thử, Đường thời, Đô Hộ Cao Vương ư thử trúc Đại La thành. Tự Lý hất kim, diệc đô vu thử. Phủ lệ nhất, thuộc huyện nhị. Phường, tam thập hữu lục. Cẩn án: Phụng Thiên, phủ: nhị huyện: Thọ Xương, Quảng Đức, các thập bát phường (cổ hiệu Vĩnh Xương).

Quyết thổ duy hoàng nhưỡng. Quyết điền duy thượng trung. Tang, kiếm kiệu, khải trượng, trở đậu, kiệu ỷ, ỷ trừu, cái tán. An Thái, chỉ chương. Thụy Chương, Nghi Tam, hy quyến Hà tân thạch khôi. Hàng Đào xích nhiễm. Tả nhất phiến tử. Tây Hồ cự ngư. Thịnh Quang long nhãn. Đường nhân, diệp y. Quyết cống cẩm tú, hắc hương, cập kim tam phẩm.

(Đường nhân nãi lưỡng Quảng khách thương cư phố dã Diệp y giả, bắc nhân lý y, tụ thân bối liên trường biểu y tùy thứ chước thượng. Vọng chi như thùy diệp dã. Tây Hồ, cổ Dâm Đàm thị. Lý Trần lập hành cung ư thử quan ngư.

Dịch nghĩa:

Thân Thừa Chỉ, đã được trình bày các tên nước, các tên kinh sư. Nay xin ghi phẩm vật để định đoạt vật cống phú.

(Chữ bang là tên nước. Chữ sư y như sư trong kinh sư).

Thượng Kinh.

(Thượng Kinh là kinh đô, đế đô. Thời triều Ngô (nước Tàu), quận thú là Sĩ Vương đặt đô ở đó. Đến triều Đường, thời đô hộ, Cao Vương ở đó có xây thành Đại La. Từ triều Lý đến nay, vẫn đô ở đó. Một phủ lộ, hai thuộc huyện, 36 phường).

(Kính xét: Phủ Phụng Thiên có hai huyện, Thọ Xương và Quảng Đức, mỗi huyện có 18 phường (xưa tên là Vĩnh Xương).

Đất thì đất vàng tốt. Ruộng thì vào hạng thượng và trung. Sản xuất do các nghề có: gươm dáo, kiệu ngồi, áo giáp, đồ trở đậu, cung tế, ghế đệm, lọng tàn. Phường An Thái có giấy sách. Phường Thụy Chương, Nghi Tàm, có tơ vải. Bờ sông có đá vôi. Phường hàng Đào có nhuộm các màu đỏ. Phường Tả có quạt. Phường Tây Hồ có cá lớn. Phường Thịnh Quang có long nhãn. Phường Đường nhân có áo xanh. Đủ các thứ gấm vóc, của lạ, vàng, bạc, đồng.

(Đường nhân là phố khách buôn ở lưỡng Quảng tới ngụ. Áo xanh màu lá, là thứ áo của người Tàu mặc, có áo trong ngắn liền với áo ngoài dài, trông như màu lá xanh. Tây Hồ trước tên là Dâm Đàm. Triều Lý, triều Trần dựng hành cung ở đó để coi bắt cá.



陽泉郡，東西夾京北安廣。南北界太原山南。四京鎮之一，東藩之首，路府凡四，屬縣十有八。里社凡一千三百七十七．謹按：上洪府三縣（古洪州今平江）二百十社。唐豪六十八社一村。唐安五十九社，錦江八十三社，下洪府四縣（今寧江）三百七十一社。嘉福（今嘉祿），八十四社，青沔五十四社，四岐一百二十八社一庄一所。永賴（古同賴）一百五社五庄，南策府四縣二百八十七社。青林七十八社一所一寨。至靈五十七社。清河六十二社。新明九十二社十二庄。荊門府七縣（俗曰七郡）五百七社。金城（古荼沛）七十一社，峽山六十二社。東潮一百十社，

水棠八十一社二村。安陽六十三社，安老五十九社二庄。宜陽（其為陽京）六十一社十二所）。厥土惟白壤。宜火藥，厥田惟上上，厥木惟松柏槐柳。中路椰榔檳榔。文門陽物錯。唐豪鱛魚。二安鷄惟塢。同賴柑惟飴，花潮敬主花石。毛田不閉會庵絺布。（宜者一道之所宜也。安子產松柏。至靈產槐柳、同賴產飴甘檳榔，四岐產椰榔。視他處為正。文門屬同賴，陽隩屬先明。二海口名，唐豪江名。鱛似黿甲蟲足刃有毒可死人者。制魚得腳剪投之江中，二安安陽安老也。二縣產鬬鷄，俗稱鷄塢。花潮屬東潮敬主屬峽山，二山之石其彩如雲，材可作磬，毛田屬錦江。會庵不閉俱屬同賴今永賴是三邑絺布其艶勝帛簏以為儀，李

氏曰：海陽土饒人悍，時平則順化，時亂則梗化，丁李以來為然，鎮撫之任不可不擇也）。

Phiên âm

Hải cập Lục Đầu An Tử duy hải Dương.

(Hải, đông hải dã. Lục Đầu, giang danh. Lục thủy hợp nguyên, cố viết Lục Đầu. An Tử sơn danh, hữu Trần chư Đế thường xuất gia tu thiền vu thử. Hải Dương cổ Dương Tuyền quận, đông tây giáp Kinh Bắc, An Quảng, nam bắc giới Thái Nguyên, Sơn Nam, tứ Kinh trấn chi thủ. Lệ Phủ phàm tứ, thuộc huyện thập hữu bát, lý xã phàm nhất thiên tam bách thất thập thất.

Cẩn án : Thượng Hồng Phủ, tam hnyện (Cổ Hồng Châu, kim Bình Giang nhị bách thập xã. Đường hào lục thập bát xã, nhất phủ. Đường An ngũ thập cửu xã. Cẩm Giang bát thập tam xã. Hạ Hồng Phủ tứ huyện (kim Ninh Giang) tam bách thất thập nhất xã. Gia Phúc, (kim Gia Lộc) bát thập tứ xã. Thanh Miện, ngũ thập tứ xã, Tứ Kỳ, nhất bách nhị thập bát xã, nhất sở. Vĩnh Lại (cổ Đông Lại), nhất bách ngũ xã, ngũ trang. Nam Sách phủ, tứ huyện nhị bách thập thất xả. Thanh Lâm, thất thập bát xã, nhất sở, nhất trại Chí Linh, ngũ thập thất xã. Thanh Hà, lục thập nhị xã. Tân Minh, cửu thập nhị xã, thập nhị trang. Kinh Môn Phủ thất huyện (tục viết thất quận), ngũ bách thất xã. Kim Thanh (cổ Trà Bái), thất thập nhất xã. Giáp Sơn, lục thập nhị xã. Đông Triều, *nhất bách* thập xã. Thủy Đường, bát thập nhất

xã nhị thôn. An Dương, lục thập tam xã. An Lão ngũ thập cửu xã, nhị trang. Nghi Dương, (điện vi Dương Kinh), lục thập nhất xã, thập nhị sở).

Quyết thổ duy bạch nhưỡng, nghi hỏa dược. Quyết điền duy thượng thượng. Quyết mộc duy tùng bách, hòe liễu. Trung lộ, lang da, tân lang. Ngải Môn, Dương vật thác. Đường Hào đối ngư. Nhị An, kê duy ổ. Đồng Lại cam duy di. Hoa Triều Kính Chủ hoa thạch Mao điền, Bất Bế, Hội Am hy bố.

(Nghi giả, nhất đạo chi sở nghi dã. An Tử sản tùng bách. Chí Linh sản hòe liễu. Đồng Lại sản di cam, tân lang. Tứ Kỳ sản lang da. Thị tha xứ vô vưu. Ngải Môn thuộc Đồng Lại. Dương Áo thuộc Tiên Minh. Nhị hải khẩu danh. Đường Hào giang danh. Đối, tự qui giáp, trùng túc, nhận hữu độc khả tử nhân giả. Chế ngư đắc cước tiễn đầu chi giang trung. Nhị An, An Dương, An Lão dã. Nhị huyện, sản đấu kê, tục xưng kê ổ. Hoa triều thuộc Đông Triều. Kính Chủ thuộc Giáp Sơn. Nhị sơn chi thạch kỳ thải như vân, tài khả tác khánh. Mao Điền thuộc Cẩm giang. Hội Am, Bất Bế, câu thuộc Đồng Lại, kim Vĩnh Lại thị. Tam ấp hy bố, kỳ diễm thắng bạch, phỉ dĩ vi nghi.

Lý thị viết: Hải Dương thổ nhiêu nhân hãn. Thời bình tắc thuận hóa, thời loạn tắc ngạnh hóa. Đinh Lý dĩ lai vi nhiên. Trấn phủ chi nhiệm bất khả bất trạch dã.)

Dịch Nghĩa

GIÁP BỂ CÓ LỤC ĐẦU, AN TỬ, TỨC LÀ HẢI DƯƠNG

(Bể đây là bể đông. Lục Đầu là tên sông. Sáu giòng sông hợp lại cho nên gọi là Lục Đầu. An Tử là tên núi. Các vua triều

Trần thường xuất giạ đến tu ở đó. Hải Dương xưa là quận Dương Tuyền. Đông và tây giáp Kinh Bắc và An Quảng. Nam và bắc giáp Thái Nguyên và Sơn Nạm. Là một trong bốn trấn. Đầu các tỉnh về phía đông. Cộ bốn Lệ Phủ, mười tám thuộc Huyện, 1377 làng xã.

Kính xét: PHỦ THƯỢNG HỒNG có 3 huyện (xưa là Hồng Châu, nay là Bình Giang), 210 xã: Đường Hào, 68 xã, 1 thôn. Đường An, 59 xã. Cẩm Giang 83 xã. PHỦ HẠ HỒNG có 4 huyện (nay là Ninh Giang) 371 xã. Gia Phúc (nay là Gia Lộc, 84 xã, Thanh Miện, 54 xã, Tứ Kỳ 128 xã, 1 trang, 1 sở. Vĩnh Lại (trước là Đồng Lại), 105 xã, 5 trang.

PHỦ NAM Sách có 4 huyện, 287 xã : Thanh Lâm, 78 xã, 1 sở, 1 trại. Chí Linh, 57 xã. Thanh Hà 62 xã. Tân Minh, 92 xã, 12 trang.

PHỦ KINH MÔN có 7 huyện (tục gọi là 7 quận), 507 xã: Kim Thành, xưa là Trà Bái), 71 xã. Giáp Sơn, 62 xã. Đông Triều 110 xã. Thủy Đường 81 xã, 2 thôn. An Dương, 63 xã. An Lào, 59 xã, 2 trang. Nghi Dương (vì có lăng tẩm cho nên gọi là Dương Kinh), 61 xã, 12 sở).

Đất trắng, sản thuốc, làm đạn dược. Ruộng thì vào hạng thượng đẳng. Cây thì có tùng, bách, hòe, liễu. Trồng được cau dừa. Ở Ngải Môn, ở Dương Áo có loại đá mài. Đường Hào có cá đối. Hải An có gà trọi. Đồng Lại có cam ngọt. Hoa Triều, Kinh Chủ, có hoa. Mao Điền, Bất Bế, Hội Am có vải lụa.

(Sản là có sẵn ở đất. An Tử sản tùng bách, Chí Linh sản hòe liễu, Đồng Lại sản cam đường, cau, Tứ Kỳ sản dừa đối với các xứ khác là tốt hơn. Ngải Môn thuộc về Đồng Lại. Dương Áo thuộc về Tiên Minh.

Cả hai là tên cửa bể. Đường Hào là tên sông. Cá đối tựa mai rùa, mà vây thì như chân loài côn trùng, vây có chất độc, ăn phải, có thể chết, cho nên bắt được chặt ngay vây, vứt xuống sông. Hai An, là An Dương và An Lão hai huyện, sản gà trọi tục gọi gà gà ồ. Hoa Triều thuộc về Đông Triều. Kinh Chủ thuộc về Giáp Sơn. Đá ở hai nơi đó có vân như mây, lấy ở núi về, đục khắc, chế được khánh. Mao Điền thuộc về Cẩm Giang. Hội Am, Bất Bế đều thuộc về Đồng Lại, nay là Vĩnh Lại, cả ba nơi sản the lụa màu trắng hơn vải, đồ thêu dệt có tiếng.

Lý thị bàn : Hải Dương đất giàu, người bướng. Thời bình thì hay, thời loạn thì ngang ngạnh. Từ đời Đinh, Lý tới nay vẫn thế. Vị quan cai trị cần được chọn cẩn thận.



沱陽傘圓惟山西。

（沱陽江名，其源發自瀘漢，至中河，與洮河通。抵白鶴，合於珥河傘圓山名，三峯峙立其形自傘因以為名。我國祖山也，山西古朱鳶福祿部，東南界上京山南，西北界宣興四京鎮之二，西藩之首，路府六。屬縣二十四里社凡一千二百六十八。謹按：國威府五縣二百五十一社，慈廉八十三社九村六州四所二寨丹鳳三十五社五村七州。福祿（古麗冷）五十一社五村五州一所·安山四十二社二村二庄二寨，石室四十一社一庄，三帶（古峯州）六縣，四百四十四社，安朗（古朱鳶）六十三社六州一所三寨，女樂一百社二村八州。白鶴（峯州之地有旗壇白鶴集其上故名）六十三社五村二州，先豐五十社，扶康六十八社。立石一百一社，臨洮府四縣二百三十社山圍六十三社一

村。青波五十六社一村一庄一州．華溪五十五社一村七庄一寨，夏華五十六社一州六庄。端雄府五縣二百七十七社，東蘭七十社三庄，西蘭五十四社，山陽四十二社四庄當道三十七社，三陽七十二社一庄。陀陽府二縣七十六社（古沱陽）三農四十社，不拔三十六社三村一庄一寨，廣威府二縣九十一社，美良四十五社四村一寨，明義四十六社二村二州（阮氏曰：沱江上流有上下錯石二。東西來角筏如建瓴水，商人多若於梱椿云。又越州有黃橘九月赤艶連皮，木舟有野　，三月始生笋葉澗溪淋瀝通之陀江，土人飲之即成痕塊．昔建昌王建爲明所扒入山揚其父爲詩戒之曰春末橘鮮明冬初檀葉生，父子好相見早晚我門庭。建依父教，行人皆瘧疾，惟建獨免，古語陀江瘴地澗瀨奔瀧信不我欺）

（附錄傘圓山神曰：柱國大王者，靈顯最著。李仁宗命工造祠於山上，第一峯有樓二十層，靖王平西欲登幸忽風雨大作將士迷路不能上云。李氏曰：山西人淳俗朴，雖更擾亂未嘗為梗）。

厥土惟白壤，桑洲宜厥田惟上中。先豐生絹不拔油柵梟麻豎戎料，美良象犀角。三農茶惟猫耳。蠟惟黃白，源炭惟絺，喝江魚惟 鮒，山圍白雉漆絲。

（喝江在福祿縣，相傳喝江發源自江漢。江中有一樹名旃壇高十丈餘，歲久樹老，其根害連江漢，鰷鱖從之回南，歷朝錫貢以供祭祀，蠟有黃白二次，白以粧容，黃以燈）。

Phiên âm

ĐÀ DƯƠNG TẢN VIÊN DUY SƠN TÂY

(Đà Dương giang danh. Kỳ nguyên phát tự Lư hán, chí Trung Hà, dữ Thao hà thông, để Bạch Hạc hợp ư Nhị Hà. Tản Viên, sơn danh, tam phong trĩ lập, kỳ hình tự tản, nhân dĩ vi danh. Ngã quốc tổ sơn dã. Sơn Tây, cổ Chu Diên, Phúc Lộc Bộ,

đông nam giới Thượng kinh, Sơn Nam, tây bắc giới Tuyên Hưng, tứ Kinh Trấn chi nhị, tây phiên chi thủ. Lộ phủ lục. Thuộc huyện nhị thập tứ lý xã, phàm nhất thiên tam bách lục thập bát. Cẩn án : Quốc Uy phủ, ngũ huyện nhị bách ngũ thập nhất xã. Từ Liêm, bát thập tam xã, cửu thôn, lục châu, tứ sở, nhị trại. Đan Phụng, tam thập ngũ xã, ngũ thôn, thất châu. Phúc Lộc (cổ Mè Linh) ngũ thập nhất xã, ngũ thôn, ngũ châu, nhất sở. An Sơn, tứ thập nhị xã, nhị thôn, nhị trang nhị trại. Thạch tam Thất, tứ thập nhất xã, nhất trang. Tam Đái (cổ Phong Châu), lục huyện, tứ bách tứ thập tứ xã. An Lãng (cổ Châu Diên), lục thập xã, lục châu, nhất sở, tam trại. Nữ Nhạc, nhất bách xã, nhị thôn, bát châu. Bạch Hạc (Phong Châu chi địa hữu chiên đàn, bạch hạc tập kỳ thượng, cố danh), lục thập tam xã, ngũ thôn, nhị châu. Tiên Phong, ngũ thập xã. Phù Khang, lục thập bát xã. Lập Thạch, nhất bách, nhất xã. Lâm Thao phủ, tứ huyện, nhi bách tam thập xã. Sơn Vi, lục thập tam xã, nhất thôn. Thanh Ba, ngũ thập lục xã, nhất thôn nhất trang, nhất châu. Hoa Khê, ngũ thập ngũ xã, nhất thôn, thất trang, nhất trại. Hạ Hoa, ngũ thập lục xã, nhất châu, lục trang. Đoan Hùng phủ, ngũ huyện, nhị bách thất thập thất xã. Đông Lan, thất thập xã, tam trang. Tây Lan, ngũ thập tứ xã. Sơn Dương, tứ thập nhị xã, tứ trang. Đương đạo tam thập thất xã. Tam Dương, thất thập nhị xã, nhất trang. Đà Dương phủ nhị huyện thất thập lục xã. Tam Nông, tứ thập xã. Bất Bạt, tam thập lục xã, tam thôn, nhất trang nhất trại. Quảng Oai phủ, nhị huyện, cửu thập nhất xã. Mỹ Lương, tứ thập ngũ xã, tứ thôn, nhất trại. Minh nghĩa tứ thập lục xã, nhị thôn, nhị châu. (Nguyễn thị viết : Đà Giang thượng lưu hữu thượng hạ thổ thạch nhị. Đông tây lai chu phiệt như kiến linh thủy. Thương nhân đa khổ ư các chàng vân. Hựu Việt Châu hữu hoàng

quất, cửu nguyệt xích diễm liên bì. Mộc Sách hữu dã lô, tam nguyệt thủy sinh duẫn diệp. Giản Khê lâm lịch thông chi. Đà Giang thổ nhân, ẩm chi tức thành chướng khối. Tích Kiến Xương Vương, Kiến vi Minh sở bát, nhập sơn dịch. Kỳ phụ vi thi giới chi viết : Xuân mạt, quất tiễn minh. Đông sơ lư diệp sinh. Phụ tử hảo tương kiến. Tảo vãn ngã môn đình, Kiến y phụ giáo. Hành nhân giai ngược tật, duy Kiến độc miễn. Cổ ngữ Đà Giang chướng địa, giản lại bôn lự, tín bất ngã khi.

Phụ Lục Tản Viên Sơn Thần viết : Trụ Quốc Đại Vương giả, linh hiển tối trứ, Lý Nhân Tôn mệnh công tạo từ ư sơn thượng, đệ nhất phong hữu lâu nhị thập tầng. Tĩnh Vương bình tây, dục đăng hạnh, hốt phong vũ đại tác, tướng sĩ mê lộ, bất năng thượng vấn.

Lý Thị viết : Sơn Tây, nhân thuần, tục phác, tuy nhiễu loạn, vị thường vi nghạch.

Quyết thổ duy bạch nhưỡng, tang châu duy nghi. Quyết điền duy thượng trung, Tiên Phong sinh quyến. Bất Bạt du sách, cao ma, kỳ nhung liệu. Mỹ Lương tượng tê giác. Tam Nông trà miêu nhĩ, lạp duy hoàng bạch, nguyên thán duy hy Hát Giang ngư duy anh vũ. Sơn Vi bạch trĩ, tất ti.

(Hát Giang tại Phúc Lộc huyện, Tương truyền Hát Giang phát nguyên tự Giang Hán. Giang trung hữu nhất thụ, danh chiên đàn, cao thập dư trượng, tuế cửu, thụ lão. Kỳ căn điêu Giang Hán. Anh vũ tòng chi hồi nam. Lịch triều tích cống dĩ cung tế tự. Lạp hữu hoàng bạch nhị thứ, bạch dĩ trang dung, hoàng dĩ đăng).

Dịch nghĩa

ĐÀ DƯƠNG, TẢN VIÊN LÀ Ở SƠN TÂY

(Đà Dương là tên sông. Ngọn phát từ sông Lê Hán, đến

Khoảng giữa thì thông với sông Thao, tới Bạch Hạc thì hợp với sông Nhị Hà. Tản Viên là tên núi. Ba ngọn đứng thẳng hình như cái tàn. Nhân hình được đặt tên. Chính là ngọn núi thủy tổ nước ta. Sơn Tây, xưa là Bộ Chu Diên, Phúc Lộc, phía đông nam giáp Thượng Kinh, Sơn Nam, phía tây bắc giáp Hưng và Tuyên. Trong bốn Kinh trấn, Sơn Tây là Kinh trấn thứ hai, là đầu các xứ phía tây. Có 6 Lệ Phủ, 24 thuộc Huyện, 1368 xã.

Kính xét: PHỦ QUỐC OAI có 5 huyện, 251 xã, Huyện Từ Liêm 83 xã 9 thôn, 6 châu, 4 sở, 2 trại. Huyện Đan Phượng có 35 xã, 5 thôn, 7 châu. Huyện Phúc Lộc, xưa là Mê Linh, có 51 xã, 5 thôn, 5 châu, 1 sở. Huyện An Sơn có 42 xã, 2 thôn, 2 trang, 2 trại. Huyện Thạch Thất có 41 xã, 1 trang. PHỦ TAM ĐÁI xưa là Phong Châu có 6 huyện, 444 xã. Huyện An Lãng xưa là Chu Diên, có 63 xã, 6 châu, 1 sở, 3 trại. Huyện Nhữ Lạc có 100 xã, 2 thôn, 8 châu. Huyện Bạch Hạc, (đất Phong Châu có thứ cây chiên đàn, hạc trắng từng đàn đậu trên cây, nhân đó thành tên) có 63 xã, 5 thôn, 3 châu. Huyện Tiên Phong có 50 xã. Huyện Phù Khang có 68 xã. Huyện Lập Thạch có 101 xã. PHỦ LÂM THAO có 4 huyện, 230 xã. Huyện Sơn Vi có 63 xã, 1 thôn. Huyện Thanh Ba có 56 xã, 1 thôn, 1 trang, 1 châu. Huyện Hoa Khê có 55 xã, 1 thôn 7 trang, 1 trại. Huyện Hạ Hoa có 56 xã, 1 châu, 6 trang. PHỦ ĐOAN HÙNG có 5 huyện, 277 xã. Huyện Đông Lan có 70 xã, 3 trang. Huyện Tây Lan có 54 xã. Huyện Sơn Dương có 42 xã, 4 trang. Huyện Đương Đạo có 37 xã. Huyện Tam Dương có 72 xã, 1 trang. PHỦ ĐÀ DƯƠNG có 2 huyện, 76 xã (chữ đà xưa theo bộ thủy chứ không như nay viết theo bộ phụ). Huyện Tam Nông có 40 xã. Huyện Bất Bạt có 36 xã, 3 thôn, 1 trang, 1 trại. PHỦ QUẢNG OAI có 2 huyện, gồm 91 xã. Huyện Mỹ Lương, 45 xã, 4 thôn, 1 trại.

Huyện Minh Nghĩa có 46 xã, 2 thôn, 2 châu.

Nguyễn thị bàn : Sông Đà, về thượng lưu hai nơi có đá mài. Thuyền bè các nơi tụ họp đông như ngói lớp, khách buôn chen chúc trên bãi dưới sông. Lại nói : Ở Việt Châu có giống quất vàng, tới tháng chín thì vỏ thành sắc đỏ. Ở Mộc Sách có giống cây dã lô tháng ba mới sinh lá nõn. Nước khe, nước suối chảy thấm dần vào sông Đà, người bản xứ uống vào sinh bệnh chướng phù. Xưa Kiến Xương Vương bị giặc Minh đuổi gấp, phải chạy vào núi. Người cha có thơ răn con trong có câu : Quất hết xuân vào cuối, Lô sinh đông mới qua, Cha con cần gặp mặt, sớm tối họp cùng nhà. Kiến theo lời cha dặn. Bọn người cùng đi đều bị ốm, duy Kiến là thoát khỏi. Xưa nói Đà Giang là đất lam chướng, nước độc, chắc không sai.

Phụ lục Tản Viên Sơn Thần có chép : Trụ Quốc Đại Vương rất là linh hiển. Lý Nhân Tôn có lệnh xây cất một ngôi đền ở trên ngọn núi. Ngôi đền cao 20 từng. Chúa Tĩnh Vương khi bình tây, muốn yết đền. Bỗng mưa to gió lớn, tướng sĩ lạc đường, rồi không lên được.

Lý thị bàn : Ở Sơn Tây, người thì thuần hậu, tục thì chất phác, tuy có mấy phen loạn, nhưng chưa từng ngang ngược).

Đất thì loại đất trắng, trồng dâu. Ruộng thì có hạng thượng, hạng trung. Tiên Phong có tơ lụa. Bất Bạt có dầu, có tre tốt, có gai dệt cùng các vật liệu về việc quân. Mỹ Lương có sừng tê, ngà voi. Tam Nông có chè ngon, có sáp vàng, sáp

trắng. Nguyên Thán có tơ. Hát Giang có cá anh vũ. Sơn Vi có bạch trĩ, có nhựa sơn.

(Hát Giang tại huyện Phúc Lộc. Tương truyền sông Hát phát nguyên từ sông Giang Hán, giữa sông có một cây tên là chiên đàn, cao hơn mười trượng, lâu năm cây già, rễ ngầm dưới sông, ăn tới sông Giang Hán, Vì rễ đó cá anh vũ từ bắc mới theo về nam các triều đại dùng làm phẩm vật tế tự.

Sáp có hai thứ, vàng và trắng. Trắng để trang sức, vàng để làm đèn nến.



農岐隊疊惟山南。

（農岐江名。隊疊二山名。李朝作京於此，以爲巡幸朝會之所，山南古交趾郡。東比通海陽上京。西南通山西清化，四京鎮之三，南藩之首路府九九宮屬縣三十有六。里社二千五十九。謹按：常信府三縣。二百二十四社、清潭七十八社五村三所，上福五十七社一所。富川（古浮雲）七十六所一寨。應天府（李爲南京）四縣二百四十五社，青威八十社五村二庄，彰德六十五社三村三庄一所，山明五十五社，懷安四十五社三庄一所。里仁府（古利仁）五縣二百七十七社，南昌八十三社一所三庄一寨，維新五十八社，青廉六十社二所二寨。金榜四十九社一村二所二庄一寨。平陸二十七社七村五庄一寨。快州府五縣二百四十三社（阮崩征元有功，陳仁宗賜湯沐一郡曰崩路，今爲

快州），東安七十五社，金洞（古藤州）四十六社十一村。芙蓉（古芙花）四十三社，僊侶五十二社四村一庄。天施三十一社八村。新興府四縣二百七十社。御天五十一社。青蘭四十三社。延河四十二社，神溪三十四社，太平府四縣一百八十七社，瓊瑰四十二社一村，附翼三十五社二洲，東關五十社一庄。瑞英六十社一村一庄。義興府（古應豐李朝立行宮以省耕）四縣二百四十五社，天本七十九社。大安（古大鴉李改爲大安）七十一社，望瀛四十九社，懿安三十六社。天長府（古即墨，陳改爲天長）四縣三百十七社，膠水七十九社。三十三庄，南真一百九社六村，美祿五十一社，上元（古上賢）七十八社一村一寨。建昌府三縣一百六十二社，舒池五十九社，真定六十五社，武仙三十八社）。厥土惟赤埴墳與

青黎。厥田惟上上。合路布絺惟多。青威綺羅，金榜絁帛，南真，真定火藥，膠水瑞英大安海鹽惟甘。黄梅平望酒惟連菊。光烈荔枝盛烈鰿魚，東台熟醴，時享錫納。

（黄梅光烈盛烈東台俱屬青池平望，屬上福，黄梅平望花酒，光烈荔枝絶勝中國歷朝錫貢以供時祀。李氏曰：山南之地平衍塏般，田穀之宜，人工之修過於諸路，歷朝養兵之費，皆資焉）。

Phiên âm

NÔNG, KỲ ĐỘI, ĐIỆP DUY SƠN NAM.

(Nông Kỳ giang danh. Đội, Điệp nhị sơn danh, Lý triều tác cung ư thử, dĩ vi tuần hạnh triều hội chi sở. Sơn Nam cổ Giao Chỉ quận, đông bắc thông Hải Dương, Thượng Kinh, tây nam thông Sơn Tây, Thanh Hóa. Tứ Kinh trấn chi tam, nam phiên chi thủ. Lệ phủ phàm cửu, thuộc huyện tam thập hữu lục, lý, xã nhị thiên ngũ thập cửu.

Cẩn án: Thường Tín phủ, tam huyện, nhị bách nhị thập tứ xã. Thanh Đàm thất thập bát xã, ngũ thôn, tam sở. Thượng Phúc ngũ thập thất xã, nhất sở. Phú Xuyên (cổ Phù Vân) thất thập lục sở, nhất trại.

Ứng Thiên phủ (Lý vi Nam Kinh) tứ huyện, nhị bách tứ tứ thập ngũ xã. Thanh Oai, bát thập xã, ngũ thôn, nhị trang. Chương Đức, lục thập ngũ xã, tam thôn. tam trang nhất sở Sơn Minh, ngũ thập ngũ xã. Hoài An tứ thập ngũ xã, tam trang, nhất sở. Lý Nhân phủ (cổ Lợi Nhân) ngũ huyện, nhị bách thất thập thất xã. Nam Xương bát thập tam xã, nhất sở, tam trang, nhất trại. Duy Tân ngũ thập bát xã. Thanh Liêm, lục thập xã, nhị sở, nhị trại. Kim Bảng, tứ thập cửu xã nhất thôn, nhị sở, nhị trang, nhất trại. Bình Lục nhị thập thất xã, thất thôn, ngũ trang, nhất trại. Khoái Châu phủ ngũ huyện, nhị bách tứ thập tam xã (Nguyễn Khoái chinh Nguyên hữu công, Trần Nhân Tôn tứ Thang Mộc nhất quận viết Khoái Lộ, kim vi Khoái Châu) Đông An thất thập ngũ xã. Kim Động (cổ Đằng Châu) tứ thập lục xã, thập nhất thôn. Phù Dung (cổ Phù Hoa) tứ thập tam xã. Tiên Lữ, ngũ thập nhị xã, tứ thôn, nhất trang. Thiên Thi, tam thập nhất xã, bát thôn. Tân Hưng phủ, tứ huyện nhị bách thất thập xã. Ngự Thiên ngũ thập nhất xã. Thanh Lan, tứ thập tam xã. Diên Hà, tứ thập nhị xã. Thần Khê, tam thập tứ xã. Thái Bình phủ, tứ huyện nhất bách thập thất xã. Quỳnh Côi, tứ thập nhị xã, nhất thôn. Phụ Dực tam thập ngũ xã, nhị châu. Đông Quan, ngũ thập xã, nhất trang. Thụy Anh lục thập xã, nhất thôn, nhất trang. Nghĩa Hưng, phủ, (cổ Ưng Phong Lý triều lập hành cung, dĩ tỉnh canh) tứ huyện nhị bách tứ thập ngũ xã. Thiên Bản thất thập cửu xã. Đại An (cổ Đại Nha, Lý cải vi Đại An) thất thập nhất xã. Ý An, tam thập lục xã. Thiên Trường phủ, (cổ

Túc Mặc, Trần cải vi Thiên Trường) tứ huyện, tam bách thập thất xã. Giao Thủy thất thập cửu xã, tam thập tam trang. Nam Chân nhất bách cửu xã, lục thôn. Mỹ Lộc, ngũ thập nhất xã Thượng Ngnyên (cổ Thượng Hiền) thất thập bát xã, nhất thôn, nhất trại. Kiến Xương phủ, tam huyện, nhất bách, lục thập nhị xã. Thư Trì ngũ thập cửu xã. Chân Định, lục thập ngũ xã Vũ Tiên, tam thập bát xã.

Quyết thổ duy xích, thực phẫn dữ thanh lê. Quyết điền duy thượng thượng. Hợp Lộ bố hy duy đa Thanh Oai ý la Kim Bảng thi bạch. Nam Chân, Chân Định, Hỏa dược. Giao Thủy, Thụy Anh, Đại An hải diêm duy cam. Hoàng Mai, Bình Vọng, tửu duy liên cúc. Quang Liệt lệ chi. Thịnh Liệt tích ngư. Đông Đài thục lễ. Thời hưởng tích nạp.

(Hoàng Mai, Quang Liệt, Thịnh Liệt, Đông Đài, câu thuộc Thanh Trì. Bình Vọng thuộc Thượng Phúc. Hoàng Mai, Bình Vọng, hoa tửu. Quang Liệt lệ chi tuyệt thắng Trung Quốc, lịch triều tích cống, dĩ cung thời tự.

Lý thị viết : Sơn Nam chi địa, bình diễn khai ân, điền cốc chi nghi, nhân công chi tu, quá ư chư lộ. Lịch triều dưởng bình chi phí, giai tư yên)

Dịch nghĩa :

NÔNG KỲ, ĐỘI, ĐIỆP LÀ Ở SƠN NAM

(Nông Kỳ là tên sông, Đội, Điệp là tên hai núi Triều Lý xây cung ở đó, lấy làm nơi tuần thú, triều hội Sơn Nam là quận Giao Chỉ xưa, đông bắc giáp Thượng Kinh, Hải Dương, tây nam thông với Sơn Tây, Thanh Hóa. Trong bốn Kinh trấn,

là Kinh trấn thứ ba, đầu các xứ nam. Có 9 lộ phủ, gồm 36 thuộc huyện, 2519 làng xã.

Kính xét : PHỦ THƯỜNG TÍN có ba huyện, 224 xã : Huyện Thanh Đàm, 78 xã 5 thôn 3 sở. Huyện Thượng Phúc, 57 xã, 1 sở. Huyện Phú Xuyên (xưa là Phù Vân) 76 sở, I trại. PHỦ ỨNG THIÊN (Lý gọi là Nam Kinh). 4 huyện, 245 xã. Huyện Thanh Oai 80 xã, 5 thôn, 2 trang. Huyện Chương Đức, 65 xã 3 thôn, 3 trang, I sở. Huyện Sơn Minh, 55 xã, Huyện Hoài An, 45 xã, 3 trang I sở. PHỦ LÝ NHÂN, (xưa là Lợi Nhân) 5 huuyện 277 xã, Huyện Thanh Liêm, 60 xã, 2 sở, 2 trại, Huyện Kim Bảng, 49 xã, 1 thôn, 2 sở, 2 trang, 1 trại. Huyện Bình Lục, 217 xã, 7 thôn, 5 trang, 1 tại. PHỦ KHOÁI CHÂU, 5 huyện, 243 xã, (Nguyễn Khoái chinh Nguyên có công, vua Trần Nhân Tôn thưởng cho một quận thang mộc gọi là Khoái Lộ, nay là Khoái Châu). Huyện Đông An 75 xã. Huyện Kim Đông (xưa là Đang Châu) 46 xã, 11 thôn.

Huyện Phù Dung (xưa là Phù Hoa) 43 xã. Huyện Tiên Lữ, 52 xã, 4 thôn, 1 trang. Huyện Thiên Thi, 31 trang 8 thôn PHỦ TÂN HƯNG, 4 huyện, 270 xã. Huyện Ngự Thiên, 51 xã, Huyện Thanh Lan 43 xã. Huyện Diên Hà, 42 xã, Huyện Thần Khê, 34 xã. PHỦ THÁI BÌNH, 4 huyện 187 xã. Huyện Quỳnh Côi, 42 xã, 1 thôn. Huyện phụ Dực, 35 xã, 2 châu. Huyện Đông Lan, 50 xã, 1 trang. Huyện Thụy Anh, 60 xã, 1 thôn, 1 trang. PHỦ NGHĨA HƯNG, (xưa là Ứng Phong, triều Lý lập hành cung ở đó làm lễ tịch điền) 4 huyện, 245 xã. Huyện Thiên Bản, 79 xã. Huyện Đại An (xưa là Đại Nha, triều Lý đổi làm Đại An) 71 xã. Huyện Vọng Doanh, 49 xã. Huyện Ý An, 36 xã. PHỦ THIÊN TRƯỜNG (xưa là Tức Mặc, triều Trần đổi làm Thiên Trường) 4 huyện, 317 xã. Huyện Giao Thủy, 79 xã 33 trang. Huyện Nam Chân, 109 xã, 6 thôn. Huyện Mỹ Lộc,

51 xã. Huyện Thượng nguyên (xưa là Thượng Hiền) 78 xã, 1 thôn, 1 trại. PHỦ KIÊN XƯƠNG, 3 huyện, 162 xã. Huyện Thư Trì, 59 xã. Huyện Chân Định 65 xã. Huyện Vũ Tiên 38 xã. Đất thì đỏ, thứ đất quánh, có chất than. Ruộng vào loại tốt Sản nhiều vải. Thanh Oai thì có lụa, là. Kim Bảng có vải nuốt. Nam Chân, Chân Định, có thuốc đạn. Giao Thủy, Thụy Anh, Đại An có muối ăn. Hoàng Mai, Bình Vọng, có rượu cúc, rượu sen. Quang Liệt có vải quả. Thịnh Liệt có cá diếc. Đông Đài có rượu lễ. Hàng mùa cung tiên (Hoàng Mai, Quang Liệt Thịnh Liệt, Đông Đài, đều thuộc về Thanh Trì. Bình Vọng thuộc về Thượng Phúc. Hoàng Mai, Bình Vọng có rượu hoa. Vải quả Quang Liệt có tiếng, trải các triều có tiến sang Trung Quốc sung vào việc tế tự.

Lý thị bàn : Đất Sơn Nam là bình địa, ruộng tốt, người chăm hơn tất cả các lộ khác. Trải các triều, Sơn Nam đều cung phụng các thứ dùng vào việc binh.



天德衛靈惟京北。

（天德水名，古北江是，李升爲府，衛靈禹山之別名董天王飛升故處也，京北古武寧部，西南夾上京山南，東北夾太原海陽，四京鎮之四。北藩之首。路府凡四，屬縣二十一里社一千一百四十七。謹按：慈山府六縣四百社，仙遊（古武寧郡）五十二社，東岸八十八社一洲，武江八十二社，桂陽四十五社，安豐五十二社，青水二十八社順安府五縣三百二十二社，嘉林六十八社二所三寨，超類六十一村，文江（古細江）五十二社，嘉定八十六社一所，良才七十四庄。江河府四縣一百四十八庄，洽和二十二社二寨。安越三十四社，金華五十社，先福四十二社，諒江府六縣三百四十社，安勇八十八社二寨，鳳眼六十七社，保祿六十五社，安世四

十七社，陸岸五十二社，古隴二十四社（四鎮記云：府路一三帶二快州屬縣南真北勇西樂，東岐最是肥饒之地）阮舒軒曰：宋人稱我水生珠，我山孕金，元人稱我一寸土一寸金，明人稱中國之末地靈人傑，清人稱傘圓大王之自海住山，扶董天王之騎馬騰空，褚家童子之杖笠升天，寧山（今榮山）徐道行之印石投胎為安南四不死云）。

厥土惟白壤，厥田惟上上，鉢場什器，華球黑布右隴甘蔗，安世弩矢色脩石灰。

（鉢場屬嘉林，華球屬文江，應供北聘鉢磁凡七十副黑布凡二百疋安世藥矢以禦北寇色脩石灰以供制作。

李氏曰：京北民人慓悍，雖太平亦嘗梗化，臣昔為本道行遣脩上邊事，請增防秋之兵。

附錄曰安世射矢，以其中處血脉湧出須臾死人，至於射禽獸亦然）。

Phiên âm

THIÊN ĐỨC VỆ LINH DUY KINH BẮC

(Thiên Đức, thủy danh, cổ Bắc Giang thị. Lý thăng vi phủ. Vệ Linh Vũ Sơn chi biệt danh, Đồng Thiên Vương phi thăng cố xứ dã, Kinh Bắc cổ vũ Ninh bộ tây nam giáp Thượng Kinh, Sơn Nam, đông bắc giáp Thái Nguyên, Hải Dương, tứ Kinh trấn chi tứ, bắc phiên chi thủ. Lộ phủ phàm tứ, thuộc huyện nhị thật nhất, lý xã nhất thiên nhất bách tứ thập thất. Cẩn án: Từ Sơn phủ, lục huyện, tứ bách xã. Tiên Du (cổ Vũ Ninh quận) ngũ thập nhị xã. Đông Ngạn, bát thập bát xã, nhất châu. Vũ Giang, tam thập nhị xã. Quế Dương, tứ thập ngũ xã, An Phong ngũ thập nhị xã. Thanh Thủy, nhị thập bát xã. Thuận An phủ, ngũ huyện, tam bách nhị thập nhị xã. Gia Lâm lục thập bát xã, nhị sở, tam trại. Siêu Loại, lục thập nhất xã, nhất thôn, Văn Giang (cổ Tế Giang) ngũ thập nhị xã, Gia Định, bát thập lục xã, nhất sở. Lương Tài, thất thập tứ xã. Bắc Hà phủ, tứ huyện, nhất bách tứ thập bát xã. Hiệp Hòa, nhị thập nhị xã, nhị trại. An Việt, tam thập tứ xã. Kim Hoa, ngũ thập xã. Tiên Phúc, tứ thập nhị xã. Lượng Giang Phủ, lục huyện, tam bách tứ thập xã, An Dũng, bát thập bát xã, nhị trại. Phượng Nhãn, lục thập thất xã. Bão Lộc, lục thập ngũ xã. An Thế, tứ thập thất xã. Lục Ngạn, ngũ thập nhị xã. Cổ Lũng, nhị thập tứ xã. (Tứ Trấn Ký vân: Phủ lộ, nhất Tam Đái nhị Khoái Châu, thuộc huyện, nam Chân, bắc Dũng, tây Lạc, đồng Kỳ. Tối thị phì nhiêu chi địa).

(Nguyễn Thư Hiên viết: Tống nhân xưng ngã thủy sinh châu, ngã sơn dựng kim. Nguyên nhân xưng ngã, nhất thốn thổ, nhất thốn kim. Minh nhân xưng Trung Quốc chi mạt, địa

linh nhân kiệt. Thanh nhân xưng Tản Viên Đại Vương chi tự hải trú sơn, Phù Đổng Thiên Vương chi kỵ mã đằng không, Chử gia đồng tử chi trượng lạp thăng thiên, Ninh Sơn (kim Vinh Sơn) Từ Đạo Hạnh ấn thạch đầu thai, vi An Nam tứ bất tử vân).

Quyết thổ duy bạch nhưỡng. Quyết điền duy thượng thượng. Bát Tràng, thập khí, Hoa cầu, bắc bố. Hữu Lũng cam già, An Thế nỗ thỉ, Sắc Điều thạch hôi,

(Bát Tràng thuộc Gia Lâm. Hoa Cầu thuộc Văn Giang. Ưng cung bắc sinh, bát từ, phàm thất thập phó, hắc bố phàm nhị bách đật. An Thế dược thỉ, dĩ ngự bắc khấu, Sắc Điều, thạch hôi dĩ cung chế tác.

Lý thị Viết : Kinh Bắc dân nhân, khoáng hãn, tuy thái bình diệc thường ngạnh hóa. Thân tích vi bản Đạo Hành Khiển, điều thượng biên sự thỉnh tăng phòng thu chi binh.

Phụ lục viết : An Thế xạ thỉ dĩ kỳ trúng xứ, huyết mạch dũng xuất tu du tử nhân. Chí ư xạ cầm thú diệc nhiên).

Dịch nghĩa

THIÊN ĐỨC, VỆ LINH LÀ Ở LỘ KINH BẮC.

(Thiên Đức là tên sông (xưa là Bắc Giang). nhà Lý đặt lên làm phủ Vệ Linh là tên riêng Vũ Sơn, nơi Phù Đổng Thiên Vương bay lên trời Kinh Bắc xưa là Bộ Vũ Ninh, phía tây nam giáp Thượng Kinh, Sơn Nam, phía đông bắc giáp Thái Nguyên, Hải Dương, trong bốn Kinh trấn thì Kinh Bắc là thứ tư, đầu các xứ phía bắc. Lộ có 4 phủ, gồm 21 huyện,

1147 xã.

Kính xét : PHỦ TỪ SƠN, 6 huyện, 400 xã. Tiên Du (xưa là quận Vũ Ninh), 52 xã. Đông Ngạn, 86 xã, 1 châu. Vũ Giang 82 xã. Quế Dương, 45 xã. An Phong, 52 xã. Thanh Thủy, 28 xã. PHỦ THUẬN AN, 5 huyện, 322 xã. Gia Lâm, 68 xã. 2 sở. 3 trại. Siêu Loại, 61 xã, 1 thôn. Văn Giang, (xưa là Tế Giang) 52 xã. Gia Định, 86 xã, 1 sở. Lương Tài, 74 xã. PHỦ BẮC HÀ, 4 huyện, 148 xã. Hiệp Hòa, 22 xã, 2 trại. An Việt, 34 xã. Kim Hoa, 50 xã. Tiên Phúc, 42 xã. PHỦ LƯỢNG GIANG, 6 huyện 340 xã. An Dũng, 88 xã, 2 trại. Phượng Nhãn, 67 xã. Bảo Lộc, 65 xã. An Thế, 47 xã. Lục Ngạn, 52 xã, Cổ Lũng, 24 xã.

Sách Tứ Trấn Ký có chép : Phủ lộ, một Tam Đái, hai Khoái Châu. Huyện thì có : Nam Chân, Bắc Dũng, Tây Lạc, Đông Kỳ, đất rất phì nhiêu.

Nguyễn Thư Hiên có bàn : Người Tống nói, nước ta, nước có châu, núi có vàng, Người Nguyên nói : nước ta một tấc đất là một tấc vàng. Người Minh nói, nước ta ở phía nam nước họ, người khôn, đất thiêng. Người Thanh nói : Tản Viên Đại Vương từ bể tới ở núi. Phù Đổng Thiên Vương thì cưỡi ngựa bay lên trời. Chử đồng tử, thì đội nón lá lên trời. Ở Ninh Sơn (nay là Vĩnh Sơn) có Từ Đạo Hạnh do tảng đá đầu thai. Đó là bốn vị nhân thần bất tử nước «An Nam.»

Đất thì đất màu. Ruộng thì cực tốt. Ở Bát Tràng công nghệ nhiều. Ở Hoa Cầu có dệt vải đen. Ở Hữu Bũng có mía tốt. Ở An Thế có làm tên nỏ. Ở Sắc Điều có đá vôi.

(Bát Tràng thuộc Gia Lâm. Hoa Cầu thuộc Văn Giang. Về đồ cúng tiến phải cung 72 chiếc bát đá, vải đen 100 tấm.

An Thế cung thuốc tên để phòng giặc bắc. Sắc Điều cung vôi đá để dùng công tác.

Lý thị bàn : Dân bắc, hung mạnh,, thời thái bình, tính cũng thường ngang ngạnh. Thần xưa được coi là xứ đó. Cần thêm quân canh phòng.

Phụ Lục.— An Thế chế tên, hễ bắn trúng là máu ra mạnh, chết ngay. Bắn chim bắn thú cũng thế.



雲渠金標分茅惟安邦（後避諱改安廣）。（雲渠水名○白滕之別號○前吳王擒弘操，興道大王擒烏馬兒於此，分茅山名○金標銅柱也○海東路西三百里有分茅嶺○嶺半有馬援所立銅柱大三尺許○唐元和中都護馬總復立銅柱如漢故處○安邦古寧海部○西南接海陽，西北界欽州○路府凡二○屬縣凡八○州凡六○里社凡三百有二○庄四十四○東方之第二藩也，謹按：海東府三縣四州一百一庄○華封十四社一村○安興二十五社一村十五庄○雲屯州（李朝所居，庄居，外國商於此）十庄一坊○橫蒲二十五社二庄新安州十六社一村五十三庄，萬寧洲十八社二庄四洞，永安洲三社（陽泉府五縣二州二百一社○安浦三十社（明開萬寧，永安，安浦，水路，張輔置遞軍水驛直至欽州又設馬驛自嘉林至橫州）橫渠四十社○雲安六十八社○華衢九社安然六社如昔

州六十七社四峒，𤄷浪十一社九峒。李氏曰：安邦險惡，謂之遠州。歷代遷人居之。附錄曰：安廣舊所屬二府八縣六州三百社，莫登庸篡黎遺臣鄭惟僚如明乞援，登庸乃率其下如明鎮南關上降表，乞內屬納如昔，貼浪二州歸隸欽州。及中興之第四葉，元帥清都王久統國政私使使祈封于明，明封爲副國王。王乃献以陽泉五縣，今計所存府一，縣三，州四，社一百有一。安廣至今狹小可勝惜哉）

厥土惟黑壤，厥田惟下下海濱沈魚惟錯。雲屯萬寧合瓜及北人各以方服貢諸貴異沈魚水名。生於鹹涯。羣魚皆以尾捧，土人取服可消嵐瘴，方服言從其俗，各不相襲也。李時諸國商船來集安廣水渚。朝廷設爲雲屯萬寧二州，使將鎮撫，客商來市單單貢進。

Phiên âm

VÂN CỪ, KIM TIÊU, PHÂN MAO, DUY AN BANG
(HẬU TỴ CẢI AN QUẢNG)

(Vân Cừ, thủy danh, Bạch Đằng chi biệt hiệu. Tiền Ngô Vương, cầm Hoằng Thao, Hưng Đạo Đại Vương, cầm Ô Mã Nhi ư thử. Phân Mao, sơn danh, Kim Tiêu Đồng trụ dã. Hải Đông lộ, tây nam bách lý hữu Phân Mao lĩnh. Lĩnh bán hữu Mã Viện sở lập đồng trụ, đại tam xích hứa. Đường Nguyên Hòa trung, đô hộ Mã Thông phục lập đồng trụ, phỏng Hán cố xứ. An Bang, cổ Ninh Hải bộ. Tây nam tiếp Hải Dương, tây bắc giới Khâm Châu. Lộ Phủ phàm nhị. Thuộc huyện phàm bát Châu phàm lục. Lý xả phàm tam bách hữu nhị Trang tứ thập tứ, đông phương chi đệ nhị phiên dã.

Cẩn án : Hải Đông phủ, tam huyện, tứ châu, nhất bách nhất xã. Hoa Phong, tứ thập tứ xã, nhất thôn. An Hưng, nhị thập ngũ xã, nhất thôn, thập ngũ trang. Vân Đồn châu, (Lý triều Sơ cư. Trang cư, ngoại quốc thương ư thử) thập trang, nhất phường, Hoành Bồ, nhị thập ngũ xã, nhị trang. Tân An Châu, thập lục xã, nhất thon, ngũ thập tam trang. Vạn Ninh Châu, thập bát xa, nhị trang, tứ động. Vĩnh An Châu, tam xã. Dương Tuyền phu, ngũ huyện, nhị châu, nhị bách nhất xã. An Phố tam thập xã. (Minh khai Vạn Ninh, Vĩnh An, An Phố, thủy lộ Trương Phụ tri đệ quân thủy dịch trực chí Khâm Châu, hựu thiết mã dịch tự Gia Lâm chí Hoành Châu). Hoành Cừ tứ thập xã. Vân An, lục thập bát xã. Hoa Cừu, cửu xã. An Nhiên lục xã. Như Tích Châu, lục thập thất xã, tứ động. Thiếp lãng, thập nhất trang, cửu động.

Lý thị viết : An Bang hiểm ác, vị chi viễn châu, lịch đại thiên nhân cư chi.

Phu Lục viết : An Quảng cựu sở thuộc nhị Phủ, bát Huyện, lục Châu, tam bách xã. Mạc Đăng Dung thoán Lê, di thần Trịnh Duy Liêu như Minh khất viện. Đăng Dung nãi suất kỳ hạ như Minh Trấn Nam Quan, thượng hàng biểu, khuất nội thuộc. Nạp Như Tích, Thiếp Lãng, nhị châu quy lệ Khâm Châu. Cập Trung Hưng chi đệ tứ diệp, Nguyên Súy Thanh Đô Vương, cửu thống quốc chính, tuy sử sứ kỳ phong vu Minh Minh phong vi Phó Quốc Vương. An Vương nãi hiến dĩ Dương Tuyền ngũ huyện. Kim kế sở tồn, phủ nhất, huyện tam, châu tứ, xã nhất bách hữu nhất. An Quảng chí kim hiệp tiểu, khả thắng tích tai).

Quyết thổ duy hắc nhưỡng. Quyết điền duy hạ hạ. Hải tân, Trầm Ngư duy thác. Vân Đồn, Vạn Ninh hợp trảo, cập bắc nhân, các dĩ phương phục cống chư quý dị.

(Trầm Ngư, thủy danh, sinh ư hàm nhai. Quần ngư giai dĩ vĩ trạo. Thổ nhân thủ phục khả tiêu lam chướng. Phương phục, ngôn tòng kỳ tục. Các bất tương tập dã. Lý thời, chư quốc thương thuyền lai tập An Quảng, thủy trư, Triều đình thiết vi Vân Đồn, Vạn Ninh, nhị châu, sử tướng trấn phủ. Khách thương lai thị bối bối cống tiến.

Dịch nghĩa

VÂN CỪ, KIM TIÊU, PHÂN MAO, LÀ Ở AN BANG (SAU KIÊNG HÚY ĐỔI LÀ AN QUẢNG).

(Vân Cừ là tên sông, là một tên khác của sông Bạch Đằng. Xưa Tiền Ngô Vương bắt Hoằng Thao, Hưng Đạo

Đại Vương bắt Ô Mã Nhi ở đó. Phân Mao là tên núi. Kim Tiêu tức là cột đồng trụ. Lộ Hải Đông về phía tây ba trăm dặm có núi Phân Mao lĩnh. Ở lưng chừng núi, Mã Viện có trồng cột đồng cao hơn ba thước. Niên hiệu Nguyên Hòa triều Đường nước tàu, đô hộ là Mã Thông lại cho lập cũng nơi ấy cột đồng phỏng theo thời Hán nước tàu. An Bang là Bộ Ninh Hải xưa, tây nam giáp Hải Dương, tây bắc giáp Khâm Châu. Lộ có hai phủ, gồm tám tám huyện, 6 châu 302 xã, 44 trang, xứ thứ hai mặt đông.

Kính xét : PHỦ HẢI ĐÔNG ba huyện, bốn châu. 101 xã. Hoa Phong, 14 xã, 1 thôn. An Hưng, 25, 1 thôn. 15 trang. Châu Vân Đồn, (triều Lý đặt các Sở, các Trang, có khách buôn ngoại quốc tới ở), có 10 trang, 1 phường. Hoành Bồ, có 25 xã, 2 trang. Châu Tân An có 16 xã, 1 thôn, 53 trang. Châu Vạn Ninh có 18 xã, 2 trang, 4 động. Châu Vĩnh An có 3 xã. PHỦ DƯƠNG TUYỀN, có 5 huyện, 2 châu, 201 xã. An Phố, 30 xã An Phố, 30 xã (nhà Minh, mở đường thủy qua Vạn Ninh, Vĩnh An, An Phố. Tướng tàu Trương Phụ đặt trạm quân cho tới Khâm. Lại đặt trạm ngựa. từ Gia Lâm tới Hoành Bồ) Hoành Cừ, 40 xã. Vân An, 68 xã. Hoa Cừ. 9 xã. An Nhiên, 6 xã Châu Như Tích, 67 xã, 4 động. Châu Thiếp Lãng, 11 xã, 9 động.

Họ Lý bàn : An Bang hiểm trở gọi là viễn châu, nơi xa, các triều vua thường thiên người tới đó.

Phụ Lục.— An Quảng, trước kia có 2 phủ gồm 8 huyện, 6 châu, 300 xã. Khi Mạc Đăng Dung thoán Lê, có bầy tôi Lê là Duy Liêu đi sang triều Minh nước Tàu xin cứu viện, Mạc Đăng Dung mới đem lũ bầy tôi tới cửa quan Trấn Vân Nam, dâng biểu hàng, xin nội thuộc, và nộp hai châu Thiếp Lãng, Như Tích cho thuộc vào châu Khâm Châu và Trung Hưng.

Mạc sai sứ sang Minh cầu phong. Minh phong làm Phó Quốc Vương. Mạc mới hiến 5 huyện Dương Tuyền. Nay tính còn lại có một phủ gồm ba huyện, bốn châu, 101 xã. An Quảng nay nhỏ hẹp. Thật đáng tiếc).

· Đất thì đen, ruộng thì xấu. Ở bờ bể, ở Trầm Ngư chỉ có lợi đánh cá. tất cả người nam, người bắc, về đồ thuế cống, thì tùy phương vật chọn các thứ quý lạ.

(Trầm Ngư là tên dòng nước, ở nơi đất mặn. Cá bắt được, người bản xứ, ăn lấy đuôi là khỏi lam chướng, nhưng mỗi nơi dùng mỗi khác. Thời Lý các thuyền buôn các nước tới tụ tập ở bên An Quảng. Triều đình đặt ra hai châu, cho chức tướng trấn phủ. Các khách buôn tới đều nộp đồ cung tiến.



洮歷惟興化。

洮江名。歷山名，洮黃水之末，亦五百年一清。興化古新興部。在漢為南中，孟獲拒孔明於此，西通雲南，東接山西，北南接宣義。府路凡二，縣凡四。州凡十有七，里社凡三十一峒一百五十有五，册凡一百三十七。庄凡八。西方之第二藩也。謹按：歸化府三縣二州三十一社五十四峒。鎮安二十七社七庄二峒二册。安丘一作立二社一庄一峒十八州。文振二社八十册。文盤州四十峒。水尾州十一峒與雲南接路，嘉興府胡改為天興黎朝因舊名一縣五州四十二峒，青州一村二峒三十四册。符華州三峒，木州二十峒三册，越州三峒，梅州三州，順州十峒，安西府十州三十峒，萊州十一峒，倫州十峒，瓊崖州五峒，昭晉州十二峒，高陵州四峒，謙州三峒，綏阜州三峒。

黃岩州四峒，合肥州四峒，醴泉州四峒，阮舒軒曰安西古寧遠州後改爲復禮，今爲安西。厥土惟赤埴墳。厥田惟上下。木條惟喬。草桂砂仁及彩布惟絺。金惟三品，銀惟什成。銅錫油橘香料曁蜂蜜惟錯。貂兽能言鸚鵡。惟時錫貢。大理老撾皮服。厥貢西綾錦繡。及回鶻彩羅，梅州三品什成金銀產處，一日惟午時可取，視他州爲尤，大理老撾國名屬雲南，古蜀地也，其地近本國，常來朝貢，回鶻國名，陳時宋數被元人侵伐，宋人有以船三十艘來附，國人號曰回鶻，能言鸚鵡非常得之物。或時州人弋而得之始錫貢。

李氏曰：宣興諒太高平上游五路，阻險足憑蛇虺魑魅能爲人怪，水土惡暴，能爲人梗，而男子父道罔失藩臣之禮，良由山林之間何物不

有，而民間日用所乏者一鹹鹽，不然其地水土，京路人民不諳，豈不為中國之梗乎。

附錄曰：清都王使使如明求封，明人隨便封為副國王。及明為清所敗，偏安龍州，使使來求興化諸州地，王乃乞納，興化十州稅例半歸內地，明乃置為建水縣，明人既敗，清人復取之，迄今不能復也。

Phiên âm

THAO LỊCH DUY HƯNG HÓA

(Thao, giang danh, Lịch, sơn danh. Thao Hoàng thủy chi mạt, diệc ngũ bách niên nhất thanh. Hưng Hóa cổ Tản Hưng Bộ, tại Đán vi Nam Trang, Mạnh Hoạch cự Khổng Minh ư thử. Tây thông Vân Nam, Đông tiếp Sơn Tây, bắc, nam tiếp Tuyên, Nghệ. Phủ Lộ phàm nhị, huyện phàm tứ, châu phàm thập hữu thất, lý xã phàm tam thập nhất động nhất bách, ngũ thập hữu ngũ, sách phàm nhất bách tam thập thất, Trang phàm bát. Tây phương chi đệ nhị phiên dã.

Cẩn án : Quy Hóa phủ, tam huyện, nhị châu, tam thập nhất xã, ngũ thập tứ động. Trấn An nhị thập thất xã, thất trang nhị động, nhị sách. An Khưu (nhất tác lập), nhị xã, nhất trang, nhất động thập bát chẩu. Văn Chân, nhị xã, bát

thập sách. Văn Bàn châu, tứ thập động. Thủy Vĩ Châu, thập nhất động (dữ Vân Nam tiếp lộ). Gia Hưng phủ, (Hồ cải vi Thiên Hưng, Lê triều nhân cựu danh), nhất huyện ngũ châu, tứ thập nhị động. Thanh Xuyên, nhất thôn nhị động, tam thập tứ sách. Phù Hoa châu, tam động. Mộc châu, nhị thập động, tam sách. Việt châu, tam động. Mai châu tam động. Thuận châu, thập động. An Tây phủ, thập châu, tam thập động Lai châu, thập nhất động. Luân châu, thập động. Quỳnh Nhai châu, ngũ động. Thiều Tấn châu, thập nhị động. Cao Lăng châu, tứ động. Khiêm châu, tam động. Tuy Phụ châu, tam động. Hoàng Nham châu, tứ động. Hợp Phì châu, tứ động. Lễ Tuyền châu, tứ động. (Nguyễn Thư Hiên viết : An Tây, cổ Ninh Viễn châu, hậu cải vi Phục Lễ, kim An Tây).

Quyết thổ duy xích thực phần, Quyết điền duy thượng hạ. Mộc điều duy kiều. Nhung quế, sa nhân, cập thề bố, duy hy Kim, duy tam phẩm. Ngân duy thập thành. Đồng tích du quất hương liệu kỳ phong mật duy thố. Chiêu Tấn năng ngôn anh vũ, duy thời tích cống. Đại Lý, Lão Qua bì phục. Quyết cống Tây Lăng cầm tú. cập Hồi Kê thề la. (Mai châu, tam phẩm, thập thành, kim ngân sản xứ, nhất nhật dny ngọ thời khả thủ. Thị tha châu vi vưu. Đại Lý, Lão Qua, quốc danh, thuộc Vân Nam, cổ Thục địa dã. Kỳ địa cận bản quốc, thường lai triều cống. Hồi Kê, quốc danh, Trần thời, Tống sác bị Nguyên nhân xâm phạt. Tống nhân hữu dĩ thuyền tam thập sưu lai. Quốc nhân hiệu viết Hồi Kê, năng ngôn anh vũ phi thường đắc chi vật, hoặc thời châu nhân dặc nhi đắc chi, thủy tích cống.

Lý thị viết : Tuyên, Hưng, Lượng, Thái, Cao Bình, thượng du ngũ lộ, trở hiểm, túc bằng xà hủy ly vị, năng vi, năng vi nhân quái, thủy thổ ác bạo năng vi nhân nganh, nhi

nam tử phụ đạo, võng thất phiên thần chi lễ. Lương do sơn lâm chi gian, hà vật bất hữu, nhi dân gian nhật dụng sở pháp giả nhất hàm diêm. Bất nhiên, kỳ địa, thủy thổ, Kinh lộ nhân dân bất ám khởi bất vi trung quốc chi ngạnh hồ

Phụ Lục viết : Thanh Đô Vương sử sứ như Minh cầu phong. Minh nhân tùy tiện, phong vi Phó Quốc Vương. Cập Minh vi Thanh sở bại thiên an Long Châu, sử sứ lai cầu Hưng Hóa thập châu thuế lệ, bản quy nội địa. Minh nãi trí vi Kiến Thủy huyện. Minh nhân kỳ bại, Thanh nhân phục thủ chi. Hất kim bất năng phục dã).

Dịch nghĩa

THAO, LỊCH LÀ Ở HƯNG HÓA.

(Thao là tên sông. Lịch là tên núi. Thao là một ngành sông Hoàng, cũng cứ đúng 500 năm lại một lần nước được trong. Hưng Hóa. xưa là bộ Tân Hưng, ở đất Hán thì tên là Nam Trung, Mạnh Hoạch chống Khổng Minh ở đó. Phía tây thông với Vân Nam phía đông giáp Sơn Tây, bắc và nam giáp Tuyên và Nghệ. Lộ có 2 phủ gồm 4 huyện, 17 châu 311 xã, 155 động. 137 sách, 8 trang. Phiên thứ hai về phía tây.

Kính xét : PHỦ QUY HÓA có 3 huyện, 2 châu, 31 xã, 54 động. Chấn An, 27 xã, 7 trang, 2 động 2 sách. An Khưu (có chỗ viết là lập). 2 xã, 1 trang, 1 động, 18 châu. Văn Chấn, 2 xã 80 sách. Châu Văn 40 động. Châu Thủy Vỹ, 11 động (tiếp giáp Vân Nam). PHỦ GIA HƯNG, (triều đổi ra Thiên Hưng, triều giữ tên cũ). 1 huyện, 5 châu, 42 động.

3 động. Châu Mai Châu có 3 động. Châu Thuận Châu có 10 động. Châu Quỳnh Nhai có 5 động. Châu Thiều Tấn có có 12 động. Châu Cao Lăng có 4 động. Khiệm Châu nó 3 động. Châu Lễ Tuyền có 4 động. (Nguyễn Thư Hiền nói : An Tây xưa là châu Ninh Viễn, sau đổi làm Phục Lễ. Nay là An Tây).

Đất màu mỡ, sắc đỏ. Ruộng thì có thứ tốt, thứ xấu. Cây rừng cao. Sản nhung, quế sa nhân vải hoa, vàng tốt, bạc tốt, dầu, quất, hương liệu, mật ong đều đều có cả. Châu Chiếu Tấn, biết hiểu tiếng chim anh vũ, thường cống tiến. Người Đại Lý, Lão Qua, mặc áo da. Cống tiến thì có gấm vóc xứ Tây Lăng, lượt là xứ Hồi Kê.

(Ở Mai Châu sản vàng tốt, bạc tốt, Trong một ngày cứ buổi trưa là dễ lấy, mà tốt hơn ở các châu khác. Đại Lý, Lão Qua là tên nước, thuộc xứ Vân Nam, xưa là đất Thục, đất gần nước ta, thường tới triều cống. Hồi Kê là tên nước, thời Trần, triều Tống bị nhiều lần giống Nguyên xâm lấn, người Tống có 30 chiếc thuyền chèo tới xin phụ thuộc. Người nước ta đặt tên là người nước Hồi đem cống tiến.

Lý thị nói : Tuyên, Hưng Lượng, Thái, Cao Bình, năm lộ ở miền thượng du, hiểm trở, nhiều giống hại người như trăn, rắn, quỷ quái. Thủy thổ không tốt, rất chướng ngại cho nhân dân. Ấy thế mà không sai đạo, sai lễ phiên thần, là vì sẵn rừng núi, đủ sản vật, chỉ thiếu chất muối. Nếu không được thế, thì cứ theo thủy thổ và xa lạ kinh kỳ, nhân dân đối với trong nước rất có thể thành ngang ngạnh.

Phụ Lục.— Thanh Đô Vương sai sứ cầu phong tại triều Minh. Người Minh cũng theo ý phong cho chức Phó Quốc Vương. Khi giống Minh bị thua giống Thanh, phải thiên ra ở Long Châu, Minh sai sứ xin các châu Hưng Hóa. Vương cho. Thế là một nửa trông 10 châu đóng thuế cho Minh đặt thành huyện Kiến Thủy. Khi Minh bị thua, người Thanh cứ giữ. Từ đó ta mất.



犁華及瀘惟宣光。

（犁華山名。今謂之犁華關。太祖起義時，使防禦陳班修之，後拒明將柳昇支兵於此，瀘河名。其源發自三江流至乾路，與陀洮合，宣光，古新興部，越雋地，東北夾高諒，西南夾山西及興路，府凡一屬縣凡一，州凡五，里社二百八十二，西方之第三藩也。

謹按：安平府一縣，五州，二百八十二社．福安縣七十三社，收物州五十五社。陸安州四十社，大蠻州三十四社。渭川州六十社。保樂州二十社，李氏曰：宣光保樂州昔本我地。内屬時為中州物，及李朝宋神宗畏其疆盛，既以順州歸我，復定疆界以隘外保樂六縣予之，宣路之俗，大抵恰似北客，歷代以羌忽待之。

附錄曰：宣光有四錯石：曰圓夫婦者，曰仙蟾母子石者，有二嗽水曰戲象港，曰走馬港者，石頭交册，水道險

深，波濤之洶湧，流嗽之水聲，數丰里許，漕筏過此，不善住捍者即沙擱石窖之内蜻玉乎西間命銳士交射，四石俱墜于河，後數日仙蜡從尾重圍相貫如故，銳士大懼以事啟王，王命以牢祀之)。

厥土惟黑墳，厥田惟下下，草木惟條，保樂金銀鉄錫，陸安鉛銅硝藤，福安彩布惟青蜂蜜惟黄收物沈香花蠟油象齒惟良龍渭井服厥貢犀駿。

士人織布金黄以青彩之，其樣甚好，黄蜂最絜其蕊吐甚甘，土人以此治腹虫症，花蠟以花増煑，其味甚香，龍渭州名今大蠻國是，在明廣西我保樂之間，其俗亦長髮好窖頭骨間，衣服與宰無異，卧朝時常八貢，後信不通，及藍山起義𣈜日効順，犀亦象之類，其角六十年一生，騶亦馬之類，善恭引重經身不行。

Phiên âm

LÊ HOA CẬP LỘ DUY TUYÊN QUANG.

(Lê Hoa, sơn danh. Kim vị chi Lê Hoa quan. Thái Tổ khởi nghĩa thời, sử Phòng Ngữ, Trần Ban tu chi. Hậu cự Minh tướng Liễu Thăng ư thử, Lô, hà danh. Kỳ nguyên phát tự Tam Giang, lưu chí Càn Lộ, dữ Đà Thao hợp. Tuyên Quang cổ Tân Hưng bộ. Việt tuấn địa, đông bắc giáp Cao Lưỡng, tây nam giáp Sơn Tây cập Hưng. Lộ phủ phàm phàm nhất. Thuộc huyện phàm nhất. Châu phàm ngũ lý xã nhị bách bát thập nhị. Tây phương chi đệ tam Phiên dã.

Cẩn án : AN BÌNH PHỦ nhất huyện ngũ châu, nhị bách bát thập nhị xã. Phúc An huyện, thất thập tam xã. Thu Vật châu, ngũ thập ngũ xã. Lục An châu, tứ thập xã. Đại Man châu, tam thập tứ xã. Vị Xuyên châu, lục thập xã. Bảo Lạc châu, nhị thập xã.

Lý thị viết : Tuyên Quang, Bảo Lạc châu, tích bản ngã địa, nội thuộc thời, vi Trung châu vật. Cập Lý triều, Tống Thần Tôn, úy kỳ cường thịnh, ký dĩ Thuận châu quy ngã, phục định cương giới dĩ ải ngoại Bảo Lạc lục huyện dữ chi. Tuyên Lộ chi tục, đại để khâp tự bắc khách, lịch đại dĩ khương, hốt đãi chi.

Phụ Lục viết : Tuyên Quang hữu tử thổ thạch. Viết trùng viên phu phụ giả, viết tiện thiềm mẫu tử thạch giả. Hữu nhị hám thủy viết Hý Tượng cảng, viết Tảu Mã cảng giả. Thạch đầu giao sách, thủy đạo hiểm thâm, ba đào chi đào dũng lưu hám chi thủy thanh, cơ bán lý hử. Tào phiệt quá thử, bất thiện trúc, trạo giả tức sa lan thạch diếu chi nội. Tĩnh Vương bình Tây, mệnh nhuệ sĩ giao sạ, tứ thạch câu trụy vu hà. Hậu sổ nhật, Tiên Thiềm tòng vĩ trung viên tương phụ như cố. Nhuệ sĩ đại nhuyến, dĩ sự khải vương. Vương mệnh dĩ lao tự chi).

Quyết thổ duy bắc phần. Quyết điền duy hạ hạ. Thảo mộc duy điều. Bảo Lạc, kim ngân, thiết tích. Lục An duyên đồng, thao đằng. Phúc An thề bố duy thanh. Phong mật duy hoàng. Thu Vật trầm hương, hoa lạp, thao du. tượng xỉ duy lương. Long Vị hủy phục, quyết cống tê, lư.

(Thổ nhân chức bố kim hoàng, dĩ thanh thái chi, kỳ dạng thậm hảo. Hoàng phong tối khiết, kỳ nhị thổ thậm cam, thổ nhân dĩ thử trị phúc trùng chứng. Hoa lạp dĩ hoa tăng chử, kỳ vị thậm hương. Long Vị, Kim Đại Man quốc thị, tại Minh Quảng Tây, ngã Bảo Lạc chi gian. Kỳ tục diệc trường phát, hiếu diếu đầu cốt gian. Y phục dữ Lào vô dị Ngọa Triều thời thường nhập cống. Hậu Sứ tín bất thông Cập Lê triều khởi nghĩa, hướng nhật hiệu thuận. Tê diệc tượng chi loại. Kỳ giác lục thập niên nhất sinh. Lư diệc mã chi loại. Thiện ư dẫn trọng, khinh thân bất hành).

Dịch nghĩa

ẢI LÊ HOA VÀ SÔNG LÔ LÀ Ở TUYÊN QUANG.

(Lê Hoa là tên núi, nay gọi là Lê Hoa quan, ải Lê Hoa. Thời Thái Tổ khởi nghĩa, có sai chức Phòng Ngự, là Trần Ban sửa lại. Sau chống với tướng giặc Minh ở đây. Lộ là tên sông, phát nguyên từ sông Tam Giang, chảy tới Cam Lộ thì họp với sông Đà, sông Thao. Tuyên Quang xưa là bộ Tân Hưng, một xứ đất tốt nước ta, đông bắc giáp Cao, Lãng, tây nam giáp Sơn Tây và Hưng, Lộ có 1 phủ, gồm 1 huyện, 5 châu, 282 xã, Tuyên Quang là Phiên thứ ba về phương tây. Kính xét: PHỦ AN BÌNH có 1 huyện, 5 châu, 282 xã. Huyện Phúc An có 73 xã, Châu

Thu Vật có 55 xã. Châu Lục An có 40 xã. Châu Đại Man có 34 xã. Châu Vị Xuyên có 60 xã. Châu Bảo Lạc có 20 xã.

Lý thị bàn: Châu Bảo Lạc ở Tuyên Quang, từ xưa vốn của ta. Thời nội thuộc, Trung Hoa sát nhập vào của họ. Tới triều Lý, Tống Thần Tôn sợ ta cường thịnh, đã cho Thuận Châu về ta. Lại định lại cương giới, lấy ở ngoài ải sáu huyện Bảo Lạc cho ta. Tục đất Tuyên giống tục khách xứ bắc. Các triều đại ta đối đãi như khách trú man di.

Phụ Lục.— Tuyên Quang có bốn phiến đá là: Phiến đôi vợ chồng, Phiến mẹ con Tiên Thiềm. Hai phiến chúc xuống nước là Hý tượng cảng và tầu mã cảng. Hình đá lởm chởm, Giòng nước sâu hiểm. Sóng đánh mạnh. Khi có sóng, tiếng nước réo xa nửa dặm còn nghe. Bè chở qua đó, không vững tay lái thì bị cuốn vào các tảng đá ngầm. Chúa Tĩnh Vương khi đi bình giặc tây, có sai mấy tay súng giỏi bắn chìm xuống sông, Nhưng vài ngày sau, phiến Tiên Thiềm lại theo sau phiến đôi nổi lên như cũ. Mấy tay súng sợ tâu lên. Chúa mệnh cho làm lễ tế).

Đất thì đen má quánh. Ruộng thì xấu. cây cỏ làm củi. Bảo Lạc thì có vàng bạc. sắt, thiếc Lục An thì có thuốc nổ, có mây. Phúc An có vải dệt nhuộm màu xanh, có mật ong vàng. Thu Vật trầm hương, sáp ong, có thuốc nổ, có ngà voi. Người Long Vị còn mặc áo lá. Sừng tê, lừa là các đồ cống tiến.

(Người địa phương dệt vải miền vàng thêm sắc xanh, trông rất đẹp. Ong vàng, mật rất trong, nhị hương thơm, họ dùng trị bệnh đau bụng sán, Sáp dùng về đèn nến, rất sáng, mùi lại thơm

Long Vị là tên châu, nay là nước Đại Man, ở giữa khoảng Bảo Lạc nước ta và Quảng Tây nước Tàu, Phong tục thì để tóc dài, che kín đầu, ăn mặc như người Lào. Thường vào cống hiến thời Vua Ngọa triều, rồi bẵng đi một thời gian, tới Lê triều khởi nghĩa, thì lại trở lại như xưa.

Tệ cũng là loài ngà voi. Sừng tê cứ 60 năm mới sinh,

Lừa cũng là loài ngựa, tra chở nặng, nhẹ thì không đi).

那松及梁惟清華。

（那松二山名。梁水名，發源自廣平。清華古九真郡。唐時爲愛州。李朝以爲清華府，東北接山南暨海，西南界山西及雛，路府凡六。屬縣二十有二，州凡四，里社九百七十九，南方之第二藩也。謹按：紹天府八縣，三百七十社，瑞原縣四十四社，十三村，十七庄一所六寨十三坊，八庄。永福縣四十五社一村一坊四庄，雷陽七十三社，六村二州二庄三十洲，一坊，一所，東山七十四社，二村一庄一所，安定，五十六社，五村，九寨，九庄。錦水五十社，二村五庄五十册，三濃。廣平三十八社二村八洲二庄，石城一社五十三洲，三庄四十四册，二坊一街，河中府四縣二百八十一社，弘化七十二社，二庄一所，淳祿三十九社，六村，六庄二所。峨山三十九社，宋山三十一社，二洲，九庄，一寨，靜嘉府三

縣，一百九十三社，農貢八十八社，一村，三十一冊，廣昌五十五社，一所。玉山五十四社，一庄一寨，二坊，一巡。長安府古大黃是三縣二百六十三社，嘉遠七十三社，四庄，安謨古謨度是五十二社，二村，一庄。安康三十九社，三村，三庄，三寨，天關府三縣，七十社，安化三十二社，奉化二十七社一庄，一寨。樂土三十一社，庄五。清都府（胡改清化為清都鎮，一縣，四州，五十九峒。壽春十四峒綿關州十二峒，良政州鬱州十峒）。

李氏曰：清華之地水尾山頭狹小湫隘得其亂不得其治丁黎之於大黃，二胡西街，覆車可鑒，則於太祖汝説之言為尤信。

厥土惟黑墳，厥田惟上中，植木惟絲。神頭魚有人形，柳關壽春皮惟虎豹犀象。鬱岑蠻獠厥貢牙角。

神頭令神符海口是，魚似人形。魚頭有尾無鱗，清化路山多惡獸。精流化爲此（阮舒軒曰：清之勢，文之神，興太之水，高諒之魔，甚爲可畏。

Phiên âm

NA, TÙNG CẬP LƯƠNG, DUY THANH HOA

(Na Tùng nhị sơn danh. Lương thủy danh. Phát nguyên tự Quảng Bình. Thanh Hoa cổ Cửu Chân Bộ, Đường thời vi Ái Châu, Lý triều dĩ vi Thanh Hoa phủ. Đông bắc tiếp Sơn Nam kỵ hải. Tây Nam giới Sơn Tây cập Hoan. Lệ phủ phàm lục. Thuộc huyện nhị thập hữu nhị. Châu phàm tứ. Lý xã cửu bách thất thập cửu. Nam phương chi đệ nhị Phiên dã.

Cẩn án : THIỆU THIÊN PHỦ, bát huyện, tam bách thất thập xã. Thụy Nguyên huyện, tứ thập tứ xã, thập tam thôn, thập thất trang, nhất sở, lục trại, thập tam phường, bát trang. Vĩnh Phúc huyện, tứ thập ngũ xã, nhất thôn, nhất phường, tứ trang. Lôi Dương, thất thập tam xã, lục thôn, nhị châu, nhị trang, thập tam châu, nhất phường, nhất sở. Đông Sơn thất thập tứ xã, nhị thôn, nhất trang, nhất sở. An Định, ngũ thập lục xã, ngủ thôn, cửu trại, cửu trang. Cẩm Thủy, ngũ thập xã, nhị thôn, ngũ trang, ngũ thập sách, tam vạn. Quảng Bình, tam thập bát xã, nhị thôn, bát châu, nhị trang. Thạch Thành nhất xã, ngũ thập tam châu, tam trang, tứ thập tứ sách, nhị phường, nhất nhai. HÀ TRUNG PHỦ, tứ huyện, nhị bách bát thập nhất

xã. Hoàng Hóa thất thập nhị xã, nhị trang. nhất sở. Thuần Lộc, tam thập cửu xã, lục thôn, lục trang, nhị sở. Nga Sơn, tam thập cửu xã. Tống Sơn, tam thập nhất xã, nhị châu, cửu trang, nhất trại. TĨNH GIA PHỦ tam huyện. nhất bách cửu thập tam xã. Nông Cống bát thập xã, nhất thôn, tam thập nhất sách. Quảng Xương ngũ thập ngũ xả, nhất sở, Ngọc Sơn, ngũ thập tứ xã, nhất trang, nhất trại, nhị phường, nhất tuần. TRƯỜNG AN PHỦ (cổ Đại Hoàng thị), nhị huyện, nhị bách lục thập xã. Gia Viễn, thất thập tam xã, tứ trang. An Mô (cổ Mô Đô thị), ngũ thập nhị xã, nhị thôn, nhất trang. An Khang, tam thập cửu xã, tam thôn, tam trang, tam trại. THIÊN QUAN PHỦ. tam huyện, thất thập xã. An Hóa, nhị thập nhị xã Phụng Hóa, nhị thập thất xã. nhất trang nhất trại. Lạc Thổ, tam thập nhất xã, ngũ trang. THANH ĐÔ PHỦ (Hồ cải Thanh Hóa vi Thanh Đô Trấn), nhất huyện,, tứ châu, ngũ thập cửu động. Thọ Xuân thập tứ động. Na Quan Châu, thập nhị động, Lương Chính Châu, Tầm Châu, thập động.

Lý thi viết : Thanh Hoa chi địa, thủy vĩ sơn đầu, hiệp tiểu tưu ải, đắc kỳ loan, bất bắc kỳ trị. Đinh Lê chi ư Đại Hoàng, nh ị Hồ chi ư Tây Nhai, phúc xa khả giám, Tắc ư Thái Tổ Nhữ thuyết chi ngôn, vi vưu tín.)

Quyết thổ duy hắc phần. Quyết điều duy thượng trung. Tân mộc duy ty. Thần đầu ngư hữu nhân hình. Na Quan Thọ Xuân, bỉ duy hổ bào tê tượng. Tầm, Sầm, Man, Liêu, quyết cống nha, giác,

(Thần Đầu, kim Thần Phù hải khẩu thị. Ngư tự nhân hình. Ngư đầu hữu vĩ vô lân. Thanh Hóa lộ, sơn đa ác thú. Tinh lưu hóa vi thử).

(Nguyễn Thư Hiên viết : Thanh chi thế, Nghệ chi thần, Hưng Thái chi thủy, Cao, Lãng chi ma, thậm vi khả úy).

DỊCH NGHĨA.-- Núi Na, núi Tùng và sống Lương là ở Thanh Hóa, (Na, Tùng là hai tên núi. Lương là tên sông, phát nguyên từ Quảng Bình. Thanh Hoa xưa là Bộ Cửu Chân. Thời Đường là Ái Châu. Triều Lý đặt thành phủ Thanh Hoa. Đông bắc giáp Sơn Nam đi ra tới bể. Tây nam giáp Sơn Tây và Hoan Lộ có 6 phủ, gồm 22 huyện, 4 châu, cộng là 979 xã, Thanh Hóa là xứ phiên thứ nhì ở phương nam.

(Kính xét : PHỦ THIỆU THIÊN có 8 huyện, 370 xã, Huyện Thụy Nguyên, 44 xã, 13 thôn, 17 trang, 1 sở, 6 trại, 13 phường, 8 trang (theo ý người dịch, thì chữ trang này nhầm). Huyện Vĩnh Phúc, 45 xã, 1 thôn, phường, 4 trang. Lôi Dương, 73 xã, 6 thôn, 2 châu, 2 trang, 30 châu (bãi), 1 phường, 1 sở. Đông Sơn, 74 xã, 2 thôn; 1 trang, 1 sở. An Định, 56 xã, 5 thôn, 9 trại, 9 trang, Cẩm Thủy 50 xã, 2 thôn, 5 trang, 50 sách, 3 vạn. Quảng Bình, 38 xã, 2 thôn, 8 châu (bãi), 2 trang. Thạch Thành, 1 xã, 53 châu (bãi), 3 trang, 44 sách, 2 phường, 1 nhai. PHỦ HÀ TRUNG, có 4 huyện, gồm 381 xã. Hoằng Hóa 72 xã, 2 trang, 1 sở. Thuần Lộc, 39 xã, 6 thôn, 6 trang, 2 sở. Nga Sơn, 39 xã. Tống Sơn, 31 xã, 2 châu (bãi). 9 trang, 1 trại. PHỦ TĨNH GIA có 3 huyện, gồm 193. Nông Cống, 88 xã, 1 thôn, 31 sách. Quảng Xương 55 xã, 1 sở. Ngọc Sơn, 54 xã, 1 trang, 1 trại, 2 phường, 1 tuần, Phủ Trường An (xưa là Đại Hoàng) có 3 huyện, gồm 263 xã. Gia Viễn, 73 xã, 4 trang. An Mô (xưa là Mê Độ), có 52 xã, 2 thôn 1 trang. An Khang, 39 xã, 3 thôn, 3 trang, 3 trại. PHỦ THIÊN QUAN có 3 huyện gồm 70 xã. An Hóa 22 xã. Phụng Hóa 27 xã, 1 trang, 1 trại. Lạc Thổ, 31 xã, 5 trang. PHỦ THANH ĐÔ (Hồ đổi Thanh Hóa làm Thanh Đô Trấn), 1 huyện, 4 châu, 59 động

Thọ Xuân, 14 động. Châu Na Quan, 12 động. Châu Lương Chính, Tàm Châu, 10 động).

Lý thị nói : đất Thanh Hóa, đầu núi, đuôi nước, chật hẹp hiểm trở, thời loạn dùng được, thời bình không dùng được. Đinh, Lê, xưa ở Dại Hoàng, cha con Hồ xưa ở Tây Nhai chính là theo vết xe đổ đó. Mới biết Thái Tổ xử sự rất phải).

Đất đen quánh. Ruộng thì có hạng thượng và hạng trung, Sản Phẩm có tơ. Ở Thần Đầu, có cá hình người. Ở Na Quan, Thọ Xuân, có da hổ báo, sừng tê, ngà voi. Các xứ Tàm, Sâm. Man Liếu, tiến sừng và ngà. (Thận Đầu nay là cửa bể Thần Phù. Cá hình người là thứ cá có đầu, có đuôi, không có vẫy. Lộ Thanh Hóa có nhiều vật quái lạ, do các tinh vật tụ lại biến thành.

Nguyễn Thư Hiên nói : Thanh có thế, Nghệ có thần, Hưng Thái có nước, Cao Lạng có ma. Thật Đáng sợ.



麒麟及藍惟乂安。

麒麟山名，在永江之右，藍水名，其源出自靈江，乂安古懷驩部。後改爲日南部。又曰驩州，丁黎以爲寨，李改曰乂安。東北夾海南清化。西南接順化雲南。路府凡九，屬縣二十有五，州凡三，里社凡四百七十九，南方之第三藩也。

謹案：德光府六縣，二百五十五社，羅山三十七社一村二寨。天祿三十七社一庄。宜春二十六社，真福(古新福)三十七社八村一所，香山三十四社，青漳三十四社八村三十三庄九册三所一寨一滀一巡三源，演州府二縣一百九社，東城七十六社四村二十九庄四册二洲，瓊瑠三十六社九村四十三洲三十七册。英都府二縣八十六社，興元四十二社三村三所二甲，南塘四十四社六村一册一滀茶麟府四縣一百十二峒。會寧五峒，祈山二十峒九洲，襄陽七峒

一坊，永康八十峒，河華府二縣七十九社。石河四十二社一所一寨。奇華三十七社十二村。褒州府二縣四十峒，中山十六峒，翠雲二十四峒。玉麻府一州二十七峒，鄭泉二十七峒，臨安府一州十三峒，歸合州(古盆蠻)是本屬哀牢，太祖得國始來朝貢十三峒十六册，順寧府七縣一州九十二峒。珠琅九峒。光榮六峒。明廣九峒。景淳十四峒，金山十二峒，清渭十峒。鎮忠十二峒，布政十二峒。

厥上惟壤，宜檳榔，厥田惟上中。胡椒海鹹惟佳。南戎𧾷布石河綈䌌。玉麻齒革。褒州羽毛。鎮寧桂參。奇花蕻子。哀牢彩被，厥貢象蠟鉦金。

羽翠羽也。毛山胥子毛也。鎮寧府金山產桂。珠琅產參，每年上供二十斤。奇華海口名。蕻子魚名，其形似鱉，身圓如鷗。胸膽有毒，土人漁得以掌捫之，

其皮銜圓，不見頭面。若責食祛子胸臆者，即暴死，書存之以示戒，如唐蒙之鐵刃，支枝之豚爪，渭泉之五廉也。哀牢國名，其先有婦人名沙壺者，居於牢山捕魚水中觸沈木有孕十月產男子。後沈木化為龍出水因舐其男之背，故種人皆刻畫其身以象龍文。漢光武時始通中國。明帝以其地置哀牢，博南二縣。今部落甚繁，所在有之，皆號曰牢。然文布纏藤，呼魚喝鳥蛇蠱象飯，邏仇八寺，風俗大畧無異，地產犀象白蠟布，金鉦尤好。無文字，以葉記事。牢自李，陳，屢經大創，乃以地近我國朝貢不闕，國初嘗効順。及路文律詐誘牢，信好遂絕，及天下大定牢盤踞猶匈奴曰單于，後改為陀云昆孫慕德內附。西南復通。

李氏曰：乂安人心險悍過於愛州，道路脩長，水土常習，歷代以之禦西南夷。

Phiên âm

KỲ LÂN, CẬP LAM DUY NGHỆ-AN

Kỳ Lân, sơn danh, tại Vĩnh Giang chi hữu. Lam thủy danh Kỳ nguyên xuất tự Linh Giang. Nghệ An, cổ Hoài Hoan Bộ, Hậu cải vi Nhật Nam quận. Hựu viết Hoan Châu. Đinh. Lê dĩ vi trại. Lý cải viết Nghệ An. Đông bắc giáp Hải Nam, Thanh Hóa. Tây Nam tiếp Thuận Hóa, Vân Nam. Lộ phũ phàm cửu, Thuộc huyện nhị thập hữu ngũ. Châu phàm tam. Lý xã phàm tứ bách thất thập cửu. Nam phương chi đệ tam Phiên dã. Cẩn án : Đức Quang phủ lục huyện, nhị bách ngũ thập ngũ xã, La Sơn, tam thập thất xã, nhất thôn, nhị trại. Thiên Lộc, tam thập thất xã, nhất trang. Nghi Xuân, nhi thập lục xã, Chân Phúc (cổ Tân Phúc) tam thập thất xã, bát thôn, nhất sở. Hương Sơn tam thập tứ xã, Thanh Chương tam thập tứ xã, bát thôn, tam thập tam trang, cửu sách, tam sở, nhất trại nhất vạn, nhất tuần, tam nguyên. Diễn Châu phủ, nhị huyện, nhất bách cửu xã. Đông Thành, thất thập lục xã, tứ thôn, nhị thập cửu trang, tứ sách, nhị châu. Quỳnh Lưu, tam thấp lục xã, cửu thôn, tứ thập nhị châu, tam thập thất sách. Anh Đô phủ, nhị huyện, bát thập lục xã. Hưng Nguyên, tứ thập nhị xã, tam thôn, tam sở, nhị giáp. Nam Đường, tứ thập tứ xã, lục thôn, nhất sách, nhất vạn. Trà Lân phủ, tứ huyện, nhất bách thập nhị động. Hội Ninh, ngũ động. Kỳ Sơn, nhị thập động, cửu châu, Tương Dương, thất động nhất phường. Vĩnh Khang, bát thập động. Hà Hoa phủ, nhị huyện, thất thập cửu xã. Thạch Hà, tứ thập nhị xã, nhất sở nhất nhất trại. Kỳ Hoa, tam thập thất xã. thập nhị thôn. Quỳ Châu phủ, nhị huyện, tứ thập động. Trung Sơn, thập lục động. Thủy Vân, nhị thập tứ động. Ngọc Ma phủ, nhất châu nhị thập thất động. Trinh Cao, nhị thập thất động. Lâm An phủ, nhất châu, thập tam

động. Quy Hợp châu (cổ Bồn Man thị bản thuộc Ai Lao. Thái Tổ đắc quốc thủy lai triều cống). thập tam động, thập lục sách. Thuận Ninh phủ, thất huyện, nhất châu, cửu thập nhị động. Châu Lang cửu động. Quang Vinh, lục động. Minh Quảng, cửu động. Cảnh Thuần thập tứ động. Kim Sơn thập nhị động. Thanh Vị, thập động. Trấn Trung, thập nhị động, Bố Chính, thập nhị động).

Quyết thổ duy nhưỡng, nghi tân lang. Quyết điền duy thượng trung. Hồ tiêu, hải hàm duy giai. Nam Nhung, sơ bố. Thạch hà hy thi. Ngọc Ma xỉ cách. Quỳ châu vũ mao. Trấn Ninh, quế, sâm. Kỳ Hoa, thốc tử Ai Lao thái bị. Quyết cống tượng, lạp, chính kim.

(Vũ, thúy vũ dã. Mao, Sơn cốt tử mao dã. Trấn Ninh phủ, Kim Sơn sản quế. Châu Lang sản sâm. Mỗi niên thượng cung nhị thập cân. Kỳ Hoa, hải khẩu danh, Thốc tử, ngư danh, kỳ hình tự biết. Thân viên như âu. Hung ức hữu độc. Thổ nhân ngư đắc, dĩ chuởng môn chi. Kỳ bì sung viên, bất kiến đầu diện. Nhược chử thực, thốc tử hung ức giả, tức bạo tử. Thư tồn chi dĩ thị giới, như Đường Hào chi đối nhẫn, Chi Lăng chi biểu qua, Vị Tuyền chi ngũ liêm dã. Ai Lao, quốc danh. Kỳ tiên hữu phụ nhân, danh Sa Đài giả, cư ư Lào Sơn, Bồ ngư thủy trung. Xúc trầm mộc, hữu dựng. Thập nguyệt sản nam tử. Hậu trầm mộc hóa vi long, xuất thủy nhân thỉ kỳ nam chi bối, cố chủng nhân giai khắc họa kỳ thân, dĩ tượng long văn. Hán Quang Vũ thời, thủy thông trung quốc. Minh Đế dĩ kỳ địa trí Ai Lao, Bác Nam, nhị huyện. Kim bộ lạc thậm phồn. Sở tại hữu chi, giai hiệu viết Lào. Nhiên văn bố triền đẳng, hô ngư xướng điều, xà canh tượng phạn, tị cừu nhập tự, phong tục đại lược vô dị. Địa sản tê tượng, bạch lạp, kê bố, kim chinh vưu hảo. Vô văn

tự, dĩ diệp kỳ sự, Lào tự Lý. Trần, lũ kinh đại sáng. Nãi dĩ địa cận ngã quốc, triều cống bất khuyết. Quốc sơ thường hiệu thuận Cập Lệ Văn Luật, trá dụ Lào, tín hiếu toại tuyệt, Cập thiên hạ đại định. Lào Bàn Già (do Hung Nô viết Đan Vu, hậu cải Vi Đài Vân) Côn Cô mộ đức, nội phụ, tây nam phục thông.

Lý thị viết : Nghệ An nhân tâm hiễm hãn, quá ư Ái Châu. Đạo lộ du trường, thủy thổ thường tập, Lịch đại dĩ chi ngự tây nam di.

Dịch nghĩa

NÚI KỲ LÂN VÀ SÔNG LAM LÀ Ở NGHỆ AN.

(Kỳ Lân là tên núi, ở phía hữu sông Vĩnh giang. Lam là tên sông, phát nguyên từ Linh Giang. Nghệ An xưa là Bộ Hoài Hoan, sau đổi làm quận Nhật Nam. Rồi lại gọi là Hoan Châu. Các triều Đinh, Lê, đặt thành trại. Triều Lý gọi là Nghệ An. Đông bắc giáp Hải Nam, Thanh Hóa. Tây nam tiếp tới Thuận Hóa, tới Vân Nam. Lộ có 9 phủ. gồm 25 huyện, 3 châu, cộng 479 xã. Phiên thứ ba phương nam. Kính xét : PHỦ ĐỨC QUANG. có 6 huyện, 255 xã. La Sơn, 37 xã, 1 thôn, 2 trại, Thiên Lộc, 37 xã 1 trang. Nghi Xuân, 26 xã. Chân Phúc (xưa là Tân Phúc) 37, xã 8 thôn. 1 sở. Hương Sơn, 34 xã. Thanh Chương 34 xã, 8 thôn 33 trang, 9 sách, 3 sở, 1 trại, 1 vạn, 1 tuần, 3 nguyễn. PHỦ DIỄN CHÂU có 2 huyện, 109 xã. Đông Thành, 76 xã. 4 thôn, 29 trang 4 sách, 2 châu (bãi). Quỳnh Lưu. 36 xã, 9 thôn, 42 châu (bãi), 37 sách. PHỦ ANH ĐÔ có 2 huyện, 86 xã. Hưng Nguyên, 42 xã, 3 thôn 3 sở, 2 giáp. Nam Đường, 44 xã. 6 thôn, 1 sách, 1 vạn. PHỦ TRÀ LÂM, có 4 huyện, 112 động. Hội Ninh, 5 động. Kỳ

Sơn, 20 động, 9 châu (bãi). Tương Dương, 7 động, 1 phường. Vĩnh Khang, 80 động. PHỦ HÀ HOA có 2 huyện, 79 xã. Thanh Hà 42 xã, 1 sở, 1 trại. Kỳ Hoa. 16 động. Thúy Vân, 24 động. PHỦ NGỌC MA có 1 châu. 24 động. Trinh Cao, 27 động PHỦ LÂM AN có 1 châu, 13 động. Châu Quy Hợp (xưa là Bồn Man vốn thuộc Ai Lao khi Thái Tổ được nước rồi, Bồn Man mới triều cống), 13 động 16 sách. PHỦ THUẬN NINH có 6 huyện, 1 châu, 92 động. Châu Lang 9 động. Quang Vinh 6 động. Minh Quảng, 9 động. Cảnh Thuần, 14 động. Kim Sơn, 12 động. Thanh Vị 10 động. Trấn Trung, 12 động. Bố Chính, 12 động).

Đất vốn đất màu, sản giống cau. Ruộng thì có hạng tốt và hạng trung. Có hồ tiêu, có muối. Ở Nam Nhung có vải thường dùng. Ở Thạch Hà có vải thô Ngọc Ma có da, có ngà, Quỳ Châu có vũ, mao. Ở Kỳ Hoa có thốc tử. Ai Lao có mền hoa, ngà voi, sáp ong, chiêng đồng.

(Vũ đây là lông chim trả. Mao là lông loại sơn cốt tử (người dịch chưa hiểu là loại gì). Kim Sơn ở phủ Trấn Ninh sản quế, Châu Lương sản sâm, mỗi năm cung tới 20 cân. Kỳ hoa là tên cửa bể. Thốc tử là tên cá, hình tựa con ba ba, mình tròn như con âu dưới bụng ngực có độc, người bản xứ bắt được phải lấy tay bóp nặn vứt đi. Da dầy dặn không nhận rõ đầu mặt. Nếu như, nấu cả ngực bụng mà ăn, thì chết ngay, cho nên cần báo cho dân gian biết mà cẩn thận, y như cá đối ở Đường Hào, bầu ở Chi Lăng, và ngũ liêm ở Vị Tuyên. Ai Lao là tên nước, Xưa có người đàn bà tên là Sa Đài ở Lao Sơn, bắt cá, vô ý đụng vào cây gỗ chìm dưới nước rồi có thai, 10 tháng sinh ra con giai. Sau cây gỗ hóa thành rồng, ra khỏi nước, liếm vào lưng đứa con. Từ đó, giòng giống đều vẽ, khắc vào mình hình rồng. Thời vua Quang Vũ triều Hán, Lào mới thông với Trung Quốc. Vua Minh Đế chia đất ra làm 2 huyện : Ai Lao và Bác Nam. Nay

các bộ lạc phức tạp. Người ở nơi nào thì cũng đều gọi là giống Lào. Tuy nhiên, y phục, ngôn ngữ, cử chỉ, phong tục, về đại cương, không khác nhau. Thổ sản có ngà voi, sừng tê, sáp ong, vải lông dệt, chiêng đồng thật là khéo. Không có chữ viết, dùng lá cây để ghi việc.

Lào từ thời Lý Trần, thường bị lây họa chiến tranh, vì cớ ở giáp nước ta, thành ra chuyên triều cống, không bỏ sót, nhất là lúc ban đầu, Đến khi Lô Văn Luật, đối người Lào, có việc gian dối, từ đó mới tuyệt thông hiếu. Mãi đến khi trong nước đã yên, thiên hạ đại định, Lào Bàn Gia (tức là quốc chủ) tên là Côn Cô, có lòng ái mộ, xin phụ thuộc, xứ tây nam lại thông hiếu.

Lý thị bàn : Người Nghệ An mạnh dữ, hung tợn hơn người châu Ái. Đất đai dài rộng, tập quen gian hiểm, các triều đại dùng để chống giữ rợ tây nam.



海及雲靈惟順化。

海，南海也，雲，隘山也，靈水名，順化古越裳氏部，趙越改為北景州內伴，東北通乂安，西南達牢廣，路府凡二，屬縣凡八，州凡四。里社凡六百五十八，南方之第四藩也。

謹按：新平府二縣，二州，二百二十四社，康祿七十八社，七冊，四源，麗水二十九社，市政州六十三社，一村，二十四庄，二冊，三源。明靈古麻靈李常傑征占取其地六十四社，二源，肇豐府六縣，二州，四百四十四社，海陵五十四社，八村，二十八峒。武昌九十五社三村五冊，丹田六十三社，九村，六冊，金茶，七十三社二村二州十三冊三源。思榮四十四社十八村一庄，其盤九十五社。

順平州八峒二十一冊，沙盃州六峒

十五庄，六十八册。厥土惟黑墳，宜火藥及椒戎，厥田惟中中。其蟲黃雉，沙盃茶惟雀舌。海陵[illegible]惟白毛。

（紙藥以蒿紙包之，以火燃而食之也。明人來侵令我州縣納胡椒，一人十苗，後椒貴，一苗值五緡。暫江以北椒樹盡徙於吳。惟义化更歷。後陳及本朝，割據，椒猶存焉。

李氏曰：順化我北景州也，内屬後献占環常擾南境，盡有其地。李陳之時，親征占城多擒占主，占人請献思麻，明靈，布政三州贖罪，天子置爲順州化順，後合爲順化，其民染古舊俗，性悍耐苦先朝以之禦占。

Phiên âm :

HẢI CẬP VÂN, LINH DUY, THUẬN HÓA

(Hải, Nam Hải dã. Ải, sơn dã. Linh, thủy danh. Thuận Hóa, cổ Việt Thường thị Bộ. Triệu Việt cải vi Bắc Cảnh Châu

nội bạn Đông bắc thông Nghệ, An, tây nam liên Lao, Quảng, Lộ phủ phàm nhị. Thuộc huyện phàm bát. Châu phàm tứ, Lý xã, phàm lục bách, ngũ thập bát. Nam phương chi đệ tứ phiên dã.

Cẩn án: Tân Bình phủ nhị huyện, nhị châu, nhị bách nhị thập tứ xã. Khang Lộc thất thập bát xã, thất sách, tứ nguyên. Lệ Thủy nhị thập cửu xã, Bộ Chinh Châu, lục thập tam xã, nhất thôn, nhị thập tứ trang, nhị sách, tam nguyên. Minh Linh (cổ Ma Linh, Lý Thường Kiệt chinh Chiêm thủ kỳ địa), lục thập tứ xã, nhị nguyên. Triệu Phong phủ, lục huyện, nhị châu, tứ bách tứ thập tứ xã. Hải Lăng. ngũ thập tứ xã, bát thôn, nhị thập bát động, Vũ Xương, cửu thập ngũ xã. Thuận Bình Châu, bát động, nhị thập nhất sách. Sa Bôi châu, lục động, thập ngũ trang, lục thập bát sách.)

Quyết thổ duy hắc phần, Nghi hỏa dược cấp tiêu nhung. Quyết điền duy trung trung. Điện Bàn hoàng trĩ, Sa Bôi trà duy tước thiệt. Hải Lăng thỏ duy bạch mao.

(Chỉ dược dĩ diệp chỉ bao chi, Dĩ hỏa nhiên nhi thực chi dã. Minh nhân lai xâm, linh ngã châu huyện nạp hồ tiêu, nhất nhân thập miêu. Hậu tiêu quý. Nhất miêu trị ngũ quyển mân. Nồ Giang dĩ bắc tiêu thụ tận tỷ ư Ngô. Duy Ngệ Hóa cảnh lịch Hậu Trần cập Bản Triều cát cứ, tiêu do tồn yên,)

(Lý thị viết: Thuận Hóa ngã Bắc Cảnh Châu dã. Nội thuộc hậu, Chiêm, Hoàn thường nhiễu nam cảnh, tận hựu kỳ địa Lý Trần chi thời, thân chinh Chiêm Thành, đa cầm Chiêm chủ, Chiêm nhân thỉnh hiến Tư Ma, Minh Linh, Bố Chính tam châu thục tội. Thiên Tử trí vi Thuận châu, Hóa châu, hậu hợp vi Thuận Hóa. Kỳ dân nhiễm Chiêm cựu tục, tinh hãn nại khổ, Tiên triều dĩ chi ngự Chiêm.

Dịch nghĩa

BỂ CÙNG NÚI VÂN, SÔNG LINH LÀ Ở THUẬN HÓA.

(Bể là bể Nam Hải. Vân là Ải Sơn. Linh là tên sông, Thuận Hóa xưa là Bộ Việt Thường thị, thời Triệu Việt, đổi làm phụ vào châu Bắc Cảnh. Phía đông bắc thông với Nghệ An, phía tây nam liền Lao, Quảng. Lộ có 2, gồm 8 huyện, 4 châu, 658 xã. Ở phương nam là Phiên thứ tư.)

Kính xét : PHỦ TÂN BÌNH có 2 huyện, 2 châu, 224 xã. Khang Lộc, 78 xã. 7 sách, 4 nguyên. Lệ Thủy, 29 xã. Châu Bố Chính 63 xã, 1 thôn, 24 trang, 2 sách, 3 nguyên, Minh Linh (xưa là Ma Linh Lý Thường Kiệt bình Chiêm, nhân chiếm đất) 64 xã, 2 nguyên. PHỦ TRIỆU PHONG có 6 huyện, 2 châu, 444 xã. Hải Lăng, 54 xã, 8 thôn, 28 động. Vũ Xương. 95 xã, 3 thôn, 5 sách. Đan Điền 63 xã, 9 thôn, 6 sách. Kim Trà, 73 xã 2 thôn, 2 châu, 13 sách, 5 nguyên. Tư Vinh, 44 xã, 18 thôn, 1 trang. Điện Bàn, 95 xã, Châu Thuận Bình có 8 động, 21 sách. Châu Sa Bôi có 6 động, 15 trang, 68 sách).

Đất màu, sắc đen, sản thuốc đạn, hồ tiêu. Ruộng thì hạng rung. Điện Bàn có giống chim trĩ vàng. Sa Bôi có chè nhỏ lá. Hải Lăng có thỏ lông trắng.

(Giấy thuốc đạn, là lấy lá tẩm thuốc vào, dễ đốt dễ cháy, dễ đun nấu. Khi giặc Minh tới xâm lấn, có bắt châu huyện ta mỗi người phải nộp hồ tiêu 10 miêu (một thứ đồ đong). Hồ tiêu thành quý, mỗi miêu giá tới năm quan tiền. Từ Nỗ Giang trở lên, đều giồng hồ tiêu để chuyên tải sang Tàu. Đến khi các vùng

Nghệ, Hóa, được nhà Hậu Trần, rồi đến triều ta giành lại quyền cát cứ, hồ tiêu mới còn giống).

(Họ Lý nói : Thuận Hóa là châu Bắc Cảnh của ta. Sau thời nội thuộc, tên Hoàn Ngọc, nước Chiêm Thành thường quấy nhiễu chiếm hết phía nam. Triều Lý, triều Trần, vua thân chinh đánh Chiêm, thường bắt được vua. Người Chiêm phải đem ba châu Tư Ma, Minh Linh, Bố Chính chuộc tội. Vua ta đặt làm châu Thuận và Châu Hóa, sau hợp làm một Thuận Hóa. Dân nhiễm phong tục giống Chiêm, tính cũng hung dữ, lại quen chịu khó nhọc. Các triều trước dùng để chống với Chiêm.



儴女富河惟南界，

儴女山名，古龍胥是，山上有塔十二座，號曰儴女塔。富河四海門名。南界古越裳。北景州内俘也。内屬間沒於占，占分爲占腊，占壘，東北接順化，西南通占城，路府凡三，屬縣凡九。里社九十七，南方之第五藩也。

謹按：升華府三縣，二十三社，古地哩是醴陽九社，河東八社，熙江六社，思義府古占壘是三縣四十一社。平山十七社，義山十一社，慕華十三社，懷仁府三縣，三十三社，蓬山七社，符離八社，綏遠十八社。

李氏曰：胡氏征占，占人献占腊之地，季犛刧使盡献占之占壘，胡置爲升華府。國史所謂南至地哩者也。

阮舒軒曰，胡氏刧占盡献占壘之地。因分爲升華思義州，置安撫使以管之，以兵源頭爲新寧鎭。占城收兵近便人民還國，洪德間，占茶和入寇化州。聖宗

親征破圖盤城，收復舊疆，又闢地至石碑山。置懷仁府，屬縣三，其藩定四府，門，弟俞虬薰至潘陽凡十四海門，置爲廣南承宣云，及昭薰子孫繼鎮順廣，復征占取其地，置爲平康延慶平順三府。又征高綿取其地，置爲嘉定府，福隆，新平二縣。自古占人僻居平順之左。乃封占主爲順城王，占人由此不能爲我患矣。

厥土惟黑墳，厥田惟下下。潘定水獅，思明絲集黃竹赤燕，綿山玄縞，赤野夏翟孤山特桐，延津浮磬，名山石錯。

潘定江，與懷仁府接，獅子威服百獸，犀象見之皆驚潘定有獅三羣居水中，

翻尾以打人船，波濤湧積如堆，李常傑征占時大軍至此不便涉乃封獅為 劫順 三神。伯宣勅日獅于浮江出聽，由是軍船進無所礙，思明錦山皆屬綏遠，赤野屬義山。孤山屬河東，延河名名山屬慕華。

Phiên âm

TIÊN NỮ, PHÚ HÀ, DUY NAM GIỚI.

Tiên Nữ, sơn danh, cổ Long, Cốt thị, Sơn thượng hửu tháp thập nhị tòa hiệu viết Tiên Nữ tháp, Phú Hà, tứ hải mộn danh, Nam Giứt, cổ Việt Thường, Bắc Cảnh Châu. nội bạn dã, Nội thuộc gian. một ư Chiêm. Chiêm phân vi Chiêm Chiêm, Chiêm Lũy. Đông bắc tiếp Thuận Hóa. tây nam thông Chiêm Thành. Lộ phủ phàm tam, Thuộc Huyện phàm cửu. Lý xã cửu thập thất, nam phương chi đệ ngũ Phiền dã, (Cần án ! Thăng Hoa phủ tam huyện, nhị thập tam xả (cổ Địa Lý thị), Lễ Dương cửu xã. Hà Động bát xã. Hy Giang lục xã. Tư Nghỉa phủ (cổ Chiêm Lũy thị) tam huyện, tứ thập nhất xã, Bình Sơn. thập thất xã. Mộ Hoa, thập tam xã, Hoài Nhân phủ, tam huyện, tam thập tam xã, Bòng Sơn thất xã. Phù Ly bát xã, Tuy Viễn, thập bát xã),

(Lý thị viết : Hồ thị chinh Chiêm. Chiêm nhân hiến Chiêm Chiêm chi địa. Quý Ly kiếp sử tận hiến Chiêm chi Chiêm Lũy. Hồ trí vi Thăng Hoa phủ. Quốc sử sở vĩ nam chi Địa Lý giả dã.

(Nguyễn Thư Hiền viết: Hồ thị kiếp Chiêm, tận hiến Chiêm Lũy chi địa. Nhân phân vi Thăng Hoa, Tư Nghĩa Châu. Trí An Phủ Sứ dĩ quản chi. Dĩ kỳ nguyên đầu vi Tân Ninh Trấn. Chiêm Thành thu kỳ cận tiện nhân dân, hoàn quốc. Hồng Đức gian, Chiêm Trà Hòa, nhập khấu Hóa Châu. Thánh Tôn, thân chinh phá Đồ Bàn thành. thu phục cựu cương, hựu tịch địa chí Thạch Bi sơn. Tri Hoài Nhân phủ. Thuộc huyện tam. Kỳ phiền định tứ phủ, nam vi Chiêm giới).

(Phụ Lục viết: Lý thời dĩ đắc Quảng Nam, thập kim chi nhi. Chí Hồ thời hựu đắc Quảng Nam, thập phần chi bán. Hồng Đức gian, Thánh Tôn, xích địa tự Chiêm Lũy Lịch Môn Hoan, Tiền Tây, Sa Hoàng, Luật Quan, Thời Phú, Hà Ba, Lãnh Thúc, Thi Nại, Xuân Đài, Đà Nẵng, Trà Nông, Tiểu Môn, Đệ Du, Cầu Huân, chí Phan Dương, phàm thập tứ hải môn, trí vi Quảng Nam. Thừa Tuyên vân. Cập Chiêu Huân, tử tôn, kế trấn Thuận. Quảng, phục chinh Chiêm, thủ kỳ địa, trí vi Bình Khang, Diên Khánh Bình Thuận, tam phủ Hựu chinh Cao Miên, thủ kỳ địa, trí vi Gia Định phủ, Phúc Long, Tân Bình. nhị huyện. Tự cổ Chiêm nhân tị cư Bình Thuận chi tả. Nãi phong Chiêm chủ vi Thuận Thành Vương. Chiêm nhân do thử bất năng vi ngã hoạn hỹ).

Quyết thổ duy bắc phần. quyết điền duy hạ hạ, Phiên định thủy sư. Tư minh, ty tỷ, hoàng trúc, xích yến. Miên Sơn, huyên cảo. Xích Dã. hạ địch, Cô Sơn, đặc đồng. Diên Tân, phủ khánh, Danh Sơn, thạch thác.

Phan Định giang, dữ Hoài Nhân phủ tiếp. Sư tử uy phục bách thú, tê tượng kiến chi giai kinh. Phan Định hữu sứ tam quần, cư thủy trung, phiên vĩ dĩ đả nhân thuyên. Ba đào dũng tích như đôi. Lý thường Kiệt chinh Chiêm thời đại quân chí thử bất tiện

thiệp. Nãi phong sứ vi Hiệu Thuận tam thần, bá Tuyên sắc nhật sư tử phù giang xuất thính. Do thị, quân thuyền tiến vô sở ngại. Tư Ninh, Cầm Sơn, giai thuộc Tuy Viễn. Xích Dã thuộc Nghĩa Sơn. Cô Sơn thuộc Hà Đông. Diên, hà. Danh Sơn, thuộc Mộ Hoa.

Dịch nghĩa

TIÊN NỮ, PHÚ HÀ LÀ Ở NAM GIỚI.

(Tiên Nữ là tên núi, xưa là Long cốt. Trên núi có tháp cao 12 từng, gọi là tháp Tiên Nữ. Phú Hà là tên bốn cửa bể. Nam Giới, xưa là Việt Thường, tức là Bắc Cảnh châu nội bạn. Thời nội thuộc thì đất đó sát nhập vào nước Chiêm. Chiêm chia đất đó làm hai : Chiêm Chiêm và Chiêm Lũy. Đông bắc tiếp với Thuận Hóa, tây nam thông với Chiêm Thành. Lộ có 3 phủ, gồm 9 huyện, cộng 97 xã. Ở phương nam là Phiên thứ năm.

(Kính xét : PHỦ THĂNG HOA, có 3 huyện, gồm 23 xã. (xưa gọi là Địa Lý). Lễ Dương, 9 xã. Hà Giang. 9 xã, PHỦ TƯ NGHĨA (xưa là Chiêm Lũy) có 3 huyện gồm 41 xã. Bình Sơn, 17 xã. Nghĩa Sơn. 11 xã. Mộ Hoa, 13 xã. PHỦ HOÀI NHÂN có 3 huyện gồm 33 xã. Bồng Sơn, 7 xã. Phù Ly, 8 xã. Tuy Viên, 18 xã.)

(Lý thị nói : Họ Hồ đánh Chiêm. Người Chiêm hiến đất Chiêm Chiêm Quý Ly bắt phải hiến cả đất Chiêm Lũy. Họ Hồ đặt làm phủ Thăng Hoa. Quốc sử chép là : nam tới đất Địa Lý là tại thế)

(Nguyễn Thư Hiên nói : Họ Hồ biếp Chiêm, lấy hết đất Chiêm Lũy. Nhân chia làm Thăng Hoa, Tư Nghĩa. đặt chức An Phủ Sư để cai quản, lấy một phần làm trấn Tân Ninh. Người

Chiêm cho dân ở gần được thuận tiện trở về nước. Trong thời Hồng Đức, người Chiêm là Trà Hòa vào cướp ở Hóa. Thạnh Tôn thân chinh phá thành Đồ Bàn, thu phục biên giới cũ, lại mở rộng đất đai cho tới Thạch Bi Sơn, đặt ra phủ Hoài Nhân, kiêm 3 huyện. Phiên Định ở phía nam bốn phủ, là biên giới nước Chiêm.

Phụ Lục .— Thời nhà Lý, Quảng Nam nay 10 phần, thì Lý có 2 phần. Đến thời Hồ thì được nửa. Thời Hồng Đức, Thánh Tôn mở đất, từ Chiêm Lũy qua Môn Hoàn, Tiễn Tây, Sa Hoàng, Luật Quan, Thời Phú, Hà La, Lãnh Thúc, Thị Nại, Xuân Đài, Đà Nẵng, Trà Nông, Tiểu Môn, Độ Du, Câu Huân, cho tới Phiên Dương, gồm 14 cửa bể, đặt chức Quảng Nam Thừa Tuyên. Khi Chiêu Huân có con cháu nối đời trấn thủ Thuận Quảng, thì lại đi đánh Chiêm, chiếm thêm đất, đặt làm 3 phủ, Bình Khang, Diên Khánh, Bình Thuận. Rồi lại đi đánh Cao Miên, chiếm đất đặt làm phủ Gia Định và hai huyện Phúc Long, Tân Bình, Từ xưa, người Chiêm vẫn tụ họp về phía nam Bình Thuận, Nhân thế, vua mới phong cho chủ Chiêm làm Thuận Thành Vương. Vì thế, người Chiêm không còn mối lo ngại cho ta nữa.)

Đất thì đen, ruộng thì xấu. Sông Phan Định có giống sư tử nước. Tư Minh có tơ gai, có trúc vàng, có yến đỏ. Miên Sơn sản vải trắng. Xích Dã sản chim trĩ. Cô Sơn sản gỗ đồng. Bến Diên có khánh đá. Danh Sơn có đá mài.

(Sông Phan Định giáp phủ Hoài Nhân. Sư tử có oai, các thú rừng đều sợ. tê, voi cũng phải kinh. Sông Phan Định có 3 con sư tử nước. Ở dưới nước, quặt đuôi lên, là đánh úp được thuyền,

làm cho nước cao, sóng dồn. Lý Thường Kiệt bình Chiêm. khi quân đội tới đó, chưa có phương tiện qua sông mới phong cho sư tử làm Hiệu Thuận tam Thần. Ngày tuyên sắc sư tử nổi lên mặt nước nghe sắc. Thế là từ đó, thuyền quân qua lại không trở ngại. Tư Minh, Cẩm Sơn thuộc về Tuy Viễn. Xích Dã thuộc Nghĩa Sơn. Cô Sơn thuộc Hà Đông. Diên là tên sông. Danh Sơn thuộc về Mộ Hoa.)



占還真臘戎服，厥貢犹瑁白象花脂，及九寸蟻，占城古象林縣屬我越裳部，日南郡，後改林邑其境南通真蠟曰弛備，西際爪哇曰上源，北接我驩州坡曰烏里，惟東際于海，統州大小凡三十有八，縱廣可六百里，其地少田，貪我日南肥沃。欲略有之，故常侵擾，其俗事乾泥道（猶花郎道）鑄金人銀人，大十圍以祀之。還羅國在南海中，其地千餘里。古還回還解二國是。羅土肥，百穀成熟，產金，蠟還土瘠。後還降還，合為還羅，其俗好剽掠，真臘在占城之南，去日南郡舟行六十日乃至，其縣鎮風俗與占無異，其民以東向為尚，右手為潔。自唐後分為二，其半北多山阜曰陸真臘尋號屈賀（今高臘）半南際海曰水真臘，地八百里（今嘉定）白象亦獸中之靈，太平始見。花脂花石之脂也。九寸蟻，蟻之神主

也。三者不常有，惟我諒山及暹占真臘有之，歷朝以為郊祀。

Phiên âm

CHIÊM, SIÊM, CHÂN LẠP, NHUNG PHỤC, QUYẾT CỐNG ĐẠI MẠO, BẠCH TƯỢNG, HOA CHI, CẬP CỬU THỐN NGHỊ.

(Chiêm Thành cổ Tượng Lâm huyện, thuộc ngã Việt Thường Bộ, Nhật Nam quận, hậu cải Lâm Ấp. Kỳ cảnh, nam thông Chân Lạp, viết Thỉ Bị. Tây tế Qua Oa, viết Thượng Nguyên. Bắc tiếp ngã Hoan Châu nhưỡng. viết Ô Lý. Duy đông tế vu hải. Thống châu đại tiểu phàm tám thận hữu bát. Tung quảng khả lục bách ly. Kỳ địa thiểu điền, tham ngã Nhật Nam phì ốc, dục lược hữu chi, cố thường xâm nhiễu, Kỳ tục sự Can Ni đạo (do Hoa Lang Đạo). Chú kim nhân, ngân nhân, đại thập vi dĩ tự chi. Siêm La quốc tại nam hải trung. Kỳ địa, thiên dư lý, cổ Siêm Hồi Siêm Giải, nhị quốc thị. La thổ phì, bách cốc thành thục, sản kim Lạp Siêm, thổ tích. Hậu Siêm hàng Siêm, hợp vi Siêm La. Kỳ tục hiếu phiếu lược. Chân Lạp tại Chiêm Thành chi nam, khứ Nhật Nam quận, chu hành. lục thập nhật nãi chí. Kỳ huyện, trấn, phong tục dữ Chiêm vô dị. Kỳ dân dĩ đông hướng vi thượng, hữu thủ vi khiết. Tự Đường hậu phân vi nhị. Kỳ bán bắc, đa sơn phụ, viết Lục Chân Lạp, tâm hiệu Khuất Hạ (kim Cao Lạp), Bán nam tế hải, viết Thủy Chân Lạp. Địa bát bách lý (kim Gia Định). Bạch tượng diệc thú trung chi linh, thái bình thủy kiến. Hoa chi, hoa thạch chi chi dã. Cửu thốn nghị, nghị chi thần chủ dã. Tam giả bất thường hửu, duy ngả Lạng Sơn cập Siêm, Chiêm, Chân Lạp hửu chi. Lịch triều dĩ vi *Giao tự*.

Dịch nghĩa

NƯỚC SIÊM. NƯỚC CHIÊM, NƯỚC CHÂN LẠP, HAY DÙNG BINH, CỐNG HIẾN CÓ ĐỒI MỒI, VOI TRẮNG, ĐÁ HOA VÀ KIẾN CÀNG 9 TẤC.

(Chiêm Thành, xưa là huyện Tượng Lâm thuộc bộ Việt Thường ta, quận Nhật Nam, sau đổi là Lâm Ấp. Xét về vị trí, phía nam thông nước Chân Lạp, gọi là Thĩ Bị. Phía tây giáp xứ Qua Oa, gọi là Thượng Nguyên. Phía bắc giáp đất thuộc châu Hoán nước ta là Ô Lý. Duy có phía đông là bể. Lớn nhỏ có 38 châu. Đất rộng đến 600 dặm. Ít ruộng. Thấy đất Nhật Nam nước ta phì nhiêu, thì sinh tham muốn cướp lấy, cho nên thường hay quấy nhiễu. Phong tục thì thờ đạo Can Ni (cũng như đạo Hoa Lang). Đúc người vàng, người bạc, to bằng mười người ôm để làm tượng thờ.

Nước Siêm La, ở vào giữa Nam hải, đất rộng hơn nghìn dặm, trước là hai nước Siêm Hồi và Siêm Giải. La thì đất tốt, cây trồng đủ thứ, sản xuất ra vàng, sạp. Siêm thì đất xấu. Sau Siêm hàng La, hợp làm Siêm La. Tục ưa cướp phá.

Chân Lạp ở phía nam Chiêm Thành, cách xa quận Nhật Nam đến 60 ngày đi thuyền bể. Ở các huyện, các trấn, phong tục không khác gì Chiêm Thành. Đối tứ phía thì dân cho phía đông là quan trọng. tay phải tượng trưng sự trong sạch. Từ sau đời Đường (một triều đại nước Tàu) nước chia làm hai xứ. Một nửa

phía bắc, nhiều gò núi, thì gọi là Lục Chân Lạp, sau lấy tên là Khuất Hạ (nay là Cao Lạp). Một nửa phía nam, giáp bể, thì gọi là Thủy Chân Lạp, đất rộng 800 dặm, (nay là Gia Định).

Voi trắng cho là linh vật, đời thái bình mới xuất hiện. Hoa chi là đá hoa có vân đẹp. Cửu thốn nghị, là kiến càng to, kiến thần càng to, kiến thần dài chín tấc. Ba vật đó không thường có được. Các triều đại đều liệt vào đồ tế Giao).



良江及研惟太原。

（良江，富良江也，研山名，太原古武定部內地。東北夾高諒，西南夾京北，路府凡二，縣凡九。州凡二。里社三百三十六。北方之第二藩也。

謹按：富平府八縣一州，二百三十六社，司農五十七社，一庄五寨。平原莫改平泉二十七社，普安二十三社，一庄，洞喜二十九社二村，二十庄一寨，一坊，一市。大慈二十二社，七庄，富良三十社，十庄，文朗五社九庄。武崖三十社，六村，二十五庄一源一州，定化古宣化州四十社，十二庄，通化府一縣一州，七十三社，感化二十二社，二村，十二庄。白通州五十一社一村，十二庄。

李氏曰：太原自李陳爲州，至明人入國，升爲府。黎朝一統，始升爲道

（阮舒軒曰：李朝令開平房江，自冷更

至平虜，通于平灘，以便太原往來，又置白通感化居民凡七驛以為蠻夷宿歇之所，然後太原一條，山脚漸可通行）厥土惟赤填墳）厥田惟下下，白通詁草參穀，定銀銅鉛金，大慈幽蛇，普安白猿，同喜魚珠惟錯。

Phiên âm

LƯƠNG GIANG CẬP NGUYÊN DUY THÁI NGUYÊN

(Lương Giang, Phủ Lương Giang dã. Nghiên, sơn danh. Thái Nguyên, cổ Vũ Định Bộ nội địa. Đông bắc giáp Cao, Lạng. Tây nam giáp Kinh Bắc. Lộ phủ phàm nhị. Huyện phàm cửu. Châu phàm nhị. Lý xã tam bách, tam thập lục. Bắc phương chi đệ nhị Phiên dã.

Cẩn án : Phú Bình phủ. bát huyện, nhất châu, nhị bách tam thập lục xã. Tư Nông, ngũ thập thất xã. nhất trang, ngũ trại. Bình Nguyên, (Mạc cải Bình Tuyên) nhị thập thất xã. Phổ An, nhị thập trang, nhất trại, nhất phường, nhất thị, Đại Từ, nhị thập nhị xã, thất trang. Phú Lương, tam thập xã, thập trang. Văn Lãng ngủ xã, cửu trang. Vũ Nhai, tam thập xã, lục thôn, nhị thập ngũ trang, nhất nguyên, nhất châu. Định Hóa, (cổ Tuyên Hóa) châu, tứ thập xã, thập nhị trang. Thông Hóa phủ, nhất huyện, nhất châu, thất thập tam xã. Cảm Hóa, nhị thập nhị xã, nhị thôn, thập nhị trang. Bạch Thông châu, ngũ thập nhất xã, nhất thôn, thập nhị trang.

Lý thị viết : Thái Nguyên tự Lý, Trần vi châu. Chí Minh nhân nhập quốc, thăng vi phủ. Lê triều nhất thông, thủy thăng vi đạo.

(Nguyễn Thư Hiến viết : Lý triều lịnh khai Bình Lỗ giang tự Lãnh Canh chí Bình Lỗ, thông vu Bình Than, dĩ tiện Thái Nguyên vãng lai. Hựu trí Bạch Thông, Cảm Hóa, cư dân, phàm thất dịch, vi man di túc yết chi sở. Nhiên hậu Thái Nguyên, nhất điều sơn cước tiệm khả thông hành.)

Quyết thổ duy xích điền phần. Quyết điền duy hạ hạ. Bách Thông chú sâm, nhung xác. Định Hóa, ngân, đồng, duyên. Đại Từ nhiễm xả. Phổ An, bạch viên. Đồng Hỷ ngư châu duy thố.

Dịch nghĩa ;

SÔNG LƯƠNG VÀ NÚI NGHIÊN LÀ Ở THÁI NGUYÊN.

(Lương Giang là sông Phú Lương. Nghiên là tên núi. Thái Nguyên, xưa là thuộc về đất Bộ Vũ Định, Phía đông bắc giáp Cao, Lạng. Phía tây nam, giáp Kinh Bắc. Lộ có 2 phủ, gồm 9 huyện, 2 châu, 336 xã. Lộ là Phiên thứ hai về phương bắc.

Kính xét : PHỦ PHÚ BÌNH có 8 huyện, 1 châu. 236 xã. Tư Nông, 57. 4 trang, 5 trại. Bình Nguyên (triều Mạc đổi là Bình Tuyên), 27 xã. Phổ An. 23 xã. 1 trang. Đồng Hỷ, 29 xã, 2 thôn, 20 trang, 1 trại, 1 phường, 1 chợ. Đại Từ, 22 xã, 7 trang. Phú, Lương, 30 xã, 10 trang, Văn Lãng, 5 xã, 9 trang. Vũ Nhai. 30 xã, 6 thôn, 25 trang, 1 nguyên. 1 châu. Châu Định Hóa (xưa là Tuyên Hóa), 40 xã, 12 trang. PHỦ THÔNG HÓA, có 1 huyện, 1 châu, 73 xã. Cảm Hóa, 32 xã, 2 thôn, 12 trang. Châu Bạch Thông 51 xã, 1 thôn, 12 trang.

Lý thị nói : Thái Nguyên từ các triều Lý, Trần, vẫn là châu. Đến khi người Minh cướp nước, đưa lên thành phủ. Nhà Lê nhất thống mới đặt thành đạo.

(Nguyễn Thư Hiến nói : Triều Lý sai mở sông Bình Lý sai mở sông Bình Lỗ, từ Lãnh cho tới Bình Lỗ. thông vào Bình Than để cho tiện sự đi lại ở vùng Thái Nguyên. Lại đặt ra bảy trạm cư dân, ở Bạch Thông, Cảm Hóa, để làm trụ sở cho man di. Có thế đường đi Thái Nguyên mới dễ dàng.).

Đất thì rẻo, loại đất bồi. Ruộng thì xấu. Bạch Thông có nhung, xâm gạc. Định Hóa có bạc, đồng, chì, vàng. Đại Từ có giống trăn. Phố An có vượn trắng. Đồng Hỷ có ngựa tốt.



邱驢望夫惟諒山。

邱驢在桂城北，古温邱葱嶺江是，望夫山名。在諒城之西，山上聳出一石，遠望如人形，背南面北。俗傳古傳。南冢人實鞱爲前吴王將，從軍禦北邊。其妻蘇氏名葱，守節十年織廻文錦寄之，後乃與家奴登諒山，孤山望夫不見乃投屍而化，因以爲名焉。諒山古陸海部，西南夾太原，東北夾兩廣，路府凡一，州凡七，里社二百二十七，北方之第三藩也。

謹按：長慶府七州，一百九十三社。三州。平貲十九社，二十一村與廣西思明接壤，脫朗州古脫樂是二十社，安州三十社，一百盈，十洲，文淵州古文州是四十一社，安瀾州三十五社，一村一庄，七原州莫改七泉三十四社，安博州三十八社。附錄：

胡篡陳祚，明人來諒山祿平之地，乃使黃晦卿爲割地使以祿平古樓三十八社，五十九村與明，所失之壤，凡五日程。厥土惟黑墳，厥田惟下下。安博錦繡綾羅異香，安州山藥。七原金鉛，文淵銅銀，脫朗白象，惟時物獻，思明土綠，厥貢西錦及沉香。

思明明廣西州名，地近本國，土官常率土人朝獻，李氏曰：白象亦獸中之靈，李陳間兩見之，諒州有獻，輒以郊享，可見聖人不玩異物如此。

Phiên âm

KỲ LƯ, VỌNG PHU, DUY LẠNG SƠN.

(Khưu Lư tại Quế Thành bắc, cổ Ôn Khưu, Thông Lĩnh Giang thi. Vọng Phu, sơn danh, tại Lạng thành chi tây. Sơn thượng tủng xuất nhất thạch, dao vọng như nhân hình, bối nam, diện bắc. Tục truyền, cổ truyền. Nam Sách nhân, Đậu Thao, vi Tiên Ngô Vương tướng. Tòng quân ngự bắc biên. Kỳ thê, Tô thị, danh Huệ, thủ tiết thập niên, chức hồi văn cẩm ký chi, Hậu nãi dữ gia

nô đăng Lạng Sơn, cô sơn vọng phư bất kiến. Nãi đầu thi nhi hóa. Nhân dĩ vi danh yên. Lạng Sơn, cổ Lục Hải Bộ, tây nam giáp Thái Nguyên, đông bắc giáp Lưỡng Quảng. Lộ phủ, phàm nhất, châu phàm thất, lý xã, nhị bách nhị thập thất. Bắc phương chi đệ tam Phiên dã.

Cẩn án : Trường Khánh phủ, thất châu, nhất bách cửu thập tam xã. Lộc Bình châu, tam thập cửu xã, nhị thập nhất thôn (dữ Quảng Tây Tư Minh tiếp nhưỡng). Thoát Lãng châu (cổ Thoát Lạc thị), nhị thập xã. An châu tam thập xã, nhất bách doanh, thập châu. Văn Uyên châu (cổ Văn Châu thị) tứ thập nhất xã. An Lan châu, tam thập ngũ xã, nhất thốn, nhất trang. Thất Nguyên châu (Mạc cải Thất Tuyên) tam thập tứ xã. An Bác châu, tam thập bát xã).

Phụ Lục — Hồ thoán Trần lộ, Minh nhân lai Lạng Sơn, Lộc Bình chi địa. Nãi sử Hoàng Hối Khanh vi cát địa Sứ. Dĩ Lộc Bình, Cổ Lâu, tam thập bát xã, ngũ thập cửu thôn, dữ Minh. Sở thất chi nhưỡng, phàm ngũ nhật trình).

Quyết thổ duy hắc phần. Quyết điền duy hạ hạ. An Bác, cầm tú, lăng la, di hương. An Châu, sơn dược. Thất Nguyên, kim duyên. Văn uyên, đồng ngân. Thoát Lãng, bạch tượng, duy thời sắc hiến. Tư Minh thổ liệu quyết cống tây cầm, cập trầm hương.

(Tư Minh, Quảng Tây châu danh. Địa cận bản quốc. Thổ quan thường suất thổ nhân triều hiến).

(Lý thị viết : Bạch tượng diệc thú trung chi linh. Lý Trân gian lưỡng kiến chi. Lạng châu hữu hiến, triếp dĩ Giao hưởng. Khả kiến thánh nhân bất ngoạn dị vật như thử).

Dịch nghĩa

KỲ LỪA, VỌNG PHU, LÀ Ở LẠNG SƠN.

Khưu lừa, tức Kỳ lừa ở phía bắc Quế Thành, xưa là Ôn Khưu Thông Lĩnh Giang. Vọng Phu là tên núi ở phía tây thành Lạng. Trên núi đứng sừng sững một tấm đá, trông xa như hình người, lưng tựa phía nam, mặt ngảnh phía bắc. Tục truyền nghĩa là xưa có truyền, có kể truyện lại. Người đất Nam Sách là Đậu Thao, làm tướng cho vua Tiền Ngô Vương, theo quân chống giữ mặt bắc. Vợ là họ Tô. lên Ià Huệ thủ tiết 10 năm, dệt gấm hồi văn gửi đi. Về sau, cùng người nhà lên núi Lạng Sơn, nhìn ngóng chồng không thấy. Chết, thấy hóa đá. Nhân đó, đặt tên. Lạng Sơn, xưa là Bộ Lục Hải, tây nam giáp Thái Nguyên, đông bắc giáp Lưỡng Quảng, Lộ có 1 có phủ, gồm 7 châu, 227, xã· Lộ Lạng Sơn là Phiên thứ Ba về phía bắc).

(Kính xét : PHỦ TRƯỜNG KHÁNH có 7 châu, 193 xã. 211 thôn (giáp với đất Tàu, Quảng Tây, Tư Minh). Châu Thoát Lãng (xưa tên là Thoát Lạc), 21 xã. An Châu, 30 xã, 100 doanh, 10 châu. Châu Văn Uyên (xưa tên là Văn Châu), 41 xã Châu An Lan, 35 xã, 1 thôn, trang. Châu Thất Nguyên, (Mạc đổi làm Thất Tuyên), 34 xã, Châu An Bác, 38 xã.)

Phụ Lục.— Họ Hồ cướp ngôi nhà Trần, người Minh tới Lộc Bình, Lạng Sơn. Hồ mới sai Hoàng Hối Khanh, làm cát địa Sứ, lấy Lộc Bình, Cổ Lâu, 30 xã, cho giặc Minh. Đất bị mất rộng đến 5 ngày đường.)

Đất đen, mềm. Ruộng thì xấu. An Bác có gấm, vóc, là lăng (một hàng tơ), cùng các hương vị. An Châu có các vị thuốc sơn dược. Thất Nguyên có vàng, chì. Văn Uyên có đồng, có bạc. Thoát Lãng có voi trắng, khi có thì được mệnh cung tiến. Tư Minh có sơn được, cùng là gấm tây cẩm, và trầm hương.

(Tư Minh là tên Quảng Tây nước Tàu thời Minh. Đất gần nước ta. Quan bản xứ cùng người bản xứ thường tới cống hiến).

Lý thị nói : Voi trắng là loại linh vật. Khoảng Lý, Trần có hai lần được thấy. Mỗi khi Lạng Sơn cung tiến, là có làm lễ Giao. Đủ biết thánh nhân không có ham chuộng vật lạ, của lạ).



瀟及華安惟高平。

瀟水名。華安水名，高平古武定外地，東北接兩廣，西南夾太原諒山，路府凡一，州凡四，里社二百七十三，北方之第四藩也。

謹按：安平府四州，二百七十三社，上琅州二十九社，下琅二十八社。石林一百七十四社，二村，一甲，廣源四十四社，四村。

李氏曰：高平土宜多珍異，然赴任官難於久住先代乃寄治於太原云。

惡水記云：太之大慈，武崖，高平之石林，廣源上下琅州，宣之保樂興之文振水尾符華枚州，高陵黃岩，醴泉，諒之溫州，脫朗安瀾，七源，安博，安邦之永安，乂之珠琅，景淳，歸合，清之壽春，岑州，京北之右隴，海陽之東潮，水棠，其惡水凡二十九處云。厥土惟赤填墳。厥田惟下下，廣源黃金丹砂，石林特犀

良馬，逵山琨瑤竹山貞桐，邕州蠻哩，
厥貢珍珠。
逵山屬上琅，竹山屬下琅，邕北廣東州
名，本國產處記如箇金，武建金弄石銀
定逵金鉛送星築上銀左右金，復山廠
銀金，仁山廠銀金芃銀廠銀有鉛左有
金，感樂廠銀有鉛上有金。同樂廠銀有
鉛，俗號福星廠，客號福生。武振廠金。
廠北金銀鉛，白鉛廠天采廠金錫，廣固
廠金有鐵鉛忍水第一核市棋俗號波
羅鐵處以下寶賣棋鐵大好，有銅仕中
棋同泥巡卯支北山支有銅。波油巡夷
內地棋上有銀仝年銀子三笏。北淋市
上有金，那苗市間有銅，浼隴市西支銅
廣白市右有金，野市間有銀，界市間有
金新福二十六棋鉛。

Phiên âm

BỒ CẬP HOA AN, DUY CAO BÌNH.

(Bồ, thủy danh. Hoa An, thủy danh. Cao Bình, cổ Vũ Định ngoại địa. Đông bắc tiếp Lưỡng Quảng, tây nam giáp

Thái Nguyên, Lạng Sơn. Lộ phủ phàm nhất, châu phàm tứ, lý xã, nhị bách thất thập tam. Bắc phương chi đệ Tứ Phiên dã.

Cẩn án : AN BÌNH PHỦ, tứ châu, nhị bách thất thập tam xã. Thượng Lang Châu, nhị thập cửu xã. Hạ Lang, nhị thập bát xã. Thạch Lâm, nhất bách thất thập tứ xã, nhị thôn, nhất giáp, Quảng Nguyên, tứ thập tứ xã, tứ thôn.

Lý thị viết: Cao Bình thổ nghi đa trân dị Nhiên phó nhiệm quan nan ư cửu trụ. Tiên đại nãi ký trị ư Thái Nguyên vân. Ác Thủy ký vân: Thái chi Đại Từ, Vũ Nhai, Cao Bình chi Thạch Lâm, Quảng Nguyên, thượng hạ Lang Châu, Tuyên chi Bảo Lạc, Hưng chi Văn Chấn, Thủy Vĩ, Phù Hoa, Mai Châu, Mộc Châu, Cao Lăng, Hoàng Nham, Lễ Tuyên, Lạng chi Ôn Châu, Thoát Lãng, An Lan, Thất Nguyên, An Bác, An Bang chi Vĩnh An, Nghệ chi Châu Lang, Cảnh Thuần, Qui Hợp, Thanh chi Thọ Xuân, Sầm Châu, Kinh Bắc chi Hữu Lũng, Hải Dương chi Đông Triều, Thủy Đường, Kỳ ác thủy phàm nhị thập cửu xứ vân).

Quyết thổ duy xích điền phần. Quyết điền duy hạ hạ. Quảng Nguyên hoàng kim, đan sa, Thạch Lâm, đặc tê, lương mã Liên Sơn, côn dao. Trúc Sơn, trực đồng. Ung Châu Man Lý, quyết cống trân châu.

(Liên Sơn thuộc Thượng Lang. Trúc Sơn thuộc Hạ Lang. Ung bắc. Quảng Đông châu danh (Bản quốc sản xứ ký). Như cá kim Vũ Kiến kim Lộng thạch, ngân Định Biên (kim duyên). Tống Tinh (môi thượng ngân tả hữu kim). Phúc Sơn sưởng (ngân kim) Nhân Sơn Sưởng (ngân kim). Bông Ngân sưởng (ngân hữu duyên tả hữu kim). Cảm Lạc sưởng, (ngân hữu duyên, thượng hữu

kim). Đồng Lạc sưởng (ngân hữu duyên, tục hiệu Phúc Tinh sưởng, khách hiệu Phúc Sinh). Vũ Chân sưởng, (kim, sưởng bắc kim ngân duyên). Bạch duyên sưởng, Thiên Bảo sưởng (kim tích). Quảng Cố sưởng (kim hữu thiết duyên, ác thủy đệ nhất). Hạch Thị môi (tục hiệu Ba La, thiết xứ dĩ hạ). Bảo Nhương môi (thiết đại hảo, hữu đồng). Ba Du Tuần (giáp nội địa môi thượng hữu ngân. Đồng niên ngân tử tam hết). Bắc Lao thị (thượng hữu kim). Na Miêu Thị (gián hữu đồng). Bằng Lũng Thị (tây chi đồng). Quảng Bạch Thị (hữu, hữu kim). Giả Thị (gián hữu kim). Tân Phúc, (nhị thập lục môi duyên).

Dịch nghĩa :

BỒ CÙNG HOA AN LÀ Ở CAO BÌNH.

(Bồ là tên sông. Hoa An là tên sông. Cao Bình xưa là đất ngoài thành Vũ Định. Đông bắc giáp Lưỡng Quảng, tây nam giáp Thái Nguyên, Lạng Sơn. Lộ có 1 phủ, gồm 4 châu, 273 xã. Lộ Cao Bình là Phiên thứ Tư về phía bắc).

(Kính xét : PHỦ AN BÌNH có 4 châu, 273 xã. Châu Thượng Lang 29 xã. Hạ Lang 28 xã. Thạch Lâm 174 xã, 2 thôn, 1 giáp. Quảng Nguyên 44 xã, 4 thôn.

Lý thị nói : Về thổ nghi thì Cao Bình nhiều sản vật. Nhưng làm quan không ở được lâu. Tôi có một ông Cụ thời trước trị hạt Thái Nguyên có nói thế.

Sách Ác Thủy Ký có chép : Thái Nguyên có Đại Từ, Vũ Nhai. Cao Bình có Thạch Lâm, Quảng Nguyên, thượng hạ Lang Châu. Tuyên Quang có Bảo Lạc. Hưng Hóa có Văn

Chấn, Thủy Vĩ, Phù Hoa, Mai Châu, Mộc Châu, Cao Lăng, Hoàng Nham, Lễ Tuyên. Lạng Sơn có Ôn Châu, thoát Lãng, An Lan, Thất Nguyên, An Bác. An Bang có Vĩnh An, Nghệ, An có Châu Lang, Cảnh Thuần, Qui Hợp. Thanh có Thọ Xuân, Sầm Châu, Kinh Bắc có Hữu Lũng. Hải Dương có Đông Triều, Thủy Đường. Tất cả nước độc tính đến 29 xứ).

Đất thì, mầu đỏ. Ruộng thì xấu. Quảng Nguyên có vàng, có đan sa. Thạch Lâm có tê giác, có ngựa tối. Liên Sơn có loại ngọc gọi là côn dao. Trúc Sơn có gỗ đồng. Ung Châu, Mam Lý tiến Trấn châu. Liên Sơn thuộc Thượng Lang. Trúc Sơn thuộc Hạ Lang. Ung là tên phía bắc châu Quảng Đông (theo sách nước ta).

Về các kim khoáng vàng bạc, thì có các nơi khai thác. Tống Tinh (quặng than, có vàng, bạc). Xưởng Phúc Sơn, xưởng Nhân Sơn, (bạc có lẫn chì, vàng). Xưởng Cảm Lạc (bạc, vàng, chì). Xưởng Đồng Lạc (cũng gọi là xưởng Phúc Tinh, Phúc Sinh). Xưởng Vũ Chấn (có cả chì). Xưởng Bạch Duyên, xưởng Thiên Bảo, (vàng và thiếc). Xưởng Quảng Cố (vàng, sắt chì) (nơi nước độc nhất). Ở Hạch Thị Môi (tục gọi là Ba La) có quặng sắt. Ở Bảo Nhượng Môi, sắt tốt nhất (có lẫn đồng), Đồng Nê Tuần, có lẫn đồng. Ba Du Tuần (có lán bạc), mỗi năm được ba hốt bạc. Bắc Lao Thị (có lẫn vàng). Na Miêu Thị (có lẫn đồng). Bằng Lũng Thị (có lẫn đồng). Quảng Bạch Thị (có lẫn vàng). Dã Thị (có lẫn bạc), Tân Phúc (có chì 26 nơi).



上田面供粟六十升，錢六陌，中田面粟四十升，錢四陌，下田面粟二十升，錢三陌，不滿面者，全免，（面畝也，陳呼畝為面，國初因之）。

Phiên âm

Thượng điền diện, cung túc, lục thập thăng, tiền lục mạch. Trung điền diện, túc tứ thập thăng, tiền tứ mạch. Hạ điền diện túc nhị thập thăng, tiền tam mạch. Bất mãn diện giả toàn miễn.

(Diện chi dã. Trần hô chi vi diện. Quốc sơ nhân chi).

Dịch nghĩa

Hạng ruộng thượng đẳng, nộp thuế, lúa 60 thăng, tiền 6 tiền. Trung đẳng, lúa 40 thăng, tiền 4 tiền. Hạ đẳng lúa 20 thăng, tiền 3 tiền. Không đủ cày cấy thì miễn cả.

(Diện nghĩa là chi, là ruộng cày. Triều Trần gọi chi là diện. Đầu triều ta, cứ theo tiếng chi).



京師有提領，內京鎮四道，及清化，有行遣參知，外藩鎮九道，有總管宣尉。

以行遣參知任京路，是內三百里揆文教也，以總管宣尉任藩路，是外二百里奮武衛也。

李氏曰：京路非無總管宣尉，而所職者，行遣參知，藩路非無行遣參知，然四京鎮各兼之，如東道行遣，兼領海陽安廣，西道行遣兼領山西宣興，南道行遣，兼領山南清化，而開治于雲床。副使兼順廣，而開治于武昌。北道行遣兼領京北太原，而開治於安勇，副使領高平諒山，而開治於溫州。至於參知亦皆如此。故外舉總管宣尉言之也。

Phiên âm

Kinh Sư hữu Đề Lĩnh, Nội Kinh Trấn tứ Đạo, hữu Hành Khiển Tham Tri, Ngoại Phiên Trấn cửu Đạo, hữu Tổng Qnản Tuyên Úy.

(Dĩ Hành Khiển Tham Tri, nhiệm Kinh Lộ, thị nội tam bách lý qũy văn giáo dã. Dĩ Tổng Quãn Tuyên Úy nhiệm Phiên Lộ, thị ngoại nhi bách lý phấn vũ dễ bã.

Lý thị viết : Kinh Lộ phi vô Tổng Quản, Tuyên Úy, nhi sở chức giả Hành Khiển, Tham Tri. Phiên Lộ phi vô Hành Khiển, Tham Tri Nhiên tứ Kinh Trấn, các kiêm chi. Như Đông Đạo Hành Khiển. kiêm lĩnh Hải Dương, An Qnảng. Tây Đạo Hành Khiển, kiêm lĩnh Sơn Tây, Tuyên. Hưng. Nam Đạo Hành Khiển kiêM lĩnh Sơn Nam, Thanh Hóa, nhi khai trị vu Vân Sàng. Phó Sứ kiêm Thuận Quảng, nhi khai trị vu Vũ Xương. Bắc Đạo Hành Khiển, kiêm lĩnh Kinh Bắc, Thái Nguyên, nhi khai trị ư An Dũng, Phó Sứ lĩnh Cao Bình, Lang Sơn, nhi khai trị ư Ôn Châu. Chí ư Tham Tri, điệc giai như thử. Cố ngoại cử Tổng Quảng Tuyên Úy ngôn chi dã).

Dịch nghĩa

Ở Kinh Đô thì có quau Đề Lĩnh. Ở trong 4 đạo Kinh Trấn thì đặt quan Hành Khiển, quan Tham Tri. Ở ngoài 9 đạo phiên Trấn thì đặt quan Hành Khiển, quan Tuyên Úy.

(Đặt Hành Khiển, Tham Tri có trách nhiệm ở các Kinh Lộ, thế là trong vòng 300 dặm tuyên đương văn hóa. Đặt Tổng Quản, Tuyên Úy có trách nhiệm ở các Phiên Lộ thế là ngoài xa trong khoảng 200 dậm, phấn khởi vũ bị.

Lý thị nói : Ở các Kinh Lộ không phải là không có Tổng Quản, Tuyên Úy, mà chỉ có chức Hành Khiển, Tham Tri. Ở các Phiên Lộ, không phải là không có Hành Khiển, Tham Tri, nhưng

đã có 4 Kinh Trấn kiêm. Như Hành Khiển Đông Đạo, kiêm lĩnh Hải Dương, An Quảng. Hành Khiển Tây Đạo, kiêm lĩnh Sơn Tây, Tuyên, Hưng. Hành Khiển Nam Đạo kiêm lĩnh Sơn Nam, Thanh Hóa, mà đặt trị sở, tại Vân Sàng. Phó Sứ thì kiêm Thuận, Quảng, mà đặt trị sở, Vũ Xương. Hành Khiển Bắc Đạo, kiêm lĩnh Kinh Bắc, Thái Nguyên, trị An Dũng, Phó Sứ thì lĩnh Cao Bình, Lạng Sơn, trị sở tại Ôn Châu.

Ngay đến Tham Tri cũng như thế. Cho nên, ở ngoài chỉ nói đặt các chức Tổng Quản, Tuyên Úy là vì thế.



國人毋得效吳占牢，遏真蠟諸國語及服裝，以亂國俗。

毋者禁止之辭，言吳語從舌必譯而後知，牢語從咽，遏占，真蠟國語從喉，如歔欷然，皆不可效，以亂國音者。吳人久論元俗，被髮白齒，短衣長袖，冠裳燦爛，如葉之重者，明人雖復漢唐衣冠之舊，而其俗未變，牢人以劃布纏身如佛家之水田，占人以巾蔽腿而路其形，遏羅，真臘以布連包乎膝，如屍之裹，皆不當因襲，以亂風也。

李氏曰：自元人入中國之後天下變而胡語胡服矣，獨不變者惟我邦與金陵之朱氏，金山之趙氏而已。及明太祖即位，使易濟民來通好。裕宗使尹舜臣聘于明，明帝勞問國使，嘉其服俗依然中華文明賜御詩曰：安南際有陳，風俗不元人，衣冠周制度，禮樂宋君臣。因賜文献之邦四字，又進我使位朝

鮮 三 級 之 上。 及 使 回， 乃 使 牛 諒 賫 龍
章 金 印 皆 來 褒 寵 焉。

Phiên âm

QUỐC NHÂN VÔ ĐẮC HIỆU NGÔ, CHIÊM, LÀO, SIÊM, CHÂN LẠP, CHƯ QUỐC, NGỮ CẬP PHỤC TRANG, DĨ LOẠN QUỐC TỤC.

(Vô giả, cấm chỉ chi từ. Ngô : Ngô ngữ tòng thiệt, tất dịch nhi hậu tri. Lão ngữ tòng yết. Siêm, Chiêm, Chân Lap quốc ngữ tòng hầu, như quyết thanh nhiên. Giai bất khả hiệu dĩ loạn quộc âm giả. Ngô nhân cửu luân Nguyện tục, bị phát, bạch xỉ, đoản y, trường tụ quan thường, xán lạn, như diệp chi trùng giả. Minh nhân tuy phụ Hán, Đường y quan chi cựu, nhi kỳ tục vị biến. Lào nhân dĩ kể bố triều thân, như Phật gia chi thủy điền. Chiêm nhân dĩ cân tế thối nhi lộ kỳ hình. Siêm La, Chân Lạp dĩ bố liên bao thủ tất, như thi chi khỏa, giai bất đương nhân tập dĩ loạn phong dã. Lý thị viết : Tự Nguyên nhân nhập Trung quốc chi hậu. thiên hạ biến, nhi hồ ngữ, hồ phục hỹ. Độc bất biến giả, duy ngã bang, dữ Kim Lăng chi Chu thị, Kim Sơn chi Triệu thị nhi dĩ. Cập Minh Thái Tổ tức vị, sử Dịch Tế Dân lai thông hiếu. Dụ Tôn sử Doãn Thuấn Thần sinh vu Minh. Minh Đế lạo vấn quốc sứ, gia kỳ phục tục y nhiên trung hoa văn minh. Tú ngự thi viết : An Nam tế hửu Trần. Phong tục bất Nguyên nhân. Y quan Chu chế độ. Lễ nhạc Tống quân thần. Nhân tứ Văn Hiến Chi Bang tứ tự. Hựu tiến ngã sứ vi Triều Tiên tam cấp chi thượng. Cập sứ hồi, nãi sữ Ngưu Lượng lại long chương kim ấn giai lai bao sủng yên).

Dịch nghĩa

NGƯỜI TRONG NƯỚC KHÔNG ĐƯỢC BẮT CHƯỚC TIẾNG NÓI VÀ LỐI ĂN MẶC CỦA NGƯỜI CÁC NƯỚC NGÔ. LÀO, CHIÊM, SIÊM, CHÂN LẠP, SINH LOẠN PHONG TỤC.

(Không được, là tiếng cấm chỉ. Nghĩa là : Người Ngô nói theo giọng lưỡi tất có thông dịch mới hiểu. Người Lào nói theo hơi cuống lưỡi. Người, Siêm Chiêm, Chân Lạp, nói theo yết hầu, cuống họng. Tất cả đều không được bắt chước. Người Tàu đã lâu ngày, nhiễm phải tục giống Nguyên, bối tóc, răng trắng, áo ngắn ngoài, áo trong vạt dài, mũ quân, mầu sắc y như đài hoa. Người Minh tuy trở lại mũ áo các triều Hán, Đường, nhưng mọi tục còn chưa đổi. Người Lào thì lấy vải dệt bằng lông súc vật, cuốn quanh mình, y như áo cà sa nhà sư. Người Chiêm thì quấn hông bằng khăn, mà lộ thân hình. Người Siêm La, Chân Lạp, thì bao tay, bao đầu gối bằng vải, như bọc thây người chết. Tất cả không nên bắt chước, sinh loạn phong tục,

Lý Thị nói : Từ khi người Nguyên vào Trung quốc trở về sau, trong nước thành biến đổi, mặc lối Hồ, nói giọng Hồ. Không biến đổi là chỉ có nước ta, và họ Chu ở Kim Lăng, cùng họ Triệu ở Kim Sơn. Đến khi Thái Tổ triều Minh lên ngôi, có sai Dịch Tế Dân tới thông hiếu Vua Dụ Tôn ta sai Doãn Thuấn Thần, tới Minh bang giao. Minh Đế hỏi thăm quốc sứ, khen là phong tục y nguyên như Trung Hoa khi văn minh. Có tặng thơ : An Nam có họ Trần. Phong tục khác người Nguyên. Mũ áo theo Chu lễ. Lễ nhạc Tống quân thần. Và tặng 4 chữ : Văn Hiến Chi Bang. Thăng cho địa vị sứ ta hơn sứ Triều Tiên ba cấp. Khi sứ về, vua Minh sai Ngưu Lượng theo sang, đem huy chương, ấn vàng, phong



諸邊州官郎父道無故不得赴京，有朝會許次懷遠。

懷遠館名，在嘉林之巨靈，李朝置此，以爲邊酋外國使宿歇之所，父道今改爲輔導。

外國諸人不得擅入內鎭。悉處之雲屯，萬寧，芹海，會統，會潮，葱嶺，富良，三奇，竹華焉。

內鎭四京路也。芹海會統會潮三海口名，俱屬乂安，葱嶺屬諒山，三奇屬宣光，竹華屬山西興化寄治之鎭所連結兩章嚴內外之防於此可見矣。

Phiên âm

CHƯ BIÊN CHÂU, QUAN LANG, PHỤ ĐẠO, VÔ CỐ BẤT ĐẮC PHÓ KINH. HỮU TRIỀU HỘI HỨA THỨ HOÀI VIỄN

(Hoài Viễn, quán danh, tại Gia Lâm chi Cự Linh. Lý triều trí thử dĩ vi biên tù, ngoại quốc sứ, tức yết chi sở. Phụ đạo, kim cải vi phụ đạo).

Ngoại quốc chư nhân, bất đắc thiện nhập nội trấn. Tất xử chi Vân Đồn, Vạn Ninh, Cần Hải, Hội Thống, Hội Triều,

tam hải khẩu danh, câu thuộc Nghệ An. Thông Lĩnh thuộc Lạng Sơn. Tam Kỳ thuộc Tuyên Quang. Trúc Hoa thuộc Sơn Tây, Hưng Hóa. Kỳ trị chi Trấn, sở liên kết lưỡng chương, nghiêm nội ngoại chi phòng, ư thử khả hiến hỹ).

Dịch nghĩa :

CÁC QUAN LANG, QUAN PHỤ ĐẠO, Ở CÁC CHÂU NƠI BIÊN GIỚI, VÔ CỚ KHÔNG ĐƯỢC VỀ KINH. KHI CÓ TRIỀU HỘI THÌ ĐƯỢC NGHĨ LẠI Ở HOÀI VIỄN

(Hoài Viễn là tên quán xá, ở đất Cự Linh huyện Gia Lâm, Triều Lý đặt ra là để các Tù Trưởng, các sứ thần ngoại quốc lấy làm nơi nghỉ. Phụ đạo nay đổi thành chữ phụ đạo (cùng âm nhưng nghĩa khác).

Các người ngoại quốc không được tự ý mình đi vào các nội trấn. Đều phải dừng lại ở các nơi Vân Đồn, Vạn Ninh, Cần Hải, Hội Thống, Hội Triều, Thống Lĩnh, Phú Lương, Tam Kỳ Trúc Hoa.

(Nội Trấn là 4 Kinh Lộ. Cần Hải, Hội Thống, Hội Triều, là tên ba cửa bể, đều thuộc về Nghệ An. Thống Lĩnh thuộc về Lạng Sơn. Tam Kỳ thuộc Tuyên Quang. Trúc Hoa thuộc Sơn Tây, Hưng Hóa. Các Trấn kiêm trị, đều liên lạc rất nghiêm cẩn về việc canh phòng. Cứ coi tổ chức đó thì biết.



帝曰：太祖間關十年，天下大定傳之子孫，期以萬世，朕否德黍位，賴諸忠良匡救以圖終始，使予德光于四海，則阮程之治，何足云多。

陳避元祖諱，改李為阮。黎避恭慈太后諱，改陳為程。

乃命阮天縱作集註，阮天錫作謹按，李子晉作通論以明之。

天縱天錫時居諫院，多有直言子晉自北道行遣入為承旨，典作詔誥文辭與雅有足稱者

一旬書成上進御覽，帝曰：於戲聖祖經營四方足迹徧於天下，扇風欲雨卧鼓枕戈其亦艱哉收拾山河，以付於我，其亦大哉先生佐我神考代天行化，克配上帝，至此書又欲擬倣虞夏，勉勿予棄勖吾於堯舜其亦偉哉

言太祖經營馳驅，遍歷天下暑不及扇，食不及飲，卧不及席，枕不及裀，如此其艱苦也故天地神人亦克予相，大定

明寇，復我封疆，傳之子孫以及我也，先生指濟文也，神考太祖也，帝君曰正直者代天行化太祖起義，羣臣請尊上爲代天行化，是後誥諭多以稱之，倣擬虞夏，欲率虞夏之所行。勉勿予棄，勿以予幼沖爲不才，而忽之也，勱進引之也，帝言先生既佐太祖，能以其君配帝之顯者，今此書歷閱古今志記又欲致唐虞之治如此，勿以予不敏而棄之其當引我以堯舜之極等者，則其功昭垂千古顧不偉哉

膺曰：上言及此國家之幸也。

Phiên âm

Đế viết : Thái Tổ gian quan thập niên, thiên hạ đại định truyền chi tử tôn, kỳ dĩ vạn thế. Trẫm phủ đức thiềm vị, lại chư trung lương khuông cứu, dĩ đồ chung thủy. Sử dư đức quang vu tứ hải, tắc Nguễn, Trình chi trị, hà đa.

(Trần tị nguyên tổ húy, cải Lý vi Nguyễn. Lê tị Cung Từ Thái Hậu húy, cải Trần vi Trình.)

Nãi mệnh Nguyễn Thiện Túng tác Tập Chú, Nguyễn Thiên Tích tác Cẩn Án, Lý Tử Tấn tác Thông Luận dĩ minh chi.

(Thiên Túng, Thiên Tích, thời cư Gián Viện, đa hữu trực ngôn. Tử Tấn tự Bắc Đạo Hành Khiển, nhập vi Thừa Chỉ Điền Tác Chiếu Cáo Văn từ áo nhã hửu túc xứng giả.)

Nhất tuần thư thành, thượng tiến ngự lãm. Đế viết : Ô hô Thánh Tổ kinh doanh tứ phương, túc tích biến ư thiên hạ. Phiến phong dục vũ, ngọa cổ chẩm qua, kỳ diệc gian tai. Thu thập sơn hà, dĩ phó ư ngã. Kỳ diệc đại tai. Tiên sinh tá ngã thần khảo đại thiên hành hóa, khắc phối Thượng Đế. Chí thử, Thư hựu dục nghĩ phỏng Ngu, Hạ Miễn vật dư khí. Cù ngô ư Nghiêu, Thuấn. Kỳ diệc vĩ tai.

(Ngôn Thái Tổ kinh doanh, tri khu, biến lịch thiên hạ. Thử bất cập phiến, thực bất cập phạn, ngọa bất cập tịch, chẩm bất cập nhân. Như thử kỳ gian khổ dã. Cố thiên địa, thần nhân diệc khắc dư tướng, đại định Minh khấu, phục ngã phong cương, truyền chi tử tôn, dĩ cập ngã dã. Tiên sinh chỉ Tế Văn dã. Thần khảo, Thái Tổ dã. Đế quân viết : chính trực giả đại thiên hành hóa. Thái Tổ khởi nghĩa, quần thần thỉnh tôn thượng vi Đại thiên hành hóa, Thị hậu cáo dụ, đa dĩ xưng chi. Phỏng nghĩ Ngu Hạ, dục suất Ngu, Hạ chi sở hành. Miễn vật dư khí, vật dĩ dư ấu sung vi bất tài, nhi hốt chi dã. Cù, tiến dẫn chi dã. Đế ngôn : Tiên sinh ký tả Thái Tổ, năng dĩ kỳ quân phối Đế chi hiền giả, kim thử Thư, lịch duyệt cổ kim chỉ kỳ. Hậu dục hiệu Đường, Ngu chi trị như thử. Vật dĩ dư bất mẫn nhi khí chi. Kỳ đương dẫn ngã dĩ Nghiêu, Thuấn chi cực đẳng. Tắc kỳ công chiêu thùy thiên cổ. Cổ bất vĩ tai).

Trãi viết : Thượng ngôn cập thử, quốc gia chi hạnh dã.

Dịch nghĩa

Vua nói : Thái Tổ khó nhọc trong 10 năm, thiên hạ mới được yên, truyền nước cho con cháu, mong đến muôn đời. Trẫm kém đức, lạm ở ngôi, cần nhờ các vị trung lương giúp, để cho được thủy chung, mà đức ta mới được sáng ra bốn bề. Thế thì triều Nguyễn, triều Trình đã lấy gì làm hay lắm.

(Triều Trần kiêng húy vị tổ, đổi chữ Lý ra chữ Nguyễn, Triều Lê tránh húy Cung Từ Thái Hậu, đổi Trần ra Trình).

Vua mới mệnh cho Nguyễn Thiên Túng làm (Tập Chú), Nguyễn Thiên Tích làm (Cẩn án), Lý Tử Tấn làm (Thống Luận), để cho sách được rõ.

(Thiên Túng, Thiên Tích, khi đó, làm quan ở Gián Viện. nhiều lần nói thẳng. Tử Tấn do chức Hành Khiển Đạo, về Kinh làm Thừa Chỉ điển tác, chiếu cáo. Văn từ thanh nhã, rất xứng chức). Được một tuần, thì công việc xong. Sách tiến lên vua coi. Vua nói : Cho hay, Thánh Tổ kinh doanh bốn phương, trong nước đâu đâu cũng đã bước chân tới. Nóng quạt gió, khát uống nước mưa, gối trên dáo nằm trên trống, thật cũng đã gian nan. Thu thập non sông, giao lại cho ta, thật là việc lớn. Tiên sinh giúp Thần Khảo ta, thay trời hành đạo, để được phối với Thượng Đế. Đến nay sách lại có ý phỏng theo Ngu, Hạ. Cố đi, đừng quên ta. Cố cho ta bằng Nghiêu, Thuấn. Công việc vĩ đại thay.

(Thích nghĩa, Thái Tổ kinh doanh, trì khu, đi khắp trong nước. Nóng không kịp quạt, ăn không kịp uống, nằm không giường, ngủ không chiếu. Như thế là giang khổ thật. Cho nên, giời đất. thần và người, đều giúp, bình được giặc Minh, lấy lại được bờ cõi, tuyên cho con cháu, tức là ta. Chữ Tiên sinh là chỉ

Tế Văn. Chữ Thần Khảo là chỉ Thái Tổ. Đế quân là ý nói : Có chính trực thì mới thay giời hành đạo. Thái Tổ khởi nghĩa, quần thần tôn lên làm (thay trời hành đạo). Rồi về sau trong các cáo dụ thường dùng mấy chữ đó. Phỏng theo Ngu Hạ. là muốn nói, đem hành vi của Ngu Hạ, khuyên chớ bỏ ta, chớ thấy ta còn bé nhỏ, cho là vô tài mà không cần tới. Đông là lời khích thích. Vua nói : Tiên sinh đã giúp Thái Tổ, đã làm cho Thái Tổ được danh giá phối với Thượng Đế. Nay quyển sách này ghi chép các việc từng trải cổ và kim, tức là ý muốn có được đời thịnh trị như Đường Ngu. Vậy đừng nên thấy ta ít tài mà bỏ. Nên cố cho ta thành Nhiêu Thuấn Như thế thì công huân dù xuống nghìn năm. Thật là vĩ đại.)

Trãi nói : Vua mà nghĩ như thế, thật là may cho quốc gia.



祝里吳氏曰：志畧曰，本國四至，計起東抵于海西抵老撾。南亦抵于海，北抵馮祥，四百七十里，東南抵海，東北抵廣東欽州一千里。西南到占城二千四百里。西北到廣西順安府二千五百里。到南京，江南由廣西去七千七百二十里。由廣東去六千六百二十里。到燕京由廣西去一萬六千六十里，由廣東去一萬六十五里。

宋文帝元嘉中，南徑林邑於日立表望之，日在表北，九寸一分，交影在表南，三寸三分，交州去洛凡七千餘里。蓋山川曲折使之然也。以表取其綜，直當六十里，唐開元測交州，夏至日，影在表南三寸三分與元嘉所測畧同。王充論衡曰：日南去洛萬里。李塈曰，安南至長安七千二百五十里。孟館曰：以四方揆之，安南適當中國末地耳。今自羅城至金陵，一百十五驛。計七千七百餘里。

李氏曰：抑齋上進此言。太宗嘉嘆。俾公印行。及東行暴崩，朝議以為抑齋夫人阮氏路弒逆，罪及三族。大司徒黎列公令工人毀本。後仁宗長能聽政，黎列有罪，囚於土牢，帝幸秘書閣覽經籍，得抑齋遺本，謂群臣曰：阮廌忠誠，佐太祖以武戡亂，佐太宗以文致平，文章德業本朝各將無與為比，不幸婦人變，善類紫草，最為可憫，乃置於御寢以為正本。

Phiên âm

Chúc Lý Ngô thị viết Chí Lược viết: Bản quốc tứ chí, kế đông đề vu hải, tây đề Lão Qua, nam diệc đề vu hải, bắc đề Bằng Tường tứ bách thất thập lý. Đông nam đề hải. Đông bắc đề Quảng Đông, Khâm Châu, nhất thiên lý. Tây nam đáo Chiêm Thành, nhị thiên tứ bách lý. Tây bắc đáo Quảng Tây, Thuận An Phủ, nhị thiên ngũ bách lý. Đáo Nam Kinh, Giang Nam, do Quảng Tây khứ, thất thiên thất bách, nhị thập lý; do Quảng Đông khứ, lục thiên lục bách nhị thập lý. Đáo Yên Kinh, do Quảng Tây khứ, nhất vạn, lục thiên, lục thập lý; do Quảng Đông khứ, nhất vạn lục thập ngũ lý.

Tống Văn Đế, Nguyễn Gia trung. nam kính Lấm Ấp. ư nhật biểu vọng chi, Nhật tại biểu bắc, cửu thốn, nhất phần. Giao

cảnh tại biểu nam, tam thốn tam phân, Giao Châu khứ Lạc hoàn thất thiên dư Lý. Cái sơn xuyên khúc chiết sử chi nhiên dã. Dĩ biểu thủ kỳ tôn trực đương lục thập lý. Đường Khai Nguyên, trắc Giao Châu, hạ chí nhật, ảnh tại biểu nam tam thốn, tam phân, dữ Nguyên Gia sở trắc lược đồng. Vương Khắc luận hành viết : Nhật Nam khứ Lạc vạn lý, Lý Giám viết : An Nam chí Trường An, thất thiên nhị bách ngủ thập lý. Mạnh Quản viết: Dĩ tứ phương quỷ chi, An Nam thích đáng Trung quốc mạt địa nhĩ. Kim, tự La Thành chí Kim Lăng, nhất bách thập ngũ dịch, Kế thất thiên thất bách dư lý.

Lý thị viết : Ức Trai thượng tiến thử Thư, Thái tôn gia thán, tý công ấn hành. Cập đông hành bạo băng, triều nghị dĩ vi Ức Trai phu nhân, Nguyễn thị Lộ thí nghịch, tội cập tam tộc. Đại Tư Đồ Lê Liệt Công, linh công nhân hủy bản. Hậu Nhân Tôn trưởng năng thích chính, Lê Liệt hữu tội, tù ư thổ lao. Đế hạnh Bí thư Các lãm Kinh Tịch, đắc Ức Trai di bản, Vị quân thần viết : Nguyễn Trãi trung thành, tá Thái Tổ dĩ vũ kham loạn, tá Thái Tôn dĩ văn tri bình. Văn chương, đức nghiệp, bản triều danh tướng vô dữ vi tỉ. Bất hạnh, phụ nhân cấu biến, thiện loại mông cô, tối vi khả mẫn. Nãi trí ư ngự tẩm dĩ vi chính bản.

Dịch nghĩa

Chúc Lý, Ngô thị có nói : Sách Chí Lược chép : Nước ta, xét bốn phía, đông tới bể, tây tới nước Lão Qua, nam tới bể, bắc cách 470 dặm tới huyện Bàng Tường ở tỉnh Quảng Tây nước Tàu, đông nam tới bể, đông bắc qua 1000 dặm tới châu Khâm ở tỉnh Quảng Đông nước Tàu, tây nam qua 2.400 dặm tới nước Chiêm Thành. tây bắc cách 2.500 dặm tới phủ Thuận

An tỉnh Quảng Tây. Do đường Quảng Tây mà tới Nam Kinh, Giang Nam thì xa 7.720 dặm. Do đường Quảng Đông thì có 6.620 dặm. Do đường Quảng Tây mà tới Yên Kinh, thì xa 16.060 dặm, do đường Quảng Đông thì xa 16.065 dặm.

Niên hiệu Nguyên Gia vua Tống Văn Đế xét về nước Lam Ấp phương nam, nhìn vào máy đo ánh nắng thì thấy, mặt trời về phía bắc máy 9 tấc, 1 phân, ngả bóng về phía nam máy mất 3 tấc 3 phân. Mà Giao Châu cách xa Lạc Dương tới hơn 7.000 dặm. Đó là vì sông núi đi quanh co mới thành như thế. Nếu lấy đúng giữa kinh vĩ, thì thẳng lại 60 dặm. Niên hiệu Khai Nguyên triều Đường, đo về Giao Chỉ, vào ngày hạ chí, bóng mặt trời tại phía nam máy cách ba tấc, ba phân, giống như đời Nguyên Gia. Vương Khắc có nói : Từ An Nam tới Trường An, có 7.250 dặm. Mạnh Quản có : Xét đo cả 4 phương thì thấy An Nam là đất xa nhất của Trung Hoa.

Nay đo từ La Thành tới Kim Lăng có 115 trạm, tính ra hơn 7.700 dặm.

Lý thị nói : Ức Trai dâng sách này. Thái Tôn khen, mệnh cho ấn hành. Đến khi vua đi tuần bị nạn, triều đình nghị tội, Ức Trai phu nhân Nguyễn thị Lộ (cứ theo người dịch thì chữ phu nhân đây dùng sai) giết vua, bị tội đến tam tộc. Đại Tư Đồ là Lệ Liệt sai thợ hủy bản sách. Về sau, Nhân Tôn nhớn tự coi chính trị được, thì Lê Liệt gặp lúc có tội bị ở tù, vua có tới Bí Thư Các, coi sách, thấy sót lại bản Ức Trai, vua bảo quần thần :

Nguyễn Trãi vốn trung thành, giúp Thái Tổ lấy vũ trị loạn, giúp Thái Tôn lấy văn trị bình. Về văn chương, về đức nghiệp, các danh tướng triều ta không ai bằng. Không may, một người đàn bà gây biến. Người hay mà bị tội thật là đáng thương. Vua mới đặt sách vào nơi ngự tẩm, coi làm chính bản,

附錄 編定全越詩集 序

桂堂黎貴惇

黎廌號抑齋，姓阮氏，賜國姓，陳朝阮飛卿之子，陳元旦之外孫，閏胡庚辰科登第，胡亡，隱居不仕，太祖舉義兵，至磊江杖策上謁献平吳三策遂受知遇拜宣奉大夫翰林院承旨，兼吏部尚書知內密院事侍謀畫草書檄，開國功臣功第一，順天加光祿大夫入內行遣，右諫議大夫，加中書監國史院，三館事爵大智字，冠服侯。太宗即位，受顧命，輔政，大寶末坐妻侍宮見害，聖宗知其冤復官爵，加贈贊畤伯，襄翼帝加封濟文侯。今上加封大王，爲文章有氣格，詩多情致，所有玉堂遺範，抑齋詩集，軍中詞命，或作又有皇朝表章行世行于世藝文志云：大寶年間公奉定律書六卷于鷃鵡貢生同知州。孫祖鑑安邦承正使。

Dịch nghĩa

PHỤ LỤC,

BIÊN ĐỊNH TOÀN VIỆT THI TẬP TỰ

QUẾ ĐƯỜNG, LÊ QUÝ ĐÔN

Lê Trãi, hiệu Ức Trai, tính Nguyễn thị, tứ quốc tính, Trần triều, Nguyễn Phi Khanh chi tử, Trần Nguyên Đán chi ngoại tôn. Nhuận Hồ, canh nhìn, khoa, đăng đệ. Hồ vong. ẩn cư bất sĩ. Thái Tổ cử nghĩa binh. Chí Lỗi Giang. Trượng sách, thượng yết. Hiến Bình Ngô tam sách. Toại thụ tri ngộ. Bái Tuyên Phụng đại phu, Hàn Lâm viện Thừa Chỉ. Kiêm Lại Bộ Thượng Thư, Tri Nội Mật viện sự. Thi mưu hoạch. thảo thư hịch. Khai quốc công thần, công đệ nhất.

Thuận Thiên, gia Quang Lộc đại phu, Nhập Nội Hành Khiển, Hữu Gián Nghị đại phu, gia Trung Thư Giám Quốc Sử viện, Tam Quán sự, Á Đại Tri Tự, Quan Phục Hầu.

Thái Tôn tức vị, thụ cô mệnh Phụ chính. Đại Bảo mạt, tọa thế thị cung, kiến hại. Thánh Tôn tri kỳ oan, phục quan tước, gia tặng Tán Trù Bá. Tương Dực Đế gia phong Tế Văn Hầu. Kim thượng gia phong Đại Vương. Vi văn chương hữu khi cách, thi đa tình trí. Sở hữu Ngọc Đường Di Phạm, Ức Trai Thi Tập, Quân Trung Từ Mệnh, hành vu thế. (hoặc tác, hựu hữu Hoàng Triều Biểu Chương hành thế). (Nghệ Văn Chí vân : Đại Bảo niên gian, công phụng Định Luật Thư lục quyển).

Tử, Anh Vũ, cống sinh đồng Tri Châu. Tôn Tổ Giám, An Bang Thừa Chính Sứ.

Dịch nghĩa

PHỤ LỤC

BÀI TỰA QUYỀN : BIÊN ĐỊNH TOÀN VIỆC THI TẬP

LÊ QUÍ ĐÔN

Lê Trãi, hiệu Úc Trai, họ Nguyễn, được ban họ vua, là con Nguyễn Phi Khanh, triều nhà Trần, cháu ngoại Trần Nguyên Đán, đỗ Tiến Sĩ khoa canh tý triều Nhuận Hồ. Nhà Hồ mất, ở ẩn không làm quan. Thái Tổ khởi nghĩa. Ông tới Lỗi Giang yết kiến, dâng sách Bình Ngô, ba sách, Được tri ngộ. Được phong làm Tuyên Phụng đại phu, Hàn Lâm viện, Thừa Chỉ, kiêm Lại Bộ Thượng Thư, Tri Nội Mật viện sự, giúp mưu kế, thảo thư hịch, trong công thần khai quốc, đứng vào hàng nhất.

Niên hiệu Thuận Thiên, gia phong Quang Lộc đai phu, Nhập Nội Hành Khiển, hữu Gián Nghị đại phu, gia Trung Thư Giám Quốc Sử viện, Tam Quán sự, Á Đại Trí Tự, Quan Phục Hầu.

Thái Tôn lên ngôi. Ông được cố mệnh phụ chính.

Cuối niên hiểu Đại Bảo, bị hại vì tội người vợ hầu ngự (theo người dịch, chữ vợ e là in nhầm).

Thánh Tôn biết là oan, phục cho quan tước, gia tặng là Tán Trù Bá. Tương Dực Đế gia phong Tế Văn Hầu. Kim thượng (vua bây giờ) gia phong Đại Vương,

Văn chương có khí cách, thơ có tình ý. Truyền lại có pho Ngọc Đường Di Phạm, pho Úc Trai Thi Tập, tập Quân Trung Từ Mệnh, (hoặc lại có tập Hoàng Triều Biểu Chương truyền lại) (Quyển Nghệ Văn Chí có chép : trong khoảng niên hiệu Đại Bảo ông phụng mệnh định lại sáu quyển Luật Thư),

Con là Anh Vũ, đồ cống sinh, được bổ Đồng Tri Châu. Cháu là Tổ Giám giữ chức Hành Khiển Tộ An Bang,

嗣德戊辰秋

柳齋集

福濟原本

軍中詞命集

按藥文忠公軍中詞命一集臣廌草與北郭諸將佐往書
三代公上文洪德開東京依舊次又藍山起帝自與
王俊毘鬭中許多文書往復
皆公之注中所作也

請降書 代公作

癸卯五月初六日差蔡遵蔡㐲嵗齎五貴并貴文以往壬
寅年四月至臺七二月是亞惟食菜根尹而已相軍士疲弱
欲然自然章與戰和
遂與為要等行成

僕聞生太平之世人莫不得其所遇聖明之朝人莫不
遂其生今僕生長明時遭逢亂世而嘗有失所之嘆

軍中詞命

[illegible]

哉往同鄉人知縣杜富與僕有隙、彼賂參政梁汝[illegible]、謂僕欺慢上司、恃蠻跋扈、若不圖之、必生後患、汝[illegible]乃告曾兵官及內官馬騏等、因發兵官兵來殺僕、僕不問老幼、並為斬截、拎俘族黨、俱亡、妻兒分散、發掘祖父墳塋、骸骨暴露、藍山卯戊戌年[illegible]兵士藍山明馬騏等追入了退[illegible]路水杜富引賊往掘僕人處發掘墳又開行以[illegible]前後改其家屬被民去子甚衆僕無所措、詭進退惟艱、乃遣親人詣一二明明、使者再三、皆被殺戮、曾不放回、僕計無所出、於是逃匿、偷生歲月、以待上司之察情、糊口山林、[illegible]

販、未留一蹤、然精衛豈能填海之勞、寬階不頒
之報、因率其衆以蔓杜富之家、纔虜彼宋興岸巷、
懲其宿怨耳、非敢他志、今聞總兵官大德深人、
恩及物、以禹謨赦之心爲心、以黃霸化民之政爲
誠、僕改過自新之日也、虞差從凡黎運等、奉書徼
轅門陳寬哀懇、伏乞赦既往之愆、許以自新之
路、俯垂寛宥、乾坤造化之力也、

請總兵官及清化府衛官書

大抵各得其平則獄訟負冤離者乃善惡不明自備不舉者廢弛也今府衛鎮守等官奉朝廷之命牧御斯民豈夏曾無養民冤兼不盡其愛也今僕遇兵革之亂含冤離之情不蒙矜察復督攻討使一方之人不得其所與棄僕之罪亦由上司懷柔不以其道也且惡惡好生理勢難違人之常情今僕棄柔棹而進合田園而不顧與言及此尤可哀憐何朝廷牧之豈其召令僕至此極也今僕指天為誓而

北誠信而來降，乞再生於君父，幸能明其衷，賜釋往前愆，使僕得盡忠悃以奉朝廷，誠所願也。昔聲[illegible]負罪，竟為晉室忠臣；關羽更生，猶為曹公報效。僕僕不敏，敢忘斯義，或與北賊以立功，或從西征而贖罪，雖死不辭。伏乞俯察微誠，免其罪戾，幸甚。

與太監山壽書

夫天下之道，重莫重於忠義，尊莫尊於名節，是[illegible]生，向榮避辱，此人之常情也。僕自出來，好居[illegible]

義、與小人而致禍難、雖身居艱險、犁牛之志不賓者
咨嗟、望二天而控訴、今聞大人從京始至、明其負冤之由
示以可生之路、僕家聞之、童老不勝懽忭、伏願以一册
為家奴、以免縣官侵苦、且古人云、以罰治罰、其禍不作、今杜
當與僕舊為仇讐、再為本縣之官、此僕所以驚懼逃亡之故也、今
大人德及昆蟲、恩洽草木、藏汙[illegible]垢、納叛招亡、能許
僕以改過自新、洗心滌慮、以作太平之民、所願死生
而骨肉也、

與方政書

嘆殆料千鈞之弩不為鼷鼠發機今爾為相名將以兩國之兵而爭勝於匹夫勝者不過封侯萬一蹉跌四方哄笑兵革不休雖有智者不善其後悔將何及第恐取笑於當朝貽譏於後世深為公寒心焉今為公計不知按甲休兵閉坐受降此上策也雖僕等與公之幸亦下萬民之大幸也

又答方政書 明又進軍不止又有書諭至內數其罪故為書答之

亦爾虜賊方改夫為將之道、以仁義為本、智勇為濟、人爾等徒向葉詐、虜殺無辜、每陷其衆於死亡之地、乃人之怫天地所不容、人鬼所共憤、是以連年征伐、常取此敗、而不能先為之趨避、乃猶逞[illegible]以自矜、悔將何及、況今春水方生、嵐瘴流毒、其勢不能耐久、今爾徒擁大衆逗撓不進、使軍人染瘴癘而死、是誰之過、兵法曰、仁者以弱制強、義者以寡敵衆、爾今欲戰、則宜勒兵相攻、以決雌雄、毋使苦兩軍為也、

答方政書 賊見前書罵之曰懦弱然賊書出乎原熤地故答之

示爾虐賊方政、夫善用兵者、無險無不險、無易無不易、勝負在乎將、不在乎地之險易也、入險而鬬者、如兩虎鬬於空谷中、善用者勝、誤用者敗、是以地無常形、戰無常勢、何險易之有分哉、汝若不退、必引兵以決戰焉

又與方政書 丙午年五月我軍至乂安城賊不出戰乃為書遺之

示爾虐賊方政、吾聞名將貴仁義、賤權謀、爾專權謀猶不足、況仁義乎、昔者汝書之來、嘗笑我首鼠竄伏山

林、不敢出乎康邏地以相攻，今我已至此，又安

義勇、皆願此爲兩林子、爲乎原乎、汝乃閉城則

老嫗何耶、吾恐汝等不免巾幗之辱矣、

再復方政書　方政致書于我，我復之

夫國大事者，必任仁義爲本，成大功者，以仁義爲先

義之爲全，故事功之必成，吳國因胡氏失道，假以

爲名，而興暴秦之黨，侵奪我疆土，虐殺我生民

不刑、殺衆垮其財産、小民不得其養、

今民懸抒悉舉有大夫曾不知内省厥躬而乃贖武労兵甘心遠畧使士卒暴露人民塗地吾恐季氏之憂不在顓臾而在蕭墻之内也

答總兵王通太監山壽等書 十二月 彼時東城通舟去 阮仁杯中日請和所作故云

僕聞天地之於萬物者雷霆震怒而生生之意行乎其間父母之於衆子者嚴笞譴責而鞠育之恩在乎其際伏蒙大人書許以自新不勝欣幸誠天地父母之大德也雖粉骨虀身求不足報然大ㄙ若有愛恤元元之

宜差頭目前往演乂新平等城各令班師僕即[illegible]
貢方物伏乞大人差官與僕親信子弟前降伏罪併
自當備整橋梁道路不煩官軍倘蒙矜納非特免
濮國生靈之塗炭抑亦免中國士卒鋒刃之苦也

達花大人等書

達花大人等知道尺令講好已成求封表與使人將已
過梅關同東西二廣及福建等處俱以明年正月初
二月起程回京惟總兵官王大人太監山大人曾且傳賜

廣州文安青化迪衷官軍齊到東關一併同行

寄宿速戒裝出城駐札以待蔡公及邢內官打指揮

此一事十去請勿贅遲如今道路橋梁俱已脩整糧食

俱已備辦供給大人等若贅遲只恐蔡公去後難以

衛行取此與大人報知宜早趁蔡公同去為妙

寄蔡公書

寄贊兄蔡公弟寓東關聞知兄已出城拜見我

中主可喜可喜自此解兵使南國得免干戈之苦一何

忠、可謂知幾君子哉、其為情好垂億百年不可忘也、今遣人將船十五隻來接公及各官眷、可隨便東歸、其餘軍人可以陸行、吾今各處橋梁俱已修整、特此照康、只為報知

與邢內官并打忠票汝笏等書

書說與邢大人打票請公等、只今和好已成、公等宜速整齊、待得秦公會大安來、及濟州城軍等過次一併回、行、只今路上擺道俱已修整、糧食供給等已齊

儀倘若不行只恐蔡公去後無人相伴撫食恐或闕
乏恐道恐或傾圮日後惟艱只此相報：

再與打忠梁詖箚書

上諭與打老官梁相公等若從一家大小俱得平安
宜聽吾言速整裝出城侍演又官相與同去如有不
然悔將無及公等豈不見演又順化等事人只公
了俱得保全歡歡喜喜無一些事公等乃未
此而欲若是其自苦耶我果有欲害公等

可免只今聖上寬恩有勅旨令總兵官便宜行[illegible]
立我黎民班師回京以免兩國干戈之苦我亦以仁[illegible]
之道盡心於事朝廷凡一應軍士俱各遣送回還所
過處爲修整橋梁道路供給糧料人民是我欲以留名
來至千載故不欲與公等較一朝之得失也如或不然不
過旬月之間公等雖金城湯池亦必委棄之耳到此
翻節操可來何[illegible]爲此[illegible][illegible]遲行請勿狐疑以
取乃書不宣[illegible]

寄答丟遵亨書十二月中聞城丟遵亨遣書責其頭如從前打草軍丁故答之

僕聞趙人跳驁、齊人多詐、蓋地氣所生、人性所受、此古
今之常理也。是以其間雖有忠信篤實之人、而隨珉焉、
下閣下所謂前後異詞、此是往來之使不達事勢之宜、以致
兩軍之疑惑、僕爲敎異處於其間哉、伏望列位大人察
而脊之、如謂打草軍丁、每見敎發、是上流之軍、車參
之使、紅衣之卒、或性貪財而好殺、以致然也、僕固不曾
見聞、然稍和戢勞久、亦安順、如謂各衛軍人、未見差

仰齋[illegible]集卷之[illegible] 詞令 九

剿賊是假連勝盟，士卒難行，然陸續相至，屢指可依

并穀岸也，如關貴表之使亦未嘗明白到郎溫知

是則遣使之人，殊慢不行，四畝浮言，別作他事，倘其

決無他意，如蹤不信，則閣下宜復使一二親信之

輿僕兩三頭目前往郎溫，審問虛實，以明真偽，可

如謂船隻道路搭梁未見修整，自是和好未定，以

致牢延，第和好既成，修之未晚，自今以後，倘能塞絕

疑惑之心，更篤和好之義，則下先要南之塗，從此解

問之最爲天下幸甚

舟與王通山壽書

聞信首函之實人而無信其何以行之哉前者得書

併使人來言約以和解一一俱已聽從今觀城中猶據

據於尖高樹樹壘壕古器以鑄火筒鑄戰器史記王瑱取絳回鉤

普明寺爲安戰又高築東關城禮寺擬據於尖是大人等將班師回京取將關子

城池取俱不可得而知此傳聞不議無循且心不識則

事皆虛妄大人誠能不棄前言九坊行之業要棄刹

上欲殄師則班師欲固守則固守何以啓言燕好、
斷機異同不宜前後相反、內外不可參差也、大小民庶而
神歸以候奇情無知、殊出奇擬飛龍騰其陳以亂其
所由、察其、所安、閱人之情僞毫髮者不求隱者矣不宜、

再與王通書

前者得書併草本、所言要欲安南累復立陳氏遣歸僞輿
諸頭目軍人等、莫不歡忻鼓舞、相謂果能如是、今後南
北無事矣、然天高而皇帝遠、大人權不歸一、政出多門、

動不同心各自異、凡前日所言所行僕已嘗備見之矣、不知今日之事、果將如何、此僕區區小人之見、所以卧不安席、食不甘味、拳拳懸乎懷、欲捨而不能、[illegible]見前日事勢、與今日事勢實同一樣、一人說是、十人說非、[illegible]、[illegible][illegible]而十人壞事、是所謂作舍道旁三年不成者也、[illegible][illegible]所爲者是、遂使僕等至今不勝其吾、大人倘見憐[illegible][illegible]勿前日之所爲、千萬留情、是僕之大幸也、不宜、

再與王道書

前蒙尊示尊翰、并使人所言、俱云只因前信要[illegible]
又云謝將泰寨器單、其書暨彩未乾、言猶在耳、今忽
行兵進從之人亦已回來、不知大人果因前信耶、史復縱
調耶、如果因前信、必明白相報、使僕得豫備器物
以候其行、倘復異詞、誠恐信不可失也、古人云去食去兵
信不可去、故文公不貪伐原之利、商君不廢徙木之賞、今
大人以詩書之帥、又不恭文公商君乎、以果欲棄信於小
不宜、

再與工通事書　本藩通事遣東國城，致先出之書也

昨以漸寨稍遠，定勞往來，今欲移居北江城邊，尉浮栺之以便來往，飛稟知此意，專候事命，如別有發落，乞行

僕為感。不一

再奉王子書

達總兵官大人

僕聞天無私覆，地無私載，日月無私照

昭，故王者以四海為家，切無邊遠之有間也。今者豈奉

草書，許以命班師，欲必以二太監大人奏請立我陳氏

子議是大人等誠能為國盡忠、尊君以義、比之年前要
功要奏、謂陳氏子孫盡絶、信不同矣、信如此言、惟交
趾一國之幸、亦天下萬邦之大幸也、朝廷之恩、既與天地同
覆載日月同照臨、大人有命、敝邑豈敢背違、敢區區忠
悃不勝俟命之至、

再遣山壽書

遣山老大人等、前者奉書未蒙許可、今欲再具咸康只
恐煩瀆、然人有病痲則寸鐵等以求此亦常情所不免

子孫俱被胡氏誅滅殆盡無可繼立已議置府縣設官爵治、訖洪熙元年、明仁宗年號 及本國耆民於老撾地方、訪得陳氏某、實先陳王某嫡孫、稟性聰明秉心忠順、義當繼立、乞照依例襲封、仍舊納貢、謹遣某奉表

奏以聞、

伏以湯武弔民而伐罪、事殊揖遜以征誅、而既義所當然、往昔厥初、顯為明證、蒙利為惟聖人之治、不過九州、王者之仁、實同一體、茲惟交趾遠隔華風、漢唐以

現將官軍所獲可疑夥之人要之會議乞為無遺不知如何、並不見一人放出士官及其士人親不□為挨至若可並之人俱是舊人親戚奴婢豈忍若是愁然耶、所以不得不冒干威嚴再為煩瀆者也、不宣 下有表文

求封表文

交趾布政清化等府知府臣黎利、誠惶誠恐稽首頓首謹上言臣伏覩大軍克平之初詔求陳氏子孫以奉宗祀其時有林等官未及徧求只詢士人言奏稱陳氏

武之薦貴辰[illegible]擇畢之存孫究[illegible]

[illegible]檢以華人念未于[illegible]無章閭陳家[illegible]

東[illegible]以義散亡者何可勝數士卒征役連年[illegible]

[illegible]其書而身皆[illegible]何於教化卒由舊染然成[illegible]

本宗[illegible]造臣奏議奏[illegible]交趾[illegible]而設治官奈伏[illegible]

[illegible]又之大[illegible]今入[illegible]之有功朝廷寬[illegible]本陳[illegible]

[illegible]曾國以入[illegible]年來貢於帝廷累世貢封於王[illegible]

之[illegible]來文用[illegible]封[illegible]速[illegible]太祖之格[illegible]陳人

積若岳發震而立大義、自知拳頭而觸法、每懷無地
而措躬、有痛則呼、乃人情之必至、知過必改、諒聖人之
所容、瀝血陳詞、籲天請命、恭惟
皇帝陛下、天覆地載、日照月臨、春育海涵、大庥泰包
之量、雲行雨施、普覃解作之恩、必崇德以象賢、必興
絕而繼滅、必同漢武詔棄輪臺之過、必如宋帝悔伐部
罷之兆、杖過肯罪、誕擴好生之仁、休兵息民、尚滿止戈
之武、臣敢[illegible]骨、効順輸忠、奉表稱臣、願述侯藩之

俱大越文書奏職人，俱已出城拜降，惟東關一城未能進屠，實由天祚皇陳，故成功之速，而臣等破欣欽欽，幸得以効尺寸之功，伏惟

欽聖皇帝陛下同垂協相，勒滅彊明，以救萬世人幸福也，臣下情無任瞻天仰聖謹奏表以聞

與王通書 丁未帝進軍瀘江北岸與東關王通書 王通山壽使阮壯來通信，帝乃書之、

書奉總兵官大人鈞座前，僕聞以誠服人者，人服之，夫至誠之道，可以動天地，通鬼神，而況於人乎

仁宗皇帝、[illegible]皇太后、英宗皇帝、[illegible]、
聖帝、憲慈皇太后、藝宗皇帝、順慈皇太后、肅宗皇帝、
嘉慈皇太后、重光皇帝陛下、臣祖父受國恩厚、世爲近
臣、義當効忠盡力、一自明賊奪我疆土、虐我生靈、化璞
光帝陵廟、被賊陳氏子孫、臣臥薪嘗膽三十餘年、志
在復讐、以雪前恥、於乙巳年在老撾地方、尋得藝宗三
世孫陳共、於本年巳正大號、以奉宗社、義兵一舉、四方[illegible]
集、是以一戰於茶龍、而復又安清化之地、再戰於寧橋、[illegible]

復大越之書翼各處賊人俱已出城拜降惟東關一城未能進屠寔由天祚皇陳故成功之速而臣等破竹之鋭幸得以効尺寸之功伏惟

欽聖皇帝陛下同垂協相勦滅强明以致萬世太平

福也臣下情無任瞻天仰聖謹奏表以聞

與王通書 丁未帝進軍瀘江北岸與東關相對帝與王通山壽使阮仕來通信帝乃書曰

書奉總兵官大人鈞座前僕聞以誠服人者人服之夫至誠之道可以動天地通鬼神而況於人

仁宗皇帝、[illegible]皇太后、英宗皇帝、[illegible]皇太[illegible]、[illegible]
皇帝、憲慈皇太后、藝宗皇帝、順慈皇太后、肅宗皇帝、
嘉慈皇太后、重光皇帝陛下、臣祖父受國恩厚、世為近
臣、義當効忠盡力、一自明賊奪我疆土、虐我生靈、絕堪
先帝陵廟、挖賊陳氏子孫、臣卧薪嘗膽三十餘年、志
在復讐、以雪前恥、於乙巳年在老撾地方、尋得藝宗三
世孫陳某、於本年巳正大號、以奉宗社、義兵一舉、四方[illegible]
樂、是以一戰於茶龍、而復乂安清化之地、再戰於寧橋初

進來之後隨即退軍令使已行矣送伕之人亦已回矣而軍之退不退未可卜也又謂要將士人俱放出城而數月以來不見一人放出不知父母果若是耶傳曰自古皆有死無信不立故王者不欺四海伯者不欺四鄰今大人以父母之心而欺其子耶伏惟鈞慈俯垂照亮不宣

再與山壽書

僕聞天有日報必資土以証人有口德必資信以行苟土之不証信之不充則載道息人事廢矣故皇

大人、俱請決一死戰、大人如復踐前言、以尋舊約、則就行班師、以卒前好、僕亦將各城軍人、及那所獲軍馬農器發回、如其不然、請以各城含冤積忿之重、與僕二十萬兵周旋城下、聽大人如何發落、僕不勝恐懼俟命之至、不宣

與太監山壽書

呈奉太監山老大人鈞座前、僕之事大人、恩猶父母、自前至今、何嘗有一念之或虧、前日大人賜書、約以和解、謂

進兵之後隨即退軍令便已行矣遂使之人亦已回矣而軍之退不退未可卜也又謂要將土人俱放出城而數月以來不見一人放出不知父母果若是耶傳曰自古皆有死無信不立故王者不欺四海伯者不欺四鄰今大人以父母之心而欺其子耶伏惟鈞慈俯垂照亮不宜

再與山壽書

僕聞天有四報必資土以耕人有四德必資信以行苟土之不耕信之不立則穀道息人事廢矣故立無

大人俱請決一死戰大人如復踐前言以尋舊約則就行班師以率前好僕亦將各城軍人及縣所獲軍馬盡數發回如其不然請以各城含冤積忿之眾與僕三十萬兵周旋城下聽大人如何發落僕不勝悉懼候命之至不宜

與太監山壽書

呈奉太監山老大人鈞座前僕之事大人恩猶父母自前至今苟有一念之或虧前日大人賜書約以和解謂

之地而為天下之費此論誠為的確使人人皆同此心則天下無事矣其鎮守內官及三司各官徐以會議柄內知朝廷大臣使長計都議復如何大人果能幽滅前書所議而奉命之日得以便宜行事及與等議便當央成歸志一以解兵釋然為家之幸一以引君當道以揚天下後世之名何必復議數萬官軍以護擁宜更圖還服裹不如放麾為大業網要之為愈也前言幸毋不食僕當剴開歸路凡前餘橋

二十

人之恩厚如天地之覆載尚有所憾況其他乎大人謂非獲與僕但未嘗放鷹犬棄綱常而使人之信也昨者因部溫抱悒之人投出宣德元年十二月初十日所呈土官武所賫本及本月十六日續差土人徐誠賫本等詣本中意誠方知大人之德猶天地之於萬物洋洋乎發育生意浩然而萬物不之覺也前書責僕不能敬事天地父母僕不自知負罪深重徒切兢惶豈大人必要致怒能即止初無求備之心僕又嘆本中所謂不以一微

之患、而為天下之費、此論誠為的識、使人人皆同此心、則天

下無事矣、其雙守內官及三司各官、徐以會議柄行

知朝廷大臣使長計部議復如何、大人果能關滅

前書所議、而奉命之日、得以便宜行事、及

與等議便當央成歸志、一以解兵釋怨、為

之幸、一以引呂當道、以揚天下後世之名、何必復議敝

為官軍以護撥、宜更固還服裏、不如放鷹犬棄網罟

之為愈也、前言幸能不食、僕當掣開歸路、凡前余橋

人之愚戾、如天地之覆載、尚有所憾、況其他乎、大人謂非
犧與源、但未嘗放鷹犬棄綱常而使人之信也、昨者
因即溫抱慍之人、投出宣德元年十二月初十日所差土
官武剛賫本、及本月十六日續差土人徐誠賫本等項
本中意語、方知大人之德、猶天地之於萬物、洋洋乎發育
生意潛施、而萬物不之覺也、前書責僕不能致天
地父母、僕不自知負罪深重、徒切兢惶、豈大人必要致
怨、能即止初無求備之心、僕又覽本中所謂不以一點

也已

再與王道書

書奉總兵官大人、僕聞誠於愛物者、天地之心、誠於愛子者、父母之心、愛物不誠則生生有捐而息、愛子不誠則慈愛有捐而斷、是以天地之於萬物、父母之於赤子、不過一誠而已、昨日奉書責以不能敬事天地父母、然僕觀大人前日所為、並非天地父母之道、其於虜人處己之間、果何如耶、必如張子以責人之心責以[illegible]

與我相會，定為期日，班師回京，而公等乃執守故常，不達事變之宜，欲以數仞之城，而拘留久役思歸之士，謂可以度日自娛，而不顧數千之性命，是豈仁者之所為哉。今我如還取清化、演州及西都督黨只三四萬，周旋城下，蓋不過翻刺之間，灰飛竹破，到此翻臨，公等欲保全妻子性命，豈不難哉。今為公等計，莫如早棄甲兵，出城與蔡都督等軍，陸續回去，以還我安南境土，使彼此兩便，豈不善哉。如或不然，求之何

也已

再與王通書

書奉總兵官大人、僕聞誠於愛物者、天地之心、誠於
愛子者、父母之心、愛物不誠則生生有絹而息、愛子不
誠則慈愛有絹而斷、是以天地之於萬物、父母之於
赤子、不過一誠而已、昨日奉書責以不能敬事天地父
母、然僕觀大人前日所為、並非天地父母之道其、於虐
人處已之間、果何如耶、必如張子以責人之心責已

與我相會、定為期日班師回京、而公等乃執守故常、不達事變之宜、欲以數仞之城、而拘留久役思歸之士、謂可以度日自娛、而不顧數千之性命、是豈仁者之所為哉、今我如還取清化演州、及西都諸縣、尸、三兩萬周旋城下、蓋不過朝刺之間、灰飛竹破、到此相斂公等欲保全妻子性命、豈不難哉、今為公等計、莫如早棄甲兵、出城與蔡都督等軍、陸續回去、以還我安南境土、使彼此兩便、豈不善哉、如或不然、來之何

後大人咨開誠心決成歸志則撫將戕中畢人先行發
則蔡公即隨同發去大人如或未行蔡公安敢先舉
乇兵去使僕擊開歸路與夫脩整橋梁備辦糧草
則何難之有僕豈有他願哉不宣

再與大監山壽書

書奉太監山若大人僕竊惟平昔之所以逾於海岳而僕
之紙補淺有消埃以此恩之深有相感前者奉書已
自明言賀大人與總兵官之意圖欲和解以免西國

干戈之苦、奈以方馬細人之言、或以一旦國壞、故僕之罪
下頭目、或歸怨於僕、自不聽僕告戒、昨日之事、僕初
不知也、僕豈敢邈忘前議、而欲害大人耶、且是非曲直
信、不能逃人心之靈、諺有之曰、如人飲水冷暖自知、今
於和議之成不成、信義之失不失、非僕之過也、前者所
損馬三百匹、軍一千人、秋毫無傷歟、其被殺者、俱
人際相對敵、蓋出於不得已焉耳、若能復尋舊約
則總兵官所言、不待命而就行、則前日所獲軍馬

及逆賊各衛所軍人、今俱在此、惟大人之命是聽、來審大人如何處置、若其不然、而猶惑於方馬之計、然以大人父母之恩、必不能覆育其子、而使不得服事大人以盡為子之道、惟大人恕責是幸、不宣

喻小鵠城土官書

昔人有言曰、鳥飛歸故鄉、狐死必首丘、禽獸尚爾、況於人乎、卿等本皆西越之人、衣冠之族、頃因胡氏失德、與賊混處、或身陷於虜庭、或名縻於僞職、勢非得

己、豈其本心、上帝哀念假手于我、代天行化、太師衛國公丈亞丁未諾持推尊書為代天行之令同昇齋論後又遍之、弔民伐罪恢復基國王師所加、義聲載路、四方之民、莫不攜負而至也、爾等存能洗心滌慮、去逆歸順、或居為內應、或挺身出降、非特雪其前恥、亦必蒙其陞豎、我不食言者、後應領偽職、抗拒王師、城陷之日、罪浮於吳矣、

諭批江城書

書示批江城中將校官員軍人等、余聞今有南批道無

彼此仁又君子無處無之我安南雖邊嶺外而號為詩書之邦其智謀才識之士世不乏人是以凡我所行之事莫非動循禮義應天順人前者總兵官成山侯自寧橋性、[illegible]之後令人致書約以和解我上得盡敬順朝廷之心下免為兩國干戈之苦所言一一聽從彼又令我差人進表求封請進表之後隨即退軍及表既行而軍不退又增樹柵壘繕脩器械自謂深為得計背約無信一至於此今者清化演州迤裏等處衛軍俱已一齊到

凡軍人妻子財物，秋毫無犯，今為爾計，莫如出城
榮督軍決為歸計，以活城中數千人之性命，我等見此
古人之得失，如秦之白起，楚之項羽，殺降背約，我等心
為此，爾其寬心，請勿驚疑，以敗乃事，若謂城高池深
糧食又多，則清化、乂演等處城非不高，池非不深，糧非
不多，兵非不強，而榮都督兵非不精，官非不大，餉非不
明，而猶隨機達變，以全數萬人之性命，而爾等乃欲固
守，違議以取實禍，豈不謬哉。且我[illegible]國以入內行

蕭墻之釁憂外有北邊之僭忌而大臣倖位政由下出旱蝗連年盜賊蜂起其為喪亂豈不前知皆於亂事必未形而何爾等見幾之不早乃欲若是仍於耶爾等若能出城與我和親則我視以義備兄弟皆内外皆得保全妻子性命而已如其不然則任汝所為已夕之間會相見爾到此抑節悔將無及爾其思之

諭三江城書

書示三江城中將校官員軍人等所貴乎君子者豈

隴峨相連、查量力處、已令著有人以船帆而起鼇山以鬱
劫營草賊、而自謂力有餘者、亦可謂何愚之甚者夫、耳
等以數百單人、獨守孤城、而與我抗、是亦何異於此哉、
以傳之城池、不若又安、安之高且深、以再之糧備、不若真
安之畜積之厚、而武勇敢死之士、又不如演又單人之
衆、尊之官爵、又不如蔡都督之大、今演又順化新平清
化前衛市橋昌江鎮江等處衛軍、俱已開城出降、
見普提樹下、蔡都督定為日期班師回京、凡一應官

單及妻子財產並秋毫無犯而再惟執迷守拱不
悟遽圖何見撲之不早也凡我將士莫不欲撲登
殺以先登而我猶念城中無辜之人責為再誤此
惟將鼓一鳴玉石不分書數字為寄

與玉通書 常使人往來通所通不能乃為書示之

書達總兵官咸山侯鈞座前賊者奉書未蒙報亦差
人往侯又都不與回是大人前日言行不違之言果
何在乎侯以小國事大國之道宜當撥兵且以大人

前日曾稟義舉懇絕故累奉書不憚煩數然卒不得所願不如是勢使然耶僕竊為大人計不如班師凱還以解兩國干戈之苦以免國家瘡痍之禍以成興繼絕之義以示王者一視無私之仁上焉不負朝廷委仁之隆下焉不失將臣出國之義使名垂史册顧不偉哉與其襲漢唐好大喜功之弊豈若行仁義弔伐之師今乃舍此不圖惟汲汲於築城鑿池每以微傾城門備樵蘇戰何至若是修營耶大人若謂城

池隍固可恃、則僕恐遠水不能救近火、君謂城中勇敢之士尚多、欲決雌雄於一戰、則僕昔在可藍荼麟之間、方公等以數萬之衆、兵彊志銳、而僕以數百父子之兵、猶能迎刃而解、以成破竹之勢、況今以演、乂、清化、新順及東都諸路、選其精銳者、不下數十萬人、則其雌雄之勢、可坐而策也、然國之盛衰、一關乎天、兵之彊弱不在乎多、而大人每以往日胡氏爲喻、僕以今日之事、與往日不同、夫胡氏欺天虐民、而僕敬天順民、則理之順逆不

同一心也胡氏之兵百萬惟百萬一心僕之兵不過數十萬而人同一心此不同一心也今大人幸能不以人廢言決成歸志令得親信之人同山大人過江爲會僕即退師不窒淸潭快州以候出處如其不然未之何也已

再諭王通書

僕嘗觀易經三百八十四爻而其要在時之一字故君子隨時達變時之義大矣哉前日初征交趾之租

判臣奉詞伐罪此翻也今者天運循環無往不復大人奉命之日得以便宜處置而大人果能復照太宗詔書所立陳氏令復我國此忍翻也翻乎翻乎信不可失昔日先翻者殺無赦後翻者殺無赦是以君子貴在隨翻處中然自古以來迂儒俗士不識翻務識翻務者在乎俊傑若大人者所謂識翻務之俊傑也昨奉書來要僕悔前日之非再修舊好信所謂君子無翻風惡譬若疾風暴雨倏爾光霽是可喜也但所謂

將在此軍士先發回一節、於理有礙、何者大人秉黃鉞、
總王師諸將雖有蓋世之才、絶倫之力、莫不奔走奉命、
大人未行、而欲演乂等軍先回、於理不順、此一礙也、且
今日取出演乂等軍原議、先將在城官軍發回一自
小人沮壞好事、遂成齟齬、演乂等軍原有惡心、謂爲
大人責已、今大人未行、蔡都督必不敢先一步、是二礙
也、目今天氣溫和、正是班師翔候、大人擔此翔不行、
而直待春水方生、暑氣漸逼、而謂從容凱還、從以

役思歸之士途中懸望到此相繼欲從客來必得從
容也向者所謂隨部審變正宜辦之於早大人果能
不以僕言為迂濶開布誠心願得親信之人同山大
人過江相會刑牲歃血要質鬼神定為期日就將所
阿官何知州送還東關僕亦隨即差人進表納貢
而退軍於石室快州等處使大人得以從容訖遣諸
軍陸續而還而山大人為之收後如此則彼此嫌疑
以釋而大人天地父母之心方全始終僕雖結草啣

環豈足報云、

再諭王通書：

城南奉書總兵官列位大人勞坐下、爽曾用與替在乎

審彼勢而已、得其勢有其勢、則變亡為存、化小成大、

夫其相乖其勢則眾豈為溺、轉安為危在乎反掌、

開豁、今爾等不明潮勢、更懈堅辭、豈不是亦劣

何足與言兵事也、往者內懷饒詐、外托講和、擬填

且坐待援兵、心迹不白、內外不一、豈能使我必信

勿疑乎、古人云、他人有心、予忖度之、此之謂也、昔秦吞併六國、專制四海、德政不修、身亡國破、今吳之彊不及秦、而苛刻殆甚、不滿期年、必相繼而死、所謂天命非人力也、方今北有天元之敵、內有潭州各處內外之患、江左一區、不能自守、況有他國之圖哉、卿等不諳事勢、為人所敗、竟托張輔欲藉其威、此豈大丈夫哉、柳亦婦人耳、當今事勢、雖使上位舉兵而來、亦促亡耳、況於張輔自至送死、何足道哉、昔漢昭烈、劉氏

之遺派耳孔明能使大業復興光皇隊之子孫乎天
命與之人心歸之非吳國所能奪也且古之豪傑未
遇於際見幾而作是以伊尹莘野之耕夫太公渭水
之釣父一為王者之佐一為王者之師是豈豪貴之人
耶貧賤之人耶看燕之慕容趙之石勒此是中國之
人耶蠻貊之人耶羅宗弼言直蠻獠小人語非中國
之人言也今計窮力盡士卒疲勞內乏糧儲外無救援
空取蕞土假息孤城豈非机上之肉釜中之魚更欲

爾吾民諭以非義彼忠臣義士之人雖窮厄相尋薪嘗膽不肯異圖奈何今日肯信卿等不義之言乎但恐城南中人之懷舊主及吳人之不勝困苦其害卿等俱縱來降如彭飛呂布反為羣下所害此必然之理也今各城自都司以下恨卿等詐已誘以屠城或奮身而踰壘達告攻具艦修車梯被困之人反相殺戮何必我之士卒乎今為卿等之其敗有六潦水橫流墻柵崩頹樵蘇匱乏馬死兵疲此一敗也昔太宗待建德而

[illegible]

當寇此隙、金長關隴塞、兵象俱屯據、兵若至萬一必
敗、援兵既敗、郭等戕據、此二敗也、健兵肥馬今在北
地、防備無兵、不邊南顧、此三敗也、干戈屢動、征伐頻
興、人心不聊生、嗷嗷失望、此四敗也、奸臣專政、弱主當朝、
骨肉相殘、黨猜起禍、此五敗也、今我興兵起義、兵上下同
心、英雄盡力、士卒自備器械、日積、且耕且戰、城中疲弊、
自取滅亡、此六敗也、今守一最之城、以待六者之敗、深
爲可惜之、吾云遠水不能救近火、如有救兵之來、亦

何益於敗亡乎、昔者方政馬騏務行苛虐、生靈塗炭、天下怨嗟、掘我之邑墳墓、虜我之民妻子、生者受害、死者含冤、御等深察事機、詳明細務、斬方政馬騏之首、若赴轅門、則免城中魚肉、蘇國內瘡痍、和好復通、干戈永息、若欲班師振旅、則修整橋梁、備船隻水陸一途、惟意所欲、送軍出境、萬保無虞、臣禮不虧、貢物不闕、如其不聽、則當整軍布陣、交戰平原、以決雌雄、以觀巧拙、不可深居窮寨、以效老嫗之態也、

與王通書 司空蔡福上將發兵與明人戰敗于問洞帝以一失棄故為書予之問洞今黃梅洞是

僕聞、取一勺水、大海不為減、添一勺水、大海不為增益、故善用兵者、不以小勝喜、不以大敗懼、今諸公以數千殘卒、獨守孤城、糧餉絕、而援不來、衆日離、而單日少、其強弱勝負之勢、可坐而策、況安南兵象之多、心力之齊、戰器日修、士氣日增、其智謀之士、武勇之將、不譬林立而櫛比也、公等一有小勝、不見其強、而代雖有小敗、不見其弱、所著哉、之裨將數人、年少氣驕

不逞剿東征戰失機公等以此得志今以新平順化
演人及前衛三江昌江鎮夷衛各所等處將校者發
列督及三司指揮千百户等官數百餘員軍人一萬
數千男女大小三萬餘人俱為公等所誤數之我稱
悍敵人孰艱孰重孰勝孰負而公曾不以此爲慮
倘且鴟張勢大警猶突心桀驁而堂燕猶呴呴相樂
豈不甚可笑哉且今二廣地方聞我軍乘勝長驅羣
盜因而竊發霹靂大王已自擅地稱帝而我之兵象

自夜進攻寬祥臨州皆為我有、今公猶且日望撫安、
舉言撫至、奉書猶賚中、說款又甚可笑也、前日恭謝勑諭
指揮千萬兵及各府州縣之官告乞願將太宗皇帝所立
陳氏子孫、照書內事理、赴京陳奏、及謝恩總兵官不
能鎮守北方人遺令計、卻自行文書取各衛所州縣
和議既而背約、以致彼衆散失所、以此為詞、伏候以為
日所得、奏書則總兵官大人真有誠心、但為方隅所
發、以致興兵、是以此議未定、大人若能復歸撫以

仰班師與祭都督和睦、一以免兩國干戈之苦、一以解祭都督負已之愆、如此則全師免禍、豈不善哉、若或執迷、守死而不善其道、是亦唐太宗所謂盡忠無益者也、且大丈夫行事、當磊磊落落、大人欲水戰、則當盡戮船排列江中、以決死戰、欲步戰、則當盡兵馬遂出郊野、留一二日、以決雌雄、不可首竄城隅、乍出乍入、掠取雜草以為得計、若此則婦人女子所為、非大丈夫所為也、

再與王通書

清化府知府蔡某書奉總兵成山侯知道僕關門貴子廢僕責在乎達時勢審事變而已我昔在可藍之日地不過一城衆不過千餘而馬騏朱傑等才逃後又遁跡於老撾至靈山之地絶糧所食不下敢衣不掩冬單兵不過數千一城空如也觀底子弟師友分散他鄉不得完聚而方政馬騏王成淵責饑之是歲進兵我之甲兵旦夕攢擁無一湖如息戰付下去戰界備所遇無不摧折豈非天意乎

進備環、無往不復、往者不拘二餉、今陝西督撫各行二十

年之食、昔者兵不過數百、今唐化父子之兵、不下二萬、演州

斯平順化素號精壯勇敢之士、不下數萬、與定州暮[illegible]

同心同力之士、不下十萬、其餘戰士不下二十萬、[illegible]之師

久親、分散、今者智謀才識之士、不啻林立、櫛比

器械、充塞、今若戰艦連雲、鎧甲櫂日、銃箭堆積、[illegible]

倉充、以昔較今、强弱可知也、況南國主連年死喪、骨肉

相殘、壯悍侵凌、大臣不附、加以凶年薦至、士夫懷叛、政令

頻背盜賊蜂起自洪武至今勦兵贖武中間
風疾縣天之降殃正在此報再尚不速相與及早
之言備為攻守之計彼若議於攻守何不之我於時
華役殘之報而反驕張誇大於今日乎何不思之此
況又遣人聚目設詞謊衆聲言援兵欲至張輔又來
再何不思今日雖有援兵十萬就遣騎乎若其傾國而
來或五四十萬再何不料再國今日影無於乎將前
情之內備有事乎如張輔等一概僥倖戍攻陳延知

胡氏篡奪、一國之人視若仇敵、衆叛親離、我師今來此際

逆以成功、爾等何不思我兵象之多、心力之齊、縱仍

攜百萬、其如我何、況爾國勢岌岌若此、此又令張輔

領三四十萬兵出境、爾朝廷肯放心乎、今為公等計、不

若與柰都督班師回去之為愈也、不然我旗一指、戎鼓

一鳴、公等悔將何及、易曰窮則變、變則通、公等盍不

思此硜硜守巡逮之小節、吾恐爾之士卒、日夜思歸之切、

維以饋餉不繼、疾疫相因、雖欲攻且守、誰其與之、諺云

一[illegible]爲飲父孔然[illegible]其方馬筆[illegible]所謂[illegible][illegible]之地不可

以爲夏令[illegible]其[illegible]是義[illegible]

[illegible]奉書[illegible]

弟華山書奉出居春公是下[illegible][illegible]其於[illegible][illegible]遺書於

徐[illegible]道者行者行[illegible][illegible][illegible][illegible][illegible]遠來以古之英雄

豪傑其手足之所[illegible][illegible][illegible][illegible]其屬[illegible]以明是要

於斯世殺其朝之過不遠其[illegible]天[illegible]昔者百

[illegible]而康亡之秦而秦[illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible]

食必不下於漢高祖如箕子之不臣周願則我國立之下卓
詭道必不下於周武願此二策公將安決且國之興亡
盛衰關乎天運誠非人力所及今公徒爲中國之用則方
今中國內有蕭墻之禍外有北狄之憂旱澇相因妖孽存
至大臣不附舉國離心天之降喪不久則慕士之明哲當審
幾微之於是者必奮力奮爲而遯迹高爲名節又不竟爲
不得伸其有爲圖志立如唐宋傑所謂盡忠無益者也
爲公計不若順其運聽命于天乘此翻機樹立功業

食必不下於漢高祖如范子之不臣風聽則我國文之下卑
誠道必不下於周武顧此二策公將安決且國之興亡
盛衰關乎天運誠非人力所及今公復爲中國之用則方
今中國內有蕭墻之禍外有北寇之憂旱澇相因妖孽薦
至大臣不附舉國離心天之降喪不夙則暮士之明哲當審
幾微之於是者必審於事焉而避禍焉爲之報又不竟爲
不得伸其志而爲智者志且如唐宋張所謂盡忠無益者也
爲公計不若順其過聽令于天乘此契機樹立功業

使番民幸得脫塗炭，若黃帝公之豐功偉績，亦得以昭
垂青史，豈不偉哉。如其猶猶豫豫，不能同來議和，大家保
也。願番議察，不宣。[redacted]

與王通書 [redacted]

書示吾儕，安南遺古人有言，窮寇勿追，今我救
羣三四十萬兵，隊分四城，只恐鳥窮則啄，獸窮則搏，
是吾不以全勝之兵，與垂死之卒，爭小[illegible]
救之豈，夫殺之義，夫以千鈞之力，壓於鳥卵之上，[illegible]
[illegible]

也、以攻城之說、姑置一邊、或者黎再顯覚置之度外、以甲休兵、撫養士卒、招下賢者、是攬群才、繕脩戰器、象、教以坐作進退之法、又董之以仁義、使人人有親上死長之義、以之應敵、嚮吾向者生、悖吾向者死、凡吾所恃者、他日羅國之事稍緩、貪心復萌、或再加三四萬兵復來、則吾之所以待之者、益綽乎有餘裕、若再等不戰而自除、何足道哉、顧此二策、吾意未決、不知公等將以我置之度外為上策也、耶公等退而教之、幸甚、

諭清化等城書

諭爾清化乂安將校軍人等夫爲國亡軀乃人臣之大節立功受賞斯國家之典常今爾等以忠義之心勇悍之氣敵王所愾屢顯厥功昔我本朝當先皇帝興隆之盛胡賊占城逆命侵我邊邑乃祖乃父能輸誠效順圖報國家殺破賊徒復我國家疆土芳名偉烈簡冊昭垂今者狂明不道上逆天心黷武窮兵務廣土地生民荼毒二十餘年天運循環無往不復兹其一

越、席卷長驅數月之間、光復舊物、惟東關一城賊巢

垂逋遊魂殘寇、使彌鳴聚、凡茲京路諸軍靖功

暨在本天長天綱等軍、或列於南班北班之首、或膺

於天潢脉脉之親、然亦未見其有輸忠効力、樹立奇

勲者、而爾等以藩屏之臣、克念乃祖乃父勞旺之功

以奮忠于國家、同心於圖書耻、戰勝攻取、所向有

功、以此忠誠、良可嘉獎、特令叅賞、以附爾貴、昇其旌

裁、

求封奏文 丁未天慶三年，當明宣德二年，八月初黎太祖仍覓胡翔者于老撾國，係陳暠，稱為陳氏之後，因權立為帝，改元天慶，遣使求封于明。

安南國先陳王三世孫陳暠，大頭目黎利，謹奏為求封事：臣暠竊惟臣國僻居荒裔，叟隔華風，當太祖高皇帝龍飛之初，臣祖先諧國而入貢，特承[illegible]錫以王爵，自是世守封疆，朝貢罔缺，頃以胡氏篡奪，覆臣宗祀，上欺朝廷，下重民苦，上天降禍，臣暠[illegible]心，太宗皇帝弗忍一方荼毒，興師問罪，克平之後，復詔求陳氏子孫，諸

已死滅無可襲立乃復請置郡縣將陳氏子孫
稱陳季擴陳光祖等數十人起送回京盡行安撫仍
開設布按三司府縣衛所衙門置官分治依然
置之官不體朝廷懷撫遠人之意乃專爲剝民肥己
之謀但於政務不知大體厭於承宣爲烏者其民
長舉軍務民瘼其懲民之當則不以撫字爲念而縱私
侵漁其黎[illegible]民則不以衛民爲心而肆行殘
皆開宣之後事以聚斂爲意掊克良民逼取

胡濟、搜索靡遺，欲其泉貨之富，則盡民財以充仁於之慾，欲靡宇之壯，則奪民船而興木土之功，公租之所入者，一分監臨之所資者過半，官吏之愛民者絕無，而視民如仇讐者皆是，日甚一日，民不聊生，若水益深，若火益熱，奈天高而朝廷遠，下情不能上達，而饑寒之切于身，禮義有不暇顧，乃率家以殺其官吏，是豈一旦出於不得已，而冀少緩於下水火之極耳。臣竊身在老撾國十有餘年，至是。臣一國之人，不謀而同辭，乃

有鈔讀遞青臣洪金年之風不敢稍懈已伉搆叁
惜以待朝命宣德元年十一月日臣遞至本國見臣國人
已先將羅大捷土盡行收復其新平順化乂安演州
清化前後衛具鎮交市播三江各處城池俱已開
城解甲、説將和解、其衛所州縣等官、并一應官眾、
臣一二收養、秋毫無犯、其總兵官王之通、家管李之安馬
英、方政、內官山壽、馬騏等輩、亦已與臣講解、臣已
訴王之通等、遣人齎書回奏、緣彼家懷罪懷疑、有不敢

行、臣等自知負罪深重、進退惟谷、然臣竊惟自古聖
人若成湯武王之伐罪吊民、一皆出於天理之至公、非有
一毫私意於其間、是以夏、商、玁、狁、而松、宋、越、或討或
命、未嘗不體乎天、後以漢唐好大喜功、而猶且西羈歷
聞、置之度外、況我太祖高皇帝貽謀彼、條章、明明在
上、太宗文皇帝許立陳氏子孫之詔書、御筆未乾、伏
惟
皇帝陛下、聖神文武、睿知聰明、好生之德既洽于民

仳之仁、罔有攸聞、必同漢武下輪臺之詔、必若唐太
新市之賦、必遵我太祖之條章、必舉行太宗之明詔、
赦臣丘山之罪、必寬臣斧鉞之誅、使臣得守土南荒、
納貢天闕、是則非獨臣一人之幸、臣一國之人莫不歡
欣踴躍、鼓舞皇仁、不啻若陽春之回枯朽、溫風之解
冱寒者也、臣當銘心刻骨、効順輸忠、奉求將臣、歲貢
悶欽、另除差人齎捧表文進貢方物、務來秋自貢、謹
具奏聞伏候

八

再與王通書

清化府知府黎其書復、總兵官大人鈞坐前幷列位大人等、昨日奉書、未蒙回荅、差來通事、口說無憑、然前日之事、既往難追、自今而後、悔不遠復、大人倘能念及安南一方之人、顚蹶無知、不忍使其無辜、而受戮、則前日之言、可以不負矣、

抑齋遺集卷之四完

松軒

雪齋詩集序　陳克儉撰

先生上福縣葉溪人、名雄既韓飛卿號葉溪先生、
中進士第二名歷官通奉大夫、採著卿、系中書
侍郎、翰林院學士、太子左贊善大夫、國子監司業、
兼金紫光祿上輕車都尉、井上謂為鵬翔柳青、二十一
歲中進士第四名為中書御史臺正掌、蒂吾一明東歸以沈
及北兵犯境、公素善天文、知我國真主興、徽往
燕都北人於留城守、需托國謂看窟吟其詩見國

[illegible]前遺真卷之三　黃[illegible]

紿龍人見公大才歎無爲用如公志不回愈加敬
遇後設計得脫歸太祖高皇帝于藍山獻平
吳策是夜夢神人告以明日賚以良弼及
公來狀貌宛如夢中所見帝奇之特授承旨
學士羅諸左右凡軍國機務委公責及燕
昔提帝命構層樓于善提樹上與城對峙嚴
動靜仍賜公侍坐第二層日草檄書曾谷城
仍挺身入城五次諭和通使抑北兵還國及

大封功臣加公冠服侯賜國姓凡國朝審章制度禮樂皆公所粉飾歷官特進金紫榮祿大夫內行遣門下省諫議大夫翰林院承旨入侍經筵知制誥行樞密院事兼西北二道軍民簿籍詞訟掌五經博士五衛兼兵掌中書國史三館事等職有詩集行于世 時洪德十一年庚子仲春穀日

松軒

[illegible]許公上[illegible]葬[illegible]二子一[illegible]中今以甲子[illegible]小[illegible] [illegible]奉山[illegible]四年[illegible]上[illegible]青[illegible]古[illegible]歲見[illegible]

[illegible]遣[illegible]夫[illegible]先祖貫[illegible]山縣[illegible] 史碑[illegible]

別[illegible]居隆宅在蔡溪父[illegible]飛[illegible]進士第二

[illegible]娶[illegible]徒[illegible]之女生病實飛熊[illegible]四人年七

十三遭明人之亂於公父子三人歸于萬山[illegible]北京[illegible]

後卒于此次子飛熊歸葬拜望山故鄉 父曉之曰我老矣使汝男從惟命乎

生最愛拜望山山水骸骨歸[illegible]足矣我觀天大二

十年[illegible]南方[illegible]有眞主興汝宜决志于此[illegible]

然後父之資並為大孝豈區區膝下以為孝耶公乃辭

以求養于夜渾（或作武渾）嘗見言云藍山叢利為天子乃

尋到瀛江過蔡太祖事之

世傳先生精于術數知我國聖氣當在清苑門往求

之及至藍山與太祖相遇情驩為奴太祖收之居一年曰

事耕作宿于舍外別與所見一日過皇考謫日見太

祖中集凡切肉食之先生卻為疑乃辭去至楊舍洋留

適見明人數四在別墅賭同此人何來其中一人謂先生

貴來拜謁而往、既見其貌異於衆、泰定故去、先生聞之
不以爲意、前往諫口渡、留宿隔巖、有明人夜出望見天象
常念叶同伴指示曰、安南將星衆已顯現、吾輩當早去、
不可久留、同伴問是何如觀意象、其人曰、他是虎
將多做且飲食粗惡、先生所之、乃及藍山、始細觀動靜、
見每市太祖常買酒淘務四先者酒多於淌、至是淌々
於酒、心覺之、一夕察太祖於寢所不見、即潛入林中、
高望見、山頂中有一枝光照、擬意太祖在焉、乃登

又見太祖與[illegible]共算太乙，神讀至亥年可云秦府

[illegible]至上[illegible]算矣，[illegible]驚起秣對之，先生對曰：某所以要

贊至公只為此哉，何乃相失。太祖擲劍曰：家奴亦有

知乎？曰：某所素講明也。太祖答扉賜之坐，命索之

先生布算曰：百年即其數也。自是凡有計議，必與

之同。先是太祖與同御黎受謀起兵，未敢發，及得

先生乃定。詳見功臣黎受譜記

通史、太祖初為可藍縣尊親，方國朝某、陳勳居

卿諸經史究兵法守已待報、進[illegible]失猜[illegible]去逆命

度郡縣、我國帝潛有懷簒之意、盧巳下貨斂財養

士、黎文安、黎文靈、黎同無[illegible]劉仁澍裴無咎咸崇

卿黎甞言等皆一蹴豪傑並來歸附帝優身[illegible]接

察訴、舉義、部有杜當、張明實、黎景遷帝拔洛水峰

水 戊戌正月帝起義於藍山稱平定王命黎[illegible]

黎宇黎鈔、黎禮黎嚚黎清黎[illegible]黎[illegible]黎[illegible]黎[illegible]

率黎兒黎悟黎車黎莞黎復黎受黎問黎[illegible]

黎乘、黎祐、黎慶、黎祿、黎積、黎林、劉澤、黎鼎、黎晏、

敬、陳連、陳犧、黎景壽、范龍、范英、黎察、張雷、劉可、

業、阮興、黎弩、黎邦、黎汝覽、黎可朗[illegible]

惠、陳忽、杜秘、阮篤、黎文靈、黎慎、黎人、安爲州行

分率鐵突勇士、出與明人對敵、初將微兵少、明

兵四萬五千餘人、象馬、砧以百數、走八[illegible]沒

因往鄭阜、夾哀牢地界、人稀粮少、路絕往來、

靈山世谷、幾十餘日、以馬餘糧蜂蜜爲食、

[illegible]

遣臨大侍黃豪華圍王[illegible][illegible][illegible]舉文明[illegible]

騎兵太可[illegible]盟月兵進、牙吾擒獲象、遂東路[illegible]

夫令頒、符以免擾擾、若不如命、即加差車里

武[illegible]等於[illegible]道設[illegible]年[illegible]等事、帝得其資軍

勢復振、

丁未二年明宣德春正月、平定王以翰林承旨學士阮廌

為朝列大夫入內行遣吏部尚書、兼樞密院事、翰[illegible]

進軍瀘江北岸、命將分兵東都城、攻圍益急、[illegible][illegible]

發營構層樓高阜報天堡登樓望城中動靜[illegible]
御侍坐第二層領旨草往復書札又遣降人曾[illegible]
[illegible]招諭三江城其守將劉清等出降及[illegible]
在城困迫貴書求和諸將多勸王議之惟仁[illegible]
上惟熊見通蠟書言勿以一隅之地勞萬里之[illegible]
兵如原征之數得六七大將如張輔等方可[illegible]
之不可守之故庶審知虛實專主勦和王從[illegible]
諸將解圍而退後邊不待命而班師者以往從[illegible]

[illegible] 五

[illegible]

尋收詣暹[illegible]率[illegible]兵[illegible]手冊胡[illegible]並[illegible]長達[illegible]楼

求助黃差人進表乞兵爲援[illegible]兵役[illegible]行飛奏明

帝辭其請謂群臣曰論者深譏北戎之意亦謂徵之不

武可攀民心然何惟于人言乃遣使封高爲安南國

王勅罷備征兵

既明小辱號不戴而于 且款以和好結局阮廣

冥小史記云帝之用兵能以柔制剛以靜制動多致

捷其克安順化西都嘉定諸城皆命文臣阮[illegible]

青謝之不戰而降、順天元年（黎太祖紀）戊申夏四月、于定王即皇帝位、命阮廌作平吳大誥、通史云、戊戌帝爲明將攻急、駐[illegible]皐、問諸將誰肯易袍以代、皆不敢應、德江冊人黎來奮然、願代帝、仰天祝曰、後日朕有天下、朕與子孫不輸其功、[illegible]殿戍山林、賣印成鋼、神劍成刀兵、來飛騎入陣黃其所執、加以極刑、戮遂退、順天元年策勳一等

臣、命阮廌載為誓詞藏于金匱、
戊申順天元年二月、定封功臣文武大小首軍人義
於藍山勤勞有功等項該二百二十一人、第一功賜國
姓黎歸黎銳等五十二人為榮祿大夫左金吾衛大
將軍爵上智字第二功賜國姓黎蕭黎刻黎壽等七
十一人為忠亮大夫左神衛將軍爵大智字第
功賜國姓黎詛黎敵等九十四人為忠武大夫騎
大將軍爵智字、分國中為十五道、置行遣分掌係

氏簿籍

秋八月定功行封視功之高下定爲等級以承旨阮

廌爲冠服侯司徒陳釬爲左相國檢校大使范文巧

爲太保並賜國姓

一年己酉詔內外文武官有精通經史者悉集會試其

府路軍人山林隱逸有通經史工文藝者假省堂試

身八場中者選用題詔尚書蔡大臺監試

侯承旨阮廌是親帝御善提營者詳宏詞科

試天下舉工書首取阮天錫陶公撰程舜俞盧孝化等六人、二以至科舉試始如例書

己酉五年、立長子右相國監思齊為國王、攝行國事、次子鄴郡公元龍為皇太子、命武自燕營、文自行遣以上有男九歲以上、十五歲以下、入侍太子、武自門知以下、文自尚書以下有男九歲以上十七歲以下、入國子監讀書

封拜功臣九十三員、以次封縣上侯、亞侯、關侯、並賜各有差

六年癸丑秋八月太祖崩葬藍山永陵十一月阮廌奉
敕撰神道碑記
紹平元年紀太宗甲寅五月命阮廌[illegible]
遣阮廌掌作表本成內密院叔意[illegible]
廌怨惡以告黎察察譲廌廌謝[illegible]
才居天下振要每有奏籍皆欲[illegible]民[illegible]
士意故作圖事[illegible]毋非有所謀諷君[illegible]
以太祖神[illegible]命文武議防奏廌言[illegible]

抑齋遺集卷之五

後除之
二年巳部有弄犯並十六人當敢、蓋察見其多教心無之
而以問承責既屬、屬對照序令不妙符義審明矣、令
一旦殺七人、恐非盛德之舉、書曰安汝止、傳曰知止而后
有定、臣請述止之義、使陛下明之、夫止者安所止之謂
如宮中陛下所安也、而貴妃棄、他所、不可常安反歸
宮中、然後安其所止、人君於仁義亦然、以之存心而
安所止、翔戒戚怒、終無可久、願陛下留心聖意焉、

案餘等以卿有仁義能化惡為善頻以付之遂使虜與天爵等各供父共內虜以彼頑猾等童朝廷法制所不能懲況虜等徒黨安能化之以乃斷斬二人餘以流論

帝日與近習嬉戲大臣欲勸學乃議奏以阮廌程舜俞等文臣六人入侍經筵帝還其奏

四年丁巳春命阮廌與鹵簿司監梁登督作雲鈴樂器教習樂舞廌進石磬圖因奏曰夫世亂用武

事狀　九

和平尚大、今與盛樂比其和也、然無[illegible]無文不行、和平爲樂之本、聲音爲樂之文、臣等部作樂正敢不盡心力、但學術粗淺、於聲律之間[illegible]以諧和願陛下愛養元元、使閭里無愁恨咨嗟之聲、斯爲不失樂之本矣、帝嘉納之、

及帝欲觀胡氏平調及舞文、既爲求錄得國[illegible]獻十篇上之、

阮爲奏曰、比者臣等與梁登同校定雅樂、而臣所[illegible]

祝不同顧問所命、初太祖勅命阮應定冠服制未及
施行至是梁登上書畧陳曰夫禮有大朝常朝、如元
天吉慶聖節正旦、則行大朝禮皇帝服袞[illegible]
至百官具朝服朝冠如初一日十五日、則皇帝御正殿
袍衛天冠升寶座百官具公服幞頭常朝則皇帝御
黃袍衛天冠升金臺百官着常服圓領烏紗帽大樂
有郊樂廟樂五祀樂救日月交蝕樂大朝樂常朝樂
大晏九奏樂中宮樂不可一槩用之一鹵簿大駕如知等

輅制大輅象輅馬輅有九旒與乘七旒　輿有其蓋者

[illegible]葉、而儀仗則含[illegible]

眞鸞駕隊伍皆有、多寡之數、臣不勝盡錄書奏、帝

又命登定之、登因進冠服制樂章、大抵登與焉所定

多不合其議樂器輕重大小多相違、奏不同故爲解

其事、人物誌云公辭不與事、辭 蒙室於王靈鷲山相承關奏、

頒新定聖節正旦朔望常朝大宴等禮儀註初帝命

樂登定大朝禁儀、至是成進之、乃命傳寫儀註懸于以

天門丈中尚太廣百官着朝服行新禮自此始行遣
阮廌參知簿籍阮傳陶公撰阮文編參議阮于等上
疏以制禮作樂必待人後行如周公而後無間言今
使小監梁登專定禮樂圖得不辱乎且彼所爲欺
君罔下無所憑據如鼓鳴人早集朝衙令君出班定
乃鳴古制君出衙左撞黃鐘之聲而右五鐘應之君
入衙撞蕤賓之鐘而五鐘亦應之今臨朝鐘一百餘
是和尚數珠之數如用明國制晨坐奉天門則有金

臺、奉天殿則有寶座、今只有會英殿、殿後有金臺、雖
稱不安、重設亦不可、是皆何等禮儀、大逆尊則前殿
後大令開戶在南其側、如此乎、人君出警入蹕、此禮
之常、今開門唱奏事畢、百官退、君尚坐、而蹕人始鳴蹕
何也、且登小堂、號步御座、近君之側、臣竊疑之
大寶三年壬戌會試、二月初二日、上御會英殿、親策
策問、翌晉讀卷官翰林院承旨兼國子監臣陳[illegible]
侍郎臣黃[illegible]、內密院同知院事臣[illegible]

賜上臣阮子晉奉卷進讀第其高下賜阮直狀元阮文瑎榜眼黎士鵠探花郎陳文徵等七名進士吳士進等二十三名附榜出進士題名碑記御題泰臺賦阮直[illegible]經文兼二體具有考官批評見晉賢賦集

七月帝東巡閱武于至靈城阮廌邀駕幸廌御崑山求駕回天德江八月還至嘉定大來荔枝園與氏路通宵而崩初帝愛公妾阮氏路以文學之美召入拜爲禮儀學士日夜侍側人皆言氏路弒廷議殺廌世錄云初八日十六日公年六十三門人歸葬國山三炭山及氏路罪三族又以廌臨刑悔不用丁福丁勝之言並殺之范譜云公將刑歎不用黃福之[illegible]

青[illegible]遺集卷之五

[illegible]公若善公改正業於[illegible]集故也如因為不用了指了[illegible]之意并發之耳 未亨

世[illegible]太、初胡相公道過氏路范諸文仲天均開人其林有范之余及先興者豐北門之

有[illegible]納之後太宗立開其美召入及東巡侍帝崩

朝[illegible]夷三換其開堂獻村人范氏教有服三節

月進宣懷番期而生男鷄國家厭范[illegible]於云本[illegible]元賈縣

方書公云有村人納生男其正室陳氏之子卻復姓氏次室黃氏之子得留供職

一附考大暴云廣之祖三世家有國有姚究田粒公

一日卜居病剔為室其夕公夢一婦抱子至乞

月、萬化寺後地陷旱未起、諸童會舉平其地、見一
蛇、截其尾、得二子殺之、公既驚起、悔不及、是夜、
夢怨者點血污及三紙、公大驚、知其報在
為冤願、常朝回過席肆、見一女色殊異
聲姓阮、能文章、貫經史、帝愛之、常召入侍
乃殺帝、為得罪、誅女臨刑、化為大蛇入水而滅、
聖宗光順四年壬午、勑諭大臣文武百官等昔我
祖帝櫛風沐雨、以定天下、朝則佐命元臣、侍陽開

越甸幽靈集卷之五　事狀　十二

亦黎春子孫得襲日久、惡失原祖之姓、請乎衆人以昔之道、命後凡功臣子孫並依原姓、范公撤又奏功臣賜國姓、並許改從本姓、使繼天潢之宗、識明族氏之本原、帝從之、準前功臣子孫還祖父姓

五年甲申秋七月錄阮廌子鸚鵡縣職

范[illegible]二世錄族云、初太宗立、阮廌復參預朝政、嘗以功成身退爲念、帝命提舉昆山資福寺、年六十乞請事、許之、後復起、命仍舊職、兼中書省之務

裘和蔡崇叔惠等用事尤多媚嫵會被庭旋好吳
氏玉琳有賑豪金仙童降生事聞宣懿太后愈加怨
懟遂以女巫家奉觀音佛為女惠妃求寵事出史述妃
及娩妤婕好坐凝流厲使氏路奏請收監從之旨
下居嚴妃寺公使人瞞養之滿月生思誠后惡猶未釋
氏路知之譖告婕好遺后知而御之及帝東巡幸廣
寧與氏路通而嚴后遂謹告氏路逆獄罪公三族
後忠誠封壽王獄好自廣安來具以塵中言之王

戰征，討劉，乃詔某子孫，錄用，拜鴻臚（已中光顯特旨以下出[illegible]）追回
懇命，畢同無惻（莫譜作西眞，歷教參攷，[illegible]昕光生出偽作依擬矣）追崇公贊，特
俾寵遷祀田百畝，其子孫封蔭，與國同休，至今苗裔為
十三世孫鴻鵠生男二，長祖鑒，進士，為安邦承政奉使，道過
蛇報，次祖鑒，中式，生茂直、茂雍，茂直生男二，光貴、如衍，光
貴中式，亦有登居玉山巡遞峯舉村，余前往過其地，族人
示譜詳之，與世系同，又有移居海陽春育者，必俊舉，昭
治後七歷官宣光按察使，又一支在炭山，亦稱光生苗

嵩嘗向余言之

附錄聖宗母吳氏夢天帝命仙童降生童乃請[illegible]

隨[illegible]指揮右玉女曰以與爾玉女笑不肯[illegible]

帝初公嬪有女以聾俾充官婢洗入教坊歌妓[illegible]

玖色絕美啞不能語有一夕隨儕侶入內[illegible]

拍手象女以次起舞一稱首帝指女曰此坐後何[illegible]

女應聲唯唯並而歌極雅致與鈞天彿彷似在[illegible]

見舉止與玉女無異因納之甚得寵

六年丁亥二月、命東宮翰林承旨學士阮廌爲詞文謄草、
洪徳十五年甲辰、勅旨開國功臣子孫、係順天年間有
功官一二品、其子孫猶在軍伍、許投告本處承二司備奏
送兵部覈實身材堪用者、充錦衣衛校士、
憲宗景統三年、勅旨黎來年間開國功臣自三品以上
子孫、已充軍伍各色、許投告兵部勘覈、充錦衣衛校
士、能讀書者、充崇文館儒生、三品以下充武林神翊
等衛、

□洪順四年、勅旨保開國功臣子孫族、備存□

□授祖父勅命、扶告該處萬貴、識字者充崇文館

學生、不識字者充錦衣衛校士、是年六月二十七日贈

濟文侯制文、出[illegible]以下

順、天承運皇帝制曰朕惟法般中而制滄思弘卑祖

之國肇興業以樹功式表安邦之猷肆頒[illegible]如錫增英

者、晝乎吳開國功臣瑪特進金紫光祿大夫贊[illegible]

伯柱國既[illegible]謹國其儀經綸[illegible]載高啓盛[illegible]

起義肇成興越之基、翊寧八濟水從役茂勞平吳
之績、開望特高於四海、許誠備見於兩朝、紘紐璧
功務難懿、如理搖熙、濟功功換其宿丹皆普
朝既係於厚恩、今日宜加於異數、是用易其伯爵
以侯封、丁以旌佛國之英勳、于以繼將相之寵、峻於
戎、艦々、虎々、熊々、[illegible]、會々、儀德、前々、綏文、武々、事々、業々、之傳、永々
翊々、後々、世々、可加封累代功臣、特進金紫榮祿大夫濟文
侯柱國、

熙宗永治二年秋七月、定諸臣及文武百官饒蔭例
自水祚初官軍以從四營遠發、全一切預封功臣後
賜世蔭頗多、至是定例、創業與中興功臣、武自都將
以上、文自侍郎以上、並賜累代功臣官員子孫、其所
班、武自三太至都僉、文自尚書至侍郎、並得五代蔭、
餘以次第減、武四品以下有單功歷受勅令、文中撫
有佐式有歷調方得諸子官員、初受只饒一男、從官
雜流各職與各門衙吏正出身生徒之半、五十為老

項六十為老幾、[illegible]

裕宗保泰二年八月、議行武學、武選法、設武學所、教授官、令功臣及諸臣子孫皆入學、習武經戰器與諸武藝、歲以春秋季月、小習四仲月、大習春秋習藝、各兼習文教、教授官奉中者調用、準定三年一試、凡天下俊秀亦聽應舉、其試法、先問孫子大義通者、許入較藝、一馬矟二劍背三舞刀、終場試方策合格者、引入府庭覆試、隨高下敘用、

定為學御學試考之法國學以祭酒司業為講官文武功臣子孫並聽與士人入學每月學官一小習考諸生入學者四仲監官一大習考諸生與舉人四孫預中聽監官保舉吏部除仕鄉學許按官教習本府生及童生俊秀之願學者月二課中八期者生考充歷考童生更許入場鄉試許縣官考選士人舉額以大小中縣為限大縣二百人中縣一百五十人小縣一百人所額撮充引納府尹二司詳考有稍通

以通之別、並聽相鳴比、以定其優劣

三年、定功臣文武蔭例、輔開國功臣世父蔭逹、[illegible]

胄者衆、慎德弘定開諸臣以扈從回鑾翊功臣

號、襲蔭、亦多淆雜、又文武子孫、饒蔭、因循沿襲

等級未明、參從公沈請釐正、從之

四年九月、定開國中興功臣饒蔭例

初設武舉科、以子午卯酉所舉、辰戌丑未會

並三年一試、其法先畧問武經、繼查校武藝、洊

場試策一道較藝預中爲生員官員子孫爲弁生策
次八拾爲學生、官員子孫爲弁生、合式再舉終場中
拾爲進士許同進士敘用、三場預攝取亦與同用、
樅宗永盛六年九月二十六日、準給免遞田令、
大元帥總國政安都王令旨、上福縣藥溪社功臣孫
姪圓叙榮成康眉外孫阮倜黎政同族等乃前社
平吳開國功臣特進金紫榮祿大夫入內行遣門下省
右諫議大夫翰林院承旨大學士兼中書翰林掌奏

中興實錄卷之上　事跡　十九

尚書國子三館事亞智字賜金魚袋濟文侯杜國阮[illegible]
賜姓黎阮廌、多有勲勞、有免遷田在古貿社九畝、
在羅浮撲洞等社三十畝九高、共四十畝、累奉仍留與子孫
守祀事已經查實、等因、應仍給上項田付還孫
庭光監守、均分耕餘、以供祭祀、表前勲、其本
收並所該及各社民當奉都別員人不得占
有囘法在縣令、

一所在本縣古貿社田共九畝一高、 一所在本縣[illegible]
[illegible]等社[illegible]十畝[illegible]十畝

永盛六年九月二十四日、

給許本縣古賢社九畝八高珍、又大寸令旨同
又給許在天本縣不務社十五畝五高令旨同

慈宗永佑五年旨令宗室功臣苗裔有能料率家丁

及召募從者、願隨攻討者聽其啓聞、給粮械差行隨

功賞擢、

六年録用前代功臣子孫 鄭明王莫代

顯宗景興三十二年夏命政府審覈職色、鄭王森

王 以迄來各職來雜、凡諸白丁受雜職色、並令正

査實
至十五年十二月定功臣號隨例
顯宗景興二十八年八月初八日晉封大王執
勤平吳開國推忠贊治合謀保正累代功臣特進金
紫榮祿大夫入侍行遵門下省右諫議大夫吏部尚書
事大都督翰林院承旨大學士兼中書省兼翰林
院事知經筵三館事亞智字賜金袋清文侯封
贈太保燦郡公加封應義建謀濟艱定難宜猷迪彷

匡輔弼偉贊聖翊運顯功揚烈大王益世勳勞格天
功烈扶佑妖宣曆德爲國張不死赤心悠長黙[illegible]
圖扶王假猶生素節永記具存祀典加封大王[illegible]
爲嗣王進封王位臨居政府尊扶社稷鞏固洪[illegible]
有登秩應加封可加封云云如上宜靈延慶大王故勅
景興四十年五月十六日加封佐治建猷勅文同
皇朝泰隆元年八月初五日收録功臣子孫證
認舊禁功臣子孫等欲知其自泰太祖号吳朝創造夫[illegible]

失散其中具有從神光敘黎祚式微國內角亂
功臣子孫舉皆洗然靡有應藏俛剛平亂昇延念前
代功臣所當存恤特詔頒下保泰朝開國與中興功臣經
受爵號褒美蔭藉錫敕應許子孫遞還金牌廩以下
清玉侯挨實轉奏限十五日內事畢得恩識行收歸以昭
厚道歟哉特詔　是年九月初九日遵頒祀事饒夫詔
詔旨黎功臣俊裔阮窠欽知爾之先祖太保陵郡
阮廣贊黎朝平吳開國考功第一經加陞爵秩

同伙逆西山嶺亂聚作告終冊祖家攀下同編户效戎大定四海永清既著崇德之文丞舉錄功之典准領冊為饒陰蠲免身庸搜另諸務世守阮廟祀事並許擇族內二率為飛夫除免搜另其身庸受納依例以昭恤典欽哉特詔

明命三年六月十七日禮部奏欽奉議

禮部為題覆事本年二月二十三日北城總鎮臣奏叙明命二年十一月城轄山南鎮么府縣社么奏稱前現

[illegible]

郡公阮膺、乃舊營平吳功臣、其父某、乃其後

戌年蒙得部領饒蔭、並於內撥兵五率、屬在衛

欽乃某長子、乞為饒蔭、継守祀事、經飭兵曹臣等

員、由部覆奏等因、臣等奉查阮膺是舊恭功臣、

翊功伐、其子孫蔭封三百餘年、食報亦云既厚於

嘉隆元年、部准饒蔭、亦為格外隆恭非分之恩、未易

數得、況世代遷革、翊異事殊、似不應援例陳乞奏擬

平吳開國功臣後裔恭奏單恩獎、惟阮膺祀事舊准之處

夫業已成觀似應准許仍舊二率。十一月十九日奉

旨所議是准仍議欽此。

明命十年二月初三日禮部議停襲蔭濫大蹤

禮部臣等為議奏事。明命九年八月二十六日奉

上諭舊蔡開國功臣後裔嘉隆年間蒙得[illegible][illegible]係

奉一時特恩非有定例其應否照襲蔭夫之處並無

部查明詳議具奏俟旨欽此欽遵　等竊照[illegible]

于世所以昭厚道而荅崇勳惟國家有大勳[illegible]

然投可以資殊報查各處饒薩等之先祖抑扶王選
識為有功然於本朝未有尺寸之勞也奉
世祖皇帝追念勝與勳舊准該後裔為饒薩使之
承祀所謂係奉一朝特恩誠如　聖諭殆非可援
而為例也奉擬凡現存十三名聽其免除及身而止
至如已故之二十八名均無庸承襲嗣後不得繼續出
該等先祖祀事間有奉准二人為漁夫茲請升[illegible]
饒其原領饒薩訳文各道係奉

[illegible]尚恩給該族旗奉之為世實、其應否收銷之處伏候

勅下施行謹奏、

六月初五日奉旨、故黎功臣殊非本朝功臣者比、若梁

黎族、則何以示區別乎、所有原領誥文該四十二道

着即行田納、由吏部化銷、現在之饒男十二名、着禮

部換給憑照各一道、餘依議、欽此

嗣德六年正月十四日

勅宜靈廷慶之神、護國庇民、稔著靈應、肆今丕膺

[illegible]

緬念神庥[illegible]

然古[illegible]村與神[illegible]

大相佑保我黎民[illegible]

[illegible]

評論諸說

聖宗製瓊苑歌詩云柳齋心上光奎藻原誥承吉冠服侯阮

處裁柳齋於澗胡登第聖祖劉炎之初潺江歸附內則炎

畫帷幄之籌基外則草簫列城之文書華國詞章龍仁

益重

正和册封清使周燦使交吟有云衣冠人物重　張自註此

學則程泉武曆經濟則莫挺之阮忠彥阮　則梁世榮編

文學者顧家

厚齋阮氏曰、阮爲之學、一出於正、恭朝貫循文章之臣從也

觀其以仁義而[illegible]出以[illegible]

處于行文章制度燦然可[illegible]于大[illegible]之閒[illegible]中[illegible]

遠方畏威慕德、咸輸誠納款、以觀太平、廟可謂無負[illegible]

詡之責望也、

杜氏儀曰、濟文侯文章德業、[illegible]之外、當與陳之明[illegible]

昭明相伯仲、侯初在陳、擢進士第、及明人入國、惟以宗[illegible]

爲念、雖明之高官好爵、招之不來、西堂之姚季俊、[illegible]

言提水洞、天下太平、蘇江之步與道微至、音以碧若水青山
與人者此因之以識、臺中天子焉、追其決策歸繫、而仰E
嚮相之謠與、惟句出寶姓云屬明朝耗際元抒微銀以錢湖力今令 三良何日暮寄宿可里來門有樹內人行語鄉天庭條
拳藍山祠主雙劍爲寶 圓王纂綠碗爲寶 此詔已有公輔之望、明良契會魚水相
殺、太祖萃倚天之劍、藍山之役雙旗常挽劍於藍江得片鐵加刀長尺 裝璽嘴來有太祖取以鐵炙日復得劍柄以不
莫劍不差尺寸 華同德之臣、而公之制誥勅諭、有以散國人之志衣
書往復、有以得男人之心、卒之南扎羆兵、天書山河、然依
舊黎之所以得天下者、皆公之力與。纂太宗、英謀壯猷、

[illegible]今[illegible]其[illegible]其[illegible]則至[illegible]之制[illegible]者[illegible]亦[illegible]

則[illegible]其[illegible][illegible]矣[illegible]之志則[illegible]仁義之言[illegible][illegible]之[illegible]厚[illegible]

也則有[illegible][illegible]之書[illegible]金之[illegible]使天下生[illegible][illegible]於其[illegible]

[illegible][illegible][illegible]于[illegible]既[illegible][illegible][illegible][illegible]流[illegible][illegible][illegible]君子以[illegible][illegible]

天下則[illegible][illegible][illegible]代之治可復見於當[illegible][illegible]惜乎天

平治天下故公[illegible]於東道行道[illegible]究所圖非[illegible]之

乃[illegible][illegible][illegible]之[illegible]也 [illegible]下[illegible]矣

[illegible]日[illegible]郡平[illegible][illegible]以[illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible]同[illegible]

財利法制、開導上心、至是公得盡見仁義要止之學
禮樂教化之書、各以當道引君而太保慨想舜禹之
心油然以生高議之底行、獄之寬貸、訓書之褒美、雅
樂之命定、紹平之間、世用丕平、使膺得居相位、則早不
補經、嘗不設羆而天變可回也、惜乎膺之學不得盡
展於太宗之朝、而膺之言不洩於史錄者、嘗可為有國之
常法、此所載郊祀山陵大祀記及與地志既不毀於進幕
而又愛要之於光順也

蘇世譯群賢賦序云、自陳朝迄今、縉紳無慮千百、而詞章鳴于世者有數焉、阮公沆、潘浚其源、陶公師錫導其流、李挪庵阮飛卿數公之揚其波、陳叔察阮抑齋諸賢之翔其瀾、天下抑如其大、於是所謂歌之江漢、星之斗牛、者也 抑保孝 [illegible]

丙午李曰、陶季之、阮抑齋乃其長、他如阮子晉、武夢源陳學光、阮文耕諸人、李孝肅為一朝文章之巨擘、兆開阮錫、布衣阮嶽、學士蕭侯外孫阮飛卿之子、開朝進士阮[illegible]

夫、滄江謁見、遂受知遇、飛書草檄一世獨步、位尚書臣、觀其輔政兩朝、盡忠納誨、屢見阻抑、曾不少處其踈濶之間、殊費調劑、而睞於止足、更不令終、

夫遠孫曾出其追贈制有曰、風虎龍雲之會、猶憤前緣、文章事業之傳、永垂來世、蓋佐命元勳、千古仰不泯云、

通史藝文志序云、我國號稱文獻、上而帝王、下而臣庶、莫不各有著述、會而總之、不過百有餘帙、當康盛朝、文

雅彬彬與章極備、婁宗初、古篆八分、楷隸草真良玫
稍稍收集、逮明初文士、明季黃道取古今書籍遺文
陵、本朝戡亂興治、阮抑齋李子晉諸學先喆各儀相
與搜尋與甄、採拾遺文、與兵火之餘十存四五
裒存庵雜說云、凡看文字、當辨其言之醇疵、考其人之
能否、如張漢超棨遂為文忠、排異端以揉[illegible]僞原[illegible]
探蔡公為林能識與行已有耻求[illegible]者[illegible][illegible]學有[illegible]
濟之業、真楚之以[illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible]直[illegible]四其[illegible][illegible]

變不渝、謙恭自牧、君子所樂道者類此、若吟詠無味、與大勝於行者無終焉。　又曰頌天洪德之聞、以詩名數十家、詞華意態、不忘君親、則蔡公虞、育奇、驟則李公子儀、酬奉得體、則申公仁、忠清遠、則蔡公頌情致、則黃公德良、尤為人所稱道。

書標、詞堂帖云、事業文章、開國首族、常帶礪、故家聲、功存開國、藍山鍾慶、衍傳家、故邑祠、英雄氣魄、休高廟、翊清氣、茂感聖朝、功齊藍泰千峯、峙、慶共麻

江一帶流

見聞錄云陳朝賦多奇偉流麗韻致格調絕有采華所存者只有阮汝弼陳公瑾李[illegible]顏范[illegible]莫挺之張漢超阮伯聰陶師錫阮飛卿段春雷諸賦僅十三篇見於群賢賦集中而已

人物誌云公以文章謀畧得君經世為開國第一流人晚路開退尤無貪戀之意獨以妖女叢譏卒累功名當時咸惋惜之然事久論定是非自明聖宗詩云相

齋心上 光奎藻、益深歎美之也、

大南書録云、柳齋佐太祖定天下、剏命令文書多屬公筆、其作平吳大誥文有曰、遂使宣德狡童黷兵無厭、益深惡明人、移書我國、故斥明帝號也、北人見之、批云作此文者子孫必不全、其後因氏路染禍、人以為驗、先生妻氏路、俗傳乃蛇妖化身、少剏文辭甚麗、尤善國語唐律、詩與公為知、所作以百篇數、世不得傳、其和公情字詩云云、後遂為先生稼禍、其風概畧見於此、

於滄偶録云、先朝濟文侯黎公爲號抑齋先山、原姓阮、
父寺卿公飛卿瓜設人、少好風水、嘗扦先墳于上福之慕
澤、國家馬、公舉胡朝進士、官御史臺正掌、明七、隨
寺卿公避冠崑山、有夜依牛斗望中原之句、其忠
邦惘世之心、往往見之於詩、湘山西霍沙人陳元軒以
膏油爲業、暮過瑞香宿禧康大王李翁仲祠、夜聞
隣邑神邀王偕朝赤、所王辭以國公寄宿、雞鳴
朝回、王問今日議事有何號令、神曰、上帝以南門

命黎利為君黎廌為臣陳覺物色之得公公往叩之覺王曰天庭秘事所不敢洩仙容姊盍知其詳且婦人之言上帝不之責盡具盛烈實金一萬餉之公知其言詣仙容主覺主呼曰黎廌黎利為君黎廌為臣獨未之知乎細問之曰清化藍山人也公偕陳往候太祖方短葛荷鋤驅黃牛自田中反留信宿值先諱烹豚治具公盡下執爨見太祖操刀割啖且割且啖私謂陳曰仙容主殆我矣辭去為主

覇業之金、生田黎利爲君業有成命、但天星未降耳、
直弄俠之詞、太祖始得兵書神劍、夜開戶觀、眞公濟
窺之、借隙推門入、太祖伏掰出、皆伏地曰、某等賊淋而
來、以明公能爲天下主耳、太祖笑留之、謀起兵、公曰
未可、乃築館樓使、胥衆小兒鼓及蕨蒙蠶控做鷄犬形
使童子弄、以爲戲、他兒見之、覓請其父往從學、又以
漏脂適書山中木葉、曰黎利爲君、黎廌爲臣、虫蟻
之、穿成字畫、樵採者見以爲神、更相告語、以故人。

昔日歲戊戌起兵前後凡二十餘戰公嘗參謀帷幄百
仵戰於寧洞大捷進逼東都明成山侯王通攖城拒守
丁未明遣安遠侯柳昇黔國公沐晟分道並進以援
東都帝與戰于馬鞍山斬柳昇生擒黃福崔聚等三
百餘人沐晟宵遁王通開門降縱使北還自是通好
詞命皆公所撰紹平初除官謝表云轅門仗節臨大
節而平生忠義飲知虎口捐身決和議而兩國干戈以
息其實也以功賜國姓授榮祿大夫入內行遣知三司

事、陳後爵王國公、以聖宗見忌、奉家拔於江會祠奉

審办、公文章渾厚有氣力、類天開平吳大誥、豪壯神逸

解譜作、黎平初贈路儀為皇太妃、制皆繪安人口、常以

事下獄、尋赦出之、累陞門下省諫議大夫兼翰林學士

大尊爵濟文侯、性活潑、有捷歷之志、其對友人諸自負

卜洪各個關過晉中、乞為林山祇肅樹豎在京花園

圓、繇平素傳令、爵上相大宗皇帝、死逆、篤率蔭風、見

只崩、人以為、公妻氏路時、械、公遂以此得禍、初爲其之

既獲明尚書[illegible]偏黃善風水崔貳爾翔甚爲餅[illegible]公共
山獲公以傳屬故不之視黃笑謂曰吾祖墓有故太尘
日難耳不以君家更歲禍也公弗信後黃得於歸但
公因長豫禍人以爲驗今休公祖墓在葉溪穴泰在平田
以爲冬[illegible]夷旗格或以爲斷頭將軍形未方絶以
其尾反[illegible]尚書尉者[illegible]葉溪脉短禍慘誅夷盜指
此也世傳公未遇報在葉溪役業常指野外一岡謂諸
生曰明當按除以構精舍諸生諾昧爽覺見一婦曰身

男子稽首曰俟焉可也既覺舉視野外已若工夫

墓二卵問其故諸生曰嘗見冢學蛇斬尾去以其

卵埋之是夜夢裹蛇齋書由來夢人髮屋裸血滿

其書歷代字跨風三頁公悟風雅在乎世後蛇子破卵

去一長一短公命杖于旁已蘇誰活今為江神公既去

朝回過帶席肆遇一女色殊靚以詩詞相誂悅而附之

紹平中嘗往來宮掖太宗皇帝命為女學士矣

延潮之女曰公所救也遂成公淡時期女化為蛇入水去

安樂民之邊、迄于今人、生公子鶴父之居傳、主人知其
系公妻也、光顯閒、聖宗皇帝嗣位、慈公冤、下詔洗雪追
贈太師清文侯、訪其後得琊生子以歸、授知阜州、後
奉使過洞庭湖、水中出一蛇、風濤大作、知州公請清
闕事、風濤頓息、覲還至洞庭、舟覆而沒、子孫世襲功
臣孫清文侯贈封制及得神圖、至今尚存、並用絹箋、制詞
累曰風虎龍雲之會、猶想前緣、文章事業之傳、永垂
來世、詞氣渾厚、彷彿明太師文成侯贈制云、圖經、

話本卷二之五

林約畧可認、體貌豊厚、額頰、拉窄、戴馬尾包頂、着青

綿袍、神態猶可想見、最與中修民政、與廷議欲省閑闔

功臣恩澤、閣公劾戶部侍郎枋服蓁公貴惇碑之日

前臣賊子、何詰勒爲也、語未、竟奄忽睡去見二本、適之

至一所垣墻、繚繞古木太十圍、殿上龍棈數十右所設

於、文官、幞頭補服坐、左右林立、李導枋服公八既于

階下、猶上厲聲曰、我淸文侯也、初學少生、何故妄作我

先朝勲舊、罪死不赦、枋服聲息不敢仰視傍有一貝宗

俞洪書社

小青旨服代為懇請良久乃得解語曰我功名事業
不肯與子較子平日以甲第驕人歸誇平生大話若何潦倒
比倖動不為過矣揆服公覺亟寫故轍還之諸功臣遂
將不省噫嘻公之勳烈如此而不能保其身子孫誅滅殆
盡藝狗土龍古今同嘆可慨也夫冊轄孫所從何收家藏相傳蔡木所模錄
待大以待考
按賴氏風水志云穴在桑溪龍來甚遠比結局極圓
冈活水生蛇微如灰線忽起木星棲爲脊登結成好穴

兩傍牛角硪砂各出數片、以衛真氣、左件出土屋當岡
作案、案下出一條陰砂為不現官、局內團圓、群獸象旗
尨排牙、小溪開鎖、左遮右護、為印、為劍、為幞頭、為文筆、
為神童侍立、為將軍出陣、多合貴格、葬後公之父登明
胡榜眼、公即阮某少號神童、後從黎太祖平吳、為帝所
其後子孫又中進士、
文臣黎鷹詩序云、鷹上福蔡溪人、父阮飛卿中
進士、生鷹二十一歲、中胡朝進士第四名、榜

馭吳賊甯侵公有志於救民遂至仙客公主廟前懇告吉兆有祝告文夜夢見仙客公主告云上帝已擇藍山人黎利為天子遂尋入藍山邦吳兵據可藍城中太祖夜夢神人賚一良劍及鶴來見太祖于瀘江寇然如發中所見因獻平吳策至太祖在普提鎮白藻層樓賜侍坐領旨草書檄遣各城及與兵人從徵打寨入城者至於當邦憲章法度禮樂刑政皆在所定仕至吏部尚書入內行遣門下省翰林院承旨太學士入侍經

繼督察院事、陞[illegible]學士、兼[illegible]國史三館事、[illegible]
菴先生、有抑齋詩集、玉堂遺稾、并平吳大誥、皇朝
章表行于世、晩年娶氏路為妾、氏路粗知文學、入侍太
宗、拜為禮儀學士、日夜侍側、及帝東巡、還至嘉定荔
枝園、與氏路通宵而崩、大臣鄭可阮熾等疑之、逮及阮
廌、夷三族、收田産入官、至洪德年間、始免逐、再錄用子
孫、封阮廌為濟文侯、世傳廌鄉有大陂、有大蛇常為
人害、其祖教學謀計殺、至廌娶氏路、腹上有三斑、及[illegible]

至虜人以為蛇之報怨其孫過洞庭湖再遇蛇報至
子孫猶有戒心
鄉賢阮鶚傳云（出道氏歷朝憲章人物誌）阮鶚號柳齋弱冠以文學
名世經史百家及韜畧兵書無不淹貫年二十一中閏胡
庚辰科太學士父子同科登用官御史臺正掌未幾
明人南侵二胡被執父飛亦為所虜公僅以身免總
兵張輔遣飛御為書招之公不得已就降輔知不肯盡
用欲見殺尚書黃福奇其貌釋之留東關城門駐[illegible]

[illegible]

[illegible]

部書純義失[illegible]

食參忍拯生民[illegible]

[illegible]於[illegible]

以太祖姓名避[illegible]夾書音求[illegible]入[illegible]

與東太祖諱[illegible]左[illegible]

未春加朝列大夫八內行遣吏部尚書兼行樞密院事

諸與閉人姓名文書[illegible]

明人逕國、奉撰平吳大誥、戊申奉定功行賞進爵位
號侯、頒賜國姓、癸丑春奉撰永陵碑文、太宗紹平祖謨
大臣撤以公與程舜俞等八侍經筵輔成君德、奏不當
又奉撰樂典、臣堅梁登不合、遂辭不與事歸築居於
至靈崑山、拘奉朝參、大寶壬戌年六十三秋、以氏路八侍
奉教太宗、庭論及三族、有妾拘方懷孕、隱遁得免、遂生
子賜彌、聖宗拘彰其冤、賜之縣職、贈公濟文侯、所著
有玉堂詩集、世傳公卿大陂土阜有巨蛇、樹木蓁莽、邑

人不敢剪伐，公祖愛其風水，結構書堂於上，門童女織誤殺是蛇，蛇精埋恐托生氏路，實下有蟒，公以朝道遇於武陵，悅其才色，納之。及當國，凡語言則命與之酬依，太宗亦聞其名，召入見，拜為禮儀學士。朝公年老致仕，退小間養，不請不許，乃留氏路內侍帝，許以來從入路內侍。帝崩，乃獲罪賜刑，氏路走赴水，人以為情然之報。

抑齋遺集卷之六

國書寶訓大全

輿地志　附天[illegible]集[illegible]　附天[illegible][illegible][illegible]　李子晉纂

紹平二年、上德教遠加、四鄰有邪、咸來朝貢、行遣[illegible][illegible]作

詩文侯　黎廌乃作書達于王曰我國肇有山川東際于

海西拔于蜀南至占城北至洞庭

行遣官督、本朝任重惟宰相與行遣爲上福壽溪

人阮廌、封濟文侯、號抑齋爲書局參令雲南省左

占城古胡孫國是、洞庭湖之英地、内連竹萬里一望
無際、日月出入其中、周廣諸水悉滙之湖中有君
山、一名君山、產洪橘雀舌茶、琅玕竹、祀堯女湘君
于此、一名鹿角山、陶朱故宅、
先君涇陽王、生有聖德、受封粤南、為百粤祖、
我越之先相傳、始君曰涇陽、炎帝之裔、王父帝明巡
狩至海南、過婺仙女、納之、生子祿續、神采端正、有聖
德、帝奇愛之、欲立為嗣、王固讓其兄、帝明乃[illegible]

越演是為涇陽王

紹統建國曰文郎國分國中為交趾朱鳶武寧福

祿越裳寧海陽泉陸海武定懷驩九真平文新興九德

九十五部

雄王貉龍之子涇陽之孫王所都曰文郎相傳十八世皆

稱雄王

逮趙為漢所定武帝遂以其地為南海蒼梧鬱林合浦

交趾九真日南珠崖儋耳

三、武帝并其國于番禺今廣州傳祚六世至南陽始亡

四、西漢元鼎年間武帝遣路博德滅越南海秦故地今廣東蒼梧鬱林秦桂林郡合浦秦象郡屬交趾九真日南秦象郡珠崖儋耳[illegible]今儋耳二州是並在大海中寰宇記永嘉為東甌鬱林為西甌與地志交趾周為駱越秦曰西甌索隱曰今珠崖儋耳謂之甌人是為甌越[illegible]

五、嶺內屬歷吳晉至隋唐為中州便[illegible]

以孫氏晉司馬氏東西晉隋楊氏唐李氏也時發

北朝各置太守刺史都督節度以管轄之

吳平漢復國所得壤地北夾兩廣南至地里凡二千八

界米接欽州海門西界雲南凡一千七百里

前吳姓吳名權也漢南漢也正公牙將矯公羨弑逆

漢王劉龔欲因其亂而取之乃使封萬王弘操為交

王將兵而南吳王自愛州南[illegible]之兩

廣東西廣也地里道名今[illegible]是

府凡五十州凡[illegible][illegible][illegible]百[illegible][illegible]六八戶三萬一十萬丁

黎天下為十道戶部[illegible]民數五百[illegible][illegible]十五百十

有李天下為二十四路行遣獻戶數五百三十萬二百丁

有陳天下為十二處院官獻黃冊大中男四百九十萬丁

黃男二百十萬四千三百丁

我朝混一天下為十五道府凡[illegible]十[illegible][illegible]凡一百八十七州

凡五十四鄉凡一社凡九千七百二十八村凡二百九十四

凡五十九州凡一百十九庄凡二百十六洞凡五百三十七

一沙百六十一衛所九五十八、寨九七十四、寨九十六、堡九二百

[illegible]、[illegible]狀七十萬九百四十率、

此皆代州所戶口之目錄也。二胡既軟、明人計所獲

府州四十八、縣一百六十八、戶二百一十六萬九千五百

象一百一十二、馬四百二十、牛三萬五千七百、舟八千八

百六十五。太祖平吳之後、特準定丁數、山南十四萬率、

海陽十一萬率、山西京北各十萬率、清華七萬率、又

安五萬率、安邦太原各二萬率、宣興各一萬八千率

高平諒山各一萬一千二百年并華盖百四十宗

世氏田顆龍王平男從母嫗姬登山海其長者為王次子承[illegible]分治、今之潮州庄坊是也、又李太宗置家奴氏斥人以[illegible]州邑其邑皆徵占舊藏今之寨所是也阮氏民姓中業安齋一州四府五[illegible]州其後七有七[illegible]

鮮以北順廣二道分為南河陽以後所存道十三府五十[illegible]一百六十六州四十八社八千六百七十下羅鉅府王府各五定民[illegible]一千六百十十寨內徵諸夏尚高棱并男所及[illegible]二萬二千六百七十六寨六府貢納二十七萬六千二百一畝

乃命民部編入政書帝曰古今國都名象路華八與其沂

風物先生宜歷陳詳記使朕述所聞所知。

民部戶部也故書當翻為畎之議

依乃甌序以涇陽王建國曰赤鬼雄王曰文郎都峯州
蜀以甌貉都封溪趙曰南越都番禺〇仍雄雒都麊泠。
峯州今三帶白鶴是封溪今東岸古螺是番禺在
廣東州誌西南三十里麊泠今福祿唱門是
前李曰萬春都龍編趙曰越趙都朱鳶桃郎曰野能
後李都烏延遷峯州吳曰前吳都螺城
龍編今昇龍城是朱鳶今山西安朗是野能今在綠遠
懷安之間未詳其地烏延古屬慈卄今慈廉是

城安陽王所築、

丁曰大瞿越都華閭、李曰大越都昇龍、陳及我朝因之、

仍李、來都于此、

華閭古大黃今長安府是、昇龍古大羅城、李徙都

有黃龍見于城之西、因改曰昇龍、陳以為中京、胡徙

都安孫、以中京為東都、太祖定鼎、改為東京、故

聘于北朝、有稱越裳交趾者、南

旃尾氏、初聘于周曰越裳氏、自先皇至李、號於聘于

宋曰交趾、自英宗迄今賜于宋元明曰安南
天王册章有曰粤南南越交趾安南南平、今亦曰粤南
册金册章龍章也、按帝明授涅陽粤南王、漢授趙南
越王宋授丁黎李曰交趾郡王、尋進南平王、崩後進南
越王、至李英宗朝改交趾為安南國、大帝安南國王
賜國王金印、安南稱國自李始、後陳以來皆做此
肆臣承憩旨、既言邦師、乃審識王宜、以定貢賦焉
邦國執也、師如洛師之師

上京

△[illegible]京[illegible][illegible]山吳[illegible][illegible][illegible]皆[illegible]定[illegible]于此府[illegible][illegible][illegible]

高王故此築大羅城、自李迄今、亦都于此府路一

領縣二、坊三十有六、[illegible][illegible]奉天府二縣、壽昌廣德各

十八坊、古號永昌

厥土惟黃壤、厥田惟上中、[illegible]劍[illegible]鐵仗俎豆[illegible][illegible][illegible][illegible]

產、安泰紙章、瑞章宣[illegible][illegible]綃、河津石灰、行挑赤[illegible]

產一扇子、西湖巨魚、盛光龍眼、[illegible]人葉衣、厥貢錦[illegible]、

香及金三品、
唐人乃兩廣客商居庸也、葉衣者北人衰衣衣袖身皆
連長衣衣隨次繳上、望之如翠葉也、西湖古蹟瀑足、
李陳京行宮於此觀魚、

海及六頭安子惟海陽
海東海也、六頭江名、六水合源、故曰六頭、安子山名、
有陳諸帝嘗出家修禪于此、海陽古陽泉郡、東
西夾京北安廣、南北界太原山南、四京鎮之一、東

文首縣縣凡四府縣十有八里社凡一千五百七十七

唐安縣今改 一百十社、唐豪 六十八社一村、唐安

縣九社、錦江八十三社、下洪府四縣 三百七十一社

嘉福縣今嘉 八十四社、清沔 五十四社、四岐一百二十八社一村

一所、永賴古同賴 一百五社五庄、南策府四縣二百八十七

青林七十八社一所一寨、至靈五十七社、清河六十一

明九十二社十二庄、荊門府七縣併日七縣 五百七社、金城

七十二社、峽山六十二社、東潮一百十社、水棠八十

安陽六十二社，古老五十九社，二庄，宜陽舊爲陽京六十一社十

二所。

厥土惟白壤，宜火藥；厥田惟上上；厥木惟松、栢、桄榔。中路

榔、鄉、鄉、艾門、陽陝、物鐵、唐豪鮒魚。二安鈴惟綿紬絲

柑、椎、絲、范潮、敬主、花石、毛田、不閑、會庵綿布。

宜者一道之所宜也。安子產松栢，至靈產槐榔，同賴

產飴甘、檳榔，同岐產檳榔，視他處爲尤，艾門屬同

榔、陽陝、鰲先明二海口名，唐豪江名鮒，似龜田蟲尺

地輿 八

禾有毒可殺人者、制魚得麻萌殺之江東、二安安

安老也、二縣產罔籬、借錦雞鷄、花欄、屬東湖、故于

黃山、二山之石其彩如雲、材可作器、毛田屬錦江、會

不閑俱屬同賴、令永賴是、三邑饒布、其豐勝泉

為儀、

李氏曰海陽士饒人、貫相平、則喙俗和銳則插

孝以來為然、鎮撫之任、不可不擇也、

沱陽傘圍惟山西、

沱陽江名其源發自澹漢至中河與沘河通抵白鶴合
於珥河今圓山名三峯峙立其形似傘因以為名我國祖山
也山有古朱鳶福祿部東南界上京山南西北界宣興四
京轄之一百藩之首路府六屬縣二十四里社九一千三百六十
八 國朝 按 國威府五縣二百五十一社慈廉八十三社九村六州四
所二寨丹鳳三十五社五村七州福祿古義冷五十一社五村五州
一所安山四十二社二村二庄二寨石室四十一社一庄三帶州古舜
六縣四百四十四社安朗古木六十三社六州一所三寨女紫一

百社四村汾州管寧鄉[illegible]六十三社五村二州大寧[illegible]
十社、栽縣六十八社、立石一百五一社、臨洪府四縣二百五十六
四圖五十三社二村青文五十六社一村一莊一州、華洪五十五
社一村七十五莊一寨、夏莘三百一十六社一州壺庄、潞林府五縣三百
七宋莘城東關七十一社三莊、西關五十四社山陽四十二社四
莊、當道二千七社三莊、三陽七十二社一莊、陀陽府二縣七十六社、潞
陽每淺軍城、平定三千六社三村十莊一寨、廣威府二縣九
歽瀝、壽陽四十五社四村一寨、明義四十六社二村二州民武同沿江上

洞有上下竇各二東西有石覆如壁承水窮入多有竹擱閣又於外
有民牆六月亦騐遠皮木門有野鐵二月部生芦葉淵淡竹居角之陀
洞上人飲之則成疾堪首唐昌王建為明府於八山場其父開蕭院以川
泰和編辭明不可植果也父子好相見早晚於門庭是伐父親行人
皆危痺狀纔闕兔古語沱江產地淵瀰奔瀧信不我欺
州縣伞圓山神曰柱國六王首靈顯最著李仁宗命下造祠於山上第
一峯有樓二十層晴王甲丙狄登
忽風雨大作州女遠踏不能上云

李氏曰山西人心淳俗朴雖更擾亂未嘗為梗

厥土惟白壤桑淵惟宜厥田惟上中先宜黃絹不拔油柵象麻豆
戎牲其畜象犀銀三蔡貓耳其惟黃白源炭惟錦唱紅
魚惟錢鐵山國白蠟香厥

噴江在福祿縣、相傳噴江發源自江漢、江中有一樹名旃檀高十丈餘、歲久樹老、其根著連江漢、鐵鎖從之回南歷□□以供祭祀、蠟有黃白二次、白以塗寨、黃以燭、

農岐隊疊惟山南

農岐江名隊疊二山名李朝作宮於此、以為巡幸朝會之所、

山南古交趾郡、東北通海陽上京、西南通山西清化、四京鎮之三、所瑞之首、路府九九、屬縣三十有六、里社二千五十九、

護於常信府二縣、二百二十四社、清潭七十八社五村二所、小記

美良四十三社　德信五十三社四村一庄　天柱三十一社八十二村

保　東安七十五社　金洲　四十六　十一村

歷三十七社七村五庄一寨　五　二百四十三社

青藤六十社三所三寨　金鎮門一九社一村三所三庄二寨　平

五　三百七十七社　昌八十三社一村三庄一寨

三庄一所　山明五十五社　安四十五社三庄一所　里三所

二百四十五社　青　八十社五村三庄　六十五社三村

北十七社一所　川　七十六所一寨　天

興府四縣二百七十社、御天五十一社、[?][?]四十三社、延河四十
二社、神溪三十四社、太平府四縣一百六十七社、瓊瑰四十二社
一村、附翼三十五社、二淵東關五十[?]庄、瑞英六十社一村一
庄、義興府（古應豐李朝立行宮以備[?]）四縣二百四十五社、天本七十九社、大
安（古大鴉李改為大安）七十一社、望瀛四十九社、懿安三十六社、[?]長府（古[?]
界陳改為大長）四縣三百十七社、膠水七十九社三十三[?]南真（[?]
九社六村、美祿五十一社、上元（古[?]上）七十八社、[?][?]琅[?]
府三縣一百六十二社、野池五十九社、[?]興定六十五社、武仙二十

八社、

厥土惟赤埴墳與青黎、厥田惟上上、合路布帛惟多行成

羅金榜絲帛、南真真定火藥、膠水瑞英大安海鹽、惟甘貢、俯

平望酒惟蓮藕光烈荔枝、盧烈鯖魚東台燕鬭、相古錫約

黃梅光烈盧烈東台俱屬青池平望屬上福藹、無平懷

花酒光烈荔枝絕勝中國、歷朝錫貢以供郊祀、

李氏見山南之地平衍塏般田穀之宜、人工之修、過於諸

路、歷朝養兵之貲皆資焉、

天德衛宣撫承視[illegible]
安德水攀北[illegible]長寺[illegible]
[illegible]段奥也京北京武草[illegible]回南泰[illegible]山南[illegible]北大
泰原[illegible]京[illegible]之[illegible]北蒲之首[illegible]府九[illegible]縣五十[illegible]
社一千一百四十七、[illegible]慈山府六縣四百[illegible]社、仙遊[illegible]五十二
社、東岸八十八社一洲、武江八十三社、桂陽四十[illegible]社、[illegible]
五十二社、青水二十八社、順安府五縣五百二十三社、嘉林
六十八社二所三寨、超類六十一社一村、文江[illegible]五十二社、

嘉定八十六社一所，良才七十四社，批河府四縣一百四十八
社，清和二十二社，二祿安越三十四社，金華五十社，先福四
十二社，諒江府六縣二百四十社，安勇八十八社，二寨，鳳眼六
十七社，保祿六十五社，安世四十七社，陸岸五十二社，古隴
二十四社，四鎮說云府路一二，縣二二，供州，屬安南真化，更巧、樂東、岐、最足肥饒之地
阮野針曰：唎人稱我水生，賊香之，日、吳人稱我一寸土，一寸金，明人稱中國之表，晚人稱清人，稱令國大王之，自海住山，狀董天王之驕焉賊空，湖家童子之叙笠竹天，學山岭京旅道行之印石枝脫為安南四不死云。
厥土惟白壤，厥田惟上上，鉢、場、什器、翠球、黑布、右賦甘蔗，安

[illegible] 楊[illegible]廣

[illegible]頭[illegible]辰、

[illegible]場[illegible]林[illegible]文[illegible]勒鉢[illegible]九七十副、

[illegible]木、[illegible]色[illegible]石灰以供制作、

[illegible]人[illegible]、雖太平、、亦[illegible]似[illegible]皆爲本、

行這[illegible]上邊事、[illegible]增防禦之兵、

附錄曰[illegible]世射矢、以其中[illegible]血[illegible]人至[illegible]射[illegible]亦[illegible]、

雲[illegible]分茅惟安邦、後[illegible] 欽安廣

雲[illegible]水[illegible]、白[illegible]之別[illegible]前吳王[illegible]弘[illegible]與道、、

立於此分茅山名金標銅柱也海東路西三百里有分茅嶺
嶺半有馬援所立銅柱大三尺許唐元和中都護馬總複立
銅柱於漢故處安邦古寧海郡西南接海陽西北界欽州
路府九二縣九八州九六里社九三百有二庄四十四東
方之第二藩也謹按海東府三縣四州一[illegible]華封十四社
一村安興二十五社一村十五庄雲屯州[illegible]千庄[illegible]城橫蒲
二十五社二庄新安州十六社一村五十三庄萬寧州十八社三
庄四洞來安州三社陽泉府五縣二州三百二社安清三十社明

路半水安安撫水路要衝置選軍於[illegible]直至欽州又設屯[illegible]自嘉林至懷州[illegible]集四十社常安六十八社、萃衛九社、安條六社、如普州六十五社[illegible]良[illegible]東廿五社

九嵩　李氏曰安邦、陳為[illegible]諸之[illegible][illegible]、歷代邊人[illegible][illegible]

附[illegible]曰[illegible][illegible]所[illegible]二府八[illegible]六州三百社、其[illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible]惟像如明乞[illegible]、登[illegible]乃率其下如明、鎮南關上[illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible]

[illegible][illegible]二州[illegible][illegible]、欽州、及中興之第四葉、元帥清都王[illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible]作封于[illegible]、明封為[illegible][illegible]王、王乃[illegible]以陽泉五[illegible]令[illegible][illegible][illegible][illegible][illegible]

州四、社一百有八、安[illegible]至今[illegible]小[illegible][illegible][illegible][illegible]

厥土惟黑壤、厥田惟下下、海濱潟鹵、惟鐵、雲花、蒿、[illegible]合及

北人各以方服貢諸貨異

沈魚水名生於鹹滙群魚皆以尾撑土人取服可消嵐瘴

方服言從其俗各不相襲也李相諸國商船來集安唐

猺朝廷設為雲屯萬寧二州使將鎮撫客商來市[illegible]

貢進

洮歷惟與化

洮江名歷山名洮黄水之末亦五百年一清與化古新興

漢為南中孟獲拒孔明於此西通雲南東接山西北

宣又府路凡三縣凡四州凡十有七里社凡三十八

有五府九十五縣三十七莊九八四[illegible]

[illegible][illegible]歸化府三縣二州三十一社五十四峝[illegible]安二十七社[illegible]

二峝二冊安立(立一作立)二社一莊一峝十八州文振二社八十冊文盤

州四十峝水尾州十一峝(與雲南接界)北興化府(胡改為天興鎮黎朝因舊名)一縣

五州四十二峝青川一村二峝三十四冊符華州三峝木州二

十峝三冊越州三峝梅州三峝順州十峝安西府十州三

十峝萊州十一峝倫州十峝瓊崖州五峝邵晉州十二

峝高陵州四峝謙州三峝枚皁州三峝黃岩州四峝合

肥州四崗、雖泉州四崗阮舊軒日安。曰占今遂分後改為復禮今為安茂
縣上。惟赤埴墳、厥田惟上下、木條惟喬、草桂砂仁及彩布惟
絲、金惟三品、銀惟什成、銅錫油橘香料蠶蜂蜜惜、錯昭胥
能言鸚鵡惟翔鵰貢、大理老撾皮服、厥貢西蠛歸繍、及回
鶻彩羅、
棒州三品什成金銀產處、一日惟午翔可取、視他州為大
大理老撾國名、屬雲南古蜀地也、其地近本國、常來朝
貢、回鶻國名、陳朝宋歎故元人侵伐、宋人有以船三十艘、

[illegible]

奏[illegible]有古故交州人今

而豈[illegible]之勢[illegible]事

蓋漢民宜其與[illegible]芥之寄平上華王阻險足恃地形勝能

[illegible]蓋其性、水土惡暴、能為人使、而男子父道罔失藩臣之位

其有山林之饒、何物不有、而民間日用所資者豈誠甚不[illegible]

其地水土未歸、人民不識、豈不為中國之援乎、

附錄曰、瀆都王使使來明求封、明人賜使封為副國王、及明為清所敗、偽安龍州使使來求與化、廣州地、王乃乞納與化十州稅賦以

山內地、明乃置為建水縣、明人[illegible]濱人復取之、迄今不能復也、

犁華及瀘江宣光

犁華山名今謂之犁華關太和史義龍使防禦陳班修之、後桓明將柳升交兵於此、瀘河發其源、發自三江流至乾賊、與陀洮合、宣光古新與部越舊地、東北夾高諒、西南夾山西及興、興路府九、屬縣九、州九、五里社二百八十二、西方之第三藩也、

諒枝安平府一縣五州、五百八十五社、福安縣七十三社、水物州五十五社、陸安州四十社、大蠻州三十四社、渭川州

六十秋、保樂州、二十秋、

李氏同高光保樂州、昔本我地內屬、朝為中州、徵及李朝末神宗、長其壓盛、既以順州歸我、使定疆界、以臨外保樂大縣子之宜、路之條、大抵恰似牝冢、歷代以荒忽待之、

附錄以宣光有四[illegible]五口宜園夫[illegible]皆口仙[illegible]舟了石皆有二[illegible]水日[illegible]者井以大川港黃石頭夾夜水道[illegible]之水[illegible]中[illegible]

筏過此下皆在仟荐印以[illegible]石害之內情[illegible]深復[illegible]以仙菩係色底圓[illegible]以革尚玉之命以中山、

厥土惟黑墳、厥田惟下下、草木惟條、保樂命厥鐵、鍚、附

廣福安縣本惟有、蜂蜜、雌黃、妝物、沈香、花紫、硇油、粢
惟良、龍滑精服、廣貢犀鹿、
土人織布疊黃、以青紗之、其樣甚好、黃可其觀、其樂吐
甚甘、土人以此治腹虫症、花紫以花增茯、其味甚香、龍
滑州名、今大雪國其大在男廣酉成保業之風、其條亦長髮
好審頭骨洞、本服與、耳無異、附朝相實人貢、後似信不
通、長案朝是義、向曙蘭頓、犀本髮類、其身夯牛一生、
驗求馬之類、華於引重、輕身不行

形勝
松及叢林瀾草、
郡林並出參蔘來各種賦者廣平、獼猴等象熊犇、唐初爲
林邑國、後爲占城所據清華表果把接山南暨海、西南界山
西及願彌東九京、屬縣二十有二州九四、里程九百七十九、南
方之界二諸之
初設 郡天府八縣、三百七十社、瑞原縣四十四社十三村十
七座一所六寨十三坊、八座、永福縣四十五社一村一坊四座、
實歸七十三社六棧、高所二座、子州並壞、一所、東山七十四社、

二社、一庄、一所，安定五十六社、五村、九寨、九庄，錦水五十社、二村、五庄、五十冊，三萬、廣平三十八社、二村、八洲、二庄，石城一社、十五洲、三庄、四十四冊、二坊、一衙，河中府四縣二百八十一社，弘化七十二社、二庄、一所，淳祿三十九社、六村、六庄、二所，羨山三十九社，宋山三十一社、二洲、九庄、一寨，靜嘉三縣、二百九十三社，農貢八十八社、一村、三十一冊，廣昌五十五社、一所，玉山五十四社、一庄、一寨、二坊、一巡，長安府古大慶定三縣、五百六十三社，嘉遠七十三社、四庄，安謨古謨、慶五

十二社、路村十三庄、安康二十八社、三村、五庄、三寨、天關府三
縣七十社、安化二十二社、奉化二十七社、一庄、一寨、禁土三十
一社、五庄、清華府[illegible]一寨、四州五十九峒、青春十四峒、
瑯門州十二峒、良政州、蒙州十峒
李氏曰、清華之地、水起山頭、然小獄臨得、其勢不限、其滄
丁峯之山、大黄云、刻之於西鐵、姜公可鑒、則於太祖改說
之言、爲尤信
縣黑境墓出峰上寺、續不推縣、神頭魚有人形、挿間等

春虎惟虎豹犀象、犛峯寶鐵厥貢牙角、

神頭今神符海口是、魚似人形、魚頭有毛[illegible]清化路

山多惡獸精流化爲此、凡所軒日清之獸、又之杵、與太之水高辭之處苦爲可畏

麒麟及藍惟乂安、

麒麟山名、在永江之右、藍水名、其源出自靈江、乂安古

駿驩郡、後改爲日南郡、又曰驩州、丁黎以爲寨、李改曰

乂安東北夾海南清化、西南接順化雲南、路府九九、屬縣

二十有五、州九三、里杜九四百七十九、南方之第三藩也、

德光府六縣，二百五十五社，[illegible]五十七社一[illegible]

二十七社一庄，宜春二十六社，莫[illegible]五十七社八[illegible]

香山五十四社，青漳三十四社八村二十三庄九冊三所一

寨一瀛一巡三源，演州府二縣一百九社，東城七十六社四村

十九庄四冊二洲，瓊瑠三十六社九村四十二洲三十七社

都府二縣八十六社，興元四十二社三村三所二冊，南塘四十

六村一冊一瀛，茶麟府四縣一百十二社，會寧[illegible]，祈山

崗九洲，襄陽七崗一坂，永康八十[illegible]，河華府二縣七十

四十五村一所一寨、奇塔三十七、杜十二村、蘇州府

丁崗、中山廿、大崗、軍營二十四崗、丑麻府一州二十七

八寨二十六崗、鎮安府一州十三崗、歸合州 右二十寨是本衛夜守長祖

一貢拾寸三崗、平寨、鎮寧府七縣一州九十四崗、珠璣九

九寨六崗、明康九崗、景暉卄四崗、金山十二崗、清涓

崗、羅巷十二崗、右政十二崗

惟、據、並、積、椒、曆、田惟上中、胡椒、海鹽、??、鐵、爲其政有居

金、黍、麻、葛、草、葵、州羽毛、魚、草、桂參、奇花、菓子、哀牢、貂、猿

卷之七十六 二十一

[illegible]

也[illegible]骨子半[illegible][illegible][illegible][illegible][illegible]猴[illegible]年

二十斤青黄海出似猴子魚名其形似[illegible]身圓如盤胸

有異丈人漁得以寧朴之其皮斜圓不見頭面者黄金繞

胸臆者向暴死書存之以示戒如唐李之鯨形支體之類

八月泉之王秦世最年國各其先有婦人名沙壹者居於

牢山捕魚水中觸沈木若有感十月產男子後沈木化為

龍出水因[illegible]其男子[illegible][illegible][illegible]人皆刻畫其身以象龍文漢

[illegible]始通中國、明帝以其地置哀牢博南二縣、今部

[illegible]紫所在有之、皆號曰牢、然文布羅藤、呼魚鳴鳥、

蛇羹象飯、避仇八寺、風俗大畧無異、地產犀象白蠙蜀

布、金銀尤好、無文字、以葉記事、牢自李康屢經大亂、乃

以地近我國、朝貢不闕、國初常効順、及[illegible]、稍詐誘牢、

信好遂絕、及天下大定、牢蠻旅、始日罔奴日牢、後改爲此云、見秋慕德

內附西南復通

李氏曰、又安人心、[illegible]拜、過於安州、道路悠長、水土常習、

二十二

歷代以之祭西南夷

海及雲靈惟順化

海、南海也、雲、嶺山也、靈、水名、順化古越裳氏都、大越改

為北景州內伴、東北通乂安、西南連寧廣、路府凡二、[illegible]

縣凡八、州九、四里社凡六百五十八、南方之第四藩也、

昔枝新平府二縣、二州、二百二十四社、康祿七十八社、七冊、

四源、麗水二十九社、布政州六十三社、一村、七十四庄、二冊

三源、明靈古麻靈李常傑征占取其地六十四社、二源、奉立有六縣二州

四百四十四社、海陵五十四社八村、二十八峝、武昌九十五社三村五册、丹田六十三社九村、六册、金茶七十三社二村二州十三册、三源、思榮四十四社十八村一庄、莫盤九十五社、順平州八峝二十一册、沙至州六峝十五庄、六十八册

峡上 惟黑墳、宜火藥及椒菽、膠田雖甲中、莫盤黃姓沙至茶

州 雀岙海陵、凫惟白毛、

紙槀以葉紙包之、以火煅而食之也、明人來侵、令民用藏

納胡椒、一人十苗、後椒貴、一苗值五鐳、每芷以抵椒樹壹

使於吳、推文化、更歷後陳叠奉朝、制撫、故猶存焉、

李氏曰、順化衣北景州也、內屬後、占城主常據南境、有其地、李聖宗之朝、親征占城、多拎占主、占人請獻思麻明靈布政三州、陳家天子置為順州化州、後合為順化、其民雜占舊俗、性悍耐苦、先朝以之[illegible]占

倭女富河、惟南界、

倭女山名、古龍骨是、山上有塔十二座、號曰倭女塔、富河四海門名、南界古越裳北景州內餘也、內屬開從於占、

分為占賴占壘、東北接順化、西南通占城、路府凡三、屬縣九、九里社九十七、南方之第五藩也、

薑莊昇華府三縣、二十三社、古地里是醴陽九社、河東八社、熙江六社、思義府古占壘是三縣四十一社、平山十七社、義山十一社、慕華十三社、懷仁府三縣、三十三社、蓬山七社、符離八社、綏遠十八社、

李氏曰、胡氏征占、占人獻占賴之地、季犛胡使盡獻占之占壘、胡置為昇華府、國史所謂南至地里者也、

阮府新口開氏劫占蠻之地、因分為竹華、思義州、置守撫使以守之、以其酒頭為輔寧、鎮占城、收其遺使人民還屬其使職、占城文置之。

聖宗親征執國禁、收復舊國、又開拓至石碑山、

置懷仁府屬縣三、其藩定四府南為占界、

附錄曰、考和己拜廣南十分之二、至明新、又拜廣南十分之半、於德明聖宗

作地自占碧壓門至美西以西黃陵門城富尼、平冷、宋尺、刺杳、臺門、泥茶、惠

小門、為分北藩、至藩而凡十四處門、置南廣義、南承宣、云及昭藩、于讀羅驩

順廣復征占取其地、置為平康、延慶、平順三府、又征高綿、取其地、置為

嘉定府、福嘉新、平二縣、自古占人時居平順之右

村占主為順城王、占人由此不能為我患矣、

厥土惟黑墳、厥田惟下下、潘定、永、鄉、恩明、絲、臬、黃、竹、赤、黑、麻、山玄

椅、赤、野、夏、程、孩、山、特、桐、延、津、浮、榮、名、山、石、錯、

潘定江、與懷仁府接、獅子、威服、百獸、羣象見之皆驚、潘定有

衝王尋春水中，緬居以打人船，沒溺渾濁如堆，李常傑征占城大軍至此不便，漢乃封禦為勁功三神，命宦數日御下游江出，築由是罕船進無所礙，思明錦山皆屬綏遠，赤野屬義山、秋山屬河東，延河名、名山屬慕華，

占暹真臘、衰鹿賓殊、福白象花腊及九寸蛾。

占城古象林縣屬我越裳郡日南郡後改林邑，其境南通真臘，白路備西際哈哇日上源，北接我驩州壤曰烏里，惟東際于海，統州大小凡三十有八，饒廣可六百里，其地火田，貪

執吊曲歷氏煞暴有之故常侵擾其俗富饒是道一名在鶴印道

金人數人大十國以祀之暹羅國在南海中其地千餘里

古暹回暹斛二國是羅土肥百穀成熟產金嶼暹土瘠

後暹降羅合為暹羅其俗好勇強悍真臘在占城之南

去日南郡舟行六十日乃至其縣類風俗與占城無異其

民以東向為尚右手為潔自唐後分為二其半北多

山阜曰陸真臘其半南際海田水真臘

地八百里地由象牙獸中之羣太平花脂花

循也九寸嵲嶺之神主也三者不常有惟我諒山及退

占眞嶺有之歷朝以爲郊祀

良江及研惟太原

良江富良江也研山名太原古武定部內地東北夾高諒

西南夾東北寧府九二縣九九州九二里社三百三十大北

方之第二藩也

[illegible][illegible]富平府八縣一州二百三十六社司農五十七社一座五

森平原其數平泉千十七社普安二十三社一座洞喜二十九社二

村、二十座、一集、一坊、一市、大慈二十二社、七座、富良三十社、十座、

文朗五社、九座、武崖三十社、大村二十五座、一源、一州、定化七州、

平林十五座、通化府一縣一州七十三社、感化二十二社、二村、十

三座、白通州五十一社、一村、十二座、

李氏因太原自李陳爲州、至明人八閏、升爲府、黎朝一

統始升爲道、

既舒新只李朝令開平寮兵自母貝至平寮道十干寮以很人川往

宋以來白通感化居民九十雖以爲直廣宥散之然後太原一條山

脚撕可

通

厥土惟赤埴墳厥田惟下下、白通話草参荻、定化銀銅鉛

金大慈蚺蛇、普安白檨、同喜鳥珠蚌鐠、

郡縣望夫祺諒山、

郡縣在桂城枕古温卯慈嶺江旦、望夫山名在諒城之西、

山上聳出一石、遠望如人形、背南面北、俗傳　何、南策

人資文輸為吳王將從軍征北邊、其妻蘇氏名惠、守

節十年、織廻文錦寄之、後乃與家奴登諒山、於山望夫不

見、乃投屍而化、因以為名、郡諒山古陸海郡、西南交大

[illegible]

東北奉西廣路府建六州九七旦社二百二十七，北方之

勒王舊處，四[illegible]

[illegible]州，一百九十三社，[illegible]平州三十九社，二十一

林[illegible]朔州[illegible]三十社，安州三十社，一百五十州

文[illegible]四十一社，[illegible]州三十五社，村一座，七原州[illegible]

[illegible]三十四社[illegible]州三十八社

附錄[illegible]明人來[illegible]山[illegible]之地乃[illegible]為[illegible]地[illegible]以[illegible]

平古[illegible]三十八村五十九村[illegible]明所[illegible]五[illegible]

[illegible]上[illegible]下，[illegible]安州山燕，七[illegible]

殊女瀾銅鼓犧頭白象惟犀勑獻思明土孫、歐貢西錦
段沉香
思明明廣西州名地近本國土官常率土人朝獻
李氏日白象亦獸中之靈李陳朝所見之諒州有獻犀
以郊享可見聖人不玩異物如此
蒲及犀安惟高平、
蒲水名萃安水在高平古武定外與諒北接西廣西南夾
太原諒山路府九一州九四里社二百七十三北方之第

[illegible]

田賦附山澤

[illegible]安、安平府四州二百七十三社、上琅州二十九社、下琅二十八社、石林一百七十四社二村、一甲、廣源四十四社四冊、

李氏因高平土宜多珍異、然越任官難於久住、先代乃寄治於太原云

恐水立云本之大慈武崖高四之一布井廣源上下琅州宜上保樂之女羅水固諸保[illegible]冊木冊[illegible]藍[illegible]之[illegible]州[illegible][illegible]安[illegible]安州之秘窟、久之珠[illegible]易[illegible]含有之[illegible]大[illegible]、京花之[illegible]海陽之東[illegible]水宗其琵州九二十九貞下、

厥土惟赤壤黃壤、田惟下下、廣源黃金丹砂、石林特犀、良馬、

遝山琅瑯、竹山直樹、笆州、查哩厰貢珍珠

遝山屬上琅、竹山屬下琅、笆批廣東州名 杜固峯 興記 加蒲公戍

建金弄石銀定邊送星 縣上銀 左有金 覆山厰 銀 金 仁山厰 銀 金 花銀

厰 銀有鉛 左有金 感樂厰 銀有鉛 上有金 同樂厰 厰有鉛條號稱 星厰客號偪生 武坂 岬

金厰批 金銀鉛 白鉛厰 天朶厰 金銀 廣固厰 金有銀鉛 蔡水第一 核市 椿 茶 號 畓

銀處 以下 寶虆 戭 有銀 鉄大研 仕中棋、同泥巡 卯支批山 支有銅 波油巡 一 吋 北 崇

上有銀金年 銀子三篇 批料市 金 上有 銀 苗市 開有 銅 憑隴市 西汚 銅 廣白

市 右有 金 野市 開有 銀 界市 開有 金 樹蕃 銀 二十六

上田面供果六十升、次天隨、中田面果四十升、錢四陌、下
面果二十、錢叁陌、不請面者、余免、
面或出陳呼或爲面、國初因之、
京師有提領内京、鎮四道、及清化、府行遣參知外清鎮、
九道、有總管宣慰、
以行遣參知仁京路、是内三百里、用文教也、以總管
慰、仁清路、是外二百里、用武衛也、
李氏因京路非用總管宣慰、而所職者行遣參知、清漢

非無行遣參知然四京鎮各兼之、如東道行遣兼領海陽
安廣、西道行遣兼領山西宣興、南道行遣兼領山南清化、
而開治于雲庆、副使兼領廣而開治于武昌、北道行
遣兼領京北太原而開治於安勇、副使領高平諒山而
開治於諒州、至於參知亦皆如此也、舉總管宣慰
言之也、
國人毋得效吳占牢暹真蠟諸國語及服裝、以亂國俗
毋着禁止之緣、言與譯役舌、必譯而後知、牢語從

[illegible]

告其[illegible]國尋遭[illegible]亂由[illegible]其[illegible]矣

立人又[illegible]之侯、[illegible][illegible]貢、[illegible]來兵[illegible][illegible][illegible][illegible]、如[illegible]音

者、[illegible]以[illegible]後漢唐衣冠之舊、而其俗未變、守人以有布

羅身、[illegible][illegible]東之衣冠、上人以巾[illegible][illegible]、而[illegible]其形、[illegible][illegible]其

麗以布[illegible]包[illegible][illegible]、加[illegible]之[illegible]、皆不當因[illegible]以亂風也

李氏四自元太入中國之後、天下[illegible]而胡語胡服矣、[illegible]不

變者、惟我邦與金陵之朱氏、金山之趙氏知之、及明末[illegible]

中世、[illegible][illegible][illegible]氏未道[illegible]、[illegible][illegible]使其[illegible]王國之[illegible]、[illegible][illegible][illegible]

問國使嘉其服俗依然中華文明賜御詩付安南際有限
風俗不元人衣冠同制度禮樂宋君臣因賜文獻之邦四
字又進我使位朝鮮三韓之上及使回乃使牛諒賚龍華
金印皆來褒寵焉
諸邊州官郎又道無故不得赴京有朝會許次懷遠
懷遠館各在嘉林之巨靈李朝置此以為進貢外國使宿
歇之所又道令改為輔遠
外國諸人不得擅入內鎮慈廉之雲真萬寧芹海會統

[illegible]

[illegible]南萬[illegible]文[illegible]

內供曰京[illegible]三海口各俱為文安萬

嵩[illegible]謝山立青為[illegible]所

達而百年於內外並防於此可見矣

帝曰大祖開國十年天下大定傳之子孫期以萬世朕不

忝位賴諸忠良匡救以圖厥始使予德光于四海則予

之流何足云矣

陳避元祖諱改李為阮集遂恭慈太后諱

亦作嘉謚既夫錫作謚洪季子貴作通

天錫相君燾院多素直言予貴自把道行道入來

貴與作詔謹文静與雅有足稱者

一句書成上進御覽帝喜林庭萬歲無不四方是遣偏於

天下麟風設成野鼓枕戈其親義毅於山河以付於

天其郡是哉先生位我神秀代天行化克配上帝至

此書卒業撫做廟要鬼卽予表御五奉於堯舜其亦

嘉哉

三十二

言天祖經營艱難，遍歷天下，晝不及寢，食不及飲，卧不
安席，蓋不忍視斯民之塗炭，救其於地獄之中，拔民于水火，
出兵平定，復我封疆，傳之子孫，以及我 先生積勞之也。神
者本稱也。帝者曰王。王者，代天行化。太祖起義，群臣請尊
為代天行化，是復諸論，身以稱之，以撫庶其教于民。
之所任能，勿予棄，勿以予幼沖為不才而忽之也。勿進
引之也。帝言先生既佐太祖，能助其君成帝之顯者，
此書歷閱古今志記，及殷故康廣之治如此，勿以

叙而袁之、其嘗列叙以堯舜之極等、者、則其功聪乘千

古、顧不備哉、

嚮只此言及此國家之事也、

但里吳氏曰志畧曰本國四至計起東抵于海西抵老撾南亦抵于海北抵雲程四百七十里東南抵海東北抵廣東欽州一千里西南到占城一下四百里西北到廣西興安府二千五百里到南京江南由廣西去七千七百二十里由廣東去六千六百二十里到燕京由廣西去一萬六千六十里由廣東去一萬六十五里宋文帝元嘉中南征林邑於日立表望之日在表北九寸一分交趾在表南三寸三分交州去洛九七千餘里叠山川幽折使之然也以故取其候直當六十里唐開元測交州夏至日影在表南三寸三分與宋元嘉所測畧同王竟論其日日南去洛萬里李豐曰安南至長安七千二百五十里李豐曰以四方機之安南適當中國東地耳今自安南至金陵一百十五驛計七千七百餘里

子氏[illegible]上[illegible]行及東行暴虐
朝議以爲[illegible]夫人既[illegible]獄道[illegible]三機六司[illegible]公
令工人寫本、後仁宗長能親政、募對有衆因於土宇、[illegible]
秘書閣覽經籍得柳齋遺本、胡群臣曰願爲忠誠佐太
祖以武戡亂佐太宗以文致平大業維本[illegible]
與之務戒不幸婦人構變、善類蒙辜、最爲可憫乃置
於御寢以爲政本、

松軒

附錄欽定全越詩集序

桂堂黎貴惇

黎廌號抑齋姓阮氏賜國姓陳朝阮飛卿之子陳丞旦之外孫閏胡庚辰科登第胡亡隱居不仕太祖舉義兵至雷江杖策上謁獻平吳三策遂受寵遇拜宣奉大夫翰林院承旨兼吏部尚書知內密院事侍謀畫草書檄開國功臣功第一順天加光祿大夫入內行遣右諫議大夫加中書監國史院三館事亞太智字冠服侯太宗即位受顧命輔卜

大寶來坐妻侍宮見賓聖宗如其冤復官爵加贈

贊時伯寮翼帝加封齊文侯今上加封大王爲大

章有氣格詩多情致所有玉堂遺篇抑齋詩集

軍中詞命（或作又有皇朝表章行世）行于世（黃文嘉云大寶年間公奉定律書六卷）子鴨鴻威

貢生同知州孫祖鑒安邦承政使

Chịu trách nhiệm xuất bản
VŨ AN CHƯƠNG

Biên tập: **HOÀNG THỊ THIỆU**
Bìa: **NGỌC HIỂN**
Trình bày: **QUỐC ĐẠI**

In 600 bản khổ 16 x 24. Tại xí nghiệp In Sơn La.
Giấy phép xuất bản số: 260/14 CXB - QLXB ký ngày 04 /1/2001
In xong và nộp lưu chiểu Qúy II năm 2001



Nguyễn Trãi

TOÀN TẬP

Giá: 150.000đ